

CHUYÊN ĐỀ 1: CỤM VĂN BẢN TRUYỆN KÍ VN HIỆN ĐẠI**I. Về tình hình xã hội và văn hoá :****1. Hoàn cảnh lịch sử và xã hội :**

- Thực dân Pháp đặt xong được ách đô hộ vào Việt Nam và tiến hành khai thác thuộc địa . Xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thực dân nửa phong kiến .

- Sự thay đổi lớn lao về chế độ xã hội ấy kéo theo sự thay đổi về cơ cấu giai cấp , ý thức hệ văn hoá khá sâu sắc và nhanh chóng .

- Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp , giữa nhân dân ta với (chủ yếu là nông dân) với phong kiến ngày càng trở nên sâu sắc và quyết liệt .

* văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945 sẽ phát triển trong điều kiện xã hội mới và tình hình văn hoá mới .

2. Tình hình văn hoá :

- Nền văn hoá phong kiến cổ truyền (từng gắn bó với văn hoá khu vực Đông Nam á , đặc biệt là gắn bó với văn hoá Trung Hoa , với nền Hán học) bị nền văn hoá tư sản hiện đại (đặc biệt là văn hoá Pháp) nhanh chóng lấn át. Chế độ thi cử chữ Hán bị bãi bỏ (bỏ các kỳ thi hương ở Bắc kỳ năm 1915 , ở trung kỳ năm 1918) .

- Tầng lớp trí thức nho sĩ phong kiến là trụ cột của nền văn hoá dân tộc suốt thời trung đại nay đã hết thời không được coi trọng nữa . Tầng lớp trí thức Tây học thay thế tầng lớp nho sĩ cũ , trở thành đội quân chủ lực làm nên bộ mặt văn hoá Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX .

- Đời sống văn học , phương tiện văn học có những thay đổi lớn : một tầng lớp công chúng mới có thị hiếu thẩm mỹ , có nhu cầu văn học mới xuất hiện . Một thể hệ nhà văn mới ra đời , có điệu sống mới , cảm xúc mới , vốn văn hoá nghệ thuật mới , khác nhiều so với văn sĩ , thi sĩ Nho gia ngày xưa .

II .Tình hình văn học :**1. Quá trình phát triển của văn học từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945 .**

- Văn học chia ra làm ba chặng lớn : + Hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX .

+ Những năm 20 của thế kỷ XX .

+ Từ đầu những năm 30 đến cách mạng tháng Tám 1945 .

- Văn học gồm hai khu vực :

+ Văn học hợp pháp : tồn tại và phát triển trong vòng pháp luật của chính quyền thống trị đương thời (thơ văn của Tân Đà , của Hồ Biểu Chánh ...

+ Văn học bất hợp pháp : văn học yêu nước và cách mạng (thơ văn Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh , Hồ Chí Minh ...

- Văn học phát triển theo ba trào lưu chính :

+ Văn học yêu nước và cách mạng .

+ Văn học viết theo cảm hứng hiện thực .

+ Văn học viết theo cảm hứng lãng mạn

2. Văn học thời kỳ này bắt đầu và hoàn thành quá trình đổi mới văn học diễn ra ở mọi phương diện , mọi thể loại .

+ **Nội dung** : Đổi mới trên các mặt : tư tưởng , tình cảm , cảm xúc , tâm hồn , cách cảm , cách nghĩ ... của các nhà văn , nhà thơ trước cuộc đời , trước đất nước , trước con người và cả trước nghệ thuật . Ví dụ như khi nói về đất nước là nói đến nước là gắn với dân : “dân là sản nước , nước là nước dân ” , còn nói về con người , bên cạnh con người xã hội , con người công dân còn phải nói đến con người tự nhiên , con người cá nhân

+ **Hình thức** : đó là việc thay đổi về chữ viết (chữ quốc ngữ) , xuất hiện nhiều thể loại văn học mới , viết theo lối mới . Bên cạnh đó còn có sự đổi mới về ngôn ngữ : mang tính cá thể , gắn với đời sống bình thường , có tính dân tộc đậm đà hơn .

BUỔI 1:**PHIẾU HỌC TẬP****VĂN BẢN: TÔI ĐI HỌC****I.1 Tác giả - Tác phẩm**

Tác giả	Tác phẩm		
<i>Tác giả.</i>	HCST	Thể loại	Bố cục
	-Tôi đi học in trong tập		
	Ý nghĩa nhan đề	Ngôi kể	Mạch cảm xúc
		- Ngôi kể: - Người kể: >Tác dụng:	

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
.	+ Bố cục + Dòng cảm xúc của nhân vật đan xen yếu tố +Nghệ thuật tạo hiệu quả diễn đạt cao, kết hợp các từ giàu hình ảnh và sinh động. + Ngôn ngữ hình ảnh, giàu, nhẹ nhàng phù hợp với

I3. Kiến thức cần nhớ

Sự việc	Dẫn chứng	Nghệ thuật – tác dụng
1.Hình ảnh gợi xúc	- Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc. - Một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, trên con đường làng dài và hẹp, mẹ âu yếm nắm tay tôi...	- Thời gian: - Không gian:..... => Dễ dàng khơi gợi
* Cảm xúc khi nhớ về kỉ niệm	- Lòng tôi lại náo nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường - Mỗi lần thấy những em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng, rộn rã - Cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng	* Các từ láy: ->diễn tả những * Các cụm từ lặp lại như những điệp khúc-> khẳng định sức sống lâu bền của * Cách và giàu hình ảnh, giàu đc gắn với cảnh sắc thiên nhiên tươi sáng -> vừa diễn tả, vừa tạo nên

		chất	
2. Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên	* Trên con đường cùng mẹ tới trường	- Con đường vốn đi lại tự nhiên thấy - Cảnh vật chung quanh - Cảm thấy,	=> Cảm giác
	* Khi đến trường	- Sân trường - Ngôi trường	->
		- Kì những học trò cũ vào lớp: cảm thấy	->
		- Khi chờ nghe đọc tên:	->
		- Kì phải rời người thân để vào lớp:	->
=> Cách diễn tả, tác giả nắm bắt được những thay đổi nhỏ nhất trong n/vật. Một chút thoáng hiện trên khuôn mặt cùng điệu bộ Đặc biệt khi sắp rời thì bật ra rất tự nhiên => Tâm trạng			
	* Khi vào lớp học.	- xông lên trong lớp. - Trông hình gì treo trên tường cũng - Người chưa hề quen nhưng lòng tôi không cảm thấy -> Những cảm giác đan xen nhau rất tự nhiên xua tan nỗi, nhanh chóng vào thế giới kì diệu của => Vừa vừa, nghiêm trang	
3. Tâm của mọi người đối với nhng em bé lần đầu tiên đến trường	- Các bậc phụ huynh	Đều chuẩn bị cho con em mình, dẫn con ở buổi tựu trường lần ->	
	- Ông đốc	Nhìn với cặp mắt và cảm động, tươi cười, nhẫn nại, lời nói, từ tốn, động viên. ->	
	- Thầy giáo trẻ	tươi cười, đón ở ->	
	Hình ảnh người mẹ	- Hình ảnh người mẹ là hình ảnh	

	Tấm lòng của gia đình, nhà trường, XH đối với thế hệ tương lai
	
	
	
	
4. Ý nghĩa:	+ Buổi tựu trường đầu tiên sẽ mãi + Gia đình, xã hội hãy quan tâm đến + Mái trường là tình thương, là giáo dục tốt nhất cho

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức

1. Giải nghĩa các từ sau:

- Ông đốc:

-Lạm nhận:.....

2. Phát hiện biện pháp tu từ trong những câu văn sau và nêu tác dụng:

Hình ảnh	BPTT và tác dụng
“Tôi quên thế nào đc những cảm giác trog sáng ấy nảy nở trog lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.	
"Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi"	
“Họ như con chim non đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ.”	

3 Hệ thống lại nội dung câu chuyện bằng bảng sau

Khởi nguồn cảm xúc

Thời gian	Không gian	Tâm trạng
	+ Con đường + Cảnh vật: + Mấy em nhỏ:	

Diễn biến tâm trạng

Trên đường tới trường	Khi đến trường	Khi vào lớp học
+ + + + Ngôn ngữ giàu, cảm xúc phù hợp với	-Quang cảnh: - Cậu bé: + Nép bên mẹ, ngập ngừng, lo sợ vắn vơ, thêm vụng, ước ao.. + Xúc động khi..., hồi hộp... + Bất khốc khi Miêu tả tâm lí phù hợp với	-.....nhìn xquanh, bàn ghế mới, bức tường - Cái gì cũng thấy , nhận bàn ghế là ... - Bạn bên cạnh chưa quen biết nhưng ... + Nhìn chú chim bên bờ cửa sổ bỗng nhớ lại -> Vừa ... vừa thấy mọi thứ ... , cậu bé ... đón nhận giờ học đầu tiên -> Cậu bé ...

- 5: Hãy chỉ ra và phân tích cái hay của cách kết thúc thiên truyện ngắn *Tôi đi học* của nhà văn Thanh Tịnh ?
- 6: Hãy phân tích làm sáng tỏ chất thơ toát lên từ thiên truyện " *Tôi đi học*"?
- 7: Nhận xét đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Tôi đi học*. Theo em, sức cuốn hút của tác phẩm được tạo nên từ đâu?

IV. ĐỀ LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Đọc các câu văn sau và trả lời câu hỏi:

“(1) Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

(2) Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.”

1. Những câu văn trên đc trích trong văn bản nào? Của ai? Giới thiệu vài nét về tác giả?
2. Văn bản mà em vừa kể trên thuộc thể loại gì? Bằng một câu văn, hãy nêu nội dung cơ bản của văn bản đó.
3. Hãy chỉ rõ và nêu td của các bphp nthuật mà tác giả sử dụng trong câu văn số (2).
4. Kể tên một văn bản mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8 cùng thể loại. Nêu tên tác giả.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc các câu văn sau và trả lời câu hỏi:

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thút đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? của ai?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Đoạn văn trên kể nội dung gì?

Câu 4: Sự việc trong đoạn văn diễn ra trong quá khứ, tại sao tác giả có thể kể lại một cách cụ thể sinh động như vậy?

Câu 5: a. Liệt kê các danh từ có cùng một phạm vi nghĩa chỉ cơ thể con người trong đoạn trích trên?

b. Tìm ba từ có cùng phạm vi nghĩa trong đoạn văn?

c. Trong ba từ đó, từ nào có nghĩa rộng, từ nào có nghĩa hẹp?

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

Đọc các câu văn sau và trả lời câu hỏi: “ *Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới ngỡ ngàng đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ*”.

Câu1. Các từ “ ngỡ ngàng, ngập ngừng, rụt rè, e sợ” thuộc trường từ vựng nào?

Câu2. Câu văn “ Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ” sử dụng biện pháp tu từ nào? Phân tích ngắn gọn tác dụng biện pháp tu từ đó.

Câu 3. Cũng trong văn bản “ *Tôi đi học*”, nhân vật người mẹ được nhắc đến với hình ảnh dịu dàng, thân thương. Từ hiểu biết về các tác phẩm và những trải nghiệm thực tế, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu nêu bên dưới:

“...Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.” (Trích Ngữ văn 8, tập 1 – NXB GD, 2018)

Câu 1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Trong chương trình Ngữ văn 7 , em đã học một văn bản có cùng chủ đề với truyện ngắn trên, nêu rõ tên tác giả và tên văn bản đó.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 3. Buổi tựu trường đầu tiên sẽ mãi không phai mờ trong kí ức của những ai đã từng cắp sách tới trường. Theo em, mái trường có ý nghĩa như thế nào trong cuộc đời mỗi người? (Trình bày từ 5 đến 7 dòng) (2,0 điểm)

Câu 4. Viết một bài văn ngắn (khoảng một trang giấy thi) kể lại một kỉ niệm đẹp tuổi học trò khiến em nhớ mãi, có sử dụng kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm. (Chú thích rõ ràng yếu tố miêu tả và biểu cảm)

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm miên man của buổi tựu trường."

Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng."

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tung bừng rộn rã."

Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học (Trích Ngữ văn 8- Tập 1)

Câu 1: Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Văn bản mà em vừa kể trên thuộc thể loại gì? Bằng một câu văn, hãy nêu nội dung cơ bản của văn bản đó.

Câu 3: Chỉ ra những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn.

Câu 4: Trong câu văn mở đầu, tâm trạng của nhân vật "tôi" được thể hiện qua từ ngữ nào?

Câu 5: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: "Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng".

Câu 6: Câu văn : " Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học." là câu đơn hay câu ghép vì sao?

Câu 7: Tìm các từ thuộc một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng ấy?

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

" Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thêm vụng và ước ao thắm được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ. Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp: Cảm thấy mình chơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dãn các cậu tôi trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa, hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại duỗi mạnh như đá một quả banh tưởng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp."

(Ngữ văn 8- tập 1)

Câu 1: Đoạn trích trên, trích trong văn bản nào các em đã được học? Tình huống của truyện đặc biệt ở điểm nào?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn trích?

Câu 3: Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu sau và cho biết đó là kiểu câu gì?

"Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp"

Câu 4: Chỉ ra biện pháp so sánh được sử dụng trong đoạn trích? Viết đoạn văn phân tích hình ảnh so sánh đó?

Câu 5. Từ đoạn văn trên, em hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy, ghi lại những suy nghĩ của em về vai trò của nhà trường trong cuộc đời mỗi con người.

ĐỀ HS GIỎI

1. Cảm nhận của em về cái hay của đoạn văn sau:

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.
(Trích “Tôi đi học” - Thanh Tịnh)

2. So sánh và phân tích tâm trạng của nhân vật “tôi” ở 2 đ/v sau:

Đ1:...Nhưng lần này lại khác. Trước mắt tôi trường Mĩ Lí trong vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Đoạn 2: ...Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi ngồi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề que biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Kể lại những kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học của em.

2. Tự luận

Tìm những chi tiết hình ảnh thể hiện sự thay đổi tâm trạng của nhân vật "tôi" theo diễn biến của ngày đầu tiên đi học đó trong văn bản “Tôi đi học”.

2. Tự luận

- Điều gì đã gợi nhắc nhân vật “tôi” nhớ về kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên?
- Những kỉ niệm này của nhân vật " tôi" được diễn tả theo trình tự như thế nào?

BUỔI 1:

ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN : TÔI ĐI HỌC

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
Tác giả. Thanh Tịnh (1911-1988) tên khai sinh: Trần Văn Ninh - Stác truyện ngắn, truyện dài, thơ ca, thành công ở truyện ngắn và thơ - Tác phẩm đậm chất trữ tình, toát lên một vẻ đẹp đậm chất, tinh cảm êm dịu	- Tôi đi học in trong tập truyện ngắn Quê mẹ(1941)	thể loại truyện ngắn mang đậm chất hồi ký: ghi lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ trong buổi tựu trường	Đ1: Từ đầu rộn rã (Hồi tưởng kỷ niệm ngày đầu tiên tới trường) Đ2: Tiếp ngọn núi(Kniệm trên đường tới trường) Đ: Tiếp ngày nữa (Kniệm trước sân trường) Đ4: Còn lại (Nhớ lại kỷ niệm trong buổi học đầu tiên)
	Ý nghĩa nhan đề	Ngôi kể	Mạch cảm xúc
	- Tên văn bản trước hết có ý nghĩa tả thực, gắn với một sự việc cụ thể: Hồng được gặp mẹ, được ngồi trong lòng mẹ, được mẹ yêu thương, âu yếm. - Nhan đề vbản còn mang ý nghĩa tượng trưng: “Trog lòng mẹ” là đề sống trong tình thương của mẹ, là những khoảnh khắc bình yên,	- Ngôi kể: thứ nhất - Người kể: nhân vật tôi – tác giả - >Tác dụng: câu chuyện được kể chân thực, nhân vật kể chuyện bộ lộ những cảm xúc suy nghĩ một cách chân thực.	- Trình tự kể: Theo dòng cảm xúc (Từ hiện tại nhớ về quá khứ: Sự chuyển đổi của thời tiết cuối thu, hình ảnh mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu đến trường gợi cho nhân vật tôi nhớ lại ngày ấy cùng

	hphúc của cậu bé khi đc mẹ chở che, vỗ về.	
--	---	--

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
Truyện kể về những kỉ niệm trong sáng, hồn nhiên của buổi tựu trường đầu tiên qua sự hồi tưởng của nhân vật tôi	<ul style="list-style-type: none"> + Bức theo dòng hồi tưởng cnghi của nvật tôi theo trình tự thời gian buổi tựu trường. + Dòng cảm xúc của nhân vật đan xen yếu tố Tự sự, miêu tả và biểu cảm. + Nghệ thuật so sánh tạo hiệu quả diễn đạt cao, kết hợp các từ láy, tính từ, động từ giàu hình ảnh và sinh động. + Ngôn ngữ hình ảnh trong sáng, giàu chất thơ, nhẹ nhàng phù hợp với tâm trạng ngây thơ, rụt rè của những đứa trẻ trong buổi tựu trường đầu tiên.

II. Kiến thức cần nhớ

Sự việc	Dẫn chứng	Nghệ thuật – tác dụng
1. Hoàn cảnh gọi cảm xúc	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc. - Một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, trên con đường làng dài và hẹp, mẹ âu yếm nắm tay tôi... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: mùa thu ngày khai trường - Không gian: => Dễ dàng khơi gợi cảm xúc hồi tưởng lại buổi tựu trường đầu tiên
* Cảm xúc khi nhớ về kỉ niệm	<ul style="list-style-type: none"> - Lòng tôi lại <u>náo nức</u> những <u>khiên</u> <u>mon man</u> của buổi tựu trường - Mỗi lần thấy những em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại <u>tưng bừng</u>, <u>rộn rã</u> - Cgiác trog sáng ấy <u>nảy nở</u> trong <u>lòng</u> tôi <u>như</u> <u>mấy</u> <u>cành</u> <u>hoa</u> <u>tươi</u> <u>mím</u> <u>cười</u> <u>giữa</u> <u>bầu</u> <u>trời</u> <u>quag</u> <u>đăng</u> 	<ul style="list-style-type: none"> * Các từ láy: náo nức, mon man, tung bừng, rộn rã” -> <i>diễn tả những rung động thiết tha, vô cùng tươi trẻ và trạng thái êm ái, nhẹ nhàng trong tâm hồn</i> * Các cụm từ lặp lại như những điệp khúc-> <i>khẳng định sức sống lâu bền của kỉ niệm</i> * Cách so sánh và nhân hoá giàu hình ảnh, giàu sức gợi cảm được gắn với cảnh sắc thiên nhiên tươi sáng -> <i>vừa diễn tả cụ thể những cảm giác đẹp đẽ, trong sáng trong tâm hồn cậu học trò nhỏ, vừa tạo nên chất thơ tươi tắn, man mác</i>
2. Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên	<ul style="list-style-type: none"> * Trên con đường cùng mẹ tới trường * Khi đến trường 	<ul style="list-style-type: none"> Con đường vốn quen đi lại tự nhiên thấy lạ. - Cảnh vật chung quanh thay đổi - Cảm thấy trang trọng, đứng đắn => Cảm giác mới mẻ, ngỡ ngàng Sân trường dày đặc cả người, ai cũng áo quần sạch sẽ, gương mặt tươi vui. - Ngôi trường vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng, lòng tôi lo sợ vẩn vơ - Khi những học trò cũ vào lớp: cảm thấy chơ vơ -> băn khoăn, lo lắng - Khi chờ nghe đọc tên: thấy quá tim như ngừng đập, quên cả mẹ tôi về đứng sau, nghe gọi đến tên giật mình lúng túng -> hồi hộp, lúng túng, vụng - Khi phải rời người thân để vào lớp: dúi đầu vào lòng mẹ khóc nức nở -> sợ sệt
	=> <i>Cách diễn tả tinh tế, tác giả nắm bắt được những thay đổi nhỏ nhất trong tâm hồn n/vật. Một chút lo sợ thoáng hiện trên khuôn mặt cùng điệu bộ lúng túng. Đặc biệt khi sắp rời bàn tay mẹ thì tiếng</i>	

	<p>khóe bật ra rất tự nhiên => Tâm trạng hồi hộp, cảm giác mới lạ xen lẫn một chút lo sợ, rụt rè</p>	
	<p>* Khi vào lớp học.</p>	<p>- Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. - Trông hình gì treo trên tường cũng lạ và hay. - Người bạn ngồi bên chưa hề quen nhưng lòng tôi không cảm thấy xa lạ chút nào. -> Những cái góc lạ và quen đan xen nhau rất tự nhiên xua tan nỗi sợ hãi, nhanh chóng hoà nhập vào thế giới kì diệu của nhà trường => Vừa ngỡ ngàng, vừa tự tin, nghiêm trang</p>
3. Tình cảm của mọi người đối với những em bé lần đầu tiên đến trường	- Các bậc phụ huynh	Đều chuẩn bị chu đáo cho con em mình, dẫn con đến trường ở buổi tựu trường lần đầu tiên -> <i>quan tâm chu đáo,</i>
	- Ông đốc	Nhìn với cặp mắt hiền từ và cảm động, tươi cười, nhẫn nại, lời nói dịu dàng, từ tốn, động viên. -> <i>từ tốn, bao dung</i>
	- Thầy giáo trẻ	tươi cười, đón ở cửa lớp -> <i>vui tính, giàu tình cảm</i>
	Hình ảnh người mẹ	- Hình ảnh người mẹ là hình ảnh thân thương nhất của em bé trong buổi tựu trường. Người mẹ đã in đậm trong những kỷ niệm mờ nhạt của tuổi thơ khiến cậu bé nhớ mãi. Hình ảnh người mẹ luôn sánh đôi cùng nhân vật tôi trong buổi tựu trường. Khi thấy các bạn mang sách vở, tôi thêm thường muốn thử sức mình thì người mẹ cúi đầu nhìn con, cặp mắt âu yếm, giọng nói dịu dàng “thôi để mẹ cầm cho ” làm cậu bé vô cùng hạnh phúc. Bàn tay mẹ là biểu tượng cho tình thương, sự săn sóc động viên khích lệ . Mẹ luôn đi sát bên con trai , lúc thì cầm tay, mẹ đẩy con lên phía trước , lúc bàn tay mẹ nhẹ nhàng xoa mái tóc của con....
	<p><i>Tấm lòng của gia đình, nhà trường, XH đối với thế hệ tương lai là một môi trường ấm áp, là nguồn nuôi dưỡng các em trưởng thành. Nếu ví những em nhỏ ngày đầu đi học là những cánh chim đang chập chững rời tổ để bay vào bầu trời bao la nhiều nắng gió thì cha mẹ, các thầy cô giáo chính là bàn tay nâng đỡ, những làn gió đưa, những tia nắng soi đường để cánh chim được cất lên mạnh dạn, khoáng đạt trên bầu trời cao rộng</i></p>	
4. Ý nghĩa:	<p>+ Buổi tựu trường đầu tiên sẽ mãi không phai mờ trong kí ức của ai từng cắp sách đến trường. + Gia đình, xã hội hãy quan tâm đến thế hệ tương lai ngay từ những bước chân đầu tiên các em cắp sách đến trường + Mái trường là mái ấm tình thương, là môi trường giáo dục tốt nhất cho thế hệ trẻ.</p>	

III. Các câu hỏi ôn lại kiến thức

1. Giải nghĩa các từ sau:

- **Ông đốc:** ông hiệu trưởng - **Lạm nhận:** nhận quá đi, nhận cả những điều, những phần không phải của mình

2. Phát hiện biện pháp tu từ trong những câu văn sau và nêu tác dụng:

Hình ảnh	BPTT và tác dụng
<p>“Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.</p>	<p>- Hình ảnh so sánh như mấy cành hoa tươi biểu trưng cho cái đẹp, cái tinh hoa tinh túy, cái đáng yêu, đáng nâng nui của tạo hoá ban cho con người. Dùng hình ảnh cành hoa tươi tác giả nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên thật đẹp đẽ, đáng yêu, đáng nâng niu vô cùng. Vẻ đẹp ấy không chỉ sống mãi trong tiềm thức, kí ức mà luôn tươi mới vẹn nguyên. - Phép nhân hoá “hoa tươi mỉm cười” diễn tả niềm vui, niềm hphúc tràn ngập rạo rực và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ phía trước. Rõ ràng những cái góc, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng "tôi" với bao tràn ngập hy vọng về tương lai. *Nxét: Cách diễn tả thật hay, thật đặc sắc và giàu chất thơ. * Đánh giá: Ta cảm nhận được tấm lòng mãi mãi biết ơn, yêu quý thầy cô, mái trường, bè bạn của nhà văn Thanh Tịnh.</p>

<p>"Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi"</p>	<p>- Chỉ ra được vẻ so sánh</p> <p>- Hình ảnh làn mây diễn tả sự trong sáng, ngây thơ, dịu dàng đáng yêu của trẻ thơ. Chỉ một ý nghĩ thoáng qua thôi mà sống mãi, đọng mãi và lung linh trong kí ức.</p> <p>Khát vọng mãnh liệt vươn tới một đỉnh cao,...</p> <p>- Qua đó thể hiện tâm hồn khát khao bay cao, bay xa, vươn tới những chân trời mới.</p>
<p>"Họ như con chim non đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ."</p>	<p>+ Tả thực: Cánh chim gọi cho cậu bé nhớ về kỉ niệm cũ đi bắt chim giữa cánh đồng</p> <p>+ So sánh, liên tưởng: Con chim ấy hay chính là cậu học trò trong buổi ban mai đây sương thu và gió lạnh đã ngập ngừng cất cánh bay vào bầu trời tri thức và học làm người lớn.</p> <p>- Vừa là 1 h/ả TN cụ thể vừa gợi liên tưởng đến tâm trạng rụt rè, bỡ ngỡ của chú bé ngày đầu đến trường lại vừa mở ra một niềm tin về ngày mai : từ ngôi trường này, chú bé sẽ như con chim non kia tung cánh bay vào bầu trời cao rộng của ước mơ.</p> <p>- Là một chút thoáng buồn khi không được tự do nô đùa như trước và bước đầu có sự trưởng thành trong nhận thức về việc học hành của bản thân</p>

Trong truyện ngắn "Tôi đi học" của Thanh Tịnh có một so sánh rất hay đó là: "Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi". Đây là phép so sánh hay và rất đẹp. Hình ảnh làn mây diễn tả sự trong sáng, thơ ngây, dịu dàng và đáng yêu của trẻ thơ. Kỉ niệm về ngày khai trường đầu tiên sức sống thật kì diệu, thật mãnh liệt. Chỉ một ý nghĩ thoáng qua thôi mà sống mãi, đọng mãi trong kí ức. Bao nhiêu năm tháng qua rồi vẫn sống dậy lung linh. Ta thấy như đâu đó ánh lên một khát vọng mãnh liệt vươn tới một đỉnh cao. Cách diễn tả thật hay, thật đặc sắc và thấm đẫm chất trữ tình. Qua đó, ta cảm nhận được một tâm hồn khát khao bay cao, bay xa, vươn tới những chân trời mới. Ước mơ, khát vọng ấy của nhà văn thật cao đẹp, đáng trân trọng biết nhường nào.

3 Hệ thống lại nội dung câu chuyện. Tôi đi học

Khơi nguồn cảm xúc

Thời gian	Không gian	Tâm trạng
<p>Hàng năm vào cuối thu</p> <p>➔ Phù hợp với tg bắt đầu năm học mới</p>	<p>+ Con đường</p> <p>+ Cảnh vật: lá ngoài đường rụng nhiều, đám mây bàng bạc</p> <p>+ Mấy em nhỏ: núp dưới nón mẹ rụt rè</p>	<p>Nghệ thuật: sử dụng hình ảnh so sánh, từ láy, động từ, tính từ sinh động và ngôn ngữ biểu cảm góp phần bộc lộ cảm xúc</p> <p>nôn nao nhớ về kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên</p>

Diễn biến tâm trạng

Trên đường tới trường	Khi đến trường	Khi vào lớp học
<p>+ Mẹ dắt tay</p> <p>+ Con đường quen thuộc đi lại lấm lẩn bỗng thấy lạ</p> <p>+ Thấy mình trang trọng và đứng đắn trong bộ đồng phục</p> <p>+ Xin mẹ cầm bút thước..</p> <p>➔ Ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc phù hợp với tâm trạng hồi hộp, xốn xang</p>	<p>- Quang cảnh: sân trường Mĩ Lí to, dày đặc người; ai cũng vui tươi, gương mặt sáng sủa.</p> <p>- Cậu bé:</p> <p>+ Nép bên mẹ, ngập ngừng, lo sợ vẩn vơ, thèm vụng, ước ao..</p> <p>+ Xúc động khi nghe tiếng trống, hồi hộp chờ thầy đọc tên.</p> <p>+ Bật khóc khi phải xa mẹ.</p> <p>➔ Miêu tả tâm lí phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh.</p>	<p>- Tò mò nhìn xquanh, bàn ghế mới, bức tường...</p> <p>- Cái gì cũng thấy lạ và hay, nhận bàn ghế là của riêng</p> <p>- Bạn bên cạnh chưa quen biết nhưng ko thấy xa lạ.</p> <p>+ Nhìn chú chim bên bờ cửa sổ bỗng nhớ lại những ngày đi chơi cùng chúng bạn</p> <p>-> Vừa bỡ ngỡ vừa thấy mọi thứ thân thuộc, cậu bé tự tin đón nhận giờ học đầu tiên</p> <p>-> Cậu bé bé hồn nhiên ngây thơ, trong sáng</p>

5: Hãy chỉ ra và phân tích cái hay của cách kết thúc thiên truyện ngắn *Tôi đi học* của nhà văn Thanh Tịnh ?

Gợi ý: + Cách kết thúc: "Bài viết tập : tôi đi học"

+ Cách kết thúc rất tự nhiên và bất ngờ. Dòng chữ tôi đi học vừa khép lại bài văn, vừa mở ra một bầu trời mới, một thế giới mới; một không gian, thời gian mới; một tâm trạng, tình cảm mới trong cuộc đời của đứa bé "tôi". Đó là thế giới của mái trường, thầy cô, bè bạn, của kho tri thức,...

+ Dòng chữ này còn thể hiện chủ đề truyện ngắn.

6: Hãy phân tích làm sáng tỏ chất thơ toát lên từ thiên truyện " *Tôi đi học* " ?

- Gọi ý: (Chất thơ là gì? ở đâu? Thể hiện như thế nào?)
- + Chất thơ là một nét đẹp tạo nên giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện ngắn này, thể hiện ở những vấn đề sau:
 - Trước hết, chất thơ thể hiện ở chỗ: truyện ngắn không có cốt truyện mà chỉ là dòng chảy cảm xúc, là những tâm tình, tình cảm của một tâm hồn trẻ dại trong buổi khai trường đầu tiên. Đó là những cảm xúc êm dịu ngọt ngào, man mác buồn, thơ ngây trong sáng.
 - Chất thơ toát lên từ những tình tiết sự việc dào dạt cảm xúc(mẹ âu yếm dẫn đi..., các cậu học trò..., con đường tới trường....).
 - Chất thơ toát lên từ cảnh sắc thiên nhiên rất thơ mộng và nên thơ trong trẻo.
 - Chất thơ còn toả ra từ giọng nói ân cần, cặp mắt hiền từ của ông đốc và khuôn mặt tươi cười của thầy giáo.
 - Chất thơ còn toả ra từ tấm lòng yêu thương con hết mực (4 lần Thanh Tịnh nói về bàn tay mẹ). Hình tượng bàn tay mẹ thể hiện một cách tinh tế và biểu cảm, tình thương con bao la vô bờ của mẹ.
 - Chất thơ còn thể hiện ở các hình ảnh so sánh đầy thú vị, ở giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng, âm điệu tha thiết,
 - Chất thơ còn thể hiện ở chỗ tạo được sự đồng cảm, đồng điệu của mọi người (kỉ niệm tuổi thơ cấp sách tới trường, hình ảnh mùa thu bình yên trên quê hương VN).

7: **Nxét đsác nthuật của truyện ngắn Tôi đi học. Theo em, sức cuốn hút của tác phẩm được tạo nên từ đâu?**

Đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Tôi đi học* là:

- Truyện ngắn được bố cục theo dòng hồi tưởng, cảm nghĩ của nhân vật "tôi" diễn ra theo trình tự thời gian của một buổi tựu trường.
 - Sự kết hợp hài hoà giữa kể, miêu tả với bộc lộ tâm trạng cảm xúc.
 - Sử dụng những hình ảnh so sánh mới mẻ, độc đáo, giàu cảm xúc trữ tình. Chính các đặc sắc nghệ thuật trên góp phần quan trọng tạo nên chất trữ tình của tác phẩm.
- Sức cuốn hút của tác phẩm được tạo nên từ:
- Bản thân tình huống truyện (buổi tựu trường đầu tiên trong đời đã chứa đựng cảm xúc thiết tha, mang bao kỉ niệm mới lạ, "mơn man" của nhân vật "tôi").
 - Tâm ấm áp, trìu mến của những người lớn đvới các em nhỏ lần đầu tiên đến trường.
 - Hình ảnh thiên nhiên, ngôi trường và các so sánh giàu sức gợi cảm của tác giả.
- Toàn bộ truyện ngắn toát lên chất trữ tình thiết tha, êm dịu.

IV. ĐỀ LUYỆN

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

1. VB “Tôi đi học” của Thanh Tịnh

2. -**Thể loại:** Truyện ngắn trữ tình.

Bằng một câu văn, hãy nêu nội dung cơ bản của văn bản:

Truyện kể về những kỉ niệm trong sáng, hồn nhiên của buổi tựu trường đầu tiên qua sự hồi tưởng của nhân vật tôi.

3. Hãy chỉ rõ và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong câu văn số (2).

- Hình ảnh so sánh như mấy cành hoa tươi biểu trưng cho cái đẹp, cái tinh hoa tinh túy, cái đáng yêu, đáng nâng nui của tạo hoá ban cho con người. Dùng hình ảnh cành hoa tươi tác giả nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên thật đẹp đẽ, đáng yêu, đáng nâng niu vô cùng. Vẻ đẹp ấy không chỉ sống mãi trong tiềm thức, kí ức mà luôn tươi mới vẹn nguyên.
- Phép nhân hoá “hoa tươi mỉm cười” diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc tràn ngập rạo rực và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ phía trước. Rõ ràng những cảm giác, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng "tôi" với bao tràn ngập hy vọng về tương lai.

4. Kể tên một văn bản mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8 cùng thể loại. Nêu tên tác giả. Lão Hạc của Nam Cao

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đáp án:

Câu 1: VB “Tôi đi học” của Thanh Tịnh

Câu 2: Tự sự, Biểu cảm

Câu 3: Tâm trạng e sợ, bối rối khi phải bỏ bàn tay mẹ để xếp hàng vào lớp của các cậu HS lần đầu tiên đến trường học.

Câu 4: Vì kỉ niệm đó in sâu trong tâm trí nên khi tác giả nhớ lại, mọi việc như vừa mới diễn ra.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

Câu1.(1.0đ)

Các từ bỏ ngữ, ngập ngừng, rụt rè, e sợ thuộc trường từ vựng: Tâm trạng/ trạng thái cảm xúc/ cảm xúc của con người.

Câu2.(1.0đ)

Câu văn “Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”:

+ Sử dụng biện pháp tu từ: so sánh(0,5đ)

+ Tác dụng: Khắc hoạ hình ảnh của những cô cậu học trò lần đầu tới lớp: non nớt, trong sáng ngây thơ, vừa gáo hức muốn khám phá chân trời mới, vừa rụt rè e ngại(0,5đ)

Câu3 (2,0đ)

Kiểu văn bản: Nghị luận về một vấn đề xã hội từ một tác phẩm văn học.

Vấn đề bàn luận: **Tình mẫu tử**

Nội dung: Học sinh có thể có các cách diễn đạt khác nhau song cần đảm bảo nội dung:

- Học sinh hiểu:

+ Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng và đặc biệt giữa mẹ và con

+ Đó là sự yêu thương, chăm sóc, chở che vô điều kiện của người mẹ dành cho con.

+ Là điểm tựa tinh thần, tiếp cho ta thêm sức mạnh vượt qua mọi khó khăn, cám dỗ...trong cuộc sống.

+bất hạnh và thiệt thòi cho những ai không biết trân trọng tình mẫu tử/ Đáng lên án những ai không biết trân trọng tình mẫu tử.

+ Tình mẫu tử cũng là truyền thống đạo lí đẹp của dân tộc

(HS lấy dẫn chứng trong văn học và cuộc sống để chứng minh)

- Bài học:

+ Cần giữ gìn và tôn trọng tình cảm thiêng liêng này.

+Biết trân trọng và khắc ghi công ơn của mẹ

+ Biết sống xứng đáng với tình mẹ

*Hình thức:

- Đoạn văn, khoảng 2/3 trang giấy thi

-lập luận chặt chẽ, thuyết phục,mạch lạc(0,5đ)

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4

Câu 1: VB “Tôi đi học” của Thanh Tịnh;

VB cùng chủ đề ở lớp 7: Cổng trường mở ra

Câu 2: Nt so sánh và nhân hóa : “ Những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng

Tác dụng: - Hình ảnh so sánh như mấy cành hoa tươi biểu trưng cho cái đẹp, cái tinh hoa tinh túy, cái đáng yêu, đáng nâng nui của tạo hoá ban cho con người. Dùng hình ảnh cành hoa tươi tác giả nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên thật đẹp đẽ, đáng yêu, đáng nâng niu vô cùng. Vẻ đẹp ấy không chỉ sống mãi trong tiềm thức, kí ức mà luôn tươi mới vẹn nguyên.

- Phép nhân hoá “hoa tươi mỉm cười” diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc tràn ngập rạo rực và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ phía trước. Rõ ràng những cảm giác, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng "tôi" với bao tràn ngập hy vọng về tương lai.

Câu 3 (Trình bày trong 5 đến 7 dòng)

Đây là câu hỏi mở, giám khảo cho điểm bài viết cảm nhận hoặc phát biểu cảm nghĩ có diễn đạt tốt, lí giải thuyết phục, quan điểm riêng.

Mái trường là mái ấm tình thương, là môi trường giáo dục ấm áp tình người. Mái trường là nơi lưu giữ những kỉ niệm tuổi thơ. Kí ức đẹp về tình thầy trò, tình bạn sẽ là hành trang tinh thần để ta mang theo suốt cuộc đời. Đây cũng là nơi của tri thức nơi bồi đắp nhân cách, chắp cánh ước mơ cho mỗi người...

Câu 4: Viết một bài văn ngắn kể lại một kỉ niệm đẹp tuổi học trò, có sử dụng kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm.
(Chú thích rõ ràng yếu tố miêu tả và biểu cảm) (5 điểm)

Yêu cầu về kĩ năng: Đúng hình thức bài văn tự sự có bố cục ba phần, kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm chú thích rõ ràng. (Không đúng hình thức bài văn trừ 1,0 điểm, thiếu yếu tố miêu tả và biểu cảm trừ 0,5 điểm)

Câu chuyện được kể hấp dẫn, sâu sắc. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, hạn chế lỗi chính tả, dùng từ ngữ pháp (mắc hai lỗi thì trừ 0,25 điểm)

Yêu cầu nội dung: Biết cách kể lại một kỉ niệm về tình bạn, tình thầy trò. Câu chuyện thực sự có ý nghĩa, khiến cho người kể khắc ghi.

* Mở bài: Giới thiệu về người thầy/người bạn và kỉ niệm đáng nhớ.

* Thân bài:

- Kể vài nét đặc điểm của người thầy/người bạn và tình cảm của người kể dành cho người ấy.

- Kể về kỉ niệm đáng nhớ:

+ Thời gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.

+ Những nhân vật tham gia vào câu chuyện.

+ Câu chuyện xảy ra như thế nào? (Nguyên nhân, diễn biến, kết quả).

+ Câu chuyện có gì đáng nhớ?

(Kết hợp miêu tả sự việc, con người và bộc lộ tình cảm, thái độ của người viết)

* Kết bài:- Cảm xúc, suy nghĩ của em về kỉ niệm đó.

- Suy nghĩ về ý nghĩa của kỉ niệm tuổi học trò và vai trò của tình thầy trò/tình bạn với cuộc đời mỗi người.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5

Câu 1: Những câu văn trên được trích trong văn bản “ Tôi đi học” của tác giả Thanh Tịnh.

Câu 2: Văn bản mà em vừa kể trên thuộc thể loại Truyện ngắn trữ tình.(đậm chất hồi kí)

Nêu nội dung cơ bản : Những hồi ức của tác giả về những kỉ niệm trong sáng của ngày tựu trường.

Câu 3: Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm

Câu 4:Trong câu văn mở đầu, tâm trạng của nhân vật “tôi” được thể hiện qua từ “ nao nức”.

Câu 5:

- BPTT So sánh " như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng"-> Hình ảnh “ mấy cánh hoa tươi tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng” là hình ảnh thiên nhiên tươi sáng, đẹp đẽ và tinh khôi. Những cảm giác của buổi tựu trường đầu tiên được tác giả so sánh với những hình ảnh đó nhằm diễn tả những cảm xúc, những rung động tự nhiên thật đẹp đẽ, thật đáng yêu, đáng trân trọng và mãi tươi mới, vẹn nguyên trong buổi tựu trường đầu tiên.

- BPTT nhân hóa : cánh hoa tươi mỉm cười-> diễn tả niềm vui, niềm hân hoan của nhân vật “tôi”.

Câu 6:Câu văn : “ Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.” là câu ghép vì có ba cụm C-V không bao chứa nhau.

Câu 7: Trường từ vựng: sương, gió, đám mây, bầu trời-> Tên trường từ vựng “ thiên nhiên”.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6

Câu 1:- Đoạn trích trên, trích trong văn bản “ Tôi đi học” của tác giả Thanh Tịnh.

- Tình huống của truyện đặc biệt ở chỗ: Tự nhiên, nhẹ nhàng như cuộc sống hằng ngày. Cảm xúc bắt đầu được khơi nguồn từ hiện tại: cảnh cuối thu với lá vàng rụng, với những đám mây bàng bạc trên không, với hình ảnh những em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường. Thế là quá khứ được đánh thức và bao kỉ niệm chợt ùa về, náo nức, tung bừng, rộn rã. Dưới ngòi bút Thanh Tịnh, tất cả hiện lên cụ thể, sống động, gieo vào lòng người đọc những cảm xúc dịu dàng, thiết tha.

Câu 2: Nội dung: Tâm trạng của nhân vật tôi khi chuẩn bị vào lớp học.

Câu 3: Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi(TN), mấy người học trò cũ(CN) //đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp(VN)-> Câu đơn.

Câu 4:Hình ảnh so sánh trong đoạn :

"Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ".

-Viết đúng quy cách đoạn văn, kiểu đoạn văn tùy chọn.

-Nội dung đảm bảo các ý cơ bản như sau :

+ Hình ảnh so sánh tinh tế, gợi cảm, vừa tả đúng tâm trạng nhân vật, vừa gợi cho người đọc nhiều liên tưởng: trẻ thơ còn bé bỏng, non nớt cũng như chim con, lần đầu các em nhỏ đi học cũng như chim con tập bay. Đi học là đã lớn hơn, đã biết háo hức, khát khao, biết bồi hồi lo lắng khi nghĩ đến chân trời học vấn mênh mông.

+Cách miêu tả rất độc đáo và sinh động gợi hình ảnh và tâm trạng của các em nhỏ lần đầu tới trường: các em nhỏ ngây thơ xinh xắn rất đáng yêu; khao khát được học hành và mơ ước được biết những điều mới lạ; rất háo hức nhưng cũng rất bỡ ngỡ, rụt rè, e sợ.

Câu 5:

- Kĩ năng: Biết viết đoạn văn biểu cảm

- Nội dung: Ghi lại được những cảm xúc suy nghĩ của bản thân về vai trò của nhà trường: Bồi dưỡng những tình cảm tốt đẹp, cung cấp tri thức, chắp cánh ước mơ cho thế hệ trẻ .

- Trường học là mảnh đất tốt tươi để ươm mầm tri thức cho mỗi người, là bước đệm để mỗi chúng ta vươn tới tương lai rực rỡ. Tài liệu Thu Nguyễn

- Ở nơi đó, chúng ta được thầy cô – người mẹ hiền thứ hai, sẽ dạy dỗ, truyền tải những tri thức khoa học, là hành trang quan trọng theo chúng ta suốt cả cuộc đời.

- Thầy cô còn dạy ta biết yêu thương, biết ứng xử sao cho đúng đắn với mọi người. Không những vậy, trường học là một thế giới thu nhỏ nơi có bạn bè, để cùng sẻ chia niềm vui nỗi buồn, cùng nhau đoàn kết để tạo nên sức mạnh trong mỗi tập thể lớp.

- Ngôi trường là nơi nuôi dưỡng và chắp cánh cho những ước mơ, hoài bão của những cô cậu học trò.

- Ở thế giới đó, chúng ta được yêu thương và che chở, được học làm người trước khi bước ra cánh cửa cuộc đời rộng lớn và khắc nghiệt hơn.

Có thể nói, mái trường như ngôi nhà lớn thứ hai, che chở cho ta trong suốt những năm tháng học trò tươi đẹp.

ĐỀ HS GIỎI

1. Cảm nhận của em về cái hay của đoạn văn sau:

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.

(Trích “Tôi đi học” - Thanh Tịnh)

Hướng dẫn:

1-Câu 1 (4 điểm)

* Yêu cầu về kĩ năng:

- HS biết trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của mình dưới dạng một bài văn ngắn hoặc một đoạn văn, không gạch đầu dòng.
- Bố cục của bài văn hoặc đoạn văn phải hoàn chỉnh.
- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc. Ngôn ngữ trong sáng, chuẩn xác.
- Kĩ năng viết câu phải đúng ngữ pháp.
- Viết đúng dạng bài cảm nhận, không sa đà, lạc sang kể lể, diễn xuôi ý đoạn văn.

* Yêu cầu về nội dung kiến thức: Cần cảm nhận được cái hay của đoạn văn như sau:

- Về nghệ thuật:

- + Cách dẫn dắt cảm xúc rất tự nhiên: từ ngoại cảnh, từ sự thay đổi của thiên nhiên mà gợi nhớ thời điểm tựu trường.
- + Diễn tả hết sức tinh tế tâm trạng nao nức, xốn xang, sự rung động khi hồi tưởng lại kỉ niệm lần đầu tiên đi học, những kỉ niệm nhẹ nhàng trong sáng được diễn tả tinh tế là *những kỉ niệm mơ màng* ...
- + Sử dụng biện pháp tu từ so sánh rất đặc sắc (*hình ảnh những cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng được so sánh với mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng: cách so sánh rất gợi cảm, tinh tế, diễn tả cảm xúc tươi sáng trong trẻo đẹp đẽ bừng nở trong tâm hồn nhân vật tôi trong ngày đầu tiên đi học*).
- + Lựa chọn và sử dụng các từ láy rất tinh tế và giàu sức gợi : *nao nức, mơ màng*...
- + Đoạn văn toát lên chất thơ nhẹ nhàng, bay bổng, tinh tế.

- Về nội dung : cái hay của đoạn văn là đã diễn tả được những cảm giác nao nức, những rung động nhẹ nhàng mà xốn xang, cảm xúc trong sáng về ngày đầu tiên đi học còn đọng mãi trong tâm hồn.

2. So sánh và phân tích tâm trạng của nhân vật “tôi” ở 2 đ/v sau:

Đoạn 1:...*Nhưng lần này lại khác. Trước mắt tôi trường Mĩ Lí trong vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.*

Đoạn 2: ...*Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi ngồi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận ra vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.*

Gợi ý:

Đây là 2 đ.văn d.tả t.trạng của n.vật tôi ở 2 thời điểm khác nhau: Khi đứng trước ngôi trường ở lần đầu tiên đi học và khi đã rời bàn tay mẹ, được ông đốc khuyên nhủ, được thầy giáo trẻ tươi cười đón nhận rồi ngồi vào chỗ của mình trong lớp.

- Đ.văn 1 d.tả t.trạng mới lạ trước ngôi trường không phải mình thấy lần đầu. Hôm nay, n.vật “tôi” c.thấy ngôi trường oai nghiêm, cao rộng còn mình thật bé nhỏ nên lo sợ vẩn vơ.

- Đ.văn 2 vẫn d.tả t.trạng ngỡ ngàng nhưng b.đầu đã cảm thấy ấm áp, quyến luyến thật tự nhiên. Sau khi được ông đốc hiền từ khuyên nhủ, được thầy giáo trẻ tươi cười đón nhận, chú bé không còn cảm giác sợ hãi nữa. Từ đây mọi vật, người bạn ngồi kề bên bỗng trở nên thân thuộc. Tình cảm quyến luyến x.hiện bất ngờ mà rất tự nhiên.

=> Đ.văn 1, n.vật “tôi” bỗng cảm thấy lạ trước những điều tưởng chừng đã quen. Ở đ.văn 2, n.vật “tôi” từ lo sợ vẩn vơ bỗng tự nhiên có cảm giác gần gũi, tin cậy => Qua 2 đ.văn này, ta thấy niềm vui trong trẻo, ấm áp của nhân vật “tôi” trong ngày tựu trường đầu tiên được nhà văn Thanh Tịnh ghi lại rất chân thực.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN

Kể lại những kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học

1. Mở bài: Nhắc lại kỉ niệm ngày đầu tiên đi học em thấy ấn tượng nhất (thời gian, địa điểm...).

Tham khảo cách mở bài sau:

* Mở bài trực tiếp:

- Thời gian trôi đi thật nhanh, mới đây mà bảy năm học đã trôi qua vậy mà những kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học vẫn như mới vừa hôm qua, nó không hề phai nhòa trong tâm trí tôi.

- Mỗi lần nhớ lại những kỷ niệm về cái ngày đầu tiên đến trường ấy là lòng tôi lại nôn nao một cảm giác khó tả.

* Ngày đầu tiên khai trường, đó là cái ngày mà chắc hẳn không ai trong chúng ta có thể quên được. vì nó đánh dấu sự kiện mỗi chúng ta bước vào con đường học tập. Năm nay tôi đã lên lớp 8, đã quá quen với không khí học đường, ấy thế mà hôm nay nhìn chiếc cặp mẹ mua cho để dự khai giảng năm học mới tôi lại thấy lòng mình rộn rã và nhớ lại những kỉ niệm của một cậu bé chập chững bước vào cổng trường trong bàn đầy tình thương của mẹ năm xưa.

** Mở bài gián tiếp Ngày đầu tiên đi học....*

- Mỗi lần giai điệu ngọt ngào của bài hát ấy cất lên là lòng tôi lại dâng lên một cảm xúc nôn nao rất lạ .

- Tôi nhớ lại tất cả những kỷ niệm về ngày đầu tiên đến trường đi học của bảy năm về trước, những kỷ niệm êm đềm ấy sẽ đi cùng tôi suốt cả cuộc đời này.

2. Thân bài:

a, Cảm xúc đêm trước ngày khai trường:

+ Vui mừng, háo hức chuẩn bị đồ đạc (cặp sách, quần áo...).

+ Hồi hộp, lo lắng, không ngủ được.

(- Gần đến ngày đi học mẹ mua cho tôi biết bao nhiêu là đồ mới nào là: sách vở, đồ dùng học tập đến cả những bộ quần áo đủ màu sắc.. Tôi mở ra xem và ngắm nghía từng thứ rồi thử mặc những bộ quần áo mới đầy thích thú. Đứng trước gương tôi không còn nhận ra mình nữa một cảm giác mới mẻ lạ lẫm hiện ra , tôi thấy mình lớn hẳn lên.

- Trước ngày đi học một hôm, buổi tối tôi đã cùng mẹ bọc sách, dán nhãn vở...với tâm trạng hồi hộp, lo lắng nhưng rồi tôi cũng ngủ thiếp đi lúc nào không biết...)

b, Sự việc diễn ra vào sáng ngày tựu trường

- Đêm qua tôi đã ôm chiếc đồng hồ báo thức bố mua cho để ngủ, với nỗi lo ngại thơ của trẻ con tôi cứ sợ mình ngủ quên. Khi chuông đồng hồ reo vang tôi bật dậy thật nhanh mà không cần bố, mẹ phải lay gọi như mọi hôm nữa.

- Làm vệ sinh cá nhân và ăn sáng xong, tôi mặc quần áo mới khoác lên vai chiếc cặp mới còn thơm mùi nhựa vội vã cùng mẹ bước ra khỏi nhà .

c, Cảnh vật trên đường tới trường.

+ Con đường tới trường với bố/ mẹ khác trở nên lạ thường.

+ Cảnh bầu trời, hàng cây, chim chóc....

(Tôi thấy ngạc nhiên, ngỡ ngàng, vì con đường hàng ngày tôi vẫn đi qua hôm nay vừa quen vừa lạ, đông vui quá, bạn nào cũng được bố hoặc mẹ đưa đến trường, những bạn nhỏ như tôi trên tay còn cầm theo một quả bóng bay và một cái cờ nhỏ xíu có cán, nét mặt bạn nào cũng vui vẻ, háo hức.)

d, Tả về ngôi trường mới

+ Quang cảnh sân trường: bạn bè mới, thầy cô mới, học sinh khóa trên...

+ Cảnh lớp học: bàn ghế, cách trang trí lớp học.

e, Tả về cảnh buổi lễ khai giảng

+ Xếp hàng chào cờ và dự lễ khai giảng.

+ Thầy/ cô hiệu trưởng phát biểu, đánh trống chào năm học mới.

+ Các tiết mục văn nghệ chào mừng lễ khai giảng.

+ Cảm xúc khi được trở thành học sinh ngôi trường mới phía dưới lắng nghe thầy cô.

g, Vào nhận lớp học

- + Cảm xúc khi gặp và nghe cô giáo chủ nhiệm làm quen với lớp.
- + Cảm xúc khi có chỗ ngồi riêng, có bạn mới bên cạnh.

h. Buổi học đầu tiên kết thúc

- Khi tiếng trống tan trường của bác bảo vệ vang lên thì học sinh ở trong các lớp ào ra sân như ong vỡ tổ, những bạn năm nay mới vào lớp 1 như tôi được bố mẹ vào đến tận cửa lớp để đón. Cả sân trường chật kín người
- Trên đường về nhà tôi kể cho mẹ nghe biết bao nhiêu là chuyện diễn ra trong buổi học này, nào là...
- Mãi mê nói chuyện 2 mẹ con về đến nhà lúc nào cũng không hay, tâm trạng của tôi vẫn còn mơn man háo hức lắm

3. Kết bài: Khẳng định kỉ niệm ngày đầu tiên đi học luôn sâu đậm, đó là một phần của tuổi thơ.

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

2. Tự luận

Nhận xét về thái độ, cử chỉ của những người lớn (ông đốc, thầy giáo đón học trò mới, các phụ huynh) đối với các em bé lần đầu tiên đi học trong văn bản “Tôi đi học”.

- * Ông đốc là một người lãnh đạo nhà trường rất hiền từ, nhân ái với học sinh.
 - * Thầy giáo trẻ niềm nở, tươi cười đón nhận học sinh lớp mới.
 - * Các bậc phụ huynh đều chuẩn bị chu đáo cho con em mình trong buổi đầu tựu trường: quần áo, sách vở.
 - * Tất cả đều trân trọng dự lễ khai giảng cùng các em.
- Qua đó có thể thấy từ cha mẹ, thầy cô giáo đều có trách nhiệm và rất quan tâm đến con em mình trong ngày đầu tựu trường, để tạo ấn tượng tốt đẹp và giúp các em cảm thấy an tâm, vui vẻ trong lần đầu tiên đi học.

ĐỀ 2

2. Tự luận

Điều gì đã gợi nhắc nhân vật “tôi” nhớ về kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên? Những kỉ niệm này của nhân vật “tôi” được diễn tả theo trình tự như thế nào?

- Những hình ảnh khiến tác giả nhớ về ngày đầu tiên đi học:
 - * “Lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc”: những dấu hiệu đánh dấu đất trời đang chuyển mình sang thu - đồng thời cũng là mùa tựu trường của học sinh .
 - * “mấy em bé rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường”.
- Tất cả đã gợi nhắc tác giả về những kỉ niệm khó quên của buổi tựu trường đầu tiên của mình
- Những kỉ niệm của nhân vật "tôi" được diễn tả theo trình tự : thời gian, cụ thể:
 - * Từ con đường đến trường với "sớm mai đầy sương thu và gió lạnh" và "con đường làng dài và hẹp ".
 - * Khi tập trung ở sân trường nghe ông đốc đọc tên những học sinh mới .
 - * Cuối cùng là lúc vào lớp , chuẩn bị học bài học đầu tiên .

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tác giả - tác phẩm:

- Thanh Tịnh (1911-1988) tên thật là Trần Văn Ninh quê ở Gia Lạc, ven sông Hương, ngoại ô thành phố Huế → Một mảnh đất gắn liền với sự mơ mộng, lãng mạn, tài hòa và đầy chất nghệ sĩ và đặc biệt nó còn là nơi nuôi dưỡng nên nét thơ nhẹ nhàng, tinh tế, giàu xúc cảm trong thơ văn của ông.

- Sự nghiệp văn học Thanh Tịnh thành công trên khá nhiều lĩnh vực: từ truyện ngắn, truyện dài, thơ, ca dao, bút kí... nhưng thành công nhất đó là truyện ngắn và thơ. Tiêu biểu nhất là tập thơ “Hạ chiến trường” và tập truyện ngắn “Quê mẹ”.

- Phong cách sáng tác: những truyện ngắn của ông toát lên 1 tình cảm êm dịu, trong trẻo. Văn ông nhẹ nhàng mà thấm sâu mang dư vị vừa buồn man mác vừa ngọt ngào, quyến luyến.

→ Truyện ngắn “Tôi đi học” được bố cục theo trình tự hồi tưởng của nhân vật tôi, diễn tả cảm xúc mới mẻ, hồi hộp, ngỡ ngàng, nao nức, băng khuâng của nhân vật tôi ở thời điểm ngày khai trường hiện tại nhớ về ngày khai giảng đầu tiên trong cuộc đời mình. Trình tự được diễn biến theo sự việc từ hiện tại nhớ về quá khứ, từ chuyển biến của đất trời cuối thu đến những hình ảnh rụt rờ của những em bé núp dưới nón mẹ lần đầu tiên làm cho nhân vật tôi băng khuâng nhớ về kỷ niệm trong sáng của mình.

Tập trung thể hiện những trạng thái cảm xúc tinh tế, sâu sắc và rất đời thực của tuổi học trò đặc biệt là tuổi học trò gắn liền với ngày khai trường đầu tiên. Đây là ngày khai trường để lại dấu ấn không bao giờ phai mờ của mỗi một đời người.

1. Tâm trạng băng khuâng, xao xuyến của nhân vật tôi từ nhà đến trường

Tất cả hình ảnh của thế giới bên ngoài đều gợi nhớ về ngày đầu tiên đến trường.

a. Bối cảnh tác động: Thiên nhiên và con người

- Thiên nhiên: Tác giả chỉ ra 2 đặc điểm

+ Lá vàng mùa thu đã rơi đầy đường

+ Trên bầu trời những đám mây đã nhuộm màu bàng bạc

-> Dấu hiệu của mùa thu, bước đi của thời gian, thiên nhiên vũ trụ đang chuyển mình bước sang mùa thu, bởi vậy đây cũng chính là mùa khai trường. Tác giả nhớ về ngày khai trường hết sức tự nhiên. Những cảm xúc dễ khơi gợi được cho con người những kỷ niệm lãng mạn, thơ mộng.

- Hình ảnh con người

+ Những em bé nép sau lưng mẹ trong cái rụt rờ của buổi đầu tiên đến trường từ đó chợt nhớ ngày đầu tiên tới trường của tác giả -> Xáo động lớn về nội tâm, cõi lòng xôn xao, hồi nhớ về những kỷ niệm băng khuâng về chính mình, tác giả diễn tả vô cùng ấn tượng. Có lẽ ít ai có thể quên đi được giây phút đầu tiên nép sau lưng mẹ đến trường, và nhân vật "tôi" cũng vậy. Cảm xúc tuôn trào một cách tự nhiên và đầy xúc động, gieo vào lòng người đọc những bồi hồi khó quên.

+ Sử dụng hình ảnh so sánh vô cùng độc đáo “Những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng” đã thể hiện rõ được tâm trạng nao nức, khó tả, cảm xúc tha thiết không thể gọi thành tên, thành lời. Tất cả những tình cảm ấy được tác giả sử dụng một hình ảnh nhân hóa vô cùng đẹp “hoa tươi mỉm cười” như muốn diễn tả cảm xúc ngọt ngào nhất, thơ mộng nhất. Khi nhìn thấy những em bé nép dưới nón mẹ nhà văn càng cảm thấy rộn ràng, vui sướng như chính mình đang ở trong bối cảnh ấy vậy.

→ Những kỷ niệm trong ngày đầu tiên đến trường thật sống động, tự nhiên với những cảm xúc hết sức sâu lắng. Đặc biệt đem đến cho người đọc những giây phút vô cùng thật, giống hệt như cảm xúc mà cuộc đời mình đã từng trải qua vậy.

b. Cảm xúc của nhân vật tôi

- Đó là cảm xúc nao nức về những kỷ niệm man mác của buổi tựu trường và những cảm giác trong sáng, nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười trên bầu trời quang đãng. Quả thực những cảm xúc ấy vô cùng đẹp, khó diễn tả được mà chỉ chính những người đã từng trải qua mới có thể cảm nhận được. Sự hồi hộp, tò mò, thú vị và thay đổi trong tâm hồn chính là diễn biến trong nội tâm của cậu bé ấy.

- Hoàn cảnh buổi tựu trường: Được tác giả mô tả đến từng chi tiết. Thời gian là một buổi sương thu và gió lạnh với cảnh vật: trên con đường làng dài và hẹp. Những thứ quen thuộc như vậy ngày hôm nay có sự thay đổi lớn bởi vì hôm nay chính là ngày đầu tiên cậu đi học. Đó không phải là con đường hàng ngày đi cùng lũ bạn, buổi sáng thu, tinh sương nữa mà đó là con đường ngày hôm nay cậu lần đầu tiên được tới trường. Bồng dung trong tâm trạng của

cậu bé ấy con đường ấy có sự thay đổi đến kì lạ “Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần nhưng lần này tự nhiên thấy lạ”

=> *Tất cả những cảnh vật, con đường đối với cậu bé đều có sự thay đổi lớn vì trong tâm hồn cậu có sự thay đổi. Sở dĩ có điều đó là vì đây là một cảm xúc hết sức trong sáng, ngây thơ của cậu khi lần đầu tiên được tới trường, lần đầu tiên được tiếp nhận một cương vị mới đó là học sinh, là một trưởng thành “Hôm nay tôi đi học”. Việc đi học nó trở thành một cảm xúc quá đổi thiêng liêng, nghiêm túc đối với cậu bé.*

c. Sự thay đổi của nhân vật tôi

- Không lội sông thả diều, đi ra đồng bắn chim cùng chúng bạn mà là ngày đến trường-> Tôi đã trưởng thành, đã lớn, hiểu rõ được tầm quan trọng của một ngày trọng đại của một người.

- Đặc biệt bộ trang phục hàng ngày của cậu cũng có sự thay đổi “cậu mặc một chiếc áo vải đen, dài trông hết sức trang trọng” và trong tay của cậu ghì chặt hai cuốn vở mà mẹ đã mua cho. Nó không nặng nề nhưng nó hết sức xa lạ với cậu bé, tác giả miêu tả hết sức chi tiết đó là một cuốn vở bị chúi đầu xuống -> Sự vụng về, non dại của tuổi ấu thơ rất hồn nhiên, trong trẻo.

- Trên đường tới trường cậu thấy các anh chị cầm sách vở, bút nên cậu đã đề nghị đưa bút để tự cầm -> Nét ngây thơ, chứng tỏ mình đã lớn. Khi bị mẹ từ chối cậu bé lại nghĩ hết sức hồn nhiên, đáng yêu “Có lẽ chỉ có người lớn mới cầm được bút”. Ý nghĩ ấy của cậu bé đã thoáng qua trong tâm trí một cách nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

➔ *Bằng cách diễn tả tâm lí nhân vật tinh tế, đầy lôi cuốn, tác giả đã tái diễn lại đoạn hội thoại giữa “tôi” và mẹ trong ngày đầu đến trường. Những ý nghĩ vừa ngây ngô vừa dễ thương khiến cho người đọc không thể nào quên được.*

2. Dòng tâm trạng và cảm xúc của nhân vật tôi khi đứng trước sân trường.

- Quang cảnh: Cảm xúc của nhân vật “tôi” khi được đặt chân đến ngôi trường làng Mỹ Lý được tác giả tái diễn chân thực, sinh động, giàu cảm xúc. Và lại có thêm một sự thay đổi, một sự so sánh giữa khoảng thời gian trước khi đi học. Chính sự so sánh sự khác nhau này khiến nhân vật “tôi” trưởng thành hơn. Nếu như trước đó cậu đã từng đi qua ngôi trường và cảm thấy xa lạ, ngôi trường trông cao ráo và sạch sẽ hơn những ngôi nhà khác thì bây giờ ngôi trường trong mắt của cậu bé “trường Mỹ Lý vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình Hòa Ấp, cảm giác hết sức thân thuộc. Và đây chính là ngôi trường sẽ gắn bó với cậu trong suốt những năm học sắp tới. Nhưng bỗng dưng cậu lại có một chút gì đó lo sợ “lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ”. Liệu rằng nhân vật “tôi” lo sợ điều gì? Có lẽ lo sợ vì những năm tháng ngồi trên ghế nhà trường có học tốt không, có vi phạm điều gì không và rất nhiều điều nữa. Một sự chân thật đến tinh nghịch.

=> *Nhưng qua sự so sánh này, nhân vật tôi đã thêm thay đổi hơn, dường như “tôi” đang dần trở nên trưởng thành hơn, chín chắn hơn. Phải chăng tất cả chúng ta kể cả nhân vật tôi lần đầu đến trường đều cảm thấy rụt rè, e ngại, nhất là khi các bạn không quen trường, không quen lớp. “Chung quanh những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dúi các cậu tới trước.*

- Hình ảnh con người

+ Trước sân trường dày đặc người và nhân vật “tôi” đã tinh tế quan sát xung quanh “chung quanh những cậu bé vụng về lúng túng như tôi, các cậu chỉ theo sức mạnh dúi các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa. Vì hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại duỗi mạnh như đá một quả banh tưởng tượng...”. Hình như tâm trạng của những cậu bé lần đầu tiên đi học đều như nhau, ngỡ ngàng và sợ hãi.

+ Tác giả thật khéo léo và tinh tế trong việc sử dụng hình ảnh so sánh vô cùng độc đáo “họ như những con chim con đứng bên bờ tổ nhìn quãng trời rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng, e sợ” kết hợp với hàng loạt các từ láy như “bỡ ngỡ”, “ngập ngừng”, “rụt rè” để diễn tả rõ những cung bậc, diễn biến cảm xúc của nhân vật tôi cũng như những cô bé, cậu bé lần đầu tiên tới trường. Chúng bỡ ngỡ, hồi hộp, rụt rè, lo sợ bởi chúng chưa bao giờ được tới một nơi sang trọng, nghiêm túc và nhiều người như vậy. Mái trường như một tổ ấm và những cô bé, cậu bé ngây thơ, hồn nhiên như những cánh chim khát vọng ngập ngừng muốn tìm đến những chân trời tri thức đầy rộng lớn kia.

Dòng cảm xúc của nhân vật tôi càng được diễn tả chi tiết hơn khi tới trường. Nếu như ở trên là sự thay đổi trong lòng của cậu bé thì ở đây lại là sự thay đổi trong cảm nhận của cậu bé khi được đứng trước ngôi trường mình đang học. Đó là những cảm xúc hết sức chân thật, tự nhiên, giản dị của tuổi học trò mà ai trong số chúng ta cũng đã từng trải qua.

- Hình ảnh tiếng trống trường vang lên

+Tiếng trống trường là biểu tượng cho ngày bắt đầu đi học cũng như là ngày kết thúc năm học. Bởi vậy đối với các cô bé, cậu bé tiếng trống trường vang lên càng làm cho các em run sợ, bơ vơ, lạc lõng hơn. Những cô bé, cậu bé ấy cảm thấy mình như bị rơi vào một khoảng không gian rộng lớn, không có ai nâng đỡ mà mình thì non nớt, sợ hãi.

+ Tác giả thật tinh tế trong việc miêu tả những cảm xúc, hành động rất đời ngậy thơ, hồn nhiên của những cậu bé, cô bé lần đầu tiên tới trường “Hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi, hết co rồi lại duỗi mạnh như đá một quả bóng tưởng tượng”. Những từ láy “dềnh dàng, lúng túng, run run” đã thể hiện rõ được những nét đáng yêu vô cùng chân thật của các em nhỏ ấy. Cảm xúc rất khó có thể tả được khi các em cảm thấy run run theo cả tiếng trống trường.

-Hình ảnh thầy hiệu trưởng

+Có thể nói rằng một trong những nhân vật vô cùng quan trọng của một ngôi trường chính là thầy hiệu trưởng và thầy hiệu trưởng thời đó được gọi là ông Đốc. Dưới mắt của nhân vật “tôi” thì thầy hiệu trưởng vô cùng hiền từ và luôn tươi cười đón nhận những thiên thần nhỏ để các em cảm thấy không còn lung túng, sợ sệt hơn nữa. Tác giả dùng những hình ảnh rất thật và sinh động miêu tả ông Đốc – người luôn luôn động viên, nhẫn nại và hiểu rõ nỗi sợ hãi, sự lo lắng của bọn trẻ khi mới bắt đầu vào lớp.

+Việc đầu tiên mà ông Đốc làm chính là đọc tên các cậu học trò, việc đó làm cho “quả tim tôi như ngừng đập” mà quên đi có mẹ đứng sau. Khi thấy các em sợ hãi, khóc vì phải vào lớp thì ông đã động viên các em cố gắng học hành để cha mẹ vui lòng

->Hình ảnh chuẩn đúng mực của người hiệu trưởng trong lòng nhân vật “tôi” được ghi lại hết sức chân thực, cụ thể và sinh động.

-Cảm xúc của nhân vật tôi khi xếp lớp

+Với nhân vật “tôi” thì ngày đầu tiên đi học là một điều rất tuyệt vời kèm theo những nỗi lo sợ vô cùng đáng yêu đặc biệt là ở chi tiết khi ông Đốc gọi đến tên mình để vào lớp. Tác giả dùng biện pháp so sánh “tôi cảm thấy quả tim tôi như ngừng đập” để gọi tên cảm xúc đó. Nó vô cùng bất ngờ, hồi hộp, khó diễn tả mà quên đi rằng có cả mẹ đang đứng ở đó.

+ Khi ông Đốc dặn dò mặc dù đã đỡ lo và hồi hộp hơn nhưng các cô bé vẫn không dám đáp “ạ”. Và đặc biệt đỉnh điểm cảm xúc của các cô bé cậu bé đó chính là khi ông Đốc nói “thôi các em đứng đây sắp hàng để vào lớp” thì nhân vật tôi cảm thấy “vô cùng nặng nề” và bất giác quay lại khóc nức nở. Dường như bấy lâu nay khi làm một việc gì đó đều có mẹ đi cùng nên bây giờ khi phải rời xa mẹ cậu bé không muốn chút nào.

=>Vai trò của người mẹ đã được thể hiện rõ trong truyện này. Bằng tất cả niềm yêu thương cũng như sự hiền từ, nhân ái của mình người mẹ đã tiếp thêm động lực cho con trong ngày đầu tiên đến trường. Mẹ luôn luôn là người đứng phía sau để che chở, bao bọc cho con khi con cần. Những cảm xúc ngỡ ngàng, hoang mang trong buổi đầu đến lớp thường khiến những đứa trẻ dễ tổn thương, sợ sệt bởi suốt 6 năm trời bé thơ, chúng chỉ đi trong vòng tay của cha mẹ, nay bất giác bị đẩy vào vòng của xã hội sơ cấp nhất trong cuộc đời, mà đối với chúng đó là nơi xa lạ chùng nào chứ. Nhân vật "tôi" cũng không thoát khỏi những cảm xúc ghen ngào "đuối đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo". Ngay trong lúc con cần mẹ nhất, "một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi", đây chính là sự an ủi dịu dàng nhất mà người mẹ dành cho con, không cần một câu một chữ nào cả. Người mẹ đã dùng hết tình yêu thương của mình vào cái vuốt tóc nhẹ nhàng ấy, mẹ đã tiếp thêm sức mạnh cho để con bước vào một môi trường mới, nơi ấy sẽ chấp cánh cho con bay xa hơn nữa, xa khỏi vòng tay mẹ chính là một chân trời mới đầy hấp dẫn, con yêu dấu của mẹ.

3. Tâm trạng nao nức, ngỡ ngàng của nhân vật tôi khi bước vào lớp học và bắt đầu tiết học đầu tiên.

- Đến những phút cuối của buổi tựu trường, cảm giác của nhà văn, cũng là của nhân vật “tôi” càng trong sáng và chân thực hơn. Ngồi trong lớp, cậu bé thấy xốn xang những cảm giác lạ mà quen đan xen, trái ngược nhau. Thấy “một mùi hương lạ xộc lên trong lớp”, “hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ” nhưng cậu bé nhìn bàn ghế chỗ mình ngồi “tự nhiên lạ nhận vật của riêng mình”, nhìn người bạn ngồi bên “không cảm thấy xa lạ chút nào”.

- Có thể nói đoạn văn kết thúc câu chuyện ngắn gọn mà hiện lên rất nhiều hình ảnh đẹp và ý nghĩa. Một chú chim nhỏ hót mấy tiếng rụt rề, vỗ cánh bay cao. Mắt “tôi” thèm thườn nhìn theo. Kỉ niệm bấy chim giữa đồng lúa vậy gọi. Tiếng phấn và chữ viết của thầy giáo nhắc nhở, níu giữ, đưa về... Cuối cùng “tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lăm nhăm đánh vần đọc...” Phải chăng đây là phút sang trang của một tâm hồn trẻ đại, tạm biệt thế giới ấu thơ chỉ biết nô đùa, nghịch ngợm để bước vào thế giới tuổi học trò hồn nhiên, mơ mộng.

-Những cảm nhận về thái độ và cử chỉ của người lớn đối với nhân vật tôi trong ngày đầu tiên đi học: luôn quan tâm, chăm sóc chu đáo, dịu dàng, và chính điều đó đã mang đến sự ấm áp, giúp các em tự tin và vững vàng hơn trong buổi đầu đến trường.

4. Đặc sắc nghệ thuật

+ Truyện kể hồi kí với theo trình tự thời gian, cảm xúc của nhân vật "tôi" hết sức tự nhiên, trong sáng.

- + Những hình ảnh so sánh, nhân hóa đầy thi vị
- + Giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng diễn tả trọn vẹn cảm xúc chân thật của đứa trẻ lần đầu đi học.
- + Chạm tới lòng người đọc bằng chính những trải nghiệm cảm xúc chung nhất của bất kì ai trong ngày đầu đi học.
- Sức hút của truyện từ: Tình huống truyện hấp dẫn, cảm xúc trong sáng, chân thật của nhân vật, tình ảnh đẹp đẽ, gần gũi.

Tôi đi học - dòng cảm xúc bất tận:

In đậm trong kí ức về một thời học trò có lẽ sẽ có rất nhiều những kỉ niệm đẹp đẽ nhất đời. Đó là quãng thời gian ta được sống là chính mình, là sự vô tư hồn nhiên còn luôn nở rộ trên khuôn mặt trẻ thơ. Và chắc hẳn còn là cả bầu trời kí ức về ngày đầu tiên đi học của đời mình. Khoảnh khắc đáng nhớ ấy được tác giả Thanh Tịnh tái hiện đầy xúc cảm qua truyện ngắn “Tôi đi học”

Thanh Tịnh tên là Trần Văn Ninh (1911-1988) quê ở Huế. Là một người có năng khiếu về văn chương nên đến năm 1933 ông đã bắt đầu sáng tác. Ông sang tác nhiều thể loại nhưng thành công nhiều hơn cả là ở truyện ngắn và thơ. Các truyện ngắn của ông đều thấm đượm cảm xúc êm dịu, trong trẻo mà cũng man mác buồn thương, vừa ngọt ngào sâu lắng. Với giọng văn nhẹ nhàng như thủ thi tâm tình mà thấm thía khó quên thực sự các tác phẩm mà Thanh Tịnh viết đều làm đọng lại trong lòng người đọc chút bang khuâng ít nhiều. Trong đó truyện ngắn “Tôi đi học” in trong tập Quê mẹ xuất bản năm 1941 là một tác phẩm như thế. Đây là thiên hồi ức xúc động về những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường ba mươi năm về trước.

Bài văn được sắp xếp theo trình tự thời gian. Tâm trạng nhân vật phát triển song song cùng các sự kiện đáng nhớ về ngày đầu tiên đi học. Từ cảnh cậu bé được mẹ âu yếm dắt tay dẫn đi trên con đường tới trường, đến cảnh cậu say mê nhìn ngắm ngôi trường; cảnh hồi hồi hộp nghe thầy giáo gọi tên mình, lo lắng khi phải rời xa vòng tay mẹ để cùng các bạn vào nhận chỗ trong lớp mới vào giờ học đầu tiên. Với ngòi bút tâm tình cùng sự kết hợp hài hòa giữa bút pháp tự sự, miêu tả, bộc lộ cảm xúc đã tạo nên tính trữ tình đậm đà của bài văn.

Mở đầu truyện ngắn, tác giả phác họa khung cảnh thiên nhiên, khơi gợi dòng hồi tưởng trở về. Mùa thu thường mang nét đẹp và buồn. Những biến chuyển của trời đất làm tác giả nhớ về dĩ vãng xa xôi ngày xưa cũ:

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường...”

Mạch cảm xúc được mở ra hết sức tự nhiên nhưng cũng đầy thi vị. Nghệ thuật so sánh được tác giả sử dụng khéo léo, kết hợp những hình ảnh giàu sức gợi đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên với những nét đơn giản nhưng cũng đủ để cho ta thấy cái thi vị lãng mạn mơ mộng của không gian đất trời sang thu có sắc lá vàng phai, mây bạc lãng đãng trôi trên bầu trời mênh mông xanh thẳm.

Hình ảnh mấy em nhỏ rụt rè xuất hiện nấp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường khiến nhà văn nhớ lại ngày đầu tiên đi học khó quên của mình. Thời gian trôi qua mấy chục năm, tác giả - một cậu bé ngày xưa vẫn nhớ như in: Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Tâm trạng bồi hồi, cảm giác mới mẻ của cậu khi được mẹ dắt đến trường trên con đường được diễn tả rất tinh tế. Con đường nay tôi quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy là...cảnh vật xung quanh đều thay đổi. Cậu bé nhanh chóng tìm ra nguyên nhân của sự lạ lùng ấy: Vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

Đi học là một sự kiện trọng đại trong đời. Điều đó có nghĩa là cậu bé đã lớn và từ nay cậu sẽ không được nô nghịch như đứa trẻ khờ dại vô ý thức. Không còn được lội qua sông thả diều như thằng Quý và không ra đồng nô đùa như thằng Sơn. Ý nghĩ ngây thơ trong sáng và nghiêm túc của cậu học trò trong buổi đầu tiên đi học thật hồn nhiên và đáng yêu biết chừng nào.

Không chỉ thấy sự thay đổi khung cảnh bên ngoài mà còn thấy cả sự thay đổi lớn lao trong con người mình. Đoạn văn miêu tả diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật cậu bé trên đường tới trường thật chân thực và xúc động:

“Trong chiếc áo vải dù đen dài, tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu nặng. tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì nốt...”

Vào ngày đầu tiên đi học được mặc bộ quần áo mới, cậu thấy mình đã là người lớn cho nên tất cả mọi thứ đều thay đổi. chính suy nghĩ và cảm nhận ấy khiến hành động của cậu trở nên khác hơn thường ngày. Mọi cử chỉ, hành động đều trở nên vụng về, lúng túng. Quan điểm của cậu chuyện đi học không ghê gớm lắm nhưng cũng có nghĩa là từ đây

cậu không được tự do chạy nhảy. Nhìn đám học trò lớp trên nhí nhảnh cậu cố kìm nén lại càng thêm hơn. Hai quyền vờ có đáng gì mà cậu lại thấy nặng trong khi các bạn khác mang nhiều đồ hơn lại không thấy khó khăn gì. Chính suy nghĩ không muốn thua kém và tỏ ra mình lớn, cậu xin mẹ được cầm cả bút thước. Nghe mẹ bảo để mẹ cầm thì trong đầu cậu nảy ra ý nghĩ ngây thơ: Chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Hồi tưởng lại tâm trạng hồi ấy, tác giả đã thích thú mà nhận xét: Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi. Hình ảnh so sánh trong câu văn trên mới trong sáng, đẹp đẽ mà rất phù hợp tâm lí trẻ thơ.

Cậu bé choáng ngợp trước khung cảnh sân trường làng Mĩ Lí đầy đặc cả người. người nào cũng quần áo sạch sẽ, gương mặt vui tươi sáng sủa. Cậu nhớ lại cảm tưởng của mình về ngôi trường lúc cậu chưa đi học, đó là thái độ dửng dưng: “Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hòa An bấy chim quên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần, lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ...”. Nhưng bây giờ đây lúc sắp sửa là học trò cậu bỗng thấy ngôi trường xinh xắn vừa oai nghiêm khác thường và mình quá nhỏ bé so với nó. Vì vậy cậu đâm ra lo sợ vẩn vơ. Trước mắt cậu là cả thế giới mới mẻ, những đứa bạn cùng trang lứa với cậu không khác gì những con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quăng trời muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ. Trí óc non nớt cậu không hình dung những điều xảy ra trong ngôi trường đẹp đẽ này mà cậu lo sợ phập phồng, khao khát tìm hiểu bạn bè thầy cô trong ngày đầu: “sau một hồi trống vang dội cả lòng tôi...”. Đoạn văn với các hình ảnh được tả thực từng chi tiết. buổi học đầu tiên được tái hiện đầy sinh động. giây phút đợi gọi tên cũng đầy thấp thỏm lo âu: “trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi...”. Cậu lo sợ khi sắp phải rời xa vòng tay mẹ nhưng rồi giờ phút ấy cũng đến. khi ngồi yên trong lớp đón nhận giờ học đầu tiên, cậu cảm thấy vừa xa lạ vừa gần gũi với mọi vật xung quanh: “một mùi hương lạ xông lên trong lớp, trông hình gì treo trên tường tôi cũng cảm thấy là và hay...”

Đỡ rồi ngõ ngang và tự tin, cậu bé nghiêm trang bước vào giờ học đầu tiên của đời mình: “tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm nhẩm đánh vần đọc”

Như vậy truyện ngắn “tôi đi học” để lại trong chúng ta chút bồi hồi băn khoăn về buổi tựu trường đầy lưu. Khoảnh khắc chẳng bao giờ phai nhạt trong tâm trí mỗi người.

PHIẾU ÔN TẬP VHVN

Văn bản: Trong lòng mẹ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

[illegible]

- Các TP chính:		
+		
+		
.....		

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
.....	- Lối kể chuyện - Miêu tả tâm lí nhân vật + Tâm trạng của chú bé Hồng trong cuộc trò chuyện với bà cô. + Cảm giác khi được ngồi trong lòng mẹ. + Lựa chọn ngôi kể tạo cảm xúc + Sử dụng nhiều hình ảnh

I.3. Kiến thức cần nhớ

1. Cuộc trò chuyện giữa bé Hồng và bà cô:	a. Cảnh ngộ của Hồng:	- Bé Hồng là kết quả của - Lớn lên trong gia đình không - Bố, mẹ đi, Hồng > sống của họ hàng	
	b. Cuộc trò chuyện của bé Hồng và bà cô	Lời nói, cử chỉ của bà cô - Cười, hỏi? - Hỏi luôn, giọng, nhìn tôi - Vỗ vai tôi, ngân dài - kể về hoàn cảnh của mẹ Hồng.	Phản ứng của bé Hồng - Toan trả lời(nghĩ đến về mặt, sự của mẹ và cảnh tình thương) - Cúi đầu (nhận ra của cô). - Cười đáp lại vì mẹ sẽ (hiểu tanh bần của cô muốn hai mẹ con) - cúi đầu, lòng, khoe mắt - Nước mắt, đầm đìa, cảm, cổ. + 2 tiếng xoắn chặt tâm can tôi, tôi dài trong - Cổ họng khóc không + Muốn những cô

		- Đôi vỗ vai nhìn tôi, tỏ ý tôi. * Mục đích: * NT: → bản chất bà cô là	tục mẹ → NT cho thấy sự cao độ của bé Hồng với PK mà đại diện là * NT:, lời văn, sử dụng liên tiếp các mạnh, h/ ảnh thể hiện sinh động, diễn biến của bé H: nhấn nhìn → đau đớn, → uất ức, tình cảm trào dâng k được
		=> Tác giả vạch trần,, phê phán hạng người	=> Bé H
2. Cuộc gặp gỡ giữa bé H và mẹ	a. Lúc mới gặp mẹ	* Thoáng thấy - theo, gọi:!	→ Hành động, tiếng gọi bị rất lâu bật ra thành tiếng thể hiện niềm - NT:
	* Khi nhận ra mẹ:	Thở trán - Ríu chân khi - nước nỡ.	→ Là phản ứng - NT:
	b. Khi ở trong lòng mẹ	- Hành động: - Cảm xúc: - Suy nghĩ:	→ Cảm giác
		- Hình ảnh người mẹ: + tươi sáng + trong + mịn, hồng	→ Chân dung mẹ hiện lên thật

		<p>- Niềm được gặp mẹ trong cảm giác vô bờ bến khiến những bay biến. Cuối cùng đã chiến thắng của bà cô. => Bé Hồng luôn khao khát và rất mực mẹ. Em có mãnh liệt vào mẹ</p>
<p>➔ Nguyên Hồng là một cây bút thường viết về và chịu nhiều Qua đoạn trích, ông đã thể hiện thái độ những phẩm chất của đồng thời tỏ rõ thái độ l..... Có lẽ vì thế mà Trong lòng mẹ thực sự gây đối với người đọc sau từng thấm đẫm tình cảm của nhà văn. ➔ Trong lòng mẹ là bài ca về</p>		

I. 4. Tóm tắt văn bản Trong lòng mẹ trong khoảng 8-10 câu văn. Nêu chủ đề của văn bản?

* Tóm tắt:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

* Chủ đề chính của VB là:

.....
.....

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- *Tha phương cầu thực*:

- *Thành kiến*:

- *Cổ tục*:

- *Ảo ảnh*:

2. Hãy chỉ ra biện pháp nghệ thuật trong các câu văn sau và nêu tác dụng:

câu văn	BPNT	nêu tác dụng
a. “Già những cổ tục đã dày dụa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vò lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.”		

<p>b. “<i>Và cái lằm tường đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.</i>”</p>	
--	--

3. Xác định cách trình bày đoạn văn, luận điểm, luận cứ và dẫn chứng cho các đề bài sau:

a. Viết 1 đoạn văn diễn dịch làm rõ tình yêu thương mãnh liệt của chú bé Hồng dành cho người mẹ của mình.

b. Viết 1 đoạn văn quy nạp làm rõ tình yêu thương mẹ mãnh liệt của chú bé Hồng từ lúc gặp mẹ và được ngồi trong lòng mẹ.

4. So sánh bố cục, mạch truyện, cách kể chuyện của VB Trong lòng mẹ và VB Tôi đi học:

Giống :-.....

.....

-

.....

Khác: - Văn bản Tôi đi học:

.....

- Trong lòng mẹ:

.....

5. Chất trữ tình trong tác phẩm

.....

.....

.....

.....

III. Đề luyện:

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Cho câu văn sau:

“*Tôi ngồi trên đùi mẹ tôi, đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những xúc giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng mơn man khắp da thịt.*”

a. Câu văn trên trích trong văn bản nào? Của ai? Văn bản ấy thuộc thể loại gì?

b. Xác định các từ cùng trường từ vựng bộ phận cơ thể người trong câu văn trên.

c. Viết 1 đoạn văn nghị luận khoảng 10 câu theo cách Tổng – Phân – Hợp, trong đoạn có sử dụng 1 từ láy tượng hình(chú thích rõ) để khai triển ý chủ đề sau:

Văn bản đã diễn tả thành công niềm vui sướng, hạnh phúc tốt độ của cậu bé khi được gặp và ngồi trong lòng mẹ.

d. Từ tình cảm của chú bé Hồng dành cho mẹ, em hãy viết 1 đoạn văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về tình cảm gia đình.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu:

Nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng “em bé” mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mẹ tôi chưa đoạn tang thấy tôi mà đã chưa để với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và cảm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm.

(SGK Ngữ văn 8- Tập 1, NXBGD, 2004, trang 16)

- Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm đó.
- Trình bày hiểu biết của em về tâm trạng, tình cảm của nhân vật “tôi” được thể hiện trong đoạn văn trên.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

(Trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng)

- Nhân vật xưng “tôi” trong đoạn trích trên là ai?
- Các từ *mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng* thuộc trường từ vựng nào?
- Viết một câu giới thiệu về tác phẩm “*Những ngày thơ ấu*” của Nguyên Hồng
- Nêu nội dung khái quát của đoạn trích trên.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4

Cho câu văn sau: *Và cái lằm đơ không những làm tôi hổ thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.*

- Đoạn văn được kể ở ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi kể đó?
- Câu văn trên sử dụng nghệ thuật gì? Nêu tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật đó?
- Viết một đoạn văn theo lối TPH nêu cảm nghĩ của em về nhân vật bé Hồng. Chỉ ra một trường từ vựng.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5

Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da trắng mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc?

(Ngữ văn 8, tập một, NXBGDVN – 2017)

- Câu 1. Đoạn văn trên trích trong văn bản nào, do ai sáng tác? (0,5 điểm)
- Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích trên? (0,5 điểm)
- Câu 3. Văn bản chứa đoạn trích trên giúp em hiểu được gì về tình cảm mà nhân vật tôi dành cho mẹ? (0,5 điểm)
- Câu 4. Từ đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về vai trò của gia đình trong cuộc sống của mỗi chúng ta. (2,5 điểm)

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6

“Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không?”

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình yêu thương và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến. Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà”.

(Trích Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng, Ngữ Văn 8, NXB Giáo dục 2014, tr 16)

1. Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào của nhà văn Nguyên Hồng (0,5 điểm)
2. Tìm 2 quan hệ từ diễn tả ý đối lập trong đoạn văn trên. Hai quan hệ từ đó biểu hiện ý nghĩa gì? (0,5 điểm)
3. Từ “rất kịch” có nghĩa là gì? Từ này cho thấy nét tính cách nào của nhân vật “cô tôi”?
4. Thân phận người phụ nữ trong tác phẩm của Nguyên Hồng gợi cho anh/chị liên tưởng đến tác phẩm nào mà anh/chị đã được học? Vì sao? (0,5 điểm)
5. Viết đoạn văn ngắn (5-7 dòng) để nói lên cảm nhận của anh/chị về tình mẫu tử trong nghịch cảnh (1,0 điểm)

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 7

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẩy tay tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

- Con nín đi! Mẹ đã về với con rồi mà.”

- a. Đoạn văn trên trích trong văn bản nào ? Của ai? Đoạn văn kể về việc gì?
- b. Chỉ ra các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của việc sử dụng các từ đó trong đoạn văn?
- c. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng?
- d. Chỉ ra các tình thái từ trong câu “ Con nín đi! Mẹ đã về với con rồi mà” ?
- e. Chỉ ra các mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép "mẹ tôi cầm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp"
- f. Cảm nhận về nhân vật “tôi” trong đoạn trích trên bằng một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu trong đó có dùng một từ láy?

Đề NLXH:

Từ tình cảm của bé Hồng dành cho mẹ, em có suy nghĩ gì về tình mẫu tử trong cuộc sống. Nêu suy nghĩ của em bằng 1 đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy .

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Nhà văn Nguyên Hồng tên thật là gì?

- | | |
|-----------------------|-----------------|
| A. Nguyễn Nguyên Hồng | B. Nguyễn Hồng. |
| C. Hồng Nguyên | D. Nguyên Hồng |

Câu 2: Đoạn trích “Trong lòng mẹ” thuộc chương mấy của tác phẩm “Những ngày thơ ấu”?

A. Chương V

B. Chương IV

C. Chương VI

D. Chương X

Câu 3: Văn bản : “Trong lòng mẹ” có sự kết hợp các phương thức biểu đạt nào dưới đây?

A. Tự sự

B. Miêu tả.

C. Biểu cảm

D. Cả ba đáp án đều đúng

Câu 4: Từ "kịch" trong câu "Nhưng, nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp" (Trong lòng mẹ, Nguyên Hồng) có thể hiểu như thế nào?

A. Người cô cười như diễn viên.

B. Người cô thích khôi hài.

C. Người cô cố che giấu tâm trạng thực.

D. Người cô diễn kịch.

Câu 5: Hiểu thế nào về lời bé Hồng từ chối vào Thanh Hóa thăm mẹ: "Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về"? (Trong lòng mẹ, Nguyên Hồng)

A. Bé Hồng cố gắng giấu tình cảm thực của mình.

B. Bé Hồng hiểu dụng ý xấu xa của người cô.

C. Bé Hồng thực sự không muốn vào.

D. Bé Hồng không muốn người cô thực hiện được rắp tâm.

Câu 6: Ý nào không nói lên đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích “Trong lòng mẹ”?

A. Giàu chất trữ tình

B. Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc

C. Sử dụng nghệ thuật châm biếm

D. Có những hình ảnh so sánh độc đáo

2. Tự luận

Tình yêu thương mãnh liệt của chú bé Hồng đối với người mẹ bất hạnh được thể hiện như thế nào qua văn bản “Trong lòng mẹ” ?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Nhà văn Nguyên Hồng sáng tác ở thời kì nào?

A. Sau Cách mạng tháng Tám

B. Trước Cách mạng tháng Tám

C. Sáng tác ở cả hai thời kì trước và sau Cách mạng tháng Tám

D. Sáng tác trong thời gian từ năm 1918 – 1982.

Câu 2: “Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng được viết theo thể loại nào?

A. Bút kí

B. Hồi kí

C. Truyện ngắn

D. Tiểu thuyết

Câu 3: Nghĩa của từ “tàn nhẫn” là gì?

- A. Lạnh lùng, cay nghiệt đối với người khác.
- B. Độc ác quá mức gây đau khổ tai hại với người khác.
- C. Hay nói xấu, làm hại đến người khác.
- D. Ích kỷ, không biết yêu thương người khác.

Câu 4: Cách hiểu nào đúng với tâm trạng Hồng được miêu tả trong câu văn: "Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm..."? (Trong lòng mẹ, Nguyên Hồng)

- A. Hồng thương mẹ và giận mẹ sinh nở giấu giếm.
- B. Hồng thương mẹ nhưng cũng giận mẹ.
- C. Hồng giận mẹ đã xa lìa anh em mình.
- D. Hồng thương mẹ và muốn mẹ dừng cảm trước những thành kiến tàn ác.

Câu 5: Trong văn bản Trong lòng mẹ, từ ngữ nào đúng tâm địa bà cô của bé Hồng?

- A. Xấu xa đê tiện. B. Hiểm độc và tàn nhẫn.
- C. Lắm lời, thích phỉ báng. D. Ghen ghét, nhẵn tâm.

Câu 6: Nhận định nào sau đây nói đúng nhất về nội dung đoạn trích “Trong lòng mẹ”?

- A. Đoạn trích chủ yếu trình bày những nỗi đau khổ của mẹ bé Hồng.
- B. Đoạn trích chủ yếu trình bày tâm địa độc ác của người cô của bé Hồng
- C. Đoạn trích chủ yếu trình bày sự tủi hờn của Hồng khi gặp mẹ
- D. Đoạn trích chủ yếu trình bày diễn biến tâm trạng của chú bé Hồng

2. Tự luận

Qua đoạn trích “Trong lòng mẹ”, hãy chứng minh rằng nhà văn Nguyên Hồng giàu chất trữ tình

Đáp án PHIẾU ÔN TẬP

Văn bản: Trong lòng mẹ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
- Nguyễn Nguyên Hồng(1918 - 1982) - Quê ở Nam Định nhưng lớn lên ở Hải Phòng. - Sự nghiệp: + Đề tài: hướng về những	HCST	Thể loại	Bố cục
	- Hồi kí " <i>Những ngày thơ ấu</i> "- (1938) ghi lại quãng đời tuổi thơ cay đắng của tác giả. - Đoạn trích " <i>Trong lòng</i>	- Hồi kí (tự truyện) là thể văn ghi chép lại những biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là và bà cô. người kể, chứng kiến	- P1: <i>Từ đầungười ta hỏi đến</i> ->Cuộc trò chuyện giữa bé Hồng và bà cô. - P2: <i>Còn lại.->Cuộc gặp gỡ của</i>

người cùng khổ. + Sáng tác: tiểu thuyết, kí, thơ thành công hơn cả là tiểu thuyết. + Phong cách: giàu chất trữ tình, cảm xúc dạt dào thiết tha, rất mực chân thành. + Năm 1996, NH được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về VH-NT. - Các TP chính: + "Bi vô" - 1938; + "Những ngày thơ ấu" - 1938; + "Cửa biển": 4 tập...	mẹ" thuộc chương IV của hay tham gia.	bé Hồng với mẹ
Ý nghĩa nhan đề		Ngôi kể
- Tên văn bản trước hết có ý nghĩa tả thực, gắn với một sự việc cụ thể: Hồng được gặp mẹ, được ngồi trong lòng mẹ, được mẹ yêu thương, âu yếm. - Song nhan đề văn bản còn mang ý nghĩa tượng trưng: "Trong lòng mẹ" cũng là trong tình thương của mẹ, được mẹ che chở, bao bọc.		Thứ nhất

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
Đây là đoạn hồi ức cảm động về nỗi đắng cay, tủi cực của bé Hồng và tình yêu thương tha thiết, cháy bỏng mà em dành cho người mẹ bất hạnh, đáng thương	- Lối kể chuyện chân thật, giản dị, giàu chất trữ tình - Miêu tả tâm lí nhân vật rõ nét, sâu sắc + Tâm trạng đớn đau, căm hận cháy bỏng của chú bé Hồng trong cuộc trò chuyện với bà cô. + Cảm giác sung sướng tốt độ khi được ngồi trong lòng mẹ. + Lựa chọn ngôi kể thứ nhất tạo cảm xúc chân thực. + Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, liệt kê...

I.3. Phân tích

1. Cuộc trò chuyện giữa bé Hồng và bà cô:	a. Cảnh ngộ của Hồng:	- Bé Hồng là kết quả của cuộc hôn nhân không tình yêu. - Lớn lên trong gia đình không hạnh phúc. - Bỏ mắt, mẹ đi tha hương, Hồng sống bơ vơ giữa sự ghê lạnh cay nghiệt của họ hàng	-> cô độc, bất hạnh, luôn khát khao tình yêu thương của mẹ.
	b. Cuộc trò chuyện của bé Hồng và bà cô	Lời nói, cử chỉ của bà cô	Phản ứng của bé Hồng
		- <u>Cười, hỏi</u> có muốn vào T. Hóa chơi với mẹ không? - <u>Hỏi</u> luôn, giọng vẫn ngọt, nhìn tôi chăm chú	- <u>Toan trả lời có</u> (nghĩ đến vẻ mặt râu râu, sự hiền từ của mẹ và cảnh thiếu thốn tình thương) - <u>Cúi đầu k đáp</u> (nhận ra ý nghĩ cay độc, nét mặt cười rất kịch của cô). - <u>Cười đáp lại k muốn vào</u> vì mẹ sẽ về (cô hiểu rằng tâm tanh bần của cô muốn chia rẽ hai mẹ con) - Im lặng cúi đầu, lòng thất lại, khóe mắt cay cay. - Nước mắt rờn rờn, đầm đìa, chan hòa cảm, cổ. + 2 tiếng em bé xoắn chặt tâm can tôi,

		<p>- Vỗ vai tôi cười, ngân dài 2 tiếng em bé</p> <p>- Tươi cười kể về hoàn cảnh khổ sở của mẹ Hồng.</p> <p>- Đổi giọng, vỗ vai nhìn tôi nghiêm nghị, tỏ ý thương xót thầy tôi.</p> <p>* Mục đích: châm chọc, nhục mạ, cố ý reo giắc hoài nghi để H khinh miệt mẹ</p> <p>* NT: tương phản, tăng cấp → bản chất bà cô là người đàn bà độc ác, lạnh lùng, thâm hiểm, xấu xa</p>	<p>tôi cười dài trong tiếng khóc.</p> <p>- Cổ họng nghẹn ứ khóc không ra tiếng + Muốn cắn, nhai, nghiền những cổ tục đầy dọ mẹ → NT nói quá cho thấy sự căm tức cao độ của bé Hồng với cổ tục PK mà đại diện là bà cô.</p> <p>* NT: Tăng cấp, lời văn dồn dập, sử dụng liên tiếp các ĐT mạnh, h/ ảnh so sánh thể hiện sinh động, chân thực diễn biến tình cảm của bé H: im lặng nhẫn nhịn → đau đớn bật khóc, → uất ức căm giận, tình cảm trào dâng k kìm nén được</p>
		<p>=>Tác giả vạch trần, tố cáo, phê phán hạng người tàn nhẫn đến khô héo cả tình máu mủ trong XH nửa TDPK</p>	<p>=>Bé H thông minh, nhạy cảm, tâm hồn sáng trong và giàu tình yêu thương mẹ, có niềm tin mãnh liệt vào mẹ</p>
<p>2. Cuộc gặp gỡ giữa bé H và mẹ</p>	<p>a. Lúc mới gặp mẹ</p>	<p>* Thoáng thấy người ngồi trên xe giống mẹ:</p> <p>- Đuổi theo, gọi bối rối: mẹ ơi!</p>	<p>→ Hành động vội vàng, tiếng gọi cuống quýt bị dồn nén rất lâu bật ra thành tiếng thể hiện niềm khao khát được gặp mẹ</p> <p>- NT: so sánh độc đáo</p>
	<p>* Khi nhận ra mẹ:</p>	<p>Thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi</p> <p>- Ríu chân khi trèo lên xe.</p> <p>- Òa khóc nức nở.</p>	<p>→ Là phản ứng tự nhiên của đứa con lâu ngày được gặp mẹ. Cử chỉ bối rối lập cập mong sớm được ở trong vòng tay mẹ. Em khóc vì mãn nguyện khác với giọt nước mắt xót xa, tủi hờn khi nói chuyện với bà cô.</p> <p>- NT: SD liên tiếp các T. Từ; các từ cùng trường nghĩa “khóc, nức nở, sụt sùi”.</p>
	<p>b. Khi ở trong lòng mẹ</p>	<p>- Hành động: dúi áp dúi mẹ; dúi ngả vào đầu mẹ.</p> <p>- Cảm xúc: ấm áp, mơn man khắp da thịt.</p> <p>- Suy nghĩ: phải bé lại, lặn vào lòng mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của mẹ, để mẹ gãi rôm cho mới thấy mẹ có 1 êm dịu vô cùng.</p>	<p>→ Cảm giác hạnh phúc, sung sướng tột đỉnh khi ở trong lòng mẹ.</p>

		<p>- Hình ảnh người mẹ:</p> <p>+ Gương mặt tươi sáng</p> <p>+ Đôi mắt trong</p> <p>+ Nước da mịn, gò má hồng</p>	<p>→ Chân dung mẹ hiện lên thật hoàn hảo qua cái nhìn của bé Hồng, từ đó thể hiện sâu sắc lòng yêu thương, quý trọng mẹ của bé H</p>
		<p>- Niềm hạnh phúc được gặp mẹ trong cảm giác sung sướng vô bờ bến khiến những điều xấu xa mà bà cô định reo giắc vào tâm hồn thơ dại của H đã bay biến. Cuối cùng tình mẫu tử đã chiến thắng mọi âm mưu xấu xa và thâm hiểm của bà cô.</p> <p>=>Bé Hồng luôn khao khát tình yêu thương và rất mực yêu mẹ. Em có niềm tin mãnh liệt vào mẹ</p>	
<p>➔ Nguyên Hồng là một cây bút nhân đạo thường viết về phụ nữ và trẻ em chịu nhiều khổ đau bất hạnh. Qua đoạn trích ông đã thể hiện thái độ cảm thông, trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của 2 mẹ con bé Hồng đồng thời tỏ rõ thái độ lên án những hủ tục phong kiến. Có lẽ vì thế mà Trong lòng mẹ thực sự hấp dẫn gây xúc động đối với người đọc sau từng câu chữ thấm đẫm tình cảm chân thành, tâm huyết của nhà văn.</p> <p>➔ Trong lòng mẹ là bài ca về tình mẫu tử thiêng liêng.</p>			

I.4 Tóm tắt văn bản Trong lòng mẹ trong khoảng 8-10 câu văn. Nêu chủ đề của văn bản?

Gần đến ngày giỗ đầu của cha mà mẹ đi làm ăn xa vẫn chưa về. Người cô đã gọi Hồng đến nói chuyện. Lời lẽ người cô rất ngọt ngào nhưng không giấu nổi ý định xúc xiểm, độc ác. Hồng rất đau lòng và càng căm giận những cổ tục lạc hậu đã dày đoạ người mẹ yêu quý của mình. Đến ngày giỗ cha, mẹ Hồng đã trở về. Vừa tan học, Hồng đã được mẹ đón lên xe, ù vào lòng. Hồng mừng vì thấy mẹ không còm cõi, xác xơ như người ta kể. Những giọt nước mắt mừng tủi càng làm tăng thêm cảm giác hạnh phúc dịu êm khi được nằm trong lòng mẹ. Bên tai ù ù của cậu, những câu nói của bà cô bị chìm ngay đi, Hồng không mấy may nghĩ ngợi gì nữa.

* **Chủ đề chính của VB là:** *Nỗi cay đắng, tủi cực của tác giả trong thời thơ ấu; niềm thương cảm sâu sắc đối với mẹ và với tất cả những người phụ nữ đau khổ.*

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- **Tha phương cầu thực:** đi xa quê kiếm ăn
- **Thành kiến:** Cách nhìn nhận có phần thiên lệch từ trước, khó thay đổi.
- **Cổ tục:** tục lệ xưa cũ
- **Ảo ảnh:** Hình ảnh không có thật mà giống như thật.

2. Hãy chỉ ra biện pháp nghệ thuật trong các câu văn sau và nêu tác dụng:

Câu văn	BPNT	Tác dụng
a. “Giá những cổ tục đã dày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.”	- NT: so sánh(cổ tục với hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ), nói quá và liệt kê.	+ gọi hình ảnh sinh động, rõ nét + Thể hiện thái độ căm ghét những hủ tục của chú bé Hồng vì chúng đã gây nên những bất hạnh, khổ đau cho mẹ mình + Mong muốn phá bỏ những hủ tục để bảo vệ mẹ. -> Thể hiện tình yêu thương mẹ mãnh liệt, tình mẫu tử sâu sắc.
b. “Và cái làm tương đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì ảo ảnh của một trước cặp mắt trông	- NT: ssánh: Bóg dág người mẹ xuất hiện trước cặp mắt trông	+ Thể hiện nỗi khát khao được sống trong tình mẹ nhưng người bộ hành giữa sa mạc khao khát gặp dòng nước mát và bóng râm.

<i>dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.</i>	đội mỗi mòn của đứa con giống như dòng suối trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần như rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc	+ Cậu nhận ra mẹ bằng lih cảm, bằng sợi dây của tình mẫu tử + Cái hay và hấp dẫn của hình ảnh so sánh là những giả thiết tác giả tự đặt ra nhằm cực tả nỗi xúc động của tâm trạng trong tình huống cụ thể. Đây là một so sánh giả định, độc đáo, mới lạ và phù hợp với việc bộc lộ tâm trạng từ hi vọng tốt cùng đến tuyệt vọng tốt cùng.
--	--	--

3. Xác định cách trình bày đoạn văn, luận điểm, luận cứ và dẫn chứng cho các đề bài sau:

- Viết 1 đoạn văn diễn dịch làm rõ tình yêu thương mãnh liệt của chú bé Hồng dành cho người mẹ của mình.
- Viết 1 đv qnap làm rõ tih yêu thương mẹ mãnh liệt của chú bé Hồng từ lúc gặp mẹ và được ngồi trong lòng mẹ.

4. So sánh bố cục, mạch truyện, cách kể chuyện của văn bản Trong lòng mẹ và VB Tôi đi học

Giống : - Kể và tả theo trình tự thời gian trong dòng hồi tưởng nhớ lại kí ức tuổi thơ.

- Tự sự kết hợp nhuần nhuyễn với yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Khác: - Văn bản Tôi đi học: chuyện kể liền mạch trong một khoảng thời gian ngắn

- Trong lòng mẹ: chuyện không thật liền mạch, có một chốc gạch nối nhỏ ngắt quãng về thời gian trước khi gặp mẹ

5. Chất trữ tình trong tác phẩm

- Chất trữ tình thể hiện ở tình huống và nội dung tác phẩm: Đó là hoàn cảnh đáng thương của chú bé Hồng, đó là câu chuyện về người mẹ âm thầm chịu nhiều đắng cay, nhiều thành kiến cổ hủ, lạc hậu, tàn ác; đó là lòng yêu thương và tin cậy của bé Hồng dành cho mẹ

- Chất trữ tình còn thể hiện ở dòng cảm xúc phong phú của bé Hồng. Trong dòng cảm xúc đó, người đọc bắt gặp niềm xót xa, tủi nhục, lòng căm giận sâu sắc, quyết liệt; tình yêu thương nồng nàn, mãnh liệt.

- Cách thể hiện của tác giả cũng góp phần làm nên chất trữ tình:

+ Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kể, tả và biểu cảm.

+ Các hình ảnh thể hiện tâm trạng, cách so sánh gây ấn tượng, giàu sức biểu cảm

+ Lời văn được viết trong dòng cảm xúc mon man, dạt dào

III. Đề luyện:

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Gợi ý:

a. VB Trong lòng mẹ, TG Nguyên Hồng, Thể loại hồi kí.

b. Các từ cùng trường từ vựng: đùi, đầu, cánh tay, mặt.

c. Đoạn văn

- Hình thức: đúng cấu trúc, số câu, diễn đạt lưu loát

- Sử dụng 1 từ láy tượng hình, gạch chân chỉ rõ.

- Nội dung: nêu dẫn chứng, nghệ thuật và phân tích làm rõ:

+ Niềm vui sướng hạnh phúc của chú bé Hồng khi gặp mẹ

+ Niềm vui sướng hạnh phúc của chú bé Hồng được ngồi trong mẹ

d. Đoạn văn NLXH

Suy nghĩ về tình cảm gia đình

1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng của mỗi người.
- Tình cảm ấy giúp cho mọi người có thêm động lực, sức mạnh làm chủ cuộc sống.

2. Thân đoạn:

a) Giải thích rõ:

- Gia đình là gì? Nơi sinh ra, lớn lên, có người thân yêu.
- Tình cảm gia đình là những tình cảm gì? Mọi quan hệ nào? (cha mẹ - con cái - anh chị em...)

b) Biểu hiện của tình cảm gia đình:

* Tích cực:

- Quan tâm, chia sẻ giữa các thành viên.
- Giúp đỡ, động viên nhau.
- Tạo nên sự thân thiết, gắn bó, ấm áp trong gia đình.

* Tiêu cực: Do tính chất công việc, do áp lực của hoàn cảnh mà tình cảm gia đình đôi lúc bị xao nhãng.

- Bố mẹ mải mê công việc mà không thường xuyên chia sẻ, động viên con.
- Con cái thiếu tự giác nên xa lánh bố mẹ.
- Tình cảm gia đình mất dần sự ấm áp, yêu thương.

c) Bàn bạc mở rộng:

- Giá trị của tình cảm gia đình rất lớn lao, tình cảm ấy đem lại niềm vui, hạnh phúc không gì sánh được.
- Tình cảm ấy giúp con người vượt qua mọi khó khăn trở ngại trong cuộc sống, quên mọi âu lo buồn phiền.
- Tình cảm gia đình là sợi dây vô hình gắn bó giữa mọi người không chỉ ở gia đình mà có thể mở rộng cả ngoài xã hội.
- Hãy trân trọng và giữ gìn tình cảm ấy ngày càng đậm thắm, ấm áp. (Phê phán những người xem thường tình cảm gia đình mình).
- Là học sinh: Biết quan tâm, chia sẻ, động viên mọi người trong gia đình để tình cảm ấy luôn là sức mạnh cho ta bước vào đời.

3. Kết đoạn: Cảm nghĩ về tình cảm gia đình luôn đẹp – cần có trong mọi thời đại.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

	Ý	Nội dung	Điểm
--	---	----------	------

a	- Đoạn văn trên thuộc Chương IV “Trong lòng mẹ” trích tập hồi kí <i>Những ngày thơ ấu</i> của tác giả Nguyên Hồng (1918- 1982), quê ở Nam Định. Ông là một trong những nhà văn lớn của văn học Việt Nam...	1,0
	- “Những ngày thơ ấu” Là tập hồi kí viết về tuổi thơ cay đắng của tác giả. Tác phẩm gồm 9 chương, đã đăng trên báo năm 1938 và in sách năm 1940.	0,5
b	Đoạn trích miêu tả nội tâm (ý nghĩ) của bé Hồng (nhân vật <i>tôi</i>) khi nghe những lời lẽ mỉa mai của bà cô về mẹ mình; đó cũng là nỗi xót xa khi nghĩ về mẹ mình vì sợ thành kiến xã hội mà mẹ của caauk bé Hồng cam chịu nỗi đau đớn, trốn tránh để xa lìa con, chịu nỗi đau chia ly với con...	1,5

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

- a) Nhân vật xưng “tôi” trong đoạn trích trên là bé Hồng (0,5 điểm)
- b) Các từ *mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng* thuộc trường từ vựng *các bộ phận con người*. (0,5 điểm)
- c) HS viết một câu văn đúng ngữ pháp, nội dung giới thiệu được về tác phẩm (có thể về năm sáng tác, thể loại hay nội dung của tác phẩm,...) (0,5 điểm)
- d) Nội dung khái quát của đoạn trích: Niềm sung sướng đến cực điểm của bé Hồng khi gặp lại mẹ. (0,5 điểm)

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4

Cho câu văn sau: *Và cái làm đó không những làm tôi hồ thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.*

- a. Đoạn văn được kể ở ngôi thứ nhất
 Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể đó:
 + tạo điểm nhìn trần thuật, câu chuyện được kể chân thực
 + Làm rõ hơn chủ đề tác phẩm
 + Nhân vật dễ dàng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ.
- b. Câu văn sử dụng hình ảnh so sánh: Phải sống trong sự ghẻ lạnh của bà cô, bà luôn cố ý gieo rắc và trong đầu Hồng những hoài nghi khiến Hồng khinh miệt mẹ. Nhưng bằng một trái tim nhạy cảm, bằng lòng kính yêu mẹ, Hồng đã chiến thắng, bỏ mặc ngoài tai những lời nói ác độc của bà cô. Hồng tin tưởng, chờ đợi mẹ sẽ về. Sự chờ đợi, niềm khát khao ấy được tác giả thể hiện qua chi tiết, chú bé đuổi theo bóng người trên xe kéo và hình ảnh so sánh sự thất vọng nếu người quay lại ấy không phải là mẹ thì chẳng khác nào ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc. Cách so sánh nhấn mạnh vào nỗi hồ thẹn và tủi cực nếu như có sự nhầm lẫn.
- c. HS tự viết đoạn

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5

Câu 1 (0,5 điểm)	- Đoạn văn trên trích trong văn bản Trong lòng mẹ - Tác giả: Nguyên Hồng
Câu 2 (0,5 điểm)	- Nội dung chính của đoạn trích: Niềm xúc động mãnh liệt của “tôi” (bé Hồng) về mẹ khi được ngồi trong lòng mẹ (Nhân vật “tôi” kể lại...)
Câu 3 (0,5 điểm)	- Tình cảm nhân vật tôi dành cho mẹ: Cảm thông, yêu thương sâu sắc mãnh liệt,...

<p>Câu 4 (2,5 điểm)</p>	<p>* Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày mạch lạc, hành văn trôi chảy, không mắc lỗi diễn đạt - Dung lượng: Khoảng 2/3 trang giấy thi (Trừ 0,5đ: ngắn dưới ½ trang, dài quá 1 ¼ trang hoặc viết thành bài văn) <p>* Nội dung:</p> <p>Hs trình bày được các nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm gia đình: Gia đình là nơi ta được che chở, đùm bọc, yêu thương, chăm sóc. - Vai trò và tầm quan trọng của gia đình: <p>+ Là chỗ dựa vật chất và tinh thần vững chắc của mọi thành viên; là cái nôi giáo dục nên nhân phẩm, tính cách của con trẻ</p> <p>+ Gia đình có nhiều mâu thuẫn, bất hòa khiến các thành viên dễ bị tổn thương và mặc cảm</p> <p>+ Con trẻ nếu không được gia đình bao bọc và dạy dỗ, sẽ dễ gục ngã trước khó khăn, cám dỗ từ xã hội,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp để có một mái ấm gia đình hạnh phúc: <p>Xây dựng không khí gia đình đầm ấm, hạnh phúc và no đủ. Mỗi gia đình phải biết cách giáo dục, quan tâm và chăm sóc con trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ gia đình em - Khẳng định vai trò của mái ấm và tình cảm gia đình
------------------------------------	--

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6

Câu 1.

Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm “Những ngày thơ ấu” của nhà văn Nguyên Hồng.

2.- Hai quan hệ từ diễn tả ý đối lập trong đoạn văn: nhưng (nhận ra những ý nghĩ cay độc), mặc dầu (nom một năm ròng).

- Hai quan hệ từ đó biểu hiện ý nghĩa: khẳng định tình yêu thương, sự thấu hiểu của bé Hồng dành cho mẹ dù bà cô có rắc tâm gieo vào đầu em những ý nghĩ không tốt về mẹ em.

3.- Từ “rất kịch”: rất giống như đóng kịch, ở đây có nghĩa là rất giả dối.

- Từ này cho thấy nét tính cách của “cô tôi” là giả dối, cay độc.

4. Thân phận người phụ nữ trong tác phẩm của Nguyên Hồng gọi đến tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” vì người phụ nữ trong cả hai tác phẩm đều đức hạnh, nhưng số phận bất hạnh.

5. Viết đoạn

* Yêu cầu về hình thức: đoạn văn 5-7 dòng.

* Yêu cầu về nội dung: Đoạn văn đảm bảo những nội dung chính sau:

- Tình mẫu tử trong nghịch cảnh là tình yêu thương của mẹ dành cho con trong những hoàn cảnh éo le, trong khó khăn, thử thách.

- Trong nghịch cảnh, tình mẹ được biểu hiện như sau:

+ Có thể là niềm tin dành cho con trong những gian khó.

+ Có thể là tình yêu thương để tiếp cho con sức mạnh.

+ Trong những tình cảnh éo le nhất, mẹ có thể hi sinh cả sự sống cho con.

- Tình mẹ luôn “bao la như biển Thái Bình dạt dào”, vì Thượng đế không có mặt ở khắp mọi nơi nên Người sinh ra người mẹ để bao bọc, chở che, yêu thương con. Hơn tất cả, trong những khoảnh khắc khó khăn của cuộc đời, có tình mẫu tử là có nguồn sức mạnh thiêng liêng nhất, bởi cuộc đời chỉ cần được tin và được hiểu từ chính những người thân thương nhất mà thôi.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 7

Gợi ý:

a - Đoạn văn trên trích từ văn bản "Trong lòng mẹ"-(Trích hồi kí "những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng)

- Đoạn văn kể về cảm xúc của bé Hồng khi bất ngờ gặp mẹ.

b - Từ tượng hình: Chầm chậm.

- Từ tượng thanh: Hồng hộc, nức nở, sụt sùi.

- Tác dụng: Đoạn văn cho ta thấy được sự xúc động và cảm giác hạnh phúc của hai mẹ con bé Hồng khi gặp lại nhau sau thời gian xa cách.

c. Biện pháp liệt kê được sử dụng trong câu “Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại.” là biện pháp liệt kê, thể hiện mong mỏi, khát khao gặp mẹ và niềm hạnh phúc khi được gặp mẹ của chú bé Hồng.

d. Tình thái từ “mà”

e. Mối quan hệ đồng thời.

f. Về hình thức : Một đoạn văn có dung lượng giới hạn, có dùng một từ láy.

- Về nội dung: Cảm nhận về cảm xúc của bé Hồng khi gặp mẹ.

Gợi ý:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản “ trong lòng mẹ “ - Trích hồi kí " những ngày thơ ấu" của tác giả Nguyên Hồng đã rất thành công trong việc thể hiện cảm xúc của Bé Hồng khi bắt gặp mẹ.

- Cảm xúc của bé Hồng được thể hiện:

+ Như một cảnh đào đạt niềm vui, xe chạy chầm chậm, hành động vội vã cuống quýt đuổi theo xe mẹ, thở hồng hộc, ríu cả chân lại, òa khóc nức nở...nhịp văn nhanh, gấp mừng vui, hờn tủi và vẫn rất trẻ con nũng nịu, nhỏ bé trước tình mẹ bao la.

- Đây là những giọt nước mắt bị dồn nén bấy lâu nay, là những giọt nước mắt hạnh phúc.

+ Những cảm nhận sâu sắc, tinh tế, niềm khao khát tình mẹ: Khi “thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo”, chú bé đã gọi bối rối, thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại. Hàng loạt động từ đã cho thấy khao khát gặp mẹ mãnh liệt của Hồng.

=> Có thể nói, với cách sử dụng từ láy, biện pháp nghệ thuật liệt kê, đoạn trích đã diễn tả một cách cảm động và chân thực cảm xúc của bé Hồng khi mới gặp mẹ.

****Từ láy :** “ nũng nịu”, “ hồng hộc”

Đề NLXH:

Tình cảm của bé Hồng dành cho mẹ, em có suy nghĩ gì về tình mẫu tử trong cuộc sống. Nêu suy nghĩ của em bằng 1 đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy

*** Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.

Tình mẫu tử là một trong những tình cảm rất đỗi thiêng liêng của mỗi người.

*** Thân đoạn**

a) Giải thích: Tình mẫu tử là tình cảm yêu thương, gắn bó giữa mẹ và con.

b) Bàn luận

+ Biểu hiện của tình mẫu tử:

- Mẹ yêu thương, che chở, hi sinh tất cả vì con.

- Con kính trọng, yêu thương, biết ơn mẹ.

(Lấy dẫn chứng trong văn học và thực tế làm dẫn chứng)

+ Sức mạnh của tình mẫu tử.

- Là tình cảm thiêng liêng, cao quý, giúp hình thành nhân cách cho con, dạy con biết yêu thương, sống có lòng biết ơn.

- Là nguồn sức mạnh tinh thần vô giá tiếp sức cho cả mẹ và con trên đường đời để có thể vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn.

- Là niềm an ủi, vỗ về, chở che, bao dung khi con vấp ngã hay mắc sai lầm.

c)Đánh giá, mở rộng vấn đề.

- Đánh giá: Tình mẫu tử là tình cảm tự nhiên, thiêng liêng và bất diệt.

- Mở rộng vấn đề

+ Phê phán những kẻ không biết trân trọng tình cảm này.

+ Cảm thông với những người bất hạnh không được sống trong tình mẫu tử.

d) Bài học

- Chúng ta cần giữ gìn và trân trọng tình cảm thiêng liêng này.
- Làm một người con hiếu thảo, học tập và rèn luyện, trở thành người có ích, để báo đáp công ơn của mẹ.
- Liên hệ bản thân

* **Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề

Có thể nói, tình mẫu tử là điểm tựa vững chắc trong cuộc đời mỗi con người.

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
A	B	D	C	D	C

2. Tự luận

- Mặc dù đã ngót một năm chú bé không nhận được tin tức gì của mẹ, đặc biệt mặc dầu bị bà cô chia rẽ tình mẹ con, nhưng tình thương và lòng kính mẹ của bé Hồng vẫn nguyên vẹn.

- Bé Hồng không hề trách mẹ nếu quả là mẹ "đã chữa đẽ với người khác". Tuy non nớt, nhưng bé hiểu "vì tội góa chồng, vì túng bần quá mà mẹ mình phải bỏ các con đi tha phương cầu thực".

- Chú bé Hồng khi nghe những lời giả dối, thâm độc của bà cô xúc phạm đến người mẹ bất hạnh của mình càng thương mẹ mình hơn. Chú cố kìm nén nhưng "nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ".

- Hồng căm ghét cực độ những hủ tục đã dày dọa mẹ mình. "Cô tôi nói chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ không ra tiếng. Giá những cổ tục dày dọa mẹ tôi là một vật như hòn đá, cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi".

- Chỉ cần thoáng qua, bé đã phát hiện ra chính xác mẹ mình. Gặp mẹ, Hồng vui sướng cao độ. Niềm vui sướng ấy như thấm vào da thịt.

→ Qua đó có thể thấy, chú bé Hồng dù còn rất nhỏ nhưng là người con hiếu thảo, thấu hiểu cho hoàn cảnh gia đình và nỗi lòng của mẹ. Dù người khác có tác động, Hồng vẫn giữ một niềm tin và sự kính trọng với mẹ của mình.

ĐỀ 2

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	D	B	D	C	D

2. Tự luận

Chất trữ tình được thể hiện qua các phương diện sau :

- Tình huống truyện: bà cô với ý đồ thâm độc, dùng những lời lẽ mỉa mai, cay nghiệt muốn Hồng sẽ oán ghét mẹ mình nhưng ngược lại, Hồng càng thương mẹ mình hơn. Tình cảm của người con vẫn tràn đầy niềm yêu thương, tin tưởng và còn có mơ ước phá tan mọi hủ tục để cho mẹ không bị đau khổ.
- Dòng cảm xúc phong phú của chú bé Hồng được miêu tả qua những chi tiết rất cảm động, sự xót xa tủi nhục, lòng căm giận sâu sắc, quyết liệt, cũng như tình yêu thương nồng nàn, thấm thiết.
- Cách thể hiện tâm trạng nhân vật của tác giả thông qua việc kết hợp giữa cách kể và biểu lộ cảm xúc, những hình ảnh gợi cảm và giàu tính nhân văn trong dòng cảm xúc dạt dào tình yêu thương.

KIỂM TRA MÔN NGŨ VĂN 8 - HỌC KÌ I

Thời gian: 15 phút **ĐỀ 1**

Họ và tên: Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

Đọc những câu văn sau và trả lời câu hỏi:

“(1) Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

(2) Tôi quên thế nào được cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời xanh quang đãng.”

1. Những câu văn trên được trích trong văn bản nào? Của ai?

.....

2. Văn bản đó thuộc thể loại gì? Cho biết phương thức biểu đạt của văn bản?

.....

3. Bằng 1 câu văn hãy nêu nội dung chính của văn bản?

.....

4. Tìm và nêu tác dụng của các từ láy được tác giả sử dụng trong câu văn số (1)

.....

5. Xác định biện pháp tu từ trong câu văn số 2 và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó bằng 1 đoạn văn ngắn khoảng 5 câu.

KIỂM TRA MÔN NGỮ VĂN 8 - HỌC KÌ I*Thời gian: 20 phút* **ĐỀ 2**

Họ và tên:.....Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

Đọc những câu văn sau và trả lời câu hỏi:

“(1) Tôi ngồi trên đùi mẹ tôi, đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng mơn man lại khắp da thịt.

(2) Giá những cô tục đã đẩy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy mà cắn mà nhai, mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi.”

1. Những câu văn trên được trích trong văn bản nào? Của ai?

.....

2. Văn bản đó thuộc thể loại gì? Cho biết phương thức biểu đạt của văn bản?

.....

3. Bằng 1 câu văn hãy nêu nội dung chính của văn bản?

.....

4. Tìm và nêu tác dụng của các từ láy được tác giả sử dụng trong câu văn số (1)

.....

5. Xác định biện pháp tu từ trong câu văn số (2) và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó bằng 1 đoạn văn ngắn khoảng 5 câu.

ĐÁP ÁN KIỂM TRA MÔN NGỮ VĂN 8 - HỌC KÌ I

	Đề 1	Đề 2	
Câu 1	VB Tôi đi học TG: Thanh Tịnh	VB Trong lòng mẹ TG: Nguyên Hồng	1đ
	Thể loại: truyện ngắn	Thể loại: Hồi kí	

Câu 2	PTBD: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm	PTBD: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm	2đ
Câu 3	Truyện kể về những kỉ niệm trong sáng, hồn nhiên của buổi tựu trường đầu tiên qua sự hồi tưởng của nhân vật tôi.	Trong lòng mẹ là đoạn hồi ức cảm động về nỗi đắng cay, tủi cực của bé Hồng và tình yêu thương tha thiết, cháy bỏng mà em dành cho người mẹ bất hạnh, đáng thương	1đ
Câu 4	Từ láy: bàng bạc, nao nức, mơn man Tác dụng: Diễn tả những cảm xúc bằng khuâng, xao xuyến khi nhớ lại kỉ niệm ngày đầu đến trường. Giúp cho văn bản giàu chất thơ.	Từ láy: ăm ắp, mơn man Tác dụng: Diễn tả sinh động hơn niềm hạnh phúc của chú bé Hồng khi được ngooig trong lòng mẹ. -> Tình yêu mẹ tha thiết...	1,5
Câu 5	- Hình ảnh so sánh như mấy cành hoa tươi biểu trưng cho cái đẹp, cái tinh hoa tinh túy, cái đáng yêu, đáng nâng nui của tạo hoá ban cho con người. Dùng hình ảnh cành hoa tươi tác giả nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên thật đẹp đẽ, đáng yêu, đáng nâng niu vô cùng. Về đẹp ấy không chỉ sống mãi trong tiềm thức, kí ức mà luôn tươi mới vẹn nguyên. - Phép nhân hoá “hoa tươi mỉm cười” diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc tràn ngập rạo rực và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ phía trước. Rõ ràng những cảm giác, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng "tôi" với bao tràn ngập hy vọng về tương lai.	- NT: so sánh(cổ tục với hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ), nói quá và liệt kê. - Tác dụng: + gợi hình ảnh sinh động, rõ nét + Thể hiện thái độ căm ghét những hủ tục của chú bé Hồng vì chúng đã gây nên những bất hạnh, khổ đau cho mẹ mình + Mong muốn phá bỏ những hủ tục để bảo vệ mẹ. -> Thể hiện tình yêu thương mẹ mãnh liệt, tình mẫu tử sâu sắc.	4,5 đ

V. TỰ LIỆU THAM KHẢO

I. Chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em qua đoạn trích Trong lòng mẹ

Văn của Nguyên Hồng giàu cảm xúc, ngọt ngào và nhuần nhị rất hợp với những kỉ niệm về mẹ và về tuổi thơ. Phải chăng vì lẽ đó mà có ý kiến đã cho rằng “Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng”. Lời nhận định khái quát gần trọn sự nghiệp sáng tác của Nguyên Hồng và đặc biệt đúng ở đoạn trích Trong lòng mẹ.

Nguyên Hồng đến với phụ nữ và trẻ em không phải như là một sự ngẫu nhiên. Ngay từ hai tập sách đầu tay, tiểu thuyết Bỉ vỏ và hồi ký Những ngày thơ ấu, nhà văn đã dụng công viết về những gian truân của họ. Từng có lúc nếm trải cuộc sống cùng cực ở xóm Cắm, Hải Phòng, Nguyên Hồng hiểu những nỗi đắng cay kia như chính cuộc đời mình. Có thể nói những trang hồi ký về “ngày thơ ấu” là những trang văn đậm sâu kỷ niệm về tình mẫu tử, ở đó, tác giả đã để cho tình thương yêu vượt lên bao định kiến hằn học mà tỏa sáng.

Trong lòng mẹ là một đoạn trích ngắn gọn gồm ba nhân vật: hai người phụ nữ và một cậu bé trai. Ba nhân vật khác nhau về tính cách nhưng đều đã hiện lên sinh động và đầy ấn tượng dưới ngòi bút của Nguyên Hồng. Đoạn trích chứng tỏ sự am hiểu sắc của nhà văn về phụ nữ và trẻ em. Đặc biệt là sự nắm bắt cá tính và tâm lý.

Nhân vật người cô được nhà văn xây dựng qua đối thoại. Nhân vật không được đặc tả nhưng tính cách cứ lộ dần qua lời đối thoại. Đó là một hình mẫu điển hình cho sự tàn nhẫn và lòng đố kỵ. Sự nhỏ nhen của người cô làm bé Hồng đau nhói. Những lời nói lạnh lùng mà quái ác của người cô như được chất ra từ bao cảnh đời ngang trái mà Nguyên Hồng đã gặp. Cái ác có nhiều loại nhưng sự tàn nhẫn giả dối và đố kỵ thì ở đâu chẳng có những nét mặt giống nhân vật của Nguyên Hồng.

Hiểu sâu sắc về nhân vật phản diện nhưng tác giả còn tỏ ra tinh tế hơn nhiều khi lật mở những vẻ đẹp của tình yêu thương trong tâm hồn non nớt của bé Hồng. Tình yêu mẹ của bé Hồng vượt qua tất cả những dèm pha nanh nọc của bà cô. Ở trong em, kỷ niệm về mẹ, hình ảnh của mẹ bao giờ cũng tươi đẹp và trong sáng vô cùng. Dù có những lúc boăn khoăn nhưng cậu bé Hồng vẫn kiên trì một suy nghĩ đầy yêu thương về mẹ. Thế mới biết Nguyên Hồng hiểu và rất hiểu tuổi thơ. Ở đó, có thể nói trong tất cả chúng ta, cái ánh sáng chiếu rọi lung linh và duy nhất đó là sự hiền hòa, yêu thương của

lòng mẹ. Với hình ảnh bé Hồng, nhà văn dường như đã làm cho tình mẫu tử trên thế gian này thiêng liêng và ý nghĩa hơn gấp nhiều lần.

Nhân vật kiệm lời nhất nhưng lại để lại cho chúng ta nhiều day dứt nhất chính là mẹ bé Hồng. Một người phụ nữ hẳn phải hiền hậu vô cùng. Chỉ cần xem cái nhìn nhân vật đón bé Hồng, ôm trọn cái sinh linh bé nhỏ vào lòng mà ta cảm thấy cái tình mẫu tử sâu nặng và cao quý biết bao. Không thể diễn tả hết nỗi đau của người mẹ khi phải xa con và cũng không thể diễn tả hết niềm hạnh phúc trong ngày gặp lại con, nhà văn để cho người mẹ đáng thương im lặng. Ngày gặp lại con không biết có bao nhiêu cảm giác trong lòng người mẹ đang được ngân lên: vui có, buồn có, lo lắng, tủi hờn cũng có. Vậy sự im lặng đã trở thành sự diễn đạt tinh tế nhất.

Viết về phụ nữ, nhi đồng, viết về những kỷ niệm tuổi thơ không khó nhưng viết cho hay thì không dễ chút nào. Văn của Nguyên Hồng có nguồn mạch tự nhiên về đề tài người phụ nữ, về tuổi thơ. Cái nguồn mạch ấy chính là sự chất lọc từ lòng yêu thương của Nguyên Hồng, từ những kỷ niệm tuổi thơ đẹp đẽ và sâu sắc về người mẹ kính yêu.

II. Nhà văn Nguyên Hồng

1. Giải thích:

- Đề tài: Nhìn vào sự nghiệp sáng tác của Nguyên Hồng, người đọc dễ nhận thấy hai đề tài này đã xuyên suốt hầu hết các sáng tác của nhà văn.: Những ngày thơ ấu, Hai nhà nghề, Bỉ vỏ...
- Hoàn cảnh: Gia đình và bản thân đã ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác của nhà văn. Bản thân là một đứa trẻ mồ côi sống trong sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần lại còn bị gia đình và xã hội ghẻ lạnh.
- Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em không phải vì ông viết nhiều về nhân vật này. Điều quan trọng ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng tài năng và tâm huyết của nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sỹ, dường như nghệ sỹ đã hoà nhập vào nhân vật mà thương cảm mà xót xa đau đớn, hay sung sướng, hả hê.

2. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ.

a. Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ

- Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ. Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực buôn bán ngược xuôi để kiếm sống. Sự vất vả, lam lũ đã khiến người phụ nữ xuân sắc một thời trở nên tiêu tụy đáng thương “Mẹ tôi ăn mặc rách rưới, gầy rạc đi”
- Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ: Hủ tục ép duyên đã khiến mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với người đàn ông gấp đôi tuổi của mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ con đi tha hương cầu thực, sinh nở vùng trộm dâu giếm.

b. Nhà văn còn ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:

- Giàu tình yêu thương con. Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động đến nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sụt sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm sung sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm... mẹ bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách.

c. Là người phụ nữ trọng nghĩa tình

- Dầu chẳng mặn mà với cha Hồng song vốn là người trọng đạo nghĩa mẹ Hồng vẫn trở về trong ngày giỗ để tưởng nhớ người chồng đã khuất.

d. Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ người phụ nữ:

- Bảo vệ quyền bình đẳng và tự do, cảm thông với mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng.
- > Tóm lại: Đúng như một nhà phê bình đã nhận xét “Cảm hứng chủ đạo bậc nhất trong sáng tạo nghệ thuật của tác giả Những ngày thơ ấu lại chính là niềm cảm thương vô hạn đối với người mẹ. Những dòng viết về mẹ là những dòng tình cảm thiết tha của nhà văn. Không phải ngẫu nhiên khi mở đầu tập hồi ký Những ngày thơ ấu, nhà văn lại viết lời đề từ ngắn gọn và kính cẩn: Kính tặng mẹ tôi.” Có lẽ hình ảnh người mẹ đã trở thành người mạch cảm xúc vô tận cho sáng tác của Nguyên Hồng để rồi ông viết về học bằng tình cảm thiêng liêng và thành kính nhất.

2. Nguyên Hồng là nhà văn của trẻ thơ.

a. Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nỗi bất hạnh của trẻ thơ.

- Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả vật chất lẫn tinh thần: Cả thời thơ ấu của Hồng được hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà đau khổ thì không sao kể xiết: Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân Gia đình và xã hội đã không cho em được sống thực sự của trẻ thơnghĩa là được ăn ngon, và sống trong tình yêu thương

đùm bọc của cha mẹ, người thân. Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm

b. Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:

- Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt . Luôn nhớ nhung về mẹ . Chỉ mới nghe bà cô hỏi “Hong, mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không”, lập tức, trong ký ức của Hồng trỗi dậy hình ảnh người mẹ.
- Hồng luôn tin tưởng khẳng định tình cảm của mẹ dành cho mình. Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian, không gian, dù bà cô có tinh ma độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ . Hồng luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ . Trong khi xã hội và người thân hòa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cổ tục phong kiến kia . Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn . Hồng căm thù những cổ tục đó: “Giá những cổ tục kia là một vật nhưthôi”
- Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao tháng ngày đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tin ngưỡng thiêng liêng thành kính. Trái tim của Hồng như đang róm máu, rạn nứt vì nhớ mẹ . Vì thế thoáng thấy người mẹ ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ ,em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất giấu ở trong lòng

c. Sung sướng khi được sống trong lòng mẹ.

- Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chỉ vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc tức tưởi, mãn nguyện

d. Nhà thơ thấu hiểu những khao khát muôn đời của trẻ thơ

- Khao khát được sống trong tình thương yêu che chở của mẹ, được sống trong lòng mẹ.

III. đoạn trích “ Trong lòng mẹ “

1. Tóm tắt văn bản:

- Chú bé Hồng có một tuổi thơ đầy bất hạnh: bố chết sớm vì nghiện ngập, mẹ vì cảnh cùng túng quá phải bỏ con đi tha hương cầu thực, chú sống với bà cô cay nghiệt.
- Một hôm, bà cô gọi Hồng đến và hỏi có muốn vào Thanh Hoá với mẹ không. Nhận ra vẻ mặt rất kịch và tâm địa độc ác của bà cô, Hồng nén lại niềm thương nhớ mẹ và trả lời không muốn vào.
- Nhưng bà cô vẫn cố tình kể chuyện mẹ Hồng khôn khổ, đã có con với người khác làm cho Hồng đau đớn, thương mẹ và căm phẫn những cổ tục đã đẩy đoạ mẹ mình.
- Gần đến ngày giỗ bố, trên đường đi học về, Hồng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ. Chú đã đuổi theo và khi nhận ra mẹ, Hồng đã oà khóc nức nở.
- Hồng cảm thấy sung sướng và hạnh phúc vô cùng khi được ở trong lòng mẹ. Hồng thấy mẹ vẫn đẹp như ngày nào. Chú đã quên hết mọi lời xúc xiểm của bà cô.

2. Nhan đề :

- Tên văn bản trước hết có ý nghĩa tả thực, gắn với một sự việc cụ thể: Hồng được gặp mẹ, được ngồi trong lòng mẹ, được mẹ yêu thương, âu yếm.
- Song nhan đề văn bản còn mang ý nghĩa tượng trưng: “Trong lòng mẹ” cũng là trong tình thương của mẹ, được mẹ che chở, bao bọc.
- Từ nhan đề văn bản, người đọc đã phần nào hiểu được tình yêu thương mẹ tha thiết, sự khao khát được sống trong tình mẹ của chú bé Hồng, một chú bé có tuổi thơ đầy cay đắng.

3. Nhân vật bà cô

Nhân vật bà cô chỉ xuất hiện trong tác phẩm với vai trò là nhân vật phụ, được miêu tả rất ngắn gọn nhưng những gì mà nhân vật này đọng lại trong lòng người đọc thì thật ấn tượng và khó có thể phai mờ. Tuy đó chính là người có cùng chung dòng máu với chú bé Hồng, là người cô ruột nhưng nhân vật không hề khiến cho chúng ta cảm nhận được tình cảm của người thân trong gia đình. Người cô của bé Hồng đại diện cho tầng lớp tiểu tư sản thị dân, sống trong xã hội xưa nhỏ nhen, ích kỷ, giả dối và độc ác. Bà cô hiện lên trong lòng người đọc với hình ảnh luôn đố kỵ, tàn nhẫn với những nỗi đau của chú bé Hồng khiến cho bé Hồng luôn phải giấu tình yêu thương dành cho người mẹ của mình vào góc sâu nhất trong trái tim chứ không thể chia sẻ nó cho mọi người giống như những đứa trẻ khác.

Gần đến ngày giỗ đầu của thầy bé Hồng, người cô gọi bé Hồng đến và cười hỏi: “Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?” Bà ta làm ra vẻ quan tâm đến chú, nhưng bé Hồng đã nhận ra ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của người cô. Bé Hồng biết rõ nhắc đến mẹ, người cô ấy chỉ cố ý gieo giắt vào đầu óc chú những hoài nghi để chú khinh ghét và ruồng rẫy mẹ.

Bằng giọng nói ngọt ngào, giả dối “Sao lại không vào? Mẹ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu?” Toàn bộ câu nói như dừng lại và dẫn vào hai chữ “ phát tài”. Bà cô thừa biết rằng mẹ của bé Hồng đang phải chịu cảnh tha hương nơi đất

khách, vất vả kiếm sống của những người mất chồng, xa con. Cuộc sống của người phụ nữ phải phiêu bạt khắp mọi nơi. Ấy thế nhưng người cô không hề có bao giờ cảm thông cho người em dâu mình. Trong mắt của người cô, mẹ bé Hồng là người xấu, là người phụ nữ không có nhân cách. Câu nói không khác gì lưỡi dao cứa vào lòng của người cháu non nớt. Người cô lúc nào cũng chỉ muốn chia cắt tình cảm của hai mẹ con, làm cho bé Hồng ghét người mẹ của mình. Thậm chí, sự độc ác của người cô như không dừng lại ở đó và tiếp tục dâng lên ở mức cao hơn.” vào mà bắt mợ mày may vá, sắm sửa cho em bé chứ” khiến cho bé Hồng đau nhói, khổ sở vì tưởng mẹ mình có tình yêu thương khác, không nghĩ tới người cha đã mất và con trai đang ở nhà. Có lẽ lúc ấy, trên khuôn mặt của bà cô chính là nụ cười cay độc, nụ cười trên nỗi đau chính người cháu bất hạnh của mình. Bà ta cố ngân dài ra thật ngọt, thật rõ hai tiếng “em bé” như để bé Hồng phải nhớ rằng mẹ của chú là người phụ nữ chưa đoạn tang chồng mà đã có con với người khác.

Vẫn chưa chịu buông tha Hồng, bà cô tiếp tục kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ Hồng. Đó là sự vô cảm sắc lạnh đến ghê người. Chúng khiến tâm trạng của Hồng đau đớn, uất ức đến cực điểm. Chỉ đổi giọng, vỗ vai, nghiêm nghị của bà cô thực chất là sự thay đổi đầu pháp tấn công. Khi thấy cháu tức tưởi phần uất bà mới hạ giọng tỏ sự ngậm ngùi thương xót người đã mất. Khi đó, sự giả dối thâm hiểm trên của bà cô đã phơi bày toàn bộ.

=> *Nhân vật người cô được thể hiện là người đàn bà có tâm địa đen tối khi cố ý khắc sâu vào nỗi đau trong tâm hồn nhạy cảm của đứa cháu mồ côi, cố ý gieo vào lòng nó thái độ khinh miệt ruồng rẫy đối với người mẹ mà nó vô vàn yêu thương.*

4. Nhân vật bé Hồng:

Tuổi thơ của Hồng bất hạnh, mồ côi cha, mẹ chú bắt đắ dĩ phải tha hương cầu thực. Chú sống trong sự thiếu thốn tình cảm và không có sự chăm chút, che chở của cha mẹ.

Đáng thương thêm, chú phải sống với người cô cay nghiệt, hẹp hujng. Người cô ấy luôn gây tổn thương cho chú bằng cách gièm pha, nói xấu mẹ chú, tìm cách để chú ruồng rẫy, khinh miệt mẹ mình. Người cô này còn thiếu tử tế ở chỗ luôn vô quan tâm hỏi han về mẹ Hồng, để gieo rắc sự hoài nghi của Hồng với mẹ.

Trong hoàn cảnh ấy, Hồng đã phải gắng sức chịu đựng, kìm nén. Song nỗi đau thương cho mình và cho mẹ vượt quá sự chịu đựng của đứa trẻ, chú đã phải khóc rất nhiều, nước mắt ngậm ngùi của đứa trẻ thẳm vụng túi cực “nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa, đầm đìa ở cằm và ở cổ”.

Tuy vậy, Bé Hồng luôn mang trong mình một trái tim thiết tha yêu thương:

Sống với người cô luôn ghét mẹ mình, sống trong sự gièm pha nói xấu, bé Hồng không vì thế mà không còn yêu thương mẹ. Chú đã muốn nói có ngay sau khi bà cô hỏi có muốn vào Thanh Hóa thăm mẹ không; rồi chú nhận ra ngay ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của người cô nên chú cúi đầu không đáp. Nhưng lại không muốn tình thương yêu và lòng kính mến mẹ bị “những rắp tâm tanh bẩn” xâm phạm đến nên chú cố cười và đáp lại một cách rất tự tin: “Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về”.

Sau lời hỏi thứ hai của người cô, lòng chú bé càng thất lại, khóe mắt đã cay cay.

Khi bà cô ngân dài hai tiếng “em bé”, thì nỗi đau đớn, phần uất ở chú bé không còn nén nổi, nước mắt chú bé”ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ”. Không phải vì bé Hồng đau đớn tủi cực vì mẹ chú làm điều xấu xa mà chỉ vì thương mẹ và căm tức sao mẹ lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà phải sinh nở một cách giấu giếm. Bé Hồng chẳng những không kết án mẹ vì để em bé khi chưa đoạn tang chồng mà trái lại chú lại càng thương mẹ hơn. Chú cố kìm nén nỗi đau xót, tức tưởi đang dâng lên trong lòng để hỏi lại bằng cách “cười dài trong tiếng khóc”

Tâm trạng đau đớn, uất ức của chú bé dâng đến cực điểm khi nghe người cô cứ tươi cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ mình. Tình yêu thương mẹ của bé Hồng đặc biệt vì nó luôn bị thử thách trong cảnh ngộ éo le. Nó giản dị, chân thành, hầu như không vì mong được đền đáp: “Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà”. Và cũng vì thương mẹ mà chú bé căm ghét những hủ tục phong kiến đã đọa đày mẹ: “Giá những cô tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vò ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”. Câu văn với phép so sánh đặc sắc, bằng những hình ảnh cụ thể, nhịp văn gấp gáp, dồn dập đã thể hiện sự phản kháng quyết liệt và cũng rất hồn nhiên, trẻ con của chú bé Hồng. Sự căm tức dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của tình yêu thương mẹ tha thiết.

Tình cảm của bé Hồng đối với người mẹ bất hạnh không chỉ là tình thương mà còn được thể hiện sâu sắc ở cảm giác sung sướng cực điểm khi bé gặp mẹ và sống trong lòng mẹ

Trên đường đi học về, thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ mình, bé Hồng cuống quýt đuổi theo và bồi rối “Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...” Điều đó cho thấy hình ảnh người mẹ luôn luôn thường trực trái tim chú bé. Chú bé lúc nào cũng nhớ mong và yêu thương mẹ vô cùng. Trong bé Hồng, cảm giác khi nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là điều tủi cực ghê gớm cho chú bé “khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước

con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa xa mạc”.Nỗi khắc khoải mong mẹ đến cháy ruột của chú bé đã được thể hiện thật thấm thía, xúc động bằng hình ảnh so sánh đặc sắc này.

Chú bé thờ hồng hộc, chán chường mồ hôi, khi trèo lên xe “rúi cả chân lại” biết bao hồi hộp, sung sướng, đau khổ toát lên từ những cử chỉ cuống quýt ấy. Và khi được mẹ kéo tay và xoa đầu hỏi thì chú “oà lên khóc rồi cứ thế nức nở”. Đường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén trong suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẳng lúc này bỗng vỡ oà.Tiếng khóc của chú bé là tiếng khóc dỗi hờn và hạnh phúc, tức tưởi và mãn nguyện của xa cách, mong nhớ.

Ngồi trong lòng mẹ, chú hạnh phúc đắm mình trong tình mẫu tử. Chú thấy mẹ vẫn đẹp như thuở nào “vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má”.Chú cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc bên con của người mẹ.

Chú bé cảm thấy ngây ngất sung sướng khi được sà vào lòng mẹ,cảm giác mà chú đã mất từ lâu: “Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi,đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi,tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt”.Bé Hồng còn cảm nhận thấm thía hơi thở vô cùng thân thiết: “Hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lại thường”.

Kỉ niệm ngọt ngào làm chú sung sướng đến nghẹn ngào: “Phải bé lại và lặn vào lòng một người mẹ,áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Lúc ấy, bé Hồng như quên đi tất cả những cay độc, buồn tủi“bên tai tôi ù đi, lời bà cô chìm xuống,tôi không mấy may nghĩ ngợi gì nữa...”. Nghĩa là hạnh phúc lớn lao, choáng ngập niềm sung sướng được ở bên mẹ tràn ngập trong bé Hồng, không một rấp tâm tanh bần nào xâm phạm được, nó cũng như một liều thuốc hữu hiệu đã nhanh chóng chữa lành mọi tổn thương trong em bấy lâu nay, đó chính là hạnh phúc lớn lao của tình mẫu tử thiêng liêng và cao cả.

-> Bé Hồng là hình ảnh một tuổi thơ nhiều bất hạnh nhưng vẫn tỏa sáng bởi trái tim nhân hậu giàu lòng yêu thương.

TÁC PHẨM *Tắt đèn*-Ngô Tất Tố

I- Tác giả- Ngô Tất Tố (1893- 1954) sinh tại Lộc Hà, huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh- Hà Nội)

- Thuở nhỏ học chữ Nho nổi tiếng thông minh, đỗ đầu kì thi khảo hạch vùng kinh Bắc, được ái mộ, gọi là “đầu xứ Tố”. Khi nền Hán học suy tàn : “ông nghề, ông công cũng nằm co”(Tú Xương), Ngô Tất Tố tự học chữ Quốc ngữ và học tiếng Pháp. Ông trở thành một nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật và khảo cứu nổi tiếng.

+ Về hoạt động báo chí, ông được coi là “một tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà nho” (lời Vũ Trọng Phụng), có mặt trên nhiều tờ báo trong cả nước với hàng chục bút danh, với một khối lượng bài báo đồ sộ, đề cập nhiều vấn đề thời sự, xã hội, chính trị, văn hoá, nghệ thuật. Đó là một nhà báo có lập trường dân chủ tiến bộ, có lối viết sắc sảo, điêu luyện giàu tính chiến đấu, nhiều bài là những tiểu phẩm châm biếm có giá trị văn học cao

+ Về sáng tác văn học, ông là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng. Là cây bút phóng sự, là nhà tiểu thuyết nổi tiếng. Gọi NTT là “nhà văn của nông dân” bởi ông chuyên viết về nông thôn và đặc biệt rất thành công ở đề tài này.

VD: Các phóng sự : Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940) là các tập hồ sơ lên án những hủ tục “quái gở”, “man rợ” đang đè nặng lên cuộc sống người nông dân ở nhiều vùng nông thôn khi đó. Tiểu thuyết “Tắt đèn” là “thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, tòng lai chưa từng thấy (Lời Vũ Trọng Phụng trong bài “báo thời vụ”). Tiểu thuyết “Lều chõng” (1939) tái hiện tỉ mỉ sinh động cảnh hà trường và thi cử thời phong kiến. Nhưng khác với những tác phẩm đương thời cùng đề tài, “lều chõng” đã vạch trần tính chất nhồi sọ và sự trói buộc khắc nghiệt bóp chết óc sáng tạo của chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến. Tác phẩm ít nhiều có ý nghĩa chống lại phong trào phục cổ do thực dân đề xướng lúc bấy giờ.

- Sau cách mạng tháng Tám, NTT sống và hoạt động văn hóa văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc, ông qua đời trước mấy ngày chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

II- Tóm tắt tác phẩm “Tắt đèn”

- Câu chuyện trong “Tắt đèn” diễn ra trong một vụ đóc sưu, đóc thuế ở một làng quê- làng Đông xá dưới thời Pháp thuộc. Công làng bị đóng chặt. Bọn hào lý và lũ tay chân với roi song, dây thừng, tay thước nghênh ngang đi lại ngoài đường thét trối kẻ thiếu sưu. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

- Sau hai cái tang liên tiếp(tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng đầu tắt mặt tối quanh năm mà vẫn không đủ ăn, áo không đủ mặc, đến nay đã lên đến “bạc nhất nhì trong hạng cùng đinh”. Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời không có tiền nộp sưu, anh Dậu đã bị bọn cường hào “bắt trối” như trối chó để giết thịt. Chị Dậu tất tả chạy ngược chạy xuôi, phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng và ồ chó cho vợ chồng Nghị Quế để trang trải “món

nợ nhà nước”. Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất sưu cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì “chết cũng không trốn được nợ nhà nước”. Bị ốm, bị trời, bị đánh Anh Dậu bị ngất đi, rũ như xác chết được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau anh Dậu còn đang ốm rất nặng chưa kịp húp tí cháo thì tay chân bọn hào lí lại ập đến. Chúng lồng lên chửi mắng, bịch vào ngực và tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trời chồng mình. Nhưng tên Cai Lệ đã gầm lên, rồi nhảy thốc vào trời anh Dậu khi anh Dậu đã bị lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên Cai Lệ và tên hầu cận lí trưởng, những kẻ đã “hút nhiều xái cũ”.

- Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Tri Phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen dòn, đôi mắt sắc sảo đã giở trò bỉ ổi. Chị Dậu đã “ném tọt” cả nắm giấy bạc vào mặt con quỷ dâm ô, rồi vùng chạy. Món nợ nhà nước vẫn còn đó, chị Dậu phải lên tỉnh đi ở vú. Một đêm tối trời, cụ cố thượng đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng chị Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài trong khi “trời tối đen như mực”

III- Giới thiệu “Tắt đèn”.

1. Về nội dung tư tưởng

a. “Tắt đèn” là một tác phẩm giàu giá trị hiện thực: Tố cáo và lên án chế độ sưu thuế đã man của thực dân Pháp đã bản cùng hóa nhân dân. “Tắt đèn” là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến.

b. “Tắt đèn” giàu giá trị nhân đạo

- Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình xóm nghĩa làng giã giữa những con người cùng khổ, số phận những người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

- “Tắt đèn” đã xây dựng nhân vật chị Dậu, một hình tượng chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp : cần cù, tần tảo, giàu tình thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa đôn hậu, vừa trong sạch.

2. Về nghệ thuật:

- Kết cấu chặt chẽ, tập trung. Cái tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Nhân vật chị Dậu xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm

- Tính xung đột, tính bi kịch cuốn hút, hấp dẫn

- Khắc họa thành công nhân vật: các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến địa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có nét riêng rất chân thực, sống động.

- Ngôn ngữ từ miêu tả đến tự sự, rồi đến ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn đậm đà.

=> Tóm lại, đúng như Vũ Trọng Phụng nhận xét : “Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN HỌC VIỆT NĂM ĐOẠN TRÍCH TỨC NƯỚC VỠ BỜ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	2.Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục

[illegible]

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật

[illegible]

1. Nhân vật chị Dậu	a. Hoàn cảnh:	<p>- nghèo, thuộc hạng</p> <p>- Bắt cho cả của chị vừa mất</p> <p>- Phải bán cả mà vẫn không đủ</p> <p>- Chồng bị, đánh đập mới vừa được</p>	Có hoàn cảnh
	b. Phẩm chất	<p>-</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>+ Chị nhanh chóng cho chồng ăn</p> <p>+ Chị nhìn chồng ăn, vừa cố vừa hỏi xem chồng ăn có không</p> <p>+ Dùng lời lẽ thật để chồng.</p> <p>+ cho con</p> <p>=> Người vợ, người mẹ</p> <p>.....</p>
		<p>-, đặt lí</p>	<p>+ Xin thư thư cho mấy bữa để</p>

			<p>.....</p> <p>+ Cố gắng dùng khẩn thiết, để mong chúng</p> <p>.....</p> <p>+ Những lời van xin bị, chị đưa ra những thấu đáo, hợp tình: "....."</p> <p>....."</p>
		- Sức mạnh mẽ:	<p>+ Khi chúng vẫn, chị hai hàm răng của mình mà nói: "....."</p> <p>....."</p> <p>→ Hành động:</p> <p>=>..... mạnh mẽ bấy lâu đang trỗi dậy trong chị. Nhún nhường bị, chị quyết liệt, vượt lên những thứ</p> <p>..... để</p>
		<p>Chị Dậu qua đoạn trích "....." trong tác phẩm "....." của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu cho</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
2. Bộ mặt của bọn tay sai	<p>- Cảnh cai lệ vào nhà chị Dậu:</p>	<p>- Cai lệ: là</p> <p>.....</p> <p>- Chúng xuất hiện với những công cụ để hành hung:</p> <p>.....</p> <p>+ Gõ, quát bằng</p> <p>+ chuyên nghiệp, là "nghề" của hắn.</p> <p>+ Xung hô,</p> <p>- Mở miệng ra là chúng, hăm hè,, Còn hành động của chúng thì vô cùng,</p> <p>- Bản chất: mắt quát, giọng, dùng dùng thùng, bịch luôn vào ngực chị Dậu, tát chị đánh cái bốp.</p>	

	- Bản chất	Chúng chính là hiện thân đầy đủ nhất của xã hội
		
3. Nghệ thuật	- Nghệ thuật khắc họa nhân vật:	
		
	- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện	
		
	- Ngôn ngữ	

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- a. Lực điền:
- b. Lễ bề lệt bệt:
- c. Sưu:

2. Giải thích thành ngữ “ Tức nước vỡ bờ”; tìm thành ngữ tương đương.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nhận xét thái độ và vẻ đẹp phẩm chất của Chị Dậu qua các câu nói:

- a. “*Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.*”

+

+

- b. “*Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem.*”

+

+

+

- c. “*Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình, làm tội mãi thế tôi không chịu được.*”

+

+

4. Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thoả đáng không?

5. Hoàn thành bảng sau: Tức nước vỡ bờ

Tình cảnh của Chị Dậu

<p>+</p> <p>+</p> <p>+</p> <p>+</p>	<p>→ Tác giả đặt chị Dậu vào tình cảnh</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
-------------------------------------	---

Vẻ đẹp phẩm chất của Chị Dậu

<p>Đảm đang, yêu thương chồng con hết mực</p>	<p>Có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ</p>
<p>+</p> <p>+</p> <p>+</p> <p>→ Chị Dậu là một người vợ hiền, đảm đang.</p>	<p>+ Khi cai lệ đến đòi tiền sưu: Đó là tư thế của kẻ dưới với.....</p> <p>+ Không van xin được chị chuyển sang đầu lí xưng hô:..... Chị đã chuyển sang tư thế lên tiếng bảo vệ chồng.</p> <p>+ Trước thái độ ngày càng của cai lệ, chị chuyển từ đầu lí sang quật ngã 2 tên tay sai. Cách xưng hô đã đảo ngược đưa chị lên</p> <p>→ Nghệ thuật</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>→ Ở chị Dậu luôn tiềm tàng</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>→ Có thể nói NTT đã mở đường.....</p> <p>.....</p>

	<p>.....</p> <p>Đó cũng là quy luật tất yếu của cuộc sống:</p>
--	---

III. ĐỀ LUYỆN

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Cho đoạn trích sau:

“Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.”

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giờ gây chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm”.

(SGK Ngữ văn 8 – tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản đó. (1 điểm)

Câu 2: Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản mà em vừa nêu. (1 điểm)

Câu 3: Tìm các từ thuộc trường từ vựng *hành động của chị Dậu* trong đoạn trích trên. Việc sử dụng các từ đó có tác dụng gì? (1 điểm)

Câu 4: Viết đoạn tổng – phân – hợp từ 9 – 12 câu làm rõ nhận định: *Chị Dậu tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức phản kháng tiềm tàng, mạnh mẽ*. Trong đoạn có sử dụng 1 thán từ (gạch chân và chú thích rõ). (3 điểm)

Câu 5. Từ hành động chống lại 2 tên tay sai của chị Dậu là để bảo vệ gia đình và cũng là để mở đường cho người nông dân nổi dậy, em hãy viết 1 đoạn văn NLXH nêu suy nghĩ của mình về ý kiến sau:

“Nếu con người không bước đi thì cũng không bao giờ có những con đường”.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Em hãy đọc phần trích sau:

“Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu. Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

- Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu...”

(Theo SGK Ngữ Văn 8, tập một, trang 30-31)

1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?

2. Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn trên.

3. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Từ văn bản có đoạn văn được dẫn ở trên, em rút ra được quy luật gì trong cuộc sống?

4. Trong cuộc sống hôm nay, nếu chứng kiến cảnh người phụ nữ hay một bé gái bị chồng, cha ngược đãi, em sẽ ứng xử như thế nào? (Viết thành một đoạn văn từ 6 đến 8 dòng).

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

Văn bản “*Tức nước vỡ bờ*”- một đoạn trích từ tác phẩm “*Tắt đèn*” của nhà văn Ngô Tất Tố đã cho thấy bộ mặt của chế độ xã hội phong kiến đương thời và vẻ đẹp của người phụ nữ nông dân.

1. Em hãy giải thích ý nghĩa nhan đề “*Tức nước vỡ bờ*”? Đặt tên nhan đề như vậy có thỏa đáng không? Vì sao? Tìm một số thành ngữ có ý nghĩa tương tự.
2. Câu trả lời của chị Dậu sau khi đánh nhau với tên cai lệ và người nhà lý trưởng trong trích đoạn “*Tức nước vỡ bờ*”: “*Thà ngồi tù. Để chúng làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...*” (Trích “*Tắt đèn*”. Ngô Tất Tố) giúp em hiểu gì về cảnh ngộ, tâm trạng của người nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến xưa?

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

- **Cháu** van **ông**, **nhà cháu** vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

- Tha này! Tha này!

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

- Chồng **tôi** đau ốm, **ông** không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

- **Mày** trói ngay chồng **bà** đi, bà cho mày xem!

1. Đoạn trích trên trích trong văn bản nào của tác giả nào?
2. Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích?
3. Giải thích từ “cai lệ”? Cai lệ là danh từ chung hay danh từ riêng? Tên cai lệ này có vai trò gì trong vụ thuế ở làng Đông Xá?
4. Xác định vị thế xã hội, thái độ, tính cách của hai nhân vật (chị Dậu và cai lệ) trong đoạn trích. Nhận xét về sự thay đổi trong cách xưng hô của chị Dậu và giải thích lí do.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Rồi chị túm cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.”

1. Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Của tác giả nào?
2. Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích?
3. Tìm trường từ vựng chỉ “bộ phận của con người” và “hoạt động của con người”?
4. Tìm từ tượng thanh, tượng hình và nêu tác dụng?

5. Cho câu chủ đề: "Chị Dậu là người phụ nữ hết lòng yêu thương chồng con". Hãy viết thành đoạn văn theo lối quy nạp làm rõ ý chủ đề.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Bà lão láng giềng lật đật chạy sang:

- Bác trai đã khá rồi chứ?

- Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bệ, lệt bệt chùng chùng như vẫn mỗi một lần.

- Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

- Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì.

- Thế thì phải giục anh ấy ăn mau đi, kéo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy!

Rồi bà lão trở về với vẻ mặt băn khoăn.

(Trích *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

a) Viết một câu giới thiệu về tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô tất Tố.

b) Dấu hai chấm trong đoạn trích trên được dùng để làm gì?

c) Các từ in đậm trong đoạn trích trên thuộc từ loại nào?

d) Em hiểu gì về nhân vật “bà lão láng giềng” qua đoạn trích?

ĐỀ HSG

ĐỀ 1:

a. Nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng: *Với tác phẩm Tắt đèn, Ngô Tất Tố đã xui người nông dân nổi loạn*. Em có suy nghĩ gì về ý kiến trên?

b. Có ý kiến cho rằng: *Từ hình thức đấu lý chuyển sang đấu lực giữa chị Dậu và hai tên tay sai là một quá trình phát triển rất lô-gic*. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

ĐỀ 2: (8 điểm).

Có ý kiến cho rằng: “ Từ hình thức đấu lý chuyển sang đấu lực giữa Chị Dậu và 2 tên tay sai, trong “ Tức nước vỡ bờ” – Tắt đèn của Ngô Tất Tố là một quá trình phát triển rất lô gíc, vừa mang giá trị nhân văn lớn lại có sức tố cáo cao”.

Em có đồng ý với ý kiến ấy không? Trình bày ý kiến của em, qua văn bản “Tức nước vỡ bờ”.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Phân tích đoạn trích *tức nước vỡ bờ* (trích trong tác phẩm tắt đèn của Ngô Tất Tố)

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Phân tích đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* của Ngô Tất Tố để làm sáng tỏ nhận định của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan : " Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Phân tích đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* của Ngô Tất Tố để làm sáng tỏ nhận định của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan : " Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tên thật của nhà văn Ngô Tất Tố là gì?

- A. Ngô Tất Tố
- B. Ngô Văn Tố
- C. Ngô Công Tố
- D. Ngô Lộc Hà

Câu 2: Khuynh hướng sáng tác văn học chủ yếu của Ngô Tất Tố là gì?

- A. Dân chủ, tiến bộ
- B. Chuyên viết về nông thôn
- C. Chuyên viết về những cuộc kháng chiến cam go
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 3: Trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ, tác giả chủ yếu miêu tả các nhân vật bằng cách nào?

- A. Giới thiệu về nhân vật và các phẩm chất tính cách của nhân vật.
- B. Để cho nhân vật tự bộc lộ qua hành vi, giọng nói, điệu bộ.
- C. Để cho nhân vật này nói về nhân vật kia.
- D. Không dùng cách nào trong ba cách trên.

Câu 4: Hãy nêu những sự việc tiêu biểu trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ (trích Tắt đèn của Ngô Tất Tố)?

- A. Anh Dậu vừa kẻ bát cháo vào miệng thì cai lệ xông vào - Cai lệ hô hào người trói anh Dậu để giải ra đình - Chị Dậu đánh nhau với cai lệ và người nhà ông lí.
- B. Chị Dậu nấu cháo cho chồng ăn - Nói chuyện với bà cụ hàng xóm - Chị cãi nhau với tên cai lệ - anh Dậu khuyên vợ không nên làm như thế.
- C. Vợ chồng nhà Dậu ăn cháo - Cai lệ xông vào đánh đập anh Dậu và hô người trói giải ra đình làng - Chị Dậu van xin không được đã chống lại bọn tay sai.
- D. Anh Dậu đang chuẩn bị ăn cháo thì cai lệ xông vào - Chị Dậu van xin hãn - Hãn vẫn nhất quyết không tha và hô hào to hơn - Chị Dậu bị cai lệ tát.

Câu 5: Nhận xét nào sau đây không đúng với đoạn trích Tức nước vỡ bờ?

- A. Là đoạn trích có kịch tính rất cao
- B. Mang giá trị châm biếm sâu sắc
- C. Thể hiện tài năng xây dựng nhân vật của Ngô Tất Tố
- D. Có giá trị nhân đạo và hiện thực lớn

Câu 6: "Kết cục, anh chàng “hầu cận ông lý” yếu hơn chị chàng con mọn, hấn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm". (Tức nước vỡ bờ, Ngô Tất Tố)

Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu văn trên là:

- A. quan hệ lựa chọn
- B. quan hệ tương phản
- C. quan hệ nối tiếp
- D. quan hệ nguyên nhân

2. Tự luận

Nhận xét sự thay đổi trong diễn biến tâm lí của nhân vật chị Dậu trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”. Qua đó em thấy nhân vật chị Dậu có tính cách như thế nào?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Nhà văn Ngô Tất Tố từng làm những công việc gì?

- A. Khảo cứu triết học, văn học cổ
- B. Làm báo
- C. Viết văn
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 2: Tất đèn của Ngô Tất Tố được viết theo thể loại nào

- A. Bút kí.
- B. Truyện ngắn.
- C. Tiểu thuyết.
- D. Truyện vừa.

Câu 3: Nếu viết: “Trong tác phẩm Tất đèn thông qua hình tượng nhân vật chị Dậu, tác giả đã ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người nông dân.” câu văn sai vì sao?

- A. Đặt dấu chấm câu khi câu chưa kết thúc.
- B. Thiếu dấu thích hợp để tách bộ phận của câu khi cần thiết.
- C. Thiếu dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc.
- D. Đặt dấu phẩy ngắt câu không phù hợp.

Câu 4: Câu văn nào sau đây thể hiện thái độ bắt đầu có sự phản kháng của chị Dậu đối với tên cai lệ?

- A. Chị Dậu vẫn thiết tha.
- B. Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại.
- C. Chị Dậu run run.
- D. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng.

Câu 5: Hãy nêu những sự việc tiêu biểu trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ (trích Tất đèn của Ngô Tất Tố)?

- A. Anh Dậu vừa kể bát cháo vào miệng thì cai lệ xông vào - Cai lệ hô hào người trói anh Dậu để giải ra đình - Chị Dậu đánh nhau với cai lệ và người nhà ông lí.
- B. Vợ chồng nhà Dậu ăn cháo - Cai lệ xông vào đánh đập anh Dậu và hô người trói giải ra đình làng - Chị Dậu van xin không được đã chống lại bọn tay sai.

C. Anh Dậu đang chuẩn bị ăn cháo thì cai lệ xông vào - Chị Dậu van xin hần - Hần vẫn nhất quyết không tha và hô hào to hơn - Chị Dậu bị cai lệ tát.

D. Chị Dậu nấu cháo cho chồng ăn - Nói chuyện với bà cụ hàng xóm - Chị cãi nhau với tên cai lệ - anh Dậu khuyên vợ không nên làm như thế.

Câu 6: Nhận xét nào sau đây không đúng với đoạn trích Tức nước vỡ bờ?

- A. Mang giá trị châm biếm sâu sắc
- B. Là đoạn trích có kịch tính rất cao
- C. Thể hiện tài năng xây dựng nhân vật của Ngô Tất Tố
- D. Có giá trị nhân đạo và hiện thực lớn

2. Tự luận

Em hiểu như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thỏa đáng không? Vì sao?

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN HỌC VIỆT NĂM ĐOẠN TRÍCH TỨC NƯỚC VỠ BỜ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
1.Tác giả :Ngô Tất Tố : 1893 - 1954 Quê : ở làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh (nay là thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội). - Ông là con thứ hai, nhưng là trưởng nam trong một gia đình có bảy anh chị em, ba trai, bốn gái. -Ông là một nhà báo nổi tiếng với nhiều bài mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu; là một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước cách mạng. Sau cách mạng ông là nhà văn tận tụy trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp, ông đã hy sinh trên đường công tác ở sau lưng địch.Ngô Tất Tố có những tác phẩm tiêu biểu : Tắt đèn (1939), Lều chõng (1940)... ; các phóng sự: Tập	HCST	Thể loại	Bố cục
	Ngô Tất Tố viết Tắt đèn năm 1937, vào năm này lụt lội xảy ra liên miên gây nên mất mùa đói kém, nhân dân lâm vào cảnh lầm than, bế tắc đặc biệt là người nông dân. Vì vậy, vấn đề nông dân đấu tranh chống lại chính sách sưu thuế, áp bức bóc lột của bọn thực dân, quan lại, địa chủ, cường hào, đòi cải thiện đời sống cho người dân càng là một vấn đề lớn, trọng tâm. -Lòng yêu nước, thương dân, tình cảm gắn bó với số phận người nông dân lao động vốn như một nội lực để Ngô Tất Tố thành công với tác phẩm Tắt đèn .	Tiểu thuyết	- Phần 1: Từ đầu đến chỗ “ngon miệng hay không”: Chị Dậu ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế - Phần 2: Từ “anh Dậu uốn vai đến hết”: Chị Dậu khôn ngoan và can đảm đương đầu với bọn tay sai phong kiến như Cai Lệ và người nhà Lý trưởng.
	Ý nghĩa nhan đề	Ngôi kể	
- Tác phẩm: Nhan đề “Tắt đèn” mang nghĩa bóng chỉ sự tăm tối của XH thực dân nửa PK như bóng tối bao bọc, bủa vây cuộc sống của những người dân thấp cổ bé họng. Họ phải sống trong áp bức, đói nghèo, bệnh tật không lối thoát. - Nhan đề Tức nước vỡ bờ: + Nghĩa đen: 1 hiện tượng tự nhiên khi nước quá nhiều làm bờ ngăn nước bị vỡ.	- Ngôi kể: thứ 3 -Tác dụng: + Người kể nhìn nhận khách quan và kể lại chân thực những điều mình chứng kiến + Tùy ý đan xen những câu bình luận, nhận xét làm cho TP sinh động hơn.		

án cái đình (1939); Việc làng (1940)...	+ Nghĩa bóng : phản ánh quy luật tất yếu của cuộc sống: Có áp bức thì có đấu tranh. Khi người nông dân bị dồn ép đến đường cùng thì buộc họ phải đứng dậy đấu tranh	
---	--	--

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
<p>-Tắt đèn làm nổi bật mâu thuẫn giai cấp gay gắt trong lòng nông thôn Việt Nam trước Cách mạng. Tác phẩm tố cáo, lên án gay gắt bản chất tàn ác, xấu xa của bọn thống trị: bọn địa chủ độc ác (vợ chồng nghị quế) keo kiệt; bọn những tính cách của các nhân vật sẽ có điều kiện bộc lộ một cường hào gian tham, thô lỗ; bọn quan lại dâm ô (quan phủ Tư Ân), bỉ ổi; bọn lính tráng, tay sai đầu trâu mặt ngựa tàn khốc</p> <p>-Mặt khác Tắt đèn còn phơi bày thực trạng cùng quẫn, thê thảm của người nông dân lao động. đồng thời khẳng định phẩm giá tốt đẹp, tình cảm nhân hậu, dù bị bóc lột của họ.</p> <p>-Tắt đèn tập trung tố cáo chính sách thuế khóa nặng nề vốn là một tai họa khủng khiếp nhất đối với người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Đặc biệt là thuế thân – một thứ thuế bất nhân.</p>	<p>- Ngô Tất Tố đã đặt các nhân vật của mình vào một hoàn cảnh điển hình, một không khí ngột ngạt, oi bức. Trong hoàn cảnh điển hình như thế, những mâu thuẫn cơ bản của xã hội, những tính cách của các nhân vật sẽ có điều kiện bộc lộ một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn, khiến cho câu văn sinh động, đậm đà, có hơi thở của đời sống và đoạn văn rất có không khí</p> <p>- Lựa chọn ngôi kể phù hợp</p> <p>-Khẩu ngữ nông thôn đã vào văn của Ngô Tất Tố thật tự nhiên, nhuần nhuyễn, khiến cho câu văn sinh động, đậm đà, có hơi thở của đời sống và đoạn văn rất có không khí</p>

I.3. Tóm tắt -Tức nước vỡ bờ :

-Gia đình chị Dậu thuộc loại "nhất nhì trong hạng cùng đinh" nên chị phải chạy vay ngược xuôi để có tiền nộp suất sưu cho anh Dậu.

-Anh Dậu đang ốm cũng bị bọn tay sai xông đến đánh trói, lôi ra đình . Chị đành phải rút ruột đem bán cái Tí, đứa con gái đầu lòng bảy tuổi cho lão Nghị Quế bên thôn Đoài được hai đồng bạc! Cộng với mấy hào bán gánh khoai, chị tưởng vừa đủ nộp suất sưu và chồng sẽ được tha về; ngờ đâu, bọn lý dịch lại bắt chị phải nộp cả suất sưu của người em chồng đã chết từ năm ngoái!

-Thật là cùng đường. Giữa đình làng, tiếng kêu uất ức của chị vang lên thảm thiết.

-Đêm hôm ấy, người ta công anh Dậu rũ rượi như một xác chết ở ngoài đình về trả cho chị. Gọi mãi anh không tỉnh, chị vô cùng hoảng sợ, đau đớn. May sao, nhờ bà con xung quanh xóm đến cứu giúp, anh Dậu đã tỉnh lại.

-Sáng sớm hôm sau khi anh Dậu vừa cố ngồi dậy cầm bát cháo, chưa kịp đưa lên miệng thì tên cai lệ và gã đầy tớ lý trưởng lại xộc vào định trói anh mang đi. Van xin thiết tha cũng không được, chị Dậu đã liều mạng chống lại quyết liệt, đánh ngã cả hai tên tay sai vô lại.

I.3. Phân tích

1. Nhân vật chị Dậu	a. Hoàn cảnh:	<ul style="list-style-type: none"> - Gia cảnh nghèo, thuộc hạng cùng đinh trong làng - Bắt đóng sưu cho cả người em chồng của chị vừa mất - Phải bán cả con mình đi mà vẫn không đủ trả nợ - Chồng bị hành hạ, đánh đập mới vừa được thả về 	Có hoàn cảnh đáng thương.
		<ul style="list-style-type: none"> - Đam đang, chu đáo, hết mực yêu thương, chăm sóc và lo lắng cho 	<ul style="list-style-type: none"> + Chị nhanh chóng nấu cháo cho chồng ăn lót dạ + Chị lo lắng nhìn chồng ăn, vừa cố trấn an

	b. Phẩm chất	chồng mình.	vừa ân cần hỏi xem chồng ăn có ngon miệng không + Dùng lời lẽ thật dịu dàng để động viên chồng + Múc cháo cho con => Người vợ, người mẹ giàu tình yêu thương
		- Khéo léo, thấu tình đạt lý	+ Xin cai lệ thư thư cho mấy bữa để chuẩn bị tiền đóng sưu cho chồng + Cố gắng dùng lời lẽ khẩn thiết, van xin để mong chúng thương tình mà tha cho chồng chị. + Những lời van xin chân thành bị cự tuyệt, chị đưa ra những lý lẽ thấu đáo, hợp tình: "Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ".
		- Sức phản kháng mạnh mẽ:	+ Khi chúng vẫn ngang nhiên hành hạ, chị nghiến chặt hai hàm răng của mình mà nói: "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem" → Hành động: đẩy tên cai lệ ngã => Sức sống mạnh mẽ bấy lâu tiềm tàng đang trỗi dậy trong chị. Nhún nhường bị đàn áp, chị phản kháng quyết liệt, vượt lên những thứ phép tắc quy cũ tầm thường để bảo vệ người thân.
		Chị Dậu qua đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" trong tác phẩm " Tắt đèn" của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu cho sức sống, sức phản kháng mãnh liệt của người nông dân trước những áp bức bất công.	
2. Bộ mặt của bọn tay sai	- Cảnh cai lệ vào nhà chị Dậu:	- Cai lệ: là cai cầm đầu đám lính lệ ở huyện đường, tay sai chuyên đánh người là "nghề" của hắn - Chúng xuất hiện với những công cụ để hành hung: roi song, tay thước, dây thừng... + Gõ đầu roi xuống đất, quát bằng giọng khàn khàn. + Tay sai chuyên nghiệp, đánh trói người là "nghề" của hắn. + Xưng hô xác xược, đều cáng "ông- thẳng" - Mở miệng ra là chúng mĩa mai, thét, quát, hăm hè, dọa nạt, chửi mắng. Còn hành động của chúng thì vô cùng tàn nhẫn, độc ác. - Bản chất hung bạo, dữ tợn: trợn ngược mắt quát, giọng hăm hè, dùng dây thừng giật phất thùng, bịch luôn vào ngực chị Dậu, tát vào mặt chị đánh cái bốp.	
		Chúng chính là hiện thân đầy đủ nhất của xã hội thực dân phong kiến tàn bạo, không tình người lúc bấy giờ.	

3. Nghệ thuật	- Nghệ thuật khắc họa nhân vật: Hai nhân vật được khắc họa rõ nét là chị Dậu và tên Cai Lệ, đại diện cho hai tầng lớp trong xã hội. Phân tích sự đối lập giữa ngoại hình và tính cách của hai nhân vật - Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện lớp lang, có mở đầu, có cao trào, có kết thúc - Ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ đối thoại
---------------	--

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

a. Lực điền: người làm ruộng khỏe mạnh.

b. Lề bề lết bết: đuối sức, mệt mỏi, vận động khó khăn

c. Sưu: khoản tiền mà người đàn ông từ 18 – 60 tuổi hàng năm nộp cho nhà nước.

2. Giải thích ý nghĩa nhan đề? Tìm một số thành ngữ có ý nghĩa tương đồng.

- Nghĩa đen của thành ngữ này là nước lớn, nhiều ti ắt sẽ vỡ bờ.

- Trong đoạn trích này, kinh nghiệm của dân gian đã bắt gặp sự khám phá đời sống của cây bút hiện thực Ngô Tất Tố. Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái hiện thực: *tức nước vỡ bờ, có áp bức có đấu tranh* mà còn toát lên chân lý: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác.

- Các thành ngữ khác: Có áp bức có đấu tranh, Con giun xéo lắm cũng quăn, Giọt nước tràn ly...

3. Nhận xét thái độ và vẻ đẹp phẩm chất của Chị Dậu qua các câu nói:

a. **“Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.”**

+ Cách xưng hô ông tôi, tư thế ngang hàng

+ Quyết bảo vệ chồng bằng lời nói.

b. **“Mày trối chồng bà đi, bà cho mày xem.”**

+ Sự tức giận đã lên đến đỉnh điểm, cách xưng hô nâng chị Dậu lên tư thế bề trên.

+ Chị quyết tâm chống trả với sức mạnh ghê gớm, quyết liệt để bảo vệ chồng.

+ Chị có sức sống tiềm tàng mãnh liệt khi quật ngã 2 tên tay sai.

c. **“Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình, làm tội mãi thế tôi không chịu được.”**

+ Khẳng định thái độ không sợ cường quyền, áp bức; quyết tâm đấu tranh.

+ Tình yêu thương chồng, quyết tâm bảo vệ cuộc sống bình yên

4. Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thỏa đáng không?

- Kinh nghiệm của dân gian được đúc kết trong câu tục ngữ đó đã bắt gặp sự khám phá chân lý đời sống của cây bút hiện thực NTT, được ông thể hiện thật sinh động, đầy sức thuyết phục.

- Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô gic hiện thực “Tức nước vỡ bờ”, “có áp bức, có đấu tranh” mà còn toát lên cái chân lý: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác. Vì vậy mà tuy tác giả “Tắt đèn” khi đó chưa giác ngộ cách mạng, tác phẩm kết thúc rất bế tắc, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nói rằng: Ngô Tất Tố với **“Tắt đèn”** đã xui người nông dân nổi loạn. NTT chưa nhận thức được chân lý cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức,

nhưng với cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó. Và không quá lời nếu nói rằng cảnh “tức nước vỡ bờ” trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp quần chúng nông dân nổi dậy sau này.

III. ĐỀ LUYỆN

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Phần I	
Câu 1 (1 điểm)	- Văn bản: Tức nước vỡ bờ - Tác giả: Ngô Tất Tố - Hoàn cảnh sáng tác: năm 1939, trích trong tiểu thuyết <i>Tắt đèn</i>
Câu 2 (1 điểm)	Ý nghĩa nhan đề: - Nghĩa đen: chỉ hiện tượng tự nhiên khi nước quá nhiều sẽ làm cho bờ ngăn nước bị vỡ - Nghĩa bóng: nó chỉ một hành động phản kháng của con người do đã quá sức chịu đựng → Nhan đề hợp lí, thể hiện quá trình từ áp bức đến phản kháng của chị Dậu
Câu 3 (1 điểm)	- Trường từ vựng <i>hành động của chị Dậu</i> : tóm, ấn dúi, xô đẩy, nắm, giằng co, du đẩy, buông, vật, túm, lẳng - Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> Thấy được sức mạnh của người nông dân Thấy được sức phản kháng tiềm tàng, mạnh mẽ
Câu 4 (3 điểm)	* <u>Yêu cầu về hình thức</u> : đủ dung lượng, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, không có lỗi sai chính tả và ngữ pháp * <u>Yêu cầu tiếng Việt</u> : thán từ (<i>phải gạch chân và chú thích được</i>) * <u>Yêu cầu về nội dung</u> : cần đảm bảo các ý cơ bản sau - Người phụ nữ giàu tình yêu thương: quan tâm, chăm lo cho chồng <ul style="list-style-type: none"> Hết lòng chăm sóc cho anh Dậu khi anh đau ốm Ra sức van xin, liều mạng với cai lệ để bảo vệ chồng - Người phụ nữ có sức phản kháng tiềm tàng, mạnh mẽ <ul style="list-style-type: none"> Lúc đầu: van xin tha thiết, thái độ nhẫn nhịn, xưng hô “cháu – ông” → người dưới cầu xin người bề trên Khi tên cai lệ đánh chị và xông vào trói anh Dậu: chị đấu lí, cảnh báo đánh thép, xưng hô “tôi – ông” tư thế ngang hàng Lời nói đầy thách thức, xưng hô “bà – mày” với tư thế của kẻ bề trên Đấu lực, đánh lại cai lệ và người nhà lí trưởng
Câu 5	* Mở đoạn: Nêu nhận xét khái quát và nội dung ý kiến: Nếu con người không bước đi thì không bao giờ có những con đường. * Thân đoạn: - Giải thích: + Câu nói đã nói đến một quy luật thực tế: mọi con đường đều được hình thành từ những bước đi của con người. + Như vậy, câu nói cũng cho thấy tầm quan trọng của tinh thần dân thân, khám phá, dám bước đi để tạo nên những con đường. - Bàn luận: Cần đưa ra các ý kiến bàn luận có sự kết hợp giữa lí lẽ, dẫn chứng. Tại sao con người cần bước đi để tạo ra những con đường? + Con đường cũng là nơi đưa chúng ta đến với những cái đích, những mục tiêu khác nhau trong cuộc sống. Nếu chúng ta không thử bước đi, không bắt tay vào điều mình muốn làm thì cũng sẽ

	<p>không bao giờ đi tới đích.</p> <p>+ Không chỉ bước trên những con đường cho sẵn, chúng ta còn cần bước đi trên những con đường mới, những nơi “chưa có đường”. Đó là tinh thần khám phá, dẫn thân, sẵn sàng băng mình qua những điều chưa biết, chưa có để tạo ra những giá trị mới mẻ. Có như vậy, cuộc sống mới có thể tiến về phía trước và con người cũng mới có thể đi tới đích, gặt hái được những thành công.</p> <p>- Như vậy, không phải tự nhiên mà những con đường được hình thành, nó bắt đầu từ những bước đi “tìm đường” của con người. Trong hành trình tìm đường ấy, ta cũng tạo nên những con đường. Vì thế, mỗi chúng ta đều cần có tinh thần tìm đường, dám hành động để thực hiện những điều mình mong muốn cũng như sẵn sàng đi những con đường chưa ai đi để tìm ra những giá trị mới cho cuộc đời.</p> <p>- Liên hệ bản thân: Cần nhận thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong vai trò ‘tìm đường’. Mỗi người trẻ không chỉ bước đi mà còn cần là những người tiên phong.</p> <p>* Kết đoạn: Khái quát lại vấn đề.</p>
--	---

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

1. - Đoạn văn trích từ tác phẩm “Tắt đèn” - Tác giả: Ngô Tất Tố	
2. Phương thức biểu đạt chủ yếu: Tự sự. (Nếu HS nêu nhiều phương thức biểu đạt thì không cho điểm)	
3. - Nội dung chính của đoạn văn: Diễn tả cuộc phản kháng quyết liệt của chị Dậu với cai lệ khi hắn cùng người nhà lí trưởng đến nhà vợ chồng chị Dậu đòi bắt anh Dậu vì thiếu sưu. - Quy luật: Tức nước vỡ bờ, có áp bức có đấu tranh (HS chỉ cần nêu được 1 trong hai cách trên vẫn cho điểm tối đa).	
4.* Yêu cầu hình thức: HS biết viết đoạn văn; diễn đạt rõ ràng, trôi chảy; độ dài đoạn văn phù hợp yêu cầu (từ 6 đến 8 dòng). * Yêu cầu nội dung: <i>HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau.</i> Học sinh có thể đưa ra hai trong những phương án sau: - Giải thích đề người ngược đãi hiểu đó là việc làm vi phạm luật bình đẳng giới, vi phạm quyền trẻ em. - Chạy báo để mọi người xung quanh cùng biết, cùng can ngăn, đưa người bị hại ra khỏi nơi bị ngược đãi. - Báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng gần nhất để kịp thời xử lý kẻ ngược đãi.	

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

. - Ý nghĩa nhan đề:

+ **Nghĩa đen:** 1 hiện tượng tự nhiên khi nước quá nhiều làm bờ ngăn nước bị vỡ.

+ **Nghĩa bóng:** phản ánh quy luật tất yếu của cuộc sống: Có áp bức thì có đấu tranh. Hành động vùng lên của chị Dậu thể hiện sức mạnh tiềm tàng, tinh thần bất khuất kiên cường của người nông dân Việt Nam nói chung, của người phụ nữ Việt Nam nói riêng.

- Đặt tên như vậy là thỏa đáng vì điều ấy được thể hiện rõ trong đoạn trích:

+ Chị Dậu đang chăm sóc người chồng ốm yếu vừa được thả về sau khi bị trói, đánh đập thì bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng lại đến đòi nộp sưu và đòi đánh anh Dậu. Chị Dậu đã hạ mình nhẫn nhịn và van xin chúng.

+ Nhưng bất chấp tình cảm ốm đau của anh Dậu và sự van nài của chị Dậu, bọn chúng đã xông vào đánh chị và hành hạ chồng chị. Không thể chịu đựng được nữa, chị Dậu đã vùng lên, chống trả quyết liệt.

- **Một số thành ngữ tương tự:** Con giun xéo mãi cũng quăn, Ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh.

2. - Cảnh ngộ: khốn cùng/ bị đát/ bị chèn ép, áp bức bóc lột nặng nề. (0.5đ)

- Tâm trạng: Ám ức/ bức bối/ khó chịu (0.5đ)

* HS có thể trả lời khác miễn sao đúng là được

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4

1. Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Tức nước vỡ bờ” của tác giả Ngô Tất Tố.

2.- Phương thức biểu đạt: Tự sự

- Nội dung chính : Kể về sự việc chị Dậu bị cai lệ đàn áp và sự phản kháng của chị Dậu.

3. Ở làng Đông Xá, cai lệ được coi là tên tay sai đắc lực của quan phủ, giúp bọn lí dịch tróc nã những người nghèo chưa nộp đủ tiền sưu thuế. Với những người dân cùng thì hắn như một hung thần ác sát, tha hồ đánh, trói, bắt bớ, tha hồ tác oai, tác quái, làm mưa, làm gió .

4. Ở phần đầu của đoạn trích do có sự cách biệt về địa vị, hoàn cảnh, thái độ, tính cách giữa các nhân vật cho nên cách xưng hô cũng rất cách biệt. Chị Dậu, người dân thấp cổ bé họng lại đang thiếu sưu nên phải hạ mình, nhún nhường, xưng hô là cháu, nhà cháu - ông. Còn cai lệ, người nhà lí trưởng cậy quyền, cậy thế nên rất hống hách, xưng hô là ông - thằng kia, mày. Sang đoạn sau, cách xưng hô thay đổi. Chị Dậu chuyển sang tôi – ông, dấu hiệu của sự phản kháng. Sau đó, không thể chịu được nữa, chị Dậu đã đứng lên, với vị thế của kẻ ngang hàng, trực diện với kẻ thù và chuyển sang bà – mày. Đó là hành vi thể hiện sự “tức nước – vỡ bờ”, sự tự vệ cần thiết để bảo vệ chồng của chị.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5

1. Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Tức nước vỡ bờ” của tác giả Ngô Tất Tố.

2.- Phương thức biểu đạt: Tự sự

- Nội dung chính : Kể về sự việc chị Dậu quật ngã tên cai lệ.

3.- Trường từ vựng chỉ hoạt động của con người: túm, dúm, ấn, xô, đẩy, chạy, ngã, thét.

- Trường từ vựng chỉ bộ phận của con người: miệng, cổ.

4.- Từ tượng thanh: nham nhảm.

- Tượng hình : lẻo khoẻo, chông quèo

=> Tác dụng: Làm nổi bật hình ảnh, bộ dạng hết sức thảm hại và hài hước của tên tay sai khi bị chị Dậu đánh bại.

5. Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau :

- Chồng chị bị chúng đánh đập ngất xỉu và trả về cho chị, được hàng xóm cứu giúp anh mới tỉnh lại.

- Chị nấu cháo, dỗ dành chồng ăn cho lại sức: cử chỉ, lời nói âu yếm thiết tha.

- Chị vô cùng đau đớn khi nghe tiếng hai đứa trẻ gào khóc.

- Chính vì lòng yêu chồng, thương con, để bảo vệ chồng, bảo vệ con, bảo vệ gia đình chị đã đánh lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng, cũng là vùng lên chống lại cường quyền bạo lực.

→ Người vợ hiền dịu, sống rất tình nghĩa, thương chồng, thương con. Đó là nét đẹp trong tính cách của người phụ nữ Việt Nam.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6

a) HS viết một câu văn đúng ngữ pháp, nội dung giới thiệu được về tác phẩm (có thể về năm sáng tác, thể loại hay nội dung của tác phẩm,...)

b) Dấu hai chấm trong đoạn trích được dùng để đánh dấu lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang)

c) Các từ in đậm trong đoạn trích trên thuộc từ loại:

- **chứ, đi**: Tình thái từ

- **này, vâng**: Thán từ

d) Nhân vật: “bà lão láng giềng” là người nhân hậu, tốt bụng, biết quan tâm, chia sẻ với người khác.

ĐỀ HSG

ĐỀ 1:

a. Nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng: *Với tác phẩm Tắt đèn, Ngô Tất Tố đã xui người nông dân nổi loạn. Em có suy nghĩ gì về ý kiến trên?*

Gợi ý:

- Chế độ phong kiến cũn ộp bức, bóc lột tàn bạo khiến cũn chỗ cho người lương thiện như chị Dậu được sống
- Những người nông dân như chị Dậu muốn sống được, không có cách nào khác phải vùng lên đấu tranh chống áp bức bóc lột.

- Đó là một nhận xét chính xác.

b. Có ý kiến cho rằng: *Từ hình thức đấu lí chuyển sang đấu lực giữa chị Dậu và hai tên tay sai là một quá trình phát triển rất lô-gíc. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?*

+ ý kiến trên hoàn toàn chính xác. Vì:

- Ban đầu chị cố **chịu đựng** van xin tha thiết gọi hai ông xưng **cháu**.

- Cai lệ **bịch** vào ngực chị, **sầm sập** định hành hung người ốm thì chị **xám mặt** lo sợ cho anh.

- Chị liều mạng **cự lại bằng lý lẽ** "Chồng **tôi** đau ốm, . không được phép hành hạ "

- Cai lệ tát chị --> chị vụt đứng dậy với niềm căm hơn ngàn ngút "Mày **trói** chồng bà",

- Chị quyết ra tay **đấu lực**: *túm cổ hấn ấn, dúi ra cửa, túm tóc lẳng cho ngã nhào*

+ Quy luật XH: Có áp bức có đấu tranh. Con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ là con đường đấu tranh, không có con đường nào khác.

ĐỀ 2: Đảm bảo yêu cầu sau:

a. Hình thức:

- Đầy đủ bố cục 3 phần (0, 5)

- cách diễn đạt hành văn, trình bày (0,5).

b. Nội dung:

* **Mở bài**: Giới thiệu về tác giả - tác phẩm “ Tắt đèn” và “ Chị Dậu” (0,5).

-> Khẳng định ý kiến trên hoàn toàn hợp lý.

* **Thân bài**:

+ **Đấu lý**: Hình thức sử dụng ngôn ngữ - lời nói.

+ **Đấu lực**: Hình thức hành động.

=> Quá trình phát triển hoàn toàn lôgic phù hợp với quá trình phát triển tâm lý của con người (0,5).

1. Hoàn cảnh đời sống của nhân dân Việt Nam trước Cách mạng (0,5).

2. Hoàn cảnh của gia đình Chị Dậu: Nghèo nhất trong những bậc cùng đinh ở làng Đông Xá (0,5).
3. Cuộc đối thoại giữa chị Dậu – Cai lệ – Bọn người nhà lý Trường (0,5).
- + Phân tích cuộc đối thoại (từ ngữ xưng hô)-> hành động bọn cai lệ -> không có chút tình người.
 - + Cai lệ – người nhà lý trưởng đến trối, đánh, bắt anh Dậu đang trong tình trạng ốm đau vì đòn roi, tra tấn, ngất đi - tỉnh lại -> Chị Dậu chuyển thành hành động.
 - > Đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành động chị Dậu. (0,5)

=> Quy luật: “Tức nước vỡ bờ”- “có áp bức có đấu tranh”

4. Ý nghĩa: (2 điểm).

* Giá trị hiện thực: (0.5)

- Lộ trình bộ mặt giả nhân của chính quyền thực dân.

* Giá trị nhân đạo:(1điểm)

- Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Chị Dậu.

* Giá trị tố cáo:(0. 5)

- Thực trạng cuộc sống của người nông dân Việt Nam bị đẩy đến bước đường cùng (liên hệ với lão Hạc, Anh Pha (Bước đường cùng)).

-Hành động vô nhân đạo không chút tình người của bọn tay sai.

5. Mở rộng nâng cao vấn đề (1).

- Liên hệ số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến .

* **Kết bài:**(0.5)

- Khẳng định quy luật phát triển hoàn toàn tự nhiên -> đúng với sự phát triển tâm lý của con người.

- Cảm nghĩ của bản thân em.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Phân tích đoạn trích *tức nước vỡ bờ* (trích trong tác phẩm *tắt đèn* của Ngô Tất Tố)

* Dàn bài.

1.*Mở bài.*

- Giới thiệu vài nét về tác giả: Ngô Tất tố (1893 – 1954) quê Lộc Hà, Từ Sơn, Bắc Ninh. Xuất thân nhà nho, hiểu biết khá sâu rộng về Hán học.

+ Ông viết báo, viết văn, nổi tiếng với tác phẩm *tắt đèn*. Được đánh giá là nhà văn hiện thực xuất sắc giai đoạn 1930 – 1945.

- Tiểu thuyết *tắt đèn* phản ánh sinh động nỗi khổ của nông dân Việt Nam dưới ách áp bức bóc lột của chính quyền thực dân, phong kiến.

2.*Thân bài.*

- Đoạn trích *tức nước vỡ bờ* được trích từ chương XVIII của tác phẩm.

- Sau khi bán con, bán chó để lấy tiền nộp sưu, cứu chồng ra khỏi cảnh gông cùm, chị Dậu tất bật chăm lo cho anh Dậu.

- Bọn cai lệ và người nhà lý trưởng lại ập đến định bắt trối anh một lần nữa vì nhà anh chưa đóng suất sưu của người em trai đã chết.

- Chị Dậu van xin hết lời nhưng bọn chúng vẫn không buông tha. Không thể chịu đựng được hơn được nữa, chị Dậu đã vùng lên đánh lại chúng để bảo vệ chồng.

+ Diễn biến tâm trạng chị Dậu.

- Lúc đầu chị sợ hãi, năn nỉ, cầu xin chúng rủ lòng thương hại. Vị thế của chị là kẻ dưới nên thái độ nhún nhường, hạ mình: *Cháu van ông, cháu xin ông...*

- Sau đó chị thẳng thừng cự lại bằng lí lẽ, nâng vị thế của mình lên ngang hàng với bọn người áp bức: *Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.*

- Cuối cùng chị giận dữ, thách thức và trừng trị thích đáng kẻ ác. Nâng vị thế lên cao hơn hẳn đối phương : *Mày trối chồng bà đi, bà cho mày xem!* Một lúc đánh bại hai đối thủ.

- Hành động phản kháng dữ dội của chị Dậu chứng minh cho quy luật có áp bức, có đấu tranh; tức nước vỡ bờ.

- Tuy vậy, đây chỉ là hành động bột phát chứ chưa phải là hành động của người đã được giác ngộ cách mạng.

- Đoạn trích ca ngợi chị Dậu, một phụ nữ nông dân đảm đang, yêu chồng, thương con, giàu đức hi sinh và có tinh thần quật cường trước cái xấu, cái ác.

3. *Kết bài.*

- Tức nước vỡ bờ là một đoạn văn hay, tiêu biểu cho bút pháp tả thực của Ngô Tất Tố.
- Nhà văn đã dành cho nhân vật chị Dậu tình cảm yêu thương, trân trọng. Bút pháp miêu tả sinh động đã hoàn thiện hình tượng người phụ nữ nông dân Việt Nam đẹp người, đẹp nết.
- Đoạn văn làm rung động tâm hồn người đọc hơn nửa thế kỷ qua.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố để làm sáng tỏ nhận định của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan : " Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

Dàn ý:

I. Mở bài:

- Tất đèn là một tác phẩm thành công viết về người nông dân trong chế độ cũ của NTT.
- Ngôn ngữ văn học và nghệ thuật kể chuyện ở Tất đèn đã đạt đến độ nhuần nhuyễn, tinh tế.
- Đoạn trích Tức nước vỡ bờ được nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đánh giá là tuyệt khéo về phương diện nghệ thuật.

II. Thân bài:

1. Nghệ thuật tạo tình huống:

- Tác giả đã đẩy nhân vật chị Dậu vào một tình huống cùng cực nhất: phải nộp tiếp một suất sưu, chồng bị đánh đập như một cái xác không hồn gọi mãi mới tỉnh, nhà hết gạo...
- Tình huống có vấn đề giúp tác giả triển khai hành động và sự việc diễn ra trong đoạn trích một cách hợp lý.

2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Nhân vật anh Dậu ốm yếu được xây dựng chủ yếu thông qua hành động: uể oải, vừa rên vừa ngóng đầu lên, run rẩy, lăn đùng ra, hoảng quá, sợ quá, vừa run vừa kêu => Hình ảnh người ốm được xây dựng khá sinh động, tạo ấn tượng về sự yếu đuối trái ngược với sự mạnh mẽ của chị Dậu.
- Nhân vật cai lệ được xây dựng rất sắc sảo thông qua ngoại hình, hành động và lời nói : ngoại hình leo khẻo nghiện ngập, giọng khàn khàn vì hút nhiều xái cũ, hành động vủ phu vô nhân tính, không nói mà chỉ có quát với thét bằng những lời lẽ cực súc => Khắc hoạ chân thực tên tay sai mặt hạng của thực dân Pháp , làm toát lên tính ách và bản chất của giai cấp thống trị tàn bạo mà hằn lăm đại diện trong đoạn trích.
- Nhân vật chị Dậu : Miêu tả hành động lời nói để làm toát lên diễn biến tâm lí và tính cách : Đối với chồng thì dịu dàng, chu đáo quan tâm chăm sóc. Đối với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng lúc đầu thì nhún nhường van xin tha thiết. Sau vì bị bọn chúng dồn ép đến chân tường nên đã vùng lên phản kháng=> thể hiện khí chất mạnh mẽ tiềm tàng, tâm lý phát triển biến đổi một cách hợp lý và nhất quán với tính cách, hiện lên đầy sức sống trong đoạn trích.

3. Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn :

- Tạo ra một diễn biến giàu tính kịch với cả xung đột, phát triển, cao trào, thắt nút và mở nút khiến người đọc hồi hộp theo dõi và sung sướng hả hê ở đoạn mở nút câu chuyện.

4. Ngôn ngữ kể chuyện chính xác và tinh tế :

- Lời người kể chuyện hấp dẫn với những chi tiết miêu tả ít nhưng có tác dụng đặc địa tạo lên không khí truyện.
- Lời kể có sự dẫn dắt chi tiết và cụ thể khiến người đọc dễ dàng hình dung ra hành động và sự việc diễn ra trong truyện.
- Lời nhân vật được lựa chọn kỹ càng góp phần làm toát lên tính cách nhân vật.

III. Kết bài :

- Mọi phương diện nghệ thuật của đoạn trích đều đặc sắc.
- Nhà văn tỏ ra am tường và tinh tế trong quan sát, miêu tả và hiểu tâm lý nhân vật.
- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm có tác dụng khắc hoạ nhân vật và sự việc một cách chân thực và sinh động.
- Đoạn trích xứng đáng với lời khen ngợi của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan là *tuyệt khéo*

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố để làm sáng tỏ nhận định của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan : " Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

Dàn ý:

I. Mở bài:

- Tất đèn là một tác phẩm thành công viết về người nông dân trong chế độ cũ của NTT.
- Ngôn ngữ văn học và nghệ thuật kể chuyện ở Tất đèn đã đạt đến độ nhuần nhuyễn, tinh tế.
- Đoạn trích Tức nước vỡ bờ được nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đánh giá là tuyệt khéo về phương diện nghệ thuật.

II. Thân bài:

1. Nghệ thuật tạo tình huống:

- Tác giả đã đẩy nhân vật chị Dậu vào một tình huống cùng cực nhất: phải nộp tiếp một suất sưu, chồng bị đánh đập như một cái xác không hồn gọi mãi mới tỉnh, nhà hết gạo...
- Tình huống có vấn đề giúp tác giả triển khai hành động và sự việc diễn ra trong đoạn trích một cách hợp lý.

2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Nhân vật anh Dậu ốm yếu được xây dựng chủ yếu thông qua hành động: uể oải, vừa rên vừa ngóng đầu lên, run rẩy, lăn đùng ra, hoảng quá, sợ quá, vừa run vừa kêu => Hình ảnh người ốm được xây dựng khá sinh động, tạo ấn tượng về sự yếu đuối trái ngược với sự mạnh mẽ của chị Dậu.
- Nhân vật cai lệ được xây dựng rất sắc sảo thông qua ngoại hình, hành động và lời nói : ngoại hình lẻo khẻo nghiện ngập, giọng khàn khàn vì hút nhiều xái cũ, hành động vủ phu vô nhân tính, không nói mà chỉ có quát với thét bằng những lời lẽ cực súc => Khắc họa chân thực tên tay sai mặt hạng của thực dân Pháp , làm toát lên tính ách và bản chất của giai cấp thống trị tàn bạo mà hấn làm đại diện trong đoạn trích.
- Nhân vật chị Dậu : Miêu tả hành động lời nói để làm toát lên diễn biến tâm lí và tính cách : Đối với chồng thì dịu dàng, chu đáo quan tâm chăm sóc. Đối với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng lúc đầu thì nhún nhường van xin tha thiết. Sau vì bị bọn chúng dồn ép đến chân tường nên đã vùng lên phản kháng=> thể hiện khí chất mạnh mẽ tiềm tàng, tâm lý phát triển biến đổi một cách hợp lý và nhất quán với tính cách, hiện lên đầy sức sống trong đoạn trích.

3. Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn :

- Tạo ra một diễn biến giàu tính kịch với cả xung đột, phát triển, cao trào, thắt nút và mở nút khiến người đọc hồi hộp theo dõi và sung sướng hả hê ở đoạn mở nút câu chuyện.

4. Ngôn ngữ kể chuyện chính xác và tinh tế :

- Lời người kể chuyện hấp dẫn với những chi tiết miêu tả ít nhưng có tác dụng đặc địa tạo lên không khí truyện.
- Lời kể có sự dẫn dắt chi tiết và cụ thể khiến người đọc dễ dàng hình dung ra hành động và sự việc diễn ra trong truyện.
- Lời nhân vật được lựa chọn kỹ càng góp phần làm toát lên tính cách nhân vật.

III. Kết bài :

- Mọi phương diện nghệ thuật của đoạn trích đều đặc sắc.
- Nhà văn tỏ ra am tường và tinh tế trong quan sát, miêu tả và hiểu tâm lý nhân vật.
- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm có tác dụng khắc họa nhân vật và sự việc một cách chân thực và sinh động.
- Đoạn trích xứng đáng với lời khen ngợi của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan là *tuyệt khéo*

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC**ĐỀ 1****GỢI Ý****1. Trắc nghiệm**

1	2	3	4	5	6
A	D	B	C	B	D

2. Tự luận

- Diễn biến tâm lí còn thay đổi qua cách xưng hô: từ cháu- ông, nhà tôi- ông, bà- mày. Những từ ngữ miêu tả và giọng văn pha chút hài hước của tác giả ở đây đã làm nổi bật sức mạnh ghê gớm của chị Dậu và hình ảnh bất lực thảm hại của tên cai lệ khi bị chị "ra đòn" bất ngờ.

→ Cho thấy những tâm trạng phẫn uất, những chịu đựng bị dồn nén. Sự vùng dậy của chị thể hiện một sức mạnh to lớn của chị đối với cái bọn quan lại thói nát và không có nhân tính, chị đã vùng dậy sau sự độc ác áp bức bóc lột và đưa con người tới cái chết.

→ Chị biểu hiện cho sự đấu tranh chống bọn tàn ác, và đây là một hiện tượng anh hùng của người phụ nữ đã biết đứng lên đấu tranh để đòi lại công lý.

ĐỀ 2**GỢI Ý**

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
D	C	D	D	B	A

2. Tự luận

- Nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích này rất thoả đáng. Trước hết, đây là một thành ngữ dân gian; với đặc điểm súc tích, giàu ý nghĩa của những cụm từ cấu trúc kiểu này, nhan đề “Tức nước vỡ bờ” vừa thống nhất, vừa bổ sung, làm nổi bật ý nghĩa của đoạn trích.
- Thành ngữ “Tức nước vỡ bờ” là một kinh nghiệm mà ông cha ta đã đúc kết, nêu lên một chân lí khách quan: Một sự vật khi bị dồn nén đến một mức độ nhất định tất yếu sẽ phá vỡ khuôn khổ ấy.
- Có thể nói hành động của chị Dậu được thể hiện trong đoạn trích chính là điểm gặp gỡ giữa Ngô Tất Tố và tư tưởng người xưa khi cùng thể hiện logic cuộc sống: có áp bức tất có đấu tranh.
- Hành động đấu tranh của chị Dậu đã biểu hiện rõ được cái nhan đề. Khi con người bị áp bức bóc lột tới một giới hạn nhất định con người sẽ vùng lên đấu tranh để đòi lại công lý, “con giun xéo lắm cũng quằn”. Hành động của chị Dậu đã làm tăng lên ý nghĩa của hành động biết đấu tranh chống lại cái ác và cái xấu.
- Mặc dù tự phát, song hành động của chị cho thấy sức mạnh tiềm tàng của người nông dân. Sức mạnh ấy bắt nguồn từ ý thức nhân phẩm, từ tình yêu thương. Đây là đoạn văn sáng khoái nhất trong hơn một trăm trang “Tắt đèn”.

V. THAM KHẢO

TỨC NƯỚC VỠ BỜ (Trích Tắt đèn-Ngô Tất Tố)

I- Tác giả- Ngô Tất Tố (1893- 1954) sinh tại Lộc Hà, huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh- Hà Nội)

- Thuở nhỏ học chữ Nho nổi tiếng thông minh, đỗ đầu kì thi khảo hạch vùng kinh Bắc, được ái mộ, gọi là “đầu xứ Tố”. Khi nền Hán học suy tàn : “ông nghề, ông công cũng nằm co”(Tú Xương), Ngô Tất Tố tự học chữ Quốc ngữ và học tiếng Pháp. Ông trở thành một nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật và khảo cứu nổi tiếng.

+ Về hoạt động báo chí, ông được coi là “một tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà nho” (lời Vũ Trọng Phụng), có mặt trên nhiều tờ báo trong cả nước với hàng chục bút danh, với một khối lượng bài báo đồ sộ, đề cập nhiều vấn đề thời sự, xã hội, chính trị, văn hoá, nghệ thuật. Đó là một nhà báo có lập trường dân chủ tiến bộ, có lối viết sắc sảo, điều luyện giàu tính chiến đấu, nhiều bài là những tiểu phẩm châm biếm có giá trị văn học cao

+ Về sáng tác văn học, ông là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng. Là cây bút phóng sự, là nhà tiểu thuyết nổi tiếng. Gọi NTT là “nhà văn của nông dân” bởi ông chuyên viết về nông thôn và đặc biệt rất thành công ở đề tài này.

VD: Các phóng sự : Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940) là các tập hồ sơ lên án những hủ tục “quái gở”, “man rợ” đang đè nặng lên cuộc sống người nông dân ở nhiều vùng nông thôn khi đó. Tiểu thuyết “Tắt đèn” là “thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, tòng lai chưa từng thấy (Lời Vũ Trọng Phụng trong bài “báo thời vụ”). Tiểu thuyết “Lều chõng” (1939) tái hiện tỉ mỉ sinh động cảnh hà trường và thi cử thời phong kiến. Nhưng khác với những tác phẩm đương thời cùng đề tài, “lều chõng” đã vạch trần tính chất nhồi sọ và sự trói buộc khắc nghiệt bóp chết óc sáng tạo của chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến. Tác phẩm ít nhiều có ý nghĩa chống lại phong trào phục cổ do thực dân đề xướng lúc bấy giờ.

- Sau cách mạng tháng Tám, NTT sống và hoạt động văn hóa văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc, ông qua đời trước mấy ngày chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

II- Tóm tắt tác phẩm “Tắt đèn”

- Câu chuyện trong “Tắt đèn” diễn ra trong một vụ đóc sưu, đóc thuế ở một làng quê- làng Đông xá dưới thời Pháp thuộc. Cổng làng bị đóng chặt. Bọn hào lý và lũ tay chân với roi song, dây thừng, tay thước nghênh ngang đi lại ngoài đường thét trời kẻ thiếu sưu. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

- Sau hai cái tang liên tiếp(tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng đầu tắt mặt tối quanh năm mà vẫn không đủ ăn, áo không đủ mặc, đến nay đã lên đến “bạc nhất nhì trong hạng cùng đinh”. Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời không có tiền nộp sưu, anh Dậu đã bị bọn cường hào “bắt trời” như trời chó để giết thịt. Chị Dậu tất tả chạy ngược chạy xuôi, phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng và ỏ chó cho vợ chồng Nghị Quế để trang trải “món nợ nhà

nước”. Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất sưu cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì “chết cũng không trốn được nợ nhà nước”. Bị ốm, bị trói, bị đánh Anh Dậu bị ngất đi, rũ như xác chết được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau anh Dậu còn đang ốm rất nặng chưa kịp húp tí cháo thì tay chân bộn hào lí lại ập đến. Chúng lồng lên chửi mắng, bịch vào ngực và tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trói chồng mình. Nhưng tên Cai Lệ đã gầm lên, rồi nhảy thốc vào trói anh Dậu khi anh Dậu đã bị lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên Cai Lệ và tên hầu cận lí trưởng, những kẻ đã “hút nhiều xái cũ”.

- Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Tri Phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen dòn, đôi mắt sắc sảo đã giờ trò bị ỏi. Chị Dậu đã “ném tọt” cả nắm giấy bạc vào mặt con quý dâm ô, rồi vùng chạy. Món nợ nhà nước vẫn còn đó, chị Dậu phải lên tỉnh đi ở vú. Một đêm tối trời, cụ cố thượng đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng chị Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài trong khi “trời tối đen như mực”

III- Giới thiệu “Tắt đèn”.

1. Về nội dung tư tưởng

a. “Tắt đèn” là một tác phẩm giàu giá trị hiện thực: Tố cáo và lên án chế độ sưu thuế đã man của thực dân Pháp đã bần cùng hóa nhân dân. “Tắt đèn” là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến.

b. “Tắt đèn” giàu giá trị nhân đạo

- Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình xóm nghĩa làng giữa những con người cùng khổ, số phận những người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

- “Tắt đèn” đã xây dựng nhân vật chị Dậu, một hình tượng chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp : cần cù, tần tảo, giàu tình thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa đôn hậu, vừa trong sạch.

2. Về nghệ thuật:

- Kết cấu chặt chẽ, tập trung. Cái tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Nhân vật chị Dậu xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm

- Tính xung đột, tính bị kịch cuốn hút, hấp dẫn

- Khắc họa thành công nhân vật: các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến địa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có nét riêng rất chân thực, sống động.

- Ngôn ngữ từ miêu tả đến tự sự, rồi đến ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn đậm đà.

=> Tóm lại, đúng như Vũ Trọng Phụng nhận xét : “Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác.

IV. Tìm hiểu đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”

1. Giới thiệu đoạn trích:

Trong tiểu thuyết “Tắt đèn”, chỉ ít người đọc cũng nhớ chị Dậu, người phụ nữ rất mực dịu dàng và biết chịu đựng nhẫn nhục, đã ba lần vùng lên chống trả quyết liệt sự áp bức của bọn thống trị để bảo vệ nhân phẩm của mình và bảo vệ chồng con. Trong đó thì tiêu biểu nhất là cảnh “tức nước vỡ bờ” mà nhà văn viết thành một chương truyện đầy ấn tượng khó phai, chương thứ 18 của tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930- 1945.

2. Tiêu đề “Tức nước vỡ bờ” thu tóm được :

- Các phần nội dung liên quan trong văn bản: chị Dậu bị áp bức cũng quẫn, buộc phải phản ứng chống lại Cai lệ và người nhà lí trưởng.

- Thể hiện đúng tư tưởng của văn bản : có áp bức, có đấu tranh

- Từ tên gọi của văn bản, có thể xác định nhân vật trung tâm của đoạn trích này là chị Dậu.

3. Bố cục: Truyện tức nước vỡ bờ của chị Dậu diễn ra ở hai sự việc chính:

- Phần 1: Từ đầu đến chỗ “ngon miệng hay không”: Chị Dậu ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế

- Phần 2: Từ “anh Dậu uốn vai đến hết”: Chị Dậu khôn ngoan và can đảm đương đầu với bọn tay sai phong kiến như Cai Lệ và người nhà Lí trưởng.

Câu hỏi: Theo em, hình ảnh chị Dậu được khắc họa rõ nét nhất ở sự việc nào? vì sao em khẳng định như thế?

- Sự việc chị Dậu đương đầu với Cai Lệ và người nhà lí trưởng. Vì khi đó tính cách ngoan cường của chị Dậu được bộc lộ. Trong hoàn cảnh bị áp bức cùng cực, tinh thần phản kháng của chị Dậu mới có dịp bộc lộ rõ ràng.

4. Phân tích:

a. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện mối xung đột cao độ giữa kẻ áp bức và người bị áp bức.

- Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, gia đình chị Dậu bị dồn đến bước đường cùng trong cơn khốn quẫn nhất: phải bán con, bán đàn chó mới để mới đủ suất tiền sưu cho anh Dậu để cứu chồng đang ốm yếu bị đánh đập ngoài đình. Nhưng nguy cơ anh Dậu lại bị bắt nữa vì chưa có tiền nộp sưu cho người em ruột đã chết từ năm ngoái.

- Nhờ hàng xóm giúp, chị Dậu ra sức cứu sống chồng nhưng trời vừa sáng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song tay thước và dây thừng, tính mạng của anh Dậu bị đe dọa nghiêm trọng. Anh chưa kịp húp ít cháo cho đỡ xót ruột như mong muốn của người vợ thương chồng thì bọn đầu trâu mặt ngựa đã ào vào như một cơn lốc dữ khiến anh lẫn đùng ra không nói được câu gì.

=> Như vậy, tình huống vừa mới mở ra mà xung đột đã nổi lên ngay, báo trước kịch tính rất cao để dẫn đến cảnh “tức nước vỡ bờ” như là một quy luật không thể nào tránh khỏi.

b. Bộ mặt tàn ác bất nhân của bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

Trong phần hai của văn bản này xuất hiện các nhân vật đối lập với chị Dậu. Trong đó nổi bật là tên cai lệ. Cai lệ là viên cai chỉ huy một tốp lính lệ. Hắn cùng với người nhà lí trưởng kéo đến nhà chị Dậu để tróc thuế sưu, thứ thuế nộp bằng tiền mà người dân ông là dân thường từ 18 đến 60 tuổi (gọi là dân đinh) hằng năm phải nộp cho nhà nước phong kiến thực dân; sưu là công việc lao động nặng nhọc mà dân đinh phải làm cho nhà nước đó. Gia đình chị Dậu phải đóng suất thuế sưu cho người em chồng đã mất từ năm ngoái cho thấy thực trạng xã hội thời đó thật bất công, tàn nhẫn và không có luật lệ.

- Theo dõi nhân vật cai lệ, ta thấy ngòi bút hiện thực NTT đã khắc họa hình ảnh tên cai lệ bằng những chi tiết điển hình thật sắc sảo.

+ Vừa vào nhà, cai lệ đã lập tức ra oai “gõ đầu roi xuống đất”, hách dịch gọi anh Dậu là “thằng kia”, “mày” và xưng “ông”, “cha mày”. “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu mau!”

+ Cai Lệ trợn ngược hai mắt, hăn quát: “mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất!”

+ Vẫn giọng hăm hè: “Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!....”

+ Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu : “tha này! tha này!.. Vừa nói hăn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.”

=> Ngòi bút của NTT thật sắc sảo, tinh tế khi ông không dùng một chi tiết nào để miêu tả suy nghĩ tên cai lệ trong cảnh này. Bởi vì lũ đầu trâu mặt ngựa xem việc đánh người, trói người như là việc tự nhiên hàng ngày, chẳng bao giờ thấy động lòng trắc ẩn thì làm gì chúng còn biết suy nghĩ? Nhà văn đã kết hợp các chi tiết điển hình về bộ dạng, lời nói, hành động để khắc họa nhân vật. Từ đó ta thấy tên cai lệ đã bộc lộ tính cách hống hách, thô bạo, không còn nhân tính. Từ hình ảnh tên cai lệ này, ta thấy bản chất xã hội thực dân phong kiến là một xã hội đầy rẫy bất công tàn ác, một xã hội có thể gieo họa xuống người dân lương thiện bất kì lúc nào, một xã hội tồn tại trên cơ sở của các lí lẽ và hành động bạo ngược.

c. Hình ảnh đẹp đẽ của người nông dân lao động nghèo khổ.

Truyện “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố đã tạo dựng được hình ảnh chân thực về người phụ nữ nông dân bị áp bức cùng quẫn trong xã hội phong kiến nhưng vẫn giữ được bản chất tốt đẹp của người lao động, đó là chị Dậu.

*** Trước hết là tấm lòng của người vợ đối với người chồng đang đau ốm được diễn tả chân thật và xúc động từ lời nói đến hành động.**

- Chị Dậu chăm sóc anh Dậu trong hoàn cảnh : Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, nhà nghèo, phải bán chó, bán con mà vẫn không lo đủ tiền sưu. Còn anh Dậu thì bị tra tấn, đánh đập và bị ném về nhà như một cái xác rũ rượi...

=> Trước hoàn cảnh khốn khó, chị Dậu đã chịu đựng rất dẻo dai, không gục ngã trước hoàn cảnh.

- Trong cơn nguy biến chị đã tìm mọi cách cứu chữa cho chồng: *Cháo chín, chị Dậu mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chồng nguội. Chị rón rén bưng một bát đến chỗ chồng nằm: Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột. Rồi chị đón lấy cái Tìu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng ăn có ngon miệng không.*

=> Đó là những cử chỉ yêu thương đậm thắm, dịu dàng của một người vợ yêu chồng. Tình cảm ấy như hơi ấm dịu dàng thức tỉnh sự sống cho anh Dậu. Tác giả miêu tả thật tỉ mỉ, kĩ lưỡng từng hành động cử chỉ, từng dấu hiệu chuyển biến của anh Dậu : “anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng”... Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dậu đều có ánh mắt thấp thỏm, lo lắng của chị Dậu dõi theo da diết. Cứ tưởng rằng đây là một phút giây ngắn ngủi trong cả cuộc đời đau khổ của chị Dậu để chị có thể vui sướng tràn trề khi anh Dậu hoàn toàn sống lại. Nhưng dường như chị Dậu sinh ra là để khổ đau và bất hạnh nên dù chị có khao khát một giây phút hạnh phúc ngắn ngủi nhưng nào có được. Bọn Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào như cơn lốc dữ dập tắt ngọn lửa sống đang nhen nhóm trong anh Dậu. Nỗi cay đắng trong chị Dậu không biết lớn đến mức nào. Nhưng giờ đây chị sẽ phải xử sự ra sao để cứu được chồng thoát khỏi đòn roi.

*** Theo dõi nhân vật chị Dậu trong phần thứ hai của văn bản “tức nước vỡ bờ”, ta thấy chị Dậu là một người phụ nữ cứng cỏi đã dũng cảm chống lại bọn cường hào để bảo vệ chồng.**

- Ban đầu chị **nhẫn nhục** chịu đựng:

+ Chị Dậu cố van xin thiết tha bằng giọng run run cầu khẩn: “Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khát”

=> Cách cư xử và xưng hô của chị thể hiện thái độ nhẫn nhục chịu đựng. Chị có thái độ như vậy là vì chị biết thân phận bé mọn của mình, người nông dân thấp cổ bé họng, biết cái tình thế khó khăn, ngặt nghèo của gia đình mình (anh Dậu là kẻ có tội thiếu suất sưu của người em đã chết, lại đang ốm nặng). Trong hoàn cảnh này, chị chỉ mong chúng tha cho anh Dậu, không đánh trối hành hạ anh.

- Khi tên cai lệ chạy sầm sập đến trối anh Dậu, tính mạng người chồng bị đe dọa, chị Dậu “xám mặt” vội vàng chạy đến đỡ lấy tay hắn, nhưng vẫn cố van xin thảm thiết: “Cháu van ông ! Nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho”. (“Xám mặt” tức là chị đã rất tức giận, bất bình trước sự vô lương tâm của lũ tay sai. Mặc dù vậy, lời nói của chị vẫn rất nhũn nhặn, chị đã nhẫn nhục hạ mình xuống- chứng tỏ sức chịu đựng của chị rất lớn. Tất cả chỉ là để cứu chồng qua cơn hoạn nạn.

- Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.

+ Khi tên cai lệ mỗi lúc lại lồng lên như một con chó điên “bịch vào ngực chị mấy bịch” rồi “tát đánh bốp vào mặt chị thậm chí nhảy vào chỗ anh Dậu”.... tức là hành động một cách dã man thì mọi sự nhẫn nhục đều có giới hạn. Chị Dậu đã kiên quyết **cự lại**. Sự cự lại của chị Dậu cũng có một quá trình gồm hai bước.

. Thoạt đầu, chị cự lại bằng **lí lẽ** : “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. -> Lời nói đanh thép như một lời cảnh cáo. Thực ra chị không viện đến pháp luật mà chỉ nói cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người. Lúc này chị đã thay đổi cách xưng hô ngang hàng nhìn vào mặt đối thủ. Với thái độ quyết liệt ấy, một chị Dậu dịu dàng đã trở nên mạnh mẽ, đáo dể.

. Đến khi tên cai lệ đã thú ỷ vẫn không thềm trả lời còn tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu thì chị đã **vụt đứng dậy** với niềm căm giận ngùn ngụt: Chị Dậu nghiêng hai hàm răng “mày trối chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Một cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân thể hiện tư thế “đứng trên đầu thù” sẵn sàng đê bẹp đối phương. Rồi chị “túm cổ cai lệ ấn dúi ra cửa, lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm”. Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận. Với chị, nhà tù thực dân cũng chẳng có thể làm cho chị run sợ nên trước sự can ngăn của chồng, chị trả lời: “thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được”.

1. Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thoả đáng không?

- Kinh nghiệm của dân gian được đúc kết trong câu tục ngữ đó đã bắt gặp sự khám phá chân lí đời sống của cây bút hiện thực NTT, được ông thể hiện thật sinh động, đầy sức thuyết phục.

- Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô gic hiện thực “Tức nước vỡ bờ”, “có áp bức, có đấu tranh” mà còn toát lên cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác. Vì vậy mà tuy tác giả “Tắt đèn” khi đó chưa giác ngộ cách mạng, tác phẩm kết thúc rất bế tắc, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nói rằng: Ngô Tất Tố với “**Tắt đèn**” đã xui người nông dân nổi loạn. NTT chưa nhận thức được chân lí cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức, nhưng với cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó. Và không quá lời nếu nói rằng cảnh “tức nước vỡ bờ” trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp quần chúng nông dân nổi dậy sau này.

2. Nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng: “Với tác phẩm Tắt đèn, NTT đã xui người nông dân nổi loạn. Nên hiểu như thế nào về nhận định này?

Gợi ý:

- Chế độ phong kiến còn áp bức, bóc lột tàn bạo không còn chỗ cho người lương thiện như chị Dậu được sống

- Những người nông dân như chị Dậu muốn sống được, không có cách nào khác phải vùng lên đấu tranh chống áp bức bóc lột.

- Đó là một nhận xét chính xác.

3. Từ đó, có thể nhận ra thái độ nào của nhà văn NTT đối với thực trạng xã hội và đối với phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ?

- Lên án xã hội thống trị áp bức vô nhân đạo

- Cảm thông với cuộc sống cùng khổ của người nông dân nghèo

- Cổ vũ tinh thần phản kháng của họ

- Lòng tin vào phẩm chất tốt đẹp của họ.

- **Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.** Thật vậy, khi bị đẩy tới đường cùng, chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt, thể hiện một thái độ thật bất khuất. Khi tên cai lệ đã thú ỷ vẫn không thềm trả lời, còn “tát vào mặt chị một cái đánh bốp” rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, thì chị đã vụt đứng dậy với niềm căm giận ngùn ngụt: “chị Dậu nghiêng hai hàm răng: “mày trối ngay chồng bà đi, bà

cho mày xem!” Chị chẳng những không còn xưng hô “cháu - ông”, mà cũng không phải “tôi - ông” như kẻ ngang hàng, mà lần này, chị xưng “bà”, gọi tên cai lệ bằng “mày”! Đó là cách xưng hô hết sức đánh đả của phụ nữ bình dân, thể hiện sự căm giận và khinh bỉ cao độ, đồng thời khẳng định tư thế “đứng trên đầu thù”, sẵn sàng đè bẹp đối phương. Lần này chị Dậu đã không đầu lí mà quyết ra tay đấu lực với chúng. Cảnh tượng chị Dậu quật ngã hai tên tay sai đã cho ta thấy sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang hàng của chị Dậu, đối lập với hình ảnh, bộ dạng thảm hại hết sức hài hước của hai tên tay sai bị chị “ra đòn”. Với tên cai lệ “lẻo khoẻo” vì nghiện ngập, chị chỉ cần một động tác “túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa”, hắn đã “ngã chổng quèo trên mặt đất! Đến tên người nhà lí trưởng, cuộc độ sức có dai dẳng hơn một chút (hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau), nhưng cũng không lâu, kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm! Vừa ra tay, chị Dậu đã nhanh chóng biến hai tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, tội tã. Lúc mới xông vào, chúng hùng hổ, dữ tợn bao nhiêu thì giờ đây, chúng hài hước, thảm hại bấy nhiêu. Đoạn văn đặc biệt sống động và toát lên một không khí hào hứng rất thú vị “làm cho độc giả hả hê một chút sau khi đọc những trang rất buồn thảm.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

LÃO HẠC

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
Nam Cao (1915-1951) Tên thật là Trần Hữu Tri Quê ông tại làng, huyện, phủ Lí Nhân . -Tác phẩm:		Truyện ngắn	
	Ý nghĩa nhan đề	Ngôi kể	
		-Ngôi kể: -Người kể: -Tác dụng:	

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
----------------	--------------------

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
---	---

I.3. Phân tích

1. Nhân vật lão Hạc	a. Tình cảnh Lão Hạc	<p>- Tài sản:</p> <p>.....</p> <p>- Cảnh ngộ:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- Một lão nông</p> <p>.....</p> <p>⇒ tình cảnh</p>
		<p>- Tai họa ập đến:</p> <p>+ Trận đau => sức khỏe</p> <p>=></p> <p>+ Bão => không biết</p> <p>+ Bán vì không có cái cho nó ăn</p> <p>></p>	<p>- Vì, lão dự định bán đi</p> <p>- của anh con trai, thân thiết của bản thân mình - và chọn kết thúc cho mình.</p>
	b. Diễn biến tâm trạng lão Hạc quanh việc bán cậu Vàng	<p>- là con chó mà lão Hạc rất</p> <p>+ Cho ăn trong</p> <p>.....</p> <p>+ Rối rã thì</p> <p>.....</p> <p>+ Mỗi khi uống rượu lão nhắm vài miếng thì lại như người ta</p> <p>+ Thường xuyên với nó về, rồi,</p>	<p>- Quyết định con chó Vàng là một việc làm rất, một việc ⇒</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
		<p>- Tâm trạng, biểu hiện khi bán chó:</p> <p>+ Trước khi bán:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Sau khi bán</p> <p>+ Lão cười như, đôi mắt</p> <p>.....</p> <p>+ Mặt lão, vết nhăn ép cho chảy ra,</p> <p>+ Đầu, miệng</p>	<p>⇒ Sử dụng từ, từ dày đặc, liên tiếp</p> <p>⇒</p> <p>.....</p> <p>⇒ và chăm sóc Cậu Vàng như</p> <p>.....</p> <p>⇒ Có với loài vật</p>

		 + Lão khóc.	
		⇒ Lão Hạc là ⇒ Tấm lòng của một người cha	
	c. Là người cha tốt và có trách nhiệm:	+ Giữ lại + con, con + Dù nghèo đói nhưng đựng đến	=> Coi trọng bốn phận làm, day dứt vì
	d. Cái chết của lão Hạc	- Những hành động của Lão Hạc trước khi chết: Lão nhờ ông giáo 2 việc: + +	+ +
		- Nguyên nhân + Hoàn cảnh sống:=> đẩy Lão Hạc đến cái chết như một sự tự + Lão chọn cái chết vì như vậy sẽ => những cuối cùng để lại từ cho - Mục đích:	=> Đây là cái chết, xuất phát
		- Cách chọn cái chết: - trên giường, đầu tóc, quần áo, mắt long, lão, bọt mép người lão chốc chốc về lại vật vã đến mới chết	⇒ Sử dụng dày đặc và liên tiếp các từ,⇒ Làm nổi bật ⇒ Là người có ý thức cao về
	Ý nghĩa cái chết: Có ý nghĩa sâu sắc - Bộc lộ rõ và của Lão Hạc là một người nghèo khổ,, đi đến đường cùng nhưng giàu		

	<p>- Tổ cáo</p> <p>.....</p> <p>- Nhân cách: là một người cha, sống và biết tôn trọng => sự</p> <p>=> <i>Nhân vật lão Hạc là hình ảnh tiêu biểu cho</i></p> <p>.....</p>		
2. Nhân vật ông giáo	Hoàn cảnh	<p>- Là nghèo, của Lão Hạc</p> <p>Có cùng; có cùng phải bán đi những nhất</p>	
	Tình cảm	<p>- Sống lão Hạc.</p> <p>- Thông cảm, cho của lão Hạc, tìm mọi cách</p> <p>- Ông là người, có cao cả</p>	
	Tâm trạng	<p>- Khi nghe tin Lão Hạc xin Binh Tư Bả chó:</p> <p>.....</p>	<p>nghĩ là</p>
		<p>- Khi nghe tin Lão Hạc tự tử bằng bả chó:.....</p> <p>.....</p>	<p>Buồn vì</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>- Đáng buồn theo một</p>		<p>Buồn cho số phận</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p>- Vai trò:</p> <p>=> Ông giáo là người trí thức chân chính, trọng nhân cách, không mất đi lòng tin vào những điều tốt đẹp ở con người.</p> <p>- Quan điểm sống cao đẹp: Sống gần gũi, quan sát, suy ngẫm, đặt mình vào cảnh ngộ của con người để hiểu con người</p> <p>=> Là người có tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân.</p>			
3. Nhân vật	Hoàn cảnh	<p>- Là 1 nông dân nghèo, vì túng quẫn mà bị tha hóa</p>	

Bình Tư	Hành động	- Phải đi ăn trộm chó để duy trì sự sống cho cả gia đình
	Suy nghĩ	- Khi Lão Hạc ngỏ ý xin bà chó, Bình Tư nghĩ: Lão cũng chẳng vừa đâu => Nghĩ Lão Hạc cũng phải chọn con đường như mình
	Vai trò	- Thắt nút câu chuyện: Khiến ông giáo cũng hiểu lầm về Lão Hạc - Sự đối lập tron g tính cách và hành động của Bình Tư với Lão Hạc càng làm nổi bật nhân cách cao đẹp của Lão Hạc. Dù bị XH dồn đẩy đến bước đường cùng cũng không bị tha hóa, quyết chọn cái chết để giữ được nhân cách
4. Tổng kết	1. Nghệ thuật:	- Ngôi kể thứ nhất có thể kể linh hoạt những điều mình biết và rất phù hợp để bộc lộ tình cảm một cách trực tiếp, sâu đậm... - Tạo dựng tình huống truyện bất ngờ, đầy kịch tính. - Miêu tả tâm lí nhân vật rất tài tình. - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.
	2. Nội dung	- Miêu tả chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong XH cũ. - Khẳng định, ca ngợi phẩm chất cao quý của họ.

3.Tóm tắt:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II .Các câu hỏi ôn lại kiến thức: Văn bản Lão Hạc**1.Giải nghĩa các từ sau:**

- *Đói deo đói dắt:*
- *Hoa lợi:*
- *Hách dịch:*
- *Bòn vườn:*
- *Cao vọng:*

2. Trước khi chết, lão Hạc đã thu xếp nhờ ông giáo 2 việc gì? Em có suy nghĩ gì về phẩm chất của Lão Hạc qua 2 việc nhờ cậy đó?

- Việc thứ nhất:

.....

->

- Việc thứ 2:

.....

->

3. Suy nghĩ của em về cái chết của Lão Hạc:

- Nguyên nhân: +

+

+

.....

+

-Cách chọn cái chết:

+

+

- Ý nghĩa:

+

+

+

4. Viết lại 2 câu văn nhận định mang tính triết lí của ông giáo xoay quanh việc Lão Hạc xin Binh Tư bả chó và lí giải tâm trạng của ông giáo.

- Khi nghe tin Lão Hạc xin Binh Tư bả chó:

.....

.....

-> Tâm trạng của ông giáo:

+

.....

+

.....

- Khi biết tin Lão Hạc tự tử bằng bả chó:.....

.....

-> Tâm trạng của ông giáo:

+

.....

+

.....

5. Qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” và truyện ngắn Lão Hạc em hiểu thế nào về cuộc đời và tính cách của người nông dân trong xã hội cũ.

- Cuộc đời:

+

+

- Tính cách:

+

+

.....

+

.....

6. Nếu bỏ chi tiết lão Hạc tự tử bằng bả chó thì có ảnh hưởng đến ý nghĩa câu chuyện không? Vì sao?

7. Giới thiệu văn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »

III. ĐỀ LUYỆN

Phần 1. Đọc kĩ đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

“ Tôi mãi mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, giật nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hấn và bảo hấn : “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn : cụ tha chết chứ không chịu bán đi một sào...”

1/ Đoạn văn trên được kể ở ngôi thứ mấy? Xác định phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn?

2/ Tìm các từ tượng hình trong câu: “Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc.

3/ Em hiểu như thế nào về nguyên nhân cái chết của lão Hạc? Qua những điều lão Hạc thu xếp nhờ cậy “ông giáo” rồi sau đó tìm đến cái chết, em có suy nghĩ gì về tính cách của ông lão

Phần 2 “Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để lại tiền làm ma, bởi không muốn liên lụy hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...”

a) Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Của ai? Xác định thể loại của tác phẩm ấy.

b) Đoạn văn trên là suy nghĩ của nhân vật nào?

c) Qua tác phẩm vừa xác định ở câu a, em hiểu về cuộc đời và phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ như thế nào? (Viết đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu)

Phần 3 Đọc kỹ đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi

“Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc...Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hân và bảo hân: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ tha chết chứ không chịu bán đi một sào...”

Trích *Lão Hạc* - Nam Cao

- 1) Hãy giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao.
- 2) Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề *Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945*.
- 3) Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện?
- 4) Em hiểu thế nào về nguyên nhân cái chết của lão Hạc?
- 5) Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc như thế nào qua đoạn kết trên?

Phần 4

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !
- Cụ bán rồi?
- Bán rồi ! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”

Trích *Lão Hạc* - Nam Cao

Em hãy đọc kỹ đoạn văn trên và trả lời các câu sau:

- 1) Tìm các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn.
- 2) Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện?
- 3) Em hãy nêu tóm tắt giá trị nhân đạo của truyện ngắn *Lão Hạc*.
- 4) Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề *Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945* đã học trong chương trình *Ngữ văn 8*, tập một.

Phần 5. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy !... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó !... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn ...

Không ! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác...”

- 1.Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu nội dung và phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?
- 2.Dấu ba chấm trong đoạn trích trên có tác dụng gì?
- 3.Tìm thán từ, tình thái từ trong đoạn văn trên và cho biết tác dụng?

4. Từ nội dung toàn tác phẩm, em hiểu các câu văn trên như thế nào ?

5. Truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao giúp ta hiểu gì về tình cảnh khốn cùng của người nông dân trước Cách mạng ?

Phần 6:

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:

“Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại .

Tôi vui vẻ bảo :

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác? ...

- Việc gì còn phải chờ khi khác? ... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây ! Tôi làm nhanh lắm ...

- Đã biết , nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc ...

Mặt lão nghiêm trang lại ...

- Việc gì thế , cụ ?

- Ông giáo để tôi nói ... Nó hơi dài dòng một tí .

- Vâng , cụ nói .

- Nó thế này , ông giáo ạ ! ”

(Trích Ngữ văn 8 , tập 1 - Nhà xuất bản Giáo dục)

Câu 1. Xác định thể loại và ngôi kể chuyện của văn bản có đoạn trích trên. Việc lựa chọn ngôi kể chuyện này có tác dụng như thế nào? (1,0 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích trên lão Hạc muốn nhờ ông giáo việc gì? Việc đó giúp em hiểu gì về nhân vật này? (1,0 điểm)

Câu 3. Xác định từ ngữ thuộc một trường từ vựng trong đoạn trích, gọi tên trường từ vựng đó? (0,5 điểm)

Câu 4. Nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao có nhiều phẩm chất tốt đẹp. Hãy lựa chọn một phẩm chất em ấn tượng nhất và viết đoạn văn khoảng 10 – 12 câu trình bày theo cách diễn dịch làm sáng tỏ phẩm chất ấy của nhân vật. Đoạn văn có sử dụng trợ từ (chú thích rõ từ ngữ là trợ từ) (3,5 điểm)

Phần 7. Đọc kỹ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương.[...] Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”

(Trích Ngữ văn lớp 8, tập I- NXB Giáo dục, 2018)

Câu 1. Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào? Trong tác phẩm? Tác giả là ai?

Câu 2. Xác định các từ vựng có trong đoạn văn

Câu 3. Tìm một câu ghép trong đoạn văn và chỉ ra quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép đó.

Câu 4. Từ suy nghĩ của nhân vật trong đoạn văn trên, em rút ra cho mình bài học gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người?

Phần 8

“Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để lại tiền làm ma, bởi không muốn liên lụy hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...”

a) Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Của ai? Xác định thể loại của tác phẩm ấy.

b) Đoạn văn trên là suy nghĩ của nhân vật nào?

c) Qua tác phẩm vừa xác định ở câu a, em hiểu về cuộc đời và phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ như thế nào? (Viết đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu)

Phần 9.

“Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc... Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hân và bảo hân: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”

Trích *Lão Hạc* - Nam Cao

Em hãy đọc kỹ văn bản trên rồi trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Hãy giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao.
- 2) Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề *Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945*.
- 3) Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện?
- 4) Em hiểu thế nào về nguyên nhân cái chết của lão Hạc?
- 5) Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc như thế nào qua đoạn kết trên?

Phần 10. Cho đoạn văn sau:

“ Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. ”

(Ngữ văn 8 – tập 1)

1. Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu những hiểu biết của em về tác giả.
2. Đoạn văn được kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể đó.
3. Nhân vật **tôi** được nói đến trong đoạn văn là ai? Người đó suy nghĩ như thế nào trước cái chết của lão Hạc. Qua những suy nghĩ đó em hiểu được điều gì?
- 4*. Có người cho rằng lão Hạc vừa bị ép chết nhưng cũng vừa tự nguyện tìm đến cái chết. Ý kiến của em như thế nào? Tại sao lão Hạc không chọn cho mình 1 cái chết lặng lẽ, “êm dịu” mà lại chọn 1 cái chết đau đớn dữ dội, thê thảm đến như vậy?
5. Tìm các từ lấy tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn trên và phân tích tác dụng.
6. Viết một đoạn văn theo cách T-P-H (từ 8 đến 10 câu) trình bày cảm nhận của em về cái chết của lão Hạc qua đoạn văn trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu mở rộng và hai từ lấy tượng hình, tượng thanh. Gạch chân và chú thích.

Phần 11: Đọc những câu văn sau và trả lời câu hỏi:

“Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày thêm một đáng buồn...”

1. Những câu văn đã cho được trích từ tác phẩm nào, của ai, viết theo thể loại gì?
2. Tác phẩm nói trên thuộc trào lưu văn học nào của nước ta những năm 1930 – 1945?
3. Đoạn trích trên là suy nghĩ của ai, nảy sinh trong tình huống nào? Theo em, tình huống đó có hiệu quả ra sao trong việc khắc họa nhân vật trung tâm của truyện?
4. “Con người đáng kính” được nhắc tới là nói về nhân vật nào trong tác phẩm? Vì sao “tôi” lại dùng từ “đáng kính” khi nói về nhân vật ấy? Hãy trả lời bằng một đoạn văn tổng – phân – hợp khoảng 8 câu, trong đoạn có sử dụng ít nhất ba từ thuộc cùng một trường từ vựng (chỉ rõ).

IV. ĐỀ NLXH.

Từ sự cảm thông và sẻ chia những khó khăn của ông giáo với Lão Hạc, em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 1 trang giấy nêu ý nghĩa của tình đồng cảm và chia sẻ trong cuộc sống.

V. ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Đề bài:hân tích truyện ngắn Lão hạc của Nam Cao.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Đề bài: Cuộc đời lão Hạc chồng chất những bi kịch: bi kịch làm cha và bi kịch làm người. Hãy phân tích truyện ngắn **Lão Hạc** để làm rõ nhận định trên.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Đề bài: Hình tượng người nông dân qua ngòi bút của Ngô Tất Tố và Nam Cao.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 4

Đề bài: Nếu là người được chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó ntn?

VI. ĐỀ HSG

ĐỀ 1

Phải bán chó, lão Hạc *mắt ầng àng nước*, rồi lão *hu hu khóc*. Ông giáo thì *muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc*. So sánh và chỉ ra ý nghĩa của tiếng khóc cùng những giọt nước mắt này.

ĐỀ 2

“Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, giật nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội.”

Đoạn văn trên được trích trong phần cuối trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao, nói về cái chết của Lão Hạc.

a. Cho biết lý do tại sao Nam Cao lại mô tả cái chết của Lão Hạc dữ dội vậy?

b. Hãy viết đoạn văn ngắn cho biết cái chết của Lão Hạc có ý nghĩa gì?

ĐỀ 3

Trong tác phẩm “Lão Hạc”, Nam Cao viết:

“...Chao ôi ! Đối với những người sống quanh ta , nếu ta không cố mà tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương...cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng , buồn đau, ích kỉ che lấp mất...”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Từ các nhân vật: Lão Hạc, ông giáo, vợ ông giáo , Binh Tư trong tác phẩm “Lão Hạc” ,em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐỀ 4

“Mỗi tác phẩm văn học là một bức thông điệp của người nghệ sỹ gửi đến cho bạn đọc”.

Em hiểu nhận định trên như thế nào?

Dựa vào những hiểu biết của em về truyện ngắn Lão Hạc của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐỀ 5

Cuộc đời lão Hạc chồng chất những bi kịch: bi kịch làm cha và bi kịch làm người. Hãy phân tích truyện ngắn **Lão Hạc** để làm rõ nhận định trên.

VII..ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tác phẩm Lão Hạc được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện ngắn
- B. Truyện vừa
- C. Truyện dài
- D. Tiểu thuyết

Câu 2: Ý nào nói đúng nhất nội dung của truyện Lão Hạc?

- A. Tác động của cái đói và miếng ăn đến đời sống con người
- B. Phẩm chất cao quý của người nông dân
- C. Số phận đau thương của người nông dân
- D. Cả ba ý kiến trên đều đúng

Câu 3: Ý kiến nào nói đúng nhất nguyên nhân sâu xa khiến lão Hạc phải lựa chọn cái chết?

- A. Lão Hạc ân hận vì trót lừa cậu Vàng.
- B. Lão Hạc rất thương con.
- C. Lão Hạc ăn phải bả chó.
- D. Lão Hạc không muốn làm liên lụy đến mọi người.

Câu 4: Trong các từ sau đây, từ nào là từ tượng hình?

- A. Móm mém.
- B. Vui vẻ.
- C. Xót xa.
- D. Ái ngại.

Câu 5: Ý nào sau đây nói đúng nhất về nội dung của đoạn văn sau:

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước [...] Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

(Ngữ văn 8, tập một)

- A. Sự yếu đuối của lão Hạc
- B. Sự già nua của lão Hạc
- C. Sự cực khổ, đau đớn về tinh thần của lão Hạc
- D. Sự nghèo khổ của lão Hạc

Câu 6: Trong tác phẩm Lão Hạc, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?

- A. Vì lão sợ kẻ trộm đánh bả.
- B. Vì nuôi con chó sẽ phải tiêu vào tiền của con.

C. Để lấy tiền gửi cho con.

D. Vì lão không muốn nuôi con chó nữa.

2. Tự luận

Qua những điều lão Hạc thu xếp, nhờ cậy ông giáo rồi sau đó mới tìm đến cái chết, em suy nghĩ gì về tình cảnh và tính cách lão Hạc trong truyện ngắn “Lão Hạc”?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tác phẩm Lão Hạc được viết theo thể loại nào?

A. Tiểu thuyết

B. Truyện dài

C. Truyện vừa

D. Truyện ngắn

Câu 2: Từ "lão" trong đoạn văn trên tương đương với từ lão nào trong các dòng sau đây?

A. Ông lão

B. Lão nghệ nhân

C. Bệnh lão hóa

D. Lão thầy bói

Câu 3: Trong tác phẩm Lão Hạc, con trai lão Hạc đi phu vì lí do gì?

A. Vì muốn làm giàu.

B. Phần chí vì nghèo không lấy được vợ.

C. Vì không lấy được người mình yêu.

D. Vì nghèo túng quá.

Câu 4: Trong tác phẩm Lão Hạc, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?

A. Vì lão sợ kẻ trộm đánh bả.

B. Để lấy tiền gửi cho con.

C. Vì nuôi con chó sẽ phải tiêu vào tiền của con

D. Vì lão không muốn nuôi con chó nữa.

Câu 5: Câu văn “Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra nó sung sướng hơn một chút ... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!” biểu hiện điều gì?

A. Sự chua chát của lão Hạc khi nói về thân phận của mình

B. Sự tự an ủi của lão Hạc đối với bản thân mình

C. Sự thương tiếc của lão Hạc đối với cậu Vàng

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 6: Nhận xét nào nói đúng nhất về nhân vật ông giáo trong tác phẩm?

- A. Là một người biết đồng cảm, chia sẻ nỗi buồn khổ của Lão Hạc
- B. Là người đáng tin cậy để lão Hạc trao gửi niềm tin
- C. Là con người có cách nhìn mới mẻ, sẻ chia, đồng cảm với lão Hạc nói riêng và người nông dân nói chung
- D. Cả A, B, C đều đúng

2. Tự luận

Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc có sự thay đổi như thế nào trong truyện ngắn “Lão Hạc”?

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

LÃO HẠC

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
Nam Cao (1915-1951) Tên thật là Trần Hữu Tri Quê ông tại làng Đại Hoàng, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân. -Tổng khởi nghĩa, Nam Cao tham gia cuộc đánh chiếm Phủ Lý Nhân và làm chủ tịch xã một thời gian. -Tháng 11-1951 trên đường vào công tác vùng địch hậu liên khu Ba, Nam Cao bị một toán phục kích bắn chết gần bót Hoàng Đan, Ninh Bình -Tác phẩm: +Tiểu thuyết: <u>Truyện người hàng xóm</u> , <u>Sống mòn</u> . +Truyện ngắn: <u>Chí Phèo</u> , <u>Lão Hạc</u> , <u>Đôi mắt</u>	Lão Hạc là một <u>truyện ngắn</u> của <u>Nam Cao</u> được viết năm <u>1943</u> . Tác phẩm được đánh giá là một trong những truyện ngắn khá tiêu biểu của dòng <u>văn học hiện thực</u>	Truyện ngắn	
	Ý nghĩa nhan đề	Ngôi kể	
	+ Nhan đề ngắn gọn nhưng có ý nghĩa sâu xa + Tên nhan đề cũng là tên nhân vật chính. Nội dung chính của tác phẩm xoay quanh số phận nghèo khổ của Lão Hạc + Nhan đề gợi sự đồng cảm của người đọc với thân phận người nông dân đồng thời gợi sự căm phẫn với ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến.	-Ngôi kể: thứ 1 -Người kể: ông giáo -Tác dụng: + Là người chứng kiến câu chuyện nên kể lại một cách chân thực + Người kể được tự do bình luận và bộc lộ cảm xúc tạo sự sinh động và chiều sâu cho câu chuyện	

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
<p>- Qua hình ảnh "Anh là một người nông dân già vĩ đại", người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam, đặc biệt là người nông dân ở vùng quê nghèo.</p> <p>- Hình ảnh "Anh là một người nông dân già vĩ đại" được lặp lại nhiều lần, tạo nên một âm hưởng thống nhất, nhấn mạnh vẻ đẹp của người nông dân.</p> <p>- Hình ảnh "Anh là một người nông dân già vĩ đại" được lặp lại nhiều lần, tạo nên một âm hưởng thống nhất, nhấn mạnh vẻ đẹp của người nông dân.</p>	<p>- Xây dựng nhân vật: thông qua ngoại hình miêu tả nội tâm.</p> <p>- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: Lão Hạc bán con chó vàng, lão Hạc nhờ ông giáo trông coi giúp mảnh vườn, cái chết thê thảm của lão Hạc ...</p> <p>- Tính triết lý của câu truyện: nhiều câu văn, đoạn văn giàu tính triết lý về cuộc sống.</p>

I.3. Phân tích

I.3. Phân tích			
1. Nhân vật lão Hạc	a. Tình cảnh Lão Hạc	- Tài sản: ba sào ruộng, một con chó, một túp lều nhỏ	- Một lão nông già yếu, cô đơn
		- Cảnh ngộ: cô độc, vợ mất sớm, ở với cậu con trai , con trai bỏ nhà đi, sống một mình thui thủi với con chó.	⇒ tình cảnh bi đát
	- Tai họa ập đến: + Trận đau kéo dài => sức khỏe yếu => thất nghiệp + Bão phá hoại mảnh vườn tan hoang => không biết bám víu vào đâu. + Bán cậu Vàng vì không có cái cho nó ăn-> cô đơn	- Vì nghèo, lão dự định bán đi cậu Vàng – kỉ vật của anh con trai, người bạn thân thiết của bản thân mình - và chọn con đường kết thúc cho mình.	
	b. Diễn biến tâm trạng lão Hạc quanh việc bán cậu Vàng	- Cậu Vàng là con chó của lão Hạc rất yêu quý: + Cho ăn trong một bát lớn như của nhà giàu; ăn gì cũng gấp cho nó cùng ăn + Rối rã thì đem nó ra ao tắm, bắt rận cho nó + Mỗi khi uống rượu lão nhắm vài miếng thì lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho cháu + Thường xuyên tâm sự với nó về bố nó, rồi thủ thỉ, âu yếm	- Quyết định bán đi con chó Vàng là một việc làm rất khó khăn, một việc hệ trọng ⇒ đắn đo, do dự, suy tính mãi
		- Tâm trạng, biểu hiện khi bán chó: + Trước khi bán: Dằn đo, suy tính, coi là việc hệ trọng. Bởi với Lão Hạc thì Cậu Vàng còn là người bạn, người con, người thân của Lão - Sau khi bán + Lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậng nước + Mặt lão đột nhiên co rúm lại, vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra, + Đầu ngoẹo về một bên, miệng móm mém mếu như con nít + Lão hu hu khóc.	⇒ Sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh dày đặc, liên tiếp ⇒ vô cùng đau khổ đang hồi hận, xót xa, thương tiếc dâng trào. => Yêu thương và chăm sóc Cậu Vàng như người thân => Có tình yêu tha thiết với loài vật
⇒ Lão Hạc là một người nông dân sống có tình có nghĩa, thủy chung, rất mực trung thực ⇒ Tâm lòng thương yêu con của một người cha nghèo khổ.			

	c. Là người cha tốt và có trách nhiệm:	<ul style="list-style-type: none"> + Giữ lại ba sào vườn cho con + Thương con, lo cho con + Dù nghèo đói nhưng không bao giờ đụng đến phần tiền để dành cho con. 	=> Yêu thương con Coi trọng bổn phận làm cha, day dứt vì không lo được hạnh phúc cho con
	d. Cái chết của lão Hạc	- Những hành động của Lão Hạc trước khi chết	<ul style="list-style-type: none"> + Trông nom hộ mảnh vườn, khi nào con trai lão về thì giao lại cho nó + Mang hết tiền dành dụm nhờ ông giáo và bà con chòm xóm làm ma cho nếu lão chết đi.
		- Nguyên nhân <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn cảnh sống: khổ đói, rách rưới, túng quẫn => đẩy Lão Hạc đến cái chết như một sự tự giải thoát. + Lão chọn cái chết vì như vậy sẽ bảo toàn căn nhà, đồng tiền, mảnh vườn => những vốn liếng cuối cùng để lại cho cậu con trai. - Mục đích: Bảo toàn tài sản cho con và không muốn phiền hà đến bà con hàng xóm.	=> Đây là cái chết tự nguyện, xuất phát từ lòng thương con âm thầm, sâu sắc, cùng với lòng tự trọng đáng kính của Lão Hạc
		- Cách chọn cái chết: Lão tự tử bằng bã chó - Vật vãi trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, mắt long sòng sọc, lão tru tréo, bọt mép sùi ra.... người lão chốc chốc lại giật mạnh....vật vãi đến hai giờ đồng hồ mới chết	=> Sử dụng đầy đặc và liên tiếp các từ tượng hình, tượng thanh => Làm nổi bật cái chết dữ dội, thê thảm đầy bất ngờ của lão Hạc => Là người có ý thức cao về lẽ sống, trọng danh dự làm người hơn cả sự sống; một người cha hết lòng thương con, một người nông dân trung thực, thật thà, giàu lòng tự trọng.
Ý nghĩa cái chết: Có ý nghĩa sâu sắc - Bộc lộ rõ số phận và tính cách của Lão Hạc là một người nông dân nghèo khổ, bế tắc, đi đến đường cùng nhưng giàu lòng tự trọng. - Tố cáo hiện thực xã hội thực dân nửa phong kiến đã đẩy người nông dân vào bước đường cùng. - Nhân cách: là một người cha hết lòng vì con, sống tình nghĩa và biết tôn trọng hàng xóm => sự cao thượng. => Nhân vật lão Hạc là hình ảnh tiêu biểu cho số phận cơ cực, đáng thương của những người nông dân nghèo trước CMT8.			
2. Nhân vật ông giáo	Hoàn cảnh	- Là tri thức nghèo, hàng xóm của Lão Hạc Có cùng nỗi khổ của sự nghèo túng; có cùng nỗi đau phải bán đi những thứ mà mình yêu quý nhất	
	Tình cảm	- Sống gần gũi, thân mật, yêu quý lão Hạc. - Thông cảm, thương xót cho hoàn cảnh của lão Hạc, tìm mọi cách an ủi, giúp đỡ lão.	

	- Ông là người hiểu đời hiểu người, có tấm lòng vị tha cao cả		
	Tâm trạng	- Khi nghe tin Lão Hạc xin Binh Tư Bả chó: <i>Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày thêm một đáng buồn:</i>	nghĩa là nghèo đói có thể biến con người rất tốt thành người xấu, biến người lương thiện như lão Hạc thành kẻ trộm cắp như Binh Tư, đáng buồn vì đã để ta thất vọng.
		- Khi nghe tin Lão Hạc tự tử bằng bả chó: <i>Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn...</i>	vì nhân cách của lão Hạc được khẳng định, tô đậm thêm bởi cái chết của lão.
		- <i>Đáng buồn theo một nghĩa khác</i>	Buồn cho số phận thê thảm, không lối thoát của người nông dân nghèo. Buồn vì lão Hạc lương thiện, nhân hậu mà không được sống, đã vậy lại phải chết, chết một cách đau đớn, thảm thương !
		- Vai trò: Là người kể chuyện ⇒ Ông giáo là người trí thức chân chính, trọng nhân cách, không mất đi lòng tin vào những điều tốt đẹp ở con người. - Quan điểm sống cao đẹp: Sống gần gũi, quan sát, suy ngẫm, đặt mình vào cảnh ngộ của con người để hiểu con người => Là người có tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân.	
3. Nhân vật Binh Tư	Hoàn cảnh	- Là 1 nông dân nghèo, vì túng quẫn mà bị tha hóa	
	Hành động	- Phải đi ăn trộm chó để duy trì sự sống cho cả gia đình	
	Suy nghĩ	- Khi Lão Hạc ngỏ ý xin bả chó, Binh Tư nghĩ: Lão cũng chẳng vừa đâu => Nghĩ Lão Hạc cũng phải chọn con đường như mình	
	Vai trò	- Thắt nút câu chuyện: Khiến ông giáo cũng hiểu lầm về Lão Hạc - Sự đối lập trong tính cách và hành động của Binh Tư với Lão Hạc càng làm nổi bật nhân cách cao đẹp của Lão Hạc. Dù bị XH dồn đẩy đến bước đường cùng cũng không bị tha hóa, quyết chọn cái chết để giữ được nhân cách	
4. Tổng kết	1. Nghệ thuật:	- Ngôi kể thứ nhất có thể kể linh hoạt những điều mình biết và rất phù hợp để bộc lộ tình cảm một cách trực tiếp, sâu đậm... - Tạo dựng tình huống truyện bất ngờ, đầy kịch tính. - Miêu tả tâm lí nhân vật rất tài tình. - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.	
	2. Nội dung	- Miêu tả chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong XH cũ. - Khẳng định, ca ngợi phẩm chất cao quý của họ.	

I.4.Tóm tắt:

Lão Hạc là một người nông dân nghèo . Vợ lão mất sớm để lại một đứa con trai và mảnh vườn nhỏ cùng con chó Vàng. Con trai lão lớn lên không có tiền cưới vợ bèn đi đồn điền cao su. Chỉ còn cậu Vàng với lão nên lão dành hết tình thương nhớ con vào cậu. Nhưng thật đáng thương vì lão phải bán cậu vàng đi rồi đem số tiền dành dụm cho con mình sang gửi Ông Giáo. Rồi sau đó lão sang nhà Binh Tư xin 1 ít bả chó. Khi nghe Binh Tư kể lại chuyện đó thì ông Giáo rất buồn và nghĩ ngợi tại sao một người như lão Hạc lại như vậy. Nhưng sau đó lão Hạc lại chết , chết một cách rất đau đớn. Chỉ có Binh Tư và ông Giáo mới hiểu rõ cái chết của lão.

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:**1.Giải nghĩa các từ sau:**

- **Đói deo đói dặt:** đói dai dẳng không dứt
- **Hoa lợi:** những thứ thu hoạch được do trồng trọt.
- **Hách dịch:** cây oai, hồng hách với người khác.
- **Bòn vườn:** Tìm kiếm, cốp nhặt từng ít một từ mảnh vườn.
- **Cao vọng:** ước vọng cao xa.

2. Trước khi chết, lão Hạc đã thu xếp nhờ ông giáo 2 việc gì? Em có suy nghĩ gì về phẩm chất của Lão Hạc qua 2 việc nhờ cậy đó?

- **Việc thứ nhất:** LH nhờ ông giáo giữ mảnh vườn trao lại cho con trai của lão.

-> Lão là người cha sống có trách nhiệm, hết lòng yêu thương con, luôn lo lắng cho tương lai của con.

- **Việc thứ 2:** Lão gửi ông giáo 30 đồng để lo ma chay cho mình.

-> Lão là người trọng danh dự, không muốn làm phiền hàng xóm, không muốn người khác phải thương hại mình.

3. Suy nghĩ của em về cái chết của Lão Hạc:

- **Nguyên nhân:** + Muốn giữ mảnh vườn cho con trai, vì tình yêu thương

+ Quá khổ cực, không lối thoát, vì lão quá lương thiện.

+ Vì bán cậu Vàng, người bạn thân thiết nhất; lão sống trong cảm giác có lỗi là người phản bội lừa dối con chó đáng thương tội nghiệp.

+ Không muốn làm phiền hàng xóm, vì lòng tự trọng

+Do xã hội bất công, chế độ phong kiến thực dân không cho con người quyền sống

-**Cách chọn cái chết:** + Tự tử bằng bả chó

+ Lão nằm vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại giật mạnh.

➔ Một cái chết đau đớn và thảm thương, dường như lão cố tình chọn cho mình một cái chết đau đớn và dữ dội như thế để tự trừng phạt mình đã đánh lừa cậu Vàng.

- **Ý nghĩa:** + Phản ánh bi kịch của người nông dân trước CM8

+ Lên án XH TDPK đã đẩy con người đến bước đường cùng

+ Tầm lòng trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp nhân cách của con người.

4. Viết lại 2 câu văn nhận định mang tính triết lí của ông giáo xoay quanh việc Lão Hạc xin Binh Tư bả chó và lí giải tâm trạng của ông giáo.

- Khi nghe tin Lão Hạc xin Binh Tư bả chó: “ **Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn.** ”

-> Tâm trạng của ông giáo: + ngỡ ngàng, thất vọng, buồn bã vì tin rằng Lão Hạc đi theo con đường của Binh Tư.

+ cảm giác chua chát trước thời thế: cái nghèo đói có thể biến 1 con người lương thiện như lão trở thành kẻ trộm cắp như Binh Tư.

- Khi biết tin Lão Hạc tự tử bằng bả chó: “ **Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác**”

-> Tâm trạng của ông giáo:

+ Chưa hẳn đã đáng buồn vì trân trọng, cảm phục Lão Hạc, lão chọn cái chết để giữ được phẩm giá trong sạch, lương thiện.

+ Đáng buồn theo một nghĩa khác vì xã hội đã dồn đẩy người nông dân lương thiện đến bước đường cùng, buộc họ phải tìm đến cái chết.

5. Qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” và truyện ngắn Lão Hạc em hiểu thế nào về cuộc đời và tính cách của người nông dân trong xã hội cũ.

- Cuộc đời:

+ Họ đều là những người nông dân cực khổ, nghèo túng, bất hạnh

+ Họ bị xã hội đè nén, áp bức, rơi vào tình trạng khốn khó cùng cực.

- Tính cách:

+ Họ đều là những người nông dân hiền lành, lương thiện.

+ Thương yêu chồng con, hết mực hi sinh.

+ Trong bất cứ hoàn cảnh nào họ cũng cố gắng giữ mình được trong sạch.

6 - Chi tiết lão Hạc tự tử bằng bả chó là một chi tiết quan trọng góp phần tạo nên đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.

- Nếu không có chi tiết này thì việc kết thúc truyện sẽ mất tính bất ngờ và không trở thành một sự kiện để Ông giáo đưa ra những suy ngẫm của mình.

- Đó là cái chết khiến người đọc xót xa trước thân phận của con người, kính trọng những nhân cách cao đẹp như lão Hạc.

7. Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

III. ĐỀ LUYỆN

Đáp án và Thang điểm

Phần 1:

1. (1 điểm) Đoạn văn trên được kể theo ngôi thứ nhất. Tác giả xưng tôi. Phương thức biểu đạt chủ yếu: tự sự xen miêu tả, biểu cảm. (1 điểm)

2. Từ tượng hình “rũ rượi”, “xộc xệch”, “sòng sòng” (0,5 điểm)

⇒ Diễn tả cái chết đau đớn, vật vã tột cùng của nhân vật lão Hạc hiền lành, thiện lương (0,5 điểm)

3. Nguyên nhân cái chết của lão Hạc

- Lão Hạc là người nghèo khó nhưng giàu lòng tự trọng không muốn làm phiền hàng xóm, quyết không nhận bố thí, trong lúc túng quẫn, tuyệt vọng, lão Hạc bị đẩy vào con đường chết (1 điểm)

- Lão Hạc già yếu, nghèo khó, không muốn động vào số tài sản đã để dành cho con nên ông tìm tới cái chết để giải thoát (0,5 điểm)

- Nguyên nhân gián tiếp: do xã hội bất công, chế độ phong kiến thực dân không cho con người quyền sống (0,5 điểm)

Phần 2

a. Đoạn văn trích trong truyện ngắn “Lão Hạc” 0,5 điểm

- Tác giả: Nam Cao. 0,5 điểm

- Thể loại: Truyện ngắn. 0,5 điểm

b. Đoạn văn là suy nghĩ của nhân vật ông giáo về lão Hạc. 0,5 điểm

c. Viết đoạn văn

* Về kĩ năng: Viết đúng hình thức một đoạn văn, diễn đạt rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ. 0,25 điểm

* Về nội dung: Học sinh cần thể hiện được hai ý cơ bản sau:

- Cuộc đời: Lão Hạc là đại diện tiêu biểu cho những người nông dân cơ cực, nghèo khổ, số phận đáng thương, tình cảnh bế tắc... 0,5 điểm

- Phẩm chất: Nhân hậu, giàu đức hi sinh, yêu thương con, giàu lòng tự trọng.

Phần 3

Câu	Nội dung
1	<p>Giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (Nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. - Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những sáng tác chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ. - Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Nam Cao đi theo cách mạng, ông tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến. - Ông đã hi sinh trên đường công tác ở vùng sau lưng địch. Nam Cao được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996
2	<p>Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề <i>Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS kể được 2 tác phẩm và tác giả đã học trong sách Ngữ văn 8, tập một: <i>Tắt đèn</i> của nhà văn Ngô Tất Tố và <i>Lão Hạc</i> của nhà văn Nam Cao.

3	<p>Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện?</p> <p>- Đoạn văn được kể ở ngôi thứ nhất. Ngôi kể ấy có tác dụng: Tăng thêm tính chân thực của chuyện, câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực hơn.</p> <p>- Qua lời kể của nhân vật <i>tôi</i>, câu chuyện được dẫn dắt tự nhiên, linh hoạt, giúp tác giả thể hiện sâu sắc suy nghĩ, tình cảm của nhân vật nên sức thuyết phục của câu chuyện cao hơn</p>
4	<p>Nguyên nhân cái chết của lão Hạc: Tình cảnh đói khổ, túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát - Qua đây ta thấy số phận cơ cực của người nông dân VN trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945.</p>
5	<p>Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc qua đoạn kết trên: đồng cảm, xót xa trước cái chết đau đớn của lão Hạc; trân trọng nhân cách của lão Hạc...</p>

Phần 4

Câu	Nội dung
1	<p>Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn:</p> <p>- Chỉ ra được các từ tượng hình: ằng ằng, móm mém.</p> <p>- Chỉ ra được từ tượng thanh: hu hu.</p>
2	<p>Xác định ngôi kể của đoạn văn:</p> <p>- Đoạn văn trên được kể ở ngôi thứ nhất (ông giáo là người kể chuyện, xưng <i>tôi</i>).</p> <p>- Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể ở ngôi thứ nhất:</p> <p>+ Ông giáo – người tham gia câu chuyện, chứng kiến sự việc diễn ra trực tiếp kể lại câu chuyện khiến cho câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi hơn. Với cách kể này, câu chuyện được kể như những lời giải bày tâm sự, cuốn hút độc giả dõi theo.</p> <p>+ Việc lựa chọn ngôi kể này còn giúp cho cách dẫn dắt câu chuyện trở nên tự nhiên, linh hoạt hơn, lời kể chuyển dịch trong mọi không gian, thời gian kết hợp giữa kể với tả, hồi tưởng với bộc lộ cảm xúc trữ tình và triết lý sâu sắc.</p>
3	<p>Nêu tóm tắt giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc</p> <p>- Trước hết, giá trị nhân đạo của tác phẩm được khẳng định qua tấm lòng đồng cảm, sự sẻ chia, cảm thông sâu sắc của nhà văn trước số phận đau thương, bất hạnh của người lao động, đặc biệt là của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.</p> <p>- Truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng với người nông dân (lão Hạc) của nhà văn; đồng thời ngợi ca những phẩm cao quý của lão Hạc...</p>
4	<p>Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề “Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945” đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập 1:</p> <p>- Tác phẩm <i>Lão Hạc</i> của nhà văn Nam Cao</p> <p>- Tác phẩm <i>Tắt đèn</i> của nhà văn Ngô Tất Tố</p>

Phần 5. Gợi ý:

1- Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm Lão Hạc của nhà văn Nam Cao

- Nội dung: Đoạn văn là lời độc thoại nội tâm của nhân vật “tôi” về tình cảnh và nhân cách của Lão Hạc.

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

2. Ngụ ý rằng còn nhiều điều ông giáo biết về lão Hạc mà chưa kể hết.

3.- Thán từ “ ời” -> giúp bộc lộ cảm xúc của nhân vật ông giáo .

-Tình thái từ “ừ”-> giúp biểu thị sắc thái tình cảm cho câu nói.

4 - Câu : *"Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn..."*, thể hiện:

+ Sự ngỡ ngàng, thất vọng của ông giáo trước việc làm và nhân cách của lão Hạc (do hiểu lầm).

+ Nỗi chán ngán, chua chát của ông giáo trước cuộc đời và trước thể thái nhân tình: đời nghèo có thể đổi trắng thay đen, biến người lương thiện như lão Hạc thành kẻ trộm cắp như Binh Tư, đáng để ta thất vọng...

- Các câu *"Không ! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác..."* :

+ Sự khẳng định mạnh mẽ, niềm vui, niềm tin của ông giáo về nhân cách cao đẹp của lão Hạc. Không gì có thể huỷ hoại được nhân phẩm người lương thiện để ta có quyền hi vọng, tin tưởng ở con người.

+ Nỗi buồn, nỗi xót xa cho số phận, cuộc đời tăm tối, bế tắc của người nông dân nghèo trong xã hội cũ: người tốt như lão Hạc mà đành phải chết vì không tìm đâu ra miếng ăn hằng ngày...

5 - Nỗi khổ về vật chất: Cả đời thất lung buộc bụng lão cũng chỉ có nỗi trong tay một mảnh vườn và một con chó. Sự sống lay lắt cầm chừng bằng số tiền ít ỏi do bòn vườn và làm thuê. Nhưng thiên tai, tật bệnh chẳng để lão yên ổn. Bao nhiêu tiền dành dụm được, sau một trận ốm đã hết sạch, lão đã phải kiếm được gì ăn nấy để cầm hơi. Nam Cao đã dùng cảm nhìn thẳng vào nỗi khổ về vật chất của người nông dân mà phản ánh.

- Nỗi khổ về tinh thần: Đó là nỗi đau của người chồng mất vợ, người cha mất con. Những ngày tháng xa con, lão sống trong nỗi lo âu, phiền muộn vì thương nhớ con, day dứt vì chưa làm tròn bổn phận của người cha. Còn gì xót xa hơn khi tuổi già gần đất xa trời lão phải sống trong cô độc. Không người thân thích, không người sẻ chia buồn vui, lão chỉ biết trò chuyện cùng cậu Vàng. Chẳng thế mà khi phải bán con chó, lão luôn tự dằn vặt mình trong đau đớn, ân hận,... Không còn con đường nào khác, lão buộc phải tìm đến cái chết như một sự giải thoát. Lão Hạc sống thì mỗi mòn, cầm chừng qua ngày, chết thì thê thảm. Cuộc đời người nông dân trước Cách mạng thật cơ cực, làm than !

Phần 6:

Câu	Mục đích – Yêu cầu
Câu 1	<ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Truyện ngắn - Ngôi kể: Ngôi thứ 1 (ông giáo) - Tác dụng của việc lựa chọn người kể chuyện: <ul style="list-style-type: none"> + Là người gần gũi, chứng kiến toàn bộ cảnh đời của Lão Hạc => Câu chuyện mang tính chủ quan, nhân vật bộc lộ trực tiếp tư tưởng tình cảm, cảm xúc (Hs nêu được 2 ý trở lên cho điểm tối đa)
Câu 2	<ul style="list-style-type: none"> * Lão Hạc muốn nhờ ông giáo: <ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất: Nhờ ông giáo cho lão gửi ba sào vườn của con trai lão - Thứ hai: Gửi ông giáo 30 đồng bạc nhờ lo ma chay hộ, còn thiếu đâu thì nhờ hàng xóm => Phẩm chất lão Hạc: tự trọng, giàu tình yêu thương con
Câu 3	<ul style="list-style-type: none"> - Hs xác định đúng từ ngữ (0,25đ), tên trường từ vựng (0,25đ) + Ví dụ: Trường hoạt động: nói, cười, bảo, ngồi,...
Câu 4	<ul style="list-style-type: none"> *Hình thức: (1,0 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Cách trình bày: Đoạn văn diễn dịch, diễn đạt rõ ràng, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu + Số câu: khoảng 10 – 12 câu + Yêu cầu Tiếng Việt: Chỉ rõ trợ từ (không chú thích không cho điểm) * Nội dung: (2,5 điểm) <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ một phẩm chất của lão Hạc trong truyện ngắn: + Nêu được phẩm chất nhân vật

	+ Phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ phẩm chất + Đánh giá nghệ thuật khắc họa phẩm chất nhân vật + Bày tỏ cảm xúc về nhân vật
--	--

Phần 7.**Câu 1.**

- Suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật “Ông Giáo”
- Trong tác phẩm Lão Hạc của nhà văn Nam Cao

Câu 2

- Trường từ vựng:
- + Chỉ tính cách của con người ; gần gũi, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi, ích kỉ(HS liệt kê được ít nhất 2/3 số từ trong 1 trường từ vựng GV cho đủ điểm)
- + Chỉ tâm trạng con người: lo lắng, buồn đau

Câu 3.

- Ghi lại đúng câu văn : Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gần gũi, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những người đáng thương; không bao giờ ta thương.
- HS chỉ đúng quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện, giả thuyết- kết quả

Câu 4. Học sinh có thể rút ra được nhiều bài học:

- + Khi đánh giá con người, cần phải biết vượt qua những biểu hiện bề ngoài để tìm hiểu bản chất tốt đẹp bên trong
- + phải biết đặt mình vào hoàn cảnh, suy nghĩ của người khác để hiểu họ...
- + phải có lòng thông cảm và con mắt vị tha khi đánh giá, nhìn nhận con người
- + Đánh giá con người phải tìm hiểu kỹ lưỡng trong cả một quá trình, tránh thái độ nóng vội chủ quan....

Phần 8

a. Đoạn văn trích trong truyện ngắn “Lão Hạc” 0,5 điểm

- Tác giả: Nam Cao. 0,5 điểm
- Thể loại: Truyện ngắn. 0,5 điểm

b. Đoạn văn là suy nghĩ của nhân vật ông giáo về lão Hạc. 0,5 điểm

c. Viết đoạn văn

* Về kĩ năng: Viết đúng hình thức một đoạn văn, diễn đạt rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ. 0,25 điểm

* Về nội dung: Học sinh cần thể hiện được hai ý cơ bản sau:

- Cuộc đời: Lão Hạc là đại diện tiêu biểu cho những người nông dân cơ cực, nghèo khổ, số phận đáng thương, tình cảnh bế tắc... 0,5 điểm
- Phẩm chất: Nhân hậu, giàu đức hi sinh, yêu thương con, giàu lòng tự trọng. 0,5 điểm

Phần 9.

Câu	Nội dung
-----	----------

1	<p>Giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (Nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. - Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những sáng tác chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ. - Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Nam Cao đi theo cách mạng, ông tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến. - Ông đã hi sinh trên đường công tác ở vùng sau lưng địch. Nam Cao được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996
2	<p>Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề <i>Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS kể được 2 tác phẩm và tác giả đã học trong sách Ngữ văn 8, tập một: <i>Tắt đèn</i> của nhà văn Ngô Tất Tố và <i>Lão Hạc</i> của nhà văn Nam Cao.
3	<p>Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn được kể ở ngôi thứ nhất. Ngôi kể ấy có tác dụng: Tăng thêm tính chân thực của chuyện, câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực hơn. - Qua lời kể của nhân vật <i>tôi</i>, câu chuyện được dẫn dắt tự nhiên, linh hoạt, giúp tác giả thể hiện sâu sắc suy nghĩ, tình cảm của nhân vật nên sức thuyết phục của câu chuyện cao hơn.
4	<p>Nguyên nhân cái chết của lão Hạc: Tình cảnh đói khổ, túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát - Qua đây ta thấy số phận cơ cực của người nông dân VN trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945.</p>
5	<p>Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc qua đoạn kết trên: đồng cảm, xót xa trước cái chết đau đớn của lão Hạc; trân trọng nhân cách của lão Hạc...</p>

Phần 10.

Câu 1. Đoạn văn trích trong truyện ngắn “Lão Hạc” - Tác giả: Nam Cao.

Câu 2: Ngôi thứ nhất: câu chuyện đến với người đọc chân thực, gần gũi và tự nhiên hơn, mang đậm tính triết lí vì người kể có thể tự do bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm, sự đánh giá về con người và cuộc đời; giọng kể linh hoạt

Câu 3: Suy nghĩ của ông giáo: “ *Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác.*

- C/đ chưa hẳn đã đáng buồn: ở chỗ những suy nghĩ của ông giáo về LH không đúng bởi lão là một con người cao quý chứ không đến mức tha hóa như vậy.

- C/đ đáng buồn: vì một con người có nhân cách như lão Hạc mà không được sống, phải chịu một cái chết đau đớn, khổ sở, chết trong sự nghi ngờ của mọi người.

Câu 4:

- LH bị ép phải chết: vì hoàn cảnh s

Câu 6: Suy nghĩ về cái chết của lão Hạc: sâu sắc và ấn tượng

- Chết để tự giải thoát khỏi kiếp sống mòn.
- Chết vì thương con trai: giữ trọn vẹn vốn liếng cho con; giữ tiếng cho con
- Chết để tránh bị đẩy vào con đường tha hóa, biến chất.
- Cái chết còn có ý nghĩa như một sự trừng phạt (vì đã trót lừa một con chó)
- Cái chết là sự hi sinh tàn khốc vì tương lai, chứng tỏ sự bế tắc trong cuộc sống hiện tại.
- Cái chết là minh chứng cho tấm lòng lương thiện, trong sạch của lão.
- Cái chết còn là một dẫn chứng cho vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân VN trước c/m tháng Tám.

Phần 11.

Phần	Đáp án
I	1. Tác phẩm “Lão Hạc” Tác giả <i>Nam Cao</i> Thể loại <i>truyện ngắn</i>
	2. Trào lưu Văn học Hiện thực phê phán 1930 -1945
	3. Nhân vật ông giáo - Tình huống: ông giáo nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó, nghĩ rằng lão Hạc đã tha hóa, theo gót Binh Tư. - Hiệu quả: tình huống nghệ thuật đặc sắc, là cao trào của truyện, chuyển hướng suy nghĩ về lão Hạc của ông giáo và người đọc. Lão Hạc hiện lên qua nhiều điểm nhìn, nên khi biết được toàn bộ sự thật (kết truyện), người đọc càng thấm thía hơn về nhân cách lão Hạc.
	4. - Yêu cầu về hình thức: Viết đúng đoạn văn tổng – phân – hợp, đủ số câu (cho phép tối đa 11 câu) trình bày rõ ràng, sạch đẹp. - Yêu cầu về nội dung: “con người đáng kính” được nhắc tới là nhân vật lão Hạc. Nhân vật “tôi” dùng từ “đáng kính” để nói về lão Hạc vì những vẻ đẹp toát lên ở nhân cách của lão. - Đói, nghèo cùng cực nhưng vô cùng tự trọng, không muốn phiền lụy hàng xóm láng giềng. - Yêu thương con hết mực. - Tấm lòng lương thiện, “khóc vì trót lừa một con chó”. Hs phải nêu những dẫn chứng trong bài để làm sáng tỏ ý kiến của mình. - Yêu cầu Tiếng Việt: trong đoạn có sử dụng ít nhất 3 từ cùng trường từ vựng (chỉ rõ).

IV. ĐỀ NLXH.

Từ sự cảm thông và sẻ chia những khó khăn của ông giáo với Lão Hạc, em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 1 trang giấy nêu ý nghĩa của tình đồng cảm và chia sẻ trong cuộc sống

* **Yêu cầu hình thức:** Đảm bảo đúng hình thức của một đoạn văn (bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng), dung lượng 10 - 15 câu.

* **Yêu cầu kĩ năng:** Đoạn văn nghị luận các câu liên kết chặt chẽ, lô gic làm sáng vấn đề.

* **Yêu cầu về nội dung:** Đoạn văn đảm bảo những nội dung sau:

Mở đoạn: Học sinh đưa dẫn vấn đề từ câu nói của nhà văn Nam Cao trong truyện Lão Hạc để khẳng định đồng cảm và chia sẻ rất cần trong cuộc sống.

Thân đoạn:

- *Giải thích đồng cảm và chia sẻ:* Là chung một cảm nghĩ, một tấm lòng. Là sự đồng cảm, luôn thấu hiểu và quan tâm đến người khác. Giúp đỡ họ khi họ không có khả năng thực hiện
- Vai trò, ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống:
 - + Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao. Tình yêu thương đem đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hoá kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. (Dẫn chứng)
 - + Người cho đi tình yêu thương cũng cảm thấy thanh thản, hạnh phúc trong lòng. (Dẫn chứng)
 - + Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, là lực hấp dẫn kéo gần con người lại với nhau. Đáng sợ biết bao khi thế giới này chỉ có hận thù, chiến tranh.
- Bàn luận (Mở rộng):
 - + Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thờ ơ vô cảm trước nỗi đau đồng loại
 - + Tuy nhiên tình yêu thương không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ có được khi con người có ý thức nuôi dưỡng, vun trồng.
 - + Tình yêu thương cho đi phải trong sáng, không vụ lợi có thể nó mới có ý nghĩa.
 - + Hãy biến yêu thương thành hành động, yêu thương đúng cách, không mù quáng...
 - Rút ra bài học nhận thức và hành động: Sống yêu thương, trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình và cũng cần biết san sẻ tình yêu thương với mọi người.
- * **Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề: tình yêu thương là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người.

V. ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Phân tích truyện ngắn Lão hạc của Nam Cao.

* Dàn bài.

1. Mở bài.

- Nam Cao (1915 – 1951) tên thật là Trần Hữu tri. Quê ở làng Đại Hoàng, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam.
- Ông viết nhiều về đề tài nông thôn và để lại cho đời những truyện ngắn xuất sắc.
- Ông được đánh giá là bậc thầy của truyện ngắn Việt Nam.
- Một trong những tác phẩm thể hiện cái nhìn nhân đạo sâu sắc của Nam Cao là truyện ngắn Lão hạc, nhân vật chính là một lão nông dân nghèo khổ, thật thà, chất phác, yêu thương con hết lòng và giàu đức hi sinh.

2. Thân bài.

- * Lão hạc – một người cha hết lòng vì con.
- Vợ mất sớm. Lão dồn tất cả tình yêu thương cho đứa con trai duy nhất.
- Thấu hiểu nỗi đau đớn của con vì nghèo mà bị phụ tình.
- Tự dằn vặt vì không giúp được con thoả nguyện, để con phần trí bỏ làng đi phu đồn điền cao su.
- Thà nhịn đói chứ không muốn ăn vào số tiền dành dụm cho con.
- Vì thương con mà đành phải bán con chó Vàng để khỏi tốn kém.
- * Lão Hạc – Một lão nông nghèo khổ nhưng sống trong sạch và tự trọng.
- Sau trận ốm kéo dài, lão không còn được ai thuê mướn nên lâm vào cảnh túng đói.
- Lão kiếm được gì ăn nấy, không thích sự thương hại của người khác, không làm điều bậy bạ.
- Lão tin cậy ông giáo, nhờ ông giáo giữ hộ mảnh vườn và số tiền lão để dành cho con trai.

- Buộc phải bán con chó Vàng, lão ân hận mãi, cứ trách mình cư xử không đàng hoàng với nó.

- Lão tự nguyện chọn cái chết dữ dội để giải thoát cuộc đời bất hạnh của mình.

* Bình luận.

- Trong sự bế tắc cùng cực của hoàn cảnh, người nông dân nghèo vẫn giữ được phẩm giá tốt đẹp. Điều này thể hiện thái độ trân trọng và cái nhìn nhân đạo của Nam Cao đối với những người nghèo khổ.

- Nam Cao đã lồng vào trong tác phẩm một triết lý nhân sinh: Con người chỉ xứng đáng với danh nghĩa con người khi biết đồng cảm, chia sẻ và nâng niu những điều đáng thương, đáng quý ở người khác.

- Nhân vật lão Hạc có ý nghĩa lên án xã hội đương thời thối nát, bất công, không cho những con người có nhân cách cao đẹp như lão Hạc được sống.

3. *Kết bài.*

- Nhà văn Nam Cao đã giúp người đọc hiểu được nỗi khổ sở, bất hạnh của người nông dân nghèo dưới thời thực dân, phong kiến.

- Ông kín đáo ca ngợi vẻ đẹp cao quý trong tâm hồn họ. Điều đó khẳng định cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn và tiến bộ của nhà văn.

- Hình ảnh lão Hạc nhắc nhở chúng ta hãy tôn trọng những con người nghèo khổ nhưng sống trong sạch.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Đề bài: Cuộc đời lão Hạc chông chênh chất những bi kịch: bi kịch làm cha và bi kịch làm người. Hãy phân tích truyện ngắn **Lão Hạc** để làm rõ nhận định trên.

Dàn ý

I. Mở bài:

Giới thiệu về nhà văn Nam Cao-một đại diện tiêu biểu trong dòng văn học hiện thực phê phán 30-45.

II. Thân bài:

* Giới thiệu khái quát nội dung truyện ngắn "**Lão Hạc**" trong sự so sánh với các tác phẩm khác của Nam Cao.

1. Bi kịch làm cha của lão Hạc:

- Bất lực không có tiền cho con cưới vợ, để người con trai duy nhất phần chí đi làm đồn điền cao su.

- Đau xót khi tònà bộ số tiền dành dụm chất chiu cho con, vì một trận ốm mà hết sạch.

2. Bi kịch làm người của lão Hạc:

- Dẫn vật, đau đớn vì trót lừa "Cờ Vàng".

- Bị đẩy vào sự lựa chọn khốc liệt: nếu muốn sống thì lỗi đạo làm cha, phạm đạo làm người; nếu muốn trọn đạo làm người thì buộc phải chết.

- Lão Hạc chọn cái chết để giữ trọn phẩm giá.

3. ý nghĩa của những bi kịch:

- Phản ánh chiều sâu nội tâm đầy mâu thuẫn của nhân vật.

- Thể hiện sâu sắc phẩm cách cao quý của nhân vật.

- Có giá trị tố cáo sâu sắc xã hội đương thời.

III. Kết bài

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Đề bài: Hình tượng người nông dân qua ngòi bút của Ngô Tất Tố và Nam Cao.

Dàn ý:

I. Mở bài:

- NTT và NC là hai tác giả xuất sắc của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

- Cả hai ông đều quan tâm đến số phận người nông dân.

- Viết về người nông dân, hai ông đều có một điểm chung: Khắc họa nỗi đau khổ cùng cực và phát hiện ra phẩm chất ngời sáng của họ.

II. Thân bài :

1. Người nông dân với số phận bần cùng, đau khổ:

- Gia đình chị Dậu phải đối mặt với mùa sưu thuế:

+ Anh Dậu đau ốm vẫn bị đánh đập hành hạ dã man.

+ Chị Dậu phải bán con, bán chó lấy tiền nộp sưu mà còn bị nhà Nghị Quế giàu có tham lam ăn bớt mất hào bạc lẻ.

+ Cái Tí bé bỏng không được sống cùng cha mẹ mà sớm phải chịu kiếp tôi đòi.

+ Dù tiền nộp sưu anh Dậu vẫn không được tha vì bộ cường hào bắt đóng thuế cho cả người em trai đã chết.

=> tình cảnh bi thảm cùng quẫn.

- Lão Hạc của Nam Cao phải đối diện với sự nghèo đói :

+ Vĩ nghèo mà gia đình lão li tán, vợ chết , con lão bỏ đi xa vì không đủ tiền cưới vợ.

+ Có con chó nuôi làm bạn cũng không thể giữ bên mình được vì nghèo.

+ Phải đi làm thuê làm mướn kiếm sống qua ngày mà cũng không được.

=> Người nông dân là tầng lớp bần cùng, bị đè nén áp bức, bóc lột tàn bạo, bị chà đạp không thương tiếc, hiện tại cùng quẫn, tương lai mịt mờ, tăm tối.

2. Người nông dân với phẩm chất lương thiện, tốt đẹp :

- Chị Dậu đảm đang tháo vát, làm trụ cột cho gia đình ;yêu chồng, thương con ;mạnh mẽ, cứng cỏi ; tâm hồn trong sáng.

- Lão Hạc hiền lành, lương thiện, rất mực thương con, giàu tự trọng, thà chết cũng không làm phiền hàng xóm .

III. Kết bài :

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 4

Đề bài: Nếu là người được chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó ntn?

Hướng dẫn:

- Kể lại việc lão Hạc đã bán con vàng như thế nào, chứ không phải chép lại đoạn văn trong truyện ngắn của Nam Cao.
- - Người kể phải ở ngôi thứ nhất, số ít, xưng “tôi”(người kể trong truyện của Nam Cao là ông giáo.)
- Suy nghĩ tình cảm của bản thân về câu chuyện và các nhân vật trong truyện như ông giáo, lão Hạc....

Lập dàn ý:

A. Mở bài

- Giới thiệu ngôi kể thứ nhất (tôi) có mặt trong câu chuyện như người thứ 3 ngoài lão Hạc với ông giáo.(phân biệt với người kể ở trong truyện của Nam Cao chính là ông giáo.
- Giới thiệu hoàn cảnh lão Hạc sang nhà ông giáo để kể chuyện bán chó. Ở đó có ông giáo và người kể

Tham khảo: Hôm nay là một ngày khá là đẹp, mặt trời chiếu những tia nắng xen qua kẽ lá. Tôi đang lụi hụi nấu ăn, còn chồng thì chăm chú ngồi đọc sách. Chợt từ xa, lão Hạc với dáng vẻ buồn bã từ từ tiến lại gần nhà tôi, không biết có chủ ý gì mà lão qua đây. Tò mò tôi ló đầu ra hóng chuyện.

B. Thân bài

1. Kể lại diễn biến câu chuyện mà lão Hạc kể lại việc bán chó cho ông giáo

- Vừa gặp ngay đầu cửa, lão nói với chồng tôi là: “Bán rồi”.
- Chồng tôi thắc mắc: “Bán thật rồi à, nó cho bắt à ?”.
- Lão nói với giọng bùi ngùi, gương mặt lão cổ tỏ ra vui vẻ nhưng thật ra trong lòng đau đớn đến tận cùng.
- Lão cười, cười một cách quái dị, lão cười mà cứ như mếu. Trên đôi mắt ngân ngấn nước, đỏ hoe.
- Lão bắt đầu khóc, lão khóc hu hu như một đứa trẻ, khóc như chưa từng được khóc. Nước mắt chan hòa với nỗi đau khiến lòng lão quặn lại, tim đau từng hồi.
- “Khổ nạn...ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu”. Lão kể lại.

- “Ông giáo à! Ngay cả tôi cũng không hiểu vì sao mình bằng tuổi này rồi mà lại nhấn tâm đi lừa một con chó, phản bội người bạn thân duy nhất của mình. Tôi thấy ân hận quá!”.

- Lão vừa nói vừa dầm thính thịch vào ngực mình, nước mắt cứ thế mà rơi trên gương mặt xương xương, gầy gầy.

2. Miêu tả biểu cảm của ông giáo và tâm trạng của lão Hạc

- Lão Hạc: nét mặt đau khổ của lão Hạc, nỗi ân hận của lão Hạc về việc bán chó, chua chát kết thúc việc bán chó.

- Ông giáo: nét mặt của ông giáo khi nhận được tin, thái độ ân cần hỏi han, chia sẻ, an ủi,... đồng cảm với tâm trạng day dứt của lão Hạc, muốn xoa dịu nỗi đau của một thân phận khốn khổ kiếp người, tạo niềm lạc quan cho ông bạn già và chính mình bằng cách pha trò, thấu hiểu nhân cách cao đẹp của lão Hạc bằng tấm lòng tri âm, tri kỉ.

3. Cảm nghĩ của bản thân

- Suy nghĩ về bản thân về câu chuyện: Xót thay cho những thân phận khốn khổ trong xã hội, không biết cậu Vàng đi rồi, lão Hạc sẽ sống chuỗi ngày còn lại như thế nào, ai sẽ quần quýt bên lão,...

- Suy nghĩ về các nhân vật trong chuyện: Tôi thấy thương lão Hạc biết bao, Lão Hạc quả là một con người đáng thương, ông có một tấm lòng yêu thương con trai và yêu con vật như yêu chính bản thân. Một con người sống có tình có nghĩa như lão thật đáng trân trọng biết bao. Đồng thời ông giáo cũng là người có nhân cách cao cả khi đã ở bên động viên, an ủi người bạn già của mình bằng tấm lòng tri âm, tri kỉ,....

C. Kết bài: Nhắc lại sự việc bán chó. Đặc biệt là khi sự việc kết thúc. Nhận định, đánh giá chung về sự việc đó. Trở lại hoàn cảnh thực tại của mình.

Tham khảo: Chứng kiến toàn bộ cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với chồng mình đã để lại cho tôi cảm xúc khó tả, giúp tôi thấm thía, cảm nhận được những nỗi đau của lão Hạc cũng như những người nông dân thời xưa phải trải qua, họ phải sống trong tầng lớp nghèo khổ, bị khinh miệt rất đáng thương. Và tôi thầm ao ước một ngày nào đó, những con người khốn khổ bản cùng như lão Hạc sẽ vui bớt khổ đau.

VI. ĐỀ LUYỆN HỌC SINH GIỎI

ĐỀ 1

Phải bán chó, lão Hạc *mắt ầng ầng nước*, rồi lão *hu hu khóc*. Ông giáo thì *muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc*. So sánh và chỉ ra ý nghĩa của tiếng khóc cùng những giọt nước mắt này.

*** ý nghĩa của tiếng khóc**

- Lão Hạc khóc vì bán cậu Vàng:

- + Lão mất đi một chỗ dựa tinh thần, một chút an ủi cho tuổi già cô độc-> tiếng khóc than thân tủi phận;
- + Lão ân hận vì đã nỡ tâm lừa một con chó;

-> *Tiếng khóc cho thấy ý thức rất cao về nhân phẩm của lão Hạc*

- Ông giáo muốn khóc vì :

- + Thương cho cảnh tình của lão Hạc;

+ Tiếng khóc của những người có cùng cảnh ngộ (Ông giáo cũng phải bán đi những cuốn sách quý của mình)

*** ý nghĩa của giọt nước mắt:** đều được chất ra từ những khổ nhục, cay cực trong cuộc đời nhưng cũng mệnh mang tình thương và là biểu hiện đẹp đẽ của phẩm cách làm người. Nước mắt của Nam Cao vừa là biểu tượng của khổ nhục, đồng thời là biểu tượng của nhân phẩm; vừa là biểu tượng của những đắng cay mà cũng là biểu tượng của tình thương, của niềm trắc ẩn, của mối từ tâm.

ĐỀ 2

“Lão Hạc đang vật vờ ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, giật nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vờ đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội.”

Đoạn văn trên được trích trong phần cuối trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao, nói về cái chết của Lão Hạc.

- Cho biết lý do tại sao Nam Cao lại mô tả cái chết của Lão Hạc dữ dội vậy?
- Hãy viết đoạn văn ngắn cho biết cái chết của Lão Hạc có ý nghĩa gì?

a. Để đặc tả cái chết của Lão Hạc, nhà văn Nam Cao đã sử dụng liên tiếp nhiều từ tượng hình, tượng thanh như: vật vờ, rũ rượi, xộc xệch, long sòng sọc, tru tréo. Cách miêu tả như vậy gợi ra hình ảnh cụ thể, sinh động về một cái chết thê thảm, dữ dội, giúp người đọc chứng kiến và cảm nhận đầy đủ hơn về bi kịch của người nông dân nghèo trước cách mạng, đồng thời cái chết như vậy có sức tố cáo mạnh mẽ một xã hội phi nhân tính, tàn ác đối với con người, gợi lên một niềm thương cảm sâu sắc cho người đọc.

b. Cái chết của Lão Hạc có ý nghĩa sâu sắc:

- Một mặt nó góp phần bộc lộ rõ số phận và tính cách của Lão Hạc, cũng là số phận và tính cách của nhiều người nông dân trong xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng 8 năm 1945: nghèo khổ, bế tắc cùng đường, giàu tình yêu thương và đầy tự trọng.
- Mặt khác, cái chết của Lão Hạc có ý nghĩa tố cáo hiện thực xã hội thực dân nửa phong kiến đã khiến chúng ta trở thành nô lệ, có cuộc sống tối tăm, tàn tệ, buộc những người nghèo hoặc đưa dẫn họ đến con đường cùng của xã hội, con đường cùng của cuộc sống. Họ chỉ có thể tha hóa biến chất hoặc giữ bản chất lương thiện, trong sạch tìm lại tự do bằng chính cái chết của bản thân. Cái chết của Lão Hạc cũng góp phần làm cho những người xung quanh hiểu rõ con người của Lão hơn, quý trọng và thương tiếc lão hơn.

ĐỀ 3

Trong tác phẩm “Lão Hạc”, Nam Cao viết:

“...Chao ôi ! Đối với những người sống quanh ta , nếu ta không cố mà tìm hiểu họ , thì ta chỉ thấy họ gàn dở , ngu ngốc , bần tiện , xấu xa , bỉ ổi...toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương...cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng , buồn đau , ích kỉ che lấp mất...”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Từ các nhân vật: Lão Hạc, ông giáo, vợ ông giáo, Binh Tư trong tác phẩm “Lão Hạc” , em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

A.Yêu cầu chung:

Thể loại: Giải thích kết hợp chứng minh.

Nội dung: Cách nhìn, đánh giá con người cần có sự cảm thông, trân trọng con người.

Yêu cầu cụ thể

1.Mở bài:

-Dẫn dắt vấn đề: Con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội nên việc đánh giá con người phải có sự tìm hiểu cụ thể.

-Đặt vấn đề: Cách nhìn, đánh giá con người qua câu nói trên.

2.Thân bài(4 điểm)

a. Giải thích nội dung của đoạn văn:

+ Lời độc thoại của nhân vật “Ông giáo”- thông qua nhân vật này- tác giả Nam Cao thể hiện cách nhìn, đánh giá đầy sự cảm thông, trân trọng con người:

- Phải đem hết tấm lòng của mình, đặt mình vào hoàn cảnh của họ để cố mà tìm hiểu, xem xét con người ở mọi bình diện thì mới có được cái nhìn đầy đủ, chất gạn được những nét phẩm chất đáng quý của họ, nếu chỉ nhìn phiến diện thì sẽ có ác cảm hoặc những kết luận sai lầm về bản chất của con người.

b. Chứng minh ý kiến trên qua các nhân vật:

+ Lão Hạc: Thông qua cái nhìn của các nhân vật (trước hết là ông giáo), lão Hạc hiện lên với những việc làm, hành động bề ngoài có vẻ gàn dở, lầm cẩm

- Bán một con chó mà cứ đắn đo, suy nghĩ mãi. Lão Hạc sang nhà ông giáo nói chuyện nhiều lần về điều này làm cho ông giáo có lúc cảm thấy **“nhảm rồi”**.

- Bán chó rồi thì đau đớn, xót xa, dằn vặt như mình vừa phạm tội ác gì lớn lắm.

- Gửi tiền, giao vườn cho ông giáo giữ hộ, chấp nhận sống cùng cực, đói khổ: ăn sung, rau má, khoai, củ chuối...

- Từ chối gần như hách dịch mọi sự giúp đỡ.

- Xin bả chó.

+ Vợ ông giáo: nhìn thấy ở lão Hạc một tính cách gàn dở **“Cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ! Lão làm lão khổ chứ ai...”**, vô cùng bức tức khi nhìn thấy sự rối rời của ông giáo khi ông đề nghị giúp đỡ lão Hạc **“Thị gạt phắt đi”**.

+ Binh Tư: Từ bản tính của mình, khi nghe lão Hạc xin bả chó, hấn vội kết luận ngay “Lão...cũng ra phết chứ chả vừa đâu”.

+ Ông giáo có những lúc không hiểu lão Hạc: “Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế?”, thậm chí ông cũng chưa chất thốt lên khi nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó về để **“cho nó xơi một bữa...lão với tôi uống rượu”**: **“Cuộc đời cứ mỗi ngày càng thêm đáng buồn...”** Nhưng ông giáo là người cả tri thức, có kinh nghiệm sống, có cái nhìn đầy cảm thông với con người, lại chịu quan sát, tìm hiểu, suy ngẫm nên phát hiện ra được chiều sâu của con người qua những biểu hiện bề ngoài:

- Ông cảm thông và hiểu vì sao lão Hạc lại không muốn bán chó: Nó là một người bạn của lão, một kỉ vật của con trai lão; ông hiểu và an ủi, sẻ chia với nỗi đau đớn, dằn vặt của lão Hạc khi lão khóc thương con chó và tự xỉ vả mình. Quan trọng hơn, ông phát hiện ra nguyên nhân sâu xa của việc gửi tiền, gửi vườn, xin bả chó, cái chết tức tưởi của lão Hạc: Tất cả là vì con, vì lòng tự trọng cao quý. Ông giáo nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn của lão Hạc ẩn giấu đằng sau những biểu hiện bề ngoài có vẻ gàn dở, lập dị.

- Ông hiểu và cảm thông được với thái độ, hành động của vợ mình: Vì quá khổ mà trở nên lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau đồng loại **“...Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân cả lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu ? cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất...”**. ông biết vậy nên **“Chỉ buồn chứ không nì giận”**.

→ Ông giáo là nhân vật trung tâm dẫn dắt câu chuyện, từ việc miêu tả các nhân vật mà quan sát, suy ngẫm để rồi rút ra những kết luận cả tính chiêm nghiệm hết sức đong đắn và nhân bản về con người. Có thể nói tác giả đã hóa thân vào nhân vật này để đưa ra những nhận xét, đánh giá chứa chan tinh thần nhân đạo về cuộc đời, con người. Đây là một quan niệm hết sức tiến bộ định hướng cho những sáng tác của nhà văn sau này.

3. Kết bài:

-Khẳng định tính triết lí của câu nói trên. Đó cũng là quan niệm sống, tình cảm của tác giả.

-Suy nghĩ của bản thân em...

ĐỀ 4

“Mỗi tác phẩm văn học là một bức thông điệp của người nghệ sĩ gửi đến cho bạn đọc”.

Em hiểu nhận định trên như thế nào?

Dựa vào những hiểu biết của em về truyện ngắn Lão Hạc của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Yêu cầu chung:

a. **Về kỹ năng:** Học sinh biết cách vận dụng kiến thức văn chương để làm bài văn nghị luận giải thích, chứng minh một nhận định về văn học; biết lựa chọn và phân tích những dẫn chứng tiêu biểu trong tác phẩm truyện để làm sáng tỏ nhận định. Bài viết có bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, có hình ảnh.

b. **Về kiến thức:** Làm rõ nhận định: Lời gửi của tác giả đến với bạn đọc qua tác phẩm của mình. Cảm nhận cụ thể ý nghĩa của truyện ngắn Lão Hạc qua lời gửi của nhà văn Nam Cao.

2. Yêu cầu cụ thể:

a. **Mở bài:** Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận, trích dẫn nhận định.

b. Thân bài: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ những ý sau:

* *Giải thích nhận định*:

- Khái niệm *tác phẩm văn học*: Là con đẻ tinh thần của nhà văn, nói cách khác nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm văn học.

- Nhà văn lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống, bằng tài năng sáng tác văn chương mà *phản ánh cuộc sống* đó trong tác phẩm của mình.

- *Bức thông điệp nhà văn gửi đến cho bạn đọc*: Nhưng sự phản ánh không phải là chụp ảnh, đồ lại hiện thực, đó là quá trình phản ánh có chọn lọc, có cảm xúc, suy ngẫm. Thông qua bức tranh về hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm, *nhà văn thể hiện một cách nhìn một cách nghĩ, một lời nhắn nhủ đến cho bạn đọc*.

Vì vậy ý kiến cho rằng mỗi tác phẩm văn học là bức thông điệp mà người nghệ sỹ gửi cho bạn đọc là đúng, thể hiện sự am hiểu sâu sắc về mối quan hệ giữa tác phẩm với bạn đọc.

* *Phân tích chứng minh bức thông điệp mà nhà văn Nam Cao gửi đến cho bạn đọc qua truyện ngắn Lão Hạc*:

- Giới thiệu khái quát về truyện ngắn: Là tác phẩm xuất sắc viết về tài người nông dân trước cách mạng. Nhân vật chính của truyện là lão Hạc, một người nông dân phải chịu nhiều thiếu thốn, khổ đau về cả vật chất lẫn tinh thần nhưng lại là con người có vẻ đẹp phẩm chất tâm hồn cao quý, đáng trọng.

- Qua truyện ngắn Lão Hạc nhà văn Nam Cao muốn giúp chúng ta hiểu được tình cảnh khốn cùng và nhân cách cao quý của nhân vật Lão Hạc, qua đó hiểu thêm về số phận đáng thương và vẻ đẹp tâm hồn đáng trọng của người nông dân Việt nam trước cách mạng tháng tám (D/c).

- Nhà văn cũng muốn nhắc nhở chúng ta một thái độ sống một cách ứng xử mang tinh thần nhân đạo: Cần phải quan sát, suy nghĩ đầy đủ về những con người hàng ngày sống quanh mình, cần phải nhìn nhận họ bằng lòng đồng cảm, bằng đôi mắt của tình thương, phải biết nhìn ra và trân trọng nâng niu những điều đáng thương và đáng quý ở họ (D/c).

- Nam Cao cũng muốn gửi đến chúng ta lời nhắn nhủ khi đánh giá một con người: Cần biết đặt mình vào cảnh ngộ của họ thì mới có thể hiểu đúng, cảm thông đúng (D/c).

c. Kết bài:

- Khẳng định giá trị, ý nghĩa, sự cần thiết phải đọc tác phẩm văn học.

* **Lưu ý**: - Phân giải thích nhận định câu 3 có thể dẫn dắt linh hoạt nhưng phải logic.

- G/k cần vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, khuyến khích những bài viết hay, sáng tạo.

- Điểm toàn bài là điểm từng phần cộng lại.

VII..ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
A	D	B	A	C	B

2. Tự luận

- Tình cảnh và tính cách của lão Hạc:

* **Tình cảnh**: hết sức éo le, đáng thương: lợm khộm trong cảnh gà trống nuôi con, rồi đưa con trai duy nhất đi xa lão sống trong cô đơn hiu quạnh. Sức yếu giá cả, ốm đau bệnh tật, nghèo túng vất vả nhất là phải ở trong bi kịch giữa tình thương con và sự sống của một con vật nuôi mà lão gắn bó thân thiết.

- **Tính cách**:

+ Một ông lão khiêm cung trong cử chỉ, tinh tế trong đối xử, hiếu đời, hiếu người nhưng bất lực và đau đớn tự giày vò về sự bất lực ấy.

- + Là con người có lòng tự trọng rất cao.
- + Một người cha thương con vô bờ, quên mình cho cuộc sống của con - một sự hi sinh cao cả.
- + Lão đúng như tên gọi của lão, con hạc già thanh cao giữa cuộc đời lắm than, ô trọc, bụi bặm.

ĐỀ 2

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
D	A	B	C	B	D

2. Tự luận

- Thái độ và tình cảm của nhân vật “tôi” là một sự phát triển, càng ngày càng trân trọng cảm thông sâu sắc, theo sự việc xảy ra:

* Ban đầu: Nghe chuyện của lão với thái độ thờ ơ, dửng dưng so sánh với việc lão quý con chó, không thể nào bằng mình quý những quyển sách được. Đó cũng là sự hiển nhiên.

* Sau đó: Khi nghe câu chuyện của lão, ông giáo đã thốt lên: “Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó Vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây”.

* Khi thấy lão Hạc khóc: “Tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước”. Nhân vật “tôi” đã động viên an ủi chia sẻ với lão những buồn đau, ngậm ngậm giúp đỡ lão những ngày túng thiếu.

* Khi chứng kiến cái chết dữ dội của lão Hạc: Nhân vật “tôi” đã vô cùng cảm động, hứa trước vong linh lão làm tròn những điều mà lão gửi gắm để lão yên tâm nhắm mắt ra đi.

→ Ông giáo là người giàu lòng trắc ẩn, yêu thương.

VIII. THAM KHẢO

Văn bản: LÃO HẠC (Nam Cao)

I. Về nhà văn Nam Cao:

- Nam Cao là bút danh của Trần Hữu Trí. Ông sinh năm 1915 tại làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- Trước năm 1945, ông dạy học tư và viết văn. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.
- Sau cách mạng tháng Tám, ông chân thành, tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến : làm phóng viên mặt trận, rồi làm công tác văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc. Cuối năm 1951, ông đi công tác vào vùng sau lưng địch, hi sinh trong tư thế một nhà văn- chiến sĩ.
- Nam Cao được nhà nước truy tặng « Giải thưởng Hồ Chí Minh » về văn học nghệ thuật (năm 1996).
- Nam Cao là tác giả của cuốn tiểu thuyết « Sống mòn » và khoảng 60 truyện ngắn tiêu biểu nhất là các truyện « Chí Phèo », « Lão Hạc », « Mua nhà », « Đồi thừa », « Đồi mất »....
- Nam Cao có tài kể chuyện, khắc họa nhân vật bằng độc thoại với bao trang đời éo le, đầy bi kịch. Người nông dân nghèo, người trí thức nghèo là hai đề tài in đậm trong truyện của Nam Cao. Tác phẩm của Nam Cao biểu hiện « một chủ nghĩa nhân đạo thống thiết » (Nguyễn Đăng Mạnh).

II. Về truyện ngắn "Lão Hạc":

1. Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội

cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

2. Giá trị nội dung

a. Tình cảnh cùng khổ và số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

** Cũng như bao người nông dân khác, cuộc đời lão Hạc bị vây bủa trong sự nghèo đói. Đã nghèo, lại góa vợ, lão Hạc làm vào cảnh một thân gà trống nuôi con.*

- Không có ruộng cấy, toàn bộ gia tài của lão chỉ là một con chó và một mảnh vườn. Mảnh vườn ấy có được là do vợ lão cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu ». Đó là mảnh vườn còm cõi, hoa màu của nó cũng chỉ đủ để lão « bòn mót ». Cho nên lão phải làm thuê làm mướn, đem sức mình đổi lấy miếng ăn.

=> Đó là tất cả cuộc đời lão đã khiến lão thấm thía cái kiếp nghèo tù nhục của mình, mà có lần lão đã chua xót thốt lên rằng : « nó chỉ nhỉnh hơn cái kiếp của một con chó »

* Mất con

- Chính cái nghèo đã khiến cho lão Hạc trở thành người cha phải bó tay trước hạnh phúc không thành của người con trai độc nhất. Cái nghèo không cho lão dựng vợ cho con để trọn cái đạo làm cha. Anh con trai vì không đủ tiền cưới vợ đã phần chi bỏ đi đồn điền cao su tận Nam Kì biên biệt 5,6 năm chưa về. Thế là cái nghèo lại cướp nốt đứa con trai của lão. Lão vô cùng đau xót về điều này, kể lại chuyện với ông giáo mà nước mắt rân rân : « Thẻ của nó người ta giữ. Hình của nó người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Câu nói của lão nói lên một nỗi đau, bởi nó đã khái quát cả một cảnh đời cùng khổ một số phận thảm thương của người nông dân trong chế độ cũ.

* Bán chó :

- Anh con trai đi biên biệt, lão sống thui thủi, trợ trợ một mình trong nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Chỉ có con chó là bầu bạn sớm tối, con chó thành « cậu Vàng », thành một người trong nhà lão. « Con chó là của cháu nó mua đấy chứ ». Lão vẫn không quên con chó là kỉ vật thiêng liêng, là tài sản của đứa con trai. Có một mối dây liên lạc rất lạ lùng giữa lão Hạc, con chó và đứa con trai vắng mặt. Cho nên, có bao nhiêu niềm thương, nỗi nhớ chất chứa trong lòng, lão dồn hết vào con chó. Lão yêu quý «cậu vàng» như con, như cháu tưởng như không thể nào có thể rời xa nó, tưởng như cuộc đời lão không thể thiếu nó.

-Vậy mà, tình cảnh đói nghèo khốn quẫn đã buộc lão phải chia tay với nó. Lão bị ốm một trận kéo dài 2 tháng 18 ngày, không một người thân bên cạnh đỡ đỡ, săn sóc cho một bát cháo, hay một chén thuốc ! Tình cảnh ấy thật đáng thương ! Tiếp theo một trận bão to, cây cối, hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh. Làng mất nghề sới. Đàn bà con gái trong làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão Hạc yếu hẳn đi, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Lão Hạc thành ra thất nghiệp. Thóc cao, gạo kém, sức cùng, lực kiệt, lão Hạc đành phải bán con chó mà lão rất yêu quý. Bán con chó là bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của lão. Lão đã đắn đo, do dự mãi khi quyết định bán con chó.

- Và khi buộc lòng phải bán nó lão vô cùng đau đớn. Bán nó xong, lão Hạc bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ « tẻ lẩm », đã già mà còn đánh lừa một con chó ». Kể lại chuyện bán chó với ông giáo mà « Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậc nước ». Lão tự nhận là một kẻ bất nhân, là tên lừa đảo đối với một con chó vốn tin yêu mình. Có lẽ đây là giây phút đau đớn nhất trong cuộc đời lão, khiến cho « mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.. »

=> Cuộc đời lão Hạc là một dòng nước mắt chảy dài của những nỗi đau bất lực. Nước mắt lão khi thì « rân rân », lúc « ầng ậng », cả khi « cười cũng như mếu ». Nước mắt ấy dường như đã cạn kiệt trong cuộc đời khổ đau, tù cực của lão. Cho nên khi khóc, « mặt lão đột nhiên co rúm lại ». Những vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra ». Nhiều người cho rằng đây là cái tài miêu tả của Nam Cao, nhưng trước hết đó là cái tình của nhà văn đối với kiếp người tù cực trong chế độ cũ. Không có một sự cảm thông sâu sắc, không có một tình xót thương chân thành, không thể vẽ lên một nỗi đau hằn sâu trên khuôn mặt lão Hạc như vậy. Một nét vẽ mà như cô đúc cả một cảnh đời, một kiếp người trong xã hội cũ.

* Cái chết

- Nhưng thâm trầm nhất vẫn là cái chết của lão Hạc sau những ngày ăn khoai, ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc... để rồi cuối cùng lão đã ăn bả chó mà chết. Dĩ nhiên, lão lựa chọn cái chết ấy là vì đứa con trai nhưng suy cho cùng thì chính tình cảnh khốn quẫn, sự đói khổ đã đẩy lão đến bước đường cùng phải chết.

- Đó là một cái chết thật là dữ dội và cũng vô cùng bi thảm : « Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên... Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết.

=> Như vậy, nghèo khổ đã đè nặng lên cuộc đời làm thuê làm mướn khiến cho lão sức cùng lực kiệt ; nghèo khổ lại cướp nốt đứa con trai của lão ; cướp nốt cả « cậu vàng » thân yêu, niềm an ủi cuối cùng của lão ; và nghèo khổ lại đẩy lão đến cái chết đau đớn và thảm khốc như chưa từng thấy. Cái chết ấy đã kết thúc một cảnh đời tui cực và một số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám. Cuộc sống cùng khổ và cái chết bi thương của lão Hạc đã nói lên thấm thía số phận thê thảm của người nông dân lao động trong xã hội tăm tối đương thời. Không chỉ là nỗi đau, cái chết ấy còn là một lời tố cáo sâu sắc và mạnh mẽ cái chế độ tàn ác, bất nhân đã gây nên những cảnh đời thê thảm như lão Hạc. Với chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với những con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết thê thảm. Chí Phèo tự sát bằng một mũi dao, Lang Rận thắt cổ chết... và lão Hạc đã quyền sinh bằng bả chó. Lão Hạc đã từng hỏi ông giáo : « Nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ? Câu hỏi ấy đã thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp người.

* Số phận anh con trai lão- nhân vật không xuất hiện, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ của lão Hạc- cũng thật đáng thương : chỉ vì quá nghèo mà cô gái anh yêu thương trở thành vợ kẻ khác ; anh phần chí ra đi nuôi mộng « cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm mới về », không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này nhục lắm ». Nhưng, thật tội nghiệp, cái nơi mà anh ta tìm đến với hi vọng làm giàu lại là đồn điền cao su Nam Kỳ, một địa ngục trần gian, thân phận phu cao su chỉ là thân phận nô lệ. Còn lão Hạc thì cứ mong con mỗi mất suốt tận ngày cuối đời...

b. Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc.

Chính trong cảnh đời thê thảm ấy, ta lại thấy bừng sáng lên một vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc. Lão Hạc sống lủi thủi, trầm lặng, bề ngoài lão có vẻ như lầm lũi, gàn dở ; vợ ông giáo cũng chẳng ưa gì lão : « cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ? Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ ! » Chính ông giáo cũng có lúc từng nghĩ là lão « quá nhiều tự ái », còn Binh Tư thì « bĩu môi nhận xét : Lão làm bộ đấy ! thật ra thì lão chỉ tầm ngấm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu ! » Nhưng kì thực lão Hạc có một nhân cách hết sức cao quý mà bề ngoài không dễ thấy. Đằng sau « manh áo rách » là một tấm lòng vàng ». Nó được thể hiện qua tấm lòng của lão đối với con trai, đối với « cậu Vàng », qua việc gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo và nhất là qua cái chết thảm khốc mà lão đã lựa chọn cho chính mình.

*** Lão Hạc, một con người chất phác, hiền lành và nhân hậu vô cùng**

- *Cái tình của lão đối với « cậu Vàng » thật là hiếm có, đặc biệt và Nam Cao đã ghi lại tổng những dòng chữ xúc động.*

+ Bởi không còn là con chó thường, cậu “vàng” đã trở thành người thân, niềm vui, niềm an ủi đối với cuộc sống cô đơn, lủi thủi một mình của lão. + Lão “gọi nó là cậu Vàng như bà mẹ hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm, cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu (...) Lão cứ nhăm nhăm miếng lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho con trẻ.

+ Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó”. Đoạn lão nói chuyện với cậu Vàng về việc « định giết cậu để cưới vợ cho con trai rồi lại không giết nữa, để nuôi » đã bộc lộ sâu sắc tình cảm của lão Hạc đối với con chó thân yêu.

=> Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu. Nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vượt đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã toả sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ tưng quẩn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.

+ Tình thế cùng đường khiến lão phải tính đến việc bán “cậu Vàng” thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ. Lão kể lại cho ông giáo việc bán “cậu vàng” với tâm trạng vô cùng đau đớn: “lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậc nước”. Đến nỗi ông giáo thương lão quá “muốn ôm chầm lấy lão mà oà lên khóc”. Khi nhắc đến việc cậu Vàng bị lừa rồi bị bắt, lão Hạc không còn nén nỗi đau đớn cứ dội lên : “mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc. Lão Hạc đau đớn đến thế không phải chỉ vì quá thương con chó, mà còn vì lão không thể tha thứ cho mình vì đã nỡ lừa con chó trung thành của lão. Ông lão “quá lương thiện” ấy cảm thấy lương tâm đau nhói khi thấy trong đôi mắt của con chó bất ngờ bị trối có cái nhìn trách móc... Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó. Phải có trái tim vô cùng nhân hậu và trong sạch thì mới bị dày vò lương tâm đau đớn đến thế, mới cảm thấy có lỗi với một con chó như vậy.

* *Tấm lòng người cha ở lão Hạc đối với anh con trai mới thực cảm động, làm nên tâm sự chính của nhân vật và mạch truyện chủ yếu của tác phẩm. Nó liên quan đến cái tình của lão đối với cậu vàng, đến việc lão gửi gắm nhờ ông giáo, và giải thích rõ cái chết thảm khốc của lão ở cuối truyện. Đó là tấm lòng của người cha thương con, suốt cả cuộc đời lo lắng cho con và sẵn sàng hi sinh tất cả- kể cả tính mạng – cho đứa con thân yêu của mình. Nam Cao đã thấu hiểu cái tình cha con, thiêng liêng, sâu sắc đó ở người lão nông nghèo khổ này và đã diễn tả thật cảm động trên từng trang viết của tác phẩm.*

- + Đầu tiên là việc anh con trai tính chuyện bán vườn để lo cưới vợ nhưng nghe lời bố, lại thôi. Thấy con buồn, lão Hạc « thương con lắm, nhưng biết làm sao được?... » Đó là tình thương đầy bất lực của một người cha nghèo.
- + Sau đó, anh con trai « sinh phần chí », bỏ làng, lia cha, kí giấy đi làm đồn điền cao su. Đứa con trai độc nhất của lão đã bị cái nghèo cướp nốt, lão vô cùng đau đớn. Nỗi đau mất con khiến lão « chỉ còn biết khóc chứ biết làm thế nào nữa ? Bởi « nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Lão Hạc kể lại chuyện khóc con, giống như lão đang khóc, đang đau nỗi đau xé ruột của người cha hoàn toàn bất lực khi thấy con trai tuột ra khỏi tay mình để trở thành người của người ta.
- + Trong nỗi đau ấy, khi chỉ còn sống cô đơn, thui thủi một mình thì lão Hạc đã biết chọn một cách sống cho con, vì con. Đó là cách sống không tính đến bản thân mình, khiến cho tình yêu thương và lòng nhân hậu của lão đã hoá thành một nhân cách làm người, nhân cách làm cha. Ta thấy trong từng nếp nghĩ của lão bao giờ cũng thấm đẫm đức hy sinh cao cả. Trước khi đi phu, anh con trai dặn bố : « bòn vườn đất với làm thuê làm mướn cho người ta thế nào cũng đủ ăn ». Nhưng lão đã tự xóa đi cái quyền sở hữu của mình đối với mảnh vườn ấy : « cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng. Lóp trước ta không bán là ta có ý giữ cho nó chứ có phải giữ để ta ăn đâu ! ». Cho nên, lão làm thuê làm mướn để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẫm, thế nào đến lúc con lão trở về cũng có được một trăm đồng bạc. Lão tính tiền ấy lão sẽ thêm vào cho con cưới vợ, nếu con đã đủ tiền cưới vợ thì cho nó để có chút vốn mà làm ăn. Thương con mà vị tha, hi sinh như thế thì đó chính là lòng thương con mộc mạc, cụ thể mà cao cả biết bao của những người lao động nghèo, ngay cả khi họ phải sống khốn khổ nhất trong xã hội cũ. Đến cả chuyện buộc phải bán chó, thì không phải chỉ vì không nuôi nổi nó, mà cái chính vẫn là vì con : « bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó ».
- + Nhưng cái chết mới là đỉnh cao của đức hy sinh, lòng vị tha-mà ở đây chính là tình thương yêu sâu sắc của lão Hạc đối với đứa con trai.
- Hoàn cảnh ngày càng cùng cực đã đẩy lão tới một sự lựa chọn đầy nghiệt ngã, bi đát : tiếp tục kéo dài sự sống tàn để trở thành kẻ báo hại cho con hay là chết đi để trọn đạo làm người, trọn đạo làm cha. Và lão đã chọn cái chết, không phải cho xong đời mình, mà chết cho con, vì con.
- +Lão đã âm thầm chuẩn bị cho cái chết từ lúc quyết định bán con chó, bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của đời mình ; từ khi gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo ; và cả những lúc ăn sung lộc, ăn củ ráy... để cuối cùng lão quyết định xin Binh Tư bả chó !... Có nỗi đau bán chó, có sự chu đáo và cẩn trọng trong việc gửi gắm nhờ vả ông gia, có sự nhịn ăn mấy ngày liền thì mới có việc xin bả chó để tự kết liễu đời mình. Có nghĩa là lão đã chuẩn bị chu đáo mọi việc cho con (và cả cho mình nữa) để sẵn sàng đi vào một cái chết thật dữ dội và bi thảm. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn !
=> Lão Hạc là một nông dân không được học hành, không có chữ nghĩa, càng không biết nhiều lí luận về tình phụ tử. Nhưng cái chết dữ dội của lão là bằng chứng cảm động về cái tình phụ tử nguyên sơ, mộc mạc, nhưng thăm thẳm, thiêng liêng biết chừng nào.
- *Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng.*
- Lão Hạc đã tìm đến cái chết mặc dù trong tay vẫn còn mấy chục bạc (không kể vẫn còn mảnh vườn đáng giá mà không ít kẻ nhòm ngó)
- Bất đắc dĩ phải bán con chó ; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt « thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó ».
- Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyện đinh ninh : « Cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng ». Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng hàng xóm. Lão thà nhịn đói chứ không tiêu xu nào vào món tiền mà lão cậy ông giáo cầm giúp đó.
- Với lòng tự trọng cao độ và nhân cách hết sức trong sạch, lão Hạc không muốn hàng xóm nghèo phải phiền lụy về cái xác già của mình, đã gửi lại ông giáo toàn bộ số tiền dành dụm bằng nhịn ăn, nhịn tiêu của lão, để nhờ ông giáo đưa ra nói với bà con hàng xóm lo giúp cho lão khi lão chết. Khi đã đem gửi hết đồng tiền cuối cùng, lão chỉ còn ăn uống đói khát qua bữa, bằng khoai ráy, củ chuối, rau má..., nhưng lại kiên quyết từ chối mọi sự giúp đỡ của người khác, kể cả sự giúp đỡ của ông giáo mà chắc lão hiểu là rất thân tình.
- Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ « làm nghề ăn trộm » ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng. Lão Hạc dù nghèo đói vẫn quyết sống bằng bàn tay lao động của mình trong khi ở xã hội đó có nhiều người đã bị ngã quỵ trước bản năng (cái đói và miếng ăn) như Chí Phèo, Binh Tư... Lang Rận... Với cái chết đau đớn dữ dội mà lão Hạc tự chọn, ra đi vẫn giữ được tâm hồn thanh thản, nhân cách trong sạch, lão Hạc đã trở thành một vị thánh. Là một ông già nông dân cùng khổ, lão Hạc đã thể hiện một khí tiết cao quý, có thức thức nhân phẩm rất cao. Lão Hạc là con người của câu tục ngữ : « đói cho sạch, rách cho thơm », « thà thác trong còn hơn sống đục ». Đó cũng là một nét nhân cách đáng trọng của người lao động nghèo.

=> Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn ; chết thì quần quai, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng, xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

c. Nhân vật «Tôi»- người kể chuyện (cũng chính là tác giả, tuy vậy không nên đồng nhất hoàn toàn với nhân vật về nguyên mẫu).

- Bên cạnh nhân vật lão Hạc là ông giáo, một nhân vật để lại bao ấn tượng đối với mỗi chúng ta về người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

- Không rõ họ tên là gì. Hai tiếng « ông giáo » đã khẳng định vị thế của một con người giữa làng quê trước năm 1945 « nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể ». Hai tiếng « ông giáo » từ miệng lão Hạc nói ra, lúc nào cũng đượm vẻ thân tình, cung kính, trọng vọng : « cậu vàng đi đời rồi ông giáo ạ !... « Vàng, ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng »... « Tôi cần rơm, cần cỏ lạy ông giáo »....

- Hãy đi ngược thời gian, tìm về thời trai trẻ của ông giáo. Là một con người chăm chỉ, ham mê, sống vì một lý tưởng đẹp, với bao mộng tưởng. Ông đã từng lặn lội vào tận Sài Gòn, « hòn ngọc Viễn Đông » thời ấy để làm ăn, để học tập, để gây dựng sự nghiệp. Cái va li « đựng toàn những sách » được người thanh niên ấy rất nâng niu », cái kỉ niệm « đầy những say mê đẹp và cao vọng » ấy, hơn sáu chục năm còn làm cho ta xúc động và quý trọng một nhân cách đẹp.

- Con người « nhiều chữ nghĩa » ấy lại nghèo. Sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn, quần áo bán gần hết, về quê chỉ có một va li sách. Nếu lão Hạc quý cậu Vàng bao nhiêu thì ông giáo lại quý những quyển sách của mình bấy nhiêu. Bởi lẽ những quyển sách ấy đã làm bùng lên trong lòng ông « như một rặng đông » thời trai trẻ, làm cho cuộc đời thêm sắc màu ý vị, sống say mê, « trong trẻo, biết yêu và biết ghét »

- Cái nghèo vẫn đeo đẳng ông giáo mãi, « ông giáo khổ trường tư ». Vận hạn xảy ra luôn như ông nghĩ : « Đời người ta không chỉ khổ một lần ». Sách cứ bán dần đi. Chỉ còn giữ lại 5 quyển sách với lời nguyện : « dù có phải chết cũng không bán ». Như một kẻ cùng đường phải bán máu. Đứa con thơ bị chứng kiết lị gần kiệt sức, ông giáo đã phải bán nốt đi 5 cuốn sách cuối cùng, cái gia tài quý giá nhất của người trí thức nghèo. « Lão Hạc ơi ! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu ? » Lời than ấy cất lên nghe thật não ruột, đã thể hiện một nhân cách đẹp trước sự khốn cùng : biết sống, và dám hi sinh vì cuộc sống !

- Ông giáo là một trí thức có trái tim nhân hậu rất đáng quý. Ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc. Ông giáo là nơi để lão Hạc san sẻ bao nỗi đau, nỗi buồn. Nhờ đọc hộ một lá thư, nhờ viết hộ một lá thư cho đứa con trai đi phu đồn điền. Tâm sự về mảnh vườn và chuyện đứa con trai « phần cí » không lấy được vợ. San sẻ về nỗi đau buồn sau khi bán cậu Vàng cho thằng Mục, thằng Xiên... Có lúc là một điều thuốc Lào, một bát nước chè xanh, một củ khoai lang « lúc tắt lửa tối đèn có nhau ». Ông giáo đã đồng cảm, đã thương xót, đã san sẻ với lão Hạc với tất cả tình người. Ai đã từng là độc giả của Nam Cao, chắc sẽ không bao giờ quên mẫu đối thoại này :

- Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :

- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?

- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phải này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm chè tươi thật đặc : ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc Lào... Thế là sướng.

- Vàng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng ».

- Ông giáo đã thương lão Hạc « như thể thương thân ». Không chỉ an ủi, động viên, mà ông còn tìm mọi cách để « ngấm ngầm giúp » khi biết lão Hạc đã nhiều ngày ăn khoai, ăn rau, ăn củ ráy... trong lúc đàn con của ông giáo cũng đang đói ; cái nghĩa cử « lá lành đùm lá rách » ấy mới thật cao đẹp biết bao !

- Ông giáo nghèo mà đức độ lắm. Trước khi ăn bữa cháo, lão Hạc đã gửi ông giáo 30 đồng để phòng khi chết « gọi là của lão có tí chút.. », gửi lại ông giáo ba sào vườn cho đứa con trai. Tình tiết ấy nói lên lão Hạc rất tin ông giáo. Ông giáo là người để lão Hạc « chọn mặt gửi vàng ». Giữa cái xã hội đen bạc thời ấy, một bà cô dành cho đứa cháu nội một bát nước cháo đã vữa ra như một sự bố thí (Những ngày thơ ấu), vợ tên địa chủ bắt bí, bóp nặn người đàn bà khốn cùng để mua rế đứa con gái lên bảy tuổi và ổ chó (Tắt đèn), một tên phụ mẫu ăn bản đồng hào đôi của chị nhà quê (Đồng hào có ma)... ta mới thấy niềm tin, sự kính trọng của kẻ khốn cùng đối với ông giáo thật là thánh thiện.

- Trước cái chết dữ dội của Lão Hạc, cái chết « đau đớn và bất linh linh », chỉ có ông giáo và Binh Tư hiểu... Ông giáo khẽ cất lời than trước vong linh người láng giềng hiền lành tội nghiệp. Trong giọt lệ là những lời hứa của một nhân cách cao đẹp, đáng trọng : « Lão Hạc ơi ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ

cổ giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn : Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào... »

- Cùng chung với ông giáo Thứ trong « sống mòn », Điền trong « Trăng sáng », nhân vật « tôi » trong « mua nhà », hình ảnh ông giáo trong truyện « lão Hạc » đã kết tinh cái tâm và cái tài của Nam Cao trong nghệ thuật xây dựng nhân vật- nhà văn nghèo, ông giáo khổ trường tư- trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đó là những con người nghèo mà trong sạch, hăm hở và nhiệt tâm từng ôp ấp bao mộng đẹp, sống nhân hậu, vị tha. Có người đã cho rằng, ông giáo là một nhân vật tự truyện, mang dáng dấp hình bóng Nam Cao. Ý kiến ấy rất lí thú.

- Trong truyện « Lão Hạc », ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuyện. Không phải là nhân vật trung tâm, nhưng sự hiện diện của ông giáo đã làm cho « bức tranh quê » ngày xa xưa ấy thêm sáng tỏ. Nhân vật ông giáo là chiếc gương soi sáng cuộc đời và tâm hồn lão Hạc, đã tô đậm giá trị nhân đạo của truyện ngắn đặc sắc này.

d. Cách nhìn người của nhà văn Nam Cao.

Nam Cao đã phát biểu suy nghĩ về cách nhìn người : «Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu không cố tìm và hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt củ người ta bị những nỗi lo lắng buồn đau, ích kỉ che lấp mất »

- Suy nghĩ của nhân vật «tôi» trên đây chính là một điểm quan trọng trong ý thức sáng tác của nhà văn Nam Cao. Đó chính là vấn đề mà sau này Nam Cao gọi là « Đôi mắt » ; phải xác định « đôi mắt » đúng đắn trong cách nhìn về quần chúng nghèo khổ. Trong « Lão Hạc », nhà văn cho rằng đối với người nông dân lao động thì phải « cố mà tìm hiểu họ » thì mới thấy rằng chính những con người bề ngoài lắm khi « gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi » ấy chỉ là « những người đáng thương » và có « bản tính tốt », có điều, « cái bản tính tốt » ấy của họ thường bị những nỗi khổ cực, những lo lắng trong cuộc sống « che lấp mất ». Tức là, nhà văn đặt ra vấn đề phải có tình thương, có sự cảm thông, và phải có cách nhìn có chiều sâu, không hời hợt, phiến diện chỉ thấy cái bề ngoài, nhất là không thành kiến, tàn nhẫn. Có thể nói, chẳng những trong « Lão Hạc » mà trong cả « Chí Phèo », « Lang Rận », « một bữa no », « Tư cách mõ »... và hầu hết truyện dài của Nam Cao, nhà văn đều đặt ra vấn đề « đôi mắt ». Ông chính là luật sư đứng ra bênh vực cho một Chí Phèo, một anh Cu Lộ, một Lang Rận, một bà cái Tí, khẳng định rằng họ đều có tình cảm rất « đáng thương » và đều « bản tính tốt », nhưng chính cuộc đời quá khắc nghiệt đã đẩy họ vào con đường lưu manh hoặc làm những việc xấu xa... Sau cách mạng, trong truyện ngắn « Đôi mắt » (1948), Nam Cao đã trực diện đặt ra vấn đề cần xác định « đôi mắt » đúng đắn để thấy được bản chất cách mạng của quần chúng nông dân đang là chủ lực của cuộc kháng chiến chống Pháp khi đó.

Cho nên, có thể nói, vấn đề « đôi mắt » là một đặc điểm quan trọng trong quan điểm sáng tác của Nam Cao, trở thành ý thức nghệ thuật thường trực trong suốt cuộc đời cầm bút của nhà văn có tấm lòng gắn bó sâu nặng với nhân dân.

3. Giá trị nghệ thuật đặc sắc của truyện

« Lão Hạc » là một trong những truyện ngắn hay nhất của cây bút truyện ngắn bậc thầy Nam Cao. Tài nghệ bậc thầy đó thể hiện ở nhiều khía cạnh và có những điểm nổi bật sau :

- Xây dựng nhân vật :

+ Không được miêu tả thật kĩ về ngoại hình, cũng không có nhiều hành động, song được tập trung soi sáng từ bên trong.
+ Tác giả đã đi sâu vào những tâm tư, những lo tính của lão Hạc chung quanh việc bán « cậu Vàng » và việc lặng lẽ chuẩn bị cho cái chết, chính từ đó mà số phận đau thương, tính cách độc đáo của nhân vật hiện ra thật rõ nét. Nhân vật lão Hạc chân thực, sinh động, có bề dày xã hội và đồng thời có cá tính độc đáo, chủ yếu được nhà văn khắc hoạ bằng miêu tả tâm lý. Chẳng hạn, qua căn lão Hạc trò chuyện với « cậu Vàng », có thể thấy rõ cảnh sống cô đơn của lão, chất người trung hậu (thể hiện qua thái độ âu yếm, chiều chuộng đối với cậu Vàng) và tình thương sâu nặng đối với đứa con trai đang ở xa. Hoặc những chi tiết thể hiện phản ứng tâm lí của lão Hạc xung quanh việc mà lão cho rằng đã « lừa cậu Vàng » : đau đớn, chua xót, hối hận, đã cho thấy rất rõ tâm hồn, tính cách ông lão nông dân nhân hậu, đáng thương ấy.

- Cách dựng truyện, bút pháp trần thuật linh hoạt, mới mẻ. Tác giả đi thẳng vào giữa truyện (cảnh lão Hạc nói chuyện với « tôi » về việc sẽ phải bán « cậu Vàng ») rồi mới nhân nhà đi ngược thời gian, kể về cảnh ngộ nhân vật, từ chuyện « con chó là của cháu nó mua đấy » chuyển sang chuyện anh con trai đã bỏ đi phu, để lại lão Hạc sống cô đơn và giờ đây đang lâm cảnh cùng đường... Cách dẫn chuyện rất thoải mái, tự nhiên, có vẻ lỏng lẻo song kì thật thật chặt chẽ, tập trung, khắc hoạ nhân vật và thể hiện chủ đề.

- Truyện rất mực chân thực, đồng thời thấm đượm cảm xúc trữ tình. Qua nhân vật « Tôi », người kể chuyện, tác giả đã biểu lộ tự nhiên những cảm xúc, suy nghĩ của mình. Chất trữ tình thể hiện ở giọng kể, ở những câu cảm thán nhiều khi không nén được cảm xúc, tác giả đã gọi tên nhân vật lên để trò chuyện, than thở : (Lão Hạc ơi ! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão ! Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều hơn ai hết.. ! », « Lão

Hạc ơi, lão hãy yên lòng nhắm mắt...) Chất trữ tình còn thể hiện ở những lời mang giọng tâm sự riêng của « tôi », như chung quanh việc « Tôi » phải bán mấy quyển sách : « ôi những quyển sách rất nâng niu(...) kỷ niệm một thời hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng » Và thể hiện rõ nhất là ở những đoạn văn trữ tình ngoại đề đậm màu sắc triết lý : « Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta.... » Những câu văn triết lý đó không hề có giọng sách vở, trừu tượng mà là những suy nghĩ gan ruột nên có sức thuyết phục đặc biệt.

=> Vừa tinh táo, chân thực, vừa trữ tình thấm thiết và đậm đà ý vị triết lý, đó chính là đặc điểm bút pháp văn xuôi Nam Cao được thể hiện rõ nét trong « Lão Hạc »

III- Kết :

Tác phẩm « Lão Hạc » đã làm cho em vô cùng xúc động. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật Lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ. Có biết bao nhiêu người nông dân đã sống nghèo khổ, cơ cực và cùng quẫn như lão Hạc. Xin cảm ơn nhà văn Nam Cao, ông đã giúp ta nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của họ, đem đến cho ta một niềm tin sâu sắc vào con người.

KIỂM TRA PHẦN VĂN HỌC VN

MÔN NGỮ VĂN 8 – HỌC KÌ I

Thời gian: 15 phút **ĐỀ 1**

Họ và tên:.....Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

1. Hoàn thành bảng sau

Tên văn bản	Tác giả	Thể loại
Lão Hạc		
Tức nước vỡ bờ		
Trong lòng mẹ		
Tôi đi học		

2. Cho câu văn:

“ Không cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác.”

a. Câu văn trên nằm trong văn bản nào? Văn bản đó sử dụng ngôi kể thứ mấy cho biết tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể đó?

.....

b. Câu văn trên là lời nói của ai? Nói trong hoàn cảnh nào? Đặt trong hoàn cảnh đó, câu nói có ý nghĩa gì?

c. Kể tên một văn bản đã học cũng có cùng chủ đề với văn bản trên? Cho biết chủ đề đó là gì?

KIỂM TRA PHẦN VĂN HỌC VN

KIỂM TRA MÔN NGỮ VĂN 8 HỌC KÌ I

*Thời gian: 20 phút***ĐỀ 2**

Họ và tên:.....Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

1. Hoàn thành bảng sau

Tên văn bản	Tác giả	Thể loại
Trong lòng mẹ		
Tôi đi học		
Lão Hạc		
Tức nước vỡ bờ		

2. Cho câu văn:

- “Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được”

a. Câu văn trên nằm trong văn bản nào? Văn bản đó sử dụng ngôi kể thứ mấy cho biết tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể đó?

.....

b. Câu văn trên là lời nói của ai? Nói trong hoàn cảnh nào? Đặt trong hoàn cảnh đó, câu nói có ý nghĩa gì?

.....

c. Kể tên một văn bản đã học cũng có cùng chủ đề với văn bản trên? Cho biết chủ đề đó là gì?

ĐÁP ÁN KIỂM TRA MÔN NGỮ VĂN 8 - HỌC KÌ I

Câu 1.(4đ)

Tên văn bản	Tác giả	Thể loại
Lão Hạc	Nam Cao	Truyện ngắn
Tức nước vỡ bờ	Ngô Tất Tố	Tiểu thuyết
Trong lòng mẹ	Nguyễn Hồng	Hồi kí
Tôi đi học	Thanh Tịnh	Truyện ngắn

Câu 2

	Đề 1	Đề 2	
a)	- VB: Lão Hạc - Ngôi kể: thứ 1 - Tác dụng: Ông giáo là người chứng kiến câu chuyện nên kể lại một cách chân thực + Người kể được tự do bình luận và bộc lộ cảm xúc tạo sự sinh động và chiều sâu cho câu chuyện	- VB : Tức nước vỡ bờ - Ngôi kể: thứ 3 - Tác dụng:	0,5đ 0,5đ 1đ
b)	- Câu nói là lời của ông giáo - Hoàn cảnh: Khi biết tin Lão Hạc tự tử bằng bả chó Ý nghĩa: -> Tâm trạng của ông giáo: + Chưa hẳn đã đáng buồn vì trân trọng, cảm phục Lão Hạc, lão chọn cái chết để giữ được phẩm giá trong sạch, lương thiện. + Đáng buồn theo một nghĩa khác vì xã hội đã dồn đẩy người nông dân lương thiện đến bước đường cùng, buộc họ phải tìm đến cái chết.	- Câu nói là lời của chị Dậu - Hoàn cảnh: Khi chị đã cố gắng van xin nhưng tên cai lệ vẫn cố xông đến trói anh Dậu Ý nghĩa: + Khẳng định thái độ không sợ cường quyền, áp bức; quyết tâm đấu tranh. + Tình yêu thương chồng, quyết tâm bảo vệ cuộc sống bình yên	0,5đ 0,5đ 2đ
c)	VB cùng chủ đề: Tức nước vỡ bờ	VB cùng chủ đề: Lão Hạc	0,5đ
Chủ đề: Cuộc sống của người nông dân VN trước CM8			0,5đ

KIỂM TRA PHÂN VĂN HỌC VN 8 - HỌC KÌ I*Thời gian: 20 phút***ĐỀ 1**

Họ và tên:.....Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

Câu 1. Cho câu văn sau:

“ *Giương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má.*”

a. Câu văn trên nằm trong văn bản nào? Của ai?

.....

b. Tìm các từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng trong câu văn, Gọi tên trường từ vựng đó.

.....

.....

Câu 2. Tìm các từ trong trường từ vựng sau:

a. Nghề nghiệp:.....

b. Cảm giác:.....

c. Đồ dùng học tập:.....

Câu 3. Cho đoạn trích sau:

“.....*Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi rú cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sịt theo:*

- Con nín đi! Mẹ đã về với con rồi mà.”

Bằng một đoạn văn khoảng 5 câu em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của các từ tượng thanh trong đoạn trích trên.

KIỂM TRA PHẦN VĂN HỌC VN 8 - HỌC KÌ I

Thời gian: 20 phút **ĐỀ 2**

Họ và tên:.....Lớp:

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo	Ý kiến của PHHS

Câu 1. Cho câu văn sau:

“ *Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngồng đầu lên Run rẩy cất bát cháo, anh mới kê vào đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước, dây thừng.*”

a. Câu văn trên nằm trong văn bản nào? Của ai?

.....

b. Tìm các từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng trong câu văn, Gọi tên trường từ vựng đó.

.....

.....

Câu 2. Tìm các từ trong trường từ vựng sau:

- a. Nhà trường:.....
- b. Bộ phận của cây:.....
- c. Người ruột thịt:.....

Câu 3. Cho đoạn trích sau:

“.....Mẹ tôi cảm nón vẩy tôi, vài giây sau tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sịt theo:

- Con nín đi! Mẹ đã về với con rồi mà.”

Bằng một đoạn văn khoảng 5 câu em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của các từ tượng thanh trong đoạn trích trên.

ĐÁP ÁN KIỂM TRA PHẦN VĂN HỌC VN 8 - HỌC KÌ I

	Đề 1	Đề 2	
Câu 1	<p>a. VB Trong lòng mẹ TG: Nguyên Hồng</p> <p>b. - Các từ thuộc cùng một trường từ vựng: gương mặt, đôi mắt, nước da, gò má TTV: “mặt”</p>	<p>a. VB Tức nước vỡ bờ TG: Ngô Tất Tố</p> <p>b. - Các từ thuộc cùng một trường từ vựng: vai, tay, đầu, miệng. - TTV: Bộ phận cơ thể</p>	<p>1đ</p> <p>1đ</p> <p>0.5đ</p>
Câu 2	HS tự làm	HS tự làm	3đ
Câu 3	<p>- Các từ tượng thanh: hồng hộc, nức nở, sụt sịt.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Diễn tả niềm hạnh phúc cực điểm của bé Hồng khi nhìn thấy mẹ và đuổi theo mẹ.</p> <p>+ Nhắc nhớ mẹ bao lâu nay bị dồn nén trong lòng nay bỗng vỡ òa thành niềm hạnh phúc lớn lao. Đó là những giọt nước mắt của hạnh phúc, của niềm vui sướng sau bao tủi hờn.</p> <p>+ Thể hiện tình yêu thương mẹ, tình mẫu tử thiêng liêng</p>		<p>1,5đ</p> <p>3đ</p>

PHIÊU ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm
---------	----------

	HCST	Thể loại	Ngoại kể
	Cô bé bán diêm viết nămlà một trong những truyện ngắn	Truyện ngắn.	-Ngoại kể: -Tác dụng:
	* Vị trí:		
	Ý nghĩa nhan đề	Bố cục	
		- Phần 1: Từ đầu ...cứng đờ ra: - Phần 2: Tiếp...chầu thượng đế: - Phần 3: Còn lại: + Bố cục trình tự và sự việc -> Đây là cách kể trong truyện	

I.2 Nội dung và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
Đoạn trích kể về ➔ Nhà văn đã bày tỏ	- Kể chuyện đan xen giữa và -Kết thúc truyện mang làm giảm đi -Nghệ thuật, xây dựng các hình ảnh giữa và giữa và

I.3. Tóm tắt:

[illegible]

I.4.Kiến thức cần nhớ

1. Hoàn cảnh sống của cô bé bán diêm:	<p>-.....,</p> <p>-,</p> <p>-,</p> <p>- phải kiếm sống.</p>	<p>-> Cô bé</p> <p>.....</p>							
2. Hình ảnh cô bé bán diêm trong đêm giao thừa	<p>- Thời gian :</p>	<p>-> Thời điểm</p> <p>.....</p> <p>.....</p>							
	<table border="1"> <tr> <td>Trời</td><td>Cô bé,</td></tr> <tr> <td>Cửa sổ mọi nhà</td><td>Em bé trong</td></tr> <tr> <td>Trong phố sức nước</td><td>Em bé</td></tr> <tr> <td>Trước đây em ở</td><td>Giờ đây em ở.....</td></tr> </table>	Trời	Cô bé,	Cửa sổ mọi nhà	Em bé trong	Trong phố sức nước	Em bé	Trước đây em ở	Giờ đây em ở.....
Trời	Cô bé,								
Cửa sổ mọi nhà	Em bé trong								
Trong phố sức nước	Em bé								
Trước đây em ở	Giờ đây em ở.....								
<p>* Nỗi đau tinh thần:</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>->.....</p> <p>=> Tình thương của cha mẹ là thiên đường tuổi thơ. Hãy biết cảm thông với nỗi khổ tâm thương đau của các bạn nhỏ bất hạnh.</p>									
3. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng của cô bé	<p>Mộng tưởng</p>	<p>Hiện thực</p>	<p>Ý nghĩa</p>						
	<p>* Lần 1: Mơ</p> <p>.....</p> <p>- Mong ước:</p> <p>.....</p>	<p>+ Nghĩ đến việc</p> <p>.....</p> <p>- hiện thực</p> <p>.....</p>	<p>em mơ đến đầu tiên vì Cái rét lấy em. Ý nghĩ làm sao cho đã nhắc em nhớ đến lò sưởi và lò sưởi đã hiện ra trong</p> <p>..... ngay khi</p> <p>..... sáng lên -> Mơ ước của những thân phận</p> <p>.....</p>						
	<p>* Lần 2: Mơ</p> <p>.....</p> <p>- Mong ước:.....</p> <p>.....</p>	<p>phố xá</p> <p>.....</p>	<p>P.Tây hay ăn, nhất là vào dịp Sau cái rét là nên</p> <p>..... đã hiện ra, tiến về</p>						
	<p>* Lần 3:</p> <p>.....</p> <p>- Mong ước:</p>	<p>- Hiện thực:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- trong đêm giáng sinh là một trong những phong tục tập quán mang đậm nét văn hoá của các nước và người theo</p>						

			đạo Lúc ấy là thời khắc, niềm khao khát có đón năm mới đã khiến em hình dung ra cây thông với muôn ngàn
	<p>* Lần 4:</p> <p>.....</p> <p>+ Hình ảnh xuất với em.</p> <p>+ Em bé, cầu xin bà</p> <p>.....</p>	<p>- Hiện thực:.....</p> <p>.....</p>	<p>- Mong ước:.....</p> <p>.....</p> <p>+ Mong ước rất, thật lòng Vì lúc này em đang</p> <p>.....</p> <p>- Vì bà là người độc nhất đối với em, em không thể không nghĩ đến trong</p> <p>.....</p>
	<p>* Lần 5:</p> <p>Em</p> <p>.....</p> <p>Mơ được</p> <p>.....</p> <p>- Mong ước:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- Hiện thực:.....</p> <p>.....</p>	<p>Chi tiết “Bà cụ cầm lấy tay em,</p> <p>.....” thể hiện về một cuộc sống, không có của em bé. Song nó cũng thể hiện sự trong</p>
	<p>+ NT:</p> <p>+ Sắp xếp các mộng tưởng</p> <p>+ Yếu tố của truyện, những ước mơ diễn ra phù hợp với</p> <p>->Ước mơ giản dị, và thân phận của em bé.</p> <p>* Hình tượng ngọn lửa diêm.</p> <p>+ Là hình ảnh.....</p> <p>+ Nghệ thuật: ngọn lửa của về ấm no, tình thương mà dành cho con cháu -> vẻ đẹp của cô bé- một tâm hồn</p> <p>.....</p>		
3- Cái chết của em bé:	Hoàn cảnh	<p>- Sáng.....Tết:</p> <p>.....</p> <p>-></p> <p>.....</p> <p>- 1 em gái đáng yêu: vớihồng, đôi môi - đã chết vì, xung quanh có nhiều; có hết nhẵn.</p> <p>-> Cảnh tượng rất</p>	
	* Ý nghĩa:	<p>- Tổ cáo</p> <p>- Phê phán</p> <p>- Hình ảnh em bé lúc chết: “.....</p>	

		<p>.....”</p> <p>-> Tấm lòng với người nghèo khổ, của tác giả.</p> <p>+ Hình ảnh</p> <p>- Xuân về hứa hẹn >< có 1 em bé</p> <p>- Em đã trong bằng giá >< hình hài vẫn</p> <p>- Em bé vì >< mọi người</p> <p>-> Nghịch cảnh cuộc đời:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>-> ý nghĩa xã hội.</p>
4. Tổng kết	1. Nghệ thuật:	<p>+</p> <p>+ Đan xen giữa</p> <p>+ Mang đậm</p>
	2. Nội dung:	<p>+ Nêu lên số phận của cô bé bán diêm.</p> <p>+ Gián tiếp lên án</p> <p>+ Sự của tác giả</p>

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- *Trường xuân:*
- *Gió bắc:*
- *Thịnh soạn:*
- *Chí nhân:*
- *Gia sản:*

2 Tại sao trong truyện, An-đéc-xen lại đặt tình huống: Cô bé đi bán diêm mà không bán một mặt hàng khác? Em hiểu gì về ý nghĩa hình tượng ngọn lửa diêm?

3. Nêu nhận xét về kết thúc truyện:

.....

.....

.....

.....

4. Sơ đồ. Cô bé bán diêm

Hoàn cảnh của cô bé

Mồ côi, gia sản sau khi bà mất	<p>- Bố hay</p> <p>- Đói rét, em phải đi để kiếm sống</p>
--	---

→ Thiếu thốn	→ Sống trong → Em vô cùng và

Nghệ thuật Liệt kê, tương phản, đối lập

Đối lập thời gian, không gian, con người Đối lập, đan xen giữa mộng và thực

- Quá khứ	- Hiện tại	Mộng (diêm cháy)	Thực (diêm tắt)
- Đêm giao thừa	-Trong các nhà	- Cô bé quét que diêm thứ 1, hiện ra -> Ước mơ được - Que diêm t2: -> Ước mơ được	- biến mất -Bàn ăn
- Cô bé đói rét, cô đơn, buồn bã. - Cô bé	- Mọi người - Mọi người đi chơi đêm giao thừa.	- Que diêm t3: -> ước mơ được - Que diêm t4: -> Ước mơ được - Quẹt hết -> Ước mơ được	- Ngọn nến bay lên cao và - Nhìn rõ - Bà

→ Nghệ thuật làm nổi bật -> Hình ảnh này nổi tiếp hình của cô bé.
 ảnh kia theo 1
Phù hợp với

Cái chết của cô bé bán diêm

Hoàn cảnh	Hình ảnh cô bé	Ý nghĩa
- Thời gian: -Không gian..... -> Nghệ thuật	- đôi má - đôi môi vẫn -> Có lẽ em đã vì được sống trong những điều Em hạnh phúc vì	- Kết hợp bút pháp và - Cái chết làm giảm sự và thể hiện sâu sắc với cô bé. - Cái chết vẫn hiện lên 1 bi kịch: Em bé được gặp bà và sống hạnh phúc chỉ là; còn sự thật là -> Lên án tố cáo XH đã không cho trẻ em -> Tấm lòng của tác giả với

.....		những người -> Gửi gắm ước mơ
----------------	--	--

III, Đề luyện

Phần 1. Cho đoạn trích sau:

Thế là em quệt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nói nhau chiếu sáng như ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về châu Thượng đế.

(Theo SGK Ngữ văn 8.NXBGD)

1. Những câu trên trích trong văn bản nào? Của ai? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản?
2. Chỉ rõ phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên và phân tích tác dụng bằng một đoạn văn ngắn.
3. Phân tích ý nghĩa lần quệt diêm cuối cùng của cô bé.
4. Viết một đoạn văn T-P-H khoảng 10 câu triển khai câu chủ đề sau: Trong văn bản tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật đối lập, tương phản.

Phần 2. Cho đoạn văn:

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sức nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bão nội chiến hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán, và gia đình đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

(Theo SGK Ngữ văn 8, NXB Giáo dục)

1. Những câu văn trên trích trong văn bản nào? Của ai?
2. Tìm một câu ghép có trong đoạn và phân tích ngữ pháp.
3. Chỉ rõ phép tu từ nói giảm, nói tránh có trong đoạn trích trên và phân tích tác dụng bằng một đoạn văn ngắn khoảng 6 câu.
4. Em cảm nhận được tình cảm gì của nhà văn dành cho cô bé bán diêm?
5. Kể tên 1 Vb cũng viết về tình cảm bà cháu mà em đã học trong chương trình THCS, cho biết tên tác giả

Bài 3: Khi làm bài văn phát biểu về nhân vật cô bé bán diêm, có bạn đã lập dàn ý như sau:

1. Xót xa trước cái chết thương tâm của em bé
2. Xúc động trước những mộng tưởng của em bé qua những lần quệt diêm;
3. Cảm thông với hoàn cảnh éo le của cô bé bán diêm;
 - a. Theo em cách sắp xếp các ý như vậy đã hợp lí chưa? Nếu chưa em hãy sắp xếp lại cho đúng;
 - b. Triển khai mỗi ý trên thành một đoạn văn có độ dài khoảng 6-8 câu.
 - c. Chỉ ra các từ, ngữ có tác dụng liên kết giữa các đoạn văn, nêu mối quan hệ của chúng.

Phần 4. Cho đoạn văn sau:

“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mùng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhãn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi cho ấm!”, nhưng chẳng ai biết những điều kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.”

(Ngữ văn 8 – tập 1)

1. Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Nêu xuất xứ và thể loại của văn bản?
2. Tác giả của đoạn trích là ai? Tại sao người ta gọi những truyện ngắn của tác giả là truyện cổ tích?
- 3*. Cô bé bán diêm chết trong giá rét nhưng tác giả lại miêu tả em với “đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”. Điều đó có ý nghĩa gì?
- 4*. Khi chứng kiến cái chết của cô bé vì sao những người xung quanh họ không thể biết được “những điều kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm”? Qua chi tiết đó tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?
5. Viết một đoạn văn theo cách T-P-H (từ 8 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về cái chết của cô bé bán diêm trong đoạn trích trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu đặc biệt và một từ láy tượng hình. Gạch chân và chú thích.

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: An-đéc-xen là nhà văn của nước nào?

- | | |
|--------------|---------------|
| A. Đan Mạch. | B. Thụy Sĩ. |
| C. Pháp. | D. Thụy Điển. |

Câu 2: Nhận định nào nói đúng nhất về tính chất của truyện Cô bé bán diêm?

- A. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có hậu
- B. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích có hậu
- C. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích bi kịch
- D. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có tính thần kì

Câu 3: Các chi tiết: "chui rúc trong một xó tối tăm", "luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa", "em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm...nhất định là cha em sẽ đánh em", "bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu" cho ta biết những điều gì về cô bé bán diêm?

- A. Cô có một hoàn cảnh nghèo khổ.
- B. Cô luôn bị người cha hành hạ, đánh đập.

C. Cô phải sống cô đơn, thiếu tình cảm.

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 4: Trong tác phẩm Cô bé bán diêm, em bé quét que diêm thứ nhất, em bé tưởng chừng ngồi trước một lò sưởi. Ý nào nói đúng về mộng tưởng đó?

A. Em mơ về một mái ấm gia đình.

B. Em nhớ tới ngọn lửa mà bà nhen nhóm năm xưa.

C. Đang trải qua lạnh giá rét mướt, em mơ được sưởi ấm.

D. Em mơ ngọn lửa và hơi ấm lò sưởi xua tan cảnh tăm tối, lạnh lẽo của đời mình.

Câu 5: Trong văn bản Cô bé bán diêm, mộng tưởng nào không hiện lên sau những lần quét diêm của cô bé?

A. Lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng.

B. Ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh.

C. Bàn ăn thịnh soạn với khăn trải bàn trắng tinh; người bà và cảnh hai bà cháu bay lên trời.

D. Cây thông Nô-en được trang trí lộng lẫy.

Câu 6: Nội dung mà tác giả muốn làm nổi bật trong câu văn sau là gì?

"Mọi người bảo nhau: "Chắc nó muốn sưởi ấm!", nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm".

A. Mọi người không biết vì sao cô bé bán diêm lại chết.

B. Sự thông cảm của mọi người trước cái chết của cô bé bán diêm.

C. Sự xót xa của mọi người trước cái chết của cô bé bán diêm

D. Mọi người không hiểu điều kì diệu mà cô bé bán diêm khao khát

2. Tự luận

a. Vì sao nói những mộng tưởng của cô bé qua các lần quét diêm (lò sưởi, bàn ăn, cây thông Noel, người bà, bà cháu bay lên trời) trong truyện “Cô bé bán diêm” diễn ra theo trình tự hợp lí?

b. Đoạn kết câu chuyện “Cô bé bán diêm” gợi cho em những suy nghĩ gì?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: An-đéc-xen nổi tiếng với loại truyện viết cho độc giả nào?

A. Những thủy thủ.

B. Dân nghèo thành thị.

C. Trẻ em.

D. Thị dân

Câu 2: Các chi tiết: "chui rúc trong một xó tối tăm", "luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa", "em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm...nhất định là cha em sẽ đánh em", "bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu" cho ta biết những điều gì về cô bé bán diêm?

- A. Cô có một hoàn cảnh nghèo khổ. B. Cô luôn bị người cha hành hạ, đánh đập.
- C. Cô phải sống cô đơn, thiếu tình cảm. D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 3: “Em bé đánh que diêm thứ tư, em bé "nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em". Khi em đánh tiếp những que diêm còn lại trong bao diêm, em thấy bà em to lớn và đẹp lão, bà em cầm lấy tay em, hai bà cháu vụt bay lên châu Thượng đế"

Ý nghĩa của mộng tưởng này là gì?

- A. Khao khát tình thương của bà trao cho.
- B. Muốn được trường sinh bất tử.
- C. Muốn thoát khỏi cảnh ngộ đen tối "chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa nào".
- D. Được gặp bà sống yên vui trong lòng bà.

Câu 4: Trong văn bản Cô bé bán diêm, các mộng tưởng của cô bé bán diêm mất đi khi nào?

- A. Khi bà nội em hiện ra.
- B. Khi trời sắp sáng.
- C. Khi em bé nghĩ đến việc sẽ bị người cha mắng.
- D. Khi các que diêm tắt.

Câu 5: Trong văn bản Cô bé bán diêm, mộng tưởng nào không hiện lên sau những lần quẹt diêm của cô bé?

- A. Ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh.
- B. Lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng.
- C. Bàn ăn thịnh soạn với khăn trải bàn trắng tinh; người bà và cảnh hai bà cháu bay lên trời.
- D. Cây thông Nô-en được trang trí lộng lẫy.

Câu 6: Dòng nào đã nói lên chủ đề của đoạn văn dưới đây?

Thực tế đã thay thế cho mộng tưởng; chẳng có bàn ăn thịnh soạn(8) nào cả, mà chỉ có phở xá vằng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm(9) với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

- A. Thực tế đã thay thế cho mộng tưởng
- B. Chỉ có phở xá vằng teo, lạnh buốt
- C. Mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.
- D. chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả.

2. Tự luận

- a. Vì sao nói những mộng tưởng của cô bé qua các lần quẹt diêm (lò sưởi, bàn ăn, cây thông Noel, người bà, bà cháu bay lên trời) trong truyện “Cô bé bán diêm” diễn ra theo trình tự hợp lí?
- b. Đoạn kết câu chuyện “Cô bé bán diêm” gợi cho em những suy nghĩ gì?

V. ĐỀ LUYỆN HSG

ĐỀ 1. Viết đoạn văn có độ dài từ 20 đến 25 dòng trình bày ý kiến của em về câu hỏi sau:

Có thật cần đến đoạn kết truyện như của tác giả An-đéc-xen (đoạn trích “Cô bé bán diêm”) không? Nếu kết thúc ở câu “Họ đã về châu thượng đế” thì có làm giảm cái hay của truyện không? Vì sao?

ĐỀ 2

Thế nào là kết thúc có hậu của một tác phẩm văn học? Ý nghĩa của kiểu kết thúc này? Theo em, kết thúc truyện ngắn **Cô bé bán diêm** của nhà văn An-đéc-xen là kết thúc có hậu hay không có hậu? Hãy lý giải.

ĐỀ 3. Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và câu chuyện xúc động chứa chan tình cảm nhân ái của An-đéc-xen qua truyện Cô bé bán diêm.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Ngôi kể
An-đéc-xen (1850- 1875). - Là nhà văn Đan Mạch "người kể chuyện cổ tích" nổi tiếng thế giới. - Một số truyện quen thuộc: <i>Nàng tiên cá, Bầy chim thiên nga, Chú lính chì dũng cảm, Nàng công chúa và hạt đậu...</i>	- Cô bé bán diêm viết năm 1845 là một trong những truyện ngắn nổi tiếng nhất của nhà văn. - Vị trí: VB nằm ở phần cuối truyện ngắn "Cô bé bán diêm"	Truyện ngắn.	-Ngôi kể: thứ 3 -Tác dụng:
	Ý nghĩa nhan đề		Bố cục
	-Là nhân vật chính trong tác phẩm , An-đéc-xen đã lấy tên nhân vật chính đặt tên cho tác phẩm. Nội dung chính của tác phẩm xoay quanh số phận nghèo khổ của cô bé bán diêm. - Nhan đề đã phần nào gợi sự đồng cảm của người đọc với thân phận người nghèo khổ đặc biệt là trẻ em đồng thời lên án sự thờ ơ của xã hội.		- Phần 1: <i>Từ đầu ...cùng chờ ra</i> : Hoàn cảnh của cô bé bán diêm. - Phần 2: <i>Tiếp...châu thượng đế</i> : Các lần quẹt diêm và những mộng tưởng. - Phần 3: <i>Còn lại</i> : Cái chết của cô bé bán diêm. + Bố cục trình tự thời gian và sự việc-> Đây là cách kể phổ biến trong truyện cổ tích.

I.2 Nội dung và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
Đoạn trích kể về số phận bất hạnh của một em bé gái nhà nghèo, mồ côi, em phải đi bán diêm giữa đêm giao thừa. Vì lạnh giá và đói rét, em bé đã chết ở 1 xó tường vào đêm giao thừa. ➔ Nhà văn đã bày tỏ lòng thương cảm với những cảnh	- Kể chuyện hấp dẫn đan xen giữa thực và mộng -Kết thúc truyện mang màu sắc cổ tích làm giảm đi nỗi bi thương. -Nghệ thuật liệt kê, xây dựng các hình ảnh tương phản đối lập giữa quá khứ và hiện tại, giữa thực và mộng

đời đói nghèo, khổ cực

I.3. Tóm tắt: Đêm giao thừa, trời rét mướt. Một cô bé bán diêm nghèo, mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, bụng đói dầm dãi trong bóng tối. Em không dám về nhà vì sợ bố đánh, vì em không bán được que diêm nào. Ngồi nép một góc tường, em quẹt một que diêm sưởi ấm. Quẹt que diêm đầu tiên, em tưởng như ngồi trước lò sưởi, vừa đuổi chân ra sưởi thì diêm vụt tắt. Que diêm thứ hai, em thấy bàn ăn thịnh soạn...rồi diêm vụt tắt. Que diêm thứ ba thấy cây thông Nô-en, em vói tay về phía cây... diêm tắt. Que diêm thứ tư, thật kì diệu, em nhìn thấy người bà hiền hậu độc nhất với em, nhưng bà đã chết từ lâu. Rồi diêm vụt tắt, em quẹt hết cả bao diêm để níu bà. Rồi em cùng bà bay lên cao. Sáng hôm sau, người ta đã thấy một cô bé bán diêm chết vì giá rét, má hồng và đôi môi mỉm cười.

I.4.Kiến thức cần nhớ

1. Hoàn cảnh sống của cô bé bán diêm:	-mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng mất, - nhà nghèo, sống trong xó tối tăm, - bố luôn chửi đánh, - phải bán diêm kiếm sống.		-> Cô bé đáng thương, tự bươn trải kiếm sống.
2. Hình ảnh cô bé bán diêm trong đêm giao thừa	Thời gian : đêm giao thừa.		-> Thời điểm mọi gia đình, mọi người đều xum họp đầm ấm, hạnh phúc.
	Trời rét buốt	Cô bé đầu trần, chân đất.	+ NT: Tương phản, đối lập =>Khắc họa tình cảnh thực tại: cô bé cô đơn, đói khổ, tội nghiệp.
	Cửa sổ mọi nhà sáng rực	Em bé đang dõ dẫm trong bóng tối.	
	Trong phố sực nức mùi ngỗng quay	Em bé bụng đói cả ngày chưa ăn gì	
	Trước đây em ở ngôi nhà em xinh xắn	Giờ đây em ở trong một xó tối tăm	
3. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng của cô bé	Mộng tưởng		Ý nghĩa
	* Lần 1: Mơ đến lò sưởi - Mong ước: được sưởi ấm.	+ Nghĩ đến việc bị cha mắng vì không bán được diêm- hiện thực đau khổ, phũ phàng.	em lại mơ đến lò sưởi đầu tiên vì rét. Cái rét bao vây lấy em. Ý nghĩ làm sao cho đỡ rét đã nhắc em nhớ đến lò sưởi và lò sưởi đã hiện ra trong mộng tưởng ngay khi que diêm đầu tiên sáng lên -> Mơ ước của những thân phận nghèo khổ trên đời giữa mùa đông giá rét kéo dài lê thê!
	* Lần 2: Mơ đến bàn ăn, ngỗng quay - Mong ước: Được ăn món		P.Tây hay ăn ngỗng quay, nhất là vào dịp lễ, tết. Sau cái rét là cái đói hành hạ nên

	ăn quen thuộc, cổ truyền	phổ xá vắng teo, tuyết bàn ăn thịnh soạn đã hiện ra, tiến về phủ, gió vi vu.	phía em.
	* Làn 3: Mơ đến cây thông Nô-en - Mong ước: được đón Giáng sinh	- Hiện thực: Những ngọn nến bay lên, sinh là một trong những phong tục tập quán mang đậm nét văn hoá của các nước châu Âu và người theo đạo Thiên chúa. Lúc ấy là thời khắc giao thừa, niềm khao khát có cây thông đón năm mới đã khiến em hình dung ra cây thông lộng lẫy với muôn ngàn ngọn nến sáng rực.	
	* Làn 4: Mơ đến bà. + Hình ảnh người bà đã mất xuất hiện mỉm cười với em. + Em bé reo lên, cầu xin bà cho em bé đi cùng.	- Hiện thực: bà em biến	- Mong ước: được yêu thương, che chở + Mong ước rất chân thành, thật lòng (muốn được yêu thương, che chở). Vì lúc này em đang bơ vơ, cô đơn. - Vì bà là người hiền hậu độc nhất đối với em, em không thể không nghĩ đến trong giờ phút đặc biệt này.
	* Làn 5: Em quét tất cả số diêm còn lại Mơ được cùng bà bay về châu Thượng đế. - Mong ước: một cuộc sống tươi đẹp, không có buồn đau	- Hiện thực: Em bé đã	Chi tiết “Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa” thể hiện ước mơ về một cuộc sống tươi đẹp, không có buồn đau của em bé. Song nó cũng thể hiện sự bế tắc trong cuộc sống
	+ NT: tương phản đối lập + Sắp xếp các mộng tưởng lô -gic, hợp lí. + <i>Yếu tố thần kì của truyện cổ tích, những ước mơ diễn ra phù hợp với quy luật tâm lí.</i> -> Ước mơ hạnh phúc giản dị, chính đáng và thân phận đối khổ, cô đơn của em bé. * Hình tượng ngọn lửa diêm. + Là hình ảnh lấp lánh nhất tác phẩm + Nghệ thuật ẩn dụ: ngọn lửa của ước mơ tuổi thơ về mái ấm gia đình ấm no hạnh phúc, tình thương mà ông bà cha mẹ dành cho con cháu -> vẻ đẹp tâm hồn của cô bé- một tâm hồn trong sáng giàu ước mơ.		
3- Cái chết của em bé:	Hoàn cảnh	- Sáng mừng 1 Tết: <i>tuyết phủ, mặt trời lên, trong sáng, chói chang, mọi người vui vẻ.</i> -> Cảnh đẹp, vui, hoàn toàn đối lập với cảnh u ám của đêm hôm trước. - <i>1 em gái đáng yêu: với đôi má hồng, đôi môi đang mỉm cười - đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa, xung quanh có nhiều bao diêm; có 1 bao đốt hết nhẵn.</i> -> Cảnh tượng rất thương tâm.	
	* Ý nghĩa:	- Tố cáo XH lạnh lùng, tàn nhẫn. - Phê phán người cha thiếu trách nhiệm, tình thương. - Hình ảnh em bé lúc chết: <i>“có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”.</i> -> Tâm lòng nhân ái, thương cảm sâu sắc với người nghèo khổ, bất hạnh của	

		<p>tác giả.</p> <p>+ Hình ảnh đối lập:</p> <p>- Xuân về hứa hẹn những mầm sống mới >< có 1 em bé chết.</p> <p>- người đã chết trong đêm khuya băng giá >< hình hài vẫn đẹp tươi.</p> <p>- Em bé chết vì đói rét >< mọi người dừng dừng vô tình...</p> <p>-> Nghịch cảnh cuộc đời. Cuộc đời vẫn nhiều nghịch cảnh đau buồn như "tuyết vẫn rơi phủ kín mặt đất". Người đời vô tình nên họ không bao giờ có thể hiểu được và thấy được những điều kì diệu của những ước mơ tuổi thơ</p> <p>> ý nghĩa tố cáo xã hội.</p>
4. Tổng kết	1. Nghệ thuật:	<p>+ Đối lập - tương phản</p> <p>+ Đan xen giữa thực tế và ảo mộng</p> <p>+ Mang đậm yếu tố cổ tích</p>
	2. Nội dung:	<p>+ Nêu lên số phận bất hạnh của cô bé bán diêm.</p> <p>+ Gián tiếp lên án xã hội đương thời.</p> <p>+ Sự cảm thông sâu sắc của tác giả</p>

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- **Trường xuân:** một loại cây leo bám vào tường gạch, lá rụng dần về mùa đông.
- **Gió bắc:** Gió lạnh thổi từ hướng bắc
- **Thịnh soạn:** nhiều món ăn ngon, sang trọng được bày tươm tất.
- **Chí nhân:** Hết sức nhân từ, hiền hậu.
- **Gia sản:** tài sản của gia đình.

2 Tại sao trong truyện, An-đéc-xen lại đặt tình huống: Cô bé đi bán diêm mà không bán một mặt hàng khác? Em hiểu gì về ý nghĩa hình tượng ngọn lửa diêm?

- Nhà văn để cho nhân vật bé bỏng của mình đi bán diêm chứ không bán mặt hàng khác là vì:
 - + Diêm là một vật dụng bé nhỏ, giá trị vật chất không nhiều nhưng nó lại tượng trưng cho ánh sáng, sự ấm áp đối lập với bầu trời đêm giao thừa tối tăm, lạnh lẽo, lòng người băng giá.
 - + Không chỉ vậy diêm còn là cội nguồn của sự sống tốt đẹp đối lập với cái chết- cuộc sống đen tối, lạnh lùng của đất nước Đan Mạch thế kỉ 19- khi chế độ tư bản còn ngự trị.
- > ý nghĩa câu chuyện sẽ thêm sâu sắc, lay động lòng người hơn.
- ý nghĩa hình tượng ngọn lửa - diêm?
 - + Đây là hình tượng lấp lánh và giàu ý nghĩa nhất trong truyện -> Que diêm nhỏ nhoi đé thấp sáng
 - + Đã phần nào sưởi ấm cho cô bé(dù chỉ là đôi chút) giữa đêm đông giá lạnh nơi góc tường lạnh lẽo.
 - + Nó là niềm vui nho nhỏ- dù chỉ là ảo giác, ước mơ - của cô bé trong đêm giao thừa, nó thấp lên những ước mơ, nó hóa thành những ngôi sao trên trời để soi đường cho cô bé bay lên với bà nội đến với thượng đế, đến với một thế giới không có đói rét, khổ đau, côi cút.
 - + Nó còn là ngọn lửa của ước mơ tuổi thơ, ước mơ bình dị của cô bé -> đó là ước mơ về một mái ấm gia đình ấm no, hạnh phúc, được vui chơi và sống trong tình yêu thương.
- > Để cho cô bé thấp sáng que diêm phải chăng (chính là) tác giả đã gửi vào ánh lửa diêm ấy tấm lòng yêu thương, cảm thông, chia sẻ sâu sắc của mình với cô bé bán diêm tội nghiệp cũng như trẻ nhỏ nói chung đồng thời t/g cũng gợi nhắc mọi người về tấm lòng nhân ái đối với bao cảnh đời éo le, bất hạnh khác.

3. Nêu nhận xét về kết thúc truyện:

Kết thúc câu chuyện tưởng chừng như có hậu khi cô bé bán diêm được gặp bà, được ở bên bà mãi mãi, không còn khổ đau. Thế nhưng, thực tế là cô bé đã ra đi vì sự vô tâm của người cha, sự thờ ơ lãnh đạm của người đời. Cô bé chết vì cô đơn, vì đói, vì giá lạnh, vì sợ đôn roi nếu trở về nhà. Đó là cái chết vô cùng thương tâm của cô bé nghèo khổ, bất hạnh.

4. Sơ đồ tư duy.

Cô bé bán diêm

Hoàn cảnh của cô bé

Mồ côi mẹ, gia sản tiêu tán sau khi bà mất	- Bố nghiện rượu hay đánh đập. -Đói rét, em phải đi bán diêm để kiếm sống
➔ Thiếu thốn tình yêu thương	➔ Sống trong cô đơn, khổ cực ➔ Em vô cùng đáng thương và tội nghiệp.

Nghệ thuật Liệt kê, tương phản, đối lập

Đối lập thời gian, không gian, con người Đối lập, đan xen giữa mộng và thực

-Quá khứ được sống vui vẻ hạnh phúc bên bà	- Hiện tại nghèo đói, bất hạnh, cô đơn	Mộng (diêm cháy)	Thực (diêm tắt)
- Đêm giao thừa cô bé đầu trần, chân đất đi giữa trời giá rét	-Trong các nhà sáng rực ánh đèn ấm áp	-Cô bé quẹt que diêm thứ 1, lò sưởi hiện ra > Ước mơ được sưởi ấm vì đang lạnh. - Que diêm t2: Bàn ăn dọn sẵn. -> Ước mơ được ăn no vì đang đói	- Lò sưởi biến mất -Bàn ăn ko còn
- Cô bé đói rét, cô đơn, buồn bã. - Cô bé lo lắng, không bán được diêm, không dám về nhà vì sợ bố đánh	- Mọi người no đủ, đầm ấm. - Mọi người vui vẻ hạnh phúc, đi chơi đêm giao thừa.	- Que diêm t3: Cây thông nô en được trang trí lộng lẫy -> ước mơ được vui chơi - Que diêm t4: ánh lửa xanh tỏa ra. -> Ước mơ được sống trong tình yêu thương. -Quẹt hết cả bao diêm. -> Ước mơ được ở bên bà mãi mãi, không còn khổ đau	- Ngọn nến bay lên cao và biến thành những ngôi sao trên trời. - Nhìn rõ bà đang mỉm cười - Bà hiện lên đẹp dễ, cầm tay em, 2 bà cháu bay về châu Thượng đế

➔ Nghệ thuật đối lập làm nổi bật

-> Hình ảnh mộng tưởng này nối tiếp hình cảnh ngộ đáng thương của cô bé. ảnh mộng tưởng kia theo 1 trình tự hợp lí

Phù hợp với hoàn cảnh và mong muốn của CBBD lúc bấy giờ.

Cái chết của cô bé bán diêm

Hoàn cảnh	Hình ảnh cô bé	Ý nghĩa
- Thời gian: Đêm giao thừa -Không gian: Sáng mùng 1 Tết ở 1 xó tường lạnh lẽo, cô bé bán diêm đã chết vì đói rét. Mọi người xung quanh vẫn đi lại vui vẻ. -> Nghệ thuật tương phản đối lập giữa cảnh ngộ của cô bé với tâm trạng vui	- đôi má em hồng - đôi môi vẫn mỉm cười -> Có lẽ em đã thanh thản toại nguyện vì được sống trong những điều huy hoàng, kì diệu Em hạnh phúc vì được gặp bà.	- Kết hợp bút pháp tả thực và lãng mạn. - Cái chết nhẹ nhàng, mãn nguyện làm giảm sự bi thương và thể hiện tình yêu thương sâu sắc với cô bé. - Cái chết vẫn hiện lên 1 bi kịch: Em bé được gặp bà và sống hạnh phúc chỉ là trong mộng tưởng; còn sự thật là em đã chết vì đói rét và cô đơn. -> Lên án tố cáo XH đã không cho trẻ em được hạnh phúc, được yêu thương. -> Tấm lòng nhân ái, đồng cảm của tác giả với những người nghèo khổ, bất hạnh.

tươi của mọi người.		-> Gửi gắm ước mơ những người nghèo khổ sẽ được sống trong hạnh phúc, không còn khổ đau và bất hạnh.
---------------------	--	--

III, Đề luyện

Phần 1: Gợi ý.

1. Văn bản: Cô bé bán diêm của An-đéc-xen

Phương thức biểu đạt: tự sự

2. Phép tu từ: Nói giảm nói tránh : Họ đã về châu Thượng đế.

Tác dụng: Giảm cảm giác đau thương, mất mát; tạo kết thúc có hậu cho câu chuyện

3. Ý nghĩa lần quẹt diêm cuối cùng:

+ Em quẹt tất cả số diêm còn lại, diêm cháy sáng như ban ngày

+ Cô bé được đi theo bà. không còn đau buồn và cô đơn

=>Ước mơ của cô bé về một cuộc sống tươi đẹp, được sống trong tình yêu thương.

=> Vừa mang giá trị nhân đạo sâu sắc; vừa nag giá trị tố cáo XH

4. Viết đoạn

- Hình thức: đoạn văn khoảng 10 câu; sạch đẹp

- Nội dung: Làm rõ sự tương phản đối lập ở các khía cạnh:

+ Đối lập thời gian, không gian, con người : Đêm giao thừa cô bé đầu trần, chân đất đi giữa trời giá rét còn Trong các nhà sáng rực ánh đèn ấm áp; Cô bé đói rét, cô đơn, buồn bã, lo lắng, không bán được diêm, không dám về nhà vì sợ bố đánh còn mọi người no đủ, đầm ấm., vui vẻ hạnh phúc, đi chơi đêm giao thừa....

+ Đối lập, đan xen giữa mộng và thực khi quẹt diêm và sau khi diêm tắt

=> Nghệ thuật đối lập làm nổi bật đáng thương của cô bé

Phần 2.

1. Văn bản: Cô bé bán diêm của An-đéc-xen

2. Câu ghép trong đoạn : Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán, và gia đình đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

3. Phép tu từ: Nói giảm nói tránh : Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất

Tác dụng: Giảm cảm giác đau thương, mất mát, ghê sợ...

4. Tình cảm của nhà văn dành cho cô bé bán diêm là tình thương cảm, lòng nhân đạo, sự cảm thông

5. Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh

Bài 3: Gợi ý:

- Cảm thông với hoàn cảnh éo le của cô bé bán diêm:

+ Mẹ mất sớm, phải sống với người cha suốt ngày rượu chè, luôn chửi bới, đánh đập em.

+ Nhà nghèo, em phải tự lập kiếm sống bằng việc đi bán những bao diêm.

+ Đêm giao thừa, trời tối đen, rét buốt. Mọi nhà sáng rực ánh đèn, không khí ấm cúng. Một mình em bé đầu trần, chân đất lảo lổ đi trong bóng tối. Em không dám về nhà vì sợ bố đánh, em ngồi nép bên một xó tường trong cái lạnh buốt của đêm cuối năm.

- Xúc động trước mộng tưởng của em bé qua những lần quẹt diêm:

+ ánh sáng của những ngọn lửa diêm đã đem đến cho em lò sưởi ấm áp, bàn ăn thịnh soạn, cây thông Nô-en lấp lánh ánh đèn.

+ ánh sáng ấy còn đưa em đến gặp bà, hai bà cháu cùng nắm tay nhau bay về châu Thượng đế.

-> Em bé đã thật hạnh phúc, đã tìm thấy được tình yêu thương của mình.

- Xót xa trước cái chết thương tâm của em bé:

+ Nhưng đó chỉ là mộng tưởng, thực tế em bé đã chết. Một cái chết thật thương tâm.

+ Sáng mừng một tết, mọi người vui vẻ ra đường. Còn em bé chết ở một xó tường, đôi má vẫn hồng, đôi môi như đang mỉm cười.

+ Một cái chết thật huy hoàng và cao đẹp, hạnh phúc và mãn nguyện bởi điều kì diệu em đã trông thấy qua ánh lửa diêm.

+ Cái chết có ý nghĩa tố cáo sự thờ ơ, tàn nhẫn của người đời trước những mảnh đời bất hạnh.

Phần 4 gợi ý

Câu 1. TP Cô bé bán diêm : truyện ngắn

Câu 2. Tác giả của đoạn trích là An – đéc – xen

Người ta gọi những truyện ngắn của tác giả là truyện cổ tích vì nó mang màu sắc cổ tích, có những chi tiết kì ảo, kết thúc có hậu...

Câu 3: Cô bé bán diêm chết trong giá rét nhưng tác giả lại miêu tả em với “đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.”. Điều đó có ý nghĩa gì?

- Đối với người khác chết là hết, là một sự bất hạnh nhưng đối với cô bé thì chết là một niềm hạnh phúc bởi vì đó là cách duy nhất để giải thoát khỏi nơi khốn khổ thực tại, là cách duy nhất để em có thể đến được với bà, với quá khứ huy hoàng và ngọt ngào êm ái.

- Cô bé ra đi trong sự siêu thoát, trong niềm vui sướng vô bờ. Cô đã chia tay với cuộc đời một cách vui vẻ và mãn nguyện để được sống một cuộc đời khác, một thế giới khác – một thế giới chỉ có tình yêu và niềm vui, niềm hạnh phúc.

=> tấm lòng nhân đạo của tác giả: cảm thông, thấu hiểu trẻ thơ; yêu thương trẻ thơ và luôn mong muốn các em có một cuộc sống thật hạnh phúc; xót xa trước thân phận bất hạnh...

Câu 4: Khi chứng kiến cái chết của cô bé vì sao những người xung quanh họ không thể biết được “những điều kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm”? Qua chi tiết đó tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?

- Bởi vì những người đó sống quá thờ ơ, ích kỉ. Ngoài việc sử dụng cái đói, cái rét để tạo sự ngăn cách của họ đối với em bé thì họ còn xây dựng một bức tường hữu hình hoặc vô hình để tạo ra sự ngăn cách mới giữa họ và em. Họ không có quyền được nhìn thấy, được tận hưởng những gì do mộng tưởng của em tạo ra bởi vì em thuộc về một thế giới khác.

=> Nhà văn phê phán lối sống ích kỉ, co cụm, chỉ biết mình.

=> Mọi người hãy biết chia sẻ, yêu thương những con người bất hạnh đặc biệt là trẻ em; hãy dành cho con trẻ những gì tốt đẹp nhất để các em được sống bình yên và hạnh phúc.

Câu 5:

- Cái chết thương tâm, không đáng có khiến người đọc phải suy nghĩ, xót đau...

- Cái chết là sự giải thoát cho em khỏi cảnh đói rét và cô độc...
 - Cái chết đó có sức tố cáo sâu sắc sự ác độc, vô trách nhiệm của người cha
 - Cái chết lên án sự thờ ơ, tàn nhẫn, ích kỉ, vô nhân đạo của người đời trước một em bé bất hạnh, khốn khổ.
- => thể hiện tấm lòng nhân đạo của tác giả: ông đã miêu tả cái chết của em bé thật nhẹ nhàng mà sâu sắc.
- => thông điệp: Mọi người hãy biết chia sẻ, yêu thương những con người bất hạnh đặc biệt là trẻ em; hãy dành cho con trẻ những gì tốt đẹp nhất để các em được sống bình yên và hạnh phúc.

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
A	C	D	D	B	D

2. Tự luận

a. Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lí: vì trời rét nên trước hết em nghĩ đến lò sưởi, tiếp đó, vì đói nên em nghĩ tới bữa ăn, sau đó vì hôm nay là giao thừa nên “cây thông Noel” hiện ra, đến đây, em nhớ đến đã có một thời em cũng được đón giao thừa như thế, khi bà còn sống, thế là hình ảnh bà em xuất hiện.

b. Đoạn kết truyện:

- Cảnh tượng cô bé bán diêm chết vì giá rét nhưng miệng vẫn mỉm cười- đây là sự tưởng tượng của tác giả, giảm bớt sự đau thương.
- Cái chết lúc này là sự cứu rỗi- hai bà cháu bay về châu Thượng đế.
- Cái kết vừa có sự bi thương, vừa mang màu sắc cổ tích (phản ánh ước mơ, khát vọng được hạnh phúc, ấm no của con người)

ĐỀ 2

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	D	C	D	A	A

2. Tự luận

a. Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lí: vì trời rét nên trước hết em nghĩ đến lò sưởi, tiếp đó, vì đói nên em nghĩ tới bữa ăn, sau đó vì hôm nay là giao thừa nên “cây thông Noel” hiện ra, đến đây, em nhớ đến đã có một thời em cũng được đón giao thừa như thế, khi bà còn sống, thế là hình ảnh bà em xuất hiện.

b. Đoạn kết truyện:

- Cảnh tượng cô bé bán diêm chết vì giá rét nhưng miệng vẫn mỉm cười- đây là sự tưởng tượng của tác giả, giảm bớt sự đau thương.

- Cái chết lúc này là sự cứu rỗi- hai bà cháu bay về châu Thượng đế.

- Cái kết vừa có sự bi thương, vừa mang màu sắc cổ tích (phản ánh ước mơ, khát vọng được hạnh phúc, ấm no của con người)

V. ĐỀ LUYỆN HSG

ĐỀ 1. . Viết đoạn văn có độ dài từ 20 đến 25 dòng trình bày ý kiến của em về câu hỏi sau:

Có thật cần đến đoạn kết truyện như của tác giả An-đéc-xen (đoạn trích “Cô bé bán diêm”) không? Nếu kết thúc ở câu “Họ đã về châu thượng đế” thì có làm giảm cái hay của truyện không? Vì sao?

GỢI Ý

1. Yêu cầu về kĩ năng:

Hiểu đề bài, trình bày bằng một đoạn văn chặt chẽ rõ ràng, lập luận chắc chắn, có sức thuyết phục. Diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

2. Yêu cầu về nội dung:

Học sinh có thể trình bày bằng những trình tự khác nhau, nhưng phải thể hiện được sự suy ngẫm cơ bản sau đây:

- Với tấm lòng nhân ái của nhà văn, thì đoạn kết truyện được coi là rất cần thiết. Nếu kết thúc ở câu “Họ đã về châu thượng đế” thì ý nghĩa của truyện sẽ bị giảm đi (0,25 điểm)

- Người đọc không thấy được sự đối lập giữa một bên là hình ảnh cô bé bán diêm ngây thơ, hồn nhiên đẹp đẽ như tiên đồng ngọc nữ với một bên gió lạnh của ngày đầu năm. Và người đọc cũng không thấy được sự đối lập giữa một bên là thái độ lạnh lùng thờ ơ của mọi người khi chứng kiến cảnh thương tâm này (cô bé rất cô đơn: mồ côi bố nghiệt ngã, vô tình) (0,5 điểm)

- Đoạn kết của truyện đã phơi bày cả một xã hội vô tình, lạnh lùng trước cái chết của một đứa trẻ nghèo mô cô (0,25 điểm)

- Đoạn kết truyện còn cho thấy cái nhìn đầy cảm thông cùng tấm lòng nhân hậu và lãng mạn của tác giả viết lại câu chuyện thương tâm này khiến người đọc bớt đi cảm giác bi thương để đưa tiễn cô bé lên trời với niềm vui, hy vọng chợt bùng, lóe sáng sau những lần đánh diêm (0,5 điểm)

- Cái hay của đoạn kết: người đọc chứng kiến cả xã hội Đan Mạch đương thời tàn nhẫn thiếu tính thương từ đó lên án, cho thấy tấm lòng nhân ái của nhà văn (0,5 điểm)

ĐỀ 2

Thế nào là kết thúc có hậu của một tác phẩm văn học? Ý nghĩa của kiểu kết thúc này? Theo em, kết thúc truyện ngắn **Cô bé bán diêm** của nhà văn An-đéc-xen là kết thúc có hậu hay không có hậu? Hãy lý giải.

GỢI Ý

* Về hình thức: Câu trả lời cần được trình bày thành một đoạn văn, ý mạch lạc, đảm bảo sự liên kết giữa các câu.

* Về nội dung: Trả lời được hai ý:

- Kết thúc có hậu của một tác phẩm văn học: Người tốt phải được hưởng hạnh phúc, kẻ ác phải bị trừng trị, cái thiện sẽ thắng cái ác, sự công bằng sẽ thắng bất công- đây là mô típ truyền thống của các truyện cổ cũng như của một số truyện hiện đại.

Những truyện có kết thúc có hậu thường mang ý nghĩa sâu xa: Có tác dụng răn dạy con người hướng thiện, làm điều thiện để cuộc đời luôn tươi đẹp hạnh phúc; thể hiện khát vọng về công bằng trong xã hội và để động viên, làm tăng niềm tin, niềm lạc quan cho con người trong cuộc sống ...

- Với truyện *Cô bé bán diêm*: Phần kết thúc truyện là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của tác giả (Sáng sớm, ngày đầu năm mới, người ta thấy một em bé gái chết rét trong một xó tường, điều đặc biệt là em có một đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười, tựa như mãn nguyện về sự ra đi của mình).

Cách kết truyện như vậy vừa có hậu vừa không có hậu:

+ Có hậu là vì em ra đi thanh thản, gương mặt em vẫn toát lên vẻ đẹp đẽ, thánh thiện, vẫn mỉm cười mãn nguyện sau những mộng tưởng đẹp.

+ Tuy nhiên đây cũng là kết thúc không có hậu vì hiện thực vẫn là một cảnh thương tâm, đậm chất bi kịch. Đó là bi kịch của một cõi đời thiếu vắng tình thương. Cái chết của em trong đói rét, trong sự thiếu vắng tình thương khiến người đọc chúng ta xót xa thương cảm

ĐỀ 3. Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và câu chuyện xúc động chứa chan tình cảm nhân ái của An-đéc- xen qua truyện Cô bé bán diêm.

Dàn ý:

Mở bài:

- Giới thiệu nhà văn An-đéc-xen và tác phẩm cô bé bán diêm
- Sức hấp dẫn của tác phẩm gắn liền nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và câu chuyện xúc động chứa chan tình cảm nhân ái của nhà văn.

Thân bài:

1. Tổng:- Giới thiệu nhân vật sẽ phân tích: cô bé bán diêm nghèo khổ

- Cách kể chuyện nhập vai của nhà văn, dẫn dắt người đọc đi sâu vào tâm trạng của cô bé.

2. Phân:

a. Khung cảnh lạnh giá của đêm giao thừa:

- Các ngôi nhà ấm áp và mùi ngỗng quay đối lập với ngoài trời gió tuyết mưa lạnh
- Dòng hồi tưởng của cô bé về dĩ vãng tươi đẹp và bà nội hiền từ nhân hậu đối lập với thực tại vừa đói vừa rét. Cô bé đáng thương vì có cuộc sống đắng cay, thiếu tình thương và sự quan tâm của người cha, luôn phải sống trong sợ hãi.

b. Những ánh lửa diêm và thế giới ảo mộng:

- Que diêm thứ nhất: Hình ảnh lò sưởi ấm áp gắn với thực tại phải chống chọi cái giá rét khắc nghiệt. Cảm giác vui thích của cô bé khi chứng kiến ánh sáng của ngọn lửa mở ra một thế giới ảo tưởng huy hoàng.
- Que diêm thứ hai: Bàn ăn và ngỗng quay gắn với thực tại bụng đói cồn cào. Cô bé chống chọi cái đói bằng giấc mơ.
- Que diêm thứ ba: Hình ảnh cây thông nô en gắn với khát khao được vui chơi của tuổi thơ, sớm phải chịu thiệt thòi vì hoàn cảnh nghèo khổ.
- Que diêm thứ tư: Em bé được gặp lại bà nội đã khuất. Thực ra đây không còn là ảo mộng mà là sự thực trước phút em bé bị chết rét nhưng tấm lòng nhà văn đã để cho em có những khoảnh khắc hạnh phúc được sống trong tình thương
- ánh sáng huy hoàng đón em về trời cùng bà chính là lời tiễn đưa đầy thương cảm dành cho một em bé ngoan.

c. Buổi sáng đầu năm mới:

- Sự vô cảm của mọi người trước cái chết của em bé
- Tình cảm nhà văn bộc lộ trực tiếp như muốn dành lời an ủi cho một số phận bất hạnh

3. Hợp:

- Đánh giá ý nghĩa sâu sắc của tác phẩm, bức thông điệp giàu tình người
- Câu chuyện xúc động lòng người còn nhờ tài kể chuyện của an-đéc-xen tạo được những đồng cảm cho người nghe, người đọc.

Kết bài:

- Nêu cảm nghĩ riêng về vẻ đẹp tâm hồn và số phận bất hạnh của cô bé bán diêm: Liên hệ thực tiễn để rút ra bài học về lòng nhân ái.

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Số phận, hoàn cảnh đáng thương, tội nghiệp:

- Cô bé đã từng có một gia đình khá giả, hạnh phúc, từ khi mẹ mất sớm, rồi bà cô cũng mất, gia đình phá sản, sa sút
 - Không những không được no ấm, không được đi học như bè bạn cùng trang lứa, cô bé còn trở thành nơi để người cha nát rượu hành hạ, cứ mỗi lần say là ông ta lại đánh đập, đuổi đi
 - Cô bị chính cha mình bắt đi bán diêm để kiếm tiền, ngay cả trong đêm cuối năm, khi mà gia đình quây quần đoàn tụ, nếu không đem được tiền về để ông ta mua rượu, cô sẽ phải chịu những trận đòn tàn nhẫn, bị đánh đuổi thật vô tình
 - Trong đêm giao thừa rét mướt, tuyết rơi trắng xóa các con phố và cái lạnh cắt da cắt thịt, khi mà nhà nhà sáng rực ánh đèn cùng mùi thơm của thức ăn tỏa ra khắp góc ngách, cô bé phải đi bán diêm
 - Những căn nhà sáng rực ánh đèn và tỏa ra mùi hương của đồ ăn thơm phức nhưng ngược lại với khung cảnh ấy là hình ảnh cô bé bán diêm vô cùng đáng thương
 - Quần áo mỏng manh mang đầy những mảnh vá, đôi dép gỗ duy nhất đã bị mất, cô phải đi chân trần trên nền tuyết lạnh buốt
 - Đi đến đâu, gặp ai cô cũng mời mua diêm nhưng chẳng ai đoái hoài hay thương tình mua giúp cô một bó
 - Giỏ diêm bị người ta xô phải nên rơi hết trên đất, niêm ẩm nên không thể bán được cho ai nữa

- Sợ về bị cha đánh mắng, cô không dám trở lại nhà mà ngồi co ro ở góc tường nơi cuối phố, hứng chịu từng đợt gió rét xé thịt

2. Ước mơ hạnh phúc cảm động:

Giữa hoàn cảnh thực đáng thương, cô chỉ còn lại một bó diêm để sưởi ấm. Những ước mơ về hạnh phúc được thể hiện qua những lần cô bé quẹt diêm.

a. Lần quẹt diêm thứ nhất:

- Lần thứ nhất, diêm bén lửa rất nhạy, ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng dần.
- Trong ánh lửa hiện ra một lò sưởi lớn rực hồng và tấm áp
- Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng.
- Điều đó gắn với thực tế của cô bé: cô bé đang rét và cần được sưởi ấm.
- Nhưng rồi que diêm tắt, lò sưởi vụt mất, niềm hy vọng như vụt tắt.

b. Lần quẹt diêm thứ hai:

- Khi que diêm thứ hai cháy và sáng rực lên, cô bé thấy bàn ăn sáng trọng, thức ăn ngon, hương thơm hấp dẫn vô cùng

- Mộng tưởng này cũng gắn với thực tế, cô bé đang đói trong khi ngoài đường sức nức mùi ngỗng quay, những đứa trẻ khác đang quây quần bên bàn ăn thịnh soạn cùng gia đình

- Khi que diêm tắt đi cũng là lúc quay trở về với hiện thực đói rét phũ phàng

c. Lần quẹt diêm thứ ba:

- Lần thứ ba quẹt diêm, cô bé thấy cây thông Noel với hàng ngàn ngọn nến lấp lánh, trang trí bởi những tấm bưu tranh màu sắc sỡ.

- Cây thơ trong đêm cuối năm chính là biểu tượng của sự hạnh phúc trọn vẹn
- Đây là mộng tưởng gắn với thực tế vì không khí ngày đầu năm mới mà em đang hằng ao ước.
- Nếu như hai lần trước là những ước mong cơ bản - được ấm, được no thì lần này, khao khát được nâng lên thành niềm hạnh phúc - điều mà bất cứ đứa trẻ nào cũng đều khao khát

d. Lần quẹt diêm thứ tư:

- Lần thứ tư cô bé thấy người bà đã mất xuất hiện với nụ cười dịu dàng.
- Điều này gắn với thực tế vì em đang cô đơn khao khát được yêu thương, chở che
- Có bà bên cạnh cũng chính là được ấm, được no, được hạnh phúc

e. Lần quẹt diêm thứ năm:

- Cuối cùng, cô quẹt hết chỗ que diêm để níu giữ bà, bà hiện lên thật to lớn đẹp lão, hai bà cháu nắm tay nhau bay lên trời.

- Đây là giây phút khao khát trở thành mong muốn cao nhất, mãnh liệt nhất - khao khát được giải thoát, được đến Thiên đường nơi có bà, mẹ những người luôn yêu thương em vô điều kiện. Ở nơi đó cũng không còn khổ đau, đói rét.

3. Một cảnh tượng thương tâm

- Em bé đã chết, chết vì đói và rét

-> Một cảnh tượng hết sức thương tâm, tất cả mọi người đều vô cảm với em, chỉ có bà và mẹ em thương em nhưng hai người đều đã mất.

- Từ đó bày tỏ thái độ của tác giả

+ Bày tỏ sự cảm thông, chia sẻ cho những số phận nhỏ bé đáng thương phải chịu nhiều bất hạnh. Giây phút cô bé được giải thoát cũng là lúc cô bé lìa xa cõi đời

+ Phê phán một thực tế đau lòng: Người cha tàn nhẫn hành hạ chính đứa con của mình và một xã hội vô tâm, thờ ơ trước những mảnh đời bất hạnh.

CÀM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM:

Một trong những nhà văn gắn liền tuổi thơ với trẻ em toàn thế giới mà chúng ta không thể không nhắc đến chính là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng An-dec-xen. Và chắc hẳn trong chúng ta đều nhớ đến hình ảnh cô bé bán diêm, dường như khắc sau tâm trí mỗi người. Cô bé bán diêm nhưng chất chứa trong nhân vật ấy là những bài học đầy giá trị về cuộc sống và con người.

Nhân vật cô bé bán diêm là hình ảnh trung tâm, xuyên suốt toàn tác phẩm. Nhà văn dựa vào đó mà truyền tải những

thông điệp về cuộc sống đến người đọc

Nhà văn đã thành công khi xây dựng nên nhân vật điển hình cùng với bối cảnh trong tác phẩm một cách rất sinh động. Đó là hình ảnh ám ảnh về một cô bé tội nghiệp không nơi nương tựa trong bầu không khí giá lạnh cắt da giữa đường phố tuyết, và càng cô độc hơn khi cô được đặt cạnh bầu không khí sum vầy của các gia đình.

Trong không gian “Mọi nhà đều sang rực ánh đèn và trong phố sức nức mùi ngỗng quay” ấy thì cô bé bán diêm lại hồi tưởng lại những ngày sống trong quá khứ, khoảng thời gian bà còn sống, có đây thường xuyên bám quanh ngôi nhà gợi lên sự ấm áp, hạnh phúc. Và cuộc sống ngày xưa đó hoàn toàn đối lập với cuộc sống hiện tại em trải qua, cuộc sống với người cha đầy sự tối tăm và mùi của địa ngục. Dù lạnh đấy, đói đấy em rất muốn về nhà nhưng lại sợ bị cha đánh đòn vì chưa bán được hộp diêm nào. Cô bé hiện lên với đầy sự trẻ thơ nhưng sớm sống trong cảnh thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần. Chính thực tại đối lập ấy khiến em càng khao khát mãnh liệt một sự sum vầy đầm ấm trong những ngày đông : “chà! Bây giờ mà được quẹt một que diêm để sưởi ấm cho đỡ buốt nhỉ”. Đối với ta đó chỉ một ước mơ nhỏ nhoi giữa chốn phồn hoa đô thị ngoài kia, nhưng chính chi tiết ấy cũng đủ để lấy đi nước mắt vì xót xa cho một đứa trẻ thơ mà bất hạnh. Và em đánh liều quẹt một que diêm “lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sang chói trông đến vui mắt”, thứ ánh sáng nhỏ nhoi ấy làm em hạnh phúc phần nào. Nhưng sự khắc nghiệt của cái giá lạnh đã dập tắt đi ngọn lửa nhỏ đó.

Em tiếp tục quẹt que thứ hai với ước muốn có cuộc sống ấm no. khung cảnh “hàng ngọn lửa nền sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong tủ hàng” hiện lên tươi đẹp nhưng vẫn bị thời tiết kia làm lụi tàn mất.

Chỉ là một ngọn lửa bé nhỏ để sưởi ấm, chỉ là một chút ước mơ bé nhỏ để cuộc đời em có chút hi vọng nhưng tất cả đều bị chính môi trường bên ngoài, xã hội ngoài kia cùng với cái xô bồ... tất cả đã nhấn chìm mà tước đi niềm hạnh phúc nhỏ nhoi ấy. thật xót thương cho số phận trẻ thơ sớm đã phải lớn, sớm phải chịu cảnh đầy đọa của cuộc sống. và cuối cùng thì em chỉ muốn được tin tưởng dựa dẫm vào chính người bà tin yêu đã mất của mình. Que diêm thứ ba xuất hiện chính là hình ảnh người bà cùng cánh tay đang chào đón em. Và em đã đi cùng bà về một miền của sự hạnh phúc, đi để không phải bị cuộc đời này vùi dập nữa. đó chính là giây phút em từ giã trần đời, nhà văn An-dec-xen đã nhân hóa, phóng đại hóa cái chết của em cũng chính là tấm lòng xót thương, xúc động, tình cảm thương mến dành cho em, dành cho bao đứa trẻ thơ bất hạnh ngoài cuộc đời kia nữa.

Bằng lối viết văn rất giản dị, ngôn ngữ trong sáng mà nhà văn thiếu nhi An-dec-xen đã xây dựng thành công nhân vật cô bé bán diêm với tất cả niềm xót thương, yêu mến. Qua đó ta thêm hiểu hơn, biết trân trọng hơn về hạnh phúc dành cho con trẻ ngày nay.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
VĂN BẢN: ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Ngôi kể
	Tiểu thuyết " <i>Đôn ki hô tê</i> " gồm chương, gần trang, tên tác phẩm là nhân vật trung tâm. + Phần 1: 52 chương - XB 1605 + Phần 2: 74 chương - XB 1615 - Văn bản được trích ởchương 8/126		
	Bố cục		
	- PI: Từ đầu... cân sức: - Phần II: Tiếp... " <i>toác nửa vai</i> ": - Phần III: Còn lại:		

I.2 Nội dung và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
-	
-	
.....	

I.3. Phân tích

1. Đôn Kihôtê và Xan chô Pan-xa khi gặp cối xay gió	Đôn-ki-hô-tê	Xan-chô-pan-xa	Nhận xét
- Xuất thân:			Sự về
- Ngoại hình:			

- Tư tưởng:			
- Nhìn thấy cối xay gió	những tên khổng lồ ghê gớm, cánh tay dài ngoẵng, sau đó Đôn tưởng là pháp thuật của pháp sư Phơ re xôn.	Khẳng định: “chẳng phải”, chỉ là”.	Những suy nghĩ của Đôn không phải hoàn toàn là tiêu cực vì..... -> Điểm đáng đáng
	-> Không, vì nghĩ mình là 1-ảnh hưởng của>	-> Con người	
2. Cuộc giao chiến với cối xay gió.	Hành động	-	Đôn-ki-hô-tê ->..... ->Điểm đáng
- Kết quả		-.....	Xan-chô-pan-xa ->.....
Suy nghĩ	-, cho rằng đó là do - nhưng rồi...sẽ không thể đối chọi với thanh kiếm của ta (vẫn tin tưởng vào))	- Nói rõ đó là phù hợp cho Đôn.	
3.Cách xử sự của mỗi người khi bị đau đớn, về chuyện ăn; chuyện ngủ.	- Ngồi - Không vì hiệp sĩ cũng không được, dù cả	- Không nếu thấy ngài ->..... chân thành. Chỉ cần 1 chút là, trừ phi	

	<p>..... giám mã Sự về c</p> <p>-> Lòng của bị chuyện</p> <p>nét, cách xử sự y cảm</p> <p>như</p> <p>->Đáng,</p> <p>đáng</p>	<p>=> Đôn Ki-hô-tê</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>=> Mặc dù chỉ là do lão t</p> <p>..... theo truyện</p> <p>nhưng cũng có thể thấy, Đôn Ki</p> <p>hô-tê là một người</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>=>Xan-chô Pan-xa</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
	<p>- Đến giờ ăn:</p> <p>.....</p>	<p>- Ung dung</p> <p>.....,</p> <p>cách ngon lành.</p> <p>- Chẳng nhớ gì</p> <p>lời</p>
	<p>- không ngu - Ngủ</p> <p>để</p> <p>.....</p> <p>- Không vì</p> <p>ngĩ cũng -Vừa ngủ đây,</p> <p>đủ no rồi. vớ</p>	
Tổng kết:	<p>1. NT: NT kể chuyện tô đậm sự giữa hai nhân vật.</p> <p>- Có giọng điệu</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>- Xây dựng tương phản.</p> <p>- Mỗi NV đều có những, xấu cần cho nhau.</p> <p>(Đây là cặp nhân vật bất hủ trong văn học.)</p>	

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức

1. Tóm tắt cảnh “Đánh nhau với cối xay gió” trong tác phẩm Đôn-ki-hô-tê của Xec-van-tex.
2. VB được kể bằng lời của ai? Kể ở ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi kể đó?
3. a. Có nhận xét cho rằng: ***Đôn ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió nhưng thực chất là đánh nhau với chính sự hoang tưởng của mình.*** Theo em, điều đó là đúng hay sai? Vì sao?
b. Qua nhân vật Đôn ki-hô-tê, nhà văn muốn bộc lộ thái độ gì đối với xã hội Tây Ban Nha?

III.Đề văn luyện tập :

Sự tương phản của thầy trò Đôn Ki-hô-tê và Xan – chô -Phan –xa trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió cho thấy những nét tốt xấu, hay dở của từng người. Phân tích đoạn trích để làm rõ.

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

I. Đề kiểm tra nhanh sau tiết học

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Xéc-van-tét là nhà văn nước nào?

- A. Đan Mạch
B. Mỹ
C. Tây Ban Nha
D. Bồ Đào Nha

Câu 2: Nhận xét nào đúng nhất về tiểu thuyết Đôn Ki-hô-tê của Xéc-van-tét?

- A. Là một tiểu thuyết nhại lại tiểu thuyết hiệp sĩ để chế giễu loại tiểu thuyết này.
B. Là một tiểu thuyết hiệp sĩ nhằm ca ngợi hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê.
C. Là một tiểu thuyết viết về giới quý tộc ở Tây Ban Nha thế kỉ XVI
D. Là một tiểu thuyết viết về mối quan hệ giữa giới quý tộc và nông thôn ở Tây Ban Nha thế kỉ XVI

Câu 3: Dòng nào nói đầy đủ nhất về ý nghĩa phổ biến của từ hiệp sĩ?

- A. Là người có sức mạnh
B. Là một người có lòng hào hiệp
C. Là người hay bênh vực kẻ yếu trong xã hội cũ
D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 4: Trong đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió*, bản thân Đôn Ki-hô-tê tự đánh giá cuộc giao tranh của mình với những chiếc cối xay gió như thế nào?

- A. Là một cuộc giao tranh lớn.
B. Là một cuộc giao tranh điên cuồng và không cân sức.
C. Là một cuộc giao tranh không phân thắng bại.
D. Là một cuộc giao tranh cân bằng giữa hai đối thủ.

Câu 5: Cách nào không phải là cách nhà văn dùng để làm nổi bật cá tính của Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa?

- A. Để cho nhân vật tự bộc lộ mình.
B. Để cho nhân vật này đánh giá về nhân vật khác.
C. Sử dụng biện pháp tương phản, đối lập.
D. Trực tiếp đưa ra những lời đánh giá về nhân vật.

Câu 6: Nội dung tư tưởng của đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió* là gì?

- A. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn thể hiện Đôn Ki-hô-tê vừa là một người đáng trách, vừa là một người đáng thương.
B. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn làm rõ sự tương phản về mọi mặt giữa Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa
C. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn nói lên những nét khác thường trong suy nghĩ và hành động của Đôn Ki-hô-tê
D. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn ca ngợi sự dũng cảm của Đôn Ki-hô-tê

2. Tự luận

Tại sao nói Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô-pan-xa là cặp nhân vật tương phản trong truyện “Đánh nhau với cối xay gió”? Từ hai nhân vật Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa trong truyện “Đánh nhau với cối xay gió”, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió được kể bằng lời của ai?

- A. Đôn Ki-hô-tê
- B. Xéc-van-tét
- C. Xan-chô Pan-xa
- D. Các nhân vật khác

Câu 2: Sự việc nào không phải là sự việc chính được Xéc-van-tét nói đến trong đoạn trích?

- A. Việc nhìn thấy và nhận định về những chiếc cối xay gió của Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa
- B. Thái độ và hành động của mỗi người trước cối xay gió
- C. Đôn Ki-hô-tê bắn khoăn và hỏi ý kiến Xan-chô Pan-xa xem có nên đánh những chiếc cối xay gió hay không?
- D. Quan niệm về cách xử sự của mỗi người xung quanh chuyện ăn ngủ

Câu 3: Theo em, vì sao Đôn Ki-hô-tê không để ý đến chuyện ăn, ngủ?

- A. Vì Đôn Ki-hô-tê muốn nhường đồ ăn và canh gác cho Xan-chô Pan-xa ngủ.
- B. Vì Đôn Ki-hô-tê không muốn có thói quen sinh hoạt như người bình thường.
- C. Vì Đôn Ki-hô-tê muốn mình giống với các hiệp sĩ giang hồ khác, chỉ nghĩ đến tình nương là đủ.
- D. Cả 3 ý trên đều đúng.

Câu 4: Dòng nào thể hiện đầy đủ kết quả cuộc đánh nhau của Đôn Ki-hô-tê với cối xay gió?

- A. Chiến khiên bị vỡ tan tành, ngọn giáo bị quăn, người và ngựa không việc gì.
- B. Ngọn giáo gãy tan tành, chiếc mũ bị văng ra xa, thanh kiếm bị mẻ.
- C. Cả người và ngựa ngã văng ra xa, ngựa bị toạc vai, ngọn giáo gãy tan tành
- D. Ngọn giáo gãy tan tành, chiếc khiên bị vỡ đôi, con ngựa bị què chân.

Câu 5: Câu nói sau của Đôn Ki-hô-tê giúp em hiểu gì về con người lão?

"...ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ, dù xỏ cả gan ruột ra ngoài".

- A. Đây là một người hoàn toàn không biết sợ một ai hay một thế lực nào.
- B. Đôn Ki-hô-tê coi thường tất cả mọi sự đau đớn.
- C. Đôn Ki-hô-tê muốn noi gương các hiệp sĩ giang hồ.

D. Đôn Ki-hô-tê đang cố tỏ ra không đau đớn trước mặt Xan-chô Pan-xa.

Câu 6: Nội dung tư tưởng của đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió* là gì?

A. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn làm rõ sự tương phản về mọi mặt giữa Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa

B. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn thể hiện Đôn Ki-hô-tê vừa là một người đáng trách, vừa là một người đáng thương.

C. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn nói lên những nét khác thường trong suy nghĩ và hành động của Đôn Ki-hô-tê

D. Thông qua sự việc đánh nhau với cối xay gió, tác giả muốn ca ngợi sự dũng cảm của Đôn Ki-hô-tê

2. Tự luận

Tại sao nói Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô-pan-xa là cặp nhân vật tương phản trong truyện “Đánh nhau với cối xay gió”?
Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật đó có ý nghĩa gì?

ĐÁP ÁN PHIÊU ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

VĂN BẢN: ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Ngôi kể
- Mighen Đơ Xec-van-tec Xaavêdora (1547- 1616) là tiểu thuyết gia, nhà thơ và nhà soạn kịch Tây Ban Nha. Ông đã từng là binh sĩ có cuộc đời nghèo túng. - Tác phẩm tiêu biểu của ông là tiểu thuyết <i>"Đôn ki hô tê"</i> .	Tiểu thuyết <i>"Đôn ki hô tê"</i> gồm 126 chương, gần 1000 trang, tên tác phẩm là nhân vật trung tâm. + Phần 1: 52 chương - XB 1605 + Phần 2: 74 chương - XB 1615 - Văn bản được trích ở phần 1 chương 8/126	Tiểu thuyết	Thứ nhất
	Bố cục		
	- PI: <i>Từ đầu... cân sức</i> : Thầy trò Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô-pan-xa nhìn thấy và nhận định về những chiếc cối xay gió. - Phần II: Tiếp... <i>"toạc nửa vai"</i> : Thái độ và hành động của mỗi người. - Phần III: Còn lại: Quan niệm và cách xử sự của mỗi người khi bị đau đớn, về chuyện ăn, chuyện ngủ		

I.2 Nội dung và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
- Xây dựng cặp nhân vật tương phản. - Mỗi NV đều có những mặt tốt, xấu cần bổ sung cho nhau.	NT kể chuyện tô đậm sự tương phản giữa hai hình tượng nhân vật. - Có giọng điệu phê phán, hài hước.

I.3. Phân tích

1. Đôn Kihôtê và Xan chô Pan-xa khi gặp cối xay gió	Đôn-ki-hô-tê	Xan-chô-pan-xa	Nhận xét
- Xuất thân:	dòng dõi quý tộc.	nông dân	Sự tương phản đối lập về xuất thân, ngoại hình, tư tưởng
- Ngoại hình:	gầy gò, cao lênh khênh, cười con ngựa còm	Béo lùn, cười con ngựa thấp tè.	
- Tư tưởng:	Làm hiệp sĩ lang thang để tiểu trừ quân gian ác, giúp đỡ người lương thiện.	Khi Đ công thành danh toại sẽ ban cho mình chức quan thống đốc cai trị vài hòn đảo..	
- Nhìn thấy cối xay gió	<i>những tên khổng lồ ghê ghớm, cánh tay dài ngoẵng, sau đó Đôn tưởng là pháp thuật của pháp sư Phơ re xtôn.</i>	Khăng định: “chẳng phải tên khổng lồ, chỉ là cối xay gió”.	những suy nghĩ của Đôn không phải hoàn toàn là tiêu cực vì: thể hiện lí tưởng chiến đấu cao quý, kiên định, tinh thần dũng cảm, dám đương đầu với kẻ thù mạnh hơn gấp bội, sẵn sàng hy sinh vì lí tưởng-> Điểm đáng quý, đáng trân trọng
	-> Không bình thường, vì nghĩ mình là 1 hiệp sĩ thực sự-ảnh hưởng của truyện kiếm hiệp ->buồn cười	-> Con người thực tế, bình thường, mộc mạc như bao người dân khác, nhìn nhận sự việc đúng như nó vốn có.	
2. Cuộc giao chiến với cối xay gió.	- Hành động Đôn <u>thét</u> lớn, <u>thúc</u> con ngựa xông lên, <u>phi</u> thẳng, <u>đâm</u> mũi giáo vào cánh quạt.	- Can ngăn	Đôn-ki-hô-tê -> Nghị lực, lòng dũng cảm kiên cường, niềm tin tưởng vào vinh quang khi chiến thắng cái ác cái xấu ->Điểm đáng quý Xan-chô-pan-xa -> Rất tinh táo và thực tế, an ủi chủ với giọng thương xót, chân
- Kết quả	<i>ngọn giáo tan tành, người và ngựa văng ra xa,nằm không cử động, ngựa toạc nửa vai.</i>	-Thúc lừa đến cứu	
Suy nghĩ	- Phản đối, cho rằng đó là do pháp sư biến hoá - <i>nhưng rồi...sẽ không thể đòi chọi với thanh kiếm của ta</i> (vẫn tin tưởng vào chiến thắng vinh quang)	- Nói rõ đó là những chiếc cối xay gió và cầu chúa phù hộ cho Đôn.	
3.Cách xử sự của mỗi	- Ngồi vẹo sang 1 bên	- Không yên lòng nếu	

người khi bị đau đớn, về chuyện ăn; chuyện ngủ.	<p>- Không kêu đau vì hiệp sĩ bị thương cũng không được rên rỉ, dù xỏ cả ruột gan ra ngoài. -> Lòng can đảm, nét anh hùng, cách xử sự y như trong sách. ->Đáng cười, đáng thương.</p>	<p>thấy ngài rên la.. -> thương chủ chân thành. - Chỉ cần hơi đau 1 chút là tôi rên rỉ ngay, trừ phi giám mã của hiệp sĩ bị cấm không được rên rỉ. ->Thật thà, chất phác, hồn nhiên.</p>	<p>Sự tương phản đối lập về cả chuyện ăn ngủ</p> <p>=> Đôn Ki-hô-tê ảo tưởng hảo huyền, hành động điên rồ ⇒ Mặc dù chỉ là do lão tự tưởng tượng theo truyện hiệp sĩ nhưng cũng có thể thấy, Đôn Ki-hô-tê là một người yêu say đắm, chung thủy. =>Xan-chô Pan-xa có tâm hồn chất phác hồn nhiên, thực tế, tham lam, thích danh vọng hảo huyền.</p>
	<p>- Đến giờ ăn: chưa cần ăn</p>	<p>- Ung dung đánh chén, tu rượ 1 cách ngon lành. - Chẳng nhớ gì lời hứa hẹn của chủ...</p>	
	<p>-Suốt đêm không ngủ để nghĩ tới tình nương - Không ăn sáng vì nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi.</p>	<p>- Ngủ một mạch đến sáng. -Vừa ngủ dậy, vớ bầu rượ.</p>	
Tổng kết:	<p>1. NT: NT kể chuyện tô đậm sự tương phản giữa hai hình tượng nhân vật. - Có giọng điệu phê phán, hài hước. 2. Nội dung: - Xây dựng cặp nhân vật tương phản. - Mỗi NV đều có những mặt tốt, xấu cần bổ sung cho nhau. (Đây là cặp nhân vật bất hủ trong văn học.)</p>		

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức

1. Tóm tắt cảnh “Đánh nhau với cối xay gió” trong tác phẩm Đôn-ki-hô-tê của Xec-van-tex.

Bài làm:

Đôn-ki-hô-tê lại dẫn thân vào chinh chiến. Thầy cưỡi ngựa đi trước, trò cưỡi lừa theo sau. Chợt nhìn thấy ba bốn chục cối xay gió giữa đồng, Đôn-ki-hô-tê cho đó là lũ khổng lồ hung tợn phải xông ra kết liễu đời chúng. Nhất định sẽ giàu to, sau khi đánh thắng thu chiến lợi phẩm. Mặc cho giám mã Xan chô-Pan xa can ngăn, Đôn-ki-hô-tê vẫn hăng máu thúc con chiến mã Rô-xi-nan-tê xông lên. Vừa lúc ấy, gió thổi mỗi lúc một mạnh. Lão hiệp sĩ vừa hét lớn vừa xông vào bắt bọn khổng lồ đền tội! Gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, cả người lẫn ngựa ngã chổng kèn ra đất. Giám mã thúc lừa tới cứu thì thấy chủ nằm không cựa quậy sau cái ngã như trời giáng. Sau khi hồi tỉnh, Đôn-ki-hô-tê cho rằng Pháp sư Phơ-re-xtôn đã đánh cắp thư phòng và sách vở của mình, nay lại tước mất phần vinh quang chiến thắng.

Xan chô vực Đôn-ki-hô-tê ngồi lên ngựa, hai người lại tiếp tục tiến lên. Tuy buồn phiền về việc mất ngọn giáo, nhưng Đôn-ki-hô-tê vẫn cảm khái nhắc lại chuyện hiệp sĩ Va-gax lúc chiến đấu bị gãy gươm đã nhổ cây sồi làm vũ khí, giết được bao quân giặc Mô-rô, trở thành ‘hiệp sĩ diệt địch’ lừng danh. Đôn-ki-hô-tê cao hứng nói mình sẽ nhổ một cây sồi làm vũ khí và sẽ lập nên những chiến công mới phi thường.

Hai thầy trò nói chuyện. Thầy tuyên bố mình không kêu đau vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương cũng không được rên rỉ. Còn giám mã thì được Đôn-ki-hô-tê cho phép cứ việc rên la vì cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngăn cấm cả.

Đến bữa ăn, thầy bảo chưa muốn ăn, còn giám mã ngồi trên mình lừa ăn một cách khoát trá, tu rượu ngon lành. Xan tro Pan xa cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu tuy có nguy hiểm song không đến nỗi vất vả!

Đêm đó, hai thầy trò ngủ dưới gốc cây. Đôn bê một cành khô lấp vào cán gậy làm thành một ngọn giáo. Suốt đêm thao thức chỉ nhớ tới nàng. Xan thì ngủ một giấc đến sáng, vừa mở mắt đã tu rượu chỉ lo bầu rượu đã vơi khó tìm được nơi mua rượu, còn hiệp sĩ không ăn sáng vì theo lão nói chỉ cần nghĩ đến người yêu cũng no rồi

2. VB được kể bằng lời của ai? Kể ở ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi kể đó?

- VB được kể bằng lời của nhà văn Xéc-van-tét.
- Ngôi thứ 3: sự việc kể k. quan, người kể chuyện q. sát thấy được hết mọi hành động của nh. vật.

3. a. Có nhận xét cho rằng: **Đôn ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió nhưng thực chất là đánh nhau với chính sự hoang tưởng của mình**. Theo em, điều đó là đúng hay sai? Vì sao?

- Đầu óc Đôn Ki-hô-tê mụ mẫm, hoang tưởng đến mức không thể nhận thức được sự thật.
- Do đó, lão ta lao vào đánh nhau với những chiếc cối xay gió mà lại cứ nghĩ rằng đang làm được một việc vĩ đại: diệt trừ những tên khổng lồ xấu xa.

b. Qua nhân vật Đôn ki-hô-tê, nhà văn muốn bộc lộ thái độ gì đối với xã hội Tây Ban Nha?

- Chế giễu tàn dư của lý tưởng hiệp sĩ còn tồn tại trong xã hội Tây Ban Nha thời phục hưng: đã kích những thị hiếu tầm thường trong công chúng.
- Phản ánh đầy đủ và chân thực nhiều mặt của xã hội Tây Ban Nha với nhiều con người, nhiều tính cách.

III. Đề văn luyện tập :

Sự tương phản của thầy trò Đôn Ki-hô -tê và Xan – chô -Phan –xa trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió cho thấy những nét tốt xấu, hay dở của từng người. Phân tích đoạn trích để làm rõ.

Dàn ý

A. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Đôn-ki-hô-tê và đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió.
- Hai thầy trò Đôn-ki-hô-tê và xan-cho-Pan-xa có nhiều nét tương phản tạo nên tiếng cười đặc sắc của tác phẩm.

B. Thân bài:

1. Tổng:

- Tóm tắt vị trí đoạn trích trong tác phẩm
- Khái quát ý nghĩa bao trùm trong đoạn trích làm nổi bật sự tương phản của hai thầy trò

2. Phân:

a. Sự khác nhau trong nhận thức: Đôn-ki-hô-tê nhìn những chiếc cối xay gió thành ba bốn chục tên khổng lồ và hăm hở trước thử thách để chứng tỏ lòng can đảm hiệp sĩ. Xan cho-Pan xa tỉnh táo nói rõ cho thầy nhưng không ngăn cản được ý định điên rồ của Đôn-ki-hô-tê

b. Cuộc chiến đấu với những cối xay gió: kết cục đậm tính bi hài kịch, khi ảo tưởng hiệp sĩ chuốc lấy hậu quả thảm thương. Nhưng cũng giúp ta nhận ra lòng quả cảm thực sự của chàng hiệp sĩ đối lập với thái độ cầu an thân nhiên của giám mã.

c. Lời cảnh tỉnh của Xan chô: Thái độ chế giễu của tác giả trước lí tưởng hiệp sĩ lỗi thời. Sự điên rồ quá mức của Đôn-ki-hô-tê khi không chấp nhận thất bại cũng là minh chứng cho lòng kiên trì, trung thành với lí tưởng cao đẹp

d. Sự khác biệt trong tính cách hai thầy trò: Câu chuyện trên đường đi cùng với những sự phân biệt mang màu sắc hài hước giữa hiệp sĩ và giám mã. Xan cho hiện ra là một gã nông phu tầm thường bị dục vọng chi phối, chỉ lo hưởng thụ. Còn Đôn-ki-hô-tê là hiện thân của một lí tưởng viễn vông thiếu thực tế.

3. Hợp:

- Đánh giá ý nghĩa của đoạn trích, rút ra những nhận xét tốt xấu, hay dở của hai nhân vật.
- Đánh giá tư tưởng của tác giả: Một mặt châm biếm ảo tưởng phi thực tế, mặt khác đối lập giữa lí tưởng nhân văn với dục vọng đậm bản năng.

C. Kết bài: Nêu cảm nhận về ý nghĩa đoạn trích, rút ra bài học từ sự khác biệt của hai nhân vật, hướng tới sự hoàn thiện nhận thức, hành động và tình cảm.

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1**GỢI Ý****1. Trắc nghiệm**

1	2	3	4	5	6
C	A	D	B	D	B

2. Tự luận

- Sự tương phản về mọi mặt giữa Đôn Ki- hô- tê và Xan- chô Pan- xa tạo nên một cặp nhân vật bất hủ trong văn học, Đôn Ki- hô-tê nực cười nhưng có nhiều phẩm chất đáng quý, Xan-chô Pan -xa có những mặt tốt song cũng bộc lộ nhiều điểm đáng chê trách.

- Bài học rút ra từ hai nhân vật trong truyện là:

+ Cần sống có ước mơ, lí tưởng cao đẹp, hướng tới chính nghĩa nhưng không nên xa rời thực tế với những ý nghĩ hão huyền.

+ Yêu thích đọc sách nhưng nên biết lựa chọn sách tốt để đọc và học tập.

+ Cần biết sống cho cả hiện tại, không nên chỉ sống trong hoài niệm cùng những lí tưởng viển vông.

+ Sống thực tế, tinh táo nhưng không nên có cái nhìn quá thực dụng, ích kỉ

ĐỀ 2**1. Trắc nghiệm**

1	2	3	4	5	6
B	C	D	C	C	A

2. Tự luận

- Sự tương phản về mọi mặt giữa Đôn Ki- hô- tê và Xan- chô Pan- xa tạo nên một cặp nhân vật bất hủ trong văn học, Đôn Ki- hô-tê nực cười nhưng có nhiều phẩm chất đáng quý, Xan-chô Pan -xa có những mặt tốt song cũng bộc lộ nhiều điểm đáng chê trách.

- Hai tính cách trên tương phản nhau nhưng lại không mâu thuẫn; trái lại bổ sung cho nhau. Thực tế tác phẩm cho thấy trong các cuộc phiêu lưu mạo hiểm hiệp sĩ Đôn-ki-hô- tê luôn luôn có giám mã Xan-chô Pan-xa đi theo phục vụ. Và hai người sống với nhau rất hòa thuận, gắn bó. Tách riêng ra, mỗi tính cách đều phiến diện (lệch lạc), cực đoan (thái quá) không thể tồn tại mà không gặp khó khăn và thất bại- nhất là những lúc đứng trước thử thách lớn. Đi đôi với nhau, nương tựa vào nhau, chúng hạn chế được những mặt yếu, phát huy được những mặt mạnh, trở thành một khối thống nhất vững chắc trong mọi suy nghĩ, sinh hoạt và hành động.

V. THAM KHẢO**Cặp nhân vật lưỡng hóa Don Quixote và Sancho Panza - sáng tạo độc đáo của Cervantes****Đỗ Hải Phong -**

Tuy nhiên, phần lớn các nhân vật xuất hiện trong tác phẩm hoặc nằm ở rìa của mạch cốt truyện, chỉ có ý nghĩa hỗ trợ cho ý thức của nhân vật chính, hoặc thuộc về thế giới xám nhờ của đời thường và “đóng vai trò không hơn đàn cừ hay những chiếc cối xay gió mà Don Quixote phải đương đầu” [3, tr. 354]. Nổi bật lên trên các nhân vật phụ hỗ trợ và cái nền xám nhờ ấy là cặp nhân vật trung tâm Don Quixote và Sancho Panza.

Về cặp nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết của Cervantes, nhà thơ Đức H. Heine có viết: “Hai nhân vật mang tên Don Quixote và Sancho Panza không ngừng nhại lại nhau nhưng đồng thời hỗ trợ cho nhau một cách kỳ lạ để gộp lại với

nhau thành nhân vật chính của tiểu thuyết, hai nhân vật này chứng tỏ linh cảm nghệ thuật và chiều sâu trí tuệ của nhà văn”.

Hiện tượng hai nhân vật “nhại lại nhau, nhưng đồng thời bổ trợ cho nhau... gộp lại với nhau” trong văn học được các nhà lý luận phê bình gọi là nghệ thuật *lưỡng hóa* (*dédoublment*). Tuy nhiên, ngoài ý nghĩa đó ra, thuật ngữ “lưỡng hóa” còn có thể được dùng để chỉ thủ pháp tạo dựng “hai con người”, hai tính cách trong một nhân vật. Cặp nhân vật Don Quixote và Sancho Panza còn ứng với cả nghĩa thứ hai này của “lưỡng hóa”: trong Don Quixote dường như tồn tại “hai con người” và cả Sancho Panza cũng vậy.

Cặp nhân vật lưỡng hóa Don Quixote và Sancho Panza là một sáng tạo độc đáo của Cervantes. Không đơn thuần là một thủ pháp hình thức, cặp nhân vật này còn mang trong mình cả giải pháp cho vấn đề chính mà tác phẩm đặt ra - vấn đề thực tế và lý tưởng.

Thông qua việc khảo sát những nét tương phản và tương đồng của cặp nhân vật Don Quixote và Sancho Panza ở dạng đối sánh tĩnh tại cũng như trong quá trình vận động của hai nhân vật theo mạch phát triển của cốt truyện, trong bài viết này chúng tôi muốn làm sáng tỏ cơ cấu và chức năng của cặp nhân vật này, đồng thời góp một tiếng nói vào cách hiểu tác phẩm vĩ đại của Cervantes.

1. Những tương phản và tương đồng khởi thủy

Trong lần ra đi thứ nhất Don Quixote chưa có giám mã theo hầu. Trang bị cho mình tên tuổi, ngựa chiến, giáp trụ, vũ khí, hình ảnh người phụ nữ lý tưởng của trái tim, Don Quixote tưởng là đã đủ để ra đi “trả thù cho những người bị xúc phạm, bênh vực kẻ yếu hèn, uốn nắn những điều sai trái, phi lý, đã phá mọi lạm dụng bất công” (*Don Quixote* phần I, chương 2 - Sau đây chúng tôi sẽ dùng tắt chữ số La mã và Ả-rập để chỉ xuất xứ đoạn trích dẫn từ *phần* và *chương* nào của tác phẩm). Phải cho đến lúc lão chủ quán mà Don Quixote nghĩ là “quan trấn thành”, trước khi làm lễ tấn phong tước hiệp sĩ cho chàng, nhắc chàng nhớ đến điều “hiển nhiên” là các hiệp sĩ giang hồ đều cần phải có “giám mã” cũng như “tiền và các thứ cần thiết khác như băng cuốn, thuốc cao” (I, 3), bấy giờ chàng hiệp sĩ mới bắt đầu ý thức về cái mình còn thiếu cho cuộc hành trình. Don Quixote “quay ngựa về làng” ngay để lấy “những vật dụng cần thiết, đặc biệt là tiền nong và áo sơ mi, đồng thời kiếm một giám mã theo hầu”, “Chàng định tâm chọn bác nông dân ở cạnh nhà, bác này nghèo và đông con nhưng làm giám mã cho hiệp sĩ thì thật là hợp” (I, 4). Sancho Panza bắt đầu xuất hiện trong tác phẩm như sự bổ sung cái thuần túy vật chất vào hành trang vốn thuần túy tinh thần của Don Quixote. Bổ sung như vậy cũng có nghĩa là đối sánh bởi những nét tương phản được nhấn mạnh như các đối cực.

Những nét tương phản này được Cervantes làm nổi bật ngay từ những chặng đường đầu tiên của cuộc ra đi lần thứ hai, khi Don Quixote và Sancho Panza bắt đầu sóng đôi nhau trên dặm đường thiên lý.

Trước hết là sự tương phản về hình thức bên ngoài.

Về thể chất: Don Quixote cao và gầy ngẳng, Sancho Panza bụng phệ (“panza” tiếng Tây ban nha có nghĩa là “bụng phệ”), mình ngắn, chân chim;

Về phương tiện di chuyển: Don Quixote cưỡi trên con ngựa Rocinante gầy còm, Sancho Panza ngồi trên lưng con lừa Xám chắc nịch;

Về vật dụng hộ thân: Don Quixote mặc giáp trụ, mang ngọn thương dài, Sancho Panza đeo bầu rượu và cái túi hai ngăn đựng thức ăn, thuốc cao và những đồ dùng sinh hoạt.

Các cặp phạm trù “cao - thấp”, “dài - tròn”, “gầy - béo”, “vật dụng và phương tiện chiến đấu - vật dụng và phương tiện sinh hoạt” không chỉ được dùng để phân vai cho hai nhân vật “hiệp sĩ - giám mã”, chúng còn tạo ấn tượng tương phản giữa hai quan niệm sống khác nhau.

Quả vậy, sự tương phản không chỉ dừng ở phương diện hình thức bên ngoài. Ở đâu tác phẩm Don Quixote dường như hoàn toàn sống trong thế giới tưởng tượng của những tiểu thuyết hiệp sĩ phi thực tế, còn Sancho Panza thì dường như chỉ lo đến chuyện no bụng. Don Quixote luôn nghiêm túc, Sancho Panza luôn tếu táo. Don Quixote xông xáo, nhiệt tình, không quan tâm đến thực tế sinh hoạt, lại hiểu biết rất nhiều những vấn đề trừu tượng, nói năng lưu loát, thẳng thắn, nhưng bằng thứ ngôn ngữ cầu kỳ, kiểu cách, sách vở, còn Sancho Panza thụ động, lại có cái nhìn hết sức thực tế, nói năng quần quanh về những đề tài mang tính vật chất cụ thể với những câu thành ngữ tục ngữ chông chênh. Don Quixote luôn can thiệp vào chuyện người khác và biết quên mình vì lý tưởng, Sancho Panza tránh va chạm, lại luôn chỉ nghĩ đến

những quyền lợi vật chất của riêng mình. Don Quixote từng nói với Sancho Panza: “Anh sinh ra để ngủ, còn ta sinh ra để thức” (II, 68).

Don Quixote và Sancho Panza còn là sự tương phản mang tính lịch sử cụ thể giữa giai tầng trí thức quý tộc và nông dân ít học trong xã hội Tây Ban Nha thời bấy giờ. Mặc dù Don Quixote chỉ là một *hidalgo* (quý tộc nghèo) trong xã hội Tây Ban Nha lúc đó đã không còn được mấy người coi trọng, nhưng ý thức về khoảng cách xã hội với người nông dân Sancho Panza vẫn có. Khi lâm tường tiếng chày nện dạ là báo hiệu cho một cuộc phiêu lưu và bị Sancho Panza cười giễu, Don Quixote tuyên bố: “Có bắt buộc một hiệp sĩ như ta phải phân biệt được các âm thanh và biết tiếng chày nện dạ như thế nào không? Hơn nữa, thực ra ta có nhìn thấy cái chày nện dạ bao giờ; ta đâu thô lỗ như anh vốn sinh ra và lớn lên bên những cái chày đó” (I, 20).

Ở đầu tác phẩm, Don Quixote và Sancho Panza còn tương phản ở khả năng tưởng tượng, tư duy trừu tượng và khả năng nhìn thấy, tư duy cụ thể.

Don Quixote trên những chặng đường đầu tiên của cuộc phiêu lưu gần như sống hoàn toàn trong thế giới tưởng tượng của mình. Trong thế giới ấy không có Aldonza Lorenzo, chỉ có Dulcinea; không có quán trọ, chỉ có lâu đài; không có những chiếc cối xay gió, chỉ có những tên khổng lồ; không có những đàn cừu, chỉ có những đội quân... Chìm ngập trong thế giới của những cuốn sách hư cấu, Don Quixote áp đặt những điều đã đọc trên trang sách vào cuộc sống thực. Don Quixote dường như không thể hình dung được cuộc sống lại có thể khác những trang sách. Chàng hiệp sĩ ngỡ ngàng về những điều “chưa hề thấy sách nào nói tới” (I, 3). Don Quixote dường như không nhìn thấy, mà chỉ tưởng tượng ra, tất nhiên là trên cơ sở những cuốn sách đã đọc.

Sancho Panza ở đầu cuốn tiểu thuyết lại bắt đầu từ một cực khác. Thế giới của bác bó hẹp trong thực tế trần trụi. Sancho Panza nhìn thấy những gì cụ thể trước mắt, chứ không thể hình dung nổi thế nào là khái quát và tưởng tượng. Sancho Panza có lần kể cho Don Quixote nghe một câu chuyện về chàng chăn dê Lope ghen tuông bỏ người yêu ra đi. Bác tuyên bố: “Người kể với tôi nói rằng chuyện này hoàn toàn có thật, cho nên khi kể lại cho người khác, tôi có thể khẳng định và thề rằng tôi đã được nhìn thấy”. Chuyện bị bỏ dở ở đoạn Lope đưa đàn dê sang sông, vì Sancho Panza khi đếm từng con dê sang sông đã bị vấp, như bác nói: “Quên một con là hết chuyện” (I, 20).

Don Quixote và Sancho Panza dường như hai thái cực đối lập của một thể thống nhất. Don Quixote nhận thức mối quan hệ giữa mình và Sancho Panza như “đầu” với “thân”, “khi cái đầu đau, toàn thân cũng đau” (II, 2). Sự tương phản này vốn bắt nguồn từ tín ngưỡng văn hóa cổ xưa giữa trời và đất, tinh thần và vật chất, trừu tượng và cụ thể, mơ và thực, “phần trên” và “phần dưới”, theo cách nói của M.Bakhtin [1, tr. 314]. Đó còn là tương phản giữa văn hóa bác học và văn hóa dân gian, giữa cái cao siêu và thông tục, nghiêm nghị và tếu táo. Don Quixote, theo nhà nghiên cứu L.Pinsky, có nguồn gốc xa xôi từ hình tượng tráng sĩ trong anh hùng ca, biến thể qua tiểu thuyết hiệp sĩ. Còn Sancho Panza, cũng theo nhà nghiên cứu này, gợi nhớ hình tượng “chàng ngốc” trong truyện cổ, biến thể qua loại hình sân khấu dân gian bobo thế kỷ 16 ở Tây Ban Nha [3, tr. 350].

Mặc dù có những nét tương phản nói trên, Don Quixote và Sancho Panza vẫn “dường như cùng được rập theo một khuôn” (II, 2). Cặp nhân vật này còn có nhiều điểm tương đồng.

Cả Don Quixote và Sancho Panza đều có khát vọng đổi đời: Don Quixote muốn đoạn tuyệt với nếp sống tầm thường nhỏ hẹp của một *hidalgo*, Sancho Panza muốn đoạn tuyệt với cuộc sống nghèo khó ở nơi quê nhà. Ước mơ về “hòn đảo” và cuộc sống ấm no của Sancho Panza vốn bắt nguồn từ văn hóa dân gian cũng chính đáng như khát vọng lập chiến công vì mọi người của Don Quixote. Don Quixote và Sancho Panza có chung sự “ngây thơ” của cả hai ước mơ ấy. Chính điểm tương đồng này đã gắn bó hai thầy trò chàng hiệp sĩ, thúc đẩy họ lên đường.

Cả Don Quixote lẫn Sancho Panza đều là những tính cách lưỡng phân. Trong Don Quixote dường như có sự tráo đổi giữa hai con người: một điên rồ, một tỉnh táo. Cũng như trong Sancho Panza có sự tráo đổi qua lại giữa hai nét tính cách đối lập ranh mãnh và ngây thơ. Mối tương quan giữa sự điên rồ và tỉnh táo của Don Quixote thực chất phản ánh độ chênh giữa lý tưởng lập chiến công vì mọi người và sự xa rời thực tế đời sống của muôn người ở bên trong chàng hiệp sĩ quý tộc. Cũng như vậy, mối tương quan giữa cái khôn ngoan và ngốc nghếch của Sancho Panza phản ánh độ chênh giữa những toan tính vật chất vị kỷ và khát vọng đổi đời cho tất cả ẩn sâu ở bên trong người giám mã nông dân.

Là những tính cách lưỡng phân, cả Don Quixote lẫn Sancho Panza lại cùng không thể ý thức được sự phân tách giữa thế giới thực tế và tưởng tượng. Don Quixote tiếp cận với thế giới thực và ảo bằng tư duy nguyên hợp. Đối với chàng, giữa thế giới thực và thế giới hư cấu không có ranh giới. Don Quixote hình dung các nhân vật trong tiểu thuyết kiếm hiệp như những người thật có thể sống và hành động cùng với mọi người trong thế giới thực, khi biện luận chàng luôn xếp các nhân vật lịch sử có thật vào cùng một dãy với các hình tượng hư cấu làm người nghe “không khỏi ngạc nhiên thấy chàng lẫn lộn giữa cái thật và cái giả” (I, 49). Tương tự như vậy, vượt ra ngoài thực tế sinh hoạt đời thường, Sancho Panza không thể phân biệt được cô gái Dorotea với công chúa Micomicona, ra sức đi tìm cái đầu của “tên khổng lồ” - bao đựng rượu mà chủ mình chém đứt, hoàn toàn không ngạc nhiên khi đi toàn trên đường bộ tới nhậm chức ở một “hòn đảo”, sẵn sàng hòa giải thực tại với hư ảo để gọi cái chậu cạo râu (mà Don Quixote cướp của bác phó cạo vì cho đó là cái mũ trụ của tên khổng lồ Mambrino) là “cái chậu mũ trụ” (I, 44).

Chính “trò chơi” giữa thực và ảo diễn ra một cách tự nhiên với những kết hợp bất ngờ, những tráo đổi không có bước chuyển trung gian trong ý thức của Don Quixote và Sancho Panza đã làm nên nét độc đáo của cặp nhân vật này. Nhấn mạnh tư duy nguyên hợp và tính mâu thuẫn “ngây thơ” kỳ vĩ trong “bản tính tự nhiên” của ý thức con người trong Don Quixote và Sancho Panza, Cervantes đã phát huy chủ nghĩa nhân văn Phục hưng, mở ra cho cặp nhân vật này khả năng luôn luôn không trùng khít với chính mình, vượt lên trên chính bản thân mình, luôn luôn vận động và thay đổi.

2. Vận động “nghịch dị” và tác động tương hỗ của cặp nhân vật

M. Bakhtin gọi chủ nghĩa hiện thực thời Phục hưng là “chủ nghĩa hiện thực nghịch dị” (grotesque realisme) [1, tr. 312]. Theo Bakhtin, nghịch dị ở nghĩa gốc qua những hình chạm khắc trên tấm hoa văn cổ tìm thấy ở La mã thế kỷ 15 thể hiện “một phong cách đùa nghịch phi thường, kết hợp quái dị và tự do những hình ảnh thực vật, động vật và con người - chúng chuyển hóa lẫn vào nhau, cứ như cái này làm nảy nở cái kia” [1, tr. 324-325], “hình tượng nghịch dị thấu tóm hiện tượng trong trạng thái biến chuyển của nó, khi biến hóa chưa hoàn tất...” [1, tr. 316]. Hai đặc điểm nổi bật của hình tượng nghịch dị, theo Bakhtin, là “thái độ đối với thời gian, với sự hình thành” và “tính lưỡng trị” [1, tr. 317]. Nghịch dị hiểu theo nghĩa đó thực chất là sự kết hợp một cách quái dị những cái tưởng khó có thể kết hợp được trong một chỉnh thể động, chưa hoàn tất, các thành tố luôn chuyển hóa vào nhau để biến thể thành những kết hợp mới, đồng thời vẫn để lộ các cực của nó. Nghịch dị là loại hình tư duy nghệ thuật đặc trưng cho buổi giao thời, lúc cái mới và cái cũ còn đồng thời tồn tại với nhau trong những kết hợp quái dị của chúng. Trong công trình về Rabelais của mình, M. Bakhtin có liên hệ đến *Don Quixote* của Cervantes và coi cặp nhân vật Don Quixote và Sancho Panza là một cặp nhân vật nghịch dị [1, tr. 314]. Chất nghịch dị của cặp nhân vật Don Quixote và Sancho Panza thể hiện ở chất lưỡng tính, sự kết hợp kỳ quái các đối cực và vận động biến hóa, hình thành không ngừng của nó trong một chỉnh thể gây cười. Nhìn từ góc độ này, chúng ta có thể lý giải được vận động tính cách của cặp nhân vật Don Quixote và Sancho Panza.

Trước tiên đó vẫn là một sự hình thành, phát triển dọc theo chiều dài thời gian của mạch cốt truyện.

Ba nghìn dặm đường đi cùng nhau trên đất nước Tây Ban Nha đã làm cho cả Don Quixote lẫn Sancho Panza cùng biến đổi. Mỗi nhân vật với các cực ở bên trong đã tự có những vận động biến thái để không trùng khít với chính mình, đồng thời hai nhân vật tác động lẫn nhau và cùng chịu tác động của thực tế đời sống Tây Ban Nha trên mỗi bước đường phiêu lưu.

Don Quixote tiếp thu bài học thực tế đầu tiên của lão chủ quán và tìm được cho mình bác giám mã Sancho Panza - nhân vật bổ trợ tuyệt vời cho cái nhìn thiếu thực tế của chàng hiệp sĩ. Trên đường đi, thực tại đời sống tấn công vào thành lũy tưởng tượng của Don Quixote, bắt chàng phải nhìn thấy nó, thừa nhận cảm giác thực về nó. Những lời khuyên và những câu tục ngữ, thành ngữ của Sancho Panza góp phần không nhỏ vào cuộc tấn công đó. Sau khi giải cứu cho đoàn tù khổ sai, Don Quixote thú nhận với Sancho Panza: “Nếu ta nghe lời anh chắc không đến nỗi cay đắng như thế này... anh đừng nghĩ rằng ta ương ngạnh và không bao giờ chịu nghe lời khuyên can của anh, lần này ta sẽ nghe anh và sẽ tránh đòn sấm sét của đội Santa Hermandas mà anh lo sợ” (I, 23). Sau khi nghe Sancho Panza kể về cuộc gặp gỡ với nàng Dulcinea “hoi nặng mùi như đàn ông... đang sàng hơn một tạ lúa trong sân nhà” (Sancho Panza bịa ra cuộc gặp gỡ này dựa trên những hiểu biết của mình về Aldonza Lorenzo), Don Quixote chỉ còn có thể bấu víu vào “sự phù phép” để gìn giữ thế giới tưởng tượng đang lung lay của mình và hỏi ý kiến Sancho Panza: “Theo ý anh, ta phải làm gì?” (I, 31). Đến đầu phần II của cuốn tiểu thuyết Don Quixote không còn gọi quán trọ là lâu đài nữa và chịu nghe lý luận “vững chắc” của Sancho Panza để thay đổi quyết định đánh nhau với một gánh hát (II, 11). Trong cuộc gặp gỡ với “nàng Dulcinea và hai cô hầu gái” ở Toboso (do Sancho Panza ứng tác để lừa chủ), Don Quixote bắt đầu căng mắt ra mà chỉ “nhìn thấy” đó là ba cô thôn nữ cười lừa. Cuối cùng, mặc dù đã gắng gượng giải thích tất cả bằng “sự phù phép”, chàng hiệp sĩ vẫn không thể rũ bỏ ấn tượng về “mùi tỏi sống” toát ra từ các cô gái đó (II, 10). Tất cả những điều trông thấy, cảm thấy trong thực

tế đã dẫn Don Quixote tới giấc mơ ở dưới hang Montesinos. Trong giấc mơ, Don Quixote được nghe hồn ma của chính hiệp sĩ Montesinos kể chuyện ông ta nhận lời đem trái tim “phải nặng tới một cân” của Durandarte về cho nàng Belerma và đã “bỏ một dúm muối vào quả tim cho khỏi có mùi”. Cũng chính trong giấc mơ đó, Don Quixote dường như nhận ra nàng Dulcinea trong số “ba cô gái quê vừa đi vừa nhảy nhót như những con dê trên cánh đồng xanh tốt”, rồi được nghe một trong hai cô gái cùng đi với Dulcinea thay mặt cho nàng hỏi vay sáu đồng real và “cầm đợ cái váy mới bằng sợi bông” (II, 23). Thực tại ủa cả vào giấc mơ “nhìn tận mắt, sờ tận tay” của nhân vật. Thực tế cuộc sống nhàn rỗi, bị lãng nhục và mất tự do trong tòa lâu đài công tước làm Don Quixote phải thốt lên câu nói nổi tiếng sau khi rời khỏi nơi đó: “Tự do, Sancho ạ, là một trong những món quà tặng quý giá nhất mà trời ban cho con người: không có kho báu nào dù là ở trong lòng đất hay dưới đáy biển có thể sánh được với nó. Vì tự do, cũng như vì danh dự, người ta có thể hy sinh cả tính mạng, và sự mất tự do là điều bất hạnh lớn nhất trong tất cả những điều bất hạnh có thể xảy ra với con người” (II, 58). Đó không chỉ đơn thuần là lời trích dẫn từ trang sách ngụ ngôn Ezop nữa, mà còn là chân lý đã được trải nghiệm qua thực tế mất tự do của chàng hiệp sĩ. Hơn thế, ở cuối tác phẩm, Don Quixote còn có thể kết hợp được kiến thức bác học với trí tuệ dân gian. Don Quixote thường chê Sancho Panza làm hỏng ngôn ngữ và là “cái bị chứa đầy tục ngữ”, vậy mà có lúc lại phải nhờ Sancho Panza tìm cho một câu tục ngữ thích hợp để thể hiện ý tưởng, có lúc lại còn tự hào với Sancho Panza: “Ta dùng tục ngữ không kém gì người”. Sancho Panza cũng nhận thấy điều đó: “Ngài mắng tôi hay dùng tục ngữ mà ngài cứ tuôn ra từng cặp” (II, 67). Sách vở, trí tuệ nhân dân và thực tế cuộc đời gặp nhau ở đó. Lý tưởng được thực tế hóa, hay nói cách khác, Don Quixote đã được “Sancho Panza hóa”.

Cũng trên đường đi, Sancho Panza mặc dù nhận thấy đầu óc ông chủ của mình “quay cuồng như cối xay” (I, 8), nhưng “cuối cùng cũng tin” những lời nói “có sức thuyết phục” của Don Quixote (I, 18). Sancho Panza gắn bó với ông chủ của mình một cách kỳ lạ. Sancho Panza tuyên bố khi nghĩ đến chuyện phiêu lưu làm giàu: “Tôi dễ dàng vượt qua mọi khó khăn cùng ông chủ ngốc nghếch của tôi mà tôi biết chắc là một kẻ điên chứ chẳng phải hiệp sĩ gì hết”, nhưng cũng nhận định về Don Quixote: “Ông không biết làm hại ai, chỉ làm tốt cho mọi người... Tôi yêu, tôi quý ông cũng chỉ vì cái nét hiền lành đó” (II, 13). Dần dần Sancho Panza đi tới chỗ đánh giá Don Quixote “không rồ dại mà quật cường” (II, 17) và phân biệt Don Quixote với “cả lò hiệp sĩ giang hồ ngu ngốc thời xưa”: “Về những hiệp sĩ giang hồ thời nay, tôi không có ý kiến; tôi kính trọng họ vì ngài nằm trong số đó, và tôi cũng hiểu rằng trí tuệ của ngài hơn hẳn con quỉ ở một điểm mỗi khi ngài phát biểu hay suy nghĩ” (II, 28). Trí tuệ của Don Quixote làm sống dậy “trí tưởng tượng khô cằn” của Sancho Panza. Khi kể về sự kiện đưa thư cho nàng Dulcinea không có thật cho chủ nghe, Sancho Panza mới chỉ bịa ra trên hiệu biết thực tế. Đầu phần II của cuốn tiểu thuyết, trong cuộc gặp gỡ với ba cô thôn nữ cười lừa ở làng Toboso, Sancho Panza thậm chí đã có thể tưởng tượng và miêu tả cho Don Quixote thấy nàng Dulcinea là một trong ba cô thôn nữ ấy bằng ngôn ngữ của tiểu thuyết hiệp sĩ: “Bà và hai cô thị nữ đeo đầy ngọc ngà châu báu, mặc toàn những hàng gấm nhiễu thượng hảo hạng, rực cả một góc trời. Tóc họ xõa xuống vai giống như những tia mặt trời lung linh trước gió...” (II, 10). Không có khả năng tráo đổi hoàn toàn thực tại bằng tưởng tượng như Don Quixote, bác giám mã nông dân Sancho Panza tìm cách kết nối đồng thời hai bình diện này một cách độc đáo: “Lũ pháp sư xấu xa và độc bụng kia!.. Biến đôi mắt ngọc của bà chủ ta thành những mẩu cây sồi điển điển, biến mớ tóc vàng của bà thành những sợi lông đuôi bò đỏ hoe, biến những đường nét tuyệt đẹp thành xấu xí, như vậy chưa đủ sao? Nỡ nào lũ bay xúc phạm tới cả hương thơm trên người bà! Ít ra, khi ngửi mùi thơm đó, người ta có thể đoán được con người thật nấp dưới cái vỏ xấu xí bên ngoài. Riêng ta thấy bà chẳng những không xấu xí mà rất đẹp là đằng khác; đã vậy ở mép bên phải của bà có nốt ruồi với bảy tám sợi lông vàng nom hết như những sợi tơ vàng, dài tới hơn một gang tay, khiến bà đã đẹp lại càng xinh” (II, 10).

Chịu ảnh hưởng của tinh thần nhân văn chủ nghĩa trong những lời nói của Don Quixote lúc tỉnh táo, Sancho Panza không chỉ phát triển trí tưởng tượng, mà còn mở rộng vốn ngôn từ trừu tượng, và còn dần dần nhận thức thực tại được sâu hơn, vứt bỏ được phần nào những suy tính cá nhân vị kỷ, bộc lộ những suy nghĩ vì mọi người. Đầu phần II của cuốn tiểu thuyết, Sancho Panza đã có thể nói với vợ những lời thông thái đến mức tác giả, với tư cách là người dịch cuốn sách của hiền sĩ Hamete, cho rằng chương sách đó là giả bởi nó “vượt quá sức của bác” giám mã (II, 5). Trước khi Sancho Panza đi nhậm chức ở “hòn đảo” Barataria, Don Quixote khuyên nhủ Sancho Panza rất nhiều điều về sự bình đẳng giữa người với người, về lẽ công bằng, lòng nhân ái: “Đức hạnh phải do tu dưỡng mới có... tự nó có giá trị cao hơn dòng máu”; “Đừng để tình cảm riêng xen vào công việc tổ tụng của người khác kéo mất sáng suốt”; “Làm việc... không phải vì sức nặng của quả cáp mà vì sức nặng của lòng bác ái” (II, 42-43)... Mặc dù tuyên bố là “chẳng nhớ câu nào” trong số những lời dạy bảo của Don Quixote, nhưng khi vừa đến nhậm chức, Sancho Panza từ chối giới từ “don” quý tộc mà người ta gán cho: “Tôi không có “don” gì hết và cả họ nhà tôi cũng không hề có bao giờ... tất cả đều là Panza không cần thêm “don” hay “dona” gì cả” (II, 45). Trong thời gian làm thống đốc Sancho Panza đã cố gắng để “mang lại ánh sáng

cho tất cả mọi người”, xét xử mọi việc hết sức công bằng. Và con người vốn “chẳng có của cải tài sản nào khác ngoài những câu tục ngữ” dùng không đúng chỗ (II, 43) với những câu nói quần quanh giờ đây lại biện luận thông thái và bác học đến nỗi giám sát viên của công tước phải thốt lên: “Một người thất học như ngài, một chữ bẻ đôi cũng không biết, thốt ra những lời hay ho như vậy... không thể ngờ ngài tài giỏi đến thế” (II, 49). Vốn luôn mơ tưởng về chức thống đốc và dường như chỉ nghĩ đến danh lợi, vậy mà khi rời khỏi ghế thống đốc Sancho Panza đã có khả năng tuyên bố: “Các ngài hãy tránh ra để tôi được trở về với tự do trước kia của tôi... Tôi sinh ra không phải để làm thống đốc... Tôi quen với công việc cày cuốc, tia xén cành nhỏ hơn... Tay tôi cảm liềm hợp hơn cầm quyền trượng thống đốc... Tôi tới đây nhậm chức với hai bàn tay trắng và ra đi cũng với hai bàn tay trắng, khác hẳn những thống đốc các đảo khác thường làm...” (II, 53). Cái tếu táo dân gian tự phát của Sancho Panza ở đầu tác phẩm đến đoạn cuối đã trở thành tinh thần lạc quan được ý thức rõ ràng. Bác đã có thể an ủi chàng hiệp sĩ: “Kẻ bại trận hôm nay là người chiến thắng ngày mai” (II, 74). Cái nhìn thực tế của Sancho Panza được nâng lên tầm lý tưởng trong quá trình “Don Quixote hóa”. Chính điều này là cơ sở để nhà văn, nhà nghiên cứu M.Unamuno tuyên bố: “Chính Sancho cần phải khẳng định vĩnh viễn chủ nghĩa Don Quixote trên trái đất của chúng ta. Hỡi Hiệp sĩ cao quý, khi Sancho trung thành của chàng thắng yên cho Rocinante của chàng, khi bác ta đeo khiên và giương cao ngọn giáo của chàng, khi ấy chàng hồi sinh trong bác ta và khi ấy ước mơ của chàng sẽ thành hiện thực”

Vấn đề tất nhiên không phải ở sự đột biến của nhân vật, trong Sancho Panza vốn tiềm ẩn khả năng tưởng tượng, khát vọng đem lại no ấm cho mọi người, cũng như trong Don Quixote tiềm ẩn khả năng nhìn nhận thực tế và khả năng kết hợp tri thức bác học với trí tuệ nhân dân. Tác động qua lại giữa hai nhân vật làm cho những khả năng ấy được thực hiện và phát huy cao độ.

Tuy vậy, quá trình hình thành, phát triển tính cách của cặp nhân vật Don Quixote và Sancho Panza là một quá trình không hoàn tất, thể hiện tính lưỡng trị của những hình tượng nghịch dị.

Cho đến cuối tác phẩm, Sancho Panza vẫn không thoát khỏi những toan tính vật chất vì kỷ khi chịu nhận đòn ăn tiền để giải phù phép cho Dulcinea (II, 71), cũng như Don Quixote cho đến ngay trước khi ốm chết vẫn điên rồ định đi chặn cừu (II, 73). Tất nhiên, ảnh hưởng của “cái cũ” nằm trong ý thức nhân vật không còn đậm đặc như ở đầu tác phẩm. Song vận động ý thức của cặp nhân vật Don Quixote và Sancho Panza không hoàn toàn theo một đường thẳng liên tục, trong quá trình vận động luôn có thể có những biến thái bất ngờ. Độ chênh dù sao vẫn có, và độ chênh đó, một mặt, duy trì tiếng cười của độc giả cho đến cuối tác phẩm; mặt khác, thể hiện những kết hợp bất ngờ của “bản tính tự nhiên” trong bối cảnh lịch sử chung của buổi giao thời - thời đại Phục hưng.

Mang trong mình tính chất lưỡng hóa và nghịch dị, Don Quixote và Sancho Panza là cặp nhân vật vừa tương phản vừa bổ trợ cho nhau. Trên suốt ba nghìn dặm đường phiêu lưu trên đất nước Tây Ban Nha, chàng hiệp sĩ và giám mã của mình đã cùng nhận thức cuộc sống và ảnh hưởng lẫn nhau để điều chỉnh những mâu thuẫn bên trong mình. Dù chưa hoàn tất, nhưng đó là cả một quá trình ý thức và tự ý thức lớn lao. Quá trình “thực tế hóa lý tưởng” của Don Quixote và quá trình “nâng thực tế lên tầm cao lý tưởng” của Sancho Panza trong cuốn tiểu thuyết khẳng định giải pháp cho vấn đề lý tưởng và thực tế của Cervantes như sự tổng hòa lý tưởng nhân văn với trí tuệ dân gian thực tế mang tính nhân dân sâu sắc. Mặc dù không miêu tả trực tiếp thế giới nội tâm của nhân vật (đi sâu vào miêu tả nội tâm có thể làm cho tính cách hành động của Don Quixote trở nên không nhất quán), Cervantes vẫn có thể chỉ ra vận động bên trong của các tính cách phức tạp. Cuốn tiểu thuyết với kết cấu lồng ghép cổ xưa được thống nhất lại xung quanh cặp nhân vật trung tâm Don Quixote và Sancho Panza làm thành một trong những chỉnh thể tiểu thuyết ý thức đầu tiên của thời hiện đại.

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Ngôi kể
<p>.....</p> <p>- Là nhà văn chuyên viết</p> <p>.....</p> <p>- Đặc điểm truyện:</p> <p>.....</p> <p>Cách kể chuyện</p> <p>.....</p> <p>- TPC:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>“Chiếc lá cuối cùng” (The last Leaf) là</p> <p>..... Tác phẩm được in trong</p> <p>..... (The Trimmed Lamp) xuất bản năm</p> <p>Vị trí: Nằm ở</p> <p>.....</p>	<p>.....</p>	<p>- Ngôi kể:</p> <p>.....</p>
	Ý nghĩa nhan đề	Bố cục	
	<p>+ CLCC là</p> <p>.....</p> <p>+ CLCC là</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>+ CLCC là</p> <p>.....</p>	<p>- Đoạn 1: (từ đầu đến “mái hiên thấp kiểu Hà Lan”):</p> <p>.....</p> <p>- Đoạn 2: (tiếp đến “bồi dưỡng và chăm nom”):</p> <p>.....</p> <p>- Đoạn 3: còn lại:</p> <p>.....</p>	

I.2 Nội dung và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
<p>- Câu chuyện kể về</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- Nội dung truyện nhưng toát lên tinh thần đối với người</p> <p>- Cốt truyện</p> <p>.....</p> <p>- Nghệ thuật 2 lần</p> <p>- Kết thúc khắc sâu</p> <p>.....</p>

I.3. Phân tích

<p>1. Nhân vật Giôn-xi:</p>	* Hoàn cảnh:	<p>- Là</p> <p>- Mắc bệnh</p>	
	* Tâm trạng:	<p>- Khi bị bệnh</p> <p>+ Mở to thần thờ và ra lệnh</p>	<p>=> Những từ láy thể hiện sự</p>

		<p>+ Hnay nó sẽ thôi</p> <p>và em sẽ</p> <p>- Bị quan, gấn của mình với</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>⇒ Tinh thần</p> <p>.....</p>	
		<p>- Thái độ của Giôn-xi khi nhìn thấy chiếc lá cuối cùng không rụng:</p> <p>+ Thấy rằng</p> <p>.....</p> <p>+ Cho em xin,, đưa cho em</p> <p>+ Muốn vẽ</p> <p>⇒ Tâm trạng</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
		<p>-> Do sự</p> <p>....., chính bởi vậy nó đã làm cho</p> <p>..... hồi sinh.</p> <p>⇒ Con người cần phải có</p> <p>.....</p>	
	Nghệ thuật	<p>..... lần thứ nhất:</p> <p>.....</p>	
<p>2. Nhân vật</p> <p>Xiu:</p>	* Hoàn cảnh		
	* Tình cảm của Xiu dành cho Giôn-xi:	<p>- Hành động:</p> <p>+ Khi Giôn-xi bị bệnh:</p> <p>.....</p> <p>- ngó ra, nhìn cây</p> <p>+ Xiu sợ</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Khuôn mặt</p> <p>- Quấy rối cháo</p>	<p>=> Tình cảm</p> <p>→ thể hiện sự</p>
		<p>- Lời nói:</p> <p>+</p> <p>.....</p>	<p>→ Lời nói</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

		 +	
		- Xiu kể về của cụ Bơ-men bằng một giọng và ⇒ Thể hiện sự còn có cả sự khôn xiết.	
	⇒ <i>Xiu</i> ⇒ <i>Nhân vật Xiu làm cho ta</i>		
3. Cụ Bơ-men	* Hoàn cảnh	- - mơ ước → say mê, có lớn.	
	- Tình cảm cụ dành cho Giôn-xi	+ các đồng nghiệp trẻ + Lo lắng cho + Khi biết của Giôn-xi, cụ trên tường trong - Cụ qua đời vì	⇒ Sức mạnh của ⇒ Chiếc lá cuối cùng mà cụ Bơ-men được tạo ra từ
	Nghệ thuật	 lần thứ hai:	
4. Kiệt tác chiếc lá cuối cùng	- Đó là một bức vẽ đẹp hoàn hảo, giống thật đến nỗi cả Giôn-xi và Xiu đều bị nhầm tưởng đó là chiếc lá thường xuân thật đang cố bám níu trên bức tường gạch. - Nó đã cứu sống được Giôn-xi, mang lại nghị lực, khát vọng được sống cho cô họa sĩ trẻ đáng thương. Sau bao nhiêu gió bão, chiếc lá vẫn kiên cường bám trên bức tường gạch khiến cho Giôn-xi hiểu ra mình cần phải mạnh mẽ để sống tiếp. - Bức vẽ “Chiếc lá cuối cùng” ấy không chỉ đáng giá bằng tính mạng của Giôn-xi mà hơn thế nữa, nó còn được đánh đổi bằng chính tính mạng của cụ Bơ-men. Cụ đã dùng hết tâm huyết của mình, trong đêm gió bão để vẽ lên nó với hi vọng chiếc lá “giả” ấy có thể mang lại điều kì diệu. - Kiệt tác “Chiếc lá cuối cùng” ấy chính là biểu hiện cao đẹp nhất cho tấm lòng nhân hậu, đức hi sinh, lòng vị tha của cụ Bơ-men, cũng như tình yêu thương giữa những con người nghèo khổ đất Mỹ.		
Tổng kết:	1. Nghệ thuật:	+ Kết cấu + Kết hợp + Nhiều hấp dẫn, sắp xếp	

	2. Nội dung:	- Đề cao..... - Ca ngợi sức mạnh - Câu chuyện khép lại nhưng để lại dư âm mãi trong lòng người đọc về
--	---------------------	---

Tóm tắt tác phẩm

Cụ Bơ-men, Xiu và Giôn-xi là những họa sĩ nghèo sống ở trong một khu phố tồi tàn phía Tây Oa -sinh - tôn. Mùa đông lạnh giá Giôn- xi mắc bệnh viêm phổi, cô tin chắc rằng khi chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống thì cô sẽ lìa đời. Xiu nói điều này với cụ Bơ-men và hai người rất lo lắng. Mặc cho Xiu hết lòng chăm sóc, Giôn-xi vẫn bướng bỉnh giữ ý nghĩ kì quặc ấy. Nhưng lạ thay, sau một đêm mưa gió dữ dội, ngày sau nữa chiếc lá vẫn còn đó. Điều này khiến Giôn- xi thoát khỏi ý nghĩ về cái chết. Xiu cho Giôn- xi biết chiếc lá cuối cùng đó là bức tranh do cụ Bơ- men đã bí mật vẽ trong một đêm mưa gió để cứu Giôn- xi, trong khi đó chính cụ chết vì bị bệnh viêm phổi

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- *Chuyến đi xa xôi bí ẩn*:
- *Kiệt tác*:
- *Ánh hoàng hôn*:

2. Giải thích vì sao bức tranh Chiếc lá cuối cùng được coi là kiệt tác:

3. Chỉ rõ nghệ thuật đảo ngược tình huống 2 lần và nêu tác dụng.

4. Giôn – xi đáng thương hay đáng giận, từ suy nghĩ và hành động của Giôn –xi, em rút ra bài học gì trong cuộc sống?

5. Bức thông điệp mà văn bản gửi tới người đọc là gì?

III. LUYỆN TẬP

Phần 1(7d):Đọc đoạn văn:“ ..., em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng trên tường. Em có thấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ thấy nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ô, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ - men, - cụ vẽ nó ở đây vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng”.

(Trích “ Chiếc lá cuối cùng”. O. Hen - ri. Sách Ngữ văn 8. Tập một)

1. a. Xác định các trợ từ, thán từ có trong đoạn. Nêu rõ tác dụng của các từ đó.

b. Giải thích nghĩa của từ “ kiệt tác”? Và giải thích thật ngắn gọn: Tại sao Xiu lại gọi chiếc lá mà cụ Bơ - men vẽ vào cái đêm mưa gió đó là “ **kiệt tác của cụ Bơ - men**”?

2. Kết thúc bài viết “ Giá trị của lòng nhân ái trong cuộc sống hiện đại ”, một sinh viên có bình luận: “ *Nhà thơ Tố Hữu đã từng cảm thán mà thốt lên rằng:*

“ Có gì đẹp trên đời hơn thế,

Người với người sống để yêu nhau” khi ông nhận ra chính tình yêu thương chân thành giữa con người với con người khiến cuộc sống vốn dĩ đã đẹp để lại càng trở tốt đẹp và ý nghĩa hơn gấp trăm nghìn lần”.

a. Em có bằng lòng với vấn đề được đề cập tới trong bình luận trên không? Trình bày ý kiến của em trong khoảng 10 - 12 câu văn.

b. Trong đoạn, gạch chân một câu văn có sử dụng phép nói quá hoặc nói giảm, nói tránh.

Phần 2. Cho đoạn trích:

“ Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vui đập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả đêm,...vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng ở trên cây. **Ở gần cuối lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với**

rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn đứng cầm treo bám trên cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.”

- Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Tác phẩm đó thuộc thể loại gì?
- Giới thiệu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm mà em vừa nêu
- Câu văn in đậm trong đoạn văn trên sử dụng phép tu từ gì? Nếu tác dụng của phép tu từ đó.
- Từ “ô kìa!” trong đoạn trích trên thuộc từ loại gì? Nếu lược bỏ từ đó đi thì sắc thái biểu cảm của câu văn có bị ảnh hưởng không?

Phần 3. Cho câu văn: ***Chiếc lá cuối cùng mà cụ Bơ Men vẽ trong đêm mưa gió, cái đêm mà chiếc lá cuối cùng rụng, là một kiệt tác.***

- Phân tích kết cấu CN/VN của câu văn trên. Nếu xét về mặt ngữ pháp, câu văn trên thuộc kiểu câu gì?
- Dùng câu văn trên làm câu chủ đề, viết tiếp 10 – 12 câu nữa để tạo thành đoạn TPH làm rõ ý trên.(Chỉ rõ mottj câu cảm thán em dùng trong đoạn)

Phần 4: (4,0 điểm). Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vui đập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn đứng cầm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ

“Đó là chiếc lá cuối cùng”, Giôn-xi nói, “Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết”

(Ngữ văn 8, tập một, Nhà Xuất Bản Giáo Dục).

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Tác giả là ai? (0,5 điểm)

Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích trên là gì? (0,5 điểm)

Câu 3: Một trong những thành công của tác giả về mặt nghệ thuật của truyện ngắn có đoạn trích trên là đảo ngược tình huống hai lần. Hãy chỉ ra hai lần đảo ngược tình huống và tác dụng của nghệ thuật ấy trong truyện? (1 điểm)

Câu 4: Truyện ngắn có đoạn trích trên được coi là bức thông điệp màu xanh về tình yêu thương. Bằng hiểu biết của mình, em hãy viết đoạn văn dài khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ về tình yêu thương của con người trong cuộc sống (2 điểm)

ĐỀ LÀM VĂN

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Hãy chứng minh rằng: “ Với chiếc lá cuối cùng, Ô – Hen – ri đã mang đến một bức thông điệp màu xanh thấm đẫm tình người và tình đời”

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Phát biểu cảm nghĩ về nhân vật cụ Bơ – men

IV. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Từ hình ảnh cụ Bơ – Men hết lòng lao động vì nghệ thuật mà quên cả bản thân mình để hoàn thành bức tranh Chiếc lá cuối cùng trong đêm mưa bão, em có suy nghĩ gì về tình yêu lao động trong cuộc sống

V. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Văn bản *Chiếc lá cuối cùng* thuộc thể loại nào?

- A. Tiểu thuyết
- B. Truyện ngắn
- C. Phóng sự
- D. Hồi ký

Câu 2: Đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng rụng hay không rụng có ý nghĩa như thế nào?

- A. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ không tiếp tục vẽ nữa.
- B. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ rất đau khổ.
- C. Cô không còn muốn quan tâm đến chiếc lá cuối cùng nữa.
- D. Chiếc lá rụng hay không sẽ quyết định số phận của cô.

Câu 3: Câu văn "Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plo" giúp em hiểu gì về Giôn-xi.

- A. Giôn-xi rất thích vẽ vịnh Na-plo.
- B. Giôn-xi chưa bao giờ vẽ vịnh Na-plo
- C. Trong con người Giôn-xi đang có sự hồi sinh.
- D. Giôn-xi đang có bất chuyện và làm vui lòng Xiu.

Câu 4: Trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng*, Giôn-xi đã được cứu sống nhờ vào điều gì?

- A. Nhờ có thuốc, sự chăm sóc của Xiu và chủ yếu là nhờ chiếc lá không rụng.
- B. Chỉ nhờ may mắn và nhờ ở sức trẻ của chính bản thân người nữ hoạ sĩ.
- C. Bác sĩ đã kịp thời cho cô uống loại thuốc tốt, đắt tiền.
- D. Xiu đã chăm sóc rất chu đáo.

Câu 5: Từ “ơi” trong câu: “Em thật là con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi!” thuộc loại từ nào?

- A. Tình thái từ
- B. Trợ từ
- C. Thán từ
- D. Phó từ

Câu 6: Nhận định nào sau đây nói đúng nhất về đoạn trích *Chiếc lá cuối cùng*?

- A. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật tình yêu thương giữa những người nghèo khổ với nhau.
- B. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật đức tính cao cả và sự hi sinh quên mình của cụ Bơ - men
- C. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật sự lo lắng khôn nguôi của Xiu dành cho Giôn - xi
- D. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật nguyên nhân sâu xa quyết định hồi sinh của Giôn xi

2. Tự luận

Hãy lí giải vì sao nhà văn bỏ qua không kể sự việc của cụ đã vẽ chiếc lá trên tường trong đêm mưa tuyết. Vì sao có thể nói chiếc lá cuối cùng cụ vẽ là một kiệt tác?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Các nhân vật chính trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* làm nghề gì?

- A. Nhà văn. B. Nhạc sĩ.
C. Hoạ sĩ. D. Bác sĩ.

Câu 2: Đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng rụng hay không rụng có ý nghĩa như thế nào?

- A. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ không tiếp tục vẽ nữa.
- B. Chiếc lá rụng hay không sẽ quyết định số phận của cô.
- C. Cô không còn muốn quan tâm đến chiếc lá cuối cùng nữa.
- D. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ rất đau khổ.

Câu 3: Qua câu chuyện *Chiếc lá cuối cùng*, em hiểu thế nào là một tác phẩm nghệ thuật được coi là kiệt tác?

- A. Tác phẩm đó phải có ích cho cuộc sống.
- B. Tác phẩm đó phải rất đẹp
- C. Tác phẩm đó phải đồ sộ.
- D. Tác phẩm đó phải rất độc đáo.

Câu 4: Từ nào nói đúng nhất cảm xúc và tâm trạng của nhân vật được thể hiện trong câu văn "Nhưng, ô kìa!"? trong tác phẩm Chiếc lá cuối cùng?

- A. Ngạc nhiên.
- B. Nghi ngờ.
- C. Lo lắng.
- D. Sợ hãi.

Câu 5 . Cụm từ "chuyến đi xa xôi bí ẩn" trong câu “ Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình.” nên được hiểu theo nghĩa nào và có nghĩa là gì?

- A. Nghĩa đen, chỉ một chuyến đi chơi xa có thật.
- B. Nghĩa đen, chỉ một chuyến đi bí ẩn có thật.
- C. Nghĩa bóng, chỉ sự đau ốm.
- D. Nghĩa bóng, chỉ cái chết.

Câu 6: Nhân định nào sau đây nói đúng nhất về đoạn trích Chiếc lá cuối cùng?

- A. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật sự lo lắng khôn nguôi của Xiu dành cho Giôn - xi
- B. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật đức tính cao cả và sự hi sinh quên mình của cụ Bơ - men

C. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật tình yêu thương giữa những người nghèo khổ với nhau.

D. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn – xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ – men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật nguyên nhân sâu xa quyết định hồi sinh của Giôn xi

2. Tự luận

Chứng minh truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O. Hen-ri được kết thúc trên cơ sở hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình huống hai lần. Nêu tác dụng của cách kết thúc truyện đó.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

VĂN BẢN: CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Ngôi kể
O-hen-ri - - Là nhà văn Mỹ chuyên viết truyện ngắn. - Đặc điểm truyện: Nhẹ nhàng, toát lên tình thương yêu con người. Cách kể chuyện hấp dẫn, độc đáo. - TPC: <i>Căn gác xép, Cái cửa xanh, Tên cảnh sát và gã lang thang, Quà tặng của các đạo sĩ, Khi người ta yêu, Sự sống ở Xen-tôn.</i>	“Chiếc lá cuối cùng” (The last Leaf) là truyện ngắn xuất sắc bậc nhất của O’Hen-ri. Tác phẩm được in trong tập <i>Cây đèn thanh mảnh</i> (The Trimmed Lamp) xuất bản năm 1907. Vị trí: Nằm ở phần cuối của truyện ngắn cùng tên.	Truyện ngắn	-Ngôi kể: thứ 3
	Ý nghĩa nhan đề	Bố cục	
	+ CLCC là chiếc lá của cây thường xuân đối diện cửa sổ nhà Giôn – xi. + CLCC là tác phẩm nghệ thuật cuối cùng mà cụ Bơ – men sáng tạo trong cuộc đời làm nghệ thuật của mình. + CLCC là phương thuốc duy nhất cứu sống Giôn – xi.	- Đoạn 1: (từ đầu đến “mái hiên thấp kiêu Hà Lan”): Tâm trạng tuyệt vọng của Xiu - Đoạn 2: (tiếp đến “bồi dưỡng và chăm nom”): Sự hồi sinh của Giôn-xi - Đoạn 3: còn lại: Sự hi sinh cao cả của cụ Bơ-men để cứu Giôn-xi	

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
----------------	------------------------

- Câu chuyện kể về những họa sĩ nghèo hết lòng hi sinh vì nghệ thuật đã làm cho người đọc rung cảm trước tình yêu thương và đức hi sinh cao cả của họ giành cho nhau.	-Nội dung truyện nhẹ nhàng nhưng toát lên tinh thần nhân đạo cao cả đối với người nghèo khổ -Cốt truyện được dàn dựng chu đáo, các tình tiết sắp xếp khéo léo, lôi cuốn. -Nghệ thuật đảo ngược tình huống 2 lần -Kết thúc bất ngờ khắc sâu vẻ đẹp của cụ Bơ-men.
---	---

I.3. Phân tích			
1. Nhân vật Giôn-xi:	* Hoàn cảnh:	- Là - Mắc bệnh	
	* Tâm trạng:	- Khi bị bệnh + Mở to cặp mắt thần thờ và thều thào ra lệnh + Hnay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó em sẽ chết - Bị quan, gấn sự sống của mình với chiếc lá thường xuân	=> Những từ láy tượng hình tượng thanh thể hiện sự yếu ớt, cạn kiệt của Giôn-xi => Tinh thần suy sụp, mất hết niềm tin, nghị lực, tâm trạng buông xuôi, tuyệt vọng
		- Thái độ của Giôn-xi khi nhìn thấy chiếc lá cuối cùng không rụng: + Thấy rằng mình đã tệ như thế nào., muốn chết + Cho em xin tí cháo, sữa, đưa cho em chiếc gương... + Muốn vẽ vịnh Na-plow => Tâm trạng hoàn toàn thay đổi, cô thoát khỏi cái chết, có tình yêu cuộc sống, yêu nghệ thuật	
		-> Do sự gan góc, sức mạnh chống trời với thiên nhiên của chiếc lá đã làm cho nó không bị rụng xuống, chính bởi vậy nó đã làm cho tâm hồn của Giôn-xi hồi sinh. => Con người cần phải có niềm tin, nghị lực để chiến thắng bệnh tật và vượt lên chính mình	
	Nghệ thuật	Đảo ngược tình huống lần thứ nhất: Giôn xi bị bệnh sưng phổi nhờ chiếc lá cuối cùng mà hồi sinh	
2. Nhân vật Xiu:	* Hoàn cảnh	Là họa sĩ trẻ nghèo	
	* Tình cảm của Xiu dành cho Giôn-xi:	+ Hành động: + Khi Giôn-xi bị bệnh: Lo lắng, luôn động viên, chăm sóc Giôn-xi - Sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân + Xiu sợ khi chỉ còn 1 chiếc lá thường xuân cuối cùng còn bám lại trên tường. Khi Giôn-xi bảo kéo màn," cô làm theo cô làm	=> Tình cảm chân thành của Xiu với cô bạn yếu đuối trợ cùng → thể hiện sự quan tâm, lo lắng, chăm sóc ân cần.

		theo một cách chán nản” - Khuôn mặt hốc hác - Quấy cháo gà.	
		- Lời nói: + Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn nghĩ chứa tình thương yêu đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây ? + Em thân yêu	→ Lời nói ngọt ngào, trêu mếu chan
		- Xiu kể về cái chết của cụ Bơ-men bằng một giọng cảm động và chân thành còn có cả sự biết ơn khôn xiết	⇒ Thể hiện sự kính trọng, thương nhớ, khâm phục cụ Bơ-men
=>Xiu tận tụy, quan tâm lo lắng và chăm sóc chu đáo Giôn-xi giúp G có thêm nghị lực để thoát khỏi cái chết. => Nhân vật Xiu làm cho ta xúc động; ngưỡng mộ về 1 người hết lòng vì bạn; 1 tình bạn trong sáng, thủy chung hiếm có			
3. Cụ Bơ-men	* Hoàn cảnh	- Nghèo, khoảng 60 tuổi, làm nghề người mẫu - 40 năm nay mơ ước vẽ một kiệt tác mà chưa vẽ được → say mê NT, có khát vọng lớn.	
	- Tình cảm cụ dành cho Giôn-xi	+ Quan tâm, yêu quý các đồng nghiệp trẻ + Lo lắng cho tính mạng của Giôn-xi. + Khi biết tâm trạng chán nản của Giôn-xi, cụ lặng lẽ vẽ clixcc trên tường trong đêm gió tuyết để nhen lên niềm tin, niềm hi vọng và nghị lực sống cho Giôn-xi - Cụ qua đời vì bệnh viêm phổi	=>Sức mạnh của nghệ thuật chân chính được tạo ra từ tình yêu thương con người và vì sự sống của con người ⇒ Chiếc lá cuối cùng mà cụ Bơ men được tạo ra từ nghệ thuật chân chính, hướng đến con người và vì con người
	Nghệ thuật	Đảo ngược tình huống lần thứ hai: Cụ Bơ – Men đang khỏe mạnh sau khi vẽ chiếc lá cuối cùng bị bệnh sưng phổi và qua đời	
4. Kiệt tác chiếc lá cuối cùng	- Đó là một bức vẽ đẹp hoàn hảo, giống thật đến nỗi cả Giôn-xi và Xiu đều bị nhầm tưởng đó là chiếc lá thường xuân thật đang cố bám níu trên bức tường gạch. -Nó đã cứu sống được Giôn-xi, mang lại nghị lực, khát vọng được sống cho cô họa sĩ trẻ đáng thương. Sau bao nhiêu gió bão, chiếc lá vẫn kiên cường bám trên bức tường gạch khiến cho Giôn-xi hiểu ra mình cần phải mạnh mẽ để sống tiếp. -Bức vẽ “Chiếc lá cuối cùng” ấy không chỉ đáng giá bằng tính mạng của Giôn-xi mà hơn thế nữa, nó còn được đánh đổi bằng chính tính mạng của cụ Bơ-men. Cụ đã dùng hết tâm huyết của mình, trong đêm gió bão để vẽ lên nó với hi vọng chiếc lá “già” ấy có thể mang lại điều kì diệu .- Kiệt tác “Chiếc lá cuối cùng” ấy chính là biểu hiện cao đẹp nhất cho tấm lòng nhân hậu, đức hi sinh, lòng vị tha của cụ Bơ-men, cũng như tình yêu thương giữa những con người nghèo khổ đất Mỹ.		
Tổng kết:	1. Nghệ thuật:	+ Kết cấu đảo ngược tình huống hai lần. + Kết hợp kể với tả và biểu cảm + Nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp khéo léo.	

	2. Nội dung:	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao, ca ngợi tình yêu thương cao cả giữa những người nghèo khổ. - Ca ngợi sức mạnh của nghệ thuật chân chính - Câu chuyện khép lại nhưng để lại dư âm mãi trong lòng người đọc về tình yêu thương nhân loại cảm động và chân thành
--	---------------------	---

Tóm tắt tác phẩm

Cụ Bơ-men, Xiu và Giôn-xi là những họa sĩ nghèo sống ở trong một khu phố tồi tàn phía Tây Oa -sinh - tôn. Mùa đông lạnh giá Giôn- xi mắc bệnh viêm phổi, cô tin chắc rằng khi chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống thì cô sẽ lìa đời. Xiu nói điều này với cụ Bơ-men và hai người rất lo lắng. Mặc cho Xiu hết lòng chăm sóc, Giôn-xi vẫn bướng bỉnh giữ ý nghĩ kì quặc ấy. Nhưng lạ thay, sau một đêm mưa gió dữ dội, ngày sau nữa chiếc lá vẫn còn đó. Điều này khiến Giôn- xi thoát khỏi ý nghĩ về cái chết. Xiu cho Giôn- xi biết chiếc lá cuối cùng đó là bức tranh do cụ Bơ- men đã bí mật vẽ trong một đêm mưa gió để cứu Giôn- xi, trong khi đó chính cụ chết vì bị bệnh viêm.

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- **Chuyến đi xa xôi bí ẩn:** ý nói đến cái chết.
- **Kiệt tác:** tác phẩm nghệ thuật hết sức nổi tiếng.
- **Ánh hoàng hôn:** ánh sáng lúc mặt trời lặn.

2. Giải thích vì sao bức tranh *Chiếc lá cuối cùng* được coi là kiệt tác:

- + Trước hết vì nó được vẽ giống y như thật đến ngay cả Xiu và Giôn Xi là 2 họa sĩ cũng không nhận ra: “ Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn đứng cảm đeo bám vào cành”.
- + Chiếc lá được vẽ trong một điều kiện khắc nghiệt. Cụ Bơ-men không chỉ vẽ bằng cây cọ, bằng màu mà vẽ bằng tất cả tình yêu thương và sự hi sinh cao cả.
- + Chiếc lá đã đem lại sự hồi sinh cho Giôn- xi nhưng cũng lấy đi mạng sống của cụ Bơ-men
- + Nó là kết tinh cả tấm lòng và tài năng của người nghệ sĩ. Nó đánh thức con người hướng về những điều tốt đẹp.
- + Nó khẳng định nghệ thuật chân chính là vì con người, nghệ thuật vị nhân sinh.

3. Chỉ rõ nghệ thuật đảo ngược tình huống 2 lần và nêu tác dụng.

- + Giôn- xi bị viêm phổi luôn bị quan và phó mặc cuộc sống của mình cho chiếc lá thường xuân, chiếc lá rụng là cô sẽ chết. Nhưng nhờ bức tranh CLCC giống y như thật cô lại dần hồi sinh và khỏe mạnh trở lại.
- + Cụ Bơ-men đang khỏe mạnh vì thương Giôn – xi nên quyết định vẽ bức tranh CLCC trong đêm mưa tuyết, do đó chết vì bệnh sưng phổi.
- ➔ Kết cấu đảo ngược tình huống 2 lần gây hứng thú cho người đọc, tạo nên kết thúc bất ngờ và góp phần làm rõ chủ đề truyện, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật.

4. Giôn – xi đáng thương hay đáng giận, từ suy nghĩ và hành động của Giôn –xi, em rút ra bài học gì trong cuộc sống?

- Giôn-xi thật đáng thương nhưng cũng thật đáng trách:
- + Đáng thương vì cuộc sống nghèo khó lại mắc bệnh nặng, cô cũng chỉ là người con gái yếu đuối.
- + Đáng trách vì cô luôn chìm đắm trong ý nghĩ kì quặc, phó mặc cuộc sống của mình cho 1 chiếc lá, thiếu niềm tin và nghị lực.

-Bài học trong cuộc sống: + Cần lạc quan, dũng cảm vượt qua khó khăn

+ Có nghị lực và niềm tin vào cuộc sống.

+ Không nên phó mặc cuộc sống của mình cho các yếu tố bên ngoài

5. Bức thông điệp mà văn bản gửi tới người đọc là gì?

Đây là bức thông điệp màu xanh về tình yêu thương và sự sống của con người.

III. LUYỆN TẬP

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI PHẦN ĐỀ LUYỆN

Phần 1 (7đ):

1. a. - trợ từ: **chính**: nhấn mạnh thêm cho đối tượng CN “ cụ Bơ - men”

- thán từ: **ôi**: gọi đáp/sự thân thiết, gần gũi, gây sự chú ý trước khi thông báo thông tin chính

+ở : làm rõ cảm xúc ngạc nhiên của nhân vật

=> Câu văn trở nên rõ nghĩa, có giá trị biểu cảm,...(**0.5đx3**)

b. - Giải thích nghĩa của từ “ **kiệt tác**”: tác phẩm nghệ thuật có giá trị đặc sắc,..... (Hs giải thích đúng là được) **0.5đ**

- Vì đó là chiếc lá đẹp, sinh động, được vẽ trong hoàn cảnh đặc biệt bằng tất cả tài năng, tình yêu thương của cụ Bơ- men nhằm cứu sống,lấy lại niềm tin vào cuộc sống cho Giôn – xi,.....(hoặc Hs lý giải theo cách hiểu riêng, đúng là được) (1đ)

2. Viết đoạn nghị luận xã hội:

a. **Hình thức**: - Đúng hình thức đoạn, đủ số câu, đúng phương thức NLXH (**0.5đ**)

b. **T.Viết**: - Xác định/ gọi tên câu ghép, thành phần thán từ (**0.5đx2**)

c. **Nội dung**: - Giải thích khái niệm: Tình yêu thương giữa con người với con người. (**0.5đ**)

- Nêu được biểu hiện cụ thể của tình yêu thương giữa con người với con người, nguyên nhân, tác dụng to lớn của tình yêu thương đó (**1đ**)

- Nêu được biểu hiện cụ thể của việc không có tình thương yêu con người trong cuộc sống, nguyên nhân, hậu quả tai hại của lối sống vô tâm, ích kỷ (**0.5đ**)

- Liên hệ thực tế, nêu được biện pháp giải quyết hợp lý. (**0.5đ**)

Phần 2

a. TP Chiếc lá cuối cùng, thể loại: truyện ngắn

b. HS tự tả lời

c. Phép nhân hóa

d. “Ô kia” là Thán từ

Nếu lược bỏ sẽ làm ảnh hưởng đến sắc thái biểu cảm vì không thể hiện được sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng của nhân vật

Phần 3

a. Là câu đơn mở rộng thành phần

b. Đoạn văn:

- Hình thức: đúng số câu và hình thức đoạn TPH

- Nội dung: đảm bảo các ý sau:

+ Đó là một bức vẽ đẹp hoàn hảo, giống thật đến nỗi cả Giôn-xi và Xiu đều bị nhầm tưởng đó là chiếc lá thường xuân thật đang cố bám níu trên bức tường gạch.

+ Nó đã cứu sống được Giôn-xi, mang lại nghị lực, khát vọng được sống cho cô họa sĩ trẻ đáng thương. Sau bao nhiêu gió bão, chiếc lá vẫn kiên cường bám trên bức tường gạch khiến cho Giôn-xi hiểu ra mình cần phải mạnh mẽ để sống tiếp.

+ Bức vẽ “Chiếc lá cuối cùng” ấy không chỉ đáng giá bằng tính mạng của Giôn-xi mà hơn thế nữa, nó còn được đánh đổi bằng chính tính mạng của cụ Bơ-men. Cụ đã dùng hết tâm huyết của mình, trong đêm gió bão để vẽ lên nó với hi vọng chiếc lá “giả” ấy có thể mang lại điều kì diệu

.- Kiệt tác “Chiếc lá cuối cùng” ấy chính là biểu hiện cao đẹp nhất cho tấm lòng nhân hậu, đức hi sinh, lòng vị tha của cụ Bơ-men, cũng như tình yêu thương giữa những con người nghèo khổ đất Mỹ.

Phần 4: (4 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1	- Đoạn trích trên thuộc văn bản “Chiếc lá cuối cùng” của tác giả O Hen - ri	0,5
2	- Nội dung chính của đoạn trích: Đoạn trích kể về tâm trạng của Giôn – xi sau khi Xiu kéo tấm màn lên: Cô rất ngạc nhiên nhưng vẫn tin là chiếc lá sẽ rụng và lúc đó cô sẽ chết	0,5
3	- Nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần: + Giôn – xi mắc bệnh sưng phổi nặng tưởng không thể qua khỏi nhưng cuối cùng lại hồi sinh + Cụ Bơ – men đang khỏe mạnh lại bị mắc bệnh sưng phổi rồi qua đời - Tác dụng: + Lần đảo ngược thứ nhất: Khẳng định nghị lực sống có thể giúp con người vượt qua khó khăn thử thách + Lần đảo ngược thứ hai: Thể hiện tình yêu thương, sự hi sinh mà cụ Bơ-men giành cho Giôn-xi => Cả hai lần đảo ngược tình huống góp phần tạo sự bất ngờ, tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện	0,25 0,25 0,5 (thiếu 1 ý trừ 0,25 điểm)
4	* Yêu cầu về hình thức - Học sinh trình bày thành một đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 2/3 giấy thi - Diễn đạt tốt, lập luận rõ ràng, đúng vấn đề yêu cầu, không sai lỗi chính tả giáo viên cho điểm tối đa. Tùy mức độ bài làm của học sinh giáo viên cho điểm * Yêu cầu về nội dung: Học sinh có nhiều cách diễn đạt khác nhưng cơ bản đề cập được các ý cơ bản sau: + Giải thích được thế nào là tình yêu + Nêu biểu hiện của tình yêu thương + Bàn luận về vai trò của tình yêu thương + Biết phê phán những biểu hiện trái ngược với tình yêu thương + Rút ra bài học nhận thức và hành động	0,75 1,25

ĐỀ LÀM VĂN

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Hãy chứng minh rằng: “ Với chiếc lá cuối cùng, Ô – Hen – ri đã mang đến một bức thông điệp màu xanh thắm đậm tình người và tình đời”

I. Mở Bài

- Đi từ tác giả (phong cách... hoặc cuộc đời bất hạnh...), các tác phẩm...hay lời đánh giá..-> Trích tác phẩm-> trích mệnh đề

- Đi từ kết thúc bi kịch của cô bé bán diêm ...Thì đến với” Chiếc lá cuối cùng” ta lại ta lại tràn đầy tình yêu thương con người bấy nhiêu

- Trích dân nhận định.

II. Thân Bài

1. Giải thích

– Trước hết, “ Thông điệp” chính là một lời nhắn gửi . Ở đây chính là lời truyền gửi của Ô – Hen – ri đến với độc giả thông qua văn bản “ Chiếc lá cuối cùng”. Màu xanh là màu của sự sống, của hi vọng “Thông điệp màu xanh” là thông điệp về sự sống.

– Để dệt nên bức thông điệp ấy chính là tình người, tình đời(*tình yêu thương chân thành, sự sẻ chia đầy ắp giữa những người nghèo khổ*)

=> Tóm lại, qua tình huống Giôn – xi mắc bệnh -> tuyệt vọng, chờ chết. Độc giả đã rất bất ngờ vì nhờ lòng nhân hậu, nhờ đức hi sinh của mọi người mà cô đã vượt qua cái chết. Màu hồng trên đôi má Giôn – xi là minh chứng cho sự trở về của cô gái. Một bức thông điệp màu xanh

2. Giới thiệu ngắn gọn hoàn cảnh của Giôn – xi

– Mùa đông năm ấy, Giôn – xi mắc bệnh viêm phổi -> căn bệnh nặng tới mức cô mất tới 9/10 sự sống -> đau đớn về thể xác.

– Nghèo túng, xa quê hương, xa những người ruột thịt lại ốm đau...khiến cho cô rơi vào tình trạng tuyệt vọng.

– Chán nản, Giôn – xi gắn mình với những chiếc lá thường xuân

+ Cô thấy mình mỏng manh, yếu đuối như chiếc lá. Chiếc lá yếu ớt , chống trọi với thời tiết khắc nghiệt, còn cô thì chống trọi với bệnh tật

+ Giôn- xi nghĩ” chiếc lá thường xuân cuối cùng mà rụng -> cô cũng lìa đời

– Bởi tuyệt vọng như vậy nên cặp mắt Giôn – xi thần thờ, giọng nói của cô thều thào. Cô buông xuôi chờ chết

– Hoàn cảnh của Giôn – xi khiến cho ta vừa giận lại vừa thương

+ Giận vì cô hèn nhát, đầu hàng hoàn cảnh quá sớm

+ Thương vì: Tuổi đời còn trẻ, vậy mà mắc bệnh nghiêm trọng.

3. Chứng minh tình người và tình đời.

a. Tình bạn chân thành của Xiu

– Tuy kết bạn với nhau, ban đầu chỉ là chung sở thích nhưng tình bạn của họ được kiểm chứng qua tình huống Giôn – xi mắc bệnh hiểm nghèo. Đây là lúc ta đánh giá được sự chân thành và giá trị của tình bạn. Người đời đã đúc kết “ khi vui có bạn, khi hoạn nạn mới biết bạn là ai”

– Xiu đã luôn ở bên cạnh bạn mình. Thậm chí cô cố gắng đi làm thêm giờ, kiếm tiền mời bác sĩ (*với những người nghèo, ốm đau được gặp bác sĩ không phải là việc dễ dàng*)

– Chăm sóc Giôn – xi từng li từng tí

+ Nấu cháo

+ Pha sữa

+ Kê gối

+ Lấy gương

=> Chăm sóc em đến nỗi Xiu hốc hác cả mặt

– Xiu đã cầu cứu cụ Bơ – men, cho cụ biết về bệnh tình của Giôn xi

-Xiu sợ sệt nhìn ra ngoài cửa sổ, luôn lo lắng chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống thì cô phải chứng kiến niềm đau của bạn mình.

- Xiu đã tìm lời để động viên Giôn – xi “Em thân yêu...em hãy nghĩ đến chị...”

- Và việc đến vẫn cứ phải đến: Giôn xi lại ra lệnh cho Xiu kéo màn lên -> cô làm theo một cách chán nản

- Xiu đã vô cùng hạnh phúc khi thấy chiếc lá thường xuân vẫn đứng cảm treo bám trên tường

- Khi Giôn – xi hồi phục Xiu hạnh phúc đến vô cùng.

-> Tóm lại: Tình yêu thương chân thành của những người bạn là động lực to lớn giúp con người ta thắng được gian nan. Đã là bạn phải đồng cam, cộng khổ, phải chia ngọt sẻ bùi. Tình bạn như thế mới thực sự đáng giá.

b. Đức hi sinh của cụ Bơ – men

- Cụ Bơ – men 60 tuổi, chưa thành công trong nghệ thuật. Cụ sống cùng xóm trọ với 2 họa sĩ trẻ -> yêu thương họ như con mình
- Khi nghe Xiu nói về ý nghĩ kì quặc của Giôn xi -> cụ đã tức giận, cho là điên rồ
- + Cụ lo lắng cho sự sống của cô bé
- + Quyết định vẽ chiếc lá cuối cùng trong đêm mưa gió
- Hậu quả: cụ viêm phổi -> nhập viện -> qua đời
- Nhưng sản phẩm của cụ để lại được gọi là kiệt tác
- + Nó không chỉ được thực hiện bằng chất liệu của hội họa: màu vẽ, đường nét.....chiếc lá giống như thật
- + Điều cơ bản hơn là nó được dệt nên từ tình yêu thương giữa người với người, lòng nhân hậu, quan điểm sống “sống là cho” -> đã tạo ra một kiệt tác
- + Chiếc lá giả nhưng đã cứu một mạng người thật. Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật “vì nhân sinh” (*nghệ thuật vì con người*). Để làm nghệ thuật, để mang đến điều tốt đẹp cho con người, người ta phải đổi cả bằng mạng sống. “*Nơi nào có sự yêu thương, nơi đó sẽ có điều kì diệu*”

4. Giôn – xi vượt qua cái chết

- Khi kéo màn lên, Giôn – xi thấy chiếc lá cuối cùng vẫn tồn tại sau một đêm mưa gió phũ phàng. Cô nhận ra chiiecs lá rất dũng cảm. Tuy nó nhỏ nhoi nhưng đã kiên cường chống chọi với thời tiết khắc nghiệt.
- Chiếc lá cuối cùng đã giúp Giôn – xi nhận ra mình là một con bé hư
- + Muốn chết là một tội
- Cô thay đổi hoàn toàn: Nhu cầu ăn uống... nhu cầu làm đẹp...
- > Từ chỗ tuyệt vọng, Giôn – xi đã hồi sinh. Hẳn là nhờ sự tận tình của bác sĩ, nhờ công dụng của thuốc men. Nhưng điều quan trọng hơn là Giôn – xi có nghị lực từ chiếc lá cuối cùng. Từ đó mà cô tự hóa giải lời nguyền để vượt qua cái chết
- => Chiếc lá cuối cùng là hiện thân của tình người, tình đời.

III. Kết bài:

1. Khẳng định lại vấn đề
 2. Bài học rút ra từ câu chuyện
- Biết quý trọng tình bạn, biết sống với nhau một cách chân thành.
 - Tình yêu thương, sự sẻ chia sẽ mang lại những giá trị lớn lao cho cuộc sống con người.

ĐỀ TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Phát biểu cảm nghĩ về nhân vật cụ Bơ – men

I- Mở bài:

- Ô Hen – ri là nhà văn chuyên viết truyện ngắn, truyện của ông thường nhẹ nhàng nhưng toát lên tinh thần nhân đạo cao cả, tình yêu thương người nghèo khổ hết sức cảm động.
- Truyện chiếc lá cuối cùng là 1 câu chuyện rất hay và xúc động thể hiện tình yêu thương giữa những người họa sĩ nghèo,.
- Trong truyện “Chiếc lá cuối cùng” nhân vật cụ Bơ – men đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc bởi cụ là người có tấm lòng nhân hậu cao cả và niềm đam mê nghệ thuật hội họa.

II- Thân bài:

1- Trước hết qua câu chuyện ta thấy cụ Bơ – men là 1 con người giàu lòng nhân ái, quên mình vì người khác

- Trông vẻ bề ngoài của cụ Bơ – men có vẻ kì dị, dữ tợn nhưng bên trong là cả một tấm lòng cao đẹp: nhân hậu, thương người. Cụ thương 2 cô gái nghèo khổ sống cùng khu nhà bằng tấm lòng của 1 người cha, sẵn sàng ngồi làm người mẫu cho Xiu vẽ mà không cần tiền thù lao vì cụ biết rằng 2 cô họa sĩ cũng nghèo khổ như mình nên không đòi hỏi bất cứ điều gì. Tài liệu Thu Nguyễn

- Biết Giôn – xi bị bệnh nặng, cụ thường xuyên qua lại thăm hỏi khi thấy cô tuyệt vọng luôn nghĩ đến cái chết chỉ vì nhìn thấy những chiếc lá thường xuân rụng dần cụ Bơ – men tỏ ra hết sức ái ngại, tình cảm của cụ đối với Giôn – xi như tình cảm người cha lo lắng cho đứa con, biết quan tâm cả những cái nhỏ nhất.

- Biểu hiện rõ rệt và cảm động nhất trong tình thương người của cụ Bơ – men đó là việc cụ đã quên mình để cứu sống Giôn – xi, cụ đã vẽ chiếc lá thay cho chiếc lá cuối cùng đã rụng trong đêm mưa gió rét để rồi sau đó cụ bị bệnh viêm phổi và chết. Cụ đã không quản gian khổ, nguy hiểm âm thầm lặng lẽ lao động vì người khác, cụ đã cứu sống Giôn – xi đó là sự hi sinh lớn lao. Việc làm của cụ khiến cho người đọc vô cùng cảm động.

2- Hơn thế nữa, cụ Bơ – men tuy là một nghệ sĩ nghèo nhưng lại có 1 niềm đam mê nghệ thuật chân chính.

- Cụ là 1 nghệ sĩ nghèo từ tính lễ tởi, nguồn thu nhập chủ yếu là ngồi làm mẫu và vẽ tranh quảng cáo, cụ ko đủ tiền dồn cho 1 sáng tác nghệ thuật chân chính. Trong suốt 40 năm cầm bút vẽ cụ vẫn chưa có được 1 kiệt tác, có lẽ cuộc sống nghèo khổ đã phần nào ảnh hưởng đến sự nghiệp sáng tác của cụ.

- Thế nhưng cụ không nản chí, vẫn say mê, vẫn ấp ủ ước mơ về 1 kiệt tác, điều không thể ngờ là bức vẽ chiếc lá cuối cùng đã trở thành kiệt tác khi cụ đã hi sinh, sự hi sinh làm cho tác phẩm nghệ thuật có ý nghĩa cao quý hơn bởi đó là tác phẩm nghệ thuật chân chính hướng tới cuộc sống của con người,.

III- Kết bài:

- Có thể nói, Cụ Bơ – men là một con người đáng quý, đáng kính trọng bởi vẻ đẹp trong tâm hồn.

- Nhân vật để lại dư vị sâu lắng trong lòng người đọc về một lẽ sống cao đẹp, quên mình vì người khác .

.....

IV. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Từ hình ảnh cụ Bơ – Men hết lòng lao động vì nghệ thuật mà quên cả bản thân mình để hoàn thành bức tranh Chiếc lá cuối cùng trong đêm mưa bão, em có suy nghĩ gì về tình yêu lao động trong cuộc sống

Suy nghĩ về tình yêu lao động

1.Mở đoạn:Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần nghị luận, ý nghĩa của lao động và yêu thích lao động.

2. Thân đoạn:

a. Giải thích khái niệm:

- Lao động là hoạt động có ý thức của con người nhằm tạo ra những sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người.

- Yêu thích lao động là luôn mong muốn được làm việc hết mình để góp phần tạo ra các sản phẩm phục vụ con người: “lao động là đôi cánh của ước mơ, là cội nguồn của niềm vui và sáng tạo” (Mác-xim Groki).

b. Biểu hiện:

- Người yêu lao động trong văn học, thơ ca và cuộc sống thực tế (lấy dẫn chứng).

- Biểu hiện của những kẻ lười lao động là vừa thấy khó khăn mệt mỏi đã vội bỏ cuộc.

c. Ý nghĩa

- Lao động là biến mơ ước của con người thành hiện thực: Chỉ có lao động mới giúp con người thực hiện được mơ ước, đem lại niềm vui, thúc đẩy con người sáng tạo.

- Điều tốt đẹp trong cuộc sống không tự dung mà có, không ai đem cho mà bản thân mỗi con người phải tự làm ra, tự lao động để có.

- Lao động là cơ sở để con người tồn tại, phát triển, đi từ tiến bộ này đến tiến bộ khác.

- Lao động tạo ra giá trị vật chất và tinh thần phục vụ cho đời sống con người.

- Lao động đem lại niềm vui, khơi dậy những sáng tạo, thúc đẩy cuộc sống, xã hội phát triển
- Lao động giúp con người làm chủ bản thân, thực hiện trách nhiệm, bổn phận với gia đình, đóng góp xây dựng xã hội.
- Lao động giúp con người thực sự sống tự do.

d. Phê phán lối sống lười biếng, dựa dẫm, ăn sẵn

3. Kết đoạn: khẳng định tầm quan trọng của tình yêu lao động, liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức

- + Mỗi người không ngừng phấn đấu, rèn luyện để trở thành người lao động chân chính, có ích, người lao động giỏi trong tương lai.
- + Cần có quan điểm lao động mới, có thái độ lao động tự giác, có kĩ thuật, có kỉ luật và đạt năng suất cao.
- + Chống lại thái độ lười biếng lao động, ỷ lại, không sáng tạo,...

V. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
B	D	C	A	C	A

2. Tự luận

- Lí do nhà văn không kể lại sự việc cụ Bơ-Men đã vẽ chiếc lá trên tường: Để tạo cho câu chuyện sự bất ngờ đột ngột, gây hứng thú cho người đọc. Đồng thời khiến tác giả cảm thấy xúc động về đức hi sinh thầm lặng của cụ đã khước từ Giôn-xi hướng về sự sống ở phía trước.

- “Chiếc lá cuối cùng” cụ vẽ là một kiệt tác vì: Đó không chỉ là một bức tranh nghệ thuật của người nghệ sĩ tài ba. Mà đó còn là bức tranh được vẽ bởi tấm lòng yêu thương con người. Tác phẩm đó được tạo ra bằng sự hi sinh mạng sống của cụ để cứu lấy một tâm hồn đang tuyệt vọng. Tác phẩm đã tác động mãnh liệt vào tâm hồn con người, đánh thức niềm tin, sự hi vọng của con người vào cuộc đời.

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	B	A	A	D	C

2. Tự luận

- Truyện đã sử dụng thành công thủ pháp đảo lộn tình thế hai lần một cách đột ngột, bất ngờ để hấp dẫn người đọc và bộc lộ chủ đề. Chính nghệ thuật đảo ngược tình huống đã gây hứng thú cho người đọc:

+ Giôn-xi bị ốm và rất tuyệt vọng, nằm chờ chết. Thế nhưng cô đã hồi sinh, khoẻ lại.

+ Cụ Bơ-men khoẻ mạnh, chỉ bị ốm có hai ngày, nhưng cụ đã đột ngột ra đi, để lại một tác phẩm để đời cứu rỗi một sinh mệnh

→ Tác dụng của các kết thúc: Truyện đã sử dụng thành công thủ pháp đảo lộn tình thế hai lần một cách đột ngột, bất ngờ để hấp dẫn người đọc và bộc lộ chủ đề, để lại dư âm, suy nghĩ sâu lắng trong lòng người đọc.

VI. THAM KHẢO

1. Phân tích giá trị nhân đạo trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O Hen-ri

Trong một xã hội nhiều nhương, đồng tiền ngự trị trên tất cả, con người dường như sống chẳng còn tình người. Nhưng chính trong cuộc sống ấy lại có những con người tuy nghèo khổ mà biết thương yêu nhau, hi sinh vì nhau. Điều đó được nhà văn O Hen-ri phản ánh lại một cách cảm động trong tác phẩm Chiếc lá cuối cùng. Nếu nói văn học là nhân học như Mác-xim Go-rơ-ki thì quả thật Chiếc lá cuối cùng đã để lại một cách kín đáo mong muốn của mình: con người ngày một sống tốt đẹp hơn. Đây chính là tác phẩm để lại trong em niềm xúc động sâu sắc nhất.

Trong truyện tác giả đã kể lại cuộc sống nghèo khổ của các họa sĩ Mỹ tại một khu nhỏ phía tây công viên Oa-sinh-ton. Đó là hai nữ họa sĩ trẻ tuổi Xiu và Giôn-xi cùng với Bơ-men, một họa sĩ già suốt đời chưa bao giờ thành đạt. Họ sống rất vất vả và chật vật trong những gian buồng chật chội, sát mái, ăn uống thiếu thốn làm việc cật lực để kiếm tiền. Nhưng về mặt tinh thần, về đời sống tình cảm họ lại là những người có tình yêu thương sâu sắc đậm thắm.

Ở đây chúng ta cảm nhận được tình bạn vô cùng chân thành và cảm động. Đó là tấm tình trong sáng thủy chung của Xiu đối với Giôn-xi. Hai người từ hai vùng đất rất xa nhau cùng tới Oa- sinh-ton. Vì có cùng sở thích về nghệ thuật, về rau xà lách, về ống tay áo ngoài nên Xiu và Giôn-xi đã trở nên thân thiết nhau. Khi Giôn-xi bị ốm nặng, ta mới hiểu hết tình bạn thâm thiết của Xiu. Cô đã không bỏ rơi bạn, ngược lại Xiu còn làm việc hết sức mình để kiếm tiền nuôi bản thân và chạy chữa cho Giôn-xi. Cô đã trông nom, săn sóc từng li cho Giôn-xi, lúc nào Xiu cũng cố gắng động viên để Giôn-xi tin tưởng mình sẽ hết bệnh. Cô đã tìm mọi cách để gạt bỏ sự yếu đuối của bạn. Với những việc làm của Xiu, cô đã chứng tỏ cho ta thấy được một tình bạn thủy chung: Lúc vui buồn đều có nhau, lúc hoạn nạn lại không thể thiếu nhau, không thể bỏ rơi nhau. Xiu hoàn toàn không vụ lợi, không gợn một suy tính nhỏ nhen, Xiu chỉ có một ước nguyện duy nhất: Giôn-xi khỏi bệnh, tiếp tục ước mơ vẽ bức tranh về vịnh Na-pơ. Những người bạn như thế thật đáng quý, đáng trân trọng xiết bao!

Cảm động hơn, Chiếc lá cuối cùng còn là bài ca ca ngợi tấm lòng nhân đạo cao cả của bác Bơ-men. Bác là một họa sĩ già đã ngoài sáu mươi tuổi nhưng chưa thành đạt trên con đường nghệ thuật. Bác chỉ là người ở cùng nhà với hai nữ họa sĩ. Nhưng khi biết tin Giôn-xi bị bệnh, lại đang trong trạng thái tâm lí tuyệt vọng không muốn sống nữa, bác đã vô cùng bức tức, Bác la mắng Xiu và giận dữ kêu lên: Trên đời này có người nào lại ngó ngàng chết vì những chiếc lá rụng từ cái dây leo đáng nguyên rủa ấy hử? Bác vẫn chưa hề nghe thấy chuyện như vậy... Và cuối cùng bác đã tìm ra viên thần dược lấy lại niềm tin yêu cuộc sống cho Giôn-xi: Bức tranh vẽ chiếc lá cuối cùng. Đây là bức tranh đặc biệt nhất trong các bức tranh được vẽ trên thế giới. Nó được vẽ trong đêm đen, giữa mưa tuyết và giá lạnh, dưới ánh sáng một cái đèn bão. Người vẽ nó là một họa sĩ già bệnh tật ốm yếu đang trong cơn viêm phổi nặng. Người họa sĩ ấy đã bao nhiêu năm tháng qua ao ước vẽ được một kiệt tác. Nhưng sáu mươi năm đã qua, chưa bao giờ ông thành công, mãi mãi ông vẫn chỉ là bóng mờ của nghệ thuật. Thế mà hôm nay, với bức vẽ cuối cùng của ông, bức vẽ chiếc lá giữa đêm mưa lạnh rét mướt lại đưa ông tới đỉnh cao của nghệ thuật, được thừa nhận là kiệt tác. Bức vẽ chiếc lá ấy chính là sản phẩm của tấm lòng yêu thương sâu sắc con người của ông. Nó thể hiện một tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim nhân đạo đầy tình người bao la. Ở đầu ngọn bút không phải là màu vẽ mà là sự sống của ông, là máu của con tim, là sự tha thiết giành lại sự sống cho Giôn-xi từ tay thần chết. Đến lúc này nghệ thuật đã nhập vào với cuộc đời và phát huy hết sức mạnh kì diệu của nó. Chiếc lá không rụng. Giôn-xi đã trở lại với cuộc đời và Bơ-men đã trút hơi thở cuối cùng sau khi thành công kiệt tác ấy. Một hình ảnh làm rung động lòng người. Có thể nói Bơ-men đã trao lại sự sống của mình cho Giôn-xi. Người họa sĩ già ấy đã nhường hơi thở cho tài năng trẻ tiếp tục sự nghiệp nghệ thuật của mình. Bác Bơ-men đã để lại trong lòng người đọc niềm cảm kích chân thành.

Cả hai nhân vật Xiu và Bơ-men là hình ảnh tiêu biểu cho tình thương yêu bạn bè, đồng loại. Cuộc đời của họ, hành động của họ luôn tỏa sáng trong tâm hồn người đọc. Thế mới biết trong sự nghèo khổ cùng cảnh ngộ

người ta đã thương nhau như thế nào! Chính những hình ảnh đẹp ấy đã có sức chinh phục và lay động lòng người, hướng con người tới một cuộc sống trong sáng đầy tình nghĩa không gợn những tính toán nhỏ nhen. Hai con người ấy là biểu tượng của tình bạn cao đẹp thủy chung, của lòng nhân đạo cao cả. Bơ-men đã nằm xuống nhưng trong lòng mọi thế hệ người đọc, ông vẫn còn sống mãi cùng bức kiệt tác của mình. Qua tác phẩm, với bức tranh Chiếc lá cuối cùng nhà văn đã thể hiện kín đáo tâm sự của mình, O Hen-ri muốn gọi tới người đọc lời kêu gọi chân tình: con người hãy yêu thương nhau, hãy quan tâm đến nhau.

Đúng như nhà thơ Tô Hữu đã từng nói: Người yêu người sống để yêu nhau, Chiếc lá cuối cùng là truyện ngắn thể hiện được tình yêu thương ấy. Tác phẩm đã toát ra một mong muốn sâu sắc: con người ngày một sống tốt đẹp hơn. Đó là vấn đề mà những nghệ sĩ chân chính quan tâm nhất. Rõ ràng văn học đã đưa chúng ta đến cái thiện, cái đẹp, nó giúp ta bỏ đi cái xấu, cái hèn luôn ẩn chứa trong ta.

2. Vì sao có thể nói : « Chiếc lá cuối cùng » là một hình tượng quan trọng, linh hồn của truyện ngắn này ?

Không phải ngẫu nhiên hình ảnh chiếc lá trường xuân cuối cùng đã trở thành nhan đề một truyện ngắn bất tử của nhà văn Mĩ lừng danh O.Hen ri. Đó là một chi tiết cảm động, biểu tượng nghệ thuật bất ngờ, độc đáo mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc

a. Chiếc lá trường xuân nhỏ bé tầm thường, do bàn tay một họa sĩ « thường thường bậc trung » tạo ra rất giống chiếc lá thật. Bức tranh « lá » thật sinh động đến nỗi con mắt chuyên môn tinh tế của Giôn xi nhìn ngắm hoài mà sao không thể phân biệt nổi lá thật hay lá vẽ ? « Sau trận mưa vui dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài cả một đêm, tường chừng không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá trường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Tuy ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, tuy vậy chiếc lá đứng cảm vẫn bám vào cành cách mặt đất chừng sáu thước. Và « ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn trông thấy chiếc lá trường xuân đơn độc bám lấy cái cuống của nó trên tường và rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bắc lại lồng lộn, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và mái hiên thấp kiểu Hà Lan mưa rơi lộp độp xuống mặt đất ». Chiếc màn xanh lại được kéo lên khi buổi sáng lại về. Chiếc lá trường xuân vẫn còn đó ».

b- Chiếc lá đứng cảm đó đã cứu sống một con người.

- Nhờ chiếc lá giả- lá vẽ (nhưng có thật) vào mặt bức tường trước khuôn cửa sổ mà cô họa sĩ trẻ Giôn Xi dần khỏi bệnh . Họa sĩ già Bơ men đã cứu được cô gái đáng thương bằng kiệt tác đầu tiên- và cũng là cuối cùng của mình, hay chính cô đã tự cứu cô bởi niềm hi vọng lớn dần, mạnh âm dần khởi nguồn từ chiếc lá lạ lùng, gan lì bám trụ, quyết không chịu lìa khỏi ngọn dây leo loằng ngoằng.

- Chiếc lá cuối cùng xuất hiện kịp thời đúng lúc đó đã đem lại niềm tin vào sự sống cho Giôn xi, đã thắng hoa nội lực cho Giôn xi, giúp cô chiến thắng gã « viêm phổi » dai dẳng hiểm ác. Cô chợt hiểu ra : « có một cái gì đó làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đây để em thấy rằng mình đã tẻ như thế nào » và hi vọng « một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na Plơ » lại trỗi dậy trong cô ; cùng với niềm hi vọng ấy nhựa sống lại lên men, nghị lực và mầm sống lại hồi sinh, khiến bác sĩ phải thốt lên : « được năm phần mười rồi. Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng và « cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng ». Không hẳn chiếc lá của cụ Bơ men đã cứu Giôn xi khỏi tất lịm đi như ngọn đèn mờ con con trước gió đông lạnh buốt mà chính bàn tay già nua của người họa sĩ lảng giềng nghèo, cô đơn trong đêm gió tuyết ấy chỉ cố tạo nên niềm hi vọng, khơi bùng lên ngọn lửa tình đời sắp lụi tàn nơi trái tim người đồng nghiệp trẻ không may

c. Chiếc lá ấy được vẽ bằng trái tim của tình yêu thương con người.

- Bác Bơ men vẽ chiếc lá ấy trong cái đêm rét khủng khiếp, khi chiếc lá cuối cùng đã rụng xuống. Do đắm mình trong mưa tuyết giá lạnh, bác Bơ men đã nhiễm bệnh sưng phổi và đã qua đời sau đó hai ngày. Chắc chắn khi đắm mình trong mưa tuyết để vẽ chiếc lá, bác không phải không cảm thấy giá buốt, không phải không cảm thấy nguy hiểm cho tính mạng mình. Nhưng lòng thương yêu Giôn xi, ý muốn dùng cây bút và bảng màu để cứu sống cô đã thúc đẩy bác vượt lên trên giá buốt, hiểm nguy để vẽ chiếc lá cuối cùng.

- Thực ra chiếc lá cuối cùng đã rụng, còn lại mãi trên tường không phải là thần dược, nó là tác phẩm nghệ thuật được tạo nên bởi tình yêu thương con người, của sự hi sinh cao cả, quên mình tuyệt đối, vô tư tuyệt đối, là lòng yêu mến cuộc sống bỏng cháy của người họa sĩ già. Chiếc lá cuối cùng,, sáng tạo một đêm kết quả của tình yêu thương trĩu nặng dồn qua ngòi bút xuất thần của cụ Bơ men. « Chiếc lá » nổi dài một cuộc đời, cướp đi một cuộc sống, để lại trong bao thế hệ người đọc niềm xót xa, thương kính người họa sĩ nghèo không may mắn, đồng thời lại vô cùng kính

ngạc về sức mạnh diệu kì của nghệ thuật- đem lại cuộc sống và hi vọng cho con người. Dù phải đổi giá cực đắt, nhưng nghệ có nghệ sĩ chân chính nào không vui lòng đánh đổi tất cả để lấy một « chiếc lá cuối cùng ».

6. Từ kiệt tác « chiếc lá cuối cùng », em hiểu thêm ý nghĩa nào của truyện « chiếc lá cuối cùng » ?

- Nghệ thuật chân chính được tạo ra từ tình yêu thương con người.
- Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật của tình yêu thương, vì sự sống của con người.

Bức tranh của họa sĩ Bơ men là nghệ thuật chân chính vì nó hướng tới con người, vì con người. Nghệ thuật chân chính mang trong lòng nó chức năng sinh thành và tái tạo để phục vụ con người. Tình yêu thương là nguồn sức mạnh của ông già và tài năng nghệ thuật hướng ngòi bút của ông vào việc hoàn thành một tác phẩm mang thiên chức vĩ đại của nghệ thuật : nghệ thuật vị nhân sinh. Và người nghệ sĩ đã đem cả sinh mệnh của mình để trả lại màu xanh cho chiếc lá đã úa vàng, trả lại màu hồng cho đôi má của người thiếu nữ xanh xao trả lại niềm tin nghị lực cho những người yếu đuối. Chiếc lá cuối cùng trở thành niềm hi vọng của sự hồi sinh được xây dựng bằng tình người.

Nghệ thuật đặc sắc

- Nét độc đáo của nghệ thuật truyện này là hiện tượng đảo ngược tình huống hai lần khắc sâu trong một câu chuyện đã tạo nên một kết thúc bất ngờ hấp dẫn người đọc. Đọc truyện, lúc đầu người đọc cứ đinh ninh là cô Giôn xi nhất định sẽ chết vì bệnh viêm phổi. Nhưng tình huống đã đảo ngược, giàu kịch tính và kết thúc bất ngờ : Sau một đêm bão tuyết, chiếc lá cuối cùng đã rụng mà chẳng ai hay, bức vẽ « chiếc lá cuối cùng » vẫn bám chắc cây thường xuân, chính chiếc lá ấy, bức vẽ kì diệu ấy đã cứu sống Giôn xi. Cụ Bơ men, tác giả bức vẽ ấy đã chết ở tuổi 60, sau hai ngày bị viêm phổi nặng.

Kết thúc này càng khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của nghệ sĩ già Bơ men và tô đậm giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

PHIÊU ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

VĂN BẢN: HAI CÂY PHONG

I.1.Tác giả - tác phẩm:

[illegible]

		
		

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
Hai cây phong được miêu tả	-Nghệ thuật kể chuyện kết hợp
.....	
.....	-Sử dụng nhiều hình ảnh và sinh động tạo nên
.....	
.....	-Kết hợp linh hoạt 2 đan xen và

I.3. Phân tích			
1. Hai cây phong và kí ức tuổi thơ	1. Hai cây phong và kí- Bọn con trai - hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả như muốn => hai cây phong như những vô cùng thân và thiết, với trong làng. - mở ra của không gian mang đậm và - làm chúng tôi sững sốt - ngồi lặng đi... quên mất và - như một căn nhà xếp bình thường. - Thảo nguyên..... mất hút trong - Dòng sông tận như những - Tiếng gió, tiếng lá cây, thì thầm to nhỏ...		NT: + + xen với + từ ngữ giàu mang đậm chất => Hai cây phong và bức tranh trong kí ức “chúng tôi” thật
2 – Hai cây phong và thầy Duy-sen	* GT chung về làng Ku-ku-rêu của “chúng tôi”: + Nằm ở + Có khe nước. + Dưới thung lũng là + Có hai cây		-> Bức tranh
	* Tâm trạng của nhân vật tôi khi nhớ về hai cây phong. - Hai cây phong ở - chúng hiện ra trước mắt hết như - chúng có riêng, riêng... - tiếng theo nhiều có khi như dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi như thiết tha nồng thắm, có khi bỗng		NT: + Kể miêu tả và -> Khắc họa

		<p>một thoáng, ...rồi cất tiếng thở dài một lượt như người nào.</p> <p>- “mỗi chiếc đều nhay bẻ đón lấy một thoáng qua”</p>	<p>=> Thể hiện</p>
	<p>*Hai cây phong gắn liền với kỉ niệm về thầy Duy-sen.</p>	<p>+ Hai cây phong là của câu chuyện hết sức về thầy người thầy và bốn mươi năm về trước mà gần đây mới được biết.</p> <p>+ Thầy Duy-sen:</p> <p>- Có bao la.</p> <p>- muốn vào hai cây phong.</p>	<p>=> Là người đã tiếp thêm</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
3. Tổng kết.	Nghệ thuật:	<p>- Lựa chọn, người kể tạo nên hai lòng ghép độc đáo.</p> <p>- Miêu tả bằng ngòi bút đậm chất, truyền sự đến người đọc.</p> <p>- Có nhiều liên tưởng,</p>	
	Nội dung:	<p>- HCP là biểu tượng của</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- **Thung lũng:**

- **Chao đi chao lại:**

- **Áo huyền:**

- **Sừng sốt:**

- **Hoang vu:**

2. Hai cây phong có vị trí như thế nào với nhân vật “tôi”? Tìm những câu văn minh họa?

3. Xác định các BPNT trong câu văn sau và nêu tác dụng:

- Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau.

4: a. Tóm tắt các ý chính của văn bản?

b. Câu chuyện được kể ở ngôi thứ mấy? Điều đặc biệt trong việc sử dụng ngôi kể ở VB này là gì?

5: Bức của VB được xây dựng theo trình tự nào? Nêu ý nghĩa của việc đan cài các lớp thời gian trong khi kể chuyện?

6. Có người nói, đoạn trích Hai cây phong đậm chất hội họa. Ý kiến của em?

III. LUYỆN TẬP

Phần 1 (5đ): Đoạn văn:

“Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau (1). Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bờ cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm tha thiết nồng ấm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào (2). Và khi mây đen kéo đến cùng với bão đông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực” (3).

(Trích: Sách Ngữ văn 8. Tập một)

1. a. Được trích từ văn bản trích nào? Của ai?
b. Văn bản trích có chứa đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Cho biết thể loại của tác phẩm đó?
2. Chép lại câu văn số 1 trong đoạn văn trên rồi phân tích kết cấu CN/VN của câu văn đó. Và cho biết, nếu xét về cấu tạo ngữ pháp, câu văn trên thuộc kiểu câu gì? Vì sao?
3. Chỉ rõ biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong câu văn số 1 mà em vừa chép. Nêu rõ tác dụng của biện pháp tu từ đó/ Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của hai cây phong trong đoạn văn trên trong khoảng 6 câu văn.
4. Trong chương trình Ngữ Văn 7, em cũng được học một tác phẩm thơ nói về tình yêu quê hương đất nước được khơi nguồn từ những kỷ niệm ngọt ngào về tình bà – cháu sâu nặng thuở ấu thơ. Ghi rõ nhan đề bài thơ và tác giả.

Phần 2. Cho đoạn trích:

“Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau (1). Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm tha thiết nồng ấm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào (2). Và khi mây đen kéo đến cùng với bão đông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực” (3).

(Theo Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

1. Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Của ai?
2. Trong câu văn số (1), tác giả có sử dụng bốn dấu phẩy (.). Nêu rõ công dụng của dấu phẩy trong câu văn đó.
3. Viết một đoạn văn ngắn (không quá 6 câu) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của hai cây phong được tác giả miêu tả trong đoạn trích đã cho.
4. Từ suy nghĩ của nhân vật tôi về những kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp gắn với những người bạn, em hãy viết 1 đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy nêu suy nghĩ của em về Tình bạn đẹp trong cuộc sống

Phần 3: Cho câu văn sau: *Dù ai đi từ hướng nào đến làng Ku-ku-rêu của chúng tôi cũng đều trông thấy hai cây phong đó trước tiên, chúng luôn hiện ra trước mắt hết như những ngọn hải đăng đặt trên núi.*

- a. Câu văn trên sử dụng nghệ thuật gì? Nêu ý nghĩa của việc sử dụng phép nghệ thuật đó?
- b. Tìm những câu văn khác trong văn bản cũng được tác giả sử dụng nghệ thuật này? Nhận xét về cách sử dụng nghệ thuật đó?

Phần 4: a. Trong VB, t.giả đã sử dụng mấy câu hỏi? Dụng ý của t.giả khi sử dụng những câu hỏi này?

- b. Qua văn bản, người kể chuyện muốn nhắn nhủ với chúng ta điều gì?

Phần 5. Cho đoạn trích:

“...Dù chúng có cao đến đâu chẳng nữa, đứng xa thế cũng khó lòng trông thấy ngay được, nhưng tôi thì bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nhìn rõ.

Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Ku-ku-rêu, và lần nào tôi cũng nghĩ thầm với một nỗi buồn da diết: “Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chúng về tới làng, chúng lên đồi mà đến với hai cây phong! Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngáy ngất”.

1. Những câu văn trên được rút từ văn bản nào, thuộc tác phẩm nào? Của ai?

2. Tìm một câu ghép trong đoạn trích trên và cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép mà em vừa xác định.

3. Theo em, tại sao mỗi lần “từ những chốn xa xôi trở về Ku-ku-rêu”, nhân vật “tôi” lại “Mong sao chúng về tới làng, chúng lên đồi mà đến với hai cây phong”?

4. Một số tác phẩm văn học nước ngoài mà em đã học ở chương trình Ngữ văn 8 cũng có những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng góp phần làm nên giá trị của tác phẩm như hình ảnh hai cây phong trong đoạn trích trên. Hãy chỉ ra một hình ảnh như vậy và nêu tác giả, tác phẩm. Nêu ngắn gọn ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh đó.

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC**ĐỀ 1****1. Trắc nghiệm**

Câu 1: Nhà văn Ai – ma – tốp là người nước nào?

A. Nga

B. Bồ Đào Nha

C. Cu – rơ – gư – xtan

D. Phần Lan

Câu 2: Trong *Hai cây phong*, người kể chuyện giới thiệu mình làm nghề gì?

A. Nhà báo.

B. Hoạ sĩ.

C. Nhạc sĩ.

D. Nhà văn.

Câu 3: Trong mạch kể của người kể chuyện xưng “chúng tôi”, các sự việc được kể và tả lại ứng với khoảng thời gian nào trong cuộc đời của người kể chuyện?

A. Trong một lần người kể chuyện đi công tác xa trở về

B. Vào năm học cuối cùng, trước khi nghỉ hè

C. Khi người kể chuyện đi xe lửa qua làng

D. Khi người kể chuyện từ trường học về làng Ku – ku - rêu

Câu 4: Trong đoạn trích *Hai cây phong*, hai cây phong khác cây khác trong làng ở đặc điểm nào?

A. Chúng có tiếng nói riêng, có tâm hồn riêng, chan chứa tình cảm

B. Chúng không cần người ta chăm sóc, tưới tắm vẫn vươn cao kiêu hãnh.

C. Chúng là loài cây quý nhất trong vùng

D. Chúng mọc trên đồi cao phía trên làng và luôn xanh tốt

Câu 5: Trong đoạn trích *Hai cây phong*, hình ảnh hai cây phong lúc hiện ra trước mắt mọi người được tác giả so sánh với hình ảnh nào?

- A. Như những đốm lửa vô hình.
- B. Như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát.
- C. Hai người khổng lồ.
- D. Những ngọn hải đăng đặt trên núi

Câu 6: Trong đoạn trích *Hai cây phong*, điều bí ẩn của hai cây phong mà tác giả khám phá ra là gì?

- A. Đó là hai cây phong không bình thường, có lai lịch rất huyền bí.
- B. Từng có người chiến sĩ hi sinh cho sự nghiệp chống giặc bảo vệ quê hương dưới gốc cây.
- C. Dưới gốc hai cây phong có chôn mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh
- D. Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kì chuyển động khẽ nào của không khí

2. Tự luận

Trong mạch kể của người kể chuyện xưng “tôi”, nguyên nhân nào khiến hai cây phong chiếm vị trí trung tâm và gây xúc động sâu sắc cho người kể chuyện?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Văn bản *Hai cây phong* được trích từ tác phẩm nào?

- A. Truyện ngắn Con tàu trắng
- B. Truyện ngắn Cây phong non trùm khăn đỏ
- C. Truyện Người thầy đầu tiên
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 2: Trong hai mạch kể của văn bản, mạch kể nào quan trọng hơn?

- A. Mạch kể của người kể chuyện xưng “tôi”
- B. Mạch kể của người kể chuyện xưng “chúng ta”
- C. Mạch kể của người kể chuyện xưng “ta”
- D. Mạch kể của người kể chuyện xưng “chúng tôi”

Câu 3: Dòng nào ghi đầy đủ những hoạt động của lũ trẻ vào năm học cuối cùng trước khi nghỉ hè với hai cây phong trong đoạn trích *Hai cây phong*?

- A. Reo hò, huýt còi âm ỉ chạy lên đồi, công kênh nhau trèo lên cây, thi xem ai can đảm và khéo léo hơn.
- B. Reo hò, chạy lên đồi, chơi bịt mắt bắt dê và trốn tìm dưới bóng râm mát rượi.

C. Reo hò, huyết còi ầm ỉ chạy lên đồi, hái hoa, bắt bướm dưới tán lá xào xạc, dịu hiền.

D. Reo hò, nhảy múa và thi hát những bài ca về quê hương giàu đẹp dưới gốc cây.

Câu 4. Dòng nào nói lên sự đánh giá của người kể chuyện về những miền đất mở ra trước mắt người kể chuyện cùng bọn trẻ trong đoạn trích *Hai cây phong*?

A. Rộng bao la, có một vẻ sinh động khác thường.

B. Đẹp đẽ vô ngần, rộng bao la, bí ẩn, đầy sức quyến rũ.

C. Rộng bao la, bí ẩn, đầy sức quyến rũ.

D. Rộng lớn nhất thế gian, bí ẩn, đầy sức quyến rũ.

Câu 5: Trong đoạn trích *Hai cây phong*, khi mây đen kéo đến cùng với bão đông xô gãy cành, tia trụi lá, hai cây phong được ví với hình ảnh nào?

A. Như một đốm lửa vô hình.

B. Những ngọn hải đăng trên núi.

C. Như một làn sóng thủy triều.

D. Như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.

Câu 6: Trong đoạn trích *Hai cây phong*, bọn trẻ ngồi nép mình trên cành cây và suy nghĩ điều gì?

A. Không suy nghĩ về điều gì cả.

B. Đây đã phải là nơi tận cùng thế giới chưa hay phía sau vẫn còn có một thế giới khác.

C. Đến bao giờ thì chúng có thể đi đến những dòng sông lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh.

D. Sau khi rời nhà trường, chúng sẽ được đi học trên đường huyện khang trang và đẹp đẽ hơn.

2. Tự luận

Tại sao có thể nói trong mạch kể xưng “tôi”, hai cây phong trong văn bản “Hai cây phong” được miêu tả hết sức sống động, như hai con người và không chỉ thông qua sự quan sát của người nghệ sĩ?

ĐÁP ÁN PHIÊU ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

VĂN BẢN: HAI CÂY PHONG

I.1. Tác giả - tác phẩm:

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Ngôi kể
Ai-ma-tốp sinh năm 1928, ở làng Sê-ke-rơ (Cộng hoà Kư-rơ-gư-xtan). Hoạt động văn học của ông bắt đầu từ năm 1952 - Đề tài chủ yếu trong các truyện ngắn của Ai-ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Kư-rơ-gư-xtan; tình yêu; tình bạn; tinh thần dũng cảm vượt qua	Truyện <i>người thầy đầu tiên</i> (1962) được giải thưởng Lê-Nin - VB <i>Hai Cây Phong</i> nằm ở phần đầu của tác phẩm Người thầy đầu tiên	Truyện ngắn	+ Ngôi kể “tôi” (quan trọng hơn) + Ngôi kể “chúng tôi”. => Hai mạch kể lồng ghép khiến câu chuyện trở nên sống động, thân mật, ấm áp, gần gũi.
	Mạch kể	Bố cục	

những thử thách ;hi sinh thời chiến tranh; thái độ tích cực đấu tranh của tầng lớp thanh niên - Tác phẩm đầu tiên khiến Ai-ma-tốp nổi tiếng là tập Chuyện núi đồi và thảo nguyên.Sau đó các tác phẩm: Cánh đồng mẹ, Vĩnh biệt Giun-xa-rur, Con tàu trắng...	-Người kể khi thì xưng “tôi” để kể về kỉ niệm của riêng mình. Khi thì xưng là “chúng tôi” để kể về kỉ niệm của chúng bạn. Hai mạch kể hiện tại và quá khứ đan xen nhau, mạch kể xưng “tôi” quan trọng hơn	- Phần 1: Từ đầu... <i>phía tây</i> . Giới thiệu chung vị trí làng quê nhân vật tôi. - Phần 2: Tiếp... <i>thần xanh</i> . Nhớ về h/ả 2 cây phong ở đầu làng và cảm xúc tâm trạng của tôi. - Phần 3: Tiếp... <i>biếc kia</i> . Nhớ về cảm xúc và tâm trạng của nhân vật tôi hồi trẻ về với lũ bạn khi chơi đùa trên 2 cây phong để ngắm làng quê - Phần 4: Còn lại: Nhân vật tôi nhớ đến người trồng 2 cây phong gắn liền với trường Đuy Sen
--	---	--

I.2. Hoàn thành bảng sau:

Nội dung chính	Các nghệ thuật nổi bật
Hai cây phong được miêu tả hết sức sinh động bằng ngòi bút đậm chất hội họa và mỗi gai cảm tình tẻ. Người kể chuyện truyền cho chúng ta tình yêu quê hương da diết và lòng xúc động vì hai cây phong gắn với câu chuyện về thầy Đuy – Sen, người đã vun trồng ước mơ, hi vọng cho những học trò nhỏ của mình.	-Nghệ thuật kể chuyện kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố miêu tả và biểu cảm. -Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh và nhân hóa sinh động tạo nên bức tranh thiên nhiên nhiều âm thanh, màu sắc. -Kết hợp linh hoạt 2 mạch kể, đan xen quá khứ và hiện tại

I.3. Phân tích			
1. Hai cây phong và kỉ ức tuổi thơ	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Bọn con trai phá tổ chim, reo hò, huyết còi ầm ỹ, đi chân đất, công kênh nhau, trèo lên cao</i> - hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả như muốn chào mời chúng tôi. => hai cây phong như những người bạn lớn vô cùng thân thiết, gần bó, thân thiết với lũ trẻ trong làng. - mở ra thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng. - đất rộng bao la làm chúng tôi sững sốt - nín thở ngồi lặng đi... quên mất cả chim và tổ chim. - chuồng ngựa như một căn nhà xếp bình thường. - Thảo nguyên hoang vu mắt hút trong làn sương mờ đục. - Dòng sông lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mong manh. - Tiếng gió huyền ảo, tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ... 		
2 – Hai cây phong và thầy Đuy-sen	<ul style="list-style-type: none"> * GT chung về làng Ku-ku-rêu của “chúng tôi”: 	<ul style="list-style-type: none"> + Nằm ở ven chân núi trên ngọn thảo nguyên. + Có khe nước. + Dưới thung lũng là đất vàng, núi đen... + Có hai cây phong 	<ul style="list-style-type: none"> -> Bức tranh tươi đẹp, sinh động, đa dạng sắc màu
	<ul style="list-style-type: none"> * Tâm trạng của nhân vật tôi khi nhớ về hai cây phong. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hai cây phong ở trên làng, giữa đồi. - chúng hiện ra trước mắt hết như ngọn hải đăng đặt trên núi. - chúng có tiếng nói riêng, tâm hồn riêng... - tiếng <i>rì rào</i> theo nhiều cung bậc...: có khi như làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi như tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm, có khi bỗng im bặt một thoáng, ... rồi cất tiếng thở dài một lượt người. 	<ul style="list-style-type: none"> NT: + So sánh, nhân hóa + kể xen với miêu tả và biểu cảm + từ ngữ giàu hình ảnh, mang đậm chất hội họa. => Hai cây phong và bức tranh thiên nhiên trong kí ức “chúng tôi” thật huyền bí và vô cùng tươi đẹp NT: + Kể xen miêu tả và biểu cảm. + So sánh, nhân hóa. -> Khắc họa hình ảnh hai cây phong hết sức sống động, như hai con người.

		như thương tiếc người nào. - “mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy một làn gió nhẹ thoảng qua”	=> Thể hiện tình yêu quê hương sâu sắc, bền chặt.
	*Hai cây phong gắn liền với kỉ niệm về thầy Duy-sen.	+ Hai cây phong là nhân chứng của câu chuyện hết sức cảm động về thầy Duy-sen – người thầy đầu tiên và cô bé An-tư-nai bốn mươi năm về trước mà gần đây người kể mới được biết. + Thầy Duy-sen: - Có lòng nhân ái bao la. - muốn gửi gắm ước mơ vào hai cây phong.	=> Là người đã tiếp thêm nghị lực, vun đắp ước mơ cho những trò nhỏ thành người hữu ích.
3. Tổng kết.	Nghệ thuật:	- Lựa chọn ngôi kể, người kể tạo nên hai mạch kể lồng ghép độc đáo. - Miêu tả bằng ngòi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc. - Có nhiều liên tưởng, tưởng tượng hết sức phong phú.	
	Nội dung:	- HCP là biểu tượng của tình yêu quê hương sâu nặng gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ của người họa sĩ làng Ku-ku-rêu.	

II. Các câu hỏi ôn lại kiến thức:

1. Giải nghĩa các từ sau:

- **Thung lũng:** dải đất trũng xuống và kéo dài, nằm giữa 2 sườn núi.

- **Chao đi chao lại:** Nghiêng cánh bay hết bên này bên kia.

- **Ảo huyền:** vừa như thực, vừa như mơ đầy vẻ bí ẩn.

- **Sửng sốt:** ngạc nhiên vì quá bất ngờ.

- **Hoang vu:** hoang vắng, chưa có sự tác động của con người.

2. Hai cây phong có vị trí như thế nào với nhân vật “tôi”? Tìm những câu văn minh họa?

+ Hai cây phong chiếm vị trí quan trọng, làm nhân vật tôi “say sưa ngây ngất” khơi nguồn cảm hứng cho người kể chuyện.

+ Hai cây phong ấy gắn bó với những kỉ niệm tuổi học trò: “Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần màu xanh”

+ Hai cây phong là nhân chứng của câu chuyện cảm động về người thầy đầu tiên Duy – sen và cô bé An-tư-nai bốn mươi năm trước mà gần đây nhân vật tôi mới biết.

3. Nghệ thuật nhân hóa

Tác dụng: 2 cây phong trở nên sinh động gần gũi, nó cũng như có tâm hồn, tình cảm như con người....

4: a. Tóm tắt các ý chính của văn bản?

b. Câu chuyện được kể ở ngôi thứ mấy? Điều đặc biệt trong việc sử dụng ngôi kể ở VB này là gì?

Gợi ý

a. Tóm tắt các ý chính:

- Giới thiệu chung về vị trí làng quê của nhân vật tôi.
- Nhớ về h.ảnh 2 cây phong ở đầu làng và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật tôi khi mỗi lần về thăm làng, thăm cây.
- Nhớ về cảm xúc và tâm trạng của nhân vật tôi hồi trẻ thơ với lũ bạn bè, khi chơi đùa, trèo lên hai cây phong nhìn ngắm quê làng.
- N.vật tôi nhớ về người trồng 2 cây phong ấy gắn liền với trường Duy - sen.

b. Ngôi kể

- Câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất. Người kể chuyện xưng “tôi”.
- Điểm đặc biệt ở câu chuyện này là “tôi” có lúc kể về “tôi” có lúc kể về “chúng tôi”:
 + Chuyện về “tôi” có lúc ở thì hiện tại có lúc ở thì quá khứ.
 + Chuyện về “chúng tôi” thì chỉ ở q.khứ.
 -> Làm cho sự việc kể chân thật, gây xúc động với người đọc.

5: Bố cục của VB được xây dựng theo trình tự nào? Nêu ý nghĩa của việc đan cài các lớp thời gian trong khi kể chuyện?

Gợi ý

- Mạch truyện được kể theo trình tự lồng ghép 2 thời điểm: HT-QK, trưởng thành - niên thiếu
- Việc đan cài các lớp thời gian chứng tỏ dụng ý nghệ thuật của t.giả. Thông qua sự chông chéo của những tín hiệu quá khứ gần, quá khứ xa, xen trong thực tại, người kể càng khắc sâu trong tâm trí độc giả h.ảnh 2 cây phong giàu t.cảm, hiên ngang bất khuất trên thảo nguyên bao la và dưới bầu trời xanh hùng vĩ, đồng thời cho thấy sự trưởng thành và t.cảm tha thiết đối với 2 cây phong của người kể.

6. Có người nói, đoạn trích Hai cây phong đậm chất hội họa. Ý kiến của em?

=> Cây phong được miêu tả dưới con mắt quan sát của một người họa sĩ. Chất hội họa của đoạn trích được thể hiện chủ yếu qua các phương diện sau:

_ Bố cục: Bức tranh có bố cục rõ ràng

- Đường nét: Hai cây phong hiện lên như những ngọn hải đăng, ngọn lửa bốc cháy rừng rực..
- Màu sắc: Chú ý những gam màu có trong cảnh vật(Đất vàng, thảo nguyên biêng biếc..)

III. LUYỆN TẬP

Phần 1(5đ):

1. a. - Được trích từ văn bản : “ Hai cây phong”, của Ai – ma –tốp (0.5đx2)
 b. - Tác phẩm : “ Người thầy đầu tiên” (0.25đ)
 - Thể loại : Truyện vừa (0.25đ)
2. - phân tích đúng kết cấu CN/VN của câu văn đó (0.5đ)
 - Câu ghép (0.5đ)
 - Vì có 2 kết cấu CN/VN, được liên kết với nhau bởi quan hệ từ (0.25đx2)
3. - Biện pháp nghệ thuật : Nhân hóa(0.5đ)
 - Tác dụng : khắc họa rõ nét vẻ đẹp sinh động, tràn đầy sức sống,... của hai cây phong => Làm nổi bật tình yêu, sự gắn bó của nhân vật “tôi” với hai cây phong => Khẳng định tình yêu quê hương sâu sắc của nhân vật. (0.25đx4)
4. - “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh (0.25đ x2)

Phần 2

1. - Được trích từ văn bản : “ Hai cây phong”, của Ai – ma –tốp
2. Dấu phẩy để ngăn cách các vế trong 1 phép liệt kê
3. HS tự viết

4. Suy nghĩ về tình bạn đẹp

Mở đoạn: Trong đời sống tinh thần của con người, tình cảm là một tình cảm vô cùng thiêng liêng và có được một tình bạn đẹp là niềm hạnh phúc.

Thân đoạn

Giải thích : Thế nào là một tình bạn đẹp:

+ Là tình bạn chân thành, trong sáng, vô tư và đầy tin tưởng.

+ Tình bạn trong sáng không chấp nhận những toan tính nhỏ nhen, vụ lợi và sự đố kỵ. Cũng không phải xuê xoa, bao che, bỏ qua những thói hư tật xấu của nhau.

Biểu hiện (dẫn chứng) về tình bạn đẹp

+ Có những tình bạn đẹp để đã lưu danh muôn thủa: Bá Nha-Tử Kỳ, Lưu Bình-Dương Lễ, Nguyễn Khuyến-Dương Khuê,...

+ Trên thế giới: tình bạn giữa Mác và Ăng-ghen

Giá trị (ý nghĩa) của một tình bạn đẹp:

+ Suối ấm tâm hồn, ấm áp lòng người khi cô đơn, giúp con người tìm thấy niềm vui, thấy những ý nghĩa cao đẹp trong cuộc đời

+ Giúp nhau vượt qua những khó khăn, trở ngại, thử thách, những điều kiện khắc nghiệt của cuộc sống

+ Giúp nhau trở nên hoàn thiện

Kết đoạn: Khẳng định ý nghĩa cao đẹp của tình bạn và liên hệ bản thân, có ý thức vun đắp tình bạn đẹp.

Phần 3: Cho câu văn sau: *Dù ai đi từ hướng nào đến làng Ku-ku-rêu của chúng tôi cũng đều trông thấy hai cây phong đỏ trước tiên, chúng luôn hiện ra trước mắt hết như những ngọn hải đăng đặt trên núi.*

a. Câu văn trên sử dụng nghệ thuật gì? Nêu ý nghĩa của việc sử dụng phép nghệ thuật đó?

b. Tìm những câu văn khác trong văn bản cũng được tác giả sử dụng nghệ thuật này? Nhận xét về cách sử dụng nghệ thuật đó?

Gợi ý

a. **Người kể ví 2 cây phong với ngọn hải đăng:** như những ngọn hải đăng đặt trên núi.

- Việc so sánh đó mang lại ý nghĩa rằng đây là ánh sáng văn hoá, tinh thần của quê hương chỉ đường cho con người bước tới. Mặt khác, nó còn nhắc nhở đến trách nhiệm và bổn phận của mỗi người đối với quê hương.

b. **Những câu văn có sử dụng nghệ thuật so sánh là:**

- Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như mảnh vỡ chiếc gương thần xanh (so sánh thực tiễn với thế giới cổ tích)

- Chuồng ngựa của nông trang... chỉ như một nhà xép bình thường (s.s thực tiễn với thực tiễn)

- Tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình (so sánh cái cụ thể với cái vô hình)

=> Cách so sánh được sử dụng thường xuyên hơn trong VB là SS với các h.ảnh liên quan đến biển khơi:

+ Chúng luôn hiện ra trước mắt như những ngọn hải đăng.

+ Tường chừng như một làn sóng thủy triều...

=> Cách so sánh này có ưu điểm là mở rộng thêm không gian vốn dĩ đã bao la lại càng bao la hơn. Và nó cũng chính là những tín hiệu, những điểm sáng để người đọc quay về trong kí ức mênh mông tìm lại những h.ảnh đã từng chứng kiến, nếm trải trong đời.

Phần 4: a. Trong VB, t.giả đã sử dụng mấy câu hỏi? Dụng ý của t.giả khi sử dụng những câu hỏi này?

b. Qua văn bản, người kể chuyện muốn nhắn nhủ với chúng ta điều gì?

Gợi ý

a. **Toàn bộ VB có 4 câu hỏi.** Tất cả đều ở dạng câu hỏi 1 chiều ko có lời đáp:

- Ta sắp được thấy chúng chưa, 2 cây phong sinh đôi ấy?

- Đã phải đây là nơi tận cùng thế giới chưa, hay phía sau vẫn còn có bầu trời như thế này, những đám mây, những đồng cỏ và sông ngòi như thế này?

- Ai là người đã trồng 2 cây phong trên đồi này?

- Người ấy đã ấp ủ niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này?

Ngoài ra còn một số câu hỏi nữa nhưng VB không đặt dấu ? : “*Phải chăng người ta vẫn đặc biệt trân trọng nâng niu những ấn tượng thời thơ ấu.*”

=> Đây là những câu hỏi ngầm khẳng định lại điều đã biết hơn là hỏi về điều chưa biết. Bằng cách đặt câu hỏi như thế, t.giả tạo được sự háo hức nơi người đọc vì họ muốn biết câu chuyện về trường Duy-sen ra sao. Mặt khác, với cách nêu câu hỏi, t.giả muốn nhắc nhở mọi người hãy biết và ghi nhớ “*ai là người trồng 2 cây phong*” và “*niềm hi vọng được ấp ủ*” nơi 2 cây phong ấy là gì.

b. Người kể chuyện muốn nhắn nhủ :

- Quê hương, thiên nhiên, truyền thống... nuôi dưỡng con người lớn lên. Và đó còn là nền tảng để con người có thể đứng vững trong bất kì môi trường sống nào.

- Phải biết ơn nơi chôn rau cắt rốn của mình và phải luôn ý thức được bổn phận của mình đối với làng quê, đ. nước.

Phần 5

	Câu	Đáp án	Biểu điểm
	1 (0,75đ)	Đoạn trích: <i>Hai cây phong</i> Tác phẩm: <i>Người thầy đầu tiên</i> Tác giả: <i>Aimantop</i>	0,25đ 0,25đ 0,25đ
	2 (1đ)	HS xác định được câu ghép Chỉ ra được mối quan hệ giữa các vế của câu ghép VD: <i>Dù chúng có cao đến đâu chẳng nữa, đứng xa thế cũng khó lòng trông thấy ngay được, nhưng tôi thì bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nhìn rõ.</i> ⇒ <i>Quan hệ tương phản</i> ⇒ ...	0,5đ 0,5đ
	3 (1đ)	HS cơ bản làm rõ các ý sau: - Hai cây phong tượng trưng cho những gì đẹp đẽ nhất của tuổi thơ... - Hai cây phong gắn với hình ảnh thầy Duy-sen (hình ảnh, tấm lòng...)	0,5đ 0,5đ
	4 (2,25đ)	HS: - Liệt kê được hình ảnh giàu ý nghĩa mang tính biểu tượng - Nêu xuất xứ của chi tiết đó (tác giả - tác phẩm) - Nêu ý nghĩa của chi tiết mà HS lựa chọn VD: Chi tiết <i>Ngọn lửa diêm (Cô bé bán diêm – Andécscen)</i> -> tượng trưng cho những khát khao, mơ ước của em bé ... Chi tiết <i>chiếc lá (Chiếc lá cuối cùng – O Henri)</i> -> tượng trưng cho lòng nhân hậu, tình yêu thương, sự hy sinh ...	0,5đ 1đ 0,75đ

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
---	---	---	---	---	---

C	B	B	A	D	D
----------	----------	----------	----------	----------	----------

2. Tự luận

Nguyên nhân khiến hai cây phong giữ vị trí trung tâm và gây xúc động cho người kể vì những lí do sau:

- Hai cây phong gắn với bao kỉ niệm thời thơ ấu của tuổi học trò
- Hai cây phong gắn với tình yêu quê hương da diết. Hai cây phong đứng ở vị trí rất đặc biệt: đi từ phía nào đến làng đều thấy chúng luôn hiện ra trước mắt hết như những ngọn hải đăng, mỗi lần về quê, từ xa tôi đều đưa mắt nhìn cây phong thân thuộc đầu tiên
- Cây phong có dáng sinh động khác thường: giống như một cặp sinh đôi, thân cây to lớn khổng lồ, lại ngả nghiêng đứng đưa mời chào chúng tôi đến.

ĐỀ 2

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	A	A	B	D	B

2. Tự luận

- Trong mạch kể xen lẫn tả hai cây phong được miêu tả hết sức sinh động giống như hai con người vì:
 - + Hai cây phong có tiếng nói riêng, có tâm hồn riêng chan chứa những lời ca êm dịu, hai cây phong mang tâm hồn con người, tiếng nói của con người.
 - + Người kể chuyện đã phác họa thật tài tình vẻ đẹp, thần sắc của hai cây phong: "rì rào", "thì thầm", "im bật", "thờ dãi", "reo vù vù", "tim đập rộn ràng", "vẻ thẳng thốt", "vui sướng", "xào xạc"... Tất cả những từ ngữ ấy khiến hình ảnh hai cây phong trở nên "sinh động khác thường".
- Như vậy, hai cây phong không chỉ là cảnh vật mà nó đã hóa thân như những người bạn thân thiết, gắn bó với ngôi làng, chứng kiến sự lớn lên của lũ trẻ.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ai-ma-tốp là một nhà văn nước cộng hòa vùng Trung Á thuộc Liên Xô trước đây. Ông là một trong những nhà văn tiêu biểu cho thời kì bấy giờ. Ông đã để lại rất nhiều những tác phẩm có giá trị và có tầm ảnh hưởng lớn đối với thời đại. Những tác phẩm của ông được rất nhiều bạn đọc Việt Nam biết đến trong đó phải kể đến tác phẩm "hai cây phong" là một trong những tác phẩm rất xuất sắc của ông. Tác phẩm được trích trong "người thầy đầu tiên", trong đoạn trích truyện hai cây phong được miêu tả một cách sinh động với ngòi bút đậm chất hội họa.

Trước tiên tác phẩm đặc biệt ở cách kể và ngôi kể trong chuyện nhân vật chúng tôi song song đồng hiện với nhân vật tôi cùng tâm sự chia sẻ những suy nghĩ cảm xúc với người đọc. Do đó ngôn từ hình ảnh chớp nhoáng lúc ẩn lúc hiện lúc thực lúc mơ rất thú vị. Hình ảnh hai cây phong hiện lên những trò chơi ngày bé được hiện lại những suy nghĩ sâu lắng những cảm xúc dạt dào cứ ngân lên theo mỗi câu chữ. Câu chuyện kể về tôi thì lúc ở hiện tại còn lúc chuyện kể với ngôi chúng tôi thì chỉ ở quá khứ. Hai mạch kể ít nhiều phân biệt và trùng vào nhau. Nhân vật xưng tôi đóng vai trò là người kể chuyện được tác giả tạo ra để dẫn dắt câu chuyện. Trong mạch kể chuyện nhân vật xưng tôi tự giới thiệu mình là họa sĩ. Trong mạch kể chuyện nhân vật xưng chúng tôi vẫn là người kể chuyện nhưng lại xưng danh là

bọn con trai ngày trước và hồi ấy người kể chuyện cũng là một đứa trẻ trong đó. Căn cứ vào mạch kể chuyện ta thấy ngôi nhân vật xung tôi quan trọng hơn và được tác giả gửi gắm nhiều những tâm sự hơn.

Hình ảnh so sánh hai cây phong được so sánh với ngọn hải đăng trên núi cho ta thấy được đường như ánh sáng của quê hương và những hồi ức những trải nghiệm trên quê hương đã soi sáng bước chân những đứa trẻ nơi đây để chúng tự tin bước đi trên chính bước chân của chúng đến những miền đất xa lạ và trong số đó chắc hẳn có nhân vật chính của tác giả hay chính là tác giả. Hai cây phong lớn lên như những ngọn đèn hải đăng trên núi từng gây ấn tượng đối với bất kì ai. Với họa sĩ tình yêu quê hương đã chan hòa gắn bó tình thương nhớ hai cây phong đầu làng. Mỗi lần về thăm quê nhà thì họa sĩ đã đưa mắt nhìn hai cây phong quen thuộc và coi đó chính là bốn phần đầu tiên của mình. Nhớ hai cây phong đối với họa sĩ là nỗi nhớ với một nỗi buồn da diết nên càng về tới gần nhà lại càng nhớ. Đứa con ấy thầm tự hỏi lòng mình "ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao cho nhanh được về tới làng chóng lên tới đồi để được đến với hai cây phong. Và niềm hạnh phúc biết bao nhiêu đối với đứa con lâu ngày mới được trở về được đứng mãi ở dưới gốc cây để được nghe thấy tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất. Đúng là một mối quan hệ khăng khít của tác giả đối với quê hương đối với tuổi thơ mình. Đường như đó cũng là điều mà tác giả muốn nhắn nhủ đối với tất cả chúng ta hãy nhớ đến quê hương nhớ đến tuổi thơ mình bởi đó chính là nền tảng để tạo nên chúng ta ngày hôm nay.

Hai cây phong mọc trên đồi với dáng vóc không lờ lững với các mắt mầu các cành cao ngất cao đến ngang tầm cánh chim bay với bóng râm mát rượi với dáng vẻ đung đưa như đang chào mời tất cả mọi người đến với nó. Phải chăng chính dáng vẻ chào mời ấy đã khiến cho tác giả có nhiều kỉ niệm đối với nó như thế. Bức tranh thiên nhiên được tác giả ngắm nhìn từ trên cao tạo ra cho người đọc cảm thấy không gian được mở rộng đến muôn vùng xa thẳm thảo nguyên hoang vu và cả dòng sông lấp lánh như đang hiện lên trước mắt người đọc khiến ta như đang hòa chung cùng một cảm xúc đối với tác giả. Bức tranh mà tác giả gợi cho người đọc thật ấn tượng đầy đặc trưng và quyến rũ đã để lại trong lòng người đọc rất nhiều những ấn tượng khó quên.

Hai cây phong đã làm cho người kể chuyện say sưa ngây ngất và khơi nguồn cảm hứng cho người kể chuyện. Hai cây phong gắn với tình yêu quê hương da diết của tác giả khiến cho người đọc cảm thấy thật đáng quý và trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ mà đôi lần chúng ta đã vội lãng quên. Tác phẩm gợi cho chúng ta những kỉ niệm ấy và từ khi nào nó bỗng hiện lên một cách vô thức khi ta đọc những kỉ niệm đáng nhớ của nhà văn. Hai cây phong đối với tác giả đó chính là những kỉ niệm vô cùng đẹp đẽ của tuổi học trò, tuy đã là quá khứ đã xa thật xa nhưng mỗi khi hồi tưởng lại nó dường như tác giả đang cảm nhận nó một chút một chút một và đưa người đọc cùng cảm nhận cùng hồi tưởng lại với nhà thơ. Hai cây phong chính là nhân chứng câu chuyện hết sức sinh động về thầy Duy-sen và cô bé An-t –nai. Chính thầy đã đem hai cây phong trồng trên đồi với cô bé đó và thầy đã gửi gắm những hi vọng mơ ước cho những đứa trẻ nghèo khổ thất học như An-tur-nai ngày càng được mở mang kiến thức và trở thành những con người có ích. Hình ảnh nhân hóa hai cây phong có tiếng nói riêng và chan chứa những lời nói êm dịu, hai cây phong chính là những con người có tâm hồn với những tâm trạng những cung bậc cảm xúc khác nhau. Hai cây phong được kể và tả bằng chính trí tưởng tượng và những tâm trạng đan xen của người nghệ sĩ.

Tác phẩm đã mang đến cho người đọc thật nhiều tâm trạng và dạt dào cảm xúc về quê hương. Quê hương chính là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn lớn lên và đó còn là nền tảng để con người có thể đứng lên trong bất kì hoàn cảnh nào. Đó chính là cảm xúc lòng biết ơn của người họa sĩ đối với quê hương nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tác phẩm như một lời thức tỉnh đối với chúng ta cho chúng ta những cảm nhận thật gần gũi về quê hương.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN

1.Tác phẩm	a. Xuất xứ	Theo tài liệu của	
	b. Thể loại:	-	
	c. Bố cục: 3 phần.	<p>- <u>Phần 1</u> : Từ đầu ... một ngày không sử dụng bao bì ni lông. -></p> <p>- <u>Phần 2</u> : Tiếp ... ô nhiễm nghiêm trọng đối với môi trường. -></p> <p>- <u>Phần 3</u> : phần còn lại. -></p>	
2.Nội dung văn bản	a. <u>Thông báo về Ngày Trái Đất</u>	<p>- Ngày 22 / 4 hàng năm được gọi là do</p> <p>Mĩ từ năm 1970.</p> <p>- Có nước tham gia.</p> <p>- Năm Việt Nam tham gia với chủ đề ".....".</p> <p>- Cách trình bày:</p> <p>+ cụ thể</p> <p>+ Đi từ khái quát đến cụ thể</p> <p>+ Lời trực tiếp, ngắn gọn, dễ , dễ</p>	<p>-> Chủ đề:</p> <p>=> Thế giới rất quan tâm đến vấn đề và Việt Nam đã cùng “Một ngày” để chứng tỏ sự</p>
	b. Tác hại của việc dùng bao bì ni lông và những giải pháp	- Nguyên nhân:	<p>- Plastic không</p> <p>- Không biến đi đâu</p> <p>- Tồn tại năm</p>
		- Tác hại:	
		<p>* Với sống:</p> <p>- Cản trở</p> <p>- Làm tắc</p> <p>- Làm tắc nghẽn</p> <p>- làm chết</p>	
		<p>* Với con người:</p> <p>- bao bì nilông màu -> làm->.....</p>	

		gâyphổ. - nilông bị đốt ->gây, gây ngất, khó, nôn ra máu, giảm khả năng, gây	
		* Tác hại khác: - làm mất cả khu vực. - Rác đựng trong túi buộc kín sẽ khó ->sinh ra - chôn loại rác thải sẽ giảm	
		NT: Phương pháp:Phân tích trên cơ sở và -> có tính, dễ, dễ	
	c. Các giải pháp:	- Thay đổi - Dùng bằng khác =>....., dễ, như: để - cùng thực hiện.	NT: Lời văn, nội dung trình bày,
3. Những kiến nghị:	- Hãy qtâm tới - Hãy bảo vệ trước những nguy cơ của môi trường. - Hãy cùng nhau: Một ngày =>....., mọi người hãy Trái Đất, bảo vệ và tích cực: " Một ngày không dùng bao bì nilông. "		NT: + câu + giọng điệu + Điệp ngữ: =>.....
4. Tổng kết	Nghệ thuật		
	Nội dung	- Văn bản là lời	

II, LUYỆN TẬP

Phần 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Ngày 22 tháng 4 hằng năm được gọi là ngày.....“ Một ngày không dùng bao bì nilông”?

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục -2015, tr.105).

1. Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản trên?

2. Nêu nội dung chính của đoạn trích?
3. Có mấy sự kiện được thông báo trong đoạn trích? Là những sự kiện nào?
4. Ngày Trái Đất được tổ chức hằng năm để bàn về vấn đề gì?
5. Tại sao lần đầu tiên tham gia Ngày Trái Đất, Việt Nam lại lấy chủ đề “ Một ngày không dùng bao bì ni lông”?

Phần 2. Đọc đoạn văn sau:

(...)”Việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷ của plastic. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi.”

Câu 1. Nêu xuất xứ của đoạn trích trên. Hãy cho biết ngày trái đất là ngày nào? Được khởi xướng từ năm nào và Việt Nam tham gia từ bao giờ?

Câu 2. Hãy viết bài văn thuyết minh(khoảng một trang giấy) với chủ đề: Tác hại của sử dụng bao bì ni lông.

Phần 3. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm giảm quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn của các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tang khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-di-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, làm giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục -2015, tr.105).

Câu 1: Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản trên?

Câu 2: Tìm các từ sắp xếp thành một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng đó?

Câu 3: Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 4: Hãy giải thích từ “ dị tật bẩm sinh”?

Câu 5: Theo em, nguyên nhân cơ bản nào làm cho việc sử dụng bao bì ni lông gây hại tới môi trường?

Phần 4. Viết một đoạn văn theo cách lập luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp khoảng 8 -10 câu nói về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông, trong đoạn văn có sử dụng phép nói quá và câu ghép (gạch chân, gọi tên).

B. DẠNG ĐỀ LÀM VĂN

1. Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về giải pháp bảo vệ môi trường.

2.Đề bài: Phân tích văn bản “Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000”

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Văn bản Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000 chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- | | |
|----------------|--------------|
| A. Tự sự | B. Nghị luận |
| C. Thuyết minh | D. Biểu cảm |

Câu 2: Một ngày không sử dụng bao bì ni lông là chủ đề của Ngày Trái Đất của quốc gia hay của khu vực nào?

- | | |
|------------------|------------------|
| A. Toàn thế giới | B. Nước Việt Nam |
|------------------|------------------|

C. Các nước đang phát triển

D. Khu vực châu Á

Câu 3: Nội dung của đoạn văn “Như chúng ta đã biết ... các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh” là gì?

A. Những nguyên nhân làm cho môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng

B. Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông đối với môi trường, sức khỏe và con người

C. Những nhược điểm của bao bì ni lông với các vật liệu khác

D. Những tính chất hóa học cơ bản của bao bì ni lông và tác dụng của nó trong đời sống của con người

Câu 4: Đoạn văn “Vì vậy chúng ta cần phải ... nghiêm trọng đối với môi trường” nói lên điều gì?

A. Một số giải pháp để tiết kiệm bao bì ni lông

B. Một số giải pháp cho vấn đề sử dụng bao bì ni lông

C. Một số giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên

D. Một số giải pháp để làm tăng số lần sử dụng bao bì ni lông

Câu 5: Nhận định nào là đúng nhất về các giải pháp hạn chế việc dùng bao bì ni lông mà người viết đưa ra trong bài?

A. Chưa phù hợp với trình độ phát triển của con người

B. Vượt quá khả năng của con người

C. Không có tính thuyết phục và khả thi

D. Có tính thuyết phục và khả thi

Câu 6: Hai từ “hãy” trong phần cuối của văn bản được hiểu theo nghĩa nào?

A. Biểu thị yêu cầu có tính chất mệnh lệnh hoặc thuyết phục, động viên làm việc gì đó, nên có thái độ nào đó

B. Biểu thị điều kiện bắt buộc không thể không làm, nhất thiết không thể khác hoặc nhất thiết cần có

C. Là tiếng thốt ra để gọi người đối thoại, có ý thúc giục

D. Biểu thị điều, việc đang nói đến là hay, có lợi, làm hoặc thực hiện được thì tốt hơn

2. Tự luận

Nêu Tác hại của bao bì ni lông và cho biết tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì khi đưa ra các tác hại của bao bì ni lông, nêu tác dụng của BPNT đó?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Văn bản Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000 chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự
D. Biểu cảm
- B. Thuyết minh
- C. Nghị luận

Câu 2: Trong văn bản *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*, bao bì ni lông được coi là gì?

- A. Một loại rác thải công nghiệp
C. Một loại rác thải sinh hoạt
- B. Một loại chất gây độc hại
D. Một loại vật liệu kém chất lượng

Câu 3: Trong văn bản trên, tác giả đã chỉ ra điều gì là nguyên nhân cơ bản nhất khiến cho việc dùng bao bì ni lông có thể gây nguy hại với môi trường tự nhiên?

- A. Tính không phân hủy của pla – xtic
- B. Trong ni lông màu có nhiều chất độc hại
- C. Khi đốt bao bì ni lông, trong khói có nhiều khí độc
- D. Chưa có phương pháp xử lý rác thải ni lông

Câu 4: Hai từ “hãy” trong phần cuối của văn bản được hiểu theo nghĩa nào?

- A. Là tiếng thốt ra để gọi người đối thoại, có ý thúc giục
- B. Biểu thị điều kiện bắt buộc không thể không làm, nhất thiết không thể khác hoặc nhất thiết cần có
- C. Biểu thị yêu cầu có tính chất mệnh lệnh hoặc thuyết phục, động viên làm việc gì đó, nên có thái độ nào đó
- D. Biểu thị điều, việc đang nói đến là hay, có lợi, làm hoặc thực hiện được thì tốt hơn

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Bao bì ni lông không thể phân hủy được
- B. Văn bản đưa đến cho chúng ta thông điệp: Hãy dùng một ngày trong cuộc đời để nói không với bao bì ni lông
- C. Túi ni lông qua sử dụng là rác thải. Nhưng loại rác thải này lại được dùng đựng các loại rác thải khác khiến chúng càng khó phân hủy và sinh ra chất độc hại: NH_3 , CH_4 , H_2S .
- D. Văn bản chỉ ra tác hại nghiêm trọng của việc sử dụng bao bì ni lông

Câu 6: Nhận định nào không nói về tác hại của bao bì ni lông đối với môi trường tự nhiên?

- A. Bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh
- B. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa
- C. Bao bì ni lông đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm gây tác hại cho não và gây ung thư.
- D. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật biển khi chúng nuốt phải

2. Tự luận

Nêu một số giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông, theo em các giải pháp mà tác giả đưa ra có thuyết phục không? Vì sao?

**ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG
THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT**

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN			
1.Tác phẩm	a. Xuất xứ	Theo tài liệu của Sở Khoa học công nghệ Hà Nội.	
	b.Thể loại:	- VB thuyết minh	
	c. Bố cục: 3 phần.	<p>- <u>Phần 1</u> : Từ đầu...một ngày không sử dụng bao bì ni lông. ->Nguyên nhân ra đời của bản thông điệp “Thông tin về ngày trái đất năm 2000 ” .</p> <p>- <u>Phần 2</u> : Tiếp ... ô nhiễm nghiêm trọng đối với môi trường. -> phân tích tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông và những biện pháp hạn chế.</p> <p>- <u>Phần 3</u> : phần còn lại. -> Những kiến nghị về việc bảo vệ môi trường Trái Đất bằng hành động "Một ngày không sử dụng bao bì nilông"</p>	
2.Nội dung văn bản	a. <u>Thông báo về Ngày Trái Đất</u>	<p>- Ngày 22 / 4 hàng năm được gọi là Ngày Trái Đất do Mỹ khởi xướng từ năm 1970.</p> <p>- Có 141 nước tham gia.</p> <p>- Năm 2000 Việt Nam tham gia với chủ đề "Một ngày...ni lông".</p> <p>- Cách trình bày: + số liệu cụ thể + Đi từ thông báo khái quát đến thông tin cụ thể + Lời thông báo trực tiếp, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ .</p>	<p>-> Chủ đề: Cần thiết, bức xúc, nóng bỏng. => Thế giới rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường Trái đất và Việt Nam đã cùng hành động “Một ngày không dùng bao bì ni lông” để chứng tỏ sự quan tâm chung với thế giới.</p>
	b. Tác hại của việc dùng bao bì ni lông và những giải pháp	- Nguyên nhân:	<p>- Plastic không tự phân hủy.</p> <p>- Không biền đi đâu</p> <p>- Tồn tại 20-5000năm</p>
		- Tác hại:	
		<p>* Với môi trường sống:</p> <p>- Cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật, gây xói mòn ở các vùng đồi núi.</p> <p>- Làm tắc các đường dẫn nước thải -> tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa.</p> <p>- Làm tắc nghẽn hệ thống cống rãnh-> muỗi phát sinh lây bệnh truyền nhiễm...</p> <p>- làm chết các sinh vật -> nuốt phải</p>	
		<p>* Với sức khỏe con người:</p> <p>- bao bì nilông màu ->làm ô nhiễm thực phẩm-> hại não, gây ung thư phổi.</p> <p>- nilông bị đốt ->gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, giảm khả năng miễn dịch, gây ung thư ...</p>	

		<p>* Tác hại khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - làm mất mỹ quan cả khu vực. - Rác đựng trong túi ni-lông buộc kín sẽ khó phân hủy -> sinh ra các chất độc hại. - chôn loại rác thải sẽ giảm diện tích đất canh tác
		<p>NT:</p> <p>Phương pháp: liệt kê các tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông. Phân tích trên cơ sở thực tế và khoa học</p> <p>-> có tính thuyết phục, dễ hiểu, dễ nhớ.</p>
	c. Các giải pháp:	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông: giặt phơi khô dùng lại khi cần thiết. - Dùng bằng chất liệu khác như: Giấy, lá... - Tuyên truyền mọi người cùng thực hiện. <p>NT: Lời văn ngắn gọn, nội dung trình bày sáng tỏ, rành mạch.</p> <p>=> thuyết phục, dễ làm, dễ hiểu</p>
3. Những kiến nghị:	<p>- Hãy qtâm tới Trái Đất hơn nữa.</p> <p>- Hãy bảo vệ Trái Đất trước những nguy cơ ô nhiễm của môi trường.</p> <p>- Hãy cùng nhau hành động: Một ngày không sử dụng bao bì nilông.</p> <p>=> Đề nghị, kêu gọi mọi người hãy bảo vệ Trái Đất, bảo vệ môi trường và tích cực hưởng ứng: "Một ngày không dùng bao bì nilông."</p>	<p>NT:</p> <p>+ câu cầu khiến</p> <p>+ giọng điệu mạnh mẽ, ngân vang</p> <p>+ Điệp ngữ: hãy => nhấn mạnh</p>
4. Tổng kết	<p><u>Nghệ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng biện pháp liệt kê, phân tích, câu cầu khiến -> tăng tính thuyết phục. - TM đơn giản, ngắn gọn, sáng tỏ về tác hại của việc dùng bbNL, về lợi ích của việc giảm bớt chất thải NL. - Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục. <p><u>Nội dung</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản là lời kêu gọi bằng hình thức trang trọng qua giải thích, chứng minh và gợi ra những việc cần làm ngay để bảo vệ môi trường. 	

II, LUYỆN TẬP

Phần 1. Gợi ý:

1:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Thông tin về ngày trái đất năm 2000”
- Kiểu văn bản: Nhật dụng.
- **Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh.

2. Nội dung chính : Nguyên nhân ra đời của bản tuyên bố.

3. Có mấy 3 sự kiện được thông báo trong đoạn trích :

- + Ngày 22/4 hàng năm được gọi là *Ngày Trái Đất*, mang chủ đề bảo vệ môi trường.
- + Có 141 nước tham dự
- + Năm 2000: lần đầu tiên VN tham gia Ngày Trái Đất

4. Ngày Trái Đất được tổ chức hằng năm để bàn về những chủ đề có liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước và từng khu vực -> mục đích cùng bảo vệ môi trường sống.

5. - Là chủ đề thiết thực phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, gần gũi với mọi người mà có ý nghĩa to lớn: “Một ngày không sử dụng...”

=> Đó là nguyên nhân ra đời của bản thông điệp này.

Phần 2

Câu1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản :” thông tin về ngày trái đất năm 2000’.

- Ngày trái đất là ngày 22/4 hằng năm
- Ngày trái đất được khởi xướng từ năm 1970
- Việt Nam tham gia lần đầu tiên vào năm 2000

Câu2.

*Hình thức;

- Viết bài văn thuyết minh, bố cục hoàn chỉnh
- Diễn đạt mạch lạc, logic,đúng chính tả...
- Biết các sử dụng các phương pháp thuyết minh (1.0 đ)

* Nội dung :

Hs có nhiều cách viết, song đảm bảo í cơ bản sau:(0,25đ)

- Trình bày được nguyên nhân gây tác hại
- Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông đối với môi trường, tới sức khoẻ con người...(2.0đ)
- Giải pháp hạn chế bao bì ni lông...(0,75đ)

Phần 3. Gợi ý:

Câu 1:

- Kiểu văn bản: Nhật dụng.

- **Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh.

Câu 2: Trường từ vựng về bệnh tật: ung thư phổi, ngộ độc, ngất, khó thở, nôn ra máu, dị tật bẩm sinh.

Câu 3: Đoạn trích nêu lên tác hại của bao bì ni lông đối với con người và môi trường.

Câu 4: “ dị tật bẩm sinh”: hiện tượng bất thường về hình dạng của bộ phận nào đó trong cơ thể(dị tật) đã có khi sinh ra(bẩm sinh)

Câu 5: Nguyên nhân cơ bản đó là do ý thức của con người(sử dụng chỉ một lần) làm cho việc sử dụng bao bì ni lông gây hại tới môi trường.

Phần 4. Viết một đoạn văn theo cách lập luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp khoảng 8 -10 câu nói về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông, trong đoạn văn có sử dụng phép nói quá và câu ghép (gạch chân, gọi tên).

- Về nội dung HS làm rõ được các ý sau: **(3đ)**

- | | | |
|---------------------------|----------------------------------|---|
| + Về sử dụng bao bì nilon | ô nhiễm môi trường | } |
| | ảnh hưởng tới sức khỏe con người | |
| | mất mỹ quan đường phố | |

→ có dẫn chứng minh họa

+ Sử dụng bao bì nilon sẽ gây hậu quả nghiêm trọng:

→ Tuyên truyền vận động mọi người hạn chế sử dụng bao bì nilon

- Về hình thức:

+ Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc: **0.5đ**

+ Có sử dụng câu ghép, phép nói quá (gạch chân, gọi tên): **0.5đ x 2 = 1đ**

+ Đủ số câu theo quy định ±1: **0.5đ**

B, DẠNG ĐỀ LÀM VĂN

1. Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về giải pháp bảo vệ môi trường.

Hướng dẫn:

- Vấn đề cần nghị luận: ô nhiễm môi trường.
- Dạng đề: Nghị luận về một hiện tượng đời sống/xã hội.
- Về kỹ năng và hình thức: Đoạn văn có dung lượng khoảng 150 chữ, không sai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bài viết cần mạch lạc rõ ràng, lập luận chặt chẽ...
- Về nội dung: Đề viết đạt yêu cầu, học sinh cần giải thích được “ô nhiễm môi trường” là gì và nêu được biểu hiện, thực trạng của vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay. Đồng thời phân tích, chứng minh làm rõ nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường (đối với cuộc sống của mỗi con người, xã hội, kinh tế, chính trị...) rồi tiến đến đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề, để từ đó rút ra bài học cho bản thân.

Phương thức

a. Giải thích vấn đề

- Môi trường bao gồm tất cả các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người.
- Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc hại gây tác hại xấu đến cuộc sống con người.

b. Thực trạng

- Môi trường không khí: các nhà máy, khói bụi xe hơi và các loại động cơ khác,... đã và đang thải ra môi trường không khí một nguồn cacbonic khổng lồ, các loại axit, các loại khí gây hiệu ứng nhà kính, ...
- Ô nhiễm môi trường nước: nguồn nước bị nhiễm độc do nước thải, sự cố tràn dầu,... khiến cho số lượng nước sạch ngày càng khan hiếm.
- Ô nhiễm môi trường đất: đất đai ngày càng bị thoái hóa, bị rửa trôi, nhiễm chì, nhiễm độc do rác thải, thuốc trừ sâu, ...

c. Nguyên nhân:

- + Vì lợi nhuận, một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật cố ý xả chất thải chưa qua xử lý vào môi trường, ...
- + Ý thức của người dân còn kém: vô trách nhiệm, chặt phá rừng, xả rác thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm diện rộng không kiểm soát được.
- + Sự quản lý của nhà nước còn lỏng lẻo.

d. Hậu quả:

- + Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người (bệnh đường hô hấp, bệnh tim mạch, viêm họng, đau ngực, tức thở; khoảng 14.000 cái chết mỗi ngày do ô nhiễm nguồn nước...)
- + Cạn kiệt tài nguyên sinh vật, thiếu nước sinh hoạt, mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống.
- + Ảnh hưởng đến các nguồn lợi kinh tế, nông nghiệp, du lịch, ...

e. Giải pháp

- Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp cá nhân vi phạm.
- Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời nêu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người...
- Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm...

2.Đề bài: Phân tích văn bản “Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000”

Lập dàn ý:

I. Mở bài

- Cuộc sống hiện đại khiến con người bận rộn trong guồng quay công việc, chính bởi vậy con người thường quên mất sự hiện diện và vai trò quan trọng của môi trường sống
- Văn bản Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000 đưa đến cho mỗi chúng ta sự nhìn nhận và hành xử đúng đắn hơn với môi trường sống của mình

II. Thân bài

1. Thông báo về sự ra đời của Ngày Trái Đất năm 2000

- Một số sự kiện được thông báo
- + Ngày 22- 4 hằng năm được gọi là Ngày Trái Đất.
- + Có 141 nước tham gia.

+ Năm 2000 Việt Nam tham gia với chủ đề: Một ngày không sử dụng bao bì nilông.

⇒ Thông qua những con số, ngày tháng cụ thể, đi từ thông tin khái quát đến cụ thể ⇒ lời thông báo trực tiếp ngắn gọn dễ hiểu dễ nhớ.

⇒ Thế giới rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường Trái Đất

2. Tác hại của bao bì nilông và một số giải pháp hạn chế sử dụng bao bì nilông

a. Những tác hại của bao bì nilông

- Với môi trường: Gây hại cho môi trường vì đặc tính không phân huỷ của nó, chúng có thể tồn tại từ 20 năm đến 5000 năm

+ Lấn vào đất dẫn đến cản trở quá trình sinh trưởng các loài thực vật, cỏ dẫn đến xói mòn.

+ Vứt xuống cống làm tắc đường dẫn nước thải, lây truyền dịch bệnh.

+ Trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải

- Với con người

+ Ô nhiễm thực phẩm, gây bệnh cho não, phổi...

+ Khí độc thải ra gây ngộ độc, giảm khả năng miễn dịch, ung thư, dị tật...

⇒ Liệt kê, phân tích trên cơ sở thực tế và khoa học ⇒ Dùng bao bì nilông bừa bãi làm ô nhiễm môi trường, phát sinh nhiều bệnh hiểm nghèo.

b. Những biện pháp hạn chế dùng bao bì nilông

- Khẳng định các biện pháp như: chôn lấp, đốt, tái chế đều không triệt để

- Giải pháp:

+ Thay đổi thói quen sử dụng, giặt bao bì nilông để dùng lại

+ Không sử dụng bao bì nilông khi không cần thiết

+ Sử dụng các túi đựng bằng giấy, bằng lá, nhất là khi đựng thực phẩm

+ Tuyên truyền cho mọi người thấy được tác hại của bao bì nilông ⇒ hạn chế tối đa việc dùng bao bì nilông.

⇒ Các giải pháp đưa ra hợp lý, có tính khả thi cao

c. Lời kêu gọi về việc bảo vệ môi trường

- Mọi người hãy quan tâm đến Trái Đất hơn

- Hãy bảo vệ Trái Đất trước nguy cơ ô nhiễm môi trường

- Hãy cùng nhau hành động một ngày không sử dụng bao bì nilông.

⇒ Lời kêu gọi giản dị nhưng khẩn thiết với mỗi chúng ta.

III. Kết bài

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật tiêu biểu của tác phẩm

- Liên hệ thực tế bản thân: Những hành động của chúng ta trong việc bảo vệ môi trường

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
B	A	B	B	D	C

2. Tự luận

Những tác hại của bao bì nilông

- Với môi trường: Gây hại cho môi trường vì đặc tính không phân huỷ của nó, chúng có thể tồn tại từ 20 năm đến 5000 năm

+ Lấn vào đất dẫn đến cản trở quá trình sinh trưởng các loài thực vật, cỏ dẫn đến xói mòn.

+ Vứt xuống cống làm tắc đường dẫn nước thải, lây truyền dịch bệnh.

+ Trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải

- Với con người

+ Ô nhiễm thực phẩm, gây bệnh cho não, phổi...

+ Khí độc thải ra gây ngộ độc, giảm khả năng miễn dịch, ung thư, dị tật...

⇒ NT Liệt kê, phân tích trên cơ sở thực tế và khoa học ⇒ Dùng bao bì ni lông bừa bãi làm ô nhiễm môi trường, phát sinh nhiều bệnh hiểm nghèo.

ĐỀ 2

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	C	A	A	B	C

2. Tự luận

- Giải pháp:

+ Thay đổi thói quen sử dụng, giặt bao bì ni lông để dùng lại

+ Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết

+ Sử dụng các túi đựng bằng giấy, bằng lá, nhất là khi đựng thực phẩm

+ Tuyên truyền cho mọi người thấy được tác hại của bao bì ni lông ⇒ hạn chế tối đa việc dùng bao bì ni lông.

- Lời văn ngắn gọn, nội dung trình bày sáng tỏ, rành mạch.

⇒ thuyết phục, dễ làm, dễ hiểu

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG ÔN TẬP VĂN BẢN: ÔN DỊCH THUỐC LÁ

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả

-: ông sinh năm, mất năm

- Quê quán:

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

.....

.....

.....

- Phong cách sáng tác:

.....

2.Tác phẩm	a. Xuất xứ	- VB trích trong "....."- - NXB HN, 1992	
	b.Thể loại:	- Thể loại: - Kiểu VB:	
	d. Bố cục:	- Phần 1: (Từ đầu đến “nặng hơn cả AIDS”): - Phần 2: (Từ tiếp đến “con đường phạm pháp”): - Phần 3: Còn lại:	
3.Nội dung văn bản	a.Nhan đề: Ôn dịch, thuốc lá	- Ôn dịch: + Thuốc lá: + Dấu phẩy làm 2 vế. -> Thuốc lá !!	
	b. Thông báo về nạn dịch thuốc lá	- Tin mừng: diệt trừ dịch - Khó khăn hiện nay: và đe dọa và loài người còn còn cả AIDS".	NT: -Phép , văn -> Tính chấtcủa vấn đề:
	c. Tác hại của thuốc lá	* Với sức khỏe - “Nếu giặc đánh như thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc như” + + Cách lập luận, độc đáo. => Sự nguy hiểm, của thuốc lá. - Tác hại: + Gây , gây +Chất ô-xít các-bon làm +Chất ni-cô-tin làm - Cách trình bày đi từ đến , rất + Kết hợpthuyết minh: có sức lớn đối với ng đọc. => Hủy hoại - Có hại cho xung quanh. - Lập luận:	
* Tác hại của thuốc lá với đạo đức, lối sống.			

		 -> Có thể
	d. Kiến nghị chống thuốc lá.	<div> <div>- Chiến dịch</div> <div>- Các biện pháp:</div> <div>- Kết quả:</div> </div> <div> <div>+ TM bằng phương pháp</div> <div>+ Giọng văn phần cuối bài</div> <div>..... lời lẽ</div> <div>-> T/d:</div> </div>
4. Tổng kết	Giá trị nghệ thuật	
	Giá trị nội dung	Văn bản đề cập tới

II, LUYỆN TẬP

A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU

Phần 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Ôn dịch thuốc lá đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS. Ngày trước Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: “Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu”.

Hẳn rằng người hút thuốc lá không lẫn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu. tài liệu Thu Nguyễn

Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chất hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục - 2015, tr.118, 119).

Câu 1. Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2. Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản?

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép so sánh trong đoạn văn trên?

Câu 5. Dựa vào đoạn trích trên, hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 12 câu làm rõ những tác hại của thuốc lá đối với đời sống con người. Đoạn văn sử dụng *câu ghép* và *trợ từ* (gạch chân, chú thích)

Phần 2. Cho đoạn trích:

“(1) Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!

(2) Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh.

(3) Anh uống rượu say mềm, anh làm anh chịu. (4) Nhưng hút thuốc thì người ở gần anh cũng hít phải luồng khói độc. (5) Điều này hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ.”

(Trích Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục 2015)

1. Những câu văn trên trích từ văn bản nào? Của ai? Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản đó.

2. Bằng một câu ghép sử dụng cặp quan hệ từ, hãy trình bày nội dung cơ bản của văn bản nói trên.

3. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào khi sử dụng động từ “đầu độc” trong câu văn số (2)? Nêu ngắn gọn tác dụng của biện pháp tu từ đó.

4. Hãy kể tên một văn bản thuộc chương trình Ngữ văn 8 có cùng phương thức biểu đạt với văn bản nói trên, cũng nêu lên một vấn đề cấp thiết của xã hội

Câu 3 . Viết một đoạn văn theo cách lập luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp khoảng 8 -10 câu nói về tác hại của việc hút thuốc lá, trong đoạn có sử dụng phép nói quá và câu ghép (gạch chân, gọi tên).

B, DẠNG ĐỀ LÀM VĂN

Đề bài: Phân tích văn bản Ôn dịch thuốc lá

Đề bài: Tệ nạn xã hội “ Nghiện hút thuốc lá”

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

I. Đề kiểm tra nhanh sau tiết học

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Văn bản Ôn dịch thuốc lá có sự kết hợp chặt chẽ của 2 phương thức tạo lập văn bản nào?

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| A. Lập luận và thuyết minh | B. Thuyết minh và tự sự |
| C. Tự sự và biểu cảm | D. Biểu cảm và thuyết minh |

Câu 2: Nhận định nào sau đây nói đúng nhất ý nghĩa của từ “ôn dịch” được dùng ở nhan đề của bài?

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------------------|
| A. Nói về một căn bệnh rất dễ lây lan | B. Nói về một căn bệnh rất nguy hiểm |
| C. Nói về một loại động vật có hại | D. Là từ dùng làm tiếng chửi rủa |

Câu 3: Theo em, câu văn “nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- | | |
|-------------|---------------|
| A. Nhân hóa | B. So sánh |
| C. Liệt kê | D. Tương phản |

Câu 4: Trong cụm từ “tằm ăn dâu”, “dâu” được ví với cái gì?

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| A. Sức khỏe con người | B. Thuốc lá |
| C. Khói thuốc lá | D. Giặc ngoại xâm |

Câu 5: Nhận định nào nói lên quan điểm của tác giả về việc hút thuốc lá và tác hại của thuốc lá trên phương diện xã hội?

- | |
|---|
| A. Là “một tội ác” |
| B. Là “quyền của anh” |
| C. Là “một cử chỉ cho biểu tượng quý trọng” |
| D. Là một loại “ôn dịch” |

Câu 6: Ý nào được tác giả đề cập đến trong bài viết không nói đến tác hại của thuốc lá?

- A. Gây ho hen, đờm dãi và sau nhiều năm gây viêm phế quản
- B. Gây ung thu vòm họng và ung thư phổi
- C. Gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu
- D. Làm tăng huyết áp, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim
- E. Làm cho thai nhi bị nhiễm độc, mẹ đẻ non và con sinh ra đã suy yếu
- F. Những người lớn hút thuốc vừa đầu độc con em, vừa nêu gương xấu cho họ

2. Tự luận

- a. Tác giả đã đưa ra những lí lẽ gì cho thấy tác hại của việc hút thuốc lá trong văn bản “Ôn dịch thuốc lá” ?
- b.. Nêu ngắn gọn thông điệp được gọi ra từ văn bản “Ôn dịch thuốc lá” .

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Văn bản Ôn dịch thuốc lá có sự kết hợp chặt chẽ của 2 phương thức tạo lập văn bản nào?

- A. Thuyết minh và tự sự
- B. Lập luận và thuyết minh
- C. Tự sự và biểu cảm
- D. Biểu cảm và thuyết minh

Câu 2: Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của văn bản “Ôn dịch, thuốc lá”?

- A. Nói lên tính chất của nạn nghiện thuốc lá: là tệ nạn rất dễ lây lan
- B. Nói lên tính chất của những tác hại mà thuốc lá gây nên: là những tác hại không dễ kịp thời nhận biết
- C. Nói lên tác hại nhiều mặt của thuốc lá đối với cuộc sống gia đình và xã hội
- D. Cả ba nội dung trên

Câu 3: Trong bài, tác giả đã so sánh tác hại của thuốc lá với việc gì?

- A. Với việc tẩm ăn dẫu
- B. Với việc lan truyền nhanh của các loại ôn dịch
- C. Với việc bị giặc ngoại xâm đánh phá
- D. Với việc sử dụng bao bì ni lông

Câu 4: Trọng cụm từ “tẩm ăn dẫu”, “tẩm” được ví với cái gì?

- A. Thuốc lá
- B. Con người
- C. Khói thuốc lá
- D. Bác sĩ

Câu 5: Vấn đề mà tác giả muốn làm nổi bật trong câu “Hẳn rằng người hút thuốc lá không lẫn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu” là gì?

- A. Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người là không đáng kể
- B. Rượu gây tác hại với sức khỏe con người mạnh hơn thuốc lá

C. Người hút thuốc lá không bị say cũng không bị chết

D. Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người chậm hơn các chất kích thích khác nhưng rất rõ ràng

Câu 6: Vấn đề mà tác giả muốn làm nổi bật trong câu “Hẳn rằng người hút thuốc lá không lẫn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu” là gì?

A. Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người là không đáng kể

B. Rượu gây tác hại với sức khỏe con người mạnh hơn thuốc lá

C. Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người chậm hơn các chất kích thích khác nhưng rất rõ ràng

D. Người hút thuốc lá không bị say cũng không bị chết

2. Tự luận

a. Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản “Ôn dịch thuốc lá”.

b. Tác giả đã đưa ra những lí lẽ gì cho thấy tác hại của việc hút thuốc lá trong văn bản “Ôn dịch thuốc lá” ?

đáp án PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG ÔN TẬP VĂN BẢN: ÔN DỊCH THUỐC LÁ

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN		
1. Tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Khắc Viện: ông sinh năm 1913, mất năm 1997 - Quê quán: làng Gôi Vĩ, nay là xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác: <ul style="list-style-type: none"> + Là bác sĩ nhi khoa, một nhà nghiên cứu văn hóa và tâm lí- y học + Năm 1937, ông sang Pháp học tại Đại học Y khoa Pari, nhưng mắc bệnh lao nên phải điều trị + Năm 1947 ông hồi phục và trở lại Pari, ông là cầu nối quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. + Năm 1997, Nhà nước Việt Nam trao tặng cho ông Huân chương Độc lập hạng nhất + Những tác phẩm tiêu biểu: Lịch sử Việt Nam, Kinh nghiệm Việt Nam, Truyện Kiều (dịch ra tiếng Pháp)... - Phong cách sáng tác: Ông thường xuyên viết những tác phẩm giới thiệu về Việt Nam, phê phán chủ nghĩa thực dân. 	
	2. Tác phẩm	<ul style="list-style-type: none"> a. Xuất xứ: - VB trích trong "<i>Từ thuốc lá đến ma túy- Bệnh nghiện</i>"- Nguyễn Khắc Viện - NXB HN, 1992 b. Thể loại: - Thể loại: văn thuyết minh. - Kiểu VB: nhật dụng d. Bố cục: <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: (Từ đầu đến “nặng hơn cả AIDS”): nêu lên vấn đề và sự nghiêm trọng của vấn đề: nạn nghiện thuốc lá - Phần 2: (Từ tiếp đến “con đường phạm pháp”): Tác hại của thuốc lá

		- Phần 3: Còn lại: Lời kêu gọi chống thuốc lá	
3. Nội dung văn bản	a. Nhan đề: Ôn dịch, thuốc lá	- Ôn dịch: Chỉ chung các loại bệnh nguy hiểm, lây lan rộng làm chết ng hàng loạt trong 1 t/g nhất định. + Thuốc lá: Là cách nối tắt của tệ nghiện thuốc lá. + Dấu phẩy tách nhan đề làm 2 vế. -> Như lời chửi rửa: Thuốc lá ! Mày là đồ ôn dịch!	
	b. Thông báo về nạn dịch thuốc lá.	- Tin mừng: diệt trừ dịch hạch, tả - Khó khăn hiện nay: đại dịch AIDS và ôn dịch thuốc lá đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người còn còn nặng hơn cả AIDS".	NT: - Phép so sánh, lời văn ngắn gọn, chính xác -> Tính chất nghiêm trọng của vấn đề: hiểm họa to lớn từ việc hút thuốc lá
	c. Tác hại của thuốc lá	* Với sức khỏe - “Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu” + ẩn dụ, so sánh + Cách lập luận, dẫn chứng độc đáo. => Sự phá hoại nguy hiểm, ngấm ngấm của thuốc lá. - Tác hại: + Gây ho hen và viêm phế quản, gây ung thư vòm họng và ung thư phổi. + Chất ô-xít các-bon làm máu k nhận đc ô-xi, sk sút kém. + Chất ni-cô-tin làm co thắt động mạch gây huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim. - Cách trình bày đi từ nhỏ đến lớn, rất chi li cụ thể. + Kết hợp nh phương pháp TM: có sức thuyết phục lớn đối với ng đọc. => Hủy hoại nghiêm trọng sk con ng; là ng/nhân của nh cái chết bệnh. - Có hại cho những ng xung quanh. - Lập luận: Đưa ra ý kiến ng nghiện thuốc rồi phản bác => Làm nổi bật vđ * Tác hại của thuốc lá với đạo đức, lối sống. Hút thuốc còn gây ra nh tác hại về mặt đạo đức, về Gd trẻ em, con đg dẫn đến nạn ma túy, trộm cắp, phạm tội. -> Có thể hủy hoại lối sống, nhân cách.	
	d. Kiến nghị chống thuốc lá.	- Chiến dịch chống thuốc lá. - Các biện pháp: Cấm hút nơi số liệu thống kê, so sánh công cộng; phạt; cấm quảng cáo. - Kết quả: Số ng hút giảm hẳn thiết. => triển vọng	+ TM bằng phương pháp nêu vấn đề, + Giọng văn phần cuối bài dụ đi; khi so sánh đôi chiếu với nc ta lời lẽ thống -> T/d: Thuyết phục ng đọc tin ở chiến dịch, cổ vũ cho chiến dịch.
4. Tổng kết	Giá trị nghệ thuật	Cách lập luận vô cùng chặt chẽ, cụ thể thuyết phục với lối văn viết giàu nhiệt huyết đã tạo nên hiệu quả cho văn bản.	
	Giá trị nội dung	Văn bản đề cập tới nạn nghiện thuốc lá: Với những phân tích thấu đáo, tác giả đã chỉ ra nhiều tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe và tín mạng	

		mỗi người. Nghiện thuốc lá còn ghê gớm hơn cả ôn dịch, muốn chống lại nó chúng ta phải quyết tâm bảo vệ và có những biện pháp triệt để hơn là phòng chống ôn dịch tài liệu Thu Nguyễn
--	--	---

II, LUYỆN TẬP

Phần 1.

Câu 1. Đoạn trích trên nằm trong văn bản ÔN DỊCH, THUỐC LÁ ? Tác giả Nguyễn Khắc Viện .

Câu 2. Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản:

- Ôn dịch: Chỉ chung các loại bệnh nguy hiểm, lây lan rộng làm chết ng hàng loạt trong 1 t/g nhất định.

+ Thuốc lá: Là cách nói tắt của tệ nghiện thuốc lá.

+ Dấu phẩy tách nhan đề làm 2 vế.

-> Như lời chửi rủa:

Thuốc lá ! Mày là đồ ôn dịch

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích trên: *Tác hại của thuốc lá với sức khỏe*

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép so sánh trong đoạn văn trên:

- *Phép so sánh : Ôn dịch thuốc lá đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.*

- *Tác dụng: cách nói giàu hình ảnh, nhấn mạnh tác hại ghê gớm của khói thuốc lá*

Câu 5.

Hình thức: khoảng 12 câu, đoạn văn sử dụng *câu ghép* và *trợ từ* (gạch chân, chú thích)

Nội dung: HS làm rõ các ý sau

*** Với sức khỏe**

+ Gây ho hen và viêm phế quản, gây ung thư vòm họng và ung thư phổi.

+ Chất ô-xít các-bon làm máu k nhận đc ô-xi, sk sút kém.

+ Chất ni-cô-tin làm co thắt động mạch gây huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim.

- Cách trình bày đi từ nhỏ đến lớn, rất chi li cụ thể.

+ Kết hợp nh phương pháp TM: có sức thuyết phục lớn đối với ng đọc.

=> Hủy hoại nghiêm trọng sk con ng; là ng/nhân của nh cái chết bệnh.

- Có hại cho những ng xung quanh.

- Lập luận: Đưa ra ý kiến ng nghiện thuốc rồi phản bác => Làm nổi bật vd

*** Tác hại của thuốc lá với đạo đức, lối sống.**

Hút thuốc còn gây ra nh tác hại về mặt đạo đức, về Gd trẻ em, con đg dẫn đến nạn ma túy, trộm cắp, phạm tội.

-> **Có thể hủy hoại lối sống, nhân cách.**

Phần 2.

Phần	Đáp án	Điểm
2	1. Văn bản “Ôn dịch thuốc lá”	0.5
	Tác giả Nguyễn Khắc Viện	0.5
	Phương thức biểu đạt thuyết minh	0.5

	2. - Nêu đúng nội dung văn bản: + Thuốc lá và nạn nghiện thuốc lá có tác hại nguy hiểm đến con người và xã hội + Chúng ta cần có quyết tâm và biện pháp phòng chống thuốc lá triệt để - Dùng cặp quan hệ từ phù hợp, tạo thành câu ghép	0.5
		0.5
	3. - Phép nói quá - Tác dụng: nhấn mạnh, gây ấn tượng về ảnh hưởng của việc hút thuốc tới những người xung quanh	0.5
		0.5
	4. Văn bản <i>Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000</i>	0.5

Câu 3. Viết một đoạn văn theo cách lập luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp khoảng 8 -10 câu nói về tác hại của việc hút thuốc lá, trong đoạn có sử dụng phép nói quá và câu ghép (gạch chân, gọi tên).

Câu 3:

- Về nội dung HS làm rõ được các ý sau: (3đ)

+ Hút thuốc gây hại cho

bản thân người hút

Những người xung quanh

Cho toàn xã hội

→ có dẫn chứng minh họa

➡ Mắc một số bệnh nghiêm trọng → ảnh hưởng tới sức khỏe

➡ Gây thiệt hại về kinh tế → kìm hãm sự phát triển của đất nước

➡ Sa sút về tinh thần → phá vỡ đạo đức truyền thống

+ Thuốc lá gây tác hại âm i, lâu dài

→ Tuyên truyền vận động mọi người không hút thuốc lá

- Về hình thức:

+ Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc: **0.5đ**

+ Có sử dụng câu ghép, phép nói quá (gạch chân, gọi tên): **0.5đ x 2 = 1đ**

+ Đủ số câu theo quy định ±1: **0.5đ**

ĐỀ LÀM VĂN

Đề bài1: Phân tích văn bản Ôn dịch thuốc lá

Lập dàn ý:

I. Mở bài

- Vài nét về vấn nạn xã hội hiện nay: Xã hội ngày nay tồn tại nhiều vấn nạn nghiêm trọng, đáng báo động

- Một trong số những vấn nạn đó chính là “ôn dịch thuốc lá”, vấn nạn này đã được phản ánh rõ nét trong tác phẩm Ôn dịch, Thuốc lá của tác giả Nguyễn Khắc Viện

II. Thân bài

1. Thông báo về nạn dịch thuốc lá thuốc lá

- Những ôn dịch mới xuất hiện vào đầu thế kỉ: dịch hạch, thổ tả, AIDS, thuốc lá.

+ Ôn dịch thuốc lá đe dọa sức khỏe và tính mạng của loài người còn nặng hơn cả AIDS.

⇒ Sử dụng từ ngữ thông dụng của ngành y tế, phép so sánh ⇒ Thông báo ngắn gọn, chính xác nạn dịch thuốc lá và nhấn mạnh hiểm họa của nạn dịch này

2. Tác hại của thuốc lá

a. Ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

- Dẫn lời Trần Hưng Đạo bàn về việc đánh giặc khi nói về sự nguy hiểm của thuốc lá: So sánh thuốc lá tấn công loài người như giặc ngoại xâm đánh phá

- Hút thuốc lá có hại cho cơ thể, cho sức khỏe người hút một cách từ từ, chắc chắn. tài liệu Thu Nguyễn
- Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc thấm vào cơ thể người hút:

+ Chất hắc ín: ho hen, viêm phế quản

+ Ô -xit các-bon: hạn chế sự tiếp nhận ô xi.

+ Ni- cô- tin: huyết áp cao, nhồi máu ⇒ tử vong.

- Khói thuốc lá còn đầu độc những người xung quanh: nhiễm độc, viêm phế quản, ung thư...

- Bác bỏ quan điểm sai lầm: “Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!” thông qua nêu ra tác hại của thuốc lá đối với cộng đồng

- Thừa nhận quyền tự do, trong đó có tự do hút thuốc, nhưng cũng căn cứ vào quyền của con người để phê phán

- So sánh với một hành vi tự đầu độc khác là uống rượu, thì hút thuốc lá rõ ràng là nguy hại hơn vì nó còn đầu độc những người xung quanh

⇒ Căn cứ khoa học, những số liệu cụ thể ⇒ người đọc bị thuyết phục hoàn toàn ⇒ Thuốc lá huỷ hoại nghiêm trọng sức khỏe con người, là nguyên nhân của nhiều cái chết.

b. Ảnh hưởng của thuốc lá đến đạo đức con người

- Người lớn hút thuốc đầu độc con em và nêu gương xấu

- *Tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc lá cao*

- Cảnh báo nạn đua đòi thuốc lá dẫn đến các tệ nạn khác ở thanh niên.

- Huỷ hoại lối sống, nhân cách của con người

3. Lời kêu gọi chống thuốc lá

- Đưa ví dụ, số liệu, so sánh ⇒ Khẳng định tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ sức khỏe con người và giữ gìn bầu không khí trong lành là nhiệm vụ chung của toàn nhân loại.

- Cần tuyên truyền chống hút thuốc lá; khuyên người thân hạn chế rồi bỏ thuốc lá; bản thân không đua đòi, không tập hút thuốc lá, không coi việc hút thuốc là biểu hiện sành điệu, quý phái,..

III. Kết bài

Khái quát những giá trị tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật

Đề bài 2. Tệ nạn xã hội “Nghiện hút thuốc lá”

* Yêu cầu : Viết đúng thể loại nghị luận

Có kết hợp được các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự vào bài.

Bố cục 3 phần rõ ràng, trình bày sạch đẹp, trình bày mỗi luận điểm thành một đoạn văn; chuyển đoạn, chuyển ý rõ ràng, linh hoạt; không sai chính tả, không sai từ ...

* Dàn bài :

1, Mở bài : Hiện nay xã hội đang đối mặt với nhiều tệ nạn xã hội trong đó có tệ nạn nghiện hút thuốc lá

2, Thân bài : Trình bày được các ý chính sau :

Nguyên nhân dẫn tới nghiện hút thuốc lá : Hút nhiều thành thói quen, thích thể hiện, đua đòi, thói quen hút thuốc khi buồn hoặc vui..

Tác hại của việc hút thuốc lá : Do khói thuốc chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể.

Đối với người hút : Là nguyên nhân của nhiều bệnh tật : viêm phế quản; cao huyết áp; tắc động mạch; nhồi máu cơ tim, ung thư phổi dẫn đến sức khỏe giảm sút, có thể gây tử vong.

Hơi thở hôi, mọi người ngại giao tiếp

Mất thẩm mỹ, răng đen, tay vàng...

Đối với những người xung quanh : Trực tiếp hít phải khói thuốc cũng mắc bệnh giống người hút. Đặc biệt nguy hiểm đối với những phụ nữ mang thai và các em nhỏ

Thuốc lá gây nhảm tâm hồn và lối sống của con người

Nêu gương xấu cho con em

Là nguyên nhân dẫn tới các tệ nạn xã hội khác (trộm cướp, lừa lọc...) được 1 điểm

Hướng giải quyết

Bao bì thuốc lá nên in những hình ảnh xấu của việc hút thuốc lá; hàng chữ khuyến cáo mọi người không nên hút thuốc lá.

Quan trọng là người hút thuốc phải ý thức được tác hại của việc hút thuốc, có kế hoạch cai nghiện

Đẩy mạnh tuyên truyền về tác hại của việc hút thuốc lá.

3, Kết bài :

Lời kêu gọi mọi người không hút thuốc lá vì một xã hội văn minh, giàu đẹp

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
A	D	B	A	A	C

2. Tự luận

a. Bằng những cứ liệu khoa học, bằng sự giải thích, phân tích tường tận của một nhà khoa học, tác giả chứng minh cho mọi người thấy được tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe của con người nó gây ra những căn bệnh nan y: Viêm phế quản, ung thư phổi và ung thư vòm họng làm tắc động mạch, làm nhồi máu cơ tim... khiến cho người đọc phải rung mình kinh sợ.

b. Có thể nêu như sau: Mỗi người phải có ý thức tuyên truyền về tác hại của thuốc lá, hạn chế và chống hút thuốc lá. Phải cùng nhau chống thuốc lá như chống nạn dịch nguy hiểm. Cùng nhau đứng lên chống lại nạn dịch này chính là cách mà bản thân chúng ta tự cứu lấy chính chúng ta

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
B	D	A	A	D	C

2. Tự luận

a.- Ý nghĩa nhan đề: : Ôn dịch, thuốc lá đã cho thấy tính chất nghiêm trọng và bức xúc của vấn đề. Thuốc lá ở đây là nói đến tệ nghiện thuốc lá. Nó được ví một cách rất thoả đáng với ôn dịch, xem như một thứ bệnh nguy hiểm đến tính mạng của con người và rất dễ lây lan. Hơn nữa, từ ôn dịch còn mang sắc thái biểu cảm. Nghiện thuốc lá được nói đến trong một cảnh báo gay gắt, đến mức nó đáng trở thành một đối tượng để nguyên rủa.

- Ôn dịch trong tiếng Việt là từ được dùng để làm tiếng chửi rủa thể hiện thái độ căm ghét, ghê sợ - một loại bệnh nguy hiểm lây lan làm chết người. Thuốc lá ở đây là nói đến tệ nghiện thuốc lá. Tác giả dùng dấu phẩy ngăn cách giữa hai từ “ôn dịch” và “thuốc lá”, là sử dụng theo lối tu từ để nhấn mạnh sắc thái biểu cảm (vừa căm tức vừa ghê sợ).

b. Bằng những cứ liệu khoa học, bằng sự giải thích, phân tích tường tận của một nhà khoa học, tác giả chứng minh cho mọi người thấy được tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe của con người nó gây ra những căn bệnh nan y: Viêm phế quản, ung thư phổi và ung thư vòm họng làm tắc động mạch, làm nhồi máu cơ tim... khiến cho người đọc phải rùng mình kinh sợ.

PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀI TOÁN DÂN SỐ

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN		
1.Tác giả		
2.Tác phẩm	a. Xuất xứ	Trích Báo
	b.Thể loại:	Kiểu VB: - Phương thức lập luận:
	d. Bố cục: 3 phần.	+ Phần 1 (từ đầu... sáng mắt ra): + Phần 2 (tiếp... sang ô thứ 34 của bàn cờ): + Phần 3 (còn lại):

3. Nội dung văn bản	1. Nêu vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình.	- Dân số gắn liền với - Tác giả tỏ ý: vấn đề DS và KHHHGD mới được thế giới đặt ra cách nay >< Bài toán dân số từ - Bổng	=> <i>Cách đặt vấn đề tạo sự</i>
	2. Làm rõ vấn đề dân số - kế hoạch hóa gia đình.	a. <u>Bài toán cổ</u> - Câu chuyện kén rể của nhà thông thái kết thúc bất ngờ:	→ Tạo sự
		b. <u>Câu chuyện trong kinh thánh</u> - Khởi điểm: - 1995:ti người (ô thứ của bàn cờ) - 2015:ti người (dự kiến) ô của bàn cờ	→
		c. <u>Khả năng sinh con của PN</u> - Tỉ lệ ở phụ nữ + Phương pháp là - những nước có tỉ lệ sinh cao đều là	- Cách lập luận: + Lí lẽ => Nhấn mạnh
	3. Lời kêu gọi của tác giả.	- - Phải hạn chế -> Đó là con đường	
4. Tổng kết:	Nghệ thuật	- Sử dụng kết hợp các phương pháp thuyết minh: - Lập luận, ngôn ngữ, kết hợp thuyết minh với	
	Nội dung	- Sự gia tăng dân số là thực trạng - Hạn chế gia tăng dân số là.....	

5. Tóm tắt

II, LUYỆN TẬP

Câu 1. Trình bày quan điểm của em về tác hại của gia tăng dân số đối với sự phát triển của con người.

Câu 2. Hãy nêu các lí do chính để trả lời câu hỏi: Vì sao sự gia tăng dân số có tầm quan trọng hết sức to lớn đối với tương lai nhân loại, nhất là đối với các dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu?

Câu 3. Bài báo rất ngắn gọn, nhưng nội dung rất có ý nghĩa. Tác giả đã đặt ra những vấn đề gì? Để làm sáng tỏ chủ đề chính của VB tác giả đã lập luận như thế nào?

Câu 4. . Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Có người cho rằng: Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại. Lúc đầu tôi không tin điều này. Bởi vì vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình chỉ mới được đặt ra vài chục năm nay. Còn nói từ thời cổ đại tức là chuyện của dăm bảy ngàn năm về trước. Độ chênh về thời gian ấy, ai mà tin được! Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng “sáng mắt ra”.

Đó là câu chuyện từ một bài toán cổ, kể về việc kén rể của nhà thông thái. Nhà thông thái nọ có một cô con gái rất đẹp. Đến tuổi cập kê, cô gái cần tuyển một đấng phu quân. Rất nhiều chàng trai đến dự thi. Được làm rể nhà thông thái là điều vô cùng hấp dẫn, nhất là đối với con cái của những nhà giàu có. Nhà thông thái đưa ra một bàn cờ tướng gồm 64 ô. Ông yêu cầu các chàng trai thực hiện theo điều kiện sau: đặt một hạt thóc vào ô thứ nhất; ô thứ hai đặt hai hạt thóc; và các ô tiếp theo số thóc cứ thế nhân đôi. Ai đủ số thóc theo yêu cầu của bài toán thì sẽ là chồng cô gái. Ban đầu ai cũng tưởng có gì mà không đủ. Nhưng rồi kết cục... không chàng trai nào đủ thóc để lấy được cô gái. Số thóc được tính ra theo bài toán cấp số nhân ấy, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này. Một con số kinh khủng biết nhường nào!

[...] Đừng để cho mỗi con người trên trái đất này chỉ có diện tích bằng một hạt thóc. Muốn thế phải góp phần làm cho chặng đường đi đến ô thứ 64 càng dài lâu hơn, càng tốt. Đó là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người.

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục - 2015, tr.130).

- Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của ai? Văn bản đó thuộc kiểu văn bản gì?
- Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là gì? Điều gì đã làm tác giả “sáng mắt ra”?
- Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò và ý nghĩa thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới?
- Văn bản giúp em nhận thức gì về vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình? Theo em, con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số là gì?
- Viết đoạn văn khoảng 15 câu theo phương thức *Tổng hợp – Phân tích – Tổng hợp* trình bày hiểu biết của em về thực trạng dân số Việt Nam hiện nay và hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh. Đoạn văn sử dụng *câu ghép* và *thán từ* (gạch chân, chú thích).
- Em hiểu gì về mong muốn của tác giả ở cuối đoạn trích? Theo em, những điều nhà văn muốn đề cập đến nay còn có giá trị nữa không? Vì sao?

ĐỀ LÀM VĂN

Đề bài: Phân tích văn bản “Bài toán dân số”

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tác giả của văn bản *Bài toán dân số* là ai?

- A. Thái An
- B. Khánh Hoài
- C. Nguyễn Khắc Viện
- D. Theo tài liệu của Sở Khoa học – Công nghệ Hà Nội

Câu 2: Văn bản *Bài toán dân số* có thể xếp vào kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản nhật dụng
- B. Văn bản thuyết minh
- C. Văn bản tự sự
- D. Văn bản miêu tả

Câu 3: Vấn đề mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là gì?

- A. Tốc độ gia tăng thực sự rất lớn ngoài sức tưởng tượng, thấy được việc hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi tất yếu cho sự phát triển của loài người.
- B. Đất đai không sinh thêm, con người lại ngày càng nhiều lên gấp bội
- C. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình.
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 4: Số thóc dùng cho các ô của bàn cờ được tác giả liên tưởng đến vấn đề gì?

- A. Dân số thế giới
- B. Tỷ lệ gia tăng dân số thế giới rất cao
- C. Dân số ở châu Phi
- D. Khả năng sinh con của phụ nữ

Câu 5: Từ việc đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước ở châu Á và châu Phi em có thể rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển xã hội?

- A. Phụ nữ có thể sinh rất nhiều con
- B. Ở châu Phi, chỉ tiêu mỗi gia đình chỉ có một đến hai con là rất khó khăn để thực hiện được
- C. Những nước chưa phát triển, kinh tế còn yếu kém mà dân số lại bùng nổ rất cao. Từ đó gây khó khăn cho việc cải thiện chất lượng cuộc sống người dân.
- D. Các nước kém và chậm phát triển lại sinh con rất nhiều

Câu 6: Theo em, con đường nào là con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số?

- A. Khuyến khích người dân lập gia đình muộn
- B. Nâng cao dân trí, tăng cường giáo dục tuyên truyền. Đặc biệt là đẩy mạnh giáo dục cho phụ nữ là hạ thấp tỉ lệ thụ thai cũng như tỉ lệ tử vong và tỉ lệ mắc bệnh
- C. Đề ra chỉ tiêu mỗi gia đình chỉ có một đến hai con
- D. Câu A, B đúng

2. Tự luận

a. Nội dung chính mà tác giả muốn đặt ra trong bài viết “Bài toán dân số” là gì? Điều gì đã làm tác giả "sáng mắt ra"?

b. Trong “Bài toán dân số” con đường nào là con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số?

ĐỀ 2

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tác giả của văn bản *Bài toán dân số* là ai?

- A. Nguyễn Khắc Viện
- B. Khánh Hoài
- C. Thái An
- D. Theo tài liệu của Sở Khoa học – Công nghệ Hà Nội

Câu 2: Văn bản *Bài toán dân số* được viết theo phương thức nào?

- A. Lập luận kết hợp tự sự
- B. Lập luận kết hợp thuyết minh
- C. Lập luận kết hợp miêu tả
- D. Lập luận kết hợp biểu cảm

Câu 3: Tác giả dẫn câu chuyện gì để đề cập đến bài toán dân số?

- A. Câu chuyện về cấp số nhân của số thóc trên bàn cờ.
- B. Câu chuyện không một người nào có đủ thóc để lấy được cô con gái nhà thông thái
- C. Câu chuyện nhà thông thái tìm người chồng giỏi cho con gái
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 4: Số thóc dùng cho các ô của bàn cờ được tác giả liên tưởng đến vấn đề gì?

- A. Khả năng sinh con của phụ nữ
- B. Dân số thế giới
- C. Dân số ở châu Phi
- D. Tỷ lệ gia tăng dân số thế giới rất cao

Câu 5: Phần cuối cùng của văn bản nêu lên điều gì?

- A. Khẳng định phụ nữ có thể sinh rất nhiều con
- B. Lời kêu gọi loài người cần kiểm chế tăng dân số, kêu gọi loài người cần kiểm chế tốc độ gia tăng dân số.
- C. Các nước Châu Phi chậm phát triển lại sinh con rất nhiều
- D. Khẳng định bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình đã được đặt ra từ thời cổ đại

Câu 6: Theo em, con đường nào là con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số?

- A. Nâng cao dân trí, tăng cường giáo dục tuyên truyền. Đặc biệt là đẩy mạnh giáo dục cho phụ nữ là hạ thấp tỉ lệ thụ thai cũng như tỉ lệ tử vong và tỉ lệ mắc bệnh
- B. Khuyến khích người dân lập gia đình muộn

C. Đề ra chỉ tiêu mỗi gia đình chỉ có một đến hai con

D. Câu A, B đúng

2. Tự luận

a. Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò ý nghĩa như thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới trong văn bản “Bài toán dân số” ?

b. Trong “Bài toán dân số” con đường nào là con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số?

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG
ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀI TOÁN DÂN SỐ

I, KIẾN THỨC CƠ BẢN		
1.Tác giả	Thái An	
2.Tác phẩm	a. Xuất xứ	Trích Báo Giáo dục và thời đại Chủ nhật, số 28, 1995.
	b.Thể loại:	Kiểu VB: nhật dụng - Phương thức lập luận: Nghị luận kết hợp với thuyết minh
	d. Bố cục: 3 phần.	+ Phần 1 (từ đầu... sáng mắt ra): bài toán dân số được đặt ra từ thời cổ đại + Phần 2 (tiếp... sang ô thứ 34 của bàn cờ): tốc độ gia tăng nhanh chóng dân số thế giới + Phần 3 (còn lại): tìm kiếm lời giải cho bài toán dân số.
3.Nội dung văn bản	1.Nêu vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình.	-Dân số gắn liền với kế hoạch hoá gia đình - Tác giả tỏ ý nghi ngờ phân vân: vấn đề DS và KHHHGD mới được thế giới đặt ra cách đây vài chục năm nay >< Bài toán dân số từ thời cổ đại - Bỗng sáng mắt ra => <i>Cách đặt vấn đề tạo sự lôi cuốn, hấp dẫn thu hút người đọc</i>
	2. Làm rõ vấn đề dân số - kế hoạch hóa gia đình.	a. <u>Bài toán cổ</u> - Câu chuyện kén rể của nhà thông thái kết thúc bất ngờ: số hạt thóc tương ít bất ngờ với người đọc nhưng có thể phủ kín bề mặt TĐ b. <u>Câu chuyện trong kinh thánh</u> - Khởi điểm: Adam+Eva - 1995: 5,63 tỉ người (ô thứ 30 của bàn cờ) - 2015: 7 tỉ người (dự kiến) – ô 31 của bàn cờ → Tạo sự tò mò, hấp dẫn và → Đưa số liệu cụ thể, so sánh, phân tích làm nổi bật vấn đề: <i>tốc độ gia tăng dân số nhanh khủng khiếp.</i>
		c. <u>Khả năng sinh con của PN</u> - Tỷ lệ sinh con ở phụ nữ là rất cao. - Đa số những nước có tỉ lệ sinh cao đều là những nước nghèo - Cách lập luận: + Phương pháp TM nêu ví dụ, liệt kê, đưa số liệu . + Lí lẽ đơn giản => Nhấn mạnh nguy cơ bùng nổ dân số.
	3.Lời kêu gọi của tác giả.	- Đất đai không sinh thêm ra. - Phải hạn chế sự gia tăng dân số -> Đó là con đường tồn tại của chính loài người.
4.Tổng kết:	Nghệ thuật	- Sử dụng kết hợp các phương pháp thuyết minh: so sánh, dùng số liệu, nêu ví dụ... - Lập luận chặt chẽ, ngôn ngữ khoa học, kết hợp thuyết minh với tự

		Sự...
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Sự gia tăng dân số là thực trạng đáng lo ngại của thế giới là nguyên nhân dẫn đến đói nghèo lạc hậu - Hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi sống còn của nhân loại

5. Tóm tắt

Bài toán dân số được đặt ra từ thời cổ đại. Đó là câu chuyện về một bài toán cổ của một nhà thông thái, kết quả từ một hạt thóc thực hiện cấp số nhân trên 64 ô của bàn cờ, số thóc được tính ra đủ mức bao phủ hết bề mặt trái đất này. Hiện nay, loài người đang ở ô thứ 34. Khả năng sinh đẻ của các phụ nữ ở châu Phi, một số nước châu Á ở mức cao. Bởi vậy, cần góp phần làm con đường đi đến ô 64 của bàn cờ dài hơn. Đó là con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

II, LUYỆN TẬP

Câu 1. Trình bày quan điểm của em về tác hại của gia tăng dân số đối với sự phát triển của con người.

Trả lời:

Những hậu quả của dân số đông và tăng nhanh:

- Tỷ lệ thất nghiệp tăng
- Thiếu đất đai
- Việc tăng nhanh dân số sẽ làm cho kinh tế không theo kịp với mức tăng của dân số.
- Tăng nhanh dân số sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết việc làm, cho việc phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, gây tắc nghẽn giao thông, vấn đề nhà ở.
- Gây bất ổn về xã hội sẽ làm suy giảm tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường

Câu 2. Hãy nêu các lí do chính để trả lời câu hỏi: Vì sao sự gia tăng dân số có tầm quan trọng hết sức to lớn đối với tương lai nhân loại, nhất là đối với các dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu?

Trả lời:

Sự gia tăng dân số có tầm quan trọng to lớn đối với tương lai nhân loại, nhất là đối với các dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu là vì:

- Dân số đông trong điều kiện kinh tế chậm phát triển gây khó khăn cho giải quyết việc làm, tỉ lệ nghèo đói gia tăng.
- Gia đình đông con ít có điều kiện chăm sóc, dạy dỗ chu đáo dẫn tới sự thất học kém hiểu biết, càng kém hiểu biết dân số càng phát triển.
- Sinh đẻ nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người phụ nữ và trẻ em, thiếu thốn các điều kiện chăm sóc về y tế.
- Dân số tăng nhanh nên diện tích đất canh tác thu hẹp, tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, nhân loại đứng trước nhiều thách thức trong tương lai.

Câu 3. Bài báo rất ngắn gọn, nhưng nội dung rất có ý nghĩa. Tác giả đã đặt ra những vấn đề gì? Để làm sáng tỏ chủ đề chính của VB tác giả đã lập luận như thế nào?

Chủ đề: Thế giới đang đứng trước nguy cơ bùng nổ dân số quá nhanh, đó là một hiểm họa cần phải báo động và là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người.

- Để làm sáng tỏ vấn đề đó, tác giả đã lập luận theo logic

+ Nếu bàn cơ có 64 ô, số thóc trong mỗi ô được tăng theo cấp số nhân bội là 2, thì tổng số thóc nhiều đến mức có thể phủ kín bề mặt trái đất.

+ Trái đất từ khi bắt đầu có 2 người => 1995: 5,63 tỉ người. Theo bài toán cổ thì năm 1995 dân số đã đạt đến ô 31(đã trừ người mất)

+ Thực tế, khả năng sinh con ở phụ nữ, nhất là Châu Á, Châu Phi rất cao nên việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình gặp nhiều khó khăn.

+ Nếu cứ để dân số ra tăng nhanh như vậy thì chẳng mấy chốc sẽ lấp kín 64 ô trên bàn cờ và khi đó mỗi người chỉ còn 1 chỗ ở với diện tích chỉ bằng 1 hạt thóc trên trái đất => loài người cần hạn chế sự bùng nổ và tốc độ gia tăng dân số để tồn tại

=> Bài văn không chỉ phục vụ chủ đề dân số mà còn đề cập đến vấn đề tương lai của dân tộc và nhân loại.

2. Bài tập 2: Học xong, em thấy nó có ý nghĩa như nào với bản thân và với nhân loại :

- Ý nghĩa văn bản vô cùng thiết thực:

+ Nó cảnh báo nguy cơ về bùng nổ dân số trên cả hành tinh

+ Tác hại của việc gia tăng dân số

+ Mọi người cần nhận thấy trách nhiệm của mình

+ Đó là vấn đề của nhân loại: “Tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người. Bài văn không chỉ phục vụ chủ đề dân số mà còn đề cập đến vấn đề tương lai của dân tộc và nhân loại.

Câu 4. . Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Có người cho rằng: Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại. Lúc đầu tôi không tin điều này. Bởi vì vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình chỉ mới được đặt ra vài chục năm nay. Còn nói từ thời cổ đại tức là chuyện của mấy ngàn năm về trước. Độ chênh về thời gian ấy, ai mà tin được! Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng “sáng mắt ra”.

Đó là câu chuyện từ một bài toán cổ, kể về việc kén rể của nhà thông thái. Nhà thông thái nọ có một cô con gái rất đẹp. Đến tuổi cập kê, cô gái cần tuyển một đáng phu quân. Rất nhiều chàng trai đến dự thi. Được làm rể nhà thông thái là điều vô cùng hấp dẫn, nhất là đối với con cái của những nhà giàu có. Nhà thông thái đưa ra một bàn cờ tướng gồm 64 ô. Ông yêu cầu các chàng trai thực hiện theo điều kiện sau: đặt một hạt thóc vào ô thứ nhất; ô thứ hai đặt hai hạt thóc; và các ô tiếp theo số thóc cứ thế nhân đôi. Ai đủ số thóc theo yêu cầu của bài toán thì sẽ là chồng cô gái. Ban đầu ai cũng tưởng có gì mà không đủ. Nhưng rồi kết cục... không chàng trai nào đủ thóc để lấy được cô gái. Số thóc được tính ra theo bài toán cấp số nhân ấy, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này. Một con số kinh khủng biết nhường nào!

[...] Đừng để cho mỗi con người trên trái đất này chỉ có diện tích bằng một hạt thóc. Muốn thế phải góp phần làm cho chặng đường đi đến ô thứ 64 càng dài lâu hơn, càng tốt. Đó là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người.

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục - 2015, tr.130).

a. Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của ai? Văn bản đó thuộc kiểu văn bản gì?

b. Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là gì? Điều gì đã làm tác giả “sáng mắt ra”?

c. Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò và ý nghĩa thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới?

- d. Văn bản giúp em nhận thức gì về vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình? Theo em, con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số là gì?
- e. Viết đoạn văn khoảng 15 câu theo phương thức *Tổng hợp – Phân tích – Tổng hợp* trình bày hiểu biết của em về thực trạng dân số Việt Nam hiện nay và hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh. Đoạn văn sử dụng *câu ghép và thân từ* (gạch chân, chú thích).
- f. Em hiểu gì về mong muốn của tác giả ở cuối đoạn trích? Theo em, những điều nhà văn muốn đề cập đến nay còn có giá trị nữa không? Vì sao?

DẠNG ĐỀ LÀM VĂN

Đề bài: Phân tích văn bản “Bài toán dân số”

Lập dàn ý:

I. Mở bài

- Khẳng định vấn đề dân số là vấn đề quan trọng hàng đầu trong các vấn đề toàn cầu
- Khái quát về văn bản Bài toán dân số: là văn bản nhật dụng đề cập đến vấn đề cấp thiết vừa lâu dài của đời sống nhân loại đó là vấn đề dân số thế giới và hiểm họa của nó

II. Thân bài

1. Nêu vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình

- Đưa ra hai giả thuyết về bài toán dân số: được đặt ra từ thời cổ đại hay vài chục năm gần đây
- Trình bày quan điểm người viết:
 - + Lúc đầu: không tin
 - + Sau đó: “sáng mắt ra”

⇒ Bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình được đặt ra từ thời cổ đại

⇒ Cách đặt vấn đề bất ngờ, hấp dẫn ⇒ Khẳng định tác giả nhận thức vấn đề rất rõ và sâu sắc

2. Từ bài toán cổ đến bài toán dân số

- Bài toán cổ: Số thóc tăng theo cấp số nhân, nhiều vô kể ⇒ Không khó nhưng không thực hiện được

⇒ Dẫn chuyện nhằm so sánh với sự gia tăng dân số của loài người

⇒ Đánh giá: một con số kinh khủng ⇒ Thái độ bất ngờ, lo lắng

- Đưa ra câu chuyện về dân số: Ban đầu thế giới có hai người, đến 1995 thế giới có 5,63 tỉ người và đạt đến ô thứ 30 trên bàn cờ.

⇒ Thuyết minh bằng số liệu và cách so sánh ⇒ Dân số tăng rất nhanh

- Đưa ra câu chuyện về khả năng sinh con của người phụ nữ:

+ Tỉ lệ sinh con (tự nhiên) ở các nước châu Phi, châu Á là rất lớn

+ Châu Phi có tỉ lệ sinh con ở người phụ nữ lớn hơn châu Á

⇒ Tác giả muốn giải thích sự gia tăng dân số liên quan chặt chẽ và trực tiếp đến tỉ lệ sinh con tự nhiên của người phụ nữ.

⇒ Cái gốc của vấn đề chính là việc kế hoạch hoá gia đình.

3. Lời đề nghị của tác giả

- Đừng để cho mỗi con người trên trái đất này chỉ còn diện tích một hạt thóc

- Muốn có đất sống phải sinh hạn chế sự gia tăng dân số

⇒ Lời đề nghị ngắn gọn nhưng xác đáng: Cảnh báo và kêu gọi mọi người giảm thiểu sự gia tăng dân số.

III. Kết bài

- Khái quát thành công về nghệ thuật làm nên thành công về nội dung: Sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh, dùng số liệu phân tích, lập luận chặt chẽ, ngôn ngữ khoa học, giàu sức thuyết phục

- Liên hệ thực tế và nâng cao nhận thức bản thân

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

ĐỀ 1

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
---	---	---	---	---	---

A	A	D	B	C	B
----------	----------	----------	----------	----------	----------

2. Tự luận

a.- Trước hết, tốc độ gia tăng thực sự rất lớn ngoài sức tưởng tượng, thấy được việc hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi tất yếu cho sự phát triển của loài người. Loài người cần phải làm một việc gì đó để quyết định sự tồn tại của mình. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình.

- Điều làm cho tác giả “sáng mắt” là sự gia tăng dân số trong thời hiện đại nó đã được đặt ra từ ý nghĩa của một bài toán thời cổ đại.

b.- Con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số là nâng cao dân trí, tăng cường giáo dục tuyên truyền. Đặc biệt là đẩy mạnh giáo dục cho phụ nữ là hạ thấp tỉ lệ thụ thai cũng như tỉ lệ tử vong và tỉ lệ mắc bệnh. Điều này cho thấy sự lựa chọn sinh đẻ là thuộc quyền của phụ nữ. Mà cái quyền này chỉ có thể là kết quả của việc giáo dục tốt hơn.

- Như vậy, khi nhận thức của con người nói chung và người phụ nữ nói riêng được nâng cao về sức khỏe sinh sản, thì tỉ lệ sinh mới có thể cải thiện, “hạn chế sinh đẻ tối đa” để mang lại cuộc sống hạnh phúc cho đứa con, cho bản thân và gia đình.

ĐỀ 2

GỢI Ý

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	A	A	D	B	A

2. Tự luận

a.- Câu chuyện kén rể của nhà thông thái mà tác giả trình bày là câu chuyện về cấp số nhân của số thóc trên bàn cờ.

- Việc sử dụng câu chuyện này, tác giả đã làm nổi bật vấn đề tốc độ gia tăng dân số; đồng thời làm tăng sức hấp dẫn cho bài viết. Mượn xưa để nói nay, sự giống nhau giữa số thóc tăng theo cấp số nhân với công bội hai và tình trạng bùng nổ dân số cả khi mỗi gia đình chỉ sinh hai con đã cho người đọc hình dung được một cách cụ thể về tốc độ gia tăng dân số. Câu chuyện đã có nhiều người biết, nhưng liên tưởng nó với sự tăng trưởng của dân số là một sự liên tưởng bất ngờ, thú vị, giàu sức thuyết phục.

b. Con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số là nâng cao dân trí, tăng cường giáo dục tuyên truyền. Đặc biệt là đẩy mạnh giáo dục cho phụ nữ là hạ thấp tỉ lệ thụ thai cũng như tỉ lệ tử vong và tỉ lệ mắc bệnh. Điều này cho thấy sự lựa chọn sinh đẻ là thuộc quyền của phụ nữ. Mà cái quyền này chỉ có thể là kết quả của việc giáo dục tốt hơn.

- Như vậy, khi nhận thức của con người nói chung và người phụ nữ nói riêng được nâng cao về sức khỏe sinh sản, thì tỉ lệ sinh mới có thể cải thiện, “hạn chế sinh đẻ tối đa” để mang lại cuộc sống hạnh phúc cho đứa con, cho bản thân và gia đình.

CÙNG CỎ VĂN BẢN NHẬT DỤNG

Hệ thống kiến thức về các văn bản nhật dụng đã học

Văn bản	Bài toán dân số	ôn dịch thuốc lá	Thông tin về ngày trái đất năm 2000
-Tác giả			

- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ			
PTBD			
Nội dung			
Nghệ thuật			

ĐÁP ÁN CỬNG CỐ VĂN BẢN NHẬT DỤNG

Hệ thống kiến thức về các văn bản nhật dụng đã học

<i>Văn bản</i>	<i>Bài toán dân số</i>	<i>ôn dịch thuốc lá</i>	<i>Thông tin về ngày trái đất năm 2000</i>
-Tác giả - Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ	Tác giả: Thái An Báo GD Và TĐ chủ nhật số 28 - 1995	Tác giả: Nguyễn Khắc Viện. VB trích trong bài “ Từ thuốc lá đến ma túy – bệnh nghiện”	Ngày 22/4/2000, nhân dịp năm đầu tiên VN tham gia ngày trái đất

PTBĐ	Nghị luận kết hợp với tự sự, miêu tả, biểu cảm	Thuyết minh kết hợp với tự sự, miêu tả, biểu cảm	Thuyết minh
Nội dung	Từ câu chuyện một bài toán về cấp số nhân, tác giả đã ra các con số buộc người đọc phải liên tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại của TG, nhất là ở các nước chậm phát triển. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình.	- Đề cập đến nạn nghiện thuốc lá và những tác hại nguy hiểm của nó. - Kêu gọi chúng ta quyết tâm phòng chống hút thuốc	- Tác hại của việc sử dụng bao bì no lông - Giải pháp hạn chế việc sử dụng bao bì no lông
Nghệ thuật	Sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh, phân tích, dùng số liệu. Lập luận chặt chẽ, ngôn ngữ khoa học, giàu tính thuyết	Lập luận chặt chẽ, giàu tính thuyết phục; lối viết văn giàu nhiệt huyết	Lập luận chặt chẽ, ngôn ngữ khoa học, giàu tính thuyết phục

Văn thơ yêu nước đầu thế kỷ XX:

*Khái quát về văn học Việt Nam

- Bối cảnh lịch sử: Năm 1858 Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) biến đất nước ta từ chế độ phong kiến thành một chế độ thực dân nửa phong kiến. Chúng ra sức bóc lột sức lao động của nhân dân ta, nhân dân ta một cổ hai tròng, ý thức thay đổi theo quan điểm, thẩm mỹ thay đổi theo.

- Tình hình Văn học: Những năm đầu thế kỷ XX Văn học chuyển mình theo hướng hiện đại hoá, Văn học giai đoạn này là giai đoạn giao thời có sự đổi mới về nội dung về tất cả các mặt : tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, tâm hồn, đã có cách cảm nghĩ của nhà văn đối với đất nước con người và cả nghệ thuật.

Đổi mới về hình thức: Chữ viết thay đổi, các tác phẩm Văn học hầu hết được viết bằng chữ Quốc ngữ.

Xuất hiện nhiều thể tài mới: báo chí, thơ mới, truyện ngắn hiện đại, tiểu thuyết, phóng sự, tùy bút, phê bình văn học.

Thay đổi ngôn ngữ văn học: Ngôn ngữ văn học trung đại mang tính quy phạm lâm điển tích điển cổ nay được thay thế bằng ngôn ngữ có thể gần gũi với đời sống bình thường có tính dân tộc đậm đà hơn.

Do hoàn cảnh thuộc địa nên văn học giai đoạn này bị kiểm soát nghiêm ngặt của bon thực dân. Chính vì vậy có thể chia văn học hợp pháp (Tân Đà, Trần Tuấn Khải, Phạm Duy Tồn) và văn học bất hợp pháp (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)

Cũng có thể chia thành hai khuynh hướng sáng tác lãng mạn (Tân Đà), hiện thực (Phạm Duy Tồn, Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Bá Ngọc).

PHIẾU ÔN TẬP THƠ TRỮ TÌNH

Bài thơ: Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác

I.1.Tác phẩm:

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Thể thơ đặc điểm của thể thơ	Bố cục

--	--	--	--

I.2

Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật

I.2 Phân tích

[illegible]

II. Các câu hỏi củng cố kiến thức:

1. Giải nghĩa từ:

a. Hào kiệt:**b. Phong lưu:****c. Kinh tế:****d. Bủa tay:**

2. Phân tích từ ngữ giọng điệu trong 2 câu đầu để thấy phong thái khí phách của tác giả khi rơi vào cảnh tù ngục.

3. Chỉ ra nghệ thuật đối trong bài thơ và nêu tác dụng:

4. Hai câu thơ cuối thể hiện tư tưởng gì của tác giả

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP THƠ TRỮ TÌNH**Bài thơ: Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác****Tác giả: Phan Bội Châu****I.1. Tác phẩm:**

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Thể thơ đặc điểm của thể thơ	Bố cục
<ul style="list-style-type: none"> - Phan Bội Châu 1867- 1940) tên thuở nhỏ là Phan Văn San, tên hiệu là Sào Nam - Quê quán: làng Đan Nhiệm nay là xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An + Những tác phẩm tiêu biểu: Sào Nam thi tập, Văn tế Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu niên biểu... - Phong cách sáng tác: Những sáng tác của ông đều thể hiện lòng yêu nước thương dân tha thiết và khát vọng độc lập tự do, ý chí bền bỉ kiên cường 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ được sáng tác khi Phan Bội Châu bị bọn phiệt tỉnh Quảng Đông bắt giam, trong hoàn cảnh ấy ông đã viết tác phẩm Ngục trung thư tập, “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” là bài thơ Nôm nằm trong tập Ngục trung thư tập 	<ul style="list-style-type: none"> Thất ngôn bát cú Đường Kệ luật - Một bài có 8 câu, mỗi câu 7 chữ 	4 phần : Đề - Thực – Luận – Kết

I.2 Phân tích

Chép thơ (gạch chân từ ngữ nghệ thuật và BPTT)	Nội dung và nghệ thuật chính
	1. Hai câu đề

<p><i>Vẫn là <u>hào kiệt</u>, vẫn <u>phong lưu</u>.</i></p> <p><i>Chạy mỗi chân thì hãy ở tù</i></p> <p><i>Đã <u>khách không nhà</u> trong <u>bốn biển</u>.</i></p> <p><i>Lại <u>người có tội</u> giữa <u>năm châu</u>.</i></p> <p><i>Bủa tay ôm chặt <u>bò kinh tế</u></i></p> <p><i>Mở miệng <u>cười tan cuộc oán thù</u>.</i></p>	<p>- “Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu”: Hoàn cảnh nhân vật trữ tình ở tù nhưng cái cốt cách hào kiệt, phong thái phong lưu vẫn còn</p> <p>⇒ Từ hán Việt được sử dụng ⇒ câu thơ mang ý nghĩa khẳng định tư thế cốt cách đàng của người chiến sĩ</p> <p>- “Chạy mỗi chân thì hãy ở tù”: nhà tù chỉ là nơi nghỉ chân tạm trên chặng đường hoạt động cách mạng</p> <p>⇒ Cách nói làm cho câu thơ khỏe khoắn, không hề mang màu sắc đau khổ u buồn</p> <p>- Đối với nhân vật trữ tình, “ở tù” còn là nơi tôi luyện, thử thách để bộc lộ bản lĩnh và khí phách anh hùng</p> <p>2. Hai câu thực</p> <p>- “Khách không nhà trong bốn bể”: thực tế khó khăn, đề hoạt động cách mạng, nhân vật trữ tình – tác giả đã từng phải bốn ba khắp nơi</p> <p>- “Lại có tội giữa năm châu”: cảnh đế quốc thực dân đã kết tội Phan Bội Châu án tử hình vắng mặt</p> <p>- Giọng thơ trầm xuống, mang vẻ cảm khái nhưng vẫn hiện lên khí chất của nhân vật: dẫu trong muôn nghìn gian khó, khí phách trượng phu vẫn hiện lên rõ nét</p> <p>⇒ Nghệ thuật đối cân chỉnh giữa hai câu thơ: Đây là hai câu thơ giúp cho người đọc hiểu rõ những chông gai trên con đường cách mạng của Phan Bội Châu.</p> <p>3. Hai câu luận</p> <p>- “Bủa tay ôm chặt bò kinh tế”: Ước vọng, lí tưởng không thay đổi, bất chấp mọi hoàn cảnh, đó là chí lớn: sự nghiệp kinh bang tế thế,</p> <p>- “Mở miệng cười tan cuộc oán thù” : Tiếng cười cất lên sáng khoái, ngạo nghễ với mong muốn dẹp tan oán thù</p> <p>⇒ Biện pháp khoa trương, cách xây dựng hình ảnh thơ theo lối chỉ tỏ lòng, từ ngữ mạnh, ẩn tượng ⇒ hai câu thơ đã dựng lên hình ảnh người anh hùng tràn đầy khí phách đang hành đạo để cứu nước</p> <p>4. Hai câu kết</p> <p>- Khẳng định “thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp”: Khí phách anh hùng thể hiện ở niềm tin bất diệt vào sự nghiệp bản thân đang theo đuổi, đó cũng là ý chí theo đuổi đến cùng sự nghiệp</p> <p>- Bởi ý chí theo đuổi lí tưởng đến cùng ấy đã khiến Phan Bội Châu: “bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu”: đây là thái độ coi</p>
--	--

Thân ấy hãy <u>còn, còn</u> sự nghiệp, Bao nhiêu <u>nguy hiểm</u> sợ gì đâu.	thường hiểm nguy ⇒ Lời thơ đồng dạng, mạnh mẽ, dứt khoát ⇒ Khẳng định ý chí quyết tâm của tác giả
---	--

II. Các câu hỏi củng cố kiến thức:

1. Giải nghĩa từ:

a. Hào kiệt: Người có tài năng, chí khí hơn hẳn người bình thường.

b. Phong lưu: có dáng vẻ lịch sự, trang nhã, ung dung, đường hoàng.

c. Kinh tế: nói tắt của kinh bang tế thế, trị nước cứu đời.

d. Bủa tay: mở rộng vòng tay để ôm lấy.

2. Phân tích từ ngữ giọng điệu trong 2 câu đầu để thấy phong thái khí phách của tác giả khi rơi vào cảnh tù ngục.

+ Các từ **hào kiệt**, **phong lưu** đã giúp nhân vật trữ tình hiện ra với 1 phong thái đường hoàng, tự tin đến ngang tàng, ngạo mạn. Giọng đùa vui làm tan biến đi cảm giác của 1 người tù, cho thấy một tư thế cao ngạo, xem thường hiểm nguy.

+ Với mọi người ngồi tù là cô đơn, đau đớn nhưng với PBC, ông xem ngồi tù chỉ là trạm nghỉ của cuộc mỗi chân. Hoàn cảnh có đổi thay nhưng tư thế của người chí sĩ cách mạng vẫn không bị lay chuyển.

3. Chỉ ra nghệ thuật đối trong bài thơ và nêu tác dụng:

+ cặp câu 3-4: Khách không nhà >< Người có tội

Trong bốn bể >< Giữa năm châu

+ Cặp câu 5-6: Bủa tay ôm chặt >< mở miệng cười tan

Bồ kinh tế >< cuộc oán thù

-> Khẩu khí câu thơ trở nên mạnh mẽ. Hình ảnh con người trở nên cao đẹp với khát vọng kinh bang tế thế, cứu nước giúp đời. Trong cảnh tù tội mà vẫn hiên ngang, nụ cười ngạo nghễ, hào sảng.

THAM KHẢO

Bài thơ đã đem đến cho chúng ta một cảm nhận đẹp về nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu.

Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước mất nhà tan, đồng bào lầm than cực khổ, Phan Bội Châu rất đau lòng. Tấm lòng yêu nước thương dân thiết tha sâu sắc thôi thúc người thanh niên Phan Bội Châu quyết chí tìm đường cứu nước. Cuộc đời cách mạng đầy gian truân sóng gió, đầy bất trắc hiểm nguy vẫn không làm ông sờn lòng nản chí, mà càng hun đúc thêm cái khí phách anh hùng nơi ông. Và đây, một hình ảnh tuyệt đẹp về người anh hùng đó:

Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu
 Chạy mỗi chân thì hãy ở tù.
 Đã khách không nhà trong bốn bể,
 Lại người có tội giữa năm châu.
 Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,

**Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.**

Hai câu 1, 2 là hai câu đề: Giới thiệu vấn đề cần nói tới:

**“Vẫn là hào kiệt vẫn phong lưu
Chạy mỗi chân thì hãy ở tù”.**

Cách vào đề rất khéo. Ở đây nhà thơ muốn nói tới hoàn cảnh mình bị bắt giam. Nhưng phong thái rất đường hoàng, tự tin, thật ung dung, thanh thản. Việc bị bắt trở thành sự chủ động dừng chân nghỉ ngơi trên chặng đường dài. Tiếng cười cất lên ngạo nghễ giữa song sắt nhà tù, bất chấp gông cùm xiềng xích, khắc tạc người anh hùng đứng cao hơn mọi sự cùm kẹp, đày đoạ của kẻ thù, cảm thấy mình hoàn toàn tự do thanh thản về mặt tinh thần. Ý của hai câu có thể diễn đạt lại: Vào tù mình vẫn giữ được tài trí và cách sống của mình : là người có tài cao, chí lớn khác thường (hào kiệt), là người luôn giữ dáng vẻ lịch sự, trang nhã (phong lưu). Mình ở tù không phải do bị bắt mà vì chạy mỗi chân (tức hoạt động cách mạng đã nhiều), tạm thời nghỉ ở đây.

Tác giả có nói đến việc bị bắt vào nhà tù nhưng không nhấn mạnh khía cạnh rủi ro, đau khổ hoặc âu lo, khiếp sợ. Ngược lại, nhà thơ coi việc đó chẳng có gì khủng khiếp, đáng buồn, đó chỉ là những giây phút nghỉ ngơi sau những ngày hoạt động sôi nổi. Mặc dầu trong hồi tưởng cụ viết : "Thật từ lúc cha sanh mẹ đẻ đến nay, chưa lúc nào nếm mùi thất bại chưa xót như bây giờ". Giọng điệu thản nhiên pha chút đùa vui ở hai câu đầu đã được thể hiện ngay từ cách dùng điệp từ « vẫn" đi liền với hai tính từ thể hiện phẩm chất trước sau như một của nhà cách mạng (hào kiệt, phong lưu). Nó trở thành cái cười tủm tỉm khi nhà thơ hạ ở cuối câu thứ hai cụm từ “thì hãy ở tù", biến sự việc bị động, mất tự do thành việc chủ động do mình muốn thế.

**Đã khách không nhà trong bốn biển,
Lại người có tội giữa năm châu.**

Hai câu thơ này khác với giọng điệu cười cợt, vui đùa như hai câu đề. Ở đây như lời tâm sự không phải để than thân mà để nói lên nỗi đau đớn lớn lao trong tâm hồn người anh hùng. Tà người tù mà nói "khách không nhà", "người có tội" với "năm châu" thì thật đúng là cái cười nhạo báng đối với nhà tù của bọn quân phiệt tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Chữ "đã", chữ "lại" mở đầu hai câu thực càng nhấn mạnh thêm tình cảnh tù đầy của người chiến sĩ cách mạng. Song gắn "khách không nhà" với "năm châu", nhà thơ như muốn vẽ chân dung một người tù một phong cách phóng khoáng hơn. Nghệ thuật đối (trong hai câu 3, 4 là hai câu luận) không làm cho ý thơ đối chọi. Ngược lại, sự đối lập ấy lại càng tôn hơn lên chân dung khác thường của người tù : một con người của năm châu, bốn biển, của toàn thế giới.

Nỗi đau ấy của Phan Bội Châu trở thành nỗi đau lớn lao của bậc anh hùng, là nỗi đau thương của cả một đất nước. Đến đây ta mới thấy hết khí phách anh hùng của Phan Bội Châu. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt khách không nhà, người có tội, ông vẫn giữ vững chí khí hào kiệt.

Và người anh hùng hào kiệt ấy còn nguyên vẹn khí phách và chí lớn:

**Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.**

Ở đây tác giả khẳng định : chí lớn tài cao của người chiến sĩ cách mạng không cảnh tù đầy nào có thể đè bẹp. Lối nói khoa trương ở đây thể hiện sự lãng mạn, anh hùng ca, khiến cho con người không còn nhỏ bé nữa mà có tầm vóc lớn lao như thần thánh. Tuy bị bắt nhưng người tù vẫn "đang tay", "mở miệng" thể hiện thái độ coi thường, coi khinh mọi khó khăn trước mắt.

Nhìn lại cuộc đời Phan Bội Châu, hoài bão cứu nước, cứu đời đã được ông ôm ấp từ khi còn là chàng thanh niên Phan Văn San:

**Phùng xuân hội, may ra, ừ cũng dễ
Nắm địa cầu vừa một tí con con
Đạp toang hai cánh càn khôn,
Đem xuân về lại trên non nước nhà.**

Khát vọng ấy, chí lớn ấy không hề suy giảm ngay cả khi ông đã vào trong ngục tù. Cận kề với cái chết nhưng ông vẫn ngạo nghễ cười trước mọi thủ đoạn tàn bạo của kẻ thù. Tinh thần cách mạng lạc quan đã tạo nên sức mạnh để ông chiến thắng hoàn cảnh, giữ vững ý chí chiến đấu sắt son của mình:

**Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.**

Trong bài thơ này, hai câu kết như một lời thề sắt son, như một lời tuyên ngôn của một người đang chịu cảnh lao tù tăm tối. Nhưng dường như chốn ngục tù ấy không thể giam cầm nổi một con người, một tấm lòng trung đối với đất nước. Ông khẳng định rằng chỉ còn mình đang sống thì sự nghiệp cứu đất nước sẽ vẫn còn đó. Ông sẽ dốc hết sức lực của mình để hoàn thành sự nghiệp đó. Những nguy hiểm, gian lao đối với Phan Bội Châu không là vấn đề gì. Tinh thần bất khuất, khảng khái, không sợ hiểm nguy ấy của Phan Bội Châu khiến người đọc cảm phục trước một tấm lòng trung cao thượng. Đồng thời khẳng định dứt khoát niềm tin của nhà thơ vào tương lai, thể hiện thái độ coi thường lao tù nguy hiểm. Hai tiếng "còn" đứng cạnh nhau tạo nên âm điệu khẳng định mạnh mẽ ý chí đấu tranh cho sự nghiệp cứu nước.

Bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác của cụ Phan Bội Châu được làm ngay sau khi cụ bị bắt vào nhà ngục Quảng Đông, đã truyền vào tâm hồn chúng ta một niềm tự hào về truyền thống bất khuất, hiên ngang của các nhà cách mạng tiền bối. Tinh thần của bài thơ thể hiện sự đàng hoàng, hiên ngang, tràn đầy niềm lạc quan cách mạng. Cảm xúc chân thành của tác giả đã tạo nên sức sống bất diệt cho bài thơ.

PHIẾU ÔN TẬP THƠ TRỮ TÌNH

Đập đá ở Côn Lôn

I.1. Tác phẩm:

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Thể thơ đặc điểm của thể thơ	Bố cục
---------	--------------------	---------------------------------	--------

--	--	--	--

I.2

[illegible]

Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
-------------------------	---------------------------

.....	-.....
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

II. Các câu hỏi ôn tập kiến thức

Câu 1. Đề bài: Công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo trong bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” là được thể hiện như thế nào? (Chú ý không gian, điều kiện làm việc và tính chất công việc.)

Câu 2. Phân tích giọng điệu, hình ảnh trong bốn câu đầu bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” để thấy được tâm tư, khí phách của tác giả.

Câu 3. Bốn câu thơ cuối bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” bộc lộ cảm xúc suy nghĩ gì?

III. LUYỆN TẬP

Phần 1. Cho câu thơ sau

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,

- 1) Chép tiếp để hoàn chỉnh bài thơ. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
- 2) Em hình dung công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo là một công việc như thế nào? (Không gian, điều kiện làm việc và tính chất công việc)
- 3) Nêu ý nghĩa của bài thơ.
- 4) Kể tên các bài thơ và tác giả đã học và đọc thêm trong sách *Ngữ văn 8*, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cùng chủ đề với bài thơ này

Phần 2

Trong bài thơ Đập đá ở Côn Lôn, tác giả Phan Châu Trinh đã viết:

“Tháng ngày bao quản thân sành sỏi”

Câu 1. Chép tiếp 3 câu sau câu thơ trên? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ? (1 điểm)

Câu 2. Em hiểu thế nào là “thân sành sỏi”, “dạ sắt son”? (1 điểm)

Câu 3. Cho câu chủ đề sau: “Bốn câu thơ cuối trong bài thơ Đập đá ở Côn Lôn của Phan Châu Trinh đã bộc lộ trực tiếp những cảm xúc, suy nghĩ, khí phách, bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng”

Hãy triển khai câu chủ đề trên thành một đoạn văn có độ dài khoảng từ 12 đến 15 câu, trong đó có sử dụng một câu ghép, một thán từ hoặc trợ từ (gạch chân và chỉ rõ những yếu tố đó) (4 điểm)

Phần 3. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lùng lẩy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

(Ngữ văn 8- tập 1)

1. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Của ai?
2. Nêu nội dung và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?
3. Chỉ ra từ ngữ, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong những câu thơ trên và nêu tác dụng?
4. Từ thế người tù cách mạng ta nên hiểu theo mấy nghĩa?

5. Có ý kiến cho rằng: Bốn câu thơ đầu đã dựng được bức tượng đài uy nghi về những tù nhân Côn Đảo, những anh hùng cứu nước giữa chốn địa ngục trần gian, với khí phách hiên ngang lấn liệt giữa đất trời” ý kiến em như thế nào?

Phần 4. Đọc bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” và cho biết

a. Giải thích nhan đề bài thơ

b. Nêu suy nghĩ của em về ý kiến sau: “ Câu thơ cuối bài đã gửi đến cho người đọc một bức thông điệp về tinh thần kiên cường, ý chí sắt đá, tinh thần vượt mọi gian khổ truyền đến thế hệ mai sau”

c. Viết một đoạn văn ngắn (7-10 câu) theo kiểu diễn dịch, nêu cảm nhận của em về hình ảnh người tù cách mạng trong bài thơ có sử dụng một câu ghép (gạch chân và chỉ rõ mối quan hệ giữa các vế của câu ghép)? Tài liệu Thu Nguyễn

d. Cả hai bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác và Đập đá ở Côn Lôn có nét gì chung về cách thức thể hiện nội dung?

CÂU HỎI ÔN HỌC SINH GIỎI

Qua cả hai bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” và “Đập đá ở Côn Lôn”, em hãy trình bày lại những cảm nhận của mình về vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn của hình tượng nhà nho yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX.

TẬP LÀM VĂN

Đề 1 : Phân tích bài thơ ‘ Đập đá ở Côn Lôn’ của Phan Châu Trinh

Đề 2: Phân tích và phát biểu cảm nhận về khí phách kiên cường của các chí sĩ yêu nước đầu thế kỉ XX qua 2 tác phẩm: “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*” (PBC) và “*Đập đá ở Côn Lôn*” (PCT).

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP THƠ TRỮ TÌNH

Đập đá ở Côn Lôn

I.1. Tác phẩm:

Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Thể thơ đặc điểm của thể thơ	Bố cục
<ul style="list-style-type: none"> - Phan Châu Trinh (1872-1926) - Tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã - Quê: phủ Tam Kỳ (nay là huyện Phú Ninh) - Quảng Nam - Thời đại: Đất nước có nhiều biến động mạnh mẽ, phong trào Cần Vương thất bại , khủng hoảng về đường lối 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ được sáng tác vào thời gian Phan Châu Trinh bị bắt giam tại nhà tù ở Côn Đảo 	<ul style="list-style-type: none"> Thất ngôn bát cú Đường luật - Một bài có 8 câu, mỗi câu 7 chữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: (4 câu thơ đầu): Hình ảnh hiên ngang khí phách của người anh hùng mặc dù trong cảnh tù đầy - Phần 2: (4 câu thơ sau): Ý chí sắt thép, tinh thần kiên trung và nghị lực của người anh hùng trong cảnh tù đầy.

I.2 Phân tích

Chép thơ (gạch chân từ ngữ nghệ thuật và BPTT)	Nội dung và nghệ thuật chính
<p>Làm trai đứng giữa đất Côn Lô,</p> <p>Lùng lẩy làm cho lở núi non.</p> <p>Xách búa đánh tan năm bảy đồng,</p> <p>Ra tay đập bể mấy trăm hòn.</p>	<p>1. Bốn câu đầu: Khí phách, uy dũng của người chiến sĩ</p> <p>- Tư thế: Làm trai đứng giữa đất Côn Lô: thế lồng lộng giữa càn khôn nhật nguyệt, vượt ra khỏi sự tù hãm của hoàn cảnh ⇒ Đằng sau hai chữ “làm trai” là quan niệm nhân sinh mang tính truyền thống của nho giáo</p> <p>- “Xách búa đánh tan năm bảy đồng- Ra tay đập bể mấy trăm hòn”: Công việc đập đá được thể hiện bằng nghệ thuật khoa trương</p> <p>+ “lở núi non”, “năm bảy đồng”, “mấy trăm hòn” và các hành động “xách búa”, “đập bể” : điểm xuất phát để làm xuất hiện lớp nghĩa biểu trưng.</p> <p>+ Người đập đá xuất hiện trong khí thế lẫm lừng, kết quả thì phi thường</p> <p>⇒ Giọng điệu hùng tráng, bút pháp khoa trương, động từ mạnh, miêu tả- biểu cảm ⇒ Con không nhỏ bé mà người lại mang tầm vóc vũ trụ, ngạo nghễ phi thường</p> <p>2. Bốn câu thơ sau: ý chí chiến đấu kiên cường của người chiến sĩ</p> <p>- Hai câu 5, 6: giọng tự bạch: Dưới con mắt của tác giả thì “tháng ngày”, “mưa nắng” không làm nhụt chí mà ngược lại tôi luyện cho họ sành sỏi, dày dặn kinh nghiệm, “bền gan” với lí tưởng</p> <p>⇒ Nghệ thuật đối: Những thử thách gian nan với sức chịu đựng dẻo dai, bền bỉ của con người ⇒ thể hiện rất rõ nội lực tinh thần của người chiến sĩ</p> <p>- Hai câu kết lại trở về giọng khẩu khí ngang tàng: Mượn hình ảnh huyền thoại Nữ Oa vá trời, nhà thơ nói đến chí lớn của người cách mạng.</p> <p>- Đối với nhà thơ, chuyện ở tù, chuyện “lỡ bước” cũng chỉ là chuyện “con con”</p> <p>⇒ Câu cảm thán, nghệ thuật đối ⇒ Con người bản lĩnh, coi thường tù đầy gian khổ, tin tưởng mãnh liệt vào sự nghiệp yêu nước của mình</p>
<p>Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,</p> <p>Mưa nắng càng bền dạ sắt son.</p> <p>Những kẻ vá trời khi lỡ bước,</p> <p>Gian nan chi kể việc con con!</p>	

II. Các câu hỏi ôn tập kiến thức

Câu 1. Đề bài: Công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo trong bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” là được thể hiện như thế nào? (Chú ý không gian, điều kiện làm việc và tính chất công việc.)

- Không gian: Côn Lôn, cái tên đảo ấy từ lâu đã gắn liền với một nỗi ghê sợ hãi hùng: nơi lưu đày ấy là nơi một đi khó có ngày trở lại, ở đó là lao động khổ sai đến kiệt sức, là cùm gông, đánh đập, tra tấn dã man, là bắn giết...
- Điều kiện làm việc: Đập đá vốn là công việc nặng nhọc. Đập đá ở Côn Đảo lại càng cực nhọc hơn vì nhà tù và thiên nhiên đều khắc nghiệt
- Đặc điểm công việc: công việc đập đá công việc khổ sai cường bức để tàn phá dữ dội thân thể và tiêu hao sức lực của người tù, khiến nhiều người kiệt sức hòng khuất phục ý chí của họ.

Câu 2. Phân tích giọng điệu, hình ảnh trong bốn câu đầu bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” để thấy được tâm tư, khí phách của tác giả.

- Khẩu khí: ngang tàng, mạnh mẽ, sáng khoái, hình tượng nhân vật hiện lên thật oai phong,凛冽 như một nhân vật thần thoại.
- Nghệ thuật: Tác giả chọn bút pháp khoa trương và giọng điệu pha chút tự hào khiến cho nhà nho, người tù Phan Châu Trinh chân yếu tay mềm "bạch diện thư sinh" ấy thoát biến thành một dũng sĩ với vóc dáng khổng lồ và sức mạnh phi thường.
- Nhịp thơ mạnh, dồn dập, gấp gáp... tạo nên không khí sôi động, dữ dội của trận giao tranh ác liệt. Mỗi nhịp thơ như ứng với một nhịp búa vung lên, giáng xuống.
- Qua những câu thơ trên, dũng sĩ đập đá mà như muốn san bằng bất công, tàn ác vĩ đại nghĩa ở đời.

Câu 3. Bốn câu thơ cuối bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” bộc lộ cảm xúc suy nghĩ gì?

Bốn câu thơ cuối, tác giả đã thể hiện những cảm xúc của mình trước cảnh tù đày.

- Sự đối lập càng làm rõ sức mạnh, ý chí của người tù, quyết tâm vượt lên hoàn cảnh. Dù điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và sự giày xéo đọa đày của bọn giặc có dã man có đến độ biến thân phận người tù như mảnh sành hòn sỏi đi chăng nữa, thì tấm lòng của người chí sĩ đối với cách mạng vẫn thủy chung sắt son, bền chặt, vẫn không sờn lòng, không đổi chí.
- Hai câu thơ kết thể hiện ý chí sắt đá của người chí sĩ. “Gian nan chi kể việc còn con” ngầm ví sự lao động khổ sai ở nhà tù mà bọn giặc bày ra để làm cho người chí sĩ sờn lòng nản chí chẳng có ý nghĩa gì cả, chỉ là những việc tầm thường vụn vặt, không thể làm lung lay tinh thần chiến đấu của bậc anh hùng hào kiệt.
- Bốn câu thơ toát lên tinh thần lạc quan, tin tưởng vào chính mình, vào con đường chính nghĩa đã lựa chọn. Vẻ đẹp tinh thần này kết hợp với tầm vóc sức mạnh ở 4 câu thơ trước đã tôn hình tượng người anh hùng lên ngang tầm với sử thi.

III. LUYỆN TẬP

Phần 1.

Câu	Nội dung	Điểm
1	- HS tự chép thơ - Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:	1.0

	- Bài thơ được Phan Châu Trinh làm trong thời gian bị bắt đày ra Côn Lôn (Côn Đảo). - HS có thể nêu hoặc không nêu cụ thể thời gian từ 1908 - 1910 cũng cho điểm tối đa (0,5 điểm).	
2	Em hình dung công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo là một công việc như thế nào? Trên hòn đảo trơ trọi, giữa nắng gió biển khơi, trong chế độ nhà tù khắc nghiệt của thực dân Pháp, người tù buộc phải làm công việc lao động khổ sai hết sức cực nhọc, không ít người đã kiệt sức và gục ngã...	0,5
3	Nêu ý nghĩa của bài thơ: Bằng bút pháp lãng mạn và giọng điệu hào hùng, bài thơ giúp ta cảm nhận được hình tượng đẹp lắm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp nguy nan nhưng vẫn không sờn lòng, đổi chí	0,5
4	Kể tên các bài thơ và tác giả đã học và đọc thêm trong sách <i>Ngữ văn 8</i> , tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cùng chủ đề với bài thơ này: Yêu cầu học sinh kể được 3 bài thơ, 3 tác giả: <i>Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác</i> của Phan Bội Châu; <i>Muốn làm thằng Cuội</i> của Tản Đà, <i>Hai chữ nước nhà</i> của Á Nam Trần Tuấn Khải.	0,5

Phần 2

Câu	Đáp án	Điểm
1	- Chép đúng 3 câu thơ - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác năm 1908, trong lúc ông cùng các tù nhân khác bị bắt lao động khổ sai ở Côn Đảo	0,5 0,5
2	- Giải nghĩa + Thân sành sỏi: Ý nói thân dày dặn phong trần, sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ + Dạ sắt son: Ý nói thân cứng cỏi, trung kiên, không sờn lòng, đổi chí	0,5 0,5
3	Về hình thức: - Hs viết được đoạn văn với câu chủ đề đã cho, đảm bảo số câu quy định - Sử dụng được một câu ghép - Sử dụng được một thán từ hoặc trợ từ (Nếu không chú thích rõ ràng, mỗi yêu cầu trừ 0,25đ) - Diễn đạt lưu loát, không sai chính tả, dùng từ, đặt câu Về nội dung: Hs triển khai được câu chủ đề với các ý sau - Hai câu thơ đầu là lời tự nhủ của lòng mình của người chiến sĩ: + Giọng thơ trầm lắng, suy tư, pha chút ngậm ngùi, hình ảnh ẩn dụ “mưa nắng” cùng các cụm từ “thân sành sỏi”, “dạ sắt son” => Ý chí nghị lực, khí phách của những người chiến sĩ cách mạng. Con đường cách mạng là quá trình lâu dài gian khổ đầy nhưng gian nan thử thách với chế độ nhà tù hà khắc, công việc lao động khổ sai nhưng không làm cho người tù nao núng, họ coi đó là cơ hội để luyện ý chí, bản lĩnh của mình. Hai câu thơ khẳng định ý chí bền vững và tấm lòng thủy chung của người tù cách mạng - Hai câu kết: Thể hiện ý thức sâu sắc của tác giả về sự nghiệp cách mạng, về cảnh ngộ hiện tại của bản thân + Sự nghiệp cách mạng cứu nước là sự nghiệp lớn lao như việc “vá trời”. Hình ảnh người tù khổ sai được liên tưởng với nhân vật kì vĩ trong huyền thoại “bà Nữ Oa đội đá vá trời” + Với cách nói khoa trương, hình ảnh người tù khổ sai được nâng lên một tầm cao mới với công việc lớn lao: sự nghiệp cách mạng cứu nước, cứu dân như việc “luyện đá vá trời” nhiều gian nan, thử thách. Do vậy, những khó khăn chỉ là việc “con con” => Thể hiện bản lĩnh vững vàng, ý chí nghị lực phi thường và niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng của người chí sĩ anh hùng. (Tùy vào mức độ làm bài của hs mà giáo viên cho điểm)	2đ 0,5 0,5 0,5 0,5 2đ 1 1

Phần 3

1. Đoạn trích trên trích từ văn Đập đá ở Côn Lôn của tác giả Phan Châu Trinh.
 - 2.- Nội dung: Tư thế của người tù cách mạng.
 - Phương thức biểu đạt chính : Biểu cảm
 3. -Tư “đứng giữa”-> Nhấn mạnh vị trí tự chủ, sự chủ động đón nhận mọi khó khăn.
 - Đảo từ “lùng lẩy” vừa là từ láy vừa là tính từ-> Nhấn mạnh tư thế ngạo ngễ, lẫm liệt phải vang danh muôn đời.
 - Phép đối câu 3-4
- Xách búa- ra tay
Đánh tan- đập bể
- Năm bảy đồng- mấy trăm hòn->Nhấn mạnh hành động mạnh mẽ, quyết liệt, với một sức mạnh phi thường
- Động từ+ danh từ: xách búa, ra tay, đánh tan, đập bể-> Nhấn mạnh tư thế chủ động, kiên quyết, kiên cường.
 - Số từ và lượng từ: năm, bảy, mấy, trăm-> Gọi thiên nhiên vũ trụ hùng vĩ to lớn.
 - > Tư thế con người làm chủ thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên
4. Tư thế người tù cách mạng ta nên hiểu theo 2 nghĩa:
 - + Nghĩa thực: Người tù trong tư thế làm việc “đập đá”
 - + Nghĩa ẩn dụ: Là hành động tiêu diệt bọn giặc cướp nước và bán nước
 - 5.: Em đồng ý với ý kiến đó vì 4 câu thơ đã làm hiện lên hình ảnh người chiến sĩ trong cảm xúc tự hào, tự do dù chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi, dù sao đập đá trên núi cũng còn hơn nhiều so với ngồi trong xà lim. Đây là khí thế vượt lên hoàn cảnh, làm chủ hoàn cảnh của người tù.

Phần 4

a. Nhan đề bài thơ:

- Nghĩa thực: Công việc đập đá ở Côn Lôn mà tác giả phải trải qua.
- Nghĩa biểu tượng: Hình ảnh con người làm việc trong tư thế chinh phục thiên nhiên, tư thế chinh phục thử thách.

b. Em đồng ý với ý kiến đó bởi vì cả bài thơ công việc đập đá chỉ là cái cớ để người tù bộc lộ cảm xúc, ý chí sắt đá, tinh thần vượt mọi gian khổ tin tưởng vào tương lai

c. Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về hình ảnh người tù cách mạng trong bài thơ?

Gợi ý

Hình ảnh người tù hiện lên qua 2 phương diện:

- Tư thế (4 câu đầu): Tư thế con người làm chủ thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên
- + Tư thế của một tráng nam nhi, không phía sóng trong cảnh “vợ bida con riu” hoặc khom lưng quì gối ở chốn quan trường mà là “đứng giữa đất Côn Lôn”, một nhà tù, một địa ngục.
- + Đầu/ đội trời, chân/ đạp đất, tai nghe/ sóng vỗ suốt đêm.(Câu ghép có 3 vế chỉ quan hệ tăng tiến)
- + Công việc đập đá, công việc lao động khổ sai là một thử thách vô cùng nặng nề, nhưng đối với kẻ làm trai càng thể hiện khí phách, uy dũng của mình “Lùng lẩy làm cho lở núi non.”
- + Một khẩu khí mạnh mẽ, một lối nói khoa trương đầy ẩn tượng về chí nam nhi: sẵn sàng chấp nhận thử thách, sống ngang tàng, hiên ngang.
- Ý chí (4 câu cuối): Ý chí kiên cường, không chịu khuất phục hoàn cảnh và niềm tin sắt son vào sự nghiệp của mình.
- + Tác giả đã sử dụng hình ảnh tượng trưng và ẩn dụ rất đặc sắc. “Tháng ngày” chỉ thời gian bị tù đầy, bị khổ sai kéo dài; “mưa nắng” tượng trưng cho gian khổ, gian nan, cho mọi nhục hình đầy dẫy. “Thân sành sỏi”, “dạ sắt son” là hai ẩn dụ nói lên chí khí bền vững, lòng son sắt thủy chung đối với nước, với dân của một tráng nam nhi có chí lớn.
- + Tác giả đã mượn sự tích “vá trời” của bà nữ Oa để nói lên ý chí lớn làm cách mạng, cứu nước, cứu dân.

d. Nét giống nhau giữa hai bài:

- + Đề là tâm trạng của bậc anh hùng khi lỡ bước.
- + Giọng thơ hào hùng thể hiện tư thế hiên ngang lẫm liệt.
- + Tư thế của con người là tư thế cao đẹp sánh với trời đất, chí anh hùng của họ là chí anh hùng của những con người muốn đời non lập biển, sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy vì nghĩa lớn.

CÂU HỎI ÔN HỌC SINH GIỎI

Qua cả hai bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” và “Đập đá ở Côn Lôn”, em hãy trình bày lại những cảm nhận của mình về vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn của hình tượng nhà nho yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX.

- Hai bài thơ đều nói về chí làm trai, thể hiện khẩu khí của những bậc anh hùng hào kiệt khi sa cơ, lỡ bước rơi vào vòng tù ngục.
- Họ là những người yêu nước sâu sắc, hi sinh tất cả vì sự nghiệp cứu nước. Hình tượng người chí sĩ hiện lên thật hào hùng, khí phách ngang tàng, lẫm liệt ngay cả trong thử thách, gian nan có thể đe dọa đến tính mạng. Coi thường những thử thách, gian nan trước mắt và lạc quan tin tưởng vào tương lai phía trước.
- Họ là những người yêu nước sâu sắc, hi sinh tất cả vì sự nghiệp cứu nước, không
- Có khí phách hiên ngang, lẫm liệt, có ý chí dõng dạc không lùi bước.
- Họ là những biểu tượng đẹp, là niềm tự hào của các thế hệ của dân tộc. Đó là sự kết tinh về đẹp anh hùng và lãng mạn của các nhà nho đầu thế kỉ XX.

TẬP LÀM VĂN

Đề 1 : Phân tích bài thơ ‘ Đập đá ở Côn Lôn’ của Phan Châu Trinh

Mở bài :

Phan Châu Trinh (1872- 1926) chiến sĩ cách mạng vĩ đại của dân tộc ta trong ba thập kỷ đầu thế kỷ XX. Ông còn để lại nhiều thơ văn thấm đượm tinh thần dân chủ và chứa chan tình yêu nước. Bài thơ ‘ Đập đá ở Côn Lôn’ đã thể hiện khí phách hiên ngang bất khuất của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.

Thân bài:

- 4 câu đầu: vừa tả thực cảnh đập đá, vừa biểu lộ một tâm thế, một ý chí. Chí nam nhi, chí làm trai, coi việc đứng giữa đất Côn Lôn bị tù đầy khổ sai là một thách thức nặng nề nhưng chẳng hề nao núng, vẫn lừng lẫm làm cho lở núi non
- Hai câu 5,6 làm hiện lên một hình ảnh một chiến sĩ cách mạng có tâm hồn và khí phách cao đẹp.
- Hai câu kết: thể hiện bản lĩnh phi thường của những người có chí lớn, mưu đồ đại sự mà không thành, đó là những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang toát lên một phong thái ung dung tự tại rất ngạo nghễ của nhà chiến sĩ.

Kết bài:

Bài thơ tiêu biểu cho thơ ca viết trong nhà tù thực dân của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX. Sẵn sàng xả thân để cứu nước, sát son thủy chung với dân tộc, bất khuất hiên ngang trước cảnh tù đầy, đó là cái tâm cái chí của Phan Châu Trinh thể hiện trong bài thơ. Cái chí của nhà cách mạng tiền bối Phan Châu Trinh là bài học lớn cho chúng ta ngưỡng mộ và noi theo.

Đề 2:

Phân tích và phát biểu cảm nhận về khí phách kiên cường của các chí sĩ yêu nước đầu thế kỉ XX qua 2 tác phẩm: “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*” (PBC) và “*Đập đá ở Côn Lôn*” (PCT).

Dàn ý:

1. MB:

- Sơ lược về văn thơ yêu nước đầu thế kỉ XX và 2 nhà chí sĩ yêu nước PBC và PCT.
- Giới thiệu 2 bài thơ của 2 nhà thơ, sự thể hiện khí phách và tâm hồn của những người yêu nước.

2. Thân bài:

- Tổng:

- + Thơ trong tù là 1 hiện tượng đặc biệt của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX -> trước CMT8 – 1945. Kẻ thù run sợ trước sức mạnh của các ptdt y/n -> thẳng tay đàn áp, bắt bớ những người chống đối.
- + Từ nhà ngục đã vang lên những lời thơ bất khuất mang theo hào khí của 1 dt không chịu cúi đầu.

-Phân:

- + Phong thái ung dung, khí thế ngạo nghễ của những người có chí dời non lấp bể, coi nhà tù và những trò hành hạ của kẻ thù chẳng qua chỉ là những thử thách không đáng quan tâm.
- + H/a người chiến sĩ CM trong hoàn cảnh, đk khắc nghiệt không hề run sợ dù phải đứng trước ranh giới sự sống - cái chết.
- + Tự tin vào khả năng, vượt lên thử thách lao tù, tinh thần lạc quan.
- + Khát vọng tự do, ý chí chiến đấu bền bỉ, kiên cường.

-Hợp:

- + Đánh giá về con người 2 nhà yêu nước.
- + Nghệ thuật thơ mới mẻ, vượt lên khuôn khổ của thi ca truyền thống.

3. Kết bài:

- Bài học rút ra từ nhân cách của 2 nhà CM tiền bối.

THAM KHẢO

Đảo Côn Lôn là một địa danh gợi cho ta nhớ đến những nhà tù tàn bạo của bọn đế quốc, nơi giam cầm những nhà yêu nước Việt Nam. Song sắt nhà tù có thể giam cầm được thể xác người tù, nhưng làm sao có thể khóa nổi lời ca yêu nước và trái tim thương nhà của họ, làm sao có thể chôn vùi được niềm lạc quan cách mạng và khí phách kiên cường nơi họ. Tâm hồn và khí phách người tù đã kết tinh nên những cảm hứng đẹp, làm vút lên những **vần thơ** bay bổng diệu kì:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,

Lùng lẩy làm cho lở núi non.

Xách búa đánh tan năm bảy đống

Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,

Mưa nắng càng bền dạ sắt son.

Những kẻ vá trời khi lở bước,

Gian nan chi kể việc con con

Với bút pháp lãng mạn hào hùng, Phan Châu Trinh đã khắc hoạ một hình tượng kì vĩ về người anh hùng cách mạng uy nghi lẫm liệt giữa đất trời Côn Đảo.

Bốn câu thơ đầu của bài thơ mô tả công việc đập đá ở Côn Lôn. Đập đá là một công việc nặng nhọc đối với người tù Côn Đảo, việc đập đá càng nặng nhọc bội phần bởi họ phải làm việc trong hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt: trong cảnh lao tù nghiệt ngã, bị tra tấn, hành hạ về thể xác, bị uy hiếp về tinh thần. Giữa một hòn đảo trơ trọi, mệnh mông nắng gió biển khơi, người tù khổ sai bị vắt kiệt sức. Biết bao người đã bỏ xác nơi đây, chẳng mong có ngày trở lại quê hương!

Cảnh lao động khổ sai cực nhọc ấy, dưới ngòi bút lãng mạn và thi vị của Phan Châu Trinh, có thêm một chất thơ. Chất thơ ấy được tạo nên bởi khí phách người tù – người cách mạng anh hùng. Con người ấy kiêu hãnh ngẩng cao đầu trước gông cùm xiềng xích:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn

Tư thế của con người thật oai phong, hiên ngang sừng sững giữa núi cao, biển rộng. Từ câu thơ toát lên một vẻ đẹp hùng tráng.

Với tư thế ấy, việc đập đá bồng trở thành việc con con, nhẹ nhàng. Dưới ngòi bút khoa trương, phóng khoáng của Phan Châu Trinh, người tù nhỏ bé vụt lớn lên trở thành người có tầm vóc khổng lồ, có sức mạnh to lớn thần kì:

Lùng lẩy làm cho lở núi non.

Xách búa đánh tan năm bảy đống,

Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Bốn câu thơ đã để lại những ấn tượng đẹp trong lòng người đọc về hình tượng người anh hùng ngang tàng ngạo nghễ.

Vẫn với giọng điệu và khí phách ngang tàng ấy, Phan Châu Trinh bày tỏ ý chí chiến đấu sắt son của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đầy:

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi

Mưa nắng càng bền dạ sắt son.

Tháng ngày và mưa nắng gợi nên bao gian truân, sóng gió trên chặng đường chiến đấu dài dặc của người chiến sĩ yêu nước.

Nhưng đối lập với gian truân, sóng gió ấy, ý chí của con người được tôi luyện càng thêm kiên cường, bất khuất. Và từ câu thơ toát lên một niềm tin mãnh liệt vào cuộc chiến đấu của dân tộc.

Bài thơ khép lại bằng một hình ảnh hào hùng:

Những kẻ vá trời khi lỡ bước,

Gian nan chỉ kể việc con con.

Khẩu khí thật ngang tàng! Chí khí của người anh hùng mưu đồ sự nghiệp lớn (sự nghiệp cứu nước, cứu dân) được sánh ngang tầm hình tượng bà Nữ Oa đội đá vá trời trong thần thoại. Để cho đại nghiệp thắng lợi thì sự cực nhọc của cảnh lao động khổ sai, kể cả bản án mà nhà chí sĩ yêu nước đang mang, nào có gì đáng kể! Hai câu kết đã bao quát ý lớn của cả bài thơ, khắc tạc hình tượng người anh hùng giữa đất trời Côn Đảo,凛冽, ngang tàng.

Bài thơ Đập đá ở Côn Lôn là một trong những sáng tác tiêu biểu của văn thơ yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX.

MUỐN LÀM THẲNG CUỘI – TẢN ĐÀ

I.1 Tác giả - Tác phẩm

Tác giả	Tác phẩm
- Tản Đà (1889- 1939) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu	HCST

<p>- Quê quán: làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây(nay là huyện Ba Vì, Hà Nội)</p> <p>- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:</p> <p>+ Tản Đà xuất thân là một nhà nho</p> <p>+ Vì mấy lần đi thi không đỗ nên ông đã chuyển sang sáng tác văn chương quốc ngữ rồi sớm nổi tiếng, nhất là những năm 20 của thế kỉ XX.</p> <p>+ Ngoài viết thơ Tản Đà còn nổi tiếng với nhiều bài văn xuôi, tản văn, tùy bút, tự truyện...</p> <p>+ Những tác phẩm tiêu biểu: Giấc mộng con, Thề non nước, Khỗi tình con...</p> <p>- Phong cách sáng tác:</p> <p>+ Thơ Tản Đà tràn đầy cảm xúc lãng mạn, lại vô cùng đậm đà bản sắc dân tộc, thơ ông có những tìm tòi và sáng tạo rất mới mẻ. Thơ Tản Đà như một gạch nối giữa thơ cổ điển và thơ hiện đại Việt Nam</p>	<p>Bài thơ Muốn làm thằng Cuội in trong tập “Khỗi tình con” (xuất bản năm 1917)</p> <p>Bố cục</p> <p>Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật nhưng có những mới mẻ và sáng tạo riêng</p>
--	---

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
<p>Bài thơ chính là tâm sự của một con người bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng bầu bạn với chị Hằng để thoát khỏi những thứ tầm thường ấy</p>	<p>Bài thơ có nhiều sáng tạo, mới mẻ trong hình thức với thể thất ngôn bát cú Đường luật cổ điển. Giọng thơ hóm hỉnh, phóng túng pha một chút ngông. Ngôn ngữ thơ bình dị, trong sáng mà tự nhiên có sử dụng nhiều khẩu ngữ</p>

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đầu

- “Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!”: lời cảm thán gọi không gian: Đêm thu, trăng sáng
 - Nhà thơ bộc lộ trực tiếp suy tư của bản thân về trần thế: “buồn lắm”, “Trần thế em nay chán nửa rồi”: Lí do là vì cõi trần lắm bon chen, bất công, đất nước mất độc lập, tự do, thân phận nô lệ.
 - “Chán nửa”: trong sâu thẳm vẫn tha thiết yêu cuộc sống
 - Xưng hô: chị- em (nhún nhường mà bất trị- ngông)
- ⇒ Biểu cảm trực tiếp, giọng thơ như lời than thở nhấn mạnh tâm trạng buồn sầu da diết, không nguôi, niềm bất hoà sâu sắc với xã hội

2. Bốn câu giữa

- Bày tỏ mong muốn thoát li lên cung Quế (cung trăng) - nơi đẹp đẽ, thanh cao trong sáng - ở cạnh chị Hằng - người đẹp .
- ⇒ Ước muốn rất ngông
- Niềm mong muốn được vui trong cảnh bầu bạn, thả hồn cùng mây gió
- ⇒ Đó chỉ là niềm vui gượng, vui nhợt vì nó chỉ có trong mộng tưởng.

3. Hai câu kết

- Cảnh: thi sĩ mãi mãi ở trên cung trăng cùng chị Hằng, đêm rằm trung thu tháng 8 thi sĩ kể vai chị Hằng trông xuống thế gian cười

⇒ Hình ảnh bất ngờ, thi vị thể hiện cao độ hồn thơ ngông của Tản Đà.

- Thi sĩ thỏa mãn vì đã đạt được khát vọng, thoát li mãnh liệt, xa lánh hẳn được cõi trần bụi bặm

- “Tựa nhau trông xuống thế gian cười” : sự mỉa mai khinh bỉ cõi trần gian

⇒ Khao khát sự đổi thay XH theo hướng tốt đẹp, thỏa mãn nhu cầu sống cá nhân.

Tham khảo: Muốn làm thằng Cuội

I-Tác giả :

- Tên là Nguyễn Khắc Hiếu, quê làng Khê thượng, Bát Bạt, Sơn tây (Nay là Ba Vì, hà tây). Ông xuất thân trong 1 gia đình phong kiến suy tàn, là con của người vợ thứ 3, mẹ ông vốn là cô đào hát nổi tiếng, tài sắc, giỏi văn thơ. Ông được thừa kế tài hoa của người mẹ. Nhưng ngay còn nhỏ, Tản đà là người sống thiếu tình cảm. Đường công danh, sự nghiệp dờ dang (theo nghiên bút từ khi 5 tuổi, 2 lần đi thi đều bị trượt, lại chứng kiến cảnh người yêu đi lấy chồng) -> quay sang làm thơ văn. Tản đà có cuộc sống nghèo khổ nhưng rất thanh cao.

- Tản đà có cá tính ngông, phóng khoáng với 1 hồn thơ sâu mộng , thuộc giống đa tình. Thơ ông là tiếng lòng của cái tôi trong sáng, bất hoà sâu sắc với thực tại muốn tìm cách thoát li trong mộng, trong thơ, trong thói giang hồ tài tử...

- Tản Đà viết rất nhiều thể loại. Gần 30 năm trời cống hiến, ông đã để lại cho đời 1 sự nghiệp văn chương khá đồ sộ:

+ Tiểu thuyết: giấc mộng lớn, giấc mộng con...

+ Thơ : khối tình con 1, khối tình con 2..

+ Truyện ngắn, truyện vừa

+ Dịch thơ: lưu trai chí dị

+ làm chủ báo, viết báo.

⇒Tản Đà là viên gạch nối giữa 2 thế kỉ, là ngôi sao sáng chói nhất trong thơ ca hợp pháp, mở đường cho dòng văn học lãng mạn.

1- Phân tích bài thơ

Đề 1: Phân tích tâm trạng của TĐ trong bài “ Muốn làm thằng Cuội”.

Đề 2: Có ý kiến cho rằng : bài thơ MLTC đã thể hiện chất ngông và đa tình nhưng đọng đầy cảm xúc thời thế của thi sĩ”.

Bằng hiểu biết về bài thơ hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Dàn ý đề 1:

A-Mở bài:

-Giới thiệu Tản Đà: thi sĩ tiêu biểu của 1 nền văn học, mở đường cho nền văn thơ mới.

-Giới thiệu bài thơ: là bài tiêu biểu cho cá tính độc đáo của TĐ: lãng mạn, phóng khoáng, đa tình, đầy tâm trngj. Bài thơ là sự phản ứng của ông đối với XH thực dân nửa phong kiến .

B-Thân bài:

-Giới thiệu sơ lược về con người TĐ: là 1 nho học nhưng tính tình rộng mở, thích bay bổng không chịu gò ép vào những khuôn phép giáo điều; muốn vượt lên trên những cái tầm thường; là người tài năng, muốn đem hoài bão, nhiệt huyết giúp đời, cứu nước nhưng không được cho nên kết đọng trong thơ ông 1 nỗi u hoài, ngậm ngùi về thời thế, nhân thế, thân thế.

-Phân tích tâm trạng của TĐ

*Phân tích nhan đề : Đã chất chứa 1 tâm trạng muốn thoát khỏi thời thế.

*2 câu đề

Chính là lời thanh minh, phơi bày tâm sự của TĐ

“ đêm thu buồn lắm...ơi”

+ “ Đêm thu” đối diện với vầng trăng, cảnh thanh vắng, yên tĩnh ->lòng càng buồn, nỗi sầu càng chất chứa. Cảnh buồn, lòng buồn đã hoà tấu thành 1 hồn thơ sâu mộng. Nhà thơ không thể giấu giếm cảm xúc chân thực của bản thân mình. Gọi “ chị Hằng ơi” để tâm sự – một lời gọi thân mật như 2 người đã quen biết rất lâu, trở thành tri kỉ. Tác giả xưng em, gọi chị như tình ruột thịt. Như vậy đây hẳn là lời ruột thịt tự trái tim, tiếng của linh hồn sâu thẳm. Tác giả than “ Chán nửa rồi”, đây là tâm trạng, nỗi lòng, là mối bất hoà sâu sắc với XH, với cuộc đời đáng chán. XH ngột ngạt tù hãm, u uất còn TĐ lại luôn hướng tới cái thanh cao, trong sáng. Vì vậy ông không thể chấp nhận hiện tại, muốn vượt lên trên cái tầm

thường. Ông muốn nửa đời còn lại có 1 người bạn tri âm để hàn huyên, quên đi sự lạc lõng cô đơn của mình trên thế gian. ông khao khát được gặp những tấm lòng yêu thương, chia sẻ, được sống chính là mình.

**Hai câu thực*

Dùng 1 lời hỏi và 1 lời cầu xin. Tác giả muốn lên cung trăng để được gần người đẹp bởi vì chị Hằng cô đơn trên cung quế, thì sẽ cô đơn nơi trần thế. Hai hồn cô đơn có nhau để đỡ buồn, đỡ tủi. Câu thơ bộc lộ rõ hồn thơ mơ mộng nhưng ẩn đằng sau là nỗi sầu của nhà thơ.

**Hai câu luận*

Chính là sự trả lời cho việc muốn lên cung trăng của TĐ để thưởng thức vẻ đẹp vĩnh hằng, những thú vui tao nhã, được thả hồn phiêu du cùng trời đất.

“ Có bầu, có bạn can chi tủi
Cùngvui”

“ Có, cùng” (điệp từ): khẳng định niềm vui về tinh thần, được thả hồn hoà nhịp cùng gió mây.

=>Tác giả không ham muốn vật chất tầm thường, coi trọng tình cảm và cái đẹp, tránh được những bụi bặm, bon chen của cuộc đời.

** Hai câu kết*

Bộc lộ tính cách , con người TĐ

+ “ Rồi cứ..năm” (thời gian liên tục, vĩnh viễn) ->ở hẳn trên cung trăng bên cạnh người đẹp.

+ Tác giả chọn thời điểm khi ánh trăng toả sáng, lung linh trên khắp thế gian, khi mọi người hướng nhìn trăng sáng thì TĐ xuất hiện. Với chi tiết này, người đọc càng hiểu thêm về con người thi sĩ: luôn khao khát cái đẹp, đắm chìm vào cái đẹp vĩnh hằng. ở trên cung trăng, có nghĩa là TĐ chọn vị trí cao hơn tất cả, tác giả khẳng định tài năng của mình: ở trên cao nhìn xuống, ông cười trần thế bé nhỏ. Cái cười đó bộc lộ chất ngông. Hình ảnh cuối bài còn bộc lộ tính cách đa tình : tựa vai người đẹp, ở hẳn trên đó với người đẹp, không thêm trở về trần thế phù phiếm, đầy rẫy những bất công. Song câu thơ cũng chất chứa nỗi lòng của Tản Đà. Ông thoát lên tiên không phải hoàn toàn quay mặt với hiện thực, cuộc đời, chối bỏ thực tại mà đắm chìm vào cõi mộng mà trong sâu thẳm tâm hồn, tình yêu quê hương, đất nước vẫn khua động, sáng lên trong ông. Hành động “ trông xuống” đã nói được điều đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO : HAI CHỮ NƯỚC NHÀ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả	Tác phẩm		
	HCST	Thể loại	Bố cục
<p>- Nguyễn Tuấn Khải (1895- 1983), bút hiệu là Á Nam</p> <p>- Quê quán: làng Quang Xán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định</p> <p>- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:</p> <p>+ Nguyễn Tuấn Khải là một nhà yêu nước</p> <p>+ Ông thường mượn những đề tài lịch sử, hoặc những biểu tượng nghệ thuật để bộc lộ nỗi đau mất nước, nỗi căm thù quân giặc thêm vào đó là khích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào, tỏ lòng khát khao độc lập, tự do.</p>	<p>“Hai chữ nước nhà” là bài thơ đầu tiên trong tập Bút quan hoài của Trần Tuấn Khải</p>	<p>– Thể loại: song thất lục bát</p> <p>Thể thơ song thất lục bát thích hợp diễn tả những tiếng lòng sâu thẳm hay những giận dữ, oán thán. Cách ngắt nhịp hợp vần , số câu, chữ kết hợp với âm điệu của câu lục bát làm cho nhạc tính trong từng khổ thơ trở nên phong phú, thích hợp hơn.</p>	<p>- Phần 1 (8 câu đầu): <i>Tâm trạng người cha trong cảnh ngộ chia li</i></p> <p>- Phần 2 (20 câu tiếp): <i>Hiện thực đau đớn của đất nước và nỗi lòng của người ra đi</i></p> <p>- Phần 3 (8 câu cuối): <i>Lời tao gửi sự nghiệp cứu nước cho con</i></p>
<p>Những tác phẩm tiêu biểu: Bút quan hoài I,II; Với sơn hà I, II...</p> <p>- Phong cách sáng tác: Thơ ông vào nỗi tiếng, nhất là các bài hát theo các làn điệu dân ca và những bài thơ theo thể loại cổ truyền của dân tộc như lục bát, song thất lục bát...</p>	<p>Ý nghĩa nhan đề</p> <p>– Vì nước và nhà có mối quan hệ gắn bó không thể tách rời. Nước mất thì nhà tan, thù nhà có thể trả được khi thù nước đã rửa.</p> <p>– Đối với con người, không gì cao quý hơn tình cảm yêu nước thương nhà.</p>		

I. 2. Nội dung chính và nghệ thuật nổi bật

Nội dung chính	Nghệ thuật nổi bật
Qua đoạn trích Hai chữ nước nhà tác giả đã mượn một câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm vô cùng lớn để bộc lộ được tình cảm mãnh liệt với đất nước khích lệ lòng yêu nước của đồng bào dân tộc	Bài thơ sử dụng thành công thể thơ song thất lục bát. Giọng điệu da diết thông thiết và có sức gợi cảm mạnh mẽ

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Tâm trạng người cha trong cảnh ngộ đau đớn, éo le (8 câu thơ đầu)

Chốn Ái Bắc mây sâu âm đạm

Cõi trời Nam gió thảm điều hiu

Bốn bề hổ thét chim kêu

Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước

Chút thân tàn lặn bước dặm khơi

Trông con tâm tã châu rơi

Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên.

Cảnh vật thiên nhiên trong bốn câu thơ đầu được miêu tả như thế nào?

Cuộc chia li diễn ra ở một nơi biên giới âm đạm, heo hút: Ái Bắc ,mây sâu,gió thảm, hổ thét, chim kêu ...cảnh vật tang tóc ,chia li,thê lương. Bởi vì lòng người đang đau đớn.

Trong bối cảnh đau thương như vậy,tâm trạng người cha và con ra sao?

Đối với cả hai cha con,tình nhà, nghĩa nước đều sâu đậm,da diết và đều tột cùng đau đớn ,xót xa:nước mất ,nhà tan, cha con li biệt.....cho nên máu và lệ hoà quyện là sự chân thương tận đáy lòng.

Trong bối cảnh không gian và tâm trạng ấy, lời khuyên của người cha có ý nghĩa như thế nào?

– Lời khuyên, dặn dò tha thiết của người cha có ý nghĩa như một lời trăng trối cuối cùng. Nó thiêng liêng, xúc động , hành kính và có sự truyền cảm mạnh hơn bao giờ hết. Lời căn dặn ấy khiến người nghe phải khắc cốt ghi xương, mãi mãi không được quên.

2. Tình đất nước trong cảnh đau thương, tang tóc (20 câu tiếp theo)

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định

Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay

.....

Con ơi! càng nói càng đau...

Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?

Mạch thơ của đoạn này phát triển như thế nào?

+ Mạch ý thơ trong đoạn phát triển như sau:

Bốn câu : Giống Hồng Lạc.....kém gì? Tự hào về dòng giống anh hùng.

Tám câu tiếp: Hiện tình đất nước dưới ách đô hộ của giặc Minh

Tám câu tiếp: Tâm trạng của người cha.

Những hình ảnh: Bốn phương lửa khói, xương rùng máu sông, thành tung quách vỡ....mang tính chất gì?

– Hình ảnh có tính ước lệ tượng trưng, là biểu hiện cho những điều đau thương, tàn khốc, căm phẫn, hận thù.

Những hình ảnh đó gợi cho người đọc liên tưởng đến tình hình nào?

– Bằng sức mạnh miêu tả và biểu cảm, hình ảnh thơ giúp ta liên tưởng đến tình hình đất nước Đại Việt dưới ách đô hộ giặc Minh. Tình cảnh ấy được phản ánh sau sắc trong Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi. Từ đó tác giả muốn người đọc liên tưởng đến tình hình mất nước hiện thời cũng đau thương, thảm khốc tột cùng.

Tâm trạng của người cha trước lúc qua biên giới, nghĩ về hiện tình đất nước được miêu tả như thế nào?

– Đó là tâm trạng đau xé tâm can, ngậm ngùi, khóc than, buồn bã, thương tâm, trầm sầu nghìn khổ.... đến tột cùng:

Thăm vong quốc kẻ sao cho xiết

Trông cơ đồ nhường xé tâm can

– Người cha đau nỗi đau nước mất nhà tan, gia đình li loạn. Đó cũng là tâm trạng của tác giả đương thời trước tình cảnh loạn lạc của đất nước, đòi người thăm vong, lưu lạc nơi quan ải.

3. Thế bất lực của người cha và lời trao gửi cho con (đoạn thơ cuối)

Cha xót phận tuổi già sức yếu

Lỡ sa cơ đành chịu bó tay

Thân lươn bao quản vũng lầy

Giang sơn gánh vác sau này cậy con

Người cha nói nhiều đến mình: Thân tàn, tuổi già sức yếu, sa cơ, đành chịu bó tay để làm gì ?

– Lấy tình cảnh bất lực của mình, người cha nhằm kích thích, hun đúc cái ý chí “gánh vác sau này” của người con, làm cho lời trao gửi thêm sức nặng tình cảm. Cha sức tàn lực kiệt nhưng ý chí và khát vọng của cha con phải kế thừa. Đó mới là hành động chí hiếu. Nhược bằng không, linh hồn cha nơi đất khách quê người không thể nào an nghỉ cho được. Lời dặn dò đinh ninh, có sức mạnh thức tỉnh khát vọng phục thù của người con.

PHẦN 2 TIẾNG VIỆT

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

Trường từ vựng

I. Lí thuyết

1. Khái niệm:

Đặc điểm hình thức	Chức năng, công dụng
.....	

2. Lưu ý

a. 1 TTV có thể gồm nhiều TTV nhỏ hơn	-> Luống hoa	+
		+
		+
b. TTV có thể bao gồm các từ khác	-> mắt	+
		+

nhau về từ loại		+
c. 1 từ có thể thuộc nhiều TTV khác nhau	-> lành	+
		+
		+
d. Trong văn thơ, tác giả thường chuyển TTV để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ: (ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ).	-> Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then đêm sập cửa	

II. Luyện tập:

Bài 1: Với mỗi phần lưu ý trên hãy tìm thêm 1 ví dụ tương ứng.

Bài 2 : Có bao nhiêu trường từ vựng ở đoạn văn sau:

Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Còn bây giờ giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một ly sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của con tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.

Bài 3: Từ nghe trong câu sau đây thuộc trường từ vựng nào?

Nhà ai vừa chín quả đầu

Đã nghe xóm trước vườn sau thơm lừng.

Bài 4: Các từ sau đây đều nằm trong trường từ vựng động vật, em hãy xếp chúng vào những trường từ vựng nhỏ hơn.

gà, trâu, vuốt, nanh, đực, cái, kêu, rống, xé, nhai, hót, gầm, đầu, mõm, sữa, gáy, lợn, mái, bò, đuôi, hú, rú, mõ, gấu, khi, gặm, cá, nhám, chim, trống, cánh, vây, lông, nuốt.

- Trường từ vựng :

- Trường từ vựng :

- Trường từ vựng :

- Trường từ vựng:

- Trường từ vựng :

Bài 5: Cho đoạn trích sau:

Tôi bấm tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chệch đầu chúc xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm theo cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

a. Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào, của ai?

b. Tìm 2 trường từ vựng có trong đoạn trích trên.

c. Nhân vật tôi được miêu tả trong hoàn cảnh nào? Nhân vật tôi có tâm trạng như thế nào? Vì sao?

III. ĐỀ LUYỆN

Phần 1

a. Tìm ba động từ cùng thuộc một phạm vi nghĩa, trong đó một từ có nghĩa rộng và hai từ có nghĩa hẹp hơn trong đoạn trích sau:

“Xe chạy, chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi rú còi chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo [...]”

(Nguyễn Hồng, *Những ngày thơ ấu*)

b. Trong đoạn thơ sau, tác giả đã chuyển các từ in đậm từ trường từ vựng nào sang trường từ vựng nào?

“Ruộng rẫy là **chiến trường**,

Cuộc cày là **vũ khí**,

Nhà nông là **chiến sĩ**,

Hậu phương thi đua với tiền phương.”

(Hồ Chí Minh)

Phần 2: Nhà thơ Vũ Đình Liên đã viết:

“... Nhưng mỗi năm mỗi vắng
 Người thuê viết nay đâu?
 Giấy đỏ buồn không thắm;
 Mực đọng trong nghiên sầu...”
 (Ông đồ)

- Phương thức biểu đạt của đoạn thơ ?
- Xác định các trường từ vựng có trong đoạn thơ ?
- Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong đoạn thơ. Phân tích giá trị biểu đạt của chúng ?

Phần 3. Cho đoạn trích sau:

Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

(Cô bé bán diêm – An-đéc-xen, Ngữ văn 8, T1, NXB giáo dục Việt Nam, 2011, tr.64 - 65)

- Việc sử dụng các câu hỏi trong đoạn trích trên có ý nghĩa gì?
- Tìm các từ cùng thuộc một trường từ vựng trong đoạn trích trên? Tác dụng của trường từ vựng đó.

Phần 4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vui dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tường chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

- Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên và nêu tác dụng?
- Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.
- Từ ý nghĩa đoạn trích trên, hãy trình bày suy nghĩ về nghị lực sống của con người bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 1 trang giấy

Phần 5: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
 Sương hồng lam, ôm ấp nóc nhà gianh,
 Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
 Người các ấp tung bừng ra chợ Tết.
 Họ vui vẽ kéo hàng trên cỗ biếc;
 Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
 Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
 Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ,
 Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,
 Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu.
 Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.
 Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,
 Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,
 Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
 Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh

(Chợ tết - Đoàn Văn Cừ)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 3: Liệt kê các từ thuộc trường từ vựng *màu sắc* có trong đoạn thơ.

Câu 4: Nhận xét vai trò của trường từ vựng trên trong việc thể hiện nội dung đoạn thơ.

Câu 5: Chỉ ra và nêu ngắn gọn biện pháp tu từ đặc sắc trong 4 dòng thơ cuối

ĐỀ HS GIỎI

Câu 1. Vận dụng các kiến thức đã học về trường từ vựng để phân tích cái hay trong cách dùng từ ở bài thơ sau:

Áo đỏ em đi giữa phố đông
 Cây xanh như cũng ánh theo hồng
 Em đi lửa cháy trong bao mắt
 Anh đứng thành tro, em biết không?
 (Vũ Quần Phương – Áo đỏ)

Câu 2: Chỉ rõ hiện tượng chuyển trường từ vựng và cho biết tác dụng của hiện tượng chuyển trường từ vựng trong trường hợp sau:

Người ngấm trắng soi ngoài cửa sổ,
 Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Hồ Chí Minh)**ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

Trường từ vựng**I. Lí thuyết****1. Khái niệm:**

Đặc điểm hình thức	Chức năng, công dụng
Là tập hợp tất cả những từ có nét chung về nghĩa	Dùng để liên kết các câu trong đoạn văn

2. Lưu ý

b. 1 TTV có thể bao gồm các từ khác nhau về từ loại	a. 1 TTV có thể gồm nhiều TTV nhỏ hơn	-> Luống hoa	+ Loại hoa: hồng, lan, cúc...
			+ Màu sắc: trắng, vàng, đỏ
			+ Hương thơm: nồng nàn, dịu nhẹ
			+ động từ: nhắm, mở...
	c. 1 từ có thể thuộc nhiều TTV khác nhau	-> mắt	+ danh từ: bồ câu,
			+ tính từ: to, bé, xanh, nâu
			+ tính tình: lành tính, ác..
			+ đặc điểm: lành(nguyên vẹn), vỡ...
	d. Trong văn thơ, tác giả thường chuyển TTV để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ: (ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ).	-> lành	+ tính chất : lành tính, độc hại...
	d. Trong văn thơ, tác giả thường chuyển TTV để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ: (ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ).	-> Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then đêm sập cửa	<u>Mặt trời xuống biển như <u>hòn lửa</u></u> <u>Sóng đã cài <u>then</u> đêm sập <u>cửa</u></u>

II. Câu hỏi ôn tập kiến thức

Bài 1: Với mỗi phần lưu ý trên hãy tìm thêm 1 ví dụ tương ứng.

Bài 2 : Có bao nhiêu trường từ vựng ở đoạn văn sau:

Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Còn bây giờ giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một ly sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của con tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.

Đáp án

- Trường từ vựng quan hệ ruột thịt : Mẹ, con.

- Trường từ vựng hoạt động của người: Ngủ, uống, ăn.
- Trường từ vựng hoạt động của môi: Hé mở, chúm, mút.

Bài 3: Từ nghe trong câu sau đây thuộc trường từ vựng nào?

Nhà ai vừa chín quả đầu

Đã nghe xóm trước vườn sau thom lừng.

Đáp án

- Ở câu thơ này do phép chuyển nghĩa ẩn dụ, nên từ *nghe* thuộc trường từ vựng khứu giác.

Bài 4: Các từ sau đây đều nằm trong trường từ vựng động vật, em hãy xếp chúng vào những trường từ vựng nhỏ hơn. gà, trâu, vuốt, nanh, đực, cái, kêu rống, xé, nhai, hót, gầm, đầu, mõm, sữa, gáy, lợn, mái, bò, đuôi, hú, rú, mổ, gấu, khi, gặm, cá, nhám, chim, trống, cánh, vây, lông, nuốt.

Đáp án

- Trường từ vựng giống loài: gà, lợn, chim, cá, trâu, bò, khi, gấu.
- Trường từ vựng giống: đực, cái, trống, mái.
- Trường từ vựng bộ phận cơ thể của động vật: vuốt, nanh, đầu, mõm, đuôi, vây, lông.
- Trường từ vựng tiếng kêu của động vật: Kêu, rống, gầm, sữa, gáy, hí, rú.
- Trường từ vựng hoạt động ăn của động vật:

Bài 5: Cho đoạn trích sau:

Tôi bấm tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chệch đầu chúc xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm theo cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

a Tôi đi học của Thanh Tịnh

b. Tìm 2 trường từ vựng có trong đoạn trích trên.

- TTV chỉ đồ dùng học tập: sách, vở, bút, thước
- TTV chỉ hành động của tay: xóc, ghi, nắm, bấm.

c. Nhân vật tôi được miêu tả trong hoàn cảnh ngày đầu tiên đi học

Tâm trạng: hồi hộp, lo lắng ...

III. ĐỀ LUYỆN

Phần 1: (6 điểm):

a. Tìm ba động từ cùng thuộc một phạm vi nghĩa: (1,5 đ)

- Động từ có nghĩa rộng: khóc (0,5 đ)
- Động từ có nghĩa hẹp: nức nở (0,5 đ)
- sụt sùi (0,5 đ)

b. Chuyển trường từ vựng: (2,0 đ)

- Ruộng rẫy (nông nghiệp) $\leftrightarrow$ Chiến trường (quân sự) (0,5 đ)
- Cuộc cày (nông nghiệp) $\leftrightarrow$ Vũ khí (quân sự) (0,5 đ)
- Nhà nông (nông nghiệp) $\leftrightarrow$ Chiến sĩ (quân sự) (0,5 đ)
- ➔ Tác giả chuyển từ trường “quân sự” sang trường “nông nghiệp”. (0,5 đ)

Phần 2: (4 điểm)

a. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

b. Các trường từ vựng:

- Vật dụng: giấy, mực, nghiên
- Tình cảm: buồn, sầu
- Màu sắc: đỏ, thắm

c. Các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong đoạn thơ: Điệp ngữ (*mỗi*); câu hỏi tu từ (*Người thuê viết nay đâu?*); nhân hoá (*giấy-buồn, mực-sầu*).

Phân tích có các ý:

- Sự sững sờ trước sự thay đổi quá bất ngờ *mỗi năm mỗi vắng*.

- Hình ảnh ông đồ già tiêu tụy, lặng lẽ bên góc phố, người trên phố vẫn đông nhưng chỗ ông ngồi thì vắng vẻ, thừa thớt người thuê viết.
- Một câu hỏi nghi vấn có từ nghi vấn nhưng không một lời giải đáp, hồi âm tan loãng vào không gian hun hút - tâm trạng xót xa ngao ngán.
- Cái buồn, cái sầu như ngấm vào cảnh vật (*giấy, nghiên*), những vật vô tri vô giác ấy cũng buồn cùng ông, như có linh hồn cảm thấy cô đơn lạc lõng...

Phần 3. Cho đoạn trích sau:

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	a.	Ý nghĩa của việc sử dụng các câu hỏi trong đoạn trích tác phẩm <i>Cô bé bán diêm</i> (2,0 điểm)	
		- Các câu hỏi được sử dụng: <i>Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ?; Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ?</i>	0,5
		- Ý nghĩa: + Đây là câu hỏi mà nhân vật cô bé bán diêm tự đặt đặt ra cho mình như một hình thức tự giải bày, tự bộc lộ cảm xúc, tâm trạng.	0,5
		+ Thể hiện ước muốn, khao khát đốt lên ngọn lửa, tạo ra hơi ấm xua tan đi giá lạnh, rét buốt đêm đông.	1,0
	b.	Các từ cùng thuộc trường từ vựng và tác dụng của trường từ vựng đó trong đoạn trích tác phẩm <i>Cô bé bán diêm</i> (2,0 điểm)	
		- Các từ cùng một trường: <i>ngọn lửa, xanh lam, trắng, rực hồng, sáng chói</i> chỉ màu sắc và ánh sáng của ngọn lửa.	1,0
		- Tác dụng: + Miêu tả ngọn lửa của que diêm cháy lung linh, huyền ảo qua cái nhìn đầy mơ mộng của cô bé bán diêm.	0,5
		+ Thể hiện ước mơ về một ngọn lửa ấm áp, một thế giới đầy ánh sáng, một cuộc sống tươi đẹp, hạnh phúc của cô bé nghèo đang sống trong hoàn cảnh bi đát.	0,5

Phần 4

a. Thán từ: ô kìa -> thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi thấy chiếc lá cuối cùng dũng cảm vẫn đeo bám ở trên tường

b. - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa.

Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tường như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành.

c.

- **Nghị luận về đoạn trích:** Đoạn trích làm hiện lên hình ảnh chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân. Trước sự dữ dội của thiên nhiên, chiếc lá vẫn kiên cường treo bám vào cành. Từ sức sống mãnh liệt ta nghĩ về nghị lực của con người trong cuộc sống.

- **Nghị luận về nghị lực sống của con người**

Nghị lực sống của con người chính là bản lĩnh, ý chí, sự cố gắng để vượt lên tất cả những khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám sống

- Vai trò, ý nghĩa của nghị lực sống:

+ Tạo cho ta bản lĩnh và lòng dũng cảm, tự tin trong cuộc sống

+ Ứng phó và cải biến được khó khăn, thử thách

+ Ngoài trí tuệ và tài năng, tình cảm và nhiệt huyết thì nghị lực sống là một nhân tố quan trọng, là động lực giúp cho con người thành công trong cuộc sống.

+ Nghị lực sống là thước đo phẩm chất con người

(Nêu và phân tích những tấm gương cụ thể trong đời sống trên các mặt: vượt khó để học tập, lập nghiệp, lao động và sáng tạo...)

- Phê phán những biểu hiện tiêu cực: thiếu nghị lực, bản lĩnh, chỉ biết sống trong sự bao bọc, chở che, không dám đối diện với khó khăn, thử thách

- Rút ra bài học:

+ Rèn luyện nghị lực sống để vượt qua khó khăn, gian khổ và vượt qua chính mình

+ Kiên định mục đích sống của mình, không chán nản, bi quan, bỏ cuộc

Phần 5.

Câu 1: Phương thức biểu đạt: biểu cảm, (chính). (1.0 điểm)

Câu 2: Nội dung chính: niềm vui của tác giả trước khung cảnh trên đường ra chợ Tết đẹp đẽ, tung bừng. (1.0 điểm)

Câu 3: Liệt kê trường từ vựng *màu sắc*: trắng (3), đỏ (2), hồng lam, xanh (2), biếc, thắm, vàng, tía. (1 điểm)

Câu 4: Vai trò: trường từ vựng phong phú về số lượng từ, phong phú về màu sắc với các gam màu tươi sáng đã bộc lộ rõ nét khung cảnh trên đường ra chợ Tết tươi vui, đầy sức sống và niềm vui, niềm yêu thích của tác giả về phiên chợ Tết. (1 điểm)

Câu 5: Biện pháp tu từ nhân hóa, tác dụng Làm cho cảnh vật thiên nhiên trở nên vui tươi có hồn, có sắc và gần gũi với con người. Thiên nhiên cũng hòa vui với cái tung bừng trong không khí đón xuân như con người

ĐỀ HSG

Câu 1: Vận dụng các kiến thức đã học về trường từ vựng để phân tích cái hay trong cách dùng từ ở bài thơ sau:

Áo đỏ em đi giữa phố đông
Cây xanh như cũng ánh theo hồng
Em đi lửa cháy trong bao mắt
Anh đứng thành tro, em biết không?

(Vũ Quần Phương – Áo đỏ)

Tác giả sử dụng 2 trường từ vựng:

- + Trường từ vựng về màu sắc : đỏ - hồng – ánh }
- + Trường từ vựng chỉ về lửa : lửa cháy to. }(0,5đ)

Các từ trong hai trường từ vựng có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo nên vẻ đẹp của đoạn thơ. Màu áo đỏ của cô gái thấp lùn trong mắt chàng trai (nhiều người khác) ngọn lửa. Ngọn lửa đó lan tỏa trong người anh, làm anh say đắm, ngất ngây, và lan tỏa cả không gian, làm không gian cũng biến sắc (cây xanh cũng ánh hồng). (1đ)

Xây dựng hình ảnh gây ấn tượng mạnh với người đọc .Nó miêu tả một tình yêu mãnh liệt, cháy bỏng, đắm say... (ngoài ra bài thơ còn sử dụng một số phép đối. (0,5đ)

Câu 2

- Chỉ rõ hiện tượng chuyển trường từ vựng: *nhóm và ngắm vốn là những từ thuộc trường từ vựng (chỉ hành động) người sang trường từ vựng vật để nhân hóa*
- Tác dụng của hiện tượng chuyển trường từ vựng: làm cho trăng có hành động như con người, làm hiện rõ sự giao hòa, gắn bó, tri âm giữa người và trăng... góp phần làm hiện rõ vẻ đẹp của nhân vật trữ tình – người tù cách mạng (...)

IV. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Thế nào là trường từ vựng?

- A. Là tập hợp tất cả các từ có chung cách phát âm.
- B. Là tập hợp tất cả các từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

C. Là tập hợp tất cả các từ cùng từ loại (danh từ, động từ,...)

D. Là tập hợp tất cả các từ có chung nguồn gốc (thuần Việt, Hán Việt,...)

Câu 2: Các từ: “tàn nhẫn, độc ác, lạnh lùng” thuộc trường từ vựng nào dưới đây?

A. Chỉ tâm hồn con người

B. Chỉ tâm trạng con người

C. Chỉ bản chất của con người

D. Chỉ đạo đức của con người

Câu 3: Những từ: “trao đổi, buôn bán, sản xuất” được sắp xếp vào trường từ vựng nào?

A. Hoạt động xã hội.

B. Hoạt động văn hóa.

C. Hoạt động chính trị.

D. Hoạt động kinh tế.

Câu 4: Từ ngữ nào dưới đây không mang nghĩa “thuốc chữa bệnh”?

A. Thuốc kháng sinh.

B. Thuốc ho.

C. Thuốc tẩy giun.

D. Thuốc Lào.

Câu 5: Các từ in đậm trong câu văn sau thuộc trường từ vựng nào?

Vì tôi biết rõ, **nhắc** đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý **gieo rắc** vào đầu tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải **bỏ** con cái **đi** tha hương cầu thực.

(Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng)

A. Hoạt động của con người

B. Thái độ của con người

C. Cảm xúc của con người

D. Suy nghĩ của con người.

Câu 6: Các từ in đậm trong bài thơ sau đây thuộc trường từ vựng nào?

Chàng **Cóc** ơi! Chàng **Cóc** ơi!

Thiếp **bén** duyên chàng có thể thôi

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé,

Nghìn vàng khôn **chuộc** đầu bôi vôi.

(Hồ Xuân Hương)

A. Động vật thuộc loài ếch nhái.

B. Động vật ăn cỏ.

C. Côn trùng.

D. Động vật ăn thịt.

Câu 7: Những từ trao đổi, buôn bán, sản xuất được xếp vào trường từ vựng nào?

A. Hoạt động kinh tế

B. Hoạt động chính trị

C. Hoạt động văn hóa.

D. Hoạt động xã hội.

Câu 8: Các từ gạch chân trong câu sau thuộc trường từ vựng nào?

“Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu tôi những **hoài nghi** để tôi **khinh miệt** và **ruồng rẫy** mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực.”

(Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng)

- A. Suy nghĩ của con người B. Cảm xúc của con người
- C. Thái độ của con người D. Hành động của con người

1	2	3	4	5	6	7	8

2. Tự luận

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vui dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tường chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

- a. Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên và nêu tác dụng?
- b. Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

Gợi ý:

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8
B	C	D	D	A	A	A	C

2. Tự luận

- a. Thán từ: ô kìa -> thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi thấy chiếc lá cuối cùng dũng cảm vẫn đeo bám ở trên tường
- b. - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa.
 Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành.

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

Từ tượng hình – Từ tượng thanh

I. Lí thuyết:

Kiến thức cần nhớ	Phân loại	VD
1. Thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh	a) Từ tượng hình là từ	– Từ tượng hình gợi tả đáng đáp, đáng vẽ của

thanh?		người	
		– Gọi tả dáng dấp của sự vật	
		– Gọi tả màu sắc:	
	b) Từ tượng thanh là từ	– Từ tượng thanh mô phỏng tiếng người nói	
		– Tiếng người cười	
– Tiếng nước chảy			
	– Tiếng chân người đi		
2. Công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh	Từ tượng hình và từ tượng thanh gọi đượcrất cụ thể,,, nhiều Do đó, nó có giá trị, giá trị cao. Khi được sử dụng trong văn miêu tả và tự sự, từ tượng hình và từ tượng thanh góp phần làm cho		

	<p>..... Từ tượng hình và từ tượng thanh là lớp từ có vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên</p> <p>.....</p>
--	---

II. Luyện tập:

Bài 1. Tìm các từ tượng hình là những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái sự vật sau:

- Không bằng phẳng của sự vật:**
- Trạng thái của ánh lửa:**
- Biểu cảm của khuôn mặt:**
- Dáng người:**

Bài 2. Tìm các từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh sau:

- Tiếng nước chảy:**
- Tiếng nói:**
- Tiếng gió thổi:**
- Tiếng cười nói:**
- Tiếng bước chân:**

Bài 3. Cho đoạn trích sau:

Rồi chị túm lấy cổ hấn ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hấn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trối vợ chồng kẻ thiếu suu.

- Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào thuộc tác phẩm nào, của ai?
- Giải nghĩa từ “lực điền”
- Tìm các trường từ vựng trong đoạn trích trên
- Xác định từ tượng thanh, từ tượng hình trong đoạn trích trên và nêu tác dụng.
- Nhân vật chị là ai, được miêu tả trong hoàn cảnh nào? Đoạn trích trên đã thể hiện vẻ đẹp gì của nhân vật chị?
- Từ việc làm của nhân vật chị em có suy nghĩ gì về lòng dũng cảm trong cuộc sống. Bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy nêu suy nghĩ của em, gạch chân ít nhất 1 từ tượng thanh và 1 từ tượng hình trong đoạn văn vừa viết.

Bài 4. (3 điểm). Đọc phần trích sau:

...“*Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vờ trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.*” (“Lão Hạc”- Nam Cao)

- Nêu nội dung nghệ thuật của văn bản “Lão Hạc” – Nam Cao?
- Tìm các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể người trong đoạn trích trên?
- Xác định từ tượng hình, tượng thanh được sử dụng trong đoạn trích trên? Phân tích tác dụng của từ tượng hình, tượng thanh đó?

Bài 5. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi dưới đây:

“*Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng*

cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.”

(Ngữ văn 8, Tập một, NXBGD Việt Nam, 2018, tr.97)

a. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả của văn bản đó là ai? Nêu xuất xứ của văn bản.

b. Nhân vật “tôi” trong đoạn trích là ai? Nhân vật đó có vai trò thế nào trong văn bản?

c. Tìm ít nhất hai từ tượng thanh, hai từ tượng hình trong đoạn trích và nêu tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung.

Bài 6 HSG

Ca dao có bài:

*Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần*

a/ Thánh thót là loại từ gì? Giá trị gọi tả của nó?

b/ Phân tích biện pháp tu từ trong câu thơ thứ hai?

c/ Vế 1 và vế 2 trong câu thứ tư có quan hệ với nhau thế nào? Phân tích giá trị biểu cảm của biện pháp nghệ thuật ấy?

III. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

Câu 1: Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng thanh?

- A. Là những từ mô tả âm thanh của con người, sự vật.
- B. Là những từ gọi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.
- C. Là những từ miêu tả tính cách của con người.
- D. Là những từ gọi tả bản chất của sự vật.

Câu 2: Theo em, từ tượng thanh, từ tượng hình thường thuộc từ loại nào?

- A. Danh từ
- B. Tính từ
- C. Đại từ
- D. Số từ

Câu 3: Các từ tượng hình và tượng thanh thường được dùng trong các kiểu bài văn nào?

- A. Miêu tả và nghị luận.
- B. Tự sự và miêu tả.
- C. Nghị luận và biểu cảm.
- D. Tự sự và nghị luận.

Câu 4: Trong các từ sau, từ nào là từ tượng thanh?

- A. Xôn xao
- B. Chốc chốc
- C. Vật vờ
- D. Mãi mốt

Câu 5: Từ nào dưới đây không phải là từ tượng hình?

- A. Xông xộc.
- B. Xôn xao.

C. Rũ rượi.

D. Xộc xệch.

Câu 6: Trong các nhóm từ sau, nhóm nào đã được sắp xếp hợp lí

A. Thông thả, khoan thai, vội vàng, uyển chuyển, róc rách.

B. Vi vu, ngọt ngào, lóng lánh, xa xa, phơi phới.

C. Ha hả, hô hô, hơ hớ, hi hi, khúc khích.

D. Thất thểu, lò dò, chồm hồm, chập chững, rón rén.

Câu 7: Từ “lẻo khoẻo” trong câu “Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hấn ngã chồng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trối vợ chồng kẻ thiếu suu” có nghĩa là gì?

A. gầy gò, trông ốm yếu, thiếu sức sống

B. Dáng vẻ xanh xao của người mới ốm dậy

C. Thể trạng của những người bị mắc nghiện

D. Gầy và cao

Câu 8: Đoạn văn trên có bao nhiêu từ tượng hình?

Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xáo ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vờ ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.

(Lão Hạc, Nam Cao)

A. 3 từ

B. 4 từ

C. 5 từ

D. 6 từ

1	2	3	4	5	6	7	8

2. Tự luận

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác cụ Bơ – Men, - cụ vẽ nó ở đây vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng”.

a. Cho biết nhân vật em trong đoạn trích trên là ai, nằm trong tác phẩm nào, cho biết tên tác giả

b. Tìm một từ tượng hình có trong đoạn trích và nêu tác dụng?

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

Từ tượng hình – Từ tượng thanh

I. Lí thuyết:

Kiến thức cần nhớ	Phân loại	VD
-------------------	-----------	----

1. Thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh?	a) <i>Từ tượng hình</i> là từ gọi tả – Từ tượng hình gọi tả hình ảnh, dáng dấp, dáng vẻ, trạng thái,... của sự vật. Phần lớn từ tượng hình là từ láy.		<i>lom khom, thướt tha, bệ vệ, đủng đỉnh; lặc lè, lòng không, lừ đừ, thất thểu, tập tễnh,...</i>
		– Gọi tả dáng dấp của sự vật	<i>lè tè, chót vót, ngoằn ngoèo, thăm thẳm, mênh mông, nhấp nhô, khắp khểnh, phập phồng, mấp mô,...</i>
		– Gọi tả màu sắc:	<i>chon chót, bênh bệch, sặc sỡ, loè loẹt, chói chang,...</i>
	b) <i>Từ tượng thanh</i> là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người . (Trong thuật ngữ từ tượng thanh, tượng là mô phỏng, thanh là âm thanh.) Phần lớn từ tượng thanh là từ láy. Một số ví dụ:		<i>léo nhéo, râm ran, bập bẹ, the the, ồm ồm, oang oang, áp ứng, bô bô, ông ông, phều phào, thỏ thẻ, thủ thi, ...</i>
		– Tiếng người cười	<i>ha hả, hà hà, khúc khích, sằng sặc, hô hố, khà khà, hềnh hềch, ngật nghễ, rúc rích, sặc sụa,...</i>
		– Tiếng nước chảy	<i>ồ ồ ọc, róc rách, tồ tồ, ồ ồ, rào rào,...</i>
		– Tiếng chân người đi	<i>thình thịch, bành bịch, lạch bạch, lệt sệt, loẹt quẹt, ...</i>
2. Công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh	Từ tượng hình và từ tượng thanh gọi được hình ảnh, âm thanh rất cụ thể, sinh động, đa dạng, nhiều màu vẻ. Do đó, nó có giá trị miêu tả, giá trị biểu cảm cao. Khi được sử dụng trong văn miêu tả và tự sự, từ tượng hình và từ tượng thanh góp phần làm cho cảnh vật, con người hiện ra tự nhiên, sống động với nhiều dáng vẻ, cử chỉ, âm thanh, màu sắc và tâm trạng khác nhau. Từ tượng hình và từ tượng thanh là lớp từ có vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên giá trị nghệ thuật của tác phẩm văn chương.		

II. Luyện tập:

Bài 1. *Tìm các từ tượng hình là những từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái sự vật sau:*

- Không bằng phẳng của sự vật:** mấp mô, khắp khểnh, khúc khuỷu, bập bênh..
- Trạng thái của ánh lửa:** bập bùng, lập lòe...
- Biểu cảm của khuôn mặt:** méu máo, hớn hờ, nhăn nhó...
- Dáng người:** thướt tha, mập mạp, gầy gò...

Bài2. Tìm các từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh sau:

a. **Tiếng nước chảy:** ào ào, róc rách, tí tách, rào rào, âm ỉ ầm, tong tong ..

b. **Tiếng nói:** oang oang, ầm ầm, thủ thủ...

c. **Tiếng gió thổi:** ù ù, vù vù, hiu hiu, vi vu, ào ào...

d. **Tiếng cười nói :** khanh khách, ồm ồm, lanh lảnh, khà khà, khi khi, hì hì, oang oang, khúc khích, rả rích, riu rít, khàn khàn, hà hà, hô hô....

e **Tiếng bước chân:** rỏ rên, huỳnh huych, rầm rập, rậm rịch, lệt bệt, loẹt quẹt

Bài3. Cho đoạn trích sau:

Rồi chị túm lấy cổ hấn ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hấn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trối vợ chồng kẻ thiếu suu.

a. Đoạn trích trên nằm trong văn bản Tức nước vỡ bờ thuộc tác phẩm Tắt đèn , của Ngô Tất Tố

b.Giải nghĩa từ “lực điền”: Người nông dân khỏe mạnh

c.Tìm các trường từ vựng trong đoạn trích trên:

+ TTV chỉ người: chị, hấn, anh chàng, người đàn bà, vợ chồng.

+ TTV chỉ hành động: túm lấy, xô đẩy, ngã, chạy

+ TTV chỉ bộ phận cơ thể: cổ, miệng

d.Xác định từ tượng thanh, từ tượng hình trong đoạn trích trên và nêu tác dụng.

+ Từ tượng thanh: nham nhảm

+ Từ tượng hình: lẻo khoẻo

e. Nhân vật chị là chị Dậu, được miêu tả trong hoàn cảnh chống lại 2 tên tay sai đến đòi tiền suu để bảo vệ anh Dậu.

Đoạn trích trên đã thể hiện vẻ đẹp gì của nhân vật chị Dậu là:

+ Hết lòng yêu thương, lo lắng cho chồng.

+ Không sợ cường quyền và có sức sống tiềm tàng

f. Từ việc làm của nhân vật chị em có suy nghĩ gì về lòng dũng cảm trong cuộc sống. Bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy nêu suy nghĩ của em, gạch chân ít nhất 1 từ tượng thanh và 1 từ tượng hình gtrong đoạn văn vừa viết.

GV hướng dẫn HS viết có thể dựa vào cách lập ý sau:

+ Giới thiệu vấn đề

+ Giải thích khái niệm lòng dũng cảm.

+ Đưa ra các hành động dũng cảm trong cuộc sống và ý nghĩa

+ Bàn luận mở rộng: các hành động trái với dũng cảm, tỏ thái độ lên án.

+ Đưa ra cách hành động

+ Liên hệ bản thân

Bài 4: (3 điểm).

a) Học sinh nêu đúng nội dung, nghệ thuật của văn bản “*Lão Hạc*”: (1 điểm).

- Nội dung: Truyện ngắn “*Lão Hạc*” đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn đối với người nông dân.

- Nghệ thuật: Miêu tả tâm lí nhân vật và cách kể chuyện đặc sắc.

b) Học sinh tìm được đúng các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận của cơ thể người: **đầu, tóc, mắt, mép**.(0,5 điểm)

c) - Học sinh xác định đúng các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn. (0,5 điểm).

+ Từ tượng hình: **xông xộc, vật vã, xộc xệch, rũ rượi, long sông sông**.

+ Từ tượng thanh: **xôn xao, tru tréo**.

- Học sinh phân tích được tác dụng: (1 điểm).

Gợi tả một cách cụ thể, chân thực và cảm động về cái chết vô cùng đau đớn, dữ dội, thê thảm của lão Hạc.

Bài 5. Gợi ý:

a: Đoạn văn được trích từ văn bản *Hai cây phong*, trích *Người thầy đầu tiên*; tác giả Ai-ma-tốp.

b.

- Nhân vật "tôi" trong đoạn văn là người kể chuyện.
- Trong văn bản, nhân vật "tôi" có vai trò làm cho người đọc nắm bắt tâm trạng nhân vật sâu sắc, sinh động, chân thật và gần gũi hơn...

c.

- Hai từ tượng thanh: *rì rào, vù vù*.
- Hai từ tượng hình: *đéo dai, êm dịu*.
- Tác dụng: gợi ra âm thanh, hình ảnh cụ thể sinh động của hai cây phong, đem lại cảm giác như được chứng kiến, nghe thấy, nhìn thấy cảnh tượng hai cây phong, gần gũi thân thương...

Bài 6. HSG

a. Bài ca dao “ Cày đồng đang buổi ban trưa” nói lên sự vất vả của công việc nhà nông và giá trị của hạt gạo do người nông dân làm ra

- “ thánh thót” là từ tượng hình gợi tả từng giọt, từng giọt mồ hôi liên tiếp rơi xuống, cái âm vang của từng giọt mồ hôi nghe đều đều rất rõ

b. Câu thứ 2 được tác giả dân gian vận dụng biện pháp tu từ so sánh và nói quá có tác dụng cụ thể hóa hình ảnh giọt mồ hôi tủa ra riw xuống và gây ấn tượng về công việc cày đồng “ buổi ban trưa” vô cùng vất vả khó nhọc.

c. Câu thơ thứ tư được chia thành 2 vế tương phản đối lập từng cụm từ ngữ: dào thơm >< đắng cay, một hạt >< muôn phần. Phép đối khẳng định công sức của người nông dân và giá trị của bát cơm hạt gạo; nhắc nhở mọi người phải trân trọng biết ơn người dân cày và quý trọng lúa gạo

III. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

Gợi ý:

1. Trắc nghiệm :

1	2	3	4	5	6	7	8
B	C	D	D	A	A	A	C

2. Tự luận

a. Nhân vật em trong đoạn trích trên là Giôn-xi.

Văn bản “ Cô bé bán diêm” của nhà văn An-đéc-xen

b. Tìm một từ tượng hình : rung rinh

-> Cho thấy một sự chuyển động nhẹ của một vật nào đó.

BUỔI:

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

Trợ từ - Thán từ - Tình thái từ

I. Lí thuyết

--	--	--	--

Kiến thức cần nhớ	1.Trợ từ	2.Thán từ	3.Tình thái từ
Khái niệm	Trợ từ là	Thán từ là	Tình thái từ là
Dấu hiệu, phân loại	Các trợ từ thường gặp:	Thán từ gồm 2 loại chính: + Thán từ + Thán từ	Tình thái từ gồm 1 số loại từ đáng chú ý sau: + Tình thái từ + TTT + TTT +TTT
Vị trí	Trợ từ có thể đứng ở	-Thán từ có thể tách thành - Thán từ thường đứng	- Thường đứng ở

II. Luyện tập

Bài 1: Xác định từ loại của các từ gạch chân trong các ví dụ sau:

- Thương thay con quốc giữa trời
Dầu kêu ra máu có người nào nghe.
- Ai oi bụng bát cơm đầy
Đeo thom một hạt đắng cay muôn phần.
- Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa
Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm.
- Cuốn truyện này hay oi lạ hay.
- Hãy quên đi mọi lo âu, mẹ nhé...

Bài 2. Hãy thêm các loại từ đã học trong chương trình Ngữ văn 8 vào những câu văn sau để tăng sắc thái biểu cảm (có thể thay đổi hoặc thêm bớt một số từ ngữ nhưng giữ nguyên ý):

- Thêm trợ từ:

- Tôi không có quyển sách ấy.
- Sân trường tôi tuy nhỏ nhưng có năm cây bàng.
- Tôi trách cứ gì anh ấy đâu.

b. Thêm thán từ hoặc tình thái từ:

- Cuốn sách gọi ra bao điều mới mẻ.
- Cậu cần thông báo ngay với cô giáo về tình hình kỉ luật của lớp.
- Mùa xuân đã về trên quê hương.

Bài 3: Cho đoạn trích sau:

Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm im như trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão đối xử với tôi như thế này à?” Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nở tâm lừa nó!

- Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Của ai? cho biết thể loại của văn bản đó?
- Nhân vật “tôi” là ai, được miêu tả trong hoàn cảnh nào? Nguyên nhân nào đã đẩy nhân vật vào hoàn cảnh đó?
Đoạn trích trên cho em hiểu gì về tâm trạng của nhân vật
- Xác định các thán từ, tình thái từ trong đoạn trích và nêu tác dụng của chúng?

Bài 4.. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“*Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vui dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.*

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

Câu 1: Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên và nêu tác dụng?

Câu 2: Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

III. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Tình thái từ là gì?

- Là những từ dùng làm dấu hiệu biểu lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói hoặc dùng để gọi đáp.
- Là những từ được thêm vào câu để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói và người viết.
- Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.
- Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu, dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến từ ngữ đó.

Câu 2: Khi sử dụng tình thái từ, cần chú ý điều gì?

- Tính địa phương
- Phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp
- Không được sử dụng biệt ngữ
- Phải có sự kết hợp với các trợ từ

Câu 3: Câu nào dưới đây không sử dụng tình thái từ?

- Nếu vậy, tôi chẳng biết trả lời ra sao.
- Giúp tôi với, lạy Chúa!

- C. Tôi đã chẳng bảo ngài cẩn thận đấy ư? D. Những tên khổng lồ nào cơ?

Câu 4: Tình thái từ trong câu "Thầy mệt ă?" biểu thị điều gì?

- A. Nghi vấn, kính trọng. B. Nghi vấn, bình thường.
C. Cảm thán, bình thường. D. Cầu khiến, kính trọng.

Câu 5: Câu nào dưới đây sử dụng tình thái từ cầu khiến?

- A. Anh không muốn kết bạn với nó à?
B. Bác nghị, tôi về đây ă!
C. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không?
D. Thôi im đi, anh bạn Xan-chô.

Câu 6: Câu nào dưới đây sử dụng tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm?

- A. Đừng hòng bắt được nó nhé! B. Thật là may mắn lắm thay!
C. Hãy đứng lên đi! D. Có đi hay không thì bảo chứ?

Câu 7: Những tình thái từ được in đậm trong các câu sau thuộc nhóm tình thái từ nào?

1. Bác trai đã khá rồi **chứ?**
2. Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy **ă?**
3. U bán con thật đấy **ư?**
4. Cụ tưởng tôi sung sướng hơn **chăng?**

- A. Tình thái từ cảm thán. B. Tình thái từ nghi vấn.
C. Tình thái từ cầu khiến. D. Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm

Câu 8: Từ "đi" trong câu: "Mày trối ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!" thuộc dạng nào dưới đây?

- A. Tình thái từ cảm thán biểu thị sự thuyết phục
B. Tình thái từ cầu khiến tỏ ý thách thức
C. Tình thái từ cầu khiến yêu cầu người khác làm việc gì đó cho mình
D. Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm

2. Tự luận

Tìm thán từ trong các câu sau và cho biết chúng được dùng làm gì?

a, Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.

(Tắt đèn – Ngô Tất Tố)

b, Khốn nạn , nhà cháu đã không có, dẫu ông chờ mãi cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại

(Tắt đèn – Ngô Tất Tố)

c, Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. chà ánh sáng kì dị làm sao!

Đáp án PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

Trợ từ - Thán từ - Tình thái từ

I. Lí thuyết

Kiến thức cần nhớ	1.Trợ từ	2.Thán từ	3.Tình thái từ
Khái niệm	Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.	Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.	Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.
Dấu hiệu, phân loại	Các trợ từ thường gặp: những, chính, có, đích, ngay...	Thán từ gồm 2 loại chính: + Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: a, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi,.. + Thán từ gọi đáp: này, ơi, vâng, dạ, ừ...	Tình thái từ gồm 1 số loại từ đáng chú ý sau: + Tình thái từ nghi vấn: à, ư, hả, hử, chứ, chẳng,... + TTT cầu khiến: đi, nào, với... + TTT cảm thán: thay, sao.. +TTT biểu thị sắc thái tình cảm: ạ, nhé, cơ, mà...
Vị trí	Trợ từ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu	-Thán từ có thể tách thành 1 câu đặc biệt. - Thán từ thường đứng đầu câu	- Thường đứng cuối câu, giữa câu

II. Luyện tập

Bài 1: Xác định từ loại của các từ gạch chân trong các ví dụ sau:

- a Thương thay con quốc giữa trời (TTT cảm thán)
Dầu kêu ra máu có người nào nghe.
- b Ai ơ bụng bát com đây (TT gọi đáp)
Đeo thơm một hạt đắng cay muôn phần.
- c. Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa
Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm. (TT bộc lộ cảm xúc)
- d. Cuốn truyện này hay ơi là hay. (Trợ từ)
- e. Hãy quên đi mọi lo âu, mẹ nhé... (TTT biểu thị sắc thái tình cảm)

Bài 2. Hãy thêm các loại từ đã học trong chương trình Ngữ văn 8 vào những câu văn sau để tăng sắc thái biểu cảm (có thể thay đổi hoặc thêm bớt một số từ ngữ nhưng giữ nguyên ý):

a. Thêm trợ từ:

- Chính tôi không có quyền sách ấy.
- Sân trường tôi tuy nhỏ nhưng có những năm cây bàng.
- Tôi có trách cứ gì anh ấy đâu.

b. Thêm thán từ hoặc tình thái từ:

- Ôi, cuốn sách gọi ra bao điều mới mẻ.
- Cậu cần thông báo ngay với cô giáo về tình hình kỉ luật của lớp nhé!
- Chào ôi, mùa xuân đã về trên quê hương.

Bài 3.

a. Đoạn trích trên nằm trong văn bản Lão Hạc. Của Nam Cao.

thể loại của văn bản : Truyện ngắn

b. Nhân vật “tôi” là Lão Hạc

- được miêu tả trong hoàn cảnh vừa bán con chó Vàng
- Nguyên nhân đã đẩy nhân vật vào hoàn cảnh đó là: do nghèo đói, túng quẫn..
- Đoạn trích trên cho thấy tâm trạng của nhân vật rất đau đớn, hối hận

c. Xác định các thán từ, tình thái từ trong đoạn trích và nêu tác dụng của chúng?

- Thán từ gọi đáp : Này ; A !
- Tình thái từ : ạ ; à

Bài 4. Gợi ý:

Câu 1: Thán từ: ô kìa -> thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi thấy chiếc lá cuối cùng dũng cảm vẫn đeo bám ở trên tường

Câu 2: - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa.

Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành.

III. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

Gợi ý :

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8
C	B	A	A	D	A	B	B

2. Tự luận :

- Thán từ **Này** dùng để gọi đáp
- Khốn nạn**: bộc lộ cảm xúc
- Chà**: bộc lộ cảm xúc

NÓI QUÁ – NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

I. Lí thuyết:

1.Nói quá	Khái niệm	Là biện pháp
	Tác dụng	
	Phân biệt nói quá với nói khoác	- Giống:
		- Khác nhau: + Nói khoác: làm cho người nghe + Nói quá: nhằm + Biện pháp nói quá thường được sử dụng kèm với VD:
2.Nói giảm nói tránh	Khái niệm	Là
	Tác dụng	+ tránh gây cảm giác + tránh gây cảm giác + tránh
	Một số cách nói giảm nói tránh thường gặp:	a. Sử dụng các từ - Chết: từ trần, -
		b. Sử dụng hiện tượng VD:
		c. bằng từ trái nghĩa:

		VD:
		d. VD:

II. Luyện tập:

Câu 1. Hoàn thành các câu thành ngữ, tục ngữ sau, giải thích ngắn gọn ý nghĩa của chúng và cho biết các câu thành ngữ, tục ngữ đó sử dụng cách nói gì?

a. Vung tay...

ý nghĩa.....

b. Vắt cổ chày...

ý nghĩa.....

Câu 2. Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau đây rồi đặt câu với thành ngữ ấy:

a. Chắt lọc, chọn lấy cái quý giá, tinh túy trong những cái tạp chất khác.

b. Khuếch trương, cổ động làm ồn ào.

c. Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét.

d. Luôn kề bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau.

e. Gan dạ, dũng cảm, không nao núng trước khó khăn hiểm nguy.

f. Giống hệt nhau đến mức tưởng chừng như cùng 1 thể chất

Câu 3. Hãy chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật nói quá được sử dụng trong câu văn sau:

a. “Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!”

(Tức nước vỡ bờ, trích Tắt đèn – Ngô Tất Tố)

b. “Già những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vò ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”

(Trong lòng mẹ, trích Những ngày thơ ấu – Nguyên Hồng)

Câu 4. Cho đoạn trích sau:

Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian này là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho một chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Khi những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế gian cứ lơ lửng dần từng sợi một, ý nghĩ kì quặc ấy hình như càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

a. Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào, của ai?

b. Nhân vật “cô” trong đoạn trích là ai, cô đang có tâm trạng gì, vì sao? Để miêu tả tâm trạng đó tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy chỉ rõ và nêu tác dụng?

c. 1 văn bản khác đã học cũng sử dụng biện pháp tu từ này với ý nghĩa tương tự ở cuối văn bản. Hãy cho biết tên VB đó và tên tác giả; ghi lại câu văn có sử dụng BPTT đó.

d. Từ suy nghĩ của nhân vật “cô” trong đoạn trích, em hãy viết 1 đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy với chủ đề: Hãy vượt qua khó khăn bằng tinh thần lạc quan.
Gạch chân một phép tu từ nói quá trong đoạn văn vừa viết.

Câu 5. Đọc bài ca dao:

*Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.*

(SGK Ngữ văn 8- Tập 1, NXBGD, 2004, trang 101)

- a) Xác định các biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng trong bài ca dao trên.
- b) Phân tích một biện pháp tu từ có giá trị biểu đạt nội dung hay nhất trong bài ca dao trên.

Câu 6

... (1) Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hần cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. (2) Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

- Những câu văn trên trích từ tác phẩm nào? Của ai? Tác phẩm đó thuộc thể loại gì?
- Xác định một trợ từ trong câu văn số (1) và cho biết ý nghĩa của trợ từ đó.
- Tìm hai từ tượng hình trong đoạn văn trên. Việc sử dụng những từ này giúp em hiểu bọn tay sai là những kẻ thế nào? (Trình bày ngắn gọn)
- Hãy thay cụm từ “người ốm nặng” trong câu văn (1) bằng một cụm từ khác có ý nghĩa tương tự để tạo thành phép tu từ nói giảm nói tránh.

Câu 7: HSG

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu thơ sau:

*"Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa
Trăng ơi trăng, hãy yên lặng cúi đầu
Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu
Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ"*

(Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi! - Hải Như)

III. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Nói giảm nói tránh là gì?

- A. Là một biện pháp tu từ trong đó người ta thay tên gọi một đối tượng bằng sự mô tả những dấu hiệu của nó.
- B. Là phương tiện tu từ làm tăng, làm mạnh lên một đặc trưng tích cực nào đó của một đối tượng được nói đến.
- C. Là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển
- D. Là một biện pháp tu từ phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng

Câu 2: Biện pháp nói giảm nói tránh được in đậm trong khổ thơ sau nói về điều gì?

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh **về đất**
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Tây Tiến, Quang Dũng)

- A. Sự xa xôi.
- B. Cái chết.
- C. Sự vất vả.
- D. Sự nguy hiểm.

Câu 3: Khi nào không nên nói giảm nói tránh?

- A. Khi cần phải nói năng lịch sự, có văn hóa
- B. Khi muốn bày tỏ tình cảm của mình.
- C. Khi cần phải nói thẳng, nói đúng sự thật.
- D. Khi muốn làm cho người nghe bị thuyết phục.

Câu 4: Khi nào nên nói giảm nói tránh?

- A. Khi muốn bày tỏ tình cảm của mình.
- B. Khi muốn làm cho người nghe bị thuyết phục.
- C. Khi cần phải nói thẳng, nói đúng nhất sự thật.
- D. Khi sự việc được nói tới không được lịch sự, dễ chịu

Câu 5: Câu nào dưới đây sử dụng cách nói giảm, nói tránh?

- A. Nó đang ngủ ngon lành thật
- B. Đạo này nó lười học quá!
- C. Cô ấy xinh quá nhỉ!
- D. Đạo này trông anh không được hồng hào lắm!

Câu 6: Câu nào sau đây sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh?

- A. Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! (Nam Cao)
- B. Thôi để mẹ cảm cũng được. (Thanh Tịnh)
- C. Bác trai đã khá rồi chứ? (Ngô Tất Tố)
- D. Mợ mày phát tài lắm, có như đạo trước đâu. (Nguyễn Hồng)

Câu 7: Câu văn nào dưới đây có sử dụng phép nói giảm nói tránh?

- A. Ngày tháng mười chưa cười đã tối
- B. Không đợi được các con cháu về đông đủ, ông cụ ấy đã đi xa.

C. Nguy hiểm nhất là khi các bào bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

D. Đất rộng bao la làm chúng tôi sùng sốt.

Câu 8: Câu văn nào dưới đây không dùng phép nói giảm nói tránh?

A. Bài thơ anh viết về ý tứ, hình ảnh thì được, nhưng tình cảm còn chưa đủ sâu.

B. Có lẽ, anh nên thu xếp để rời nơi này sớm thì tốt hơn

C. Nói năng như thế là có phần chưa được thiện chí lắm

D. Anh ăn nói như dùi đục chấm mắm cáy

2. Tự luận

Chỉ ra và nêu ý nghĩa của các từ ngữ được dùng theo phép nói giảm, nói tránh trong các ví dụ sau:

a. Câu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ ! (Lão Hạc-Nam Cao)

b. Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu.

(Lão Hạc-Nam Cao)

c. Thế là họ đã về châu Thượng đế. (Cô bé bán diêm - An-đéc-xen)

d. Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

NÓI QUÁ – NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

I. Lí thuyết:

1.Nói quá	Khái niệm	Là biện pháp phóng đại quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả
	Tác dụng	Nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. (Trong thơ văn người ta hay dùng cách nói thậm xưng, phóng đại, khoa trương)
	Phân biệt nói quá với nói khoác	- Giống: Nói phóng đại sự việc, hiện tượng về quy mô, tính chất, mức độ..
		- Khác nhau: + Nói khoác: làm cho người nghe tin vào những điều không có thực. + Nói quá: nhằm nhấn mạnh, làm nổi bật bản chất của sự thật giúp người nghe nhận thức sự thực rõ ràng hơn; tăng sức biểu cảm. + Biện pháp nói quá thường được sử dụng kèm với so sánh,

		ẩn dụ, hoán dụ. VD: Rẻ như bèo, nhanh như cắt.
2.Nói giảm nói tránh	Khái niệm	Là BPTT dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển
	Tác dụng	+ tránh gây cảm giác quá đau buồn + tránh gây cảm giác ghê sợ, nặng nề + tránh thô tục, thiếu lịch sự
	Một số cách nói giảm nói tránh thường gặp:	a. Sử dụng các từ đồng nghĩa Hán Việt - Chết: từ trần, tạ thế - Chôn: mai táng, an táng
		b. Sử dụng hiện tượng chuyển nghĩa thông qua các hình thức ẩn dụ, hoán dụ. VD: bác đã lên đường theo tổ tiên
		c. Phủ định bằng từ trái nghĩa: VD: Xấu: chưa đẹp
		d. Nói trống: VD: Ông ấy chỉ nay mai thôi

II. Luyện tập:

Câu 1. Hoàn thành các câu thành ngữ, tục ngữ sau, giải thích ngắn gọn ý nghĩa của chúng và cho biết các câu thành ngữ, tục ngữ đó sử dụng cách nói gì?

a. Vung tay...(quá trán)

ý nghĩa.....

b. Vắt cổ chày...(ra nước)

ý nghĩa.....



Câu 2. Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau đây rồi đặt câu với thành ngữ ấy:

a. Gạn đục khơi trong.

b. Đánh trống khua chiêng

c. Mặt cắt không còn giọt máu

d. Như hình với bóng

e. Gan vàng dạ sắt

f. Như 2 giọt nước

Câu 3:

a. - Xác định được phép nói quá: **ông đỡ cả nhà mà đi: 0.5đ**

- Nêu tác dụng:

+ Sự độc ác bất nhân mất hết tính người của bọn tay sai: **0.75đ**

+ Nỗi khổ cực của người nông dân: **0.75đ**

b. - Xác định được phép nói quá: **vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi: 0.5đ**

- Nêu tác dụng:

+ Sự căm tức những hủ tục phong kiến đã đọa đầy đọa người mẹ: **0.75đ**

+ Thể hiện tình yêu thương của mẹ của bé Hồng: **0.75đ**

Câu 4

a. Đoạn trích trên nằm trong văn Chiếc lá cuối cùng của O – Hen - Ri

b. Nhân vật “cô” trong đoạn trích Giôn - xi, cô đang có tâm trạng tuyệt vọng chờ đợi cái chết, vì cô đang ốm nặng.

- Để miêu tả tâm trạng đó tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.

- Chỉ rõ: một chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình

- Tác dụng:

c. 1 văn bản khác đã học cũng sử dụng biện pháp tu từ này với ý nghĩa tương tự ở cuối văn bản.

- Hãy cho biết tên VB đó và tên tác giả: Cô bé bán diêm của An – đéc - xen

- ghi lại câu văn có sử dụng BPTT đó: Hioa bà cháu bay về châu thượng đế

d. Từ suy nghĩ của nhân vật “cô” trong đoạn trích, em hãy viết 1 đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy với chủ đề: Hãy vượt qua khó khăn bằng tinh thần lạc quan.

Gạch chân một phép tu từ nói quá trong đoạn văn vừa viết.

Câu 5	a	Chỉ cần xác định và nêu đúng tên gọi biện pháp tu từ: Câu: <i>Mồ hôi thánh thót /như/ mưa ruộng cày</i> là phép tu từ: Nói quá kết hợp so sánh. * Nếu học sinh chỉ nêu được nói quá thì đạt 0,75điểm
	b	- Bài ca dao "Cày đồng đang buổi ban trưa" là một bài ca dao viết hay nhất về người làm ruộng bởi có nhiều biện pháp tu từ và từ ngữ độc đáo nhưng hay nhất vẫn ngưng đọng ở câu: <i>Mồ hôi thánh thót /như/ mưa ruộng cày</i> - Tác giả đã dùng phép tu từ nói quá kết hợp so sánh (hay gọi là so sánh thậm xưng) đã tạo sức gợi cảm giác liên tưởng của mọi người về hình ảnh, nỗi vất vả, khó nhọc của người nông dân. - Cách nói quá vừa nhấn mạnh vừa làm tăng giá trị biểu cảm cho người đọc.

Câu 6

Phần	Nội dung
------	----------

5	Câu 1. Tác phẩm: <i>Tắt đèn</i> Tác giả: <i>Ngô Tất Tố</i> Thể loại: <i>Tiểu thuyết</i>
	Câu 2 VD: <i>cứ</i> → Nhấn mạnh thái độ của tên người nhà lí trưởng khi phải làm một việc mà hắn không muốn với những người đang trong tình cảnh đáng thương...
	Câu 3 VD: <i>Đùng đùng, sầm sập</i> (0.5đ/từ) → Giúp ta hiểu bọn tay sai là những kẻ: - Tàn nhẫn, dã man, hung hãn mất hết nhân tính - Là công cụ đắc lực và trung bình của xã hội tàn bạo đó
	Câu 4. HS thay được bằng cụm từ khác có sử dụng phép nói giảm nói tránh. VD: <i>người ốm nặng</i> => <i>người không khỏe</i>

Câu 7: HSG

1. Về hình thức: Đoạn văn phải trình bày rõ ràng, mạch lạc, diễn đạt lưu loát; văn viết có cảm xúc.

2. Về nội dung: Cần nêu và phân tích được những đặc sắc nghệ thuật cũng như giá trị diễn đạt nội dung trong đoạn thơ:

+ Nhân hóa: trăng được gọi như người (*trăng ơi trăng*), trăng cũng "*bước nhẹ chân*", "*yên lặng cúi đầu*", "*canh giấc ngủ*" (0,2 đ) --> Trăng cũng như con người, cùng nhà thơ và dòng người vào lăng viếng Bác. (0,15 đ) ; Trăng là người bạn thủy chung suốt chặng đường dài bất tử của Người (0,15 đ)

+ Điệp ngữ: "*nhẹ*", "*trăng*" (0,2 đ)

- "*Nhẹ*": nhấn mạnh, thể hiện sự xúc động, tình cảm tha thiết của mọi người muốn giữ yên giấc ngủ cho Bác. (0,2 đ)

- "*Trăng*": Lời nhắn nhủ làm cho trăng trở nên gần gũi với người (0,2 đ)

+ Ẩn dụ: "*ngủ*" (trong câu thơ thứ ba) (0,2 đ) --> Tâm lòng lo lắng cho dân cho nước suốt cuộc đời của Bác (0,2 đ) --> Ca ngợi sự hi sinh quên mình của Bác. (0,2 đ)

+ Nói giảm nói tránh: "*ngủ*" (trong câu thơ thứ tư) (0,2 đ) --> làm giảm sự đau thương khi nói về việc Bác đã mất (0,2 đ) --> Ca ngợi sự bất tử, Bác còn sống mãi. (0,2 đ).

* Đoạn thơ là cách nói rất riêng và giàu cảm xúc về tình cảm của nhà thơ nói riêng và của nhân dân ta nói chung đối với Bác Hồ. (0,2 đ)

III. ĐỀ KIỂM TRA NHANH SAU TIẾT HỌC

NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

Gợi ý :

1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8
C	B	C	D	D	A	B	D

2. Tự luận. H/s chỉ ra và nêu ý nghĩa của các từ ngữ được dùng theo phép nói giảm, nói tránh trong các ví dụ:

a.. *Đi đời*: (cậu Vàng) Bị bán để giết thịt (Tránh cảm giác đau buồn).

b. Cũng ra phết: Gian, tham, độc ác-> Thể hiện thái độ Bình Tư đánh giá về Lão Hạc khi lão nói với hấn về mục đích của hành động xin bả chó, đồng thời giữ thái độ lịch sự, tôn trọng người nghe (ông giáo).

c. Về châu Thượng đế: Chỉ cái chết của hai bà cháu-> Tránh cảm giác nặng nề, đau đớn; thể hiện sự cảm thông chia sẻ với nhân vật.

d. Không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa: Cái chết của những người dân thuộc địa nơi đất khách; thái độ chua xót cho số phận hẩm hiu của những người bản xứ; mỉa mai, tố cáo bản chất tàn bạo của bọn thực dân cai trị trong việc dùng người dân xứ thuộc địa làm vật hi sinh.

PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

CÂU GHÉP

I. Lí thuyết:

1.Đặc điểm hình thức	* Cấu tạo	- Câu có trở lên, không - Mỗi của câu ghép có dạng VD.
	* Các kiểu quan hệ trong câu ghép	- Các vế của câu ghép có với nhau khá Những quan hệ thường gặp:
		- Mỗi cặp quan hệ thường được đánh dấu bằng
		- Phải dựa vàohoặc để nhận biết chính xác giữa các vế.
2.Cách nối các vế câu trong câu ghép	a. Dùng các từ ngữ có tác dụng nối:	- Nối bằng 1 VD.
		- Nối bằng 1 cặp VD.
		- Nối bằng 1 cặp hay thường đi đôi với nhau(cặp từ) VD.
	b. Không dùng từ nối	Giữa các vế câu cần có hoặc VD: +

II. Luyện tập**Câu 1 (2,0 điểm)**

- a) Thế nào là câu ghép? Chỉ ra những quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép?
- b) Nêu quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu sau:
- *Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.*
- *Để môi trường được trong sạch thì chúng ta nên hạn chế sử dụng bao bì ni lông.*

Câu 2. Có thể đảo trật tự các vế câu trong câu ghép hay không, vì sao?

- a. Ngày mai, nếu ai mang sính lễ đến trước thì ta gả con gái cho.
- b. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong muốn chú giết giặc cusu nước.

Câu 3. Chỉ rõ mối quan hệ giữa các vế của câu ghép:

- a. Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phía tội.
- b. Kết cục, anh chàng “ hậu cần ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn , hấn bị chị này túm tóc lẳng cho 1 cái, ngã nhào ra thềm.
- c. Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hấn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.
- d. Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ đến ai được nữa.

Câu 4 :Đọc đoạn trích sau:

“...Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”. (Lão Hạc-Nam Cao)

- a. Người kể trong đoạn trích là ai? Kể về sự việc gì?
- b. Chỉ ra các thán từ và các tình thái từ được sử dụng trong đoạn trích trên?
- a. Đặt một câu ghép chỉ nguyên nhân vì sao lão Hạc gởi tiền cho ông giáo?

Câu 5:Cho đoạn văn:

“Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”

(Trích *Lão Hạc*, Nam Cao)

- a. Tìm câu ghép trong đoạn văn trên. Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu đó.
- b. Chỉ rõ từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích giá trị biểu hiện (tác dụng) của các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn đó.

Câu 6. Cho đoạn văn:

“ Với khói từ điều thuốc mình hút, người hút đã hút vào hơn 1 nghìn chất. Phần lớn các chất đó như khí a – mô – ni – ắc, ô xít các – bon và hắc ín đều rất nguy hiểm đối với sức khỏe. Chất ni – cô – tin trong thuốc lá còn độc hại hơn: đó là 1 thứ ma túy. Nhiều người hút đã quen tới mức không thể nào nhịn nổi. Bởi vậy, họ vẫn tiếp tục hút”.

a. Trong đoạn văn trên câu nào là câu ghép

b. Các vế câu trong câu ghép đó có qh gì?

Câu 7. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“ Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa...”

(Ngữ văn 8- Tập1- NXB Giáo dục)

Câu 1: Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (1,0 điểm)

Câu 2: Trong đoạn trích trên, giá trị nhân đạo được nhà văn thể hiện như thế nào? (1,0 điểm)

Câu 3: Tìm các từ thuộc trường từ vựng “*thiên nhiên*” trong đoạn trích. (1,0 điểm)

Câu 4: Tìm câu ghép trong đoạn trích trên và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế

ĐÁP ÁN PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

CÂU GHÉP

I. Lí thuyết

1.Đặc điểm hình thức	* Cấu tạo	Câu có 2 cụm C – V trở lên, không bao chứa nhau. - Mỗi cụm C –V của câu ghép có dạng 1 câu đơn và được gọi chung là 1 vế của câu ghép. VD. Trời mưa to, nước sông dâng cao.
	* Các kiểu quan hệ trong câu ghép	- Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ . Những quan hệ thường gặp: qh nguyên nhân, điều kiện (gt), tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, tiếp nối, đồng thời, giải thích.
		- Mỗi cặp quan hệ thường được đánh dấu bằng những qht, cặp qht, cặp từ hô ứng nhất định.
		- Phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế.
2.Cách nối các vế câu trong câu ghép	a. Dùng các từ ngữ có tác dụng nối:	- Nối bằng 1 qht VD. “ Tôi đã nói nhưng anh ấy không chịu nghe”
		- Nối bằng 1 cặp quan hệ từ. VD. Nếu em không cố gắng thì em sẽ không qua được kì thi này.
		- Nối bằng 1 cặp phó từ hay đại từ thường đi đôi với nhau(cặp từ hô ứng)

		VD. Công việc khó khăn bao nhiêu chúng ta cố gắng bấy nhiêu(đại từ)
	b. Không dùng từ nối	Giữa các vế câu cần có dấu phẩy hoặc dấu hai chấm . VD: + Tôi thích học toán, em tôi thích học văn +..

II. Luyện tập

Câu 1

a. Thế nào là câu ghép? Chỉ ra những quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép?

* Khái niệm: Câu ghép là câu có hai hay nhiều cụm chủ - vị không bao chứa nhau. Mỗi cụm chủ - vị được gọi là một vế câu. 0,5 điểm

* Mỗi quan hệ ý nghĩa giữa các vế: 0,5 điểm

- Quan hệ nguyên nhân
- Quan hệ tiếp nối
- Quan hệ điều kiện (giả thiết)
- Quan hệ lựa chọn
- Quan hệ tương phản
- Quan hệ bổ sung
- Quan hệ tăng tiến
- Quan hệ giải thích
- Quan hệ đồng thời

Lưu ý: Sai 3 - 5 mỗi quan hệ trừ 0,25 điểm, sai từ 6 mỗi quan hệ ý nghĩa trở lên thì không cho điểm.

b. Nêu quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu

- Thầy thì sờ vôi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.

-> Quan hệ đồng thời. 0,5 điểm

- Để môi trường được trong sạch thì chúng ta nên hạn chế sử dụng bao bì ni lông.

-> Quan hệ mục đích. 0,5 điểm

2. Có thể đảo trật tự các vế câu trong câu ghép hay không, vì sao?

a. Ngày mai, nếu ai mang sính lễ đến trước thì ta gả con gái cho.

b. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong muốn chú giết giặc cứu nước.

=> Không thể đảo vị trí các vế câu trong những câu trên. Vì ý nghĩa của các vế câu sau chỉ có thể hiểu được khi trước nó có vế câu nêu ý nghĩa làm cơ sở để hiểu ý nghĩa của vế sau. Nếu các vế sau chuyển lên đầu câu, người đọc sẽ không hiểu được nghĩa của các vế câu đó.

3. Chỉ rõ mối quan hệ giữa các vế của câu ghép:

a. Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phía tội.

=> QH đối lập về nghĩa

b. Kết cục, anh chàng “ hậu cần ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn , hấn bị chị này túm tóc lẳng cho 1 cái, ngã nhào ra thềm.

=> quan hệ nguyên nhân – kết quả

c. Cai lết tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hấn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

CN1 VN1 CN2 VN2

Quan hệ giữa các vế trong câu ghép là quan hệ tiếp nối.

d. Khi người takhỏ quá thì người tachằng còn nghĩ đến ai được nữa.

CN1 VN1 CN2 VN2

Quan hệ giữa các vế trong câu ghép là quan hệ nguyên nhân.

Câu 4 :

a. Người kể trong đoạn trích là lão Hạc, kể về việc lão bán con chó vàng mà lão yêu quý.

b. Các thán từ: Này, a.

- Các tình thái từ: ạ, à.

c. Đặt câu:

Vd: Vì lão không muốn khi chết liên lụy đến hàng xóm nên lão đã gọi tiền ông giáo để lo ma chay cho mình.

Câu 5:

a/ - Câu ghép: *Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít.* (0,5 điểm)

- Quan hệ ý nghĩa giữa 2 vế câu: quan hệ bổ sung hoặc đồng thời. (0,5 điểm)

b/ - Từ tượng hình: *móm mém* (0,25 điểm)

- Từ tượng thanh: *hu hu* (0,25 điểm)

- Giá trị biểu hiện (tác dụng): Gợi tả hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động có giá trị biểu cảm cao. (0,5 điểm)

Câu 6. Cho đoạn văn:

a. Câu ghép: Chắt ni – cô – tin trong thuốc lá còn độc hại hơn: đó là 1 thứ ma túy.

b. Các vế nối với nhau bằng dấu 2 chấm, vế sau giải thích cho vế trước.

Câu 7

Câu	Nội dung
	I. VĂN – TIẾNG VIỆT
Câu 1	- Đoạn trích trên trích trong tác phẩm: “ <i>Cô bé bán diêm</i> ”. - Tác giả: An-đéc-xen
Câu 2	Bằng ngòi bút nhân đạo và trái tim chan chứa yêu thương, nhà văn An-đéc-xen miêu tả cái chết của cô bé bán diêm thật huy hoàng và cao đẹp, chết mà “ <i>đôi môi đang mỉm cười</i> ” một cách hạnh phúc và mãn nguyện bởi những điều kì diệu em đã trông thấy qua ánh lửa diêm trong giây phút cuối cùng.
Câu 3	Trường từ vựng thiên nhiên : <i>tuyết, mặt đất, mặt trời, bầu trời.</i>

Câu 4	<ul style="list-style-type: none"> - Câu ghép trong đoạn trích: <i>Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt.</i> - Xác định quan hệ ý nghĩa của các vế câu: Quan hệ tương phản.
--------------	--

ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ CÂU

I. Bảng hệ thống kiến thức

STT	Mục kiến thức	Nội dung
1	Cấp độ khái quát nghĩa của từ	
2	Trường từ vựng	
3	Từ tượng hình, từ tượng thanh	
4.	Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội	
5	Trợ từ, thán từ	
6	Tình thái từ	
7	Nói giảm nói tránh, nói quá	

8	Câu ghép	
9	Dấu câu	

II. Luyện tập:

Bài 1: Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong các đoạn văn bản sau:

- Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà
(*Qua Đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan*)
- Một trái trăng thu chín mồm mòm
Nảy vùng quế đỏ đỏ lờm lờm
(*Hồi trăng – Hồ Xuân Hương*)
- Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
(*Truyện Kiều – Nguyễn Du*)

Bài 2: Cho các câu sau: Gạch dưới các từ ngữ miêu tả cách nói năng của chị Dậu, từ đó ta thấy được sự thay đổi trạng thái tâm lí của nhân vật như thế nào?

- Chị Dậu **run run**.
- Chị Dậu vẫn **thiết tha**.
- Chị Dậu **nghiến** hai hàm răng.

Bài 3: Cho các danh từ: *cây, cá, mưa*. Hãy lập các trường từ vựng với mỗi từ trên?

Bài 4: Viết đoạn văn khoảng 8 – 10 câu có sử dụng câu ghép và dùng dấu thích hợp để trích dẫn câu sau: *Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, thứ tiếng hay.*

ĐÁP ÁN ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ CÂU

I. Bảng hệ thống kiến thức

STT	Mục kiến thức	Nội dung
1	Cấp độ khái quát nghĩa của từ	Nghĩa của 1 từ có thể rộng hơn (khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn)

		hơn) nghĩa của 1 từ khác. - Một từ có thể có nghĩa rộng hơn từ này và hẹp hơn từ khác.
2	Trường từ vựng	Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.
3	Từ tượng hình, từ tượng thanh	- TTH: gợi tả hình dáng, đáng vẻ, trạng thái của sự vật - TTT: mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người -> giá trị biểu cảm cao, thường dùng trong văn MT+BC
4.	Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội	- Từ ngữ địa phương: là từ chỉ sử dụng ở 1 hoặc 1 số địa phương nhất định - Biệt ngữ xã hội: từ chỉ sử dụng ở 1 tầng lớp xã hội nhất định
5	Trợ từ, thán từ	- Trợ từ: sử dụng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến trong câu - Thán từ: sử dụng để làm dấu hiệu biểu lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói hoặc sử dụng để gọi đáp
6	Tình thái từ	Những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu NV, CCK, CCT để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói
7	Nói giảm nói tránh, nói quá	- NGNT: diễn đạt tế nhị uyển chuyển tránh thô tục, đau buồn... - NQ: phóng đại mức độ, tính chất, quy mô, tình cảm để nhấn mạnh, gây ấn tượng...
8	Câu ghép	- Câu có 2 cụm C-V trở lên và không bao chứa nhau - Mỗi cụm C- V của câu ghép là 1 câu đơn và được gọi là một vế của câu ghép
9	Dấu câu	- Dấu ngoặc đơn: đánh dấu phần có chức năng chú thích - Dấu 2 chấm: báo trước (đánh dấu) phần bổ sung, thuyết minh cho phần trước đó hoặc lời dẫn trực tiếp, đối thoại - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp, từ ngữ biểu hiện hàm ý đặc biệt hoặc mỉa mai; đánh dấu tên tác giả, tp dẫn trong đoạn văn.

II. Luyện tập:

Bài 1: Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong các đoạn văn bản sau:

- d. **Lom khom** dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà
(*Qua Đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan*)
- e. Một trái trăng thu chín **mõm mòm**
Này vùng quê đỏ đỏ **lòm lom**
(*Hội trăng – Hồ Xuân Hương*)
- f. Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai **thấp thoáng** cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi **man mác** biết là về đâu
(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Bài 2: Cho các câu sau:

- Chị Dậu **run run**. (**sợ hãi**)
- Chị Dậu vẫn **thiết tha**. (**cầu xin**)
- Chị Dậu **nghiễn** hai hàm răng. (**tức giận, đe dọa**)

Gạch dưới các từ ngữ miêu tả cách nói năng của chị Dậu, từ đó thấy được sự thay đổi trạng thái tâm lí của nhân vật.

Bài 3: Cho các danh từ: *cây, cá, mưa*. Hãy lập các trường từ vựng với mỗi từ trên?

*Gợi ý:

- Cây: rừng, lá, cành, rễ.../ cây ăn quả, cây lương thực..../ cao, thấp, to, nhỏ...
- Cá: da trơn, có vây.../ cá biển, cá nước ngọt, cá nước lợ...
- Mưa: rào, phùn, bụi, bóng mây...

Bài 4: Viết đoạn văn khoảng 8 – 10 câu có sử dụng câu ghép và dùng dấu thích hợp để trích dẫn câu sau: *Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, thứ tiếng hay.*

*Gợi ý: Viết đoạn văn đáp ứng yêu cầu:

- Hình thức: + dung lượng 8 – 10 câu
+ có sử dụng câu ghép và trích dẫn trực tiếp câu đã cho
 - Nội dung: + giới thiệu câu nói và tác giả Đặng Thai Mai
+ giải thích:
+ chứng minh: TV đẹp (vốn từ phong phú, nhiều cấp độ...); TV hay (có âm điệu, giàu hình ảnh, màu sắc và cảm xúc...)
- ➔ suy nghĩ của bản thân

PHẦN 3 TẬP LÀM VĂN

TÍNH THỐNG NHẤT CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Chủ đề của văn bản là gì?	a. Trong văn bản <i>Tôi đi học</i> của Thanh Tịnh, tác giả đã kể lại những gì của thời thơ ấu?	– Tác giả nhớ và kể lại những kỉ niệm trong ngày đầu tiên tựu trường: trên đường mẹ đưa đến trường, ở trường, ông đốc gọi tên, xếp hàng đi vào lớp, bài học đầu tiên.
	b. Tác giả đã thể hiện tình cảm của mình như thế nào khi sống trong những kỉ niệm của ngày tựu trường đầu tiên?	– Tác giả bày tỏ cảm xúc nao nức khi nhớ về buổi tựu trường đầu tiên; khi nhớ lại những kỉ niệm trong buổi đầu tiên đến trường ấy, tác giả sống với những tình cảm ấu thơ: sự thay đổi, cảm giác lớn lên, lạ lẫm khi đến trường, sợ sệt, rụt rè khi ông đốc gọi tên, xếp hàng, cảm giác thân quen, gần gũi với bạn, với thầy trong bài buổi học đầu tiên
	c) Hai nội dung trên chính là chủ đề của văn bản <i>Tôi đi học</i> , vậy chủ đề bộ phận quan trọng của chủ đề văn bản.	Chủ đề của văn bản không chỉ là những sự việc mà tác giả kể lại. Như trong văn bản <i>Tôi đi học</i> , ta thấy tình cảm, cảm xúc cũng là một bộ phận quan trọng của chủ đề văn bản. Như vậy, có thể phát biểu chủ

	của văn bản này là gì?	đề của văn bản <i>Tôi đi học</i> là: <i>kể lại những sự việc trong buổi đầu tiên đi học, tác giả đã bộc lộ ấn tượng sâu sắc về những tình cảm, cảm xúc ấu thơ trong sáng, hồn nhiên.</i>		
	=> chủ đề của một văn bản là <i>đối tượng</i> và <i>vấn đề</i> chính mà văn bản ấy biểu đạt.			
2. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản	a) Tại sao có thể nói văn bản <i>Tôi đi học</i> đảm bảo sự thống nhất về chủ đề?	Một văn bản nào đó được xem là đảm bảo tính thống nhất chủ đề khi nó chỉ biểu đạt đối tượng và vấn đề chính đã xác định, không xa rời hay lạc sang chủ đề khác.		
	b) Chủ đề của văn bản <i>Tôi đi học</i> là	<i>kể lại những sự việc trong buổi đầu tiên đi học, tác giả đã bộc lộ ấn tượng sâu sắc về những tình cảm, cảm xúc ấu thơ trong sáng, hồn nhiên.</i>		
	– Căn cứ để nói văn bản này kể về những kỉ niệm của tác giả về buổi tựu trường đầu tiên là:	nhan đề	<i>Tôi đi học</i>	
		các từ ngữ	<i>kỉ niệm, buổi tựu trường, lần đầu tiên đi đến trường, sách vở, bút thước, trường Mĩ Lí, học trò, thầy, lớp, hồi trống, ông đốc trường, lớp năm, sắp hàng, bàn ghế, phấn, bảng đen, đánh vần, bài viết tập, ...</i>	
		các câu văn	<i>(“Hằng năm... nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.”, “Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường dài và hẹp.”, “Trước sân trường làng Mĩ Lí ... vui tươi và sáng sủa.”, “Ông đốc trường Mĩ Lí cho gọi mới đến đứng trước lớp ba.”, “Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra dấu cho chúng tôi đi vào lớp năm.”, “Một mùi hương lạ xông lên trong lớp.”, “Nhưng tiếng phấn của thầy tôi gạch mạnh lên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật. Tôi vòng tay lên bàn...”</i> thể hiện chủ đề của văn bản;	
		qua những sự việc trong buổi tựu trường đầu tiên, tác giả bộc lộ ấn tượng sâu sắc về những tình cảm, cảm xúc ấu thơ trong sáng, hồn nhiên	+ nao nức, mơn man, những cảm giác trong sáng ấy, tung bừng rộn rã,... + trang trọng, đứng đắn, lo sợ vẩn vơ, bỡ ngỡ, ngập ngừng e sợ, rụt rè, chơ vơ, vụng về lúng túng, run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp, như thấy quả tim tôi ngừng đập, giật mình và lúng túng, nặng nề một cách lạ, thấy xa mẹ, ... + Chi tiết đánh rơi vở; con đường quen nhưng tự nhiên lại thấy lạ; cảm nhận khác nhau về ngôi trường buổi tựu trường và trong buổi tựu trường; khóc nức nở khi ông đốc trường gọi tên; hình ảnh con chim con; ...	
3. Những điều cần chú ý để đảm bảo tính thống nhất chủ đề?		– Phải xác định rõ đối tượng và vấn đề của văn bản sẽ tạo lập; – Khi lập ý, phải chú ý lựa chọn ý cho tập trung, sát với chủ đề và sắp xếp dàn ý theo trình tự trước sau thích hợp; – Cân nhắc các từ ngữ, câu thể hiện rõ chủ đề; – Dựng các đoạn, phần của bài văn cho thống nhất, làm nổi bật chủ đề chính.		

BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Thế nào là bố cục trong văn bản	Bố cục của văn bản là sự sắp xếp, bố trí các phần, các đoạn của văn bản để theo một trình tự, một hệ thống rành mạch, hợp lí. Tùy thuộc vào mục đích của người viết cũng như đặc điểm, tính chất của văn bản được sử dụng mà viết theo trình tự, hệ thống khác nhau	
Những yêu cầu của bố cục trong văn bản	Các phần mục trong văn bản phải có sự thống nhất về chủ đề nhưng vẫn phải phân biệt rạch ròi về nội dung. Tức là đoạn nào hoàn thành nội dung của đoạn ấy, không có sự nhập nhằng, trộn lẫn giữa các đoạn với nhau.	
	Bố cục của văn bản được sắp xếp, bố trí các phần, mục sao cho phải đảm bảo được mục đích giao tiếp, truyền tải nội dung nhanh và chính xác nhất với người đọc, người nghe.	
Các phần của bố cục văn bản	Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu nhân vật, nêu chủ đề của văn bản - Mở bài không chỉ nêu chủ đề, đối tượng của bài văn mà còn góp phần tạo ấn tượng cho người đọc, người nghe
	Thân bài	<p>Cụ thể hoá, làm rõ nội dung đã nêu ở Mở bài</p> <p>Nhìn chung, người ta có thể linh hoạt trong việc bố trí, sắp xếp nội dung phần Thân bài của văn bản miễn sao đảm bảo tính thống nhất chủ đề, sự mạch lạc trong triển khai chủ đề, giúp người đọc tiếp nhận được nội dung muốn biểu đạt.</p>
	Kết bài	<p>Thâu tóm, nhấn mạnh nội dung đã biểu đạt trong Thân bài</p> <p>Kết bài để tổng kết vấn đề, đánh giá đối tượng và tạo dư âm cho bài văn</p>
	Như vậy, dù mỗi phần của văn bản có nhiệm vụ khác nhau nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, ràng buộc với nhau.	

XÂY DỰNG ĐOẠN TRONG VĂN BẢN

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khái niệm về đoạn văn	Đoạn văn là đơn vị trực tiếp cấu thành văn bản, diễn đạt một nội dung nhất định. Hình thức được mở đầu bằng việc lùi đầu dòng, kết thúc chấm và ngắt đoạn. Nội dung của đoạn văn phù hợp, hoàn chỉnh trọn vẹn ý. Những thành phần, đơn vị khác trong đoạn văn không phải lúc nào cũng có sự hoàn chỉnh về nội dung.
2. Nhận diện đoạn văn dựa vào:	<ul style="list-style-type: none"> + Chữ đầu tiên của đoạn viết lùi vào đầu dòng và viết hoa, kết đoạn chấm xuống dòng. + Mỗi đoạn văn thường gồm nhiều câu văn

	+ Về mặt nội dung: Đoạn văn thể hiện trọn vẹn một ý (luyện điểm)	
3. Câu chủ đề	<p>Câu mang ý khái quát toàn đoạn văn</p> <p>Câu chủ đề trong đoạn văn được duy trì bằng những từ ngữ then chốt. Một đoạn văn nhất thiết phải có câu chủ đề. Các câu trong đoạn văn phải nhằm mục đích làm sáng tỏ cho chủ đề đoạn văn.</p>	
4. Kiểu đoạn văn	+ Đoạn văn không có câu chủ đề	Chủ đề đoạn văn thứ nhất được trình bày theo phép song hành
	+ Câu chủ đề đứng ở đầu đoạn.	Chủ đề đoạn văn thứ hai được trình bày theo phép diễn dịch
	+ Câu chủ đề đứng ở cuối đoạn	Đoạn văn được trình bày theo lối quy nạp.
	+ Câu chủ đề đứng ở đầu đoạn và cả cuối đoạn	Đoạn văn được trình bày theo lối tổng phân hợp.

LUYỆN TẬP: VIẾT ĐV DIỄN DỊCH, QUY NẠP, TỔNG – PHÂN – HỢP

I. Kiến thức cần nhớ:

1. Đoạn văn là:

- Đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, là một phần của nội dung văn bản.
- Đoạn văn thường biểu đạt một ý tương đối trọn vẹn và do đó nó bám sát chủ đề của văn bản, là một phần của chủ đề văn bản.
- Về hình thức, nó nằm trọn giữa hai chỗ xuống dòng trong văn bản viết.
- Trong văn bản nghệ thuật, đoạn văn được biểu hiện linh hoạt hơn. Đoạn chưa hẳn đã đủ một ý hoàn chỉnh của văn bản. Nó phụ thuộc nhiều vào cách tác giả thể hiện nội dung văn bản.

2. Đoạn văn thường có từ ngữ chủ đề và câu chủ đề.

- **Từ ngữ chủ đề:** thường là đề mục.
- **Câu chủ đề:** ngắn gọn, đứng ở đầu hoặc cuối đoạn, mang nội dung khái quát.
- Đôi khi, đoạn văn không có câu chủ đề hoặc từ ngữ chủ đề mà chủ đề của đoạn được rút ra từ ý cơ bản của các câu.

3. Cách trình bày đoạn văn:

- Bằng nhiều cách:
- + **Diễn dịch:** Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn.
- + **Quy nạp:** Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn.
- + **Tổng – phân – hợp:** Câu chủ đề nằm cả ở đầu và cuối đoạn.

+ **Song hành:** chủ đề được rút ra từ ý khái quát của các câu trong đoạn văn.

Mô hình đoạn văn

1. Diễn dịch: Câu chủ đề (1) + Câu triển khai (2,3,4)

Câu 1: Câu chủ đề

Câu 2: Trước tiên/ Trước hết/ Đầu tiên/ Mở đầu

Câu 3: Ngoài ra.

Câu 4: Bên cạnh đó, không chỉ vậy

2. Quy nạp: Câu triển khai (1,2,3) + Câu chủ đề (n)

Câu 1: Trước tiên/ Trước hết/ Đầu tiên/ Mở đầu

Câu 2: Ngoài ra.

Câu 3: Bên cạnh đó, không chỉ vậy

Câu N:...

3. Tổng phân hợp: Câu chủ đề (1) + Câu triển khai (2,3,4) + Câu chốt (n)

Câu 1: Câu chủ đề

Câu 2: Trước tiên/ Trước hết/ Đầu tiên/ Mở đầu

Câu 3: Ngoài ra.

Câu 4: Bên cạnh đó, không chỉ vậy

Câu n: Tóm lại/ Qua đây/ Có thể nói/ Nói chung

Cách xây dựng đoạn văn

I. Câu chủ đề

1. Cấu trúc: Tên tác giả, tên tác phẩm, đoạn trích – vấn đề
2. Mô hình:

a. Cách 1: Vị trí tác phẩm, tác giả + Vấn đề

Vị trí tác phẩm, tác giả	Vấn đề
Chủ ngữ	Vị ngữ

b. Cách 2: Vấn đề + Vị trí, tác phẩm, tác giả

Vấn đề	Vị trí, tác phẩm, tác giả			
	+Đã được tác giả ...	Diễn tả, miêu tả, bộc lộ, thể hiện,...	Thành công rõ nét, sâu sắc	Trong (khổ / đoạn của TP .../ tên TP
Chủ ngữ	Vị ngữ			

c. Cách 3: Vấn đề (n/v) trong tác phẩm của tác giả + là...

Vấn đề (n/v) trong tác phẩm của tác giả	là...
Chủ ngữ	Vị ngữ

Ví dụ: Nhân vật chị Dậu trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” (trích tác phẩm Tắt đèn) của tác giả Ngô Tất Tố + là một người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp

II. Câu triển khai

- Cấu trúc: Từ nối + Vấn đề + Khía cạnh 1
- Mô hình câu ý 1 (Sau câu chủ đề)

a. Đoạn DD và TPH

Trước tiên/ Trước hết/ Đầu tiên/ Mở đầu	Vấn đề (nhân vật, chi tiết)	hiện lên/ là
--	------------------------------	--------------

Ví dụ: Trước hết, chị Dậu hiện là người vợ thương yêu chồng hết mực

b. Đoạn quy nạp:

Trước tiên/ Trước hết/ Đầu tiên/ Mở đầu	Vấn đề (nhân vật, chi tiết)	Trong Tp... của	Hiện lên/ là...
--	------------------------------	----------------------	-----------------

Ví dụ: Trước hết, chị Dậu trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” (trích Tắt đèn) của nhà văn Ngô Tất Tố hiện lên là một người vợ yêu thương chồng hết mực.

- Mô hình câu ý 2 (sau câu chủ đề): Từ nối + Vấn đề + Khía cạnh 2,3,4...

Ngoài ra/ Bên cạnh đó/ Không chỉ vậy	Vấn đề (nhân vật/chi tiết)	Còn hiện lên/ là
---	-----------------------------	------------------

Ví dụ: Ngoài ra, chị Dậu còn hiện lên là một người mạnh mẽ trước cường quyền

II. LUYỆN TẬP

Phần 1. Xác định câu chủ đề trong các đoạn văn sau và cho biết kiểu đoạn văn:

- Hiện nay trình độ đại đa số đồng bào ta bây giờ không cho phép đọc dài, điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài và in dài, thì giờ của ta, người lính đánh giặc người dân đi làm không cho phép xem lâu. Vì vậy cho nên viết ngắn chừng nào tốt chừng ấy”

=> Câu chủ đề đứng cuối đoạn văn => đoạn văn quy nạp

- “Mưa đã ngớt. Trời rạng dần. Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran. Mưa tạnh, phía đông một mảng trời trong vắt. Mặt trời ló ra, chói lọi trên những vòm lá bưởi lấp lánh”

(O chuột- Tố Hữu)

=> Đoạn văn không có câu chủ đề => Đoạn song hành.

Phần 2. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

... (1) *Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy. Tự học cũng là một cuộc du lịch, du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân, vì nó là du lịch trong không gian lẫn thời gian. Những sự hiểu biết*

của loài người là một thế giới mệnh mông. Kể làm sao hết được những vật hữu hình và vô hình mà ta sẽ thấy trong cuộc du lịch bằng sách vở ?

(2) Ta cũng được tự do, muốn đi đâu thì đi, ngừng đâu thì ngừng. Bạn thích cái xã hội ở thời Đường bên Trung Quốc thì đã có những thi nhân đại tài tả viên “Dạ minh châu” của Đường Minh Hoàng, khúc “Nghê thường vũ y” của Dương Quý Phi cho bạn biết. Tôi thích nghiên cứu đời con kiến, con sâu – mỗi vật là cả một thế giới huyền bí đấy, bạn ạ - thì đã có J.H.Pha-brow và hàng chục nhà sinh vật học khác sẵn sàng kể chuyện cho tôi nghe một cách hóm hỉnh hoặc thi vị.

(3) Đường học về kinh tế, thấy chán những con số ư? Thì ta bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai. Hoặc không muốn học nữa thì ta gấp sách lại, chẳng ai ngăn cản ta cả.”

(Trích *Tự học - một nhu cầu thời đại* - Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2003)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính qua văn bản trên

Câu 2. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 3. Trong đoạn (1), tác giả xây dựng đoạn văn theo cách nào?

Câu 4. Em hãy nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của mình. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần 2. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Câu 1. PT nghị luận

Câu 2. Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy.*

Câu 3. Đoạn văn diễn dịch

Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 – VĂN TỰ SỰ

Đề kiểm tra tập làm văn số 1 (Đề 1)

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề bài: Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

I. Mở bài: giới thiệu hoàn cảnh nhớ kỉ niệm ngày đầu tiên đi học

Sang sớm, tôi đang xách nước tưới hoa thì ngoài đường bỗng rộn ràng tiếng trẻ nhỏ xôn xao. Tụi nhỏ mặc một bộ đồ trắng tinh đang chuẩn bị cho ngày đầu đi học. nhìn tụi nhỏ mà tôi chợt nhớ về ngày đầu tiên đi học của mình. Tôi không thể tin được là mình giờ đã trưởng thành và những điều đó chỉ còn là kỉ niệm. ôi, ngày đầu tiên đi học thật là nôn nao và háo hức làm sao, giờ nhớ lại lòng tôi cũng nôn nao theo.

II. Thân bài

1. Trước ngày khai giảng

- Trước ngày khai giảng tôi còn vui chơi, nô đùa với lũ bạn trong xóm
- Mẹ tôi mua cặp sách, quần áo, bút vở cho tôi
- Tối sao tôi không thể ngủ, tôi cứ lại mân mê nhìn ngắm chiếc cặp mới và tưởng tượng cảnh ngày mai đến trường
- Sang tối dậy thật sớm để chuẩn bị đi học, lòng tôi rất náo nức.

2. Trên đường đến trường

- Tôi cảm thấy như tôi đã lớn, không còn trẻ con như hôm qua
- Tôi mặc bộ quần áo mẹ mua thật chỉnh tề và đi bên mẹ, nắm tay mẹ thật chặt
- Bầu trời sang hôm đó trong xanh, gió thổi nhẹ nhàng
- Hai bên đường hoa mọc um tùm, sao cảm thấy khác mọi khi, đẹp lạ thường
- Tôi đi cạnh những anh chị khóa trên, cảm thấy thật hạnh phúc
- Sao mọi cảnh vật thường ngày hôm nay lại đổi khác

3. Vào sân trường

- Trường to và rộng hơn nhiều so với trường mẫu giáo của tôi
- Sân trường nhộn nhịp và tấp nập người: người thì đi học, người thì đưa con đến trường,...
- Tiếng trống vang lên: tôi phải rời xa mẹ, sao việc đó thật khó khăn nhường nào
- Thầy hiệu trưởng chào mừng năm học mới
- Thầy cô giáo chủ nhiệm dắt chúng tôi vào lớp

4. Vào lớp

- Chọn chỗ ngồi, đón tiết học đầu tiên trong cuộc đời
- Quan sát bạn bè, khung cảnh xung quanh

III. Kết bài

Đây là kỉ niệm mà em không bao giờ quên trong cuộc đời mình.

Đề kiểm tra tập làm văn số 1 (Đề 2)

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề bài: Người ấy (bạn, thầy, người thân....) sống mãi trong lòng tôi.

I. Mở bài

- Giới thiệu về người bố: người thân yêu, ruột thịt, thành viên cực kỳ quan trọng trong gia đình.
- Bố thân yêu nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ chúng ta trưởng thành.

II. Thân bài

a) Vài nét miêu tả người bố

- Bố em độ tuổi trung niên đã 40 tuổi.
- Thân hình to lớn, cân đối.
- Đôi mắt to sáng, nhìn rõ.
- Mái tóc có vài sợi tóc bạc
- Bố em làm công nhân trong nhà máy vì vậy công việc vất vả không có nhiều thời gian rảnh rỗi.

b) Tính cách

- Trong gia đình bố là người đàn ông có trách nhiệm, quan tâm chăm sóc các thành viên trong nhà. Những công việc nặng nhọc, khó khăn trong nhà bố đều thực hiện.
- Ngoài xã hội bố là con người nhiệt tình, tự giác tham gia vào công việc chung và không nề hà những công việc của tổ chức, cộng đồng.
- Trong công việc bố luôn là người có tính tự giác, nghiêm túc và cố gắng phấn đấu đạt kết quả cao nhất.

c) Vai trò

- Bố em là “trụ cột” chắc chắn cho cả gia đình những lúc khó khăn.
- Bố em là tấm gương lớn để em học tập và noi gương trưởng thành.

d) Kỉ niệm với bố

- Một lần em cãi lời bố đi đá bóng với lũ bạn khi trời mưa to.
- Sau trận đá bóng, em bị sốt cao liên tục phải nghỉ học.
- Bố là người túc trực hạ sốt và theo dõi trong suốt đêm đó.
- Nhìn bố thật vất vả, em thấy mình thật có lỗi muốn thốt lên câu xin lỗi nhưng không thành lời.
- Sau đêm đó em tự dặn lòng sẽ luôn nghe lời bố.
- Kỉ niệm với bố thật xúc động, tình cha con thật thiêng liêng đáng quý trọng.

III. Kết bài

- Bố là người luôn thương yêu chăm sóc cả gia đình, là tấm gương sáng cho em học hỏi.

– Là một học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường em sẽ cố gắng học tập để đền đáp lại những kì vọng tình cảm mà bố gửi gắm.

Đề kiểm tra tập làm văn số 1 (Đề 3)

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề bài: Tôi thấy mình đã khôn lớn.

Dàn ý

A. Mở bài:

- Mỗi con người sinh ra và lớn lên đều trải qua những khoảng thời gian “giao thoa”, đánh dấu sự phát triển về cả thể chất lẫn tâm hồn
- Khoảng thời gian tôi nhận thấy mình đã khôn lớn, là khi tôi lên lớp 6.

B. Thân bài:

*** Đặc điểm đặc biệt về thể chất**

- Tôi nhớ khi còn đang học lớp 4, tôi chỉ có thể mở được ngăn dưới của tủ lạnh mà không thể với tới ngăn trên. Nhưng giờ tôi đã có thể mở được cả ngăn trên, thậm chí tôi đã cao gần bằng cái tủ lạnh nhà tôi.
- Mái tóc đã dài đến ngang lưng, đây là điều tôi tự hào nhất bởi với mái tóc dài ấy, tôi thấy mình như điệu đà hơn.

*** Đặc điểm đặc biệt về tâm lý**

- Tôi bắt đầu có nhiều suy nghĩ hơn về những thứ xung quanh dù đôi khi chỉ là những suy nghĩ vẩn vơ.
- Tôi đã bắt đầu biết đặt ra cho mình những quy định riêng và tự nhủ phải thực hiện nghiêm chỉnh. Trưởng thành chính là khi con người biết đưa mình vào khuôn khổ, và tôi đã dần làm được điều đó.
- Tôi bắt đầu có những ước mơ, hoài bão. Khi xem chương trình “Cán cân công lý”, tôi đã thấy yêu và trọng cái nghề bảo vệ công lý: luật sư. Từ đó, dù không nói với ai nhưng tôi luôn nuôi hoài bão được trở thành một luật sư tài giỏi.

*** Kỷ niệm tôi đã khôn lớn**

- Đó là ngày khai trường vào lớp 6, ngày đầu tiên bước chân vào cấp trung học cơ sở, tôi đã tự đi một mình vì hôm đó bà nội tôi ốm nặng, bố mẹ đều phải ở trên viện chăm sóc bà.
- Nhớ ngày khai giảng vào lớp 1, tôi đã rụt rè, e sợ biết bao nhiêu, chỉ biết bầu lấy mẹ không rời.
- Hôm đó, tôi đã tự chuẩn bị mọi thứ, từ ăn sáng, mặc quần áo chỉnh tề, đeo khăn đỏ, cột tóc gọn gàng. Trường cách nhà tôi khoảng hơn 1km nên tôi chọn đi xe đạp – chiếc xe nhỏ bố tôi mua tặng dịp sinh nhật lần thứ 4.
- Đóng cửa cẩn thận, tôi hít một hơi thật sâu sau đó đạp xe đến trường.
- Cảm xúc của tôi lúc đó vô cùng hào hứng, hồi hộp, đã không còn sợ như hồi còn lớp 1, mà thay vào đó, tôi càng háo hức mong chờ giây phút khai giảng, được đứng dưới lá cờ tổ quốc hát vang bài Quốc ca, Đội ca.
- Buổi chiều hôm đó, mẹ tôi về, tôi háo hức kể cho mẹ nghe về buổi sáng khai giảng, về tất cả những gì tôi đã suy nghĩ, cảm nhận được. Mẹ tôi âu yếm ôm tôi vào lòng và nói: “Mẹ xin lỗi vì không thể đi cùng con trong ngày trọng đại này. Nhưng con gái của mẹ thật sự đã khôn lớn rồi!”
- Câu nói của mẹ làm tôi vô cùng vui sướng, hãnh diện, và tự hào về chính bản thân mình. Cảm giác khôn lớn thật tuyệt.

C. Kết bài:

- Tôi tự nhủ rằng mình sẽ phải trưởng thành hơn nữa, học tập thật tốt để báo đáp công ơn của cha mẹ.

TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tóm tắt văn bản tự sự là gì?	<p>Tóm tắt văn bản nói chung, tóm tắt văn bản tự sự nói riêng là việc làm xuất phát từ nhu cầu thực tế. Trong cuộc sống, nhiều trường hợp chúng ta muốn thông báo ngắn gọn nội dung một sự việc, một câu chuyện nào đó đã được biết cho người khác. Khi ấy, chúng ta cần đến thao tác tóm tắt.</p> <p>Để thông báo những nội dung chính của một văn bản tự sự nào đó đến người khác, chúng ta cần đến thao tác tóm tắt văn bản tự sự.</p> <p>Có thể hiểu ngắn gọn: Tóm tắt văn bản tự sự là ghi lại một cách ngắn gọn, trung thành những nội dung chính của văn bản tự sự</p>	
2. Cách tóm tắt văn bản tự sự	a) Văn bản tóm tắt phải đảm bảo những yêu cầu nhất định	<p>Sự khác nhau giữa văn bản gốc với văn bản tóm tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn tóm tắt có dung lượng ngắn hơn văn bản gốc. + Văn bản tóm tắt có số lượng sự việc, nhân vật ít hơn so với tác phẩm - Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt: <ul style="list-style-type: none"> + Ngắn gọn, chính xác về nhân vật và sự kiện quan trọng + Lời văn của văn bản tóm tắt là lời văn của mình, không phải lời văn của văn bản <p>=> Văn bản tóm tắt phải đảm bảo giữ được nội dung chính của văn bản gốc: nhân vật chính, sự việc chính. Lời văn của văn bản tóm tắt phải ngắn gọn. Tóm lại, văn bản tóm tắt truyền tải trung thành nội dung (sự việc, nhân vật) chính của tác phẩm trong một dung lượng ngắn hơn nhiều so với dung lượng của văn bản gốc.</p>
	b) Các bước tóm tắt một văn bản tự sự:	<ul style="list-style-type: none"> – Đọc văn bản, xác định chủ đề (việc xác định chủ đề văn bản sẽ quyết định việc lựa chọn nhân vật, sự việc,...) – Xác định nội dung chính cần tóm tắt: <ul style="list-style-type: none"> + Nhân vật chính; + Sự việc chính; – Sắp xếp nhân vật, sự việc theo trật tự nhất định, phản ánh trung thành câu chuyện được kể trong văn bản gốc; – Viết bằng lời văn của mình nội dung cần tóm tắt.

II. RÈN KĨ NĂNG

1. Kiểm tra xem những sự việc dưới đây đã đảm bảo đầy đủ những sự việc chính của truyện ngắn Lão Hạc chưa?

- (1) Con trai lão Hạc đi phu đồn điền cao su, lão chỉ còn lại “cậu Vàng”.
- (2) Lão Hạc có một người con trai, một mảnh vườn và một con chó vàng.
- (3) Lão mang tiền dành dụm được gửi ông giáo và nhờ ông trông coi mảnh vườn.
- (4) Vì muốn để lại mảnh vườn cho con, lão phải bán con chó.
- (5) Một hôm lão xin Binh Tư một ít bả chó.

(6) Cuộc sống mỗi ngày một khó khăn, lão kiếm được gì ăn nấy và bị ốm một trận khủng khiếp.

(7) Lão bỗng nhiên chết – cái chết thật dữ dội.

(8) Ông giáo rất buồn khi nghe Binh Tư kể chuyện ấy.

(9) Cả làng không hiểu vì sao lão chết, trừ Binh Tư và ông giáo.

Gợi ý: Đọc lại truyện ngắn *Lão Hạc*. Ghi lại những sự việc chính của câu chuyện. Các sự việc đã được liệt kê đầy đủ ở trên. Lưu ý: có những sự việc, nhân vật không được liệt kê vì không quyết định chủ đề của câu chuyện (chẳng hạn: chuyện bán sách của ông giáo, người vợ ông giáo). Các sự việc và nhân vật được xem là đầy đủ khi chúng ta tóm tắt một văn bản tự sự nào đó nghĩa là nếu thiếu đi một trong số đó thì chủ đề của truyện sẽ bị sai lệch đi. Với chủ đề: số phận bi thương của lão Hạc – người nông dân trong xã hội cũ, 9 sự việc trên đã đủ để viết một văn bản tóm tắt.

2. Trật tự sắp xếp các sự việc từ (1) đến (9) như trên đã chính xác chưa? Nếu chưa, hãy sắp xếp lại cho đúng.

Gợi ý: Một trong những thao tác quan trọng khi tóm tắt văn bản tự sự là khi đọc văn bản ta phải lưu ý ghi lại những sự việc của cốt truyện theo đúng trình tự xuất hiện của nó trong câu chuyện. Trình tự diễn biến của câu chuyện được kể chứ không phải là trình tự của các sự việc trong lời kể. Như vậy, trình tự hợp lý của các sự việc trong câu chuyện về số phận lão Hạc sẽ là (2)-(1)-(4)-(3)-(6)-(5)-(8)-(7)-(9). Nếu là trình tự sự việc theo lời kể thì mở đầu truyện đã là sự việc (4), truyện ngắn này được kể theo lời kể của ông giáo – nhân vật của truyện và theo hồi ức của lão Hạc.

3. Hãy tóm tắt văn bản trích *Tức nước vỡ bờ*.

Gợi ý: Thực hiện theo trình tự các bước: đọc lại đoạn trích, ghi lại những nhân vật, sự việc chính và sắp xếp theo trật tự hợp lý, viết thành văn bản tóm tắt bằng lời văn của mình.

– Các nhân vật chính: chị Dậu, anh Dậu, cai lệ, người nhà lí trưởng.

– Các sự việc chính:

+ Chị Dậu vừa múc bát cháo lên cho chồng ăn, anh Dậu còn chưa kịp ăn thì tên cai lệ và người nhà lí trưởng xông vào đòi bắt trời;

+ Chị Dậu khẩn thiết van xin hai tên tay sai vì chồng mình vừa ốm nặng nhưng không được mà còn bị cai lệ đánh;

+ Tức quá, chị Dậu vùng lên quật ngã cả hai tên tay sai.

Chú ý: Trong văn bản tóm tắt, cần làm nổi bật sự đối kháng giữa cai lệ và chị Dậu, sức mạnh phản kháng của chị Dậu.

MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.	- Kể : thường tập trung nêu sự việc, hành động, nhân vật.	
	- Tả : thường tập trung chỉ ra tính chất, màu sắc, mức độ của sự việc, nhân vật hành động.	
	- Biểu cảm : thường biểu hiện ở các chi tiết bày tỏ cảm xúc, thái độ của người biết trước sự việc, nhân vật, hành động.	
VD.	Sự việc được diễn ra bằng các chi tiết như sau :	
1. Yếu tố miêu tả và các yếu tố biểu cảm trong đoạn văn trong	- Mẹ tôi vẫy tôi. - Mẹ kéo tôi lên xe. - Tôi òa lên khóc. - Mẹ tôi cũng sụt sùi theo. - Tôi ngồi bên mẹ, ngả đầu vào cánh tay mẹ, quan sát gương mặt của mẹ.	Các yếu tố trên không tách riêng mà đan xen vào nhau, vừa kể, vừa tả và biểu cảm. Có thể thấy trong đoạn văn sự

<p>SGK. Đây là đoạn trích kể lại cuộc gặp gỡ cảm động của nhân vật « tôi » với người mẹ lâu ngày xa cách.</p>	<p>Các yếu tố miêu tả có trong những câu : - Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại. - Mẹ tôi không còn côi. - Gương mặt vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má.</p> <p>Các yếu tố biểu cảm có trong đoạn trích là :</p> <p>- Diễn tả sự suy nghĩ : Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và được ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc.</p> <p>- Bộc lộ sự cảm nhận : Những cảm giác áp áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.</p> <p>- Phát biểu cảm tượng : Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ... để bàn tay mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.</p>	<p>Đan xen đó :</p> <p>- Về sự việc : tôi ngồi trên đệm xe.</p> <p>- Tả : đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi.</p> <p>- Biểu cảm : Những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt.</p>
<p>2. Bỏ hết các yếu tố miêu tả và biểu cảm, chỉ chép lại câu văn kể người và sự việc thành một đoạn</p>	<p>« Mẹ tôi vẫy tôi. Tôi chạy theo chiếc xe chở mẹ. Mẹ kéo tôi lên xe. Tôi òa khóc. Mẹ tôi khóc theo. Tôi ngồi bên mẹ, ngả đầu vào cánh tay mẹ, quan sát gương mặt mẹ ».</p> <p>- Nếu không có yếu tố miêu tả giúp cho việc kể lại cuộc gặp gỡ giữa hai mẹ con thì đoạn văn mất đi sự sinh động về màu sắc, hương vị, hình dáng, diện mạo của sự việc, nhân vật, hành động. Ở đây ta thấy yếu tố biểu cảm đã giúp người viết thể hiện rõ tình mẫu tử sâu nặng. Đoạn văn buộc người đọc phải xúc động, trầm trồ, suy nghĩ trước sự việc và nhân vật.</p> <p>Nếu bỏ các yếu tố kể trong đoạn văn trên, chỉ để lại các câu miêu tả và biểu cảm thì đoạn văn không có « chuyện ». Ta biết cốt truyện là do sự việc và nhân vật cùng với các hành động tạo nên. Các yếu tố miêu tả và biểu cảm chỉ có thể bám vào sự việc và nhân vật mới phát triển được. Như vậy yếu tố kể người và sự việc trong văn tự sự là quan trọng.</p>	<p>Nhận xét : - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm đã làm cho ý nghĩa truyện thêm sâu sắc.</p>

II. RÈN KĨ NĂNG: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi phía dưới:

Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quần quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

- *Chiếc xe này của bạn đấy à?* . Cậu bé hỏi.

- *Anh mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy.* Tôi trả lời, không giấu vẻ tự hào và mãn nguyện.

- *Ồ, ước gì tôi...* Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng cậu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

- *Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế!* . Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- *Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.*

(“*Hạt giống tâm hồn*”, tập 4, nhiều tác giả. NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên? (1,0 điểm)

Câu 2. Cậu bé ước trở thành người anh thế nào? (1,0 điểm)

Câu 3. Theo em câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm” có ý nghĩa gì ?

Câu 4. Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì? (1,0 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

Phương thức biểu đạt : Tự sự, biểu cảm

Câu 2. Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?

- Cậu bé ước trở thành người anh thế nào? HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:
- Cậu bé ước trở thành người anh mang lại niềm vui, niềm tự hào cho người em.
- Cậu bé ước trở thành người anh có tình thương em, mang lại niềm hạnh phúc cho em.
- Cậu bé ước trở thành người anh nhân hậu, được bù đắp, chia sẻ, yêu thương.
- Các câu trả lời tương tự...

Câu 3. Theo em câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm” có ý nghĩa gì ?

HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:

- Câu văn cho ta biết rõ hơn về sự trăn trở và lòng quyết tâm thực hiện ước mơ của cậu bé: trở thành người anh đáng tự hào.
- Câu văn cho thấy lòng quyết tâm cao độ của cậu bé muốn biến ước mơ của mình thành hiện thực.
- Cậu bé đang nung nấu quyết tâm thực hiện ước mơ của mình là tặng xe lăn cho người em tật nguyền.
- Các câu trả lời tương tự...

Câu 4. Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

Học sinh có thể rút ra một bài học hợp lý, có sức thuyết phục. Chẳng hạn như: Sống phải biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền để họ có được sự bình đẳng như mọi người...

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2 – VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

Đề kiểm tra tập làm văn số 2 (Đề 1)

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề bài: Hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích.

Gợi ý

A. Mở bài:

- Giới thiệu về con vật nuôi và kỉ niệm đáng nhớ với nó:

+ Nhà em có nuôi một con chó, tên là “Đốm”, nó sống với gia đình em từ khi em còn nhỏ, đến lúc em học lớp 5 thì nó qua đời.

+ Quãng thời gian sống với Đốm, em đã có rất nhiều kỉ niệm đẹp, trong số đó, em không thể quên được lần Đốm đã cứu em khỏi một con rắn độc.

B. Thân bài:

- Thời gian xảy ra sự việc: Khi em học lớp 3, lúc đó Đốm cũng được 3 tuổi.

- Trình tự:

+ Hôm đó, vào một buổi chiều, em cùng 3 người bạn nữa dắt Đốm ra bãi cỏ sau nhà văn hóa chơi đuổi bắt.

+ Chúng em chạy xung quanh bãi cỏ, cười đùa vô cùng vui vẻ

+ Có lẽ chính vì tiếng động mà từ trong một bụi cỏ ven đồng, một con rắn trườn ra. Lúc đó vừa hay em đang đứng gần bãi cỏ đó.

+ Em không hề hay biết vì đang mãi đùa, mãi đến khi thấy Đốm vừa sủa vừa chạy rất nhanh về chỗ em, em mới nhận ra con rắn đang trườn đến chỗ mình.

+ Lúc này em vô cùng hoảng hốt và sợ hãi, không biết làm gì, Đốm nhanh như cắt vọt ra phía sau em sủa liên hồi.

+ Đốm lao vào dõng vào phần thân con rắn sau đó rất nhanh, nó quăng con rắn ra xa khoảng vài mét.

+ Con rắn tiếp tục trườn về phía nó định “ăn miếng trả miếng” nhưng Đốm cũng rất nhanh, nó chạy về sau tiếp tục dùng mõm quăng con vật nguy hiểm ra xa hơn.

+ Con rắn lúc này dường như biết mình không thể thắng nổi Đốm, liền trườn về phía bụi rậm rồi trốn mất.

+ Đốm đuổi theo đến bụi rậm, gầm gừ, sủa liên tục như đang cảnh báo con rắn.

+ Sau đó, Đốm chạy về phía em, vẫy đuôi chạy quần quýt xung quanh chân em như đang kiểm tra xem em có bị thương không.

+ Lúc này em mới “hoàn hồn”, cúi xuống ôm Đóm và nói lời cảm ơn. Thật may mắn vì nếu không có Đóm có lẽ em sẽ bị con rắn kia cắn lúc nào không biết. Chính từ lần đó, tình cảm của em dành cho Đóm lại càng sâu đậm hơn.

+ Đóm với em như một người bạn thân, có chuyện gì vui hay buồn em đều tâm sự với nó.

C. Kết bài:

- Cảm nghĩ về Đóm và những kỉ niệm thời thơ ấu: Mặc dù Đóm đã mất nhưng những kỉ niệm về nó vẫn còn mãi trong lòng em

Đề kiểm tra tập làm văn số 2 (Đề 2)

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề bài: Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến thầy, cô giáo buồn.

Dàn ý

A. Mở bài:

- Con người ai cũng từng mắc phải những sai lầm, khuyết điểm. Quan trọng là sau mỗi lần đó, chúng ta biết sửa chữa và thay đổi để ngày càng hoàn thiện mình hơn.

- Em cũng đã rút được ra rất nhiều bài học cho mình, đặc biệt, một lần, em đã mắc khuyết điểm với cô giáo dạy Văn lớp 7 khiến cô vô cùng buồn lòng.

B. Thân bài:

* Hoàn cảnh xảy ra sự việc:

- Khi đó là cuối kì 1, trong buổi học trước, cô đã dặn buổi tới cả lớp phải mang vở ghi bài đến lớp nộp cho cô để cô chấm lấy điểm.

- Trước đó, em đã làm mất vở ghi Ngữ Văn, không có vở để nộp cho cô nên em đã gian lận, mượn vở của một bạn lớp khác (cũng cô dạy) để nộp.

* Diễn biến sự việc:

- Lớp trưởng đi thu vở của cả lớp rồi mang lên cho cô, cô quyết định bảo cả lớp mở phần bài tập tổng kết ra làm, trong lúc đó cô sẽ tranh thủ chấm vở.

- Em đã dán nhãn vở khác đề lên nhãn vở bạn đó, tuy nhiên, em vẫn rất lo lắng bởi cô là một người khá kĩ tính.

- Vừa làm bài em vừa lo lắng, tim đập càng nhanh khi cô chấm gần đến vở của mình, em rất sợ nếu cô phát hiện ra và thậm chí hắt hủi vì việc làm của mình.

- Tim em như ngừng đập khi cô chấm đến vở của mình, lòng chỉ mong sao cô nhanh gấp quyển vở đó vào thì mọi chuyện sẽ êm đẹp.

- Nhưng không, em thấy một cái nhú mào trên trán cô, có lẽ cô đã phát hiện ra điều không bình thường ở quyển vở đó.

- Cô xem kĩ hơn và lật ra trang bìa xem tên, em thấy trong con mắt của cô hiện ra sự bất ngờ, dường như không tin vào cái tên ấy là của em – một đứa học trò vốn ngoan ngoãn, nghe lời.

- Tâm trạng em lúc đó rất rối bởi một mớ suy nghĩ hỗn loạn: “chết rồi”, “làm sao đây”, “mình có nên nhận lỗi trước không”, “không nếu nhận lỗi sẽ bị xấu hổ trước bạn bè”....

- Mồ hôi bắt đầu túa ra trên trán em, khi đang không biết làm gì, em chợt nghe thấy tiếng gập vở lại, tiếng gập rất nhẹ nhàng.
- Em lén mắt nhìn lên trên bàn giáo viên, thật khó hiểu khi cuốn vở của em đã được nằm ngay ngắn trên vở đã chấm xong. Lén nhìn gương mặt cô, em thấy rõ đôi mắt của cô đã trùng xuống, cô đang buồn vì em.
- Lúc đó, em không còn thấy lo lắng, sợ cô phát hiện cô sẽ phạt nặng nữa, mà thay vào đó là sự ân hận và cảm giác tội lỗi. Em không biết làm gì ngoài việc cúi gằm mặt xuống tự dằn vặt bản thân mình: “Chắc chắn mình phải xin lỗi cô” – em thầm nghĩ
- Sau buổi học, em đã xuống phòng chờ và gặp cô xin lỗi vì lỗi lầm của mình và thật may mắn, cô đã hiểu và tha lỗi cho em.
- Từ đó, em đã rút ra được bài học cho chính bản thân mình: Không được gian lận trong bất kì việc gì vì điều đó vừa khiến cho người khác phải buồn lòng vừa làm xấu chính mình.

C. Kết bài:

- Tự nhủ phải học tập thật tốt, không bao giờ được mắc sai lầm như thế nữa
- Khuyết điểm là điều không tránh khỏi, nhưng sau mỗi lần mắc khuyết điểm, chúng ta biết nhận sai và sửa chữa khuyết điểm đó mới là tốt

Đề kiểm tra tập làm văn số 2 (Đề 3)

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề bài: Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng.

Dàn ý

A. Mở bài:

- Giới thiệu việc tốt em làm – giúp một đứa trẻ đi lạc tìm mẹ trong khu vui chơi đông đúc. Cảm xúc của em và thái độ của bố mẹ khi đó.

B. Thân bài:

- Hoàn cảnh xảy ra sự việc: Vào một buổi lễ hội... Em đi chơi và gặp một em bé chừng 4 tuổi đang thút thít về sợ hãi trong một góc.
- Sự việc xảy ra:
 - + Em đến gần bé hỏi han và biết bé đang bị lạc mẹ giữa đám đông.
 - + Em quyết định dẫn bé ra quầy trung tâm nhờ người thông báo tìm mẹ cho bé. Em ở cạnh bé suốt thời gian chưa gặp được mẹ, vì bé rất sợ hãi.
 - + Cuối cùng mẹ bé cũng chạy đến với khuôn mặt đầy lo lắng ôm chầm lấy con. Thế là bé đã gặp được mẹ rồi.
- Em mừng cho hai mẹ con. Về nhà em kể lại cho bố mẹ và bố mẹ rất vui lòng vì em đã biết giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

C. Kết bài:

- Em cảm thấy rất vui và tự hào, cũng vui vì khiến bố mẹ vui lòng. Tự hứa với bản thân sẽ làm nhiều việc tốt hơn nữa.

Đề kiểm tra tập làm văn số 2 (Đề 4)

Thời gian làm bài: 90 phút

Đề bài: Nếu là người được chứng kiến cảnh Lão Hạc kể chuyện bán chó với ông Giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào?

Dàn ý

A. Mở bài:

- Dẫn dắt hoàn cảnh việc chứng kiến câu chuyện của lão Hạc kể lúc bán chó.

B. Thân bài:

- Nêu các sự việc chính theo trật tự truyện kể

+ Vừa gặp lão Hạc đã nói “bán rồi”

+ Lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước

+ Lão bắt đầu khóc hu hu như đứa trẻ, cái miệng móm mém của lão cứ méo xệch đi.

+ Lão tự dẫn vật bán thân bằng này tuổi còn nấn tâm lừa một con chó, lão ân hận, dẫn vật

- Cảm xúc và suy nghĩ về nhân vật lão Hạc.

C. Kết bài:

- Từ hoàn cảnh của lão Hạc, bản thân em (sự hóa thân vào người kể chuyện) em có suy nghĩ gì về thân phận người nông dân trong xã hội cũ trước cách mạng tháng Tám.

VĂN THUYẾT MINH

Muốn thuyết minh cần phải có tri thức

Muốn viết được một văn bản thuyết minh đạt hiệu quả cao, người viết cần phải có những hiểu biết về đối tượng thuyết minh. Hiểu biết càng sâu sắc, thấu đáo thì nội dung văn bản thuyết minh càng hàm súc, mạch lạc và rõ ràng. Bởi vậy việc tìm hiểu về đối tượng trước khi thuyết minh là hết sức cần thiết. Không có hiểu biết, không thể thuyết minh được.

Hiểu biết có được từ đâu? Hiểu biết của một cá nhân không phải từ trên trời rơi xuống, không phải tự nhiên mà có được. Muốn có hiểu biết về một đối tượng nào đó, cá nhân phải học hỏi, phải tích lũy kinh nghiệm sống, phải đọc sách báo, phải nghiền ngẫm, phải ghi chép,... Cá nhân phải quan sát, nghĩa là phải biết nhìn, biết đánh giá, nhận xét về đối tượng. Chỉ khi nào có hiểu biết về đối tượng thật kĩ càng, ta mới có thể viết được văn bản thuyết minh.

Khi tìm hiểu, ta cần phải luôn đặt ra các câu hỏi để tìm lời giải đáp. Ví dụ: Thuyết minh về đối tượng nào? Có đặc điểm gì? Cái gì đáng chú ý nhất? Cấu tạo như thế nào? Giá trị ra sao? Có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của con người?... Chỉ khi ta tự trả lời được các câu hỏi đó một cách rõ ràng, thì khi ta viết văn bản thuyết minh, người đọc mới có thể hiểu được.

CÁC PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

Các phương pháp thuyết minh		
Phương pháp	Khái niệm	Ví dụ
1. Nêu định nghĩa, giải thích	<p>Đây là phương pháp được viết theo kiểu cấu trúc của một phán đoán:</p> <p style="text-align: center;">S là P</p> <p>Dùng phương pháp định nghĩa, giải thích xác định được đối tượng một cách cụ thể thuộc loại nào, kiểu gì, đặc điểm cơ bản của sự vật, hiện tượng ra sao, tránh được việc giải thích quá rộng hoặc quá hẹp về đối tượng.</p>	<p><i>Di truyền là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu. Còn biến dị là hiện tượng con cháu sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết.</i></p> <p><i>Biến dị và di truyền là hai hiện tượng song song, gắn liền với quá trình sinh sản.</i></p>
b. Phương pháp liệt kê	<p>Đây là phương pháp kể ra, đưa ra một loạt những tính chất, những đặc điểm nào đó của đối tượng nhằm khẳng định hay nhấn mạnh cho một điều gì đó, một đặc tính nào đó cần thuyết minh, làm rõ.</p>	<p>Thực ra để chơi quay cho ra chơi thì cũng mất lắm công phu và khá cầu kì. Từ cách chọn gỗ, đẽo gọt đến cách chọn đỉnh, đóng chân quay cũng cần phải đúng cách, đúng kiểu. Muốn có quay tốt phải chọn được gỗ tốt. Loại thích hợp nhất là gỗ nhãn. Nếu được cái gỗ nhãn thì càng tuyệt, vì quay đẽo ra vừa có màu đẹp, lại vừa rắn, vừa dai, nếu có bị “om” quay cũng khó vỡ</p>
c) Phương pháp nêu ví dụ	<p>Là phương pháp dẫn ra, đưa ra những dẫn chứng lấy từ sách báo, từ đời sống thực tiễn để làm sáng rõ cho điều mình trình bày. Dẫn chứng này càng mang tính phổ biến bao nhiêu càng có giá trị cao bấy nhiêu.</p> <p>Trong văn bản thuyết minh, các ví dụ đưa ra càng mang tính khách quan, tính phổ biến thì sự giải thích càng rõ ràng và càng có cơ sở tạo niềm tin cho bạn đọc về tính xác thực của sự vật, hiện tượng</p>	<p><i>Trong lao động sản xuất, thời nào làng Dương Lô cũng là “điểm sáng điển hình” về phong trào thâm canh tăng năng suất lúa. Là lá cờ đầu đạt 8 tấn thóc 1 ha của tỉnh Hà Bắc cũ. Mục tiêu “đưa chăn nuôi lên thành ngành chính”, Dương Lô cũng là hợp tác xã điển hình của toàn quốc, được tặng thưởng nhiều huân chương, bằng khen và các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước về động viên khen ngợi.</i></p>
d) Phương pháp dùng số liệu	<p>Đây là việc đưa vào văn bản những con số mang tính chất định lượng chính xác để giải thích, chứng minh hay giới thiệu về một sự vật, hiện tượng nào đó.</p>	<p><i>Bao thế kỉ qua, Dương Lô đã được đánh giá là một làng quê có truyền thống văn hiến, cách mạng. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ, hơn 300 con người làng Dương Lô đã lên đường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ; 69 liệt sĩ đã hiến trọn cuộc đời, 46 thương binh để lại một phần cơ thể nơi chiến trường và 2 người mẹ anh hùng đã dâng hết những đứa con yêu quý của mình cho non sông đất nước.</i></p>
e) Phương pháp so sánh	<p>Đây là phương pháp đem so sánh, đối chiếu một sự vật, hiện tượng nào đó trừu tượng, chưa thật sự gần gũi, còn mới mẻ với mọi người với những sự vật, hiện tượng thông</p>	<p><i>Nước ào ạt phóng qua núi rồi đổ xuống, tạo nên thác Y-a-li. Thác nước thẳng đùng, chảy mòn đá, thành mười hai bậc từ trên đỉnh núi xuống mặt nước. Nước trút từ trên trời xuống, trông như một</i></p>

sánh	thường, dễ gặp, dễ thấy để giúp người đọc nhận thức, hiểu về sự vật, hiện tượng đó một cách cụ thể, dễ dàng hơn.	biển mù sương, đẹp tuyệt vời. Nhất là lúc sắp hoàng hôn, mặt trời xói thẳng vào dòng nước lấp lánh như người ta dát một mề vàng vừa luyện xong
------	--	--

CÁCH LÀM MỘT SỐ DẠNG BÀI VĂN THUYẾT MINH

I. Thuyết minh về 1 thứ đồ dùng

1. Lập dàn ý

Dàn ý	Thuyết minh về 1 thứ đồ dùng	
Mở bài	Giới thiệu đối tượng thuyết minh	
Thân bài	Nguồn gốc, xuất xứ	Thứ đồ dùng đó có nguồn gốc từ đâu, của nước nào, do ai phát minh, vào thời gian nào....
	- Cấu tạo đối tượng - Các đặc điểm của đối tượng - Tính năng hoạt động - Phân loại, giá thành	+ Trước hết phải quan sát, tìm hiểu kỹ đặc điểm cấu tạo, tính năng, tác dụng, cơ chế hoạt động của đối tượng đó. + Khi nêu đặc điểm cần lựa chọn các đặc điểm tiêu biểu, quan trọng có những miêu tả cụ thể làm sáng tỏ các đặc điểm ấy (cấu tạo, kiểu dáng, màu sắc từng chi tiết và từng công dụng của mỗi bộ phận) + Sự thay đổi cải tiến về hình dáng qua từng thời kì...
	- Công dụng	- Đồ dùng được sử dụng vào những công việc gì...
	- Cách sử dụng - Cách bảo quản	+ Cách sử dụng đồ dùng đó như thế nào là đúng, là tốt? + Cách bảo quản đồ dùng đó như thế nào là tốt?
Kết bài	- Lợi ích, ý nghĩa của đối tượng đối với đời sống	+ Ý nghĩa của đồ dùng trong cuộc sống của em? + Cảm nghĩ của em về đồ dùng đó?

2. Thực hành

Đề 1. Thuyết minh về một đồ dùng trong học tập. (bút bi)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

DÀN Ý CHI TIẾT

Dàn ý	Thuyết minh về một đồ dùng trong học tập (bút bi)	
Mở bài	Giới thiệu đối tượng thuyết minh	Một vật dụng nhỏ gọn, tiện ích cho học sinh, sinh viên ngày nay mà chúng ta thường nhắc đến đó chính là cây bút bi.
		- Người xin cấp bằng sáng chế bút bi đầu tiên trên thế giới là một người thợ thuộc da người Mỹ tên là John Loud vào năm 1888 nhưng không được khai thác thương mại. Mãi cho đến năm 1938, một biên tập

Thân bài	Nguồn gốc, xuất xứ	<p>viên người Hungari tên là László Biro vì quá chán nản với việc sử dụng bút mực nên ông đã sáng chế ra cây bút bi viết bằng mực in báo khô nhanh và ngày 15 tháng 6, ông được cấp bằng sáng chế tại Anh Quốc.</p> <p>- Từ năm 1940, ngày sinh nhật của Biro ngày 29 tháng 9 đã trở thành ngày của những nhà phát minh ra bút bi.</p>
	<p>- Cấu tạo đối tượng</p> <p>- Các đặc điểm của đối tượng</p> <p>- Tính năng hoạt động</p> <p>- Phân loại, giá thành...</p>	<p>- Bên ngoài bút là thân bút với một ống nhựa cứng, trên thân bút thường in hàng sản xuất, trang trí nhiều màu sắc bắt mắt.</p> <p>- Hình dạng rất phong phú, đa dạng.</p> <p>- Tháo bút ra, chúng ta sẽ thấy bên trong có một ống ruột.</p> <p>- Trong ống ruột có đoạn mực đặc. Phần dưới đầu hút có một viên bi rất nhỏ, chỉ từ không phải bảy đến một mi-li-mét. Viên bi này chuyển động lăn giúp mực in lên giấy khô và nhanh. Bút bi có rất nhiều loại khác nhau, có loại làm bằng nhựa cứng, có loại làm bằng kim loại màu,... và nhiều nguyên liệu khác.</p> <p>- Loại làm bằng nhựa cứng thường được dùng một lần, đến hết mực rồi bỏ.</p> <p>- Nắp bút bi cũng rất đa dạng. Có dạng nắp rời ra, khi dùng tháo nắp gắn lên đầu, dùng xong đẩy lại. Còn dạng nắp gắn liền với thân, khi dùng bấm nút để đẩy ngòi bút ra, không dùng bấm nút đẩy ngòi ngược vào trong.</p> <p>- Nó vừa rẻ tiền lại vừa tiện dụng. Tùy theo hãng sản xuất mà có những giá cả khác nhau, trung bình từ khoảng 3.000đ trở lên. Còn các hãng sản xuất nước ngoài như: Waterman, Parker,...thì giá một cây bút bi dao động hàng trăm USD trở lên.</p> <p>- Bút bi còn được dùng tặng miễn phí như một dạng quảng cáo.</p>
	- Cách sử dụng cách bảo quản Cách bảo quản	<p>- Khi viết, chúng ta phải để bút hơi nghiêng từ 40° đến 60°, đặc biệt tránh vừa nằm vừa viết.</p> <p>- Khi dùng xong, cần phải đẩy nắp lại ngay để tránh bút ròt làm hư đầu bi. Vì đầu bút bi là bộ phận quan trọng nhất của bút nên nếu hư đầu bi thì bút sẽ không dùng được. Phải để bút luôn nằm ngang để mực luôn lưu thông trong ống.</p> <p>Khi để bút lâu không dùng mực trong ống sẽ bị khô, đừng vội bỏ cây bút mà hãy bỏ bút vào một lượng nước nóng vừa phải ngâm từ mười đến mười lăm phút. Cây bút của bạn sẽ được phục hồi.</p>
Kết bài	- Lợi ích, công dụng, ý nghĩa của đối tượng đối với đời sống	<p>- Bút bi luôn giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống mọi người và đặc biệt đối với học sinh như chúng ta thì nó là một người bạn thân thiết trên con đường học vấn.</p> <p>- Vì vậy là một học sinh, chúng ta cần phải biết nâng niu và trân trọng bút để xứng đáng là người chủ “tài hoa” của nó.</p>

BÀI VĂN THAM KHẢO

Trong cuộc sống xung quanh chúng ta, có một vật dụng mà chúng ta sử dụng hằng ngày nhưng lại không để ý nhiều đến nó. Đó chính là cây bút bi. Hôm nay, tôi sẽ giới thiệu với các bạn vật dụng này.

Chúng ta đều mua và sử dụng bút bi như thế nhưng ít ai biết được nguồn gốc, xuất xứ của nó. Người xin cấp bằng sáng chế bút bi đầu tiên trên thế giới là một người thợ thuộc da người Mỹ tên là John Loud vào năm 1888 nhưng không được khai thác thương mại. Mãi cho đến năm 1938, một biên tập viên người Hungari tên là Laszlo Biro vì quá chán nản với việc sử dụng bút mực nên ông đã sáng chế ra cây bút bi viết bằng mực in báo khô nhanh và ngày 15 tháng 6, ông được cấp bằng sáng chế của Anh Quốc. Từ khi ra đời đến nay, bút bi không ngừng được cải tiến để phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Với các thương hiệu nổi tiếng như “Ba”, “Hoover”, “Xeros” và đặc biệt là thương hiệu “Bic Cristal”. Từ năm 1940, ngày sinh nhật của Biro ngày 29 tháng 9 đã trở thành ngày của những nhà phát minh ra bút bi. Bây giờ thì các bạn đã biết ai là người phát minh ra bút bi và được ra đời vào năm nào rồi chứ?

Để hiểu rõ hơn về bút bi, tôi sẽ nói qua về cấu tạo của nó. Nếu cây bút bi của bạn tháo ra được, bạn sẽ thấy được bên trong có một ống ruột. Trong ống ruột có một đoạn mực đặc. Phần dưới đầu bút có một viên bi rất nhỏ, chỉ từ không phải bảy đến một mi-li-mét. Viên bi này chuyển động lăn giúp mực in lên giấy khô và nhanh. Bút bi có rất nhiều loại khác nhau, có loại làm bằng nhựa cứng, có loại làm bằng kim loại màu,...và nhiều nguyên liệu khác. Loại làm bằng nhựa cứng thường được dùng một lần, đến hết mực rồi bỏ. Còn loại kim loại màu có giá thành cao hơn nhưng lại được thay mực và sử dụng lại nhiều lần. Nắp bút bi cũng rất đa dạng. Có dạng nắp rời ra, khi dùng tháo nắp gắn lên đầu, dùng xong đặt lại. Còn dạng nắp gắn liền với thân, khi dùng bấm nút để đẩy ngòi bút ra, không dùng bấm nút đẩy ngòi ngược vào trong. Bên cạnh đó, bút bi còn có rất nhiều kiểu khác, như là nắp bút xoay,...

Mỗi năm, vào dịp chuẩn bị cho năm học mới, các hãng sản xuất bút bi ở Việt Nam như “Thiên Long”, “Bến Nghé” lại đưa ra nhiều mẫu mã mới từ đơn giản đến cầu kỳ để đáp ứng cho người tiêu dùng.

Muốn sử dụng bút bi bền lâu, ta cần phải biết cách sử dụng và bảo quản bút bi. Khi viết, chúng ta phải để bút hơi nghiêng từ 40 đến 60°, đặc biệt tránh vừa nằm vừa viết. Khi dùng xong, cần phải đặt nắp lại ngay để tránh bút rút làm hư đầu bi. Vì đầu bi là bộ phận quan trọng nhất của bút nên nếu hư đầu bi thì bút sẽ không dùng được. Phải để bút luôn nằm ngang để mực luôn lưu thông trong ống. Tôi sẽ chỉ cho các bạn một mẹo nhỏ để sử dụng bút bi. Khi để bút lâu không dùng mực trong ống sẽ bị khô, đừng vội bỏ cây bút mà hãy bỏ bút vào một lượng nước nóng vừa phải ngâm từ mười đến mười lăm phút. Cây bút của bạn sẽ được phục hồi.

Như chúng ta đều biết, bút bi đã đi vào cuộc sống của ta một cách quen thuộc. Nó vừa rẻ tiền lại vừa tiện dụng. Chúng ta có thể thấy nó nằm ở trên bàn, trong túi hay trong xe hơi,... Những nơi nào cần viết sẽ có sự hiện diện của bút bi. Ngoài ra, bút bi còn được dùng tặng miễn phí như một dạng quảng cáo. Gần đây, còn xuất hiện hình xăm bằng bút bi,...

Ý nghĩa của cây bút bi rất quan trọng đối với học sinh chúng ta, chúng ta dường như sử dụng nó mỗi ngày. Bút bi là một vật vô tri, nó không những tạo ra những con chữ đầy ý nghĩa mà còn, nếu chúng ta sử dụng một cách chuyên cần, bút bi sẽ tạo ra những bài văn hay, những trang viết đẹp. Để trở thành người chủ "tài hoa" của bút bi, học sinh chúng ta cần phải giữ vở sạch, rèn luyện chữ đẹp, trao dồi kiến thức. Hãy biến bút bi - cây bút vô tri của bạn trở thành một công dụng cần thiết, một trợ thủ đắc lực trong công việc học tập bạn nhé!

Đề 2:Thuyết minh về cái phích nước

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

DÀN Ý CHI TIẾT

Dàn ý	Thuyết minh về cái phích nước	
Mở bài	Giới thiệu đối tượng thuyết minh	Giới thiệu về cái phích nước.
Thân bài	Nguồn gốc, xuất xứ	- Phích nước được nhà vật lý học Sir James Dewar phát minh vào năm 1892. - Đây là sản phẩm được cải tiến từ thùng chứa nhiệt của

		<p>Mewton.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào năm 1904, chiếc phích nước xuất hiện đầu tiên ở Đức. - Hiện nay phích nước được dùng phổ biến trong mọi gia đình.
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại - Cấu tạo đối tượng - Các đặc điểm của đối tượng - Tính năng hoạt động - giá thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Phích có nhiều loại tùy theo kiểu dáng và kích cỡ, có loại to, loại nhỏ, loại cao, loại thấp. Loại to có thể chứa 2,5 lít nước, loại nhỏ có thể chứa 0,5 lít nước. - Vỏ phích được làm bằng nhựa hoặc sắt và được trang trí nhiều màu sắc với các hình thù khác nhau. - Thân phích được làm bằng nhựa, phích thông thường có chiều cao khoảng 50cm. - Quai phích thường có chất liệu cùng với vỏ phích. - Tay cầm được gắn vào thân phích thường được làm bằng chất liệu cùng với vỏ phích. - Nút phích được làm bằng chất liệu giữ nhiệt như bấc hoặc nhựa. Nút được dùng để giữ nhiệt và giúp an toàn khi chứa nước sôi. - Ruột phích được cấu tạo bởi hai lớp thủy tinh, ở giữa là khoảng chân không. Lòng phích tráng bạc có tác dụng ngăn sự truyền nhiệt ra ngoài giữ cho nước trong phích luôn nóng.
	- Công dụng	Công dụng của phích nước: Phích được dùng chủ yếu để giữ cho nước luôn nóng trong thời gian nhất định. Tuy nhiên cũng có loại phích có công dụng giữ cho nước luôn lạnh.
	<ul style="list-style-type: none"> - Cách sử dụng cách bảo quản - Cách bảo quản 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần rửa sạch phích nước khi sử dụng lần đầu tiên. - Khi mới dùng, cần ngâm nước ấm khoảng 30 phút cho bền. Vì nếu đổ nước nóng vào ngay sẽ dễ bị nứt hoặc vỡ. - Khi dùng, bên trong phích thường bị bám bẩn, có thể lấy nước giấm loãng nhẹ, tráng cho sạch. - Tránh va đập mạnh. - Để xa tầm tay trẻ em.
Kết bài	- Lợi ích, công dụng, ý nghĩa của đối tượng đối với đời sống	Cảm nghĩ của em về cái phích nước.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của con người sẽ trở nên đầy đủ hơn nếu như bạn sắm sửa đầy đủ các thiết bị đồ dùng trong gia đình. Mỗi một vật dụng lại có những vai trò, công dụng, lợi ích khác nhau. Phích nước cũng vậy, đây là vật dụng vô cùng quan trọng và không thể thiếu trong mỗi gia đình, nó có tác dụng là giữ nhiệt cho nước. Chúng ta cùng tìm hiểu về phích nhé!

Phích nước là một trong những vật dụng mà gia đình nào cũng có, công dụng chính của phích là giữ cho nước nóng trong thời gian dài. Có thể phục vụ kịp thời các trường hợp cần đến nước nóng mà không cần mất công đun. Cấu tạo của phích bao gồm 2 phần chính đó là: vỏ phích và ruột phích. Vỏ phích có thể được làm bằng nhựa hoặc kim loại, dùng để bảo vệ ruột phích. Ngoài ra, nhờ có lớp vỏ này mà khi bạn chạm vào phích sẽ không bị bỏng, nóng. Với nhu cầu thẩm mỹ hiện nay của người tiêu dùng, phích được thiết kế và trang trí bởi nhiều họa tiết, hoa văn kèm với đó là thương hiệu vô cùng độc đáo và đa dạng. Ruột phích được làm từ thủy tinh và tráng một lớp bên ngoài là bạc, lớp bạc này có vai trò giúp cho nước giữ được nhiệt lâu hơn. Bộ phận thứ 3 của phích cũng không kém phần quan trọng đó là nắp phích. Nắp phích dùng để che kín miệng phích, giúp cho nước cách ly với không khí bên ngoài. Chúng ta có thể thấy, nắp phích được cấu tạo 2 bộ phận. Phần nắp thứ nhất giúp đóng kín miệng phích, đối với phích bằng kim loại thì

nắp phích đó bằng gỗ, còn phích bằng nhựa thì nắp phích cũng bằng nhựa có ren xoáy. Lớp ở bên ngoài có hình dạng như chiếc cốc nhỏ được đặt ở trên cùng của chiếc phích.

Thông thường phích thường có hình có hình trụ dài, kích thước thân đều nhau, miệng phích nhỏ hơn. Kích thước, họa tiết, hình dạng và màu sắc... của phích ngày nay khá là đa dạng và phong phú. Người ta thiết kế nhiều loại mẫu mã với họa tiết trang trí bắt mắt khác nhau đáp ứng nhu cầu sở thích của con người. Thể tích thông thường nhất của phích thường là 300ml, có những loại có kích cỡ lớn hơn thì có thể chứa lượng nước lớn hơn lên tới 1,5 lít phục vụ cho những gia đình đông người. Trên thị trường hiện nay, tùy vào mỗi loại phích, tùy vào từng thương hiệu mà phích có giá khác nhau, nhìn chung giá dao động từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng tùy thuộc vào thể tích, mẫu mã, thương hiệu,...

Nếu bạn đang muốn bảo quản phích để có thể sử dụng lâu dài bạn nên làm những cách sau nhé! Khi mua phích về, bạn không nên cho nước sôi trực tiếp vào phích luôn, thứ nhất là không đảm bảo an toàn vệ sinh, thứ 2 phích có thể vỡ. Bạn nên rửa qua phích bằng nước sạch, sau khi rửa xong bạn nên cho nước ấm khoảng 50 độ vào lắc nhẹ và ngâm trong khoảng 30 phút. Sau 30 phút bạn đổ phần nước ấm đó đi và cho nước sôi vào sử dụng bình thường. Nếu sử dụng phích lâu ngày mà không vệ sinh sạch sẽ phích sẽ xuất hiện nhiều cặn ở dưới đáy ruột phích. Bạn có thể sử dụng nước giấm nóng cho vào đó lắc nhẹ và ngâm trong khoảng 15 – 30 phút, nước giấm nóng sẽ giúp cho các phần cặn bên dưới đáy phích bong ra, sau đó bạn đổ phần nước giấm đó đi, rửa kỹ lại với nước sạch. Hoặc vào mỗi buổi sáng trước khi rót nước mới vào phích, bạn nên đổ phần nước cũ đi và rửa sạch phích, sau đó đổ nước sôi vào và sử dụng bình thường. Ngoài ra, vì ruột phích được thiết kế bằng thủy tinh, chính vì thế khi sử dụng phích bạn nên nhẹ nhàng, tránh tình trạng vỡ phích, gây tai nạn cho người sử dụng. Nhất là gia đình có trẻ nhỏ, bạn nên đặt phích ở những nơi an toàn tuyệt đối.

Hiện nay, có rất nhiều vật dụng có khả năng giữ nhiệt được thiết kế hiện đại, song vẫn không thể phủ định được vai trò và tầm quan trọng của phích đối với cuộc sống sinh hoạt hằng ngày trong mỗi gia đình.

II. Thuyết minh về 1 thể loại văn học

1. Lập dàn ý thuyết minh về 1 thể thơ, bài thơ

Dàn ý	Thuyết minh về 1 thể thơ, bài thơ	
Mở bài	Giới thiệu đối tượng thuyết minh	
Thân bài	- Giới thiệu chung về thể thơ, bài thơ...	- Nêu một định nghĩa chung về thể thơ, thể loại văn học cần thuyết minh. - Giới thiệu đôi nét về tác giả. - Giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác; hoặc xuất xứ của tác phẩm
	- Nêu đặc điểm của thể thơ, thể loại văn học đó.	+ Nội dung chủ yếu
		+ Về kết cấu, số câu, chữ. + Quy luật bằng trắc, cách gieo vần, cách ngắt nhịp trong thơ.

	- Giới thiệu đặc điểm nổi bật của tác phẩm	- Cảm nhận về vẻ đẹp, nhạc điệu của thể thơ; nghệ thuật sử dụng câu từ, hình ảnh trong văn
Kết bài	Cảm nghĩ về bài thơ	Nhận xét, đánh giá về tác phẩm. Vị trí của tác phẩm trong nền văn học

Thuyết minh về thơ lục bát

Lục bát là một trong hai thể loại thơ chính của Việt Nam (lục bát và song thất lục bát). Thơ lục bát ở Việt Nam được truyền bá và phát triển hàng trăm năm nay. Thơ lục bát đã thấm đẫm tâm hồn người Việt chúng ta vì đó là thể thơ trong ca dao, đồng dao và các bài ru con. Ngày nay thơ lục bát vẫn được các nhà thơ hiện đại tiếp thu, hoàn chỉnh và giữ một vị trí quan trọng trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Thơ lục bát rất giản dị về quy luật, thường dùng để diễn tả những cung bậc cảm xúc khác nhau trong tâm hồn con người.

Thơ lục bát có nguồn gốc lâu đời, là một thể thơ dân tộc ta, thơ lục bát bao gồm có thể từ hai câu trở lên. Trong đó cứ hai câu ghép lại thành một cặp câu. Các cặp câu gồm có một câu 6 tiếng (câu lục) và một câu 8 tiếng (câu bát), và xen kẽ cứ câu lục là câu bát rồi đến cặp câu khác, số câu trong bài không giới hạn. Thông thường thì bắt đầu bằng câu sáu chữ và chấm dứt ở câu tám chữ. Nhưng cũng có khi kết thúc bằng câu sáu để đạt tính lơ lửng, thanh và vần, vì vậy tìm hiểu thơ lục bát là tìm hiểu về luật và vần của nó. Luật về thanh giúp cho câu thơ trở nên hài hoà. Các vần chính là hình thức kết dính các câu thơ lại với nhau.

Luật thanh trong thơ lục bát: Thơ lục bát có 2 câu chuẩn là câu lục và câu bát, cũng như thơ Đường luật, nó tuân thủ quy tắc nhất, tam, ngũ bất luận; nhị, tứ, lục phân minh. Nghĩa là các tiếng thứ 1, 3, 5 trong câu có thể tự do về thanh, nhưng các tiếng thứ 2, 4, 6 thì phải theo luật chặt chẽ. Luật như sau:

Câu lục: Theo thứ tự tiếng thứ 2 - 4 - 6 là Bằng (B) - Trắc (T) - Bằng (B)
 Câu bát: Theo thứ tự tiếng thứ 2 - 4 - 6 - 8 là B - T - B - B

Ví dụ:

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân (B - T - B)

Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều (B - T - B - B)

Về phối thanh, chỉ bắt buộc các tiếng thứ tư phải là trắc, các tiếng thứ hai, thứ sáu, thứ tám phải là bằng, nhưng trong câu tám các tiếng thứ sáu thứ tám phải khác dấu, nếu trước là dấu huyền thì sau phải là không dấu hoặc ngược lại:

Thế nhưng đôi khi có thể tự do về tiếng thứ hai của câu lục hay câu bát, có thể biến nó thành thanh trắc. Hoặc là câu lục giữ nguyên mà câu bát thì lại theo thứ tự T - B - T - B những câu thơ thế này ta gọi là lục bát biến thể.

Ví dụ:

Có xáo thì xáo nước trong T - T - B

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con T - T - B - B

Hay:

Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non T - B - T - B

Cách gieo vần trong thơ lục bát: Thơ lục bát có cách gieo vần khác với các thơ khác. Có nhiều vần được gieo trong thơ nhiều câu chứ không phải là một vần, điều này tạo cho thơ lục bát tính linh hoạt về vần. Thể thơ lục bát thường được gieo vần bằng; tiếng cuối của câu lục hợp với tiếng thứ sáu của câu bát, tiếng thứ sáu của câu bát hợp với tiếng của câu lục tiếp; cứ như thế đến hết bài lục bát:

Về vần, thể thơ thường có vần bằng được gieo ở tiếng cuối các câu 1 - 2 - 4 - 6 - 8. Vần vừa tạo sự liên kết ý nghĩa vừa có tác dụng tạo nên tính nhạc cho thơ. Ví dụ trong bài "Qua Đèo Ngang", vần được gieo là vần "a".

Thể thơ còn có sự giống nhau về mặt âm thanh ở tiếng thứ 2 trong các cặp câu: 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7. Chính điều này tạo cho bài thơ một kết cấu chặt chẽ và nhịp nhàng trong âm thanh. Trong bài thơ "Qua Đèo Ngang": Câu 1 - 8 giống nhau ở tất cả các tiếng, trừ tiếng thứ 6 (TTBBTB) câu 2 - 3 giống nhau ở các tiếng 2, 4, 6 (BTB)...

Về đối, thể thơ có đối ngẫu tương hỗ hoặc đối ngẫu tương phản ở các câu: 3 - 4, 5 - 6. Ở bài thơ "Qua Đèo Ngang" câu 3 - 4 hỗ trợ nhau để bộc lộ sự sống thừa thớt, ít ỏi của con người giữa núi đèo hoang sơ, câu 5 - 6 cùng bộc lộ nỗi nhớ nước thương nhà của tác giả. Các câu đối cả về từ loại, âm thanh, ý nghĩa.

Cấu trúc của thể thơ thất ngôn bát cú gồm bốn phần: Hai câu đề nêu cảm nghĩ chung về người, cảnh vật, hai câu thực miêu tả chi tiết về cảnh, việc, tình đề làm rõ cho cảm xúc nêu ở hai câu đề; hai câu luận: Bàn luận, mở rộng cảm xúc, thường nêu ý tưởng chính của nhà thơ; hai câu kết: Khép lại bài thơ đồng thời nhấn mạnh những cảm xúc đã được giải bày ở trên. Cấu trúc như vậy sẽ làm tác giả bộc lộ được tất cả nguồn cảm hứng sáng tác, ngách cảm xúc mãnh liệt để viết lên những bài thơ bất hủ.

Còn về cách ngắt nhịp của thể thơ, phổ biến là 3 - 4 hoặc 4 - 3 (2 - 2 - 3; 3 - 2 - 2). Cách ngắt nhịp tạo nên một nhịp điệu êm đềm, trôi theo từng dòng cảm xúc của nhà thơ.

Thể thơ thất ngôn bát cú thực sự là một thể tuyệt tác thích hợp để bộc lộ những tình cảm da diết, mãnh liệt đến cháy bỏng đối với quê hương đất nước thiên nhiên. Chính điều đó đã làm tăng vẻ đẹp bình dị của thể thơ. Có những nhà thơ với nguồn cảm hứng mệnh mông vô tận đã vượt lên trên sự nghiêm ngặt của thể thơ phá vỡ cấu trúc vắn, đối để thể hiện tư tưởng tình cảm của mình. Tóm lại, thể thơ thất ngôn bát cú mãi mãi là một trang giấy thơm tho để muôn nhà thơ viết lên những sáng tác nghệ thuật cao quý cho đời sau.

Thuyết minh về bài thơ Đập đá ở Côn Lôn của Phan Châu Trinh

Phan Châu Trinh là một trong những chí sĩ cách mạng nổi tiếng đầu thế kỷ XX. Bài thơ Đập đá ở Côn Lôn làm trong thời gian ông bị đày ở đảo Côn Lôn thể hiện khí phách quật cường, một bản lĩnh ngang tầm với dũng sĩ thần thoại.

Nhà tù thực dân Côn Đảo là một địa ngục trần gian. Bọn thực dân dùng nơi này để đày đọa những con người yêu nước ưu tú hòng làm nhụt chí khí đấu tranh của họ. Trong đó, đập đá là một trong những công việc cực nhọc mà người đi đày phải làm. Phan Chu Trinh cũng ở trong số tù khổ sai ấy. Nhưng giữa nắng gió biển khơi khắc nghiệt, người tù Phan Chu Trinh đã dựng lên cả một tượng đài bằng thơ thể hiện một vẻ đẹp lẫm liệt, phong thái cứng cỏi ngang tàng của người anh hùng cứu nước. Bốn câu thơ đầu tác giả miêu tả cảnh tượng đập đá của người tù và cũng bằng những hình ảnh ấy mà khắc họa dáng vóc phi thường của người anh hùng đáng nam nhi: Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn

Câu mở đầu, tác giả phác ra bối cảnh không gian, gợi mở âm hưởng hùng tráng bằng tư thế hiên ngang, sừng sững của phạm "làm trai" đầu đội trời, chân đạp đất kiêu hùng. Dân gian từng có câu: "Làm trai cho đáng nên trai". Nguyễn Công Trứ thì viết: "Chỉ làm trai Nam, Bắc, Tây, Đông; Cho phí sức vầy vùng trong bốn bể". Phan Bội Châu cũng đề cao chí hướng làm trai: "Đã sinh làm trai thì cũng phải khác đời"... Điều đó cho thấy quan niệm về chí trai, làm trai có mạch nguồn trong quan niệm nhân sinh truyền thống. Trong câu thơ của Phan Chu Trinh quan niệm ấy được khẳng định trong một bối cảnh cụ thể: "... đứng giữa đất Côn Lôn" là "đứng giữa" biển - trời - đất, thật kiêu hãnh, đường hoàng, đúng là tư thế của người làm chủ giang sơn. Ba câu thơ tiếp theo, qua những hình ảnh chân thực diễn tả công việc nặng nhọc (khai thác đá) tác giả đã khắc họa thành những hình ảnh biểu trưng cho tầm vóc sức mạnh dời non lấp bể, kinh thiên động địa của nhân vật trữ tình. Những hành động mạnh mẽ cho phép ta hình dung ra hình ảnh người dũng sĩ với sức vóc thần kỳ đang xung trận: "xách búa", "ra tay"; và "lừng lẫy" những chiến công "lở núi non", "đánh tan năm bảy đồng", "đập bể mấy trăm hòn". Những từ ngữ cực tả sức mạnh dũng mãnh đã làm nổi bật hình tượng con người trong tư thế ngạo nghễ, lớn ngang tầm vũ trụ. Giữa không gian biển trời bao la sừng sững một tượng đài kết bằng những hình khối phi thường.

Bốn câu cuối bộc lộ trực tiếp cảm xúc và suy nghĩ của người anh hùng:

Tháng ngày bao quân thông sành sỏi,

Mưa nắng càng bền dạ sắt son.

Những kẻ vá trời khi lở bước,

Gian nan chỉ kể việc con con!

"Thân sành sỏi", "dạ sắt son" sẽ bền bỉ trụ lại được cùng "tháng ngày", mưa nắng". Thế đối lập ở câu 5-6 thể hiện sự kiên tâm, vững trí của nhà cách mạng dù trong bất kỳ hoàn cảnh khắc nghiệt nào. Tấm lòng thủy chung, son sắt "mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen" (Nguyễn Trãi) kia cũng là sự kế thừa truyền thống anh hùng bất khuất đã được khẳng định trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Vững vàng đến "trơ gan cùng tuế nguyệt", đến ngạo nghễ đã là đạo sống, phẩm cách của người chiến sĩ chẳng tiếc thân mình cho sự nghiệp chung. Phan Chu Trinh xuất thân nho học, ở những vần thơ này ta thấy bản lĩnh của nhà nho đã hòa thấm thuần thực với tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng. Trong bối cảnh đầy những gian nan, thử thách hồi đầu thế kỷ XX người chiến sĩ dám dấn thân vì giang sơn xã tắc cũng phải là những con người bất chấp hy sinh, nguy khó, biết quên thân mình. Có khi còn phải biết gồng mình lên, chiến thắng hoàn cảnh bằng ý chí. Cảm hứng lãng mạn hào hùng tiếp tục được đẩy lên đỉnh điểm ở hai câu thơ kết với hình ảnh thơ mang đậm chất sử thi. Hai chữ "vá trời" lấy từ tích Nữ Oa vá trời. Tầm vóc, sức mạnh ở đây đã được thi vị hóa đến mức thần kỳ, giống như bà Nữ Oa trong truyền thuyết đội đá vá trời. Hình ảnh "những kẻ vá trời" vừa thực vừa bay bổng, khoa trương. Thực ở mức liên hệ với hình ảnh những người tù lao động khổ sai đập đá, làm lở núi non đã được miêu tả ở 4 câu thơ đầu. Bay bổng, khoa trương ở lối ví với nhân vật trong thần tích. Hai câu thơ cuối này gợi tả sự đối lập giữa cái lớn lao, kỳ vĩ (vá trời) với thực tế gian nan chỉ là "việc con con". Sự đối lập ấy là kết quả của một ý chí sắt đá, niềm tin lớn vào sự nghiệp chính nghĩa, kẻ vá trời bằng sức mạnh đội đá vá trời có thể đè bẹp mọi trở ngại gian nan. Thực tế thì những khó khăn tác giả đang phải đương đầu không "con con" chút nào nhưng chỉ có bằng cách ấy, bằng ý chí quật cường tích tụ từ nguồn mạch dân tộc người chiến sĩ mới có thể tiếp tục được con đường dang dở chông gai trước mắt. Đó cũng là một cuộc chiến thắng chính mình.

Đập đá ở Côn Lôn và Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông là hai bài thơ của hai nhà nho yêu nước tiêu biểu trong phong trào cách mạng những năm đầu thế kỷ XX. Qua đó chúng ta nhận ra cái mạch chảy dào dạt của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng trong truyền thống dân tộc Việt Nam. Rồi đây cái mạch nguồn ấy lại bùng lên thành những đợt sóng mãnh liệt và thể hiện trong văn học kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp.

2. Lập dàn ý thuyết minh về một tác giả văn học

Dàn ý	Thuyết minh về 1 về một tác giả văn học
-------	---

Mở bài	Giới thiệu khái quát về tác giả.	
Thân bài	a. Giới thiệu về tiểu sử (Cuộc đời)	- Họ, tên thật, bút danh khác, năm sinh, năm mất, quê quán - Gia đình, trình độ học vấn, cá tính (nếu có) - Những yếu tố ảnh hưởng tới sự nghiệp văn chương (ảnh hưởng của gia đình, quê hương...)
	b. Sự nghiệp:	- Sự nghiệp chính trị (Cách mạng) – Nếu có - Sự nghiệp văn chương: + Nội dung và đề tài sáng tác. + Quan điểm nghệ thuật (sáng tác), đặc điểm phong cách. + Các chặng đường sáng tác và các tác phẩm tiêu biểu ở mỗi chặng.
	c. Vai trò, vị trí, sự đóng góp của tác giả đối với văn học, với xã hội.	
Kết bài	Thái độ, đánh giá về tác giả	Khẳng định vị trí của tác giả trong giai đoạn, thời kì văn học hay trong lòng độc giả.

Dàn bài Thuyết minh về Nam Cao

A. Mở bài

Nam Cao là nhà văn Việt Nam, người đại diện tiêu biểu của trào lưu văn học hiện thực phê phán trong thời kì phát triển cuối cùng (1940 – 1945), là một trong những cây bút tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp.

B. Thân bài

I. Cuộc đời của Nam Cao

• Sau Cách mạng, với tư cách phóng viên - Nam Cao có mặt trong đoàn quân Nam tiến, rồi lên chiến khu Việt Bắc làm công tác văn nghệ. Cuối tháng 11 năm 1951, trên đường đi công tác vào vùng địch tạm chiếm, Nam Cao anh dũng hi sinh tại làng Vũ Đại, huyện Gia Viễn, Ninh Bình, khi tài năng đang nở rộ; gần đây (1998), mộ phần của ông đã được đưa về quê hương.

Là cây bút xuất sắc của dòng văn học hiện thực (1940 - 1945), là người đi tiên phong trong việc xây dựng nền văn học mới, Nam Cao được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt 1, 1996).

• Nhìn bề ngoài, Nam Cao có phần vụng về, ít nói, lạnh lùng nhưng nội tâm thì luôn luôn sôi sục, căng thẳng.
• Nam Cao sống ân tình với người nghèo khổ, bị áp bức, khinh miệt. Ông cho rằng: không có tình thương thì không xứng đáng được gọi là Người

• Ông luôn luôn trăn trở, suy tư về bản thân và cuộc sống. Vì thế, từ những chuyện nhỏ nhặt, thường ngày, Nam Cao nêu được nhiều vấn đề xã hội lớn lao, nhiều bài học triết lý sâu sắc. Với mình thì khiêm nhường, với người thì trân trọng

II. Sự nghiệp thơ văn

1. Các đề tài và tác phẩm tiêu biểu

Trước 1945, tài năng Nam Cao kết tinh trong gần 60 truyện ngắn, một truyện vừa (Chuyện người hàng xóm), và tiểu thuyết Sống mòn. Tác phẩm của ông chủ yếu xoay quanh hai đề tài: người tri thức nghèo và nông dân bần cùng.

• Ở đề tài thứ nhất, ấn tượng hơn cả là:

- Những truyện không muốn viết (1942)
- Trăng sáng (1943)
- Đời thừa (1943)
- Quên điều độ (1943)
- Sống mòn (tiểu thuyết - 1944).

=> Nam Cao phê phán xã hội cũ giết chết tài năng, tàn phá tâm hồn nghệ sĩ. Ông cũng thể hiện thành công quá trình người trí thức tự đấu tranh, khắc phục mặt hạn chế, vươn lên giữ lối sống đẹp.

• Ở đề tài thứ hai, Nam Cao viết chừng hai mươi truyện ngắn phản ánh cuộc đời tăm tối, số phận bi thảm của người nông dân tiêu biểu là:

- Chí Phèo (1941)
- Trẻ con không được ăn thịt chó (1942).
- Lão Hạc (1943)
- Một bữa no (1943)
- Một đám cưới (1944)

=> Viết về nông dân, Nam Cao kết án đanh thép xã hội thực dân phong kiến đã huỷ hoại nhân hình, sói mòn nhân tính của những con người lương thiện.

Sau cách mạng tháng 8. Tác phẩm “Đôi mắt” của tác giả đã thể hiện một cái nhìn, một quan điểm, một sự thay đổi đối với thời cuộc, có đi nhiều tìm hiểu nhiều và quan sát nhiều mới có sự thay đổi cách nhìn cách nghĩ.

2. Quan điểm sáng tác

• Thời gian đầu lúc mới cầm bút, ông chịu ảnh hưởng của văn học lãng mạn đương thời. Dần dần nhận ra thứ văn chương đó xa lạ với đời sống lầm than của người lao động, ông đã đoạn tuyệt với nó và tìm đến con đường nghệ thuật hiện thực chủ nghĩa. Nam Cao nhận thức nghệ thuật phải gắn bó với đời sống, nhìn thẳng vào sự thật "tàn nhẫn", phải nói lên nỗi khổn khổ, cùng quẫn của nhân dân và vì họ mà lên tiếng.

• Văn chương không cần đến sự khéo tay, làm theo một cái khuôn mẫu. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có". Ông đòi hỏi nhà văn phải có lương tâm, có nhân cách xứng với nghề; và cho rằng sự cầu thả trong văn chương chẳng những là bất lương mà còn là dè tiện.

• Sau 1945, tham gia kháng chiến chống Pháp, sẵn sàng hy sinh thứ nghệ thuật cao siêu với ý nghĩ: lợi ích dân tộc là trên hết. Ông vui vẻ nhận ra “góp sức vào công việc không nghệ thuật lúc này chính là để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn”.

3. Phong cách nghệ thuật

• Đề cao con người tư tưởng, đặc biệt chú ý tới hoạt động bên trong của con người, coi đó là nguyên nhân của những hoạt động bên ngoài

- Tâm lý nhân vật trở thành trung tâm của sự chú ý, là đối tượng trực tiếp của ngòi bút Nam Cao
- Thường viết về những cái tầm thường quen thuộc trong đời sống hàng ngày
- Giọng điệu riêng, buồn thương, chua chát. Ông có phong cách nghệ thuật triết lí trữ tình sắc lạnh.

Tổng kết

• Trên đường đi công tác, ông bị quân Pháp phục kích và bắn chết vào ngày 28/11 năm 1951 (30 tháng Mười âm lịch), tại Hoàng Đan (Ninh Bình).

• Hi sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc khi mới 37 tuổi, Nam Cao chưa biết ông được tôn vinh là nhà văn lớn. Hơn nửa thế kỉ đã qua đi, tác phẩm của Nam Cao càng khẳng định giá trị hiện thực sâu sắc, tư tưởng nhân đạo cao cả và vẻ đẹp nghệ thuật điêu luyện, độc đáo.

C. Kết bài

Ông là 1 nhà văn đã đem vào suy nghĩ của mỗi con người 1 cái nhìn thương cảm cho số phận bi thảm, đau đớn và chua xót thay cho những người nông dân bần cùng trước số phận tàn ác thời phong kiến.

2. Lập dàn ý thuyết minh về một tác phẩm văn học:

Dàn ý	Thuyết minh về 1 về một tác phẩm văn học	
Mở bài	Giới thiệu khái quát về tác phẩm	Giới thiệu khái quát về vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp sáng tác của tác giả; trong văn học
Thân bài	a. . Giới thiệu đôi nét về tác giả.	- Họ, tên thật, bút danh khác, năm sinh, năm mất, quê quán - Gia đình, trình độ học vấn, cá tính (nếu có) - Những yếu tố ảnh hưởng tới sự nghiệp văn chương (ảnh hưởng của gia đình, quê hương...)
	b. Giới thiệu về tác phẩm	Giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác; hoặc xuất xứ của tác phẩm
	c. Tóm tắt nội dung tác phẩm và giới thiệu đặc điểm nổi bật của tác phẩm	- Tóm tắt cốt truyện - Đặc điểm nội dung VD: Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo. - Đặc điểm nghệ thuật

		Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm đối với tác giả, với văn học, với cuộc sống. Hoặc hạn chế
Kết bài	Thái độ, đánh giá về tác giả	Khẳng định vị trí của tác giả trong trong giai đoạn, thời kì văn học hay trong lòng độc giả.

Dàn ý thuyết minh về truyện ngắn Lão Hạc của nhà văn Nam Cao

1. Mở bài

Giới thiệu về truyện ngắn Lão Hạc và nhà văn Nam Cao

Dẫn dắt vào vấn đề cần thuyết minh

2. Thân bài

Giới thiệu tác phẩm:

Lão Hạc vì quá túng thiếu nên đã bán con chó của mình

Dù túng thiếu đến bao nhiêu Lão Hạc cũng không chịu bán mảnh vườn mà ăn khoai ăn sắn để sống qua ngày.

Sau đó, lão đã nhờ Ông Giáo giữ và ăn bả chó để tự tử

Bố cục của truyện:

Phần 1: Từ đầu đến “ông giáo ạ!”: Giới thiệu sự việc và cuộc sống Lão hạc

Phần 2: Tiếp đến “Bình Tư hiểu”: Sự việc bán chó và tình cảm của ông dành cho con chó của Lão Hạc.

Phần 3: Còn lại: Kết thúc sự việc, Lão Hạc chết đi nhưng vẫn cố gắng giữ mảnh vườn cho con.

Ý nghĩa truyện ngắn “Lão hạc”:

Tố cáo sự tàn ác, sự đối xử với người dân của chế độ thực dân và phong kiến

Ca ngợi sự vượt lên, chịu khó, và chịu thương chịu cù của người dân thời xưa

Nghệ thuật

Người kể chuyện là nhân vật "tôi" (ông giáo). Qua nhân vật "tôi" người kể chuyện (tác giả) bộc lộ cảm xúc, ý nghĩa mà mình muốn gửi gắm. Câu văn vì vậy mà thâm trầm chất trữ tình, giàu sức truyền cảm. Chất trữ tình còn được thể hiện qua lời tâm sự của nhân vật "tôi", ở những suy nghĩ có tính triết lí của tác giả: "Chao ôi! Đối với những người quanh ta...". Những câu văn trữ tình triết lí đó làm cho tác phẩm có chiều sâu cảm xúc và chiều sâu tư tưởng đặc biệt.

Cách dẫn dắt câu chuyện linh hoạt, thoải mái mà vẫn chặt chẽ, liền mạch. Chẳng hạn, mở đầu đi thẳng vào giữa truyện rồi mới ngược thời gian kể về cảnh ngộ nhân vật: từ chuyện bán chó sang chuyện anh con trai bỏ đi phu....

Cách dẫn dắt câu chuyện tưởng như lỏng lẻo mà thật ra rất chặt chẽ, tập trung.

Đặc sắc trong xây dựng nhân vật: Việc thể hiện tính cách nhân vật lão Hạc không hề đơn giản, phiến diện. Bề ngoài, lão Hạc có chút gì như lẩm cẩm, gàn dở, thậm chí như trái tính, mà kì thực đó là một con người thánh thiện, hết sức cao quý, phải nhìn thấu mới thấy được...

3. Kết bài

Khẳng định, nhìn nhận về giá trị của truyện ngắn

Liên tưởng và mở rộng vấn đề

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Tác phẩm Lão Hạc của nhà văn Nam Cao ra mắt bạn đọc năm 1943. Câu chuyện về số phận thê thảm của người nông dân Việt Nam trong bối cảnh đe dọa của nạn đói và cuộc sống cùng túng đã để lại xúc động sâu xa trong lòng độc giả. Đặc biệt, tác giả đã diễn tả tập trung vào tâm trạng nhân vật chính Lão Hạc xoay quanh việc bán chó đã giúp ta hiểu thêm tấm lòng của một người cha đáng thương, một con người có nhân cách đáng quý và một sự thực phũ phàng phủ đè lên những cuộc đời của những con người lương thiện.

Con chó cậu Vàng như cách gọi của lão là hình ảnh kỷ niệm duy nhất của đứa con. Hơn thế, cậu Vàng còn là nguồn an ủi của một ông lão cô đơn. Lão cho cậu ăn trong bát, chia sẻ thức ăn, chăm sóc, trò chuyện với cậu như với một con người. Bởi thế, cái ý định “có lẽ tôi bán con chó đấy” của lão bao lần chần chừ không thực hiện được. Nhưng rồi, cuối cùng cậu Vàng cũng đã được bán đi với giá năm đồng bạc.

Cậu Vàng bị bán đi; Có lẽ đó là quyết định khó khăn nhất đời của lão. Năm đồng bạc Đông Dương kể ra là một món tiền to, nhất là giữa buổi đói dè dặt. Nhưng lão bán cậu không phải vì tiền, bởi “gạo thì cứ kém mãi đi” mà một ngày lo “ba hào gạo” thì lão không đủ sức. Cậu Vàng trở thành gánh nặng, nhưng bán cậu rồi lão lại đau khổ dằn vò chính mình trong tâm trạng nặng trĩu.

Khoảnh khắc “lão cố làm ra vui vẻ” cũng không giấu được khuôn mặt “cười như méu và đôi mắt lão ầng ằng nước”. Nỗi đau đớn cố kìm nén của lão Hạc như cắt nghĩa cho việc làm bất đắc dĩ, khiến ông giáo là người được báo tin cũng không tránh khỏi cảm giác ái ngại cho lão. Ông giáo hiểu được tâm trạng của một con người phải bán đi con vật bầu bạn trung thành của mình. Cảm giác ân hận theo đuổi dằn vò lão tạo nên đột biến trên gương mặt: “Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém

của lão媿 như con nít. Lão hu hu khóc...”. Những suy nghĩ của một ông lão suốt đời sống lương thiện có thể làm người đọc phải chảy nước mắt theo: “Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó”. Bản chất của một con người lương thiện, tính cách của một người nông dân nghèo khổ mà nhân hậu, tình nghĩa, trung thực và giàu lòng vị tha được bộc lộ đầy đủ trong đoạn văn đầy nước mắt này. Nhưng không chỉ có vậy, lão Hạc còn trải qua những cảm giác chua chát tủi cực của một kiếp người, ý thức về thân phận của một ông lão nghèo khổ, cô đơn cũng từ liên tưởng giữa kiếp người, kiếp chó: “Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn”.

Suy cho cùng, việc bán chó cũng xuất phát từ tấm lòng của một người cha thương con và luôn lo lắng cho hạnh phúc, tương lai của con. Tấm lòng ấy đáng được trân trọng! Hiện thực thật nghiệt ngã đã dứt đứa con ra khỏi vòng tay của lão, cái đói cái nghèo lại tiếp tục cướp đi của lão người bạn cậu Vàng. Bản thân lão như bị dứt đi từng mảnh sự sống sau những biến cố, dù cho cố “cười gượng” một cách khó khăn nhưng lão dường như đã nhìn thấy trước cái chết của chính mình. Những lời gửi gắm và món tiền trao cho ông giáo giữ hộ sau lúc bán chó có ngờ đâu cũng là những lời trắng trối. Kết cục số phận của lão Hạc là cái chết được báo trước nhưng vẫn khiến mọi người bất ngờ, thương cảm. Quyết định dữ dội tìm đến cái chết bằng bả chó là giải pháp duy nhất đối với lão Hạc, để lão đứng vững trên bờ lương thiện trước vực sâu tha hoá. Kết thúc bi kịch cũng là thật sự chấm dứt những dằn vặt riêng tư của lão Hạc, nhưng để lại bao suy ngẫm về số phận những con người nghèo khổ lương thiện trong xã hội cũ.

ĐỀ CƯƠNG HỌC KÌ I

I. Phần văn:

Câu 1: Bảng thống kê các văn bản đã học:

TT	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
1	Tôi đi học	Thanh Tịnh (1911-1988)	Truyện ngắn hồi kí	Tuổi học trò sâu lắng đáng yêu cần cảm ơn công lao sinh thành của cha mẹ.	-Văn tự sự kết hợp hài hòa chặt chẽ với miêu tả và biểu cảm, làm cho truyện ngắn đậm chất trữ tình -Tài sử dụng ngôn ngữ ngắn của nhà văn với những hồi ức sâu lắng đáng yêu.
2	Trong lòng mẹ	Nguyên Hồng (1918-1982)	Tiểu thuyết tự truyện	Là bài ca chân tình cảm động về tình mẫu tử, đó là những cay đắng tủi nhục, cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn đối với người mẹ.	Phương thức tự sự và biểu cảm kết hợp với lời văn chân tình giàu cảm xúc, với những thủ pháp so sánh độc đáo.
3	Tức nước vỡ bờ	Ngô Tất Tố (1893-1954)	Tiểu thuyết	Tác phẩm đã vật trần bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân phong kiến, Vẻ đẹp của một tâm hồn đầy yêu thương, dịu dàng, chịu đựng, ngang tòn, bất khuất của người phụ nữ trước cách mạng tháng 8 tư thế là người rất đẹp của chị Dậu là ko chịu sống quỳ.	Khắc họa nhân vật rõ nét, ngôn ngữ kể chuyện miêu tả đối thoại đặc sắc.
4	Lão hạc	Nam Cao (1917-1951)	Truyện ngắn	Truyện ngắn đã thể hiện một cách chân thực và cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời truyện ngắn còn cho thấy tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.	Tạo dựng tình huống truyện bất ngờ, ngôn ngữ phù hợp với từng nhân vật, con chó vàng mang màu sắc triết lí, xây dựng nhân vật bằng miêu tả ngoại hình để bộc lộ nội tâm, tâm lí của nhân vật.
5	Cô bé bán diêm	An-đéc-xen (1805-1875)	Truyện cổ tích hiện đại	Niềm thương cảm sâu sắc đối với những con người bất hạnh, niềm tin của con người và tấm lòng nhân ái của nhà văn.	-Cách kể chuyện hấp dẫn đan xen giữa mộng tưởng và thực tế, sử dụng hình ảnh tương phản đối lập đặc sắc. -Sự kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố kể, tả, biểu cảm. -Xây dựng tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn phù hợp với tâm lí trẻ thơ.

6	Đánh nhau với cối xay gió	Xéc-van-téc (1547-1616)	Tiểu thuyết	Sử dụng tiếng cười khôi hài để điều chỉnh cái hoang tưởng, tầm thường đề cao thực tế và sự cao thượng.	Sử dụng phép tương phản trong xây dựng nhân vật.
7	Chiếc lá cuối cùng	O hen-ri (1862-1910)	Truyện ngắn	Ca ngợi tình bạn, tình người đầm ấm, tha thiết, thủy chung, trong sáng nghệ thuật chân chính phục vụ con người, hãy yêu thương trân trọng con người nhất là những con người nghèo khổ.	Xây dựng cốt truyện đơn giản, giàu kịch tính, kết cấu truyện tương phản, tình tiết hai lần đảo ngược kết thúc truyện bất ngờ, ngôn ngữ kể truyện giản dị nhẹ nhàng và sâu sắc.
8	Hai cây phong	Ai-ma- tốp (1928-2008)	Truyện ngắn	Vẻ đẹp thân thuộc cao quý của hai cây phong gắn liền với tình thương tha thiết của tác giả.	-Nhân vật kể chuyện kết hợp với hai mạch kể, gắn với hai đại từ nhân xưng là tôi và chúng tôi. -Phương thức biểu đạt kết hợp với miêu tả, nhân hóa cao độ.
9	Ôn dịch, thuốc lá	Nguyễn Khắc Viện	Văn bản nhật dụng	Nạn hút thuốc lá lây lan, gây tổn thất to lớn cho sức khỏe của con người, cho cuộc sống của gia đình và xã hội nên phải quyết tâm để chống lại nạn dịch này.	Kết hợp lập luận chặt chẽ, dẫn chứng sinh động, với thuyết minh cụ thể, phân tích trên cơ sở khoa học. Sử dụng thủ pháp so sánh để thuyết minh một cách thuyết phục một vấn đề y học có liên quan đến xã hội.
10	Bài toán dân số	Thái An	Văn bản nhật dụng	Văn bản đã nêu lên vấn đề thời sự của nhân loại, dân số và tương lai của dân tộc nhân loại.	Tác giả đã đưa ra các con số buộc người đọc phải tỉnh táo và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đang lo ngại của thế giới, nhất là những nước chậm phát triển.
11	Thông tin về ngày trái đất năm 2000		Văn bản nhật dụng	Tác hại của bao bì ni lông, lợi ích của việc hạn chế sử dụng bao bì ni lông để bảo vệ môi trường sống.	Bố cục chặt chẽ lô rích, lối lí lẽ ngắn gọn, giải thích đơn giản, kết hợp phương pháp liệt kê phân tích.
12	Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác	Phan Bội Châu (1867-1940)	Thơ thất ngôn bát cú đường luật	Vào nhà ngục ở Quảng Đông đã thể hiện phong thái ung dung, đường hoàng và khí phách kiên cường, bất khuất vượt lên trên cảnh tù ngục khốc liệt của nhà chiến sĩ yêu nước Phan Bội Châu.	Giọng điệu hào hùng có sức lôi cuốn mạnh mẽ.
13	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh (1872-1926)	Thể thơ thất ngôn bát cú đường luật	Hình tượng đẹp đẽ ngang tàn của người anh hùng cứu nước. Dù gian nan thử thách nhưng ko sờn lòng đổi chí, khí phách hiên ngang, kiên cường, ý chí, nghị lực lớn lao của người chiến sĩ cách mạng.	Hình ảnh thơ mạnh mẽ khoáng đạt, giọng thơ hào hùng, sử dụng hình ảnh đối lập.
14	Muốn làm thằng cuội	Tản Đà (1889-1939)	Thất ngôn bát cú đường luật	Bài thơ muốn làm thằng cuội của Tản Đà là tâm sự của một con người bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát ly bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng.	Sức hấp dẫn của bài thơ là ở hồn thơ lãng mạn pha chút ngông nghênh đáng yêu và ở những tìm tòi đổi mới thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật cổ điển.
15	Hai chữ nước nhà	Trần Tuấn Khải (1895-1983)	Song thất lục bát	Á Nam Trần Tuấn Khải đã mượn một câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm lớn để bộc lộ cảm xúc của mình và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào, tình cảm sâu đậm, mãnh liệt đối với nước nhà.	Sự lựa chọn thể thơ thích hợp và giọng điệu trữ tình thống nhất của tác giả đã tạo nên giá trị đoạn thơ trích.

Câu 2: Nêu điểm giống nhau và khác nhau của các tác phẩm truyện kí Việt Nam đã học năm 30-45 ?

Giống nhau:

- Thể loại: đều là văn bản tự sự, là truyện kí hiện đại
- Thời gian ra đời trước CMT8 năm: 1930-1945
- Đề tài lấy đề tài về cuộc sống và con người của xã hội thực dụng phong kiến, miêu tả số phận cực khổ của những người nghèo khổ bị vùi dập trong xã hội ấy.
- Giá trị tư tưởng: Đề cao chứa tinh thần nhân đạo cao cả (yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ của con người, tố cáo những gì tàn ác xấu xa)
- Giá trị nghệ thuật: bút pháp hiện thực, lối viết chân thực, gần gũi với đời sống, ngôn ngữ giản dị, kể chuyện và miêu tả cụ thể sinh động.
- **Khác nhau:** Mỗi tác phẩm có những điểm khác về các mặt như: thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung chủ yếu và đặc sắc nghệ thuật.

II. Phần tiếng việt:

Câu 1: Lập bảng thống kê các kiến thức đã học:

TT	Kiến thức	Khái niệm	Dấu hiệu, hình thức, chức năng	Ví dụ
1	Câu ghép	Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu	<p>*Có hai cách nối các vế câu:</p> <p>- Dùng những từ có tác dụng nối. Cụ thể:</p> <p>+ Nối bằng một quan hệ từ;</p> <p>+ Nối bằng một cặp quan hệ từ;</p> <p>+ Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).</p> <p>- Không dùng từ nối: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.</p> <p>*Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là: qh nguyên nhân, qh điều kiện (giả thiết), qh tương phản, qh tăng tiến, qh lựa chọn, qh bổ sung, qh tiếp nối, qh đồng thời, qh giải thích.</p> <p>*Mối quan hệ thường được đánh dấu bằng cặp quan hệ từ, những quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.</p>	<p>+ Mây đen kéo kính bầu trời, gió giật mạnh từng cơn.</p> <p>+ Nắng ấm, sân rộng và sạch.</p> <p>+ Giá trời không mưa thì chúng tôi sẽ đi chơi.</p> <p>+ Vì mẹ ốm nên bạn Nghĩa phải nghỉ học.</p>
2	Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ		<p>Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn (khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn) nghĩa của từ khác:</p> <p>- Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.</p> <p>- Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.</p> <p>- Một từ ngữ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có nghĩa hẹp đối với từ ngữ khác.</p>	<p>+ Xăng, dầu hoả, ga, than, củi... được bao hàm trong phạm vi nghĩa của từ "nhiên liệu".</p> <p>+ "Lúa" có nghĩa rộng hơn các từ ngữ: lúa nếp, lúa tẻ, lúa tám thơm...</p> <p>+ Lúa lại có nghĩa hẹp hơn với từ "ngũ cốc"</p>
3	Trường từ vựng	Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa		<p>+ Các từ: thầy giáo, công nhân nông dân, thầy thuốc, kỹ sư... đều có một nét nghĩa chung là: người nói chung xét về nghề nghiệp.</p>
4	Từ tượng hình, từ tượng thanh	<p>* Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.</p> <p>* Từ tượng thanh là từ</p>	Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; thường được dùng trong văn miêu tả và văn tự sự.	+ Từ tượng thanh: soạn soạt, bịch, đánh bốp, nham nhảm.

		mô phỏng âm thanh của tự nhiên của con người.		+ Từ tượng hình: rón rén, lực điền, chông queo.
5	Từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội	*Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định. * Khác với từ ngữ toàn dân, biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định	*Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phải phù hợp với tình huống giao tiếp. Trong thơ văn tác giả có thể sử dụng một số từ ngữ thuộc hai lớp từ này để tô đậm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ, tính cách nhân vật. *Muốn tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.	*Ngái_xa, chộ_thấy Mẹ_mạ, rào_sông, ... *Mợ_mẹ, trứng_điểm 0
6	Trợ từ, thán từ	*Trợ từ là những từ chuyên đi kèm với một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. *Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.	* Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt. * Thán từ gồm hai loại chính: + Thán từ bộc lộ tình cảm cảm xúc: +Thán từ gọi đáp:	*Ví dụ trợ từ: những, có, chính, đích, ngay... A, ái, ơ, ôi, ô hay, than ơi, trời ơi... Này, oi, vâng, dạ, ừ ...
7	Tình thái từ	Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.	*Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý như sau: -Tình thái từ nghi vấn: -Tình thái từ cầu khiến: -Tình thái từ cảm thán: -Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: *Khi nói khi viết cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm...)	À, ư, hử, chứ, chẳng... Đi, nào, với... Thay, sao... A, nhé, cơ, mà...
8	Nói quá	Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.		+Bọn giặc hoảng hồn vắt chân lên cổ mà chạy. +Cô Nam tính tình xởi lởi, ruột dễ ngoài da.
9	Nói giảm, nói tránh	Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.		+ "Chị ấy xấu" có thể thay bằng "Chị ấy không đẹp lắm". + "Anh ấy hát dở" có thể thay bằng "Anh ấy hát chưa hay" +"Ông ấy sắp chết" có thể thay bằng " Ông ấy chỉ nay mai thôi"
10	Dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm	*Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm) *Dấu hai chấm dùng để: -Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó. -Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang).		*Ví dụ: Lí Bạch (701-762) +Vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi: hôm nay tôi đi học. +Người xưa có câu: “trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”
11	Dấu ngoặc kép	Dấu ngoặc kép dùng để: -Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp;		-“A, lão già tẻ lắm”

	-Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai; -Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.	-Cầu Long Biên như một “giải lụa”. -Tác phẩm “Tắt Đèn” của “Ngô Tất Tố”
--	---	--

III. Phần tập làm văn:

1. Lý thuyết:

Câu 1: *Nêu tính thống nhất về chủ đề của văn bản?*

-Chủ đề là đối tượng và vấn đề chính mà văn bản muốn biểu đạt.

-Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi chỉ biểu đạt chủ đề đã xác định, không rời xa hay lạc sang chủ đề khác.

Câu 2: *Bố cục của văn bản?*

-Bố cục của văn bản là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề. Văn bản thường có bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

+ Mở bài: giới thiệu nội dung sẽ triển khai, dẫn dắt người đọc nhập cuộc;

+ Thân bài: triển khai nội dung đã giới thiệu ở mở bài, giải quyết nhiệm vụ đã đặt ra;

+ Kết bài: khẳng định và nâng cao vấn đề đã trình bày ở phần nội dung.

Câu 3: *Thế nào là liên kết các đoạn văn trong văn bản?*

-Khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác cần sử dụng các phương tiện liên kết để thể hiện quan hệ ý nghĩa của chúng

Câu 4: *Nêu khái niệm về đoạn văn trong văn bản, từ ngữ chủ đề và câu chủ đề?*

-Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành.

-Từ ngữ chủ đề là các từ ngữ được dùng làm đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.

-Câu chủ đề mang nội dung khái quát, lời lẽ ngắn gọn thường đứng đầu hoặc cuối đoạn văn.

Câu 5: *Tóm tắt văn bản tự sự và các bước tóm tắt?*

-Tóm tắt văn bản tự sự là dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính (bao gồm sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của văn bản đó.

-Các bước tóm tắt văn bản tự sự:

B1: Đọc kĩ văn bản gốc, chọn các sự việc cơ bản xảy ra với nhân vật chính và diễn biến của các sự việc đó.

B2: Tóm tắt rõ các hành động, lời nói, tâm trạng của nhân vật theo diễn biến của cốt truyện (một vài chỗ có thể kết hợp dẫn nguyên văn một số từ ngữ, câu văn trong văn bản gốc).

Câu 6: Văn bản tự sự có yếu tố miêu tả, biểu cảm.

-Trong văn bản tự sự rất ít khi tác giả chỉ thuần kể người, kể việc (kể chuyện) mà khi kể thường đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

-Các yếu tố miêu tả biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn.

Câu 7: *Thế nào là văn thuyết minh?*

-Văn thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

Câu 8: *Các phương pháp thuyết minh thường gặp?*

Để bài văn thuyết minh có sức thuyết phục, dễ hiểu, rõ ràng, người ta có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp thuyết minh như: nêu định nghĩa, giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân tích, phân loại,...

Câu 9: *Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh?*

-Đề văn thuyết minh nêu các đối tượng để người làm bài trình bày tri thức về chúng.

-Để làm bài văn thuyết minh cần tìm hiểu kĩ đối tượng thuyết minh, xác định rõ phạm vi tri thức về đối tượng đó, sử dụng phương pháp thuyết minh thích hợp, ngôn ngữ chính xác, dễ hiểu.

-Bố cục bài văn thuyết minh gồm có ba phần;

MB: giới thiệu đối tượng thuyết minh.

TB: trình bày cấu tạo, các đặc điểm, lợi ích,... của đối tượng.

KB: bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

Câu 10: *Cách thuyết minh về một thể loại văn học?*

Trước hết phải quan sát nhận xét sau đó khái quát thành những đặc điểm.

Khi nêu các đặc điểm cần lựa chọn các đặc điểm tiêu biểu quan trọng và cần có các ví dụ cụ thể để làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.

